

TÂM THỨC ISRAEL

TÍNH CÁCH DÂN TỘC ISRAEL
ĐÃ ĐỊNH HÌNH THẾ GIỚI CỦA
CHÚNG TA NHƯ THẾ NÀO?



ALON GRATCH

Quế Chi dịch

Dành tặng
mẹ Hay Gratch
và cha Abraham Gratch đã khuất
Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Rabbi bước lên bục. Ông ban phúc lành và cầu nguyện cho cậu bé trong lễ trưởng thành⁽¹⁾, chính là con trai tôi. Rồi, khi đã mời các thành viên trong giáo đoàn an tọa, ông bắt đầu thuyết một bài về việc quân đội của Israel vừa đánh thọc vào dải Gaza. Sau khi giải thích và biện hộ cho hành động ấy của Israel, ông kết luận với một giọng đầy cảm xúc, khẳng định rằng cuộc chiến tranh Trung Đông năm 1967 là thời khắc huy hoàng nhất của Israel.

Đúng khoảnh khắc đó, một vị khách mời của lễ trưởng thành, một doanh nhân người Israel đang vào tuổi ngũ tuần, đứng dậy. “Rabbi,” ông nói rất nghiêm túc, “Con phản đối những nhận định này!”

Bầu không khí im lặng bao trùm cả giáo đường thênh thang, lộng lẫy. Chẳng hề bối rối, Rabbi đáp lại một cách đầy tôn trọng, “Bạn của tôi, tại sao hai ta không bàn về chuyện đó sau buổi lễ nhỉ.”

Nhưng ông ta, ngồi ngay đằng sau vợ tôi và tôi, và tình cờ lại là anh tôi, đáp trả, “Không thưa Rabbi, con muốn nói với cả giáo đoàn đây.”

“Xin thứ lỗi, ta không thể để con làm chuyện đó được.”

“Con chỉ muốn nói một từ thôi,” anh tôi nài nỉ.

Khi đang chờ *xem* từ đó có thể là gì thì tôi nghe thấy vợ mình – một người Mỹ nổi bật với vẻ lịch duyệt và duyên dáng – nhảu nhó quát vào mặt anh ấy, “Ariel, nếu anh không thôi ngay đi thì anh sẽ chết với em!”

Chẳng hề nao núng, Ariel cự lại, “Có vài thứ đáng để chết vì nó.”

Nhưng anh ấy đã nghe theo, anh ngồi xuống để buổi lễ được tiếp tục. Lúc này, bạn chỉ có thể biết được là anh trai tôi ngoài cái tên thì chẳng có gì giống với cựu thủ tướng Israel đã đem quân tiến vào dải Gaza. Tất nhiên ngoại trừ một điều, cả hai đều là người Israel.

Tôi ngờ rằng đây là lần đầu tiên, Rabbi cũng như toàn thể giáo đoàn này, những người sống bình yên ở khu ngoại ô cao ráo ngay phía bắc thành phố New York, phải chạm trán với một cuộc chất vấn như thế này. Thế nào cũng có câu chuyện lúc trà dư tửu hậu sôi nổi sau buổi lễ, khi những hân hoan của buổi lễ lạt đã trở lại câu lạc bộ kiểu thôn dã yên bình bên bờ sông cách đây một vài dặm. Nhưng ở đâu cũng vậy, cho dù đó có là một chốn thượng lưu của đám nhà giàu, tâm thức Israel vẫn tự mình hiện diện.

Có lẽ vì vợ tôi và tôi đều là những nhà tâm lý học, hoặc đơn giản chúng tôi không phải là những con người của tôn giáo, nên buổi lễ kỷ niệm trưởng thành của con trai chúng tôi không theo nghi lễ chuẩn mực. Bên cạnh nhiều thủ tục khác, chúng tôi đã nhờ bảy người đàn ông có vai trò quan trọng trong đời sống gia đình phát biểu trước đông đủ mọi người mấy lời khuyên về việc trở thành một người đàn ông, vì một lễ trưởng thành đòi hỏi phải làm thế. Chúng tôi chọn bố vợ tôi, hai anh trai tôi, ba người bạn thân thiết của gia đình cùng cha tôi, và chúng tôi đã dặn dò họ khá cụ thể. Bố vợ tôi và ba người bạn Mỹ kia đã làm theo đúng hướng dẫn. Họ học thuộc lòng những lời khuyên xúc động, hài hước, và chân thành cởi mở đối với lớp trẻ trong tờ giấy.

Bạn đã gặp một trong những ông anh của tôi, Ariel, rồi đấy. Anh ấy đã khuyên nhủ thằng bé, chẳng trật phom tí nào, rằng “hãy luôn đi theo tiếng gọi của lòng can đảm”. Nhưng bây giờ đến lượt người anh khác của tôi đi theo lòng can đảm của anh ấy, hoặc chính xác hơn, là bước theo nhịp quân hành của riêng mình. Đến lượt mình, Eli tự hào tuyên bố rằng anh ấy chẳng chuẩn bị gì cả. Anh ấy nồng nhiệt chúc mừng con trai tôi rời ngôi xuống. Khác với Ariel, anh ấy không đưa ra một phát ngôn chính trị nào, nhưng làm sao nó lại có thể nằm ngoài tiết mục của anh ấy được cơ chứ. Anh lớn hơn tôi 10 tuổi, năm 1969, khi 21 tuổi, anh vận động cho ứng cử viên cánh tả trung thành của Israel, Menachem Begin, và quản lý một trong những văn phòng ở Jerusalem của ông ta. Chẳng bao lâu sau, anh đổi họ từ Gratch sang Gadot. Việc này không liên quan gì đến việc nhiều người Israel thường làm là Hebrew hóa họ châu Âu của mình để cho hợp với một lý tưởng người Do Thái Israel mới. Mà đây là cách thể hiện cá nhân tình yêu của mình với một Israel vĩ đại hơn, Eli đã chọn một họ được dịch thành “đôi bờ”, ám chỉ cả hai bờ sông Jordan. Nó xuất phát từ trường phái xét lại Chủ nghĩa Phục quốc Do Thái cánh hữu, cho rằng không chỉ Bờ Tây, mà còn cả phần còn lại của Palestine cổ, bao gồm lãnh thổ của nhà nước chủ quyền Jordan, cũng thuộc lãnh thổ của Israel. Nhiều năm sau, khi đã kết hôn và truyền lại họ ấy cho những đứa con mình, quý ngài Gadot đã hoàn toàn thay đổi quan điểm, chuyển sang phe cực tả, chấp nhận Bờ Tây và thậm chí cả Đông Jerusalem thuộc về người Palestine. Nhưng hiện tại anh ấy và con cháu có cùng khuynh hướng chính trị lại chẳng đổi được cái họ Gadot.

Bây giờ, danh sách đã đến lượt người phát biểu cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng – hay nói chính xác hơn thì người đó đã chẳng đến – đó là cha tôi. Trước đó, ông nói với tôi rằng ông sẽ kể câu chuyện từ hồi lễ trưởng thành của chính ông, câu chuyện mà tôi sắp kể đây. Ngay trước khi ông được sinh ra ở vùng đất Palestine vào năm 1918, còn đang nằm dưới sự cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ, cha của ông đã bị trục xuất đến Syria vì, không muốn cầm súng chống lại quân Đồng minh trong Thế chiến I, ông đã trốn quân dịch nhằm tăng cường cho quân Thổ Nhĩ Kỳ. Bởi vậy ông nội đã không thể tham dự Lễ cắt bì của cha, một nghi lễ tôn giáo bắt buộc đầu dành cho các bé trai người Do Thái. Nhưng khi đó, ở Damascus, ông đã thề rằng dù thế nào ông cũng nhất định phải làm lễ trưởng thành cho con trai mình. Ông nội đã làm, và trong lễ ấy, ông kể cho cha nghe toàn bộ câu chuyện này. Cha tôi đã nói với tôi: “Bây giờ khi ta đến lễ cắt bì của con trai con – cháu trai nhỏ tuổi nhất của ta, ta thề là sẽ đến lễ trưởng thành của nó, để theo trọn chu trình này.” Cha đã định bay từ Jerusalem đến New York ở cái tuổi 87, và chuẩn bị để kể câu chuyện này. Nhưng sau đó cha nói chuyện đó với mẹ, rõ ràng là bà phản đối, bà lý luận rằng câu chuyện ấy chẳng đâu vào đâu trong lễ trưởng thành của con trai tôi và bởi vậy chẳng nên kể chút nào. Vậy nên mặc cho tôi cố thuyết phục đến đâu, cha tôi cũng quyết định không phát biểu gì. Thay vào đó, mẹ tôi giúp ông viết một vài lời thích hợp kiểu giáo huấn về tuổi trưởng thành cho con trai tôi, mà ông cứ thế mà đọc. Nhưng trong buổi lễ, sau khi sáu người đã phát biểu và vợ tôi giới thiệu cha tôi đã sống sót qua năm cuộc chiến tranh và một cuộc hôn nhân 58 năm, mẹ tôi đứng dậy và bước đến bục. Bà giải thích rằng cha tôi cảm thấy không được khỏe và bà sẽ đọc bài phát biểu của “ông”.

Để bạn khỏi nghĩ rằng mẹ tôi là một người khác thường và chỉ có đàn ông trong gia đình tôi mới “đi theo lòng can đảm của mình” hay bước theo bất cứ nhịp quân hành nào phát ra từ trái tim dũng cảm ấy, một người chị dâu của tôi đã tuyên bố rằng sẽ quyết không trùm bất cứ cái “giẻ rách” nào lên đầu như Hội đoàn Do Thái yêu cầu, và một cháu gái họ của tôi đã nói với con trai tôi rằng nó chẳng tin vào Thiên Chúa và bởi thế cho nên sẽ không chấp nhận vinh dự mở chiếc rương, và tương tự, tại sao thằng bé con tôi lại chịu đựng từ đầu tới cuối cái trò vớ vẩn này nếu nó, như lời nó đáp lại chị họ, cũng chẳng tin vào Thiên Chúa...?

Tôi là nhà tâm lý học lâm sàng, tôi viết sách và sống tại New York. Tôi được sinh ra và lớn lên ở Jerusalem, là con thứ ba và là con trai út trong một gia đình với gốc gác không bình thường ở Đất Thánh. Một trong những kỷ niệm ấu thơ mạnh mẽ nhất của tôi là vào buổi sáng ngày 5 tháng 6 năm 1967. Lúc đó tôi học lớp 4, con đường đến trường, tôi đang lên dốc chỗ đường Ussishkin – đặt theo tên của một lãnh tụ Phục quốc Do Thái gốc Nga vào buổi ban đầu – thì tiếng còi hụ lên ầm ĩ. Nó không kéo một hồi dài liên tục như là tín hiệu cho một phút mặc liệm theo đúng kiểu của những ngày Holocaust⁽²⁾ và dịp tưởng niệm những nạn nhân cuộc Đại thảm sát, mà đúng hơn là một hồi còi hụ lên hụ xuống liên tiếp, tín hiệu báo chiến tranh. Tôi dừng lại nhìn quanh. Rất nhiều người đi đường khác cũng làm y thế. Rồi, như thế đã ngấm ngấm nhất trí với nhau, chẳng ai bảo ai, chúng tôi đều cho đó là tín hiệu báo động lăm hoặc chỉ là một cuộc tập trận khác. Tôi tiếp tục bước đi. Nhưng khi tôi đến trường, hóa ra đó là còi báo động thật. Chiến tranh đã xảy ra, và lũ lĩ khoảng 400 đứa trẻ chúng tôi được tập trung tại phòng gym ở tầng trệt để chờ bố mẹ đến đón về. Trưa, ngoại trừ tôi và một đứa bạn sống ở bên kia đường, tất cả trẻ con đều đã được đón, giáo viên của chúng tôi đã nhóm hai đứa lại và bảo chúng tôi cùng nhau tự đi bộ về. Khoảng 15 phút sau, khi đã đi được nửa đường, chúng tôi bắt đầu nghe thấy những tiếng nổ. Hàng loạt tiếng súng cối ù ùng bị ngắt quãng bởi những tiếng súng bán tự động dội lại từ đằng xa. Chúng tôi biết rằng chỉ cách con đường của chúng tôi một hai tòa nhà, ở Thung lũng Thập giá, nằm ở bên dưới Bảo tàng Israel, Lực lượng quốc phòng Israel đã đóng chốt một đơn vị pháo binh được nguy trang. Chúng tôi cũng biết rằng ngôi nhà của thủ tướng, cũng ở gần đó, có thể là mục tiêu nã pháo của quân Jordan. Dù thế nào cha tôi cũng đã quyết lao vào ô tô, tức tốc từ nơi làm việc về nhà, vừa lúc tôi và bạn đến được tòa nhà của chúng tôi – lúc này ông bảo tôi cùng bạn đi đến cửa hàng tạp hóa ở góc đường. Ngay sau khi chúng tôi mua thực phẩm dự trữ cho nhiều ngày thì hai cha con tôi tụ tập cùng với những người hàng xóm trong một căn hầm nhỏ của tòa nhà chung cư 5 tầng của chúng tôi. Một vài người hàng xóm cũng từng người từng người lần lượt lách vào căn hầm, cửa hầm đang được vài người chống đỡ với một bức tường làm bằng những bao cát chất lên.

Suốt đêm, pháo liên tục nã và tòa nhà kế bên hứng trọn một quả, nó run rẩy rồi những ô cửa sổ vỡ tan tành bắn vào tòa nhà chúng tôi. Sáng hôm sau, tiếng pháo đã ngớt, cha mẹ tôi bàn nhau chuyển từ căn hầm tới một căn hộ hai tầng bỏ trống của một người hàng xóm. Chúng tôi đang sống trên tầng ba và cha mẹ tôi có lẽ đã nghĩ rằng tầng hai thì an toàn hơn.

“Sao nhà mình không ở lại đây?” tôi hỏi.

“Gì cơ, con sợ à?” mẹ tôi đáp.

Sau này, tôi mới nhận ra rằng lúc đó mẹ cố gắng an ủi và trấn an tinh thần tôi bằng cách xua đuổi có phần ngạc nhiên và gần như là khinh thường nỗi sợ hãi tưởng tượng của tôi. Thật lạ lùng là suốt cả ngày hôm đó, tôi chẳng cảm thấy sợ sệt chút nào. Nếu tôi nhớ không lầm thì việc tôi gợi ý ở lại căn hầm có lẽ cũng na ná như việc các ông bố bà mẹ cho rằng trong một ngày trời lạnh mà mặc áo len chui cổ, áo khoác và đội mũ cho đứa con bé bỏng của mình thì thật là bất thường. Ngày tiếp theo với tôi vẫn qua đi với cùng một thái độ đầy lý trí như

vậy, và có lẽ cùng với một niềm lâng lâng tự hào nào đó khi chúng tôi ló mặt ra khỏi căn hầm và ra đường để quan sát những chiếc máy bay phản lực của quân đội Israel đánh bom một ngôi làng người Palestine hoặc một vị trí quân sự của Jordan cách một vài dặm ở Bờ Tây. Còn với mẹ, nhiều năm sau tôi mới hiểu cảm giác của mẹ lần ấy khi bà kể cho tôi nghe về hồi bà ở Jerusalem, lúc đó đang trong vòng vây hãm của cuộc chiến tranh Ả Rập – Israel năm 1948, hoặc hồi Chiến tranh giành độc lập của Israel. Một người mẹ trẻ mới 23 tuổi, với khẩu phần lương thực eo hẹp tùy ý sử dụng, phải bòn nhặt xung quanh chỗ ở *xem* có thứ gì để nuôi sống đứa con một tuổi đang đòi ăn, chính là anh cả tôi. Bà thấy một người đàn bà gần đó nuôi gà ở sân sau, thành ra họ đổi một hộp cá sardin lấy mấy quả trứng gà. Giữa lúc đạn pháo đang nổ rầm trời thì mẹ ôm mấy quả trứng về nhà, nâng niu nó còn hơn cả mạng sống của bản thân. Một kỷ niệm cũng tương tự, chỉ mấy tháng trước, cha tôi nhớ lại lúc ông giống như một người lính bộ binh thuộc một trong những lực lượng an ninh tiền nhà nước Do Thái, phải đối mặt với một đơn vị pháo của Anh đang nhắm vào một mảng tường vôi vữa cách chỗ ông chỉ đúng 50 yard⁽³⁾. Nói cách khác, đối với cha mẹ tôi, cảm thương với nỗi sợ hãi từ lâu đã là một việc làm xa xỉ mà họ không thể làm nổi.

Không biết nên vui hay buồn, nhưng trong lịch sử gia đình tôi, những câu chuyện bi tráng kiểu này chẳng phải là biệt lệ. Và những trường hợp bi kịch đặc biệt này – và cả những tổn thương nặng nề – mà gia đình đã phải hứng chịu trong suốt chiều dài hai thế kỷ, cùng với những chuyện như thế đã đi vào tích truyện ngụ ngôn rắn đòi đặc trưng của gia đình, đã được đan dệt tinh vi phức tạp vào câu chuyện về Do Thái và Chủ nghĩa Phục quốc Do Thái, những câu chuyện đã nâng cao tính cách dân tộc của người Israel. Từ các shtetls⁽⁴⁾ ở Đông Âu, qua những thành phố thánh là Safed và Jerusalem, cho đến các bờ biển của Bắc Mỹ, với những mất mát và gượng dậy tại mỗi khúc quanh của lịch sử, gia đình tôi lúc nào cũng đóng góp cho nó những con người mộ đạo và những kẻ nổi loạn trường kỳ, những bậc anh tài tự phong và tự tay làm nên cơ đồ, những kẻ mộng mơ, những kẻ mưu lược, những kẻ bùa phép và những kẻ lang băm, những chiến sĩ chiến đấu vì tự do, những kẻ khủng bố và những tù nhân chiến tranh, những người bán rong vật vãnh và những doanh nhân, và tất nhiên, những người đàn ông và đàn bà bình thường trong một mạng lưới lịch sử với đầy những va chạm và dịch chuyển của thực tế. Rồi bạn sẽ thấy, lịch sử gia đình này không chỉ hình thành nên rồi truyền đạt cho người viết, mà nó còn minh họa và báo trước những phức tạp và mâu thuẫn của cuộc sống tại đất nước Israel đương thời.

Mẹ tôi thuộc thế hệ thứ sáu của một gia đình Do Thái tại Thành Cổ Jerusalem. Tổ tiên bên ngoại của mẹ là những môn đệ của “Thiên tài thành Vilna”, một rabbi chính thống giáo, người Ba Lan – Lithuania của thế kỷ 18 và là học giả khuyến khích học trò mình hành hương về Đất Thánh và học kinh Torah ở đó. Những kẻ hành hương tôn giáo này không phải là những người Phục quốc Do Thái. Thực tế, một số con cháu của họ là thành viên của hội bài Zion Neturei Karta, hay còn gọi là giáo phái Những người giữ thành (Guardians of City). Giống như cộng đồng chính thống cực đoan lớn hơn ở Palestine cùng thời, nhóm Do Thái tuy nhỏ nhưng ồn ào này tin rằng chỉ có Messiah⁽⁵⁾ mới có thể khôi phục được chủ quyền của người Do Thái tại Jerusalem. Nhưng không giống với nhóm lớn hơn, sau khi thành lập nhà nước Do Thái, nó đã tự tách ra để tìm cách sáp nhập chiến lược với các nhóm khủng bố người Palestine và sau này là với những quan chức người Iran cực nguy hiểm chống lại người Israel. Một trong những người thành lập và là lãnh tụ sau cùng của giáo phái này là một người cháu họ của bà ngoại tôi.

Tuy nhiên, phần lớn học trò của Thiên tài này đều không dính dáng gì đến chính trị, và người cháu trai của một trong những học trò này là ông ngoại của mẹ tôi. Là một sinh viên chăm chỉ chuyên ngành tôn giáo và tự học về kiến trúc, cụ đã thiết kế trần của một trong những giáo đường Do Thái lớn nhất ở Jerusalem, và nhiều thứ khác nữa. Cụ cũng là một kỳ

thủ huyền thoại ở địa phương, từng chơi và đánh bại một đối thủ nặng ký trong một ván cá cược tiền để trang trải chi phí phẫu thuật ở nước ngoài cho một trong những người con của cụ. Bà ngoại tôi là con út trong số 11 anh chị em, sáu người chết từ hồi còn bé. Trong số năm người còn lại, ba trai hai gái, chỉ hai người con gái là còn sống đến ngoài 20 hoặc 30 tuổi. Như mẹ tôi kể: “Hồi đó, ở Palestine chẳng có thuốc men hay bác sĩ gì cả.”

Ông nội của mẹ tôi, cũng là một người chính thống cực đoan, ngay từ khi còn là một đứa trẻ đã rời Nga đến Palestine. Cả gia đình cụ cũng định cư ở Thành Cổ Jerusalem, và ngày còn thanh niên, cụ mở một xưởng rượu vang nhỏ ở đó. Để tránh bị sung vào quân đội Thổ Nhĩ Kỳ trong suốt Thế chiến I, cụ bỏ thành phố và sống ở bên ngoài thành, mở một cửa hàng tạp hóa, dần dần chỗ này được biết đến với cái tên Tây Jerusalem. Cụ bà mất khi con trai cụ, ông ngoại tôi, mới 17 tuổi. Vì ông ngoại không hợp với mẹ kế, nên ông bỏ nhà đi năm 17 tuổi. Ông học làm thầy giáo nhưng cuối cùng lại làm quản lý cho một chi nhánh ngân hàng. Ông kết hôn với bà ngoại tôi thông qua mai mối. Ông có hai anh chị em cùng cha cùng mẹ và bốn người cùng cha khác mẹ. Chị của ông kết hôn với một người trong gia đình Yehoshua Stampfer, một thành viên Zion có vai vế từ buổi đầu của phong trào, một trong những thành viên sáng lập nên Petah Tikva vào năm 1878, đó là thành phố mới đầu tiên của người Do Thái ở Palestine. Em trai cùng cha khác mẹ của ông, Meir Feinstein, là thành viên của Irgun, một tổ chức vũ trang ngầm chiến đấu để hất quân đội Anh ra khỏi Palestine sau khi Anh giành giật với Thổ Nhĩ Kỳ quyền kiểm soát mảnh đất này sau cuộc Đại chiến. Năm 1946, chàng trai Meir vừa mới 19 tuổi, tham gia một kế hoạch của Irgun, âm mưu đánh bom một nhà ga xe lửa tại Jerusalem dành cho binh lính Anh. Anh ta cụt mất một tay trong trận đó và phải rút lui, nhưng cảnh sát Anh đã theo vết máu và truy đuổi anh cùng kẻ đồng mưu. Họ bị đem ra xét xử và bị kết án treo cổ. Phủ nhận quyền cai trị của Anh trên mảnh đất Palestine, Meir từ chối quyền được có đại diện pháp lý và quyết không ký vào đơn kháng án. Khi đến thăm anh ở khu xà lim tử tù, bạn gái đã tuồn cho anh hai quả lựu đạn giấu trong hai quả cam rỗng ruột. Kế hoạch của các tù nhân là dùng một quả tấn công kẻ hành hình và quả kia để tự sát. Nhưng khi họ biết rằng rabbi của nhà tù ấy cũng sẽ tham dự buổi hành hình, họ thay đổi kế hoạch và, chỉ vài giờ trước buổi hành quyết, họ tự làm mình tan xác trong xà lim. Khi luật sư của Meir gọi điện cho cha tôi để thông báo tin tức – ông bà tôi chưa có điện thoại – ông nội tự nhủ rằng thà để Meir chết bởi chính bàn tay của ông ấy còn hơn là của những kẻ cầm quyền bất hợp pháp. Những người anh chị em cùng cha khác mẹ khác của ông nội tôi cũng chết khi còn trẻ, và tất cả đều trong những bi kịch thương tâm.

Khi còn là đôi vợ chồng son, ông bà ngoại của tôi sống ở Khu phố Do Thái trong thành cổ. Vào đêm đầu tiên của Lễ Vượt Qua⁽⁶⁾ năm 1920, giữa khuya khoắt, họ bị tiếng hô *Itbach al yahood*, nghĩa là “Giết chết lũ Do”, đánh thức và tiếng ồn của những đám đông dân Ả Rập bầu lại bên ngoài cửa sổ của họ. Sự việc đó xảy ra sau Tuyên bố Balfour⁽⁷⁾, mà chính phủ Anh tuyên bố họ có ý đồ dọn đường cho việc thành lập một nhà nước quê hương cho người Do Thái ở Palestine. Cũng chỉ cần một thời gian ngắn sau khi lãnh đạo Zion cánh hữu Ze'ev Jabotinsky đến Jerusalem và bắt đầu huấn luyện cho những người Do Thái ở đó cách cầm súng. Tất cả điều này đã góp phần gây thù hận trong lòng người Ả Rập đối với sự hiện diện của người Do Thái trên mảnh đất này. Mặc dù vậy, sẩm tối hôm đó, lại có một sự việc khác diễn ra trên mảnh đất này, ông bà tôi từ buổi lễ trở về, phải đứng ở ngoài cổng, sân trong đang khóa kín, những người bán hàng người Ả Rập đã mời họ vào nhà uống cốc cà phê và ăn chút bánh. Tuy nhiên, vì đang trong kỳ ăn kiêng nên họ không thể nhận lời mời đó được. Ngay trước bình minh, khi mối đe dọa từ đám đông tăng lên, cảnh sát Anh mới được gọi tới và tất cả những người Do Thái trong địa phận ấy đều bị giải tỏa. Bởi vậy, ông bà tôi bị buộc rời khỏi nhà mình với hai bàn tay trắng, theo đúng nghĩa đen, và họ buộc phải bắt đầu một cuộc sống mới ở khu dân sinh Tây Jerusalem mới mọc.

Chính nơi đây, mẹ và cậu tôi đã ra đời. Sau khi sinh cậu tôi, bà ngoại phải vật lộn với tình trạng không sinh thêm được nữa. Nhiều năm sau, bác sĩ phụ khoa chữa trị cho bà bằng những mũi kháng sinh ăn cắp được từ nơi cấp thuốc cho bệnh viện chỉ dành riêng cho binh lính Anh. Việc điều trị hóa ra lại cứu được bà thoát khỏi căn bệnh viêm tử cung, nhưng đến lúc đó thì bà ngoại tôi đã quá già để có thể sinh thêm con. Năm 1947, ngay trước khi Israel giành được độc lập, cậu tôi lúc đó 22 tuổi, đứng trong hàng ngũ của lực lượng phòng vệ hạt nhân của Israel tại Palestine, Haganah, cậu tham gia kế hoạch đột nhập vào Thành Cổ và hỗ trợ những người Do Thái bị cô lập và đang sống trong thối nát. Vừa mới chui ra từ một đường hầm mà trước đó họ đã đào để tránh đạn súng của kẻ thù từ trong những bức tường thành, cậu tôi và những người đồng chí đã bị quân Jordan tinh nhuệ hơn phát hiện và bắt bớ. Cậu tôi bị đưa tới Aman, vùng Transjordan, Jordan hiện nay, và trở thành tù binh chiến tranh ở đó 9 tháng. Người anh em họ thứ hai hay thứ ba gì đó của mẹ tôi cũng ở cùng trại tù binh với cậu. Có lần trong suốt thời gian đó, cha mẹ của người cậu họ này – ông là giáo trưởng của Kotel, hay bức tường Phía Tây, bức tường Than khóc – bị chết trong một cuộc ném bom khủng bố ở Jerusalem. Cậu tôi và người anh em họ đó được phóng thích và trở về nhà nhờ có cuộc trao đổi tù binh trong thời gian hưu chiến của chiến tranh năm 1948 tiếp đó.

Về phía đằng ngoại của cha tôi, ông là hậu duệ những môn đệ của Thiên tài thành Vilna, mặc dù nhóm này định cư ngoài Jerusalem xa về phía bắc, trong thành phố Safed linh thiêng. Khi người ta tìm thấy giữa đồng đất đá núi lửa ngổn ngang bởi một trận động đất nhấn vùi hầu hết thị trấn và giết hại toàn bộ gia đình, kị bà của cha tôi mới có 3 hay 4 tuổi gì đó. Phía đằng nội, ông nội của cha tôi là con trai lãnh tụ cộng đồng tôn giáo trong một thị trấn nhỏ tại biên giới giữa Nga và Ba Lan. Trong suốt thập niên 1880, một loạt những cuộc pogrom⁽⁸⁾ ở những địa phận người Do Thái bắt đầu ngừng lại. Trong khi hai trong số các anh chị em của ông đến Mỹ nhập cư, thì ông nội tôi, lúc đó mới chỉ là thiếu niên, lại đi theo tiếng gọi của phong trào Phục quốc Do Thái. Lúc rời gia đình, ông mới 15 tuổi và đã nhập đoàn với một gia đình khác trên đường đến Palestine, rồi định cư ở Jerusalem. Vài năm sau, cụ tôi cũng đi theo con đường đó. Khi đã ổn định ở Palestine, cụ tôi nuôi gia đình bằng cách ra nước ngoài quyên góp từ thiện cho những gia đình Do Thái ở Jerusalem. Bằng tiền cụ ông kiếm được, cụ bà mua một căn nhà và một cửa hàng tạp hóa bán hàng cho toàn bộ khu đó. Cha tôi vẫn thường kể một câu chuyện là cụ bà đã rất kinh ngạc khi khám phá ra rằng một thùng dầu ăn bán lẻ của cụ chẳng bao giờ cạn. “Thật nhiệm màu,” nhiều năm trời cụ vẫn thường nói như vậy. Khi cha tôi hỏi cụ ông, ông biết được rằng cụ ông đã giấu cụ bà, nhờ một người bạn chuyên nhập dầu bí mật đổ đầy thùng dầu mỗi khi cụ bà ra ngoài.

Như đã nói từ trước, ông tôi bị trục xuất tới Syria sau khi trốn đi quân dịch cho quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng câu chuyện thì phức tạp hơn thế. Trước khi bị trục xuất, ông ẩn mình trong gác mái của giáo đường trong hai năm để tránh quân quyền Ottoman. Sau đó để chắc chắn, ông làm hộ chiếu Mỹ thông qua sự giúp đỡ của một lãnh sự thân thiện tại lãnh sự quán Mỹ ở Jerusalem. Nhưng ông không hề biết rằng khi người Mỹ tham gia Thế chiến I chiến đấu chống lại Thổ Nhĩ Kỳ, thì ông sẽ lại một lần nữa bị nhà cầm quyền Thổ Nhĩ Kỳ truy bắt, lần này là vì ông là một công dân Mỹ. Khi bị bắt, ông bị đối xử như tù nhân chiến tranh, tức là chỉ bị trục xuất. Một người cũng trốn lính như ông cùng bị bắt với ông thì kém may mắn hơn: ông ta bị xử treo cổ.

Cha tôi có tám anh chị em. Một người chết từ khi lên tám, một người nữa chết lúc 27 tuổi. Một người họ hàng gần, một người anh họ, là phi công cho Không lực Nga. Bác họ sinh khi chiến đấu trong Thế chiến II. Sau đó, vào cuối thập niên 1960, cả nhà bác cả rời Israel đến Canada. Vào lúc ấy, bỏ Israel – thường xuyên và chính thức được coi là yerida, ngược với aliyah có nghĩa là quay lưng, một từ vẫn được dùng để chỉ người Do Thái từ Diaspora⁽⁹⁾ đến

định cư ở Israel – bị hiểu như một kẻ phản bội, bởi vậy ông nội tôi phản đối nhà bác. Ông không nói chuyện với bác tôi trong 7 năm rồi mới chịu làm lành. Mặc dù là người chính thống cực đoan, nhưng khi việc đó mâu thuẫn với chủ trương của Chủ nghĩa Phục quốc Do Thái, ông nội tôi lại chọn đứng về phía Zion. Bởi vậy, ông đồng ý để cha tôi làm việc cho Haganah vào ngày Shabbat⁽¹⁰⁾. Ông cũng đồng ý để Haganah xây một nơi cất giấu súng bí mật đến tài tình, bên trong rương đựng kinh Torah trong giáo đường của ông. Từng là quản lý trong một công ty nội thất lớn, ông tôi thật sự đã xây nên giáo đường đó và sau này ông làm thủ quỹ ở đó.

Mặc dù cuối cùng cũng đạt được một sự nghiệp thành công trong ngành bảo hiểm, nhưng giống như nhiều người Israel giai đoạn đó, sự nghiệp sớm sủa của cha tôi bị gián đoạn bởi cuộc chiến tranh năm 1948. Hồi mới khởi nghiệp, cha tôi làm việc trong cửa hàng bán dụng cụ của một người bác, nhưng công việc kinh doanh tiến triển quá chậm đến mức chẳng bao lâu sau, ông bác phải tìm cách rút. Ông đã phóng hỏa đốt cửa hàng để lấy tiền bảo hiểm và sử dụng số tiền đó mở một đại lý bảo hiểm. Cha tôi cũng xin vào làm ở đó 10 năm, rồi ông bác bị một cơn đau tim nguy kịch. Đó là vào cuối năm 1947 và thành Jerusalem bị những người dân và lực lượng dân quân ở những ngôi làng Ả Rập quanh đó bao vây. Vì bệnh tình quá ngặt nghèo nên người ta cho phép ông bác theo đoàn hộ tống cuối cùng rời khỏi Jerusalem trước khi con đường duy nhất để ra khỏi thành phố bị phong tỏa. Tuy nhiên, ông đã chết trước khi đến được bệnh viện Tel Aviv, và ngay sau đó chiến tranh nổ ra. Cha tôi được yêu cầu gia nhập Lực lượng Quốc phòng Israel mới thành lập, và đại lý bảo hiểm phải đóng cửa. Sau một năm phục vụ quân đội trong một đơn vị công binh phải chiến đấu ác liệt, cha tôi lại bắt đầu công việc kinh doanh, những người bạn chiến đấu của cha chính là những khách hàng đầu tiên mà ông ký kết việc làm ăn. Chẳng bao lâu sau, công ty của ông trở thành đại lý bảo hiểm tư nhân lớn nhất Jerusalem.

Cha mẹ tôi là thế hệ đầu tiên của những cặp vợ chồng kết hôn không do mai mối mang màu sắc tôn giáo. Họ gặp nhau vào năm 1946 trong một quán cà phê nhiều người lui tới ở trung tâm Tây Jerusalem. Cả cha tôi và người bạn thân nhất của ông đều để mắt tới mẹ tôi lúc đó ngồi cách một hai cái bàn cùng với bạn bè, bởi thế nên mới dẫn đến chuyện họ tranh nhau *xem* ai là người mời mẹ đi chơi, họ nhất trí phương án tung đồng xu, và cha tôi đã thắng. Bởi lẽ cả cha lẫn mẹ đều xuất thân từ những gia đình chính thống, nên các bậc phụ huynh hai bên đều tán thành chuyện hai người tìm hiểu và kết hôn. Tuy nhiên, dù chúng tôi chỉ sống cách ông bà vài phút đi lại, và tuần nào cũng đến thăm họ, nhưng cha mẹ tôi lại chẳng bao giờ thể hiện với ông bà rằng họ đã dần trở nên thế tục như thế nào. Cha mẹ không bảo với ông bà là họ vẫn lái xe vào ngày Shabbat, vấn đề là nhà của ông bà ngoại tôi ở trên đỉnh một ngọn đồi nhỏ nhìn xuống con đường cái dẫn ra thành Jerusalem. Bởi thế nên bất cứ khi nào chúng tôi lái xe ra ngoài thành phố vào những sáng muộn thứ Bảy, thường trùng với nghi lễ cà phê và bánh ngọt sau buổi lễ giáo đường trên hiên nhà của ông bà, nên ba đứa con trai chúng tôi ngồi ở ghế sau phải thụp người xuống để ông bà không nhận ra.

Như các bạn đã thấy, tuổi thơ của chính tôi cũng trải qua thử thách của cuộc chiến tranh, mặc dù không kịch tính như tuổi thơ của cha mẹ. Sau chiến tranh năm 1967, lúc đó tôi vẫn còn là một thiếu niên, tôi có chú ý đến những tầm nhìn chính trị của nhà nước Israel Vĩ đại. Nhưng cuộc sống thường nhật của tôi dành trọn cho bóng đá, bạn bè và trường học. Vào những ngày thứ Bảy cũng như ngày Yom Kippur⁽¹¹⁾ và những ngày lễ Do Thái giáo khác, khi tất cả mọi hoạt động đều ngưng lại để dành cho việc thực hành các hoạt động tôn giáo, tôi cùng chúng bạn đi đến Đông Jerusalem phía bên Ả Rập, để mặc cả mua bán ở những souk⁽¹²⁾ trong Thành Cổ và đánh chén món hummus và labneh⁽¹³⁾ cho bữa sáng. Trong suốt thời kỳ đó, nền kinh tế của Israel, cùng với sự tự tin của chính đất nước này, trỗi dậy. Cha tôi ăn nên làm ra và cha mẹ nói rộng căn hộ hai giường ngủ khiêm tốn của gia đình mà trước đây ba

anh em chúng tôi phải ở chung một phòng. Khi anh cả tôi rời gia đình vào quân đội, hai anh em chúng tôi không chỉ phải sử dụng một phòng chung mà tôi còn có được một phòng ngủ cho riêng mình. Năm 16 tuổi, tôi mang về cho khu dân sinh yên ả của chúng tôi với tầng lớp từ trung lưu đến trên trung lưu, bao gồm hầu hết là những người Do Thái châu Âu và giới hàn lâm, một chút không khí sôi nổi. Với vài đô la, tôi mua được con lừa từ một lái buôn người Ả Rập trong souk và dong nó về nhà. Bấy giờ một đứa con trai trên lưng một con lừa – dù không phải là đứa con trai Do Thái da trắng ở khu chúng tôi ở – không phải là một cảnh tượng hiếm gặp trên đường phố Jerusalem. Nhưng khi con lừa bắt đầu hí lên vào giữa đêm khuya, thì những người hàng xóm trong tòa nhà chúng tôi ở và những nhà xung quanh mới nhận ra có một con lừa ở sân sau, lúc đấy thì đúng là trời sắp đến nơi rồi.

Một năm sau, chiến tranh Ả Rập – Israel 1973 hay chiến tranh Yom Kippur⁽¹⁴⁾ nổ ra. Lần này dù không có đụng độ vũ trang ở khu vực Jerusalem nhưng trường học vẫn phải đóng cửa 3 tuần. Để bù lại nguồn nhân lực nhà nước thiếu hụt do được gọi đi làm lực lượng dự bị quân đội, tôi tình nguyện làm việc trong một lò bánh mì lớn, ngày ngày làm bánh mì. Cho đến lúc ấy, tôi vẫn còn đang trong giai đoạn dậy thì vật vã, lại gặp đúng cơn hỗn loạn về văn hóa và chính trị. Bạn bè tôi, hầu hết đều có thiên hướng nghệ thuật và thông minh đỉnh ngọ, và tôi không đồng ý với những chính sách của chính phủ. Chúng tôi băn khoăn liệu chính phủ có cam kết theo đuổi một nền hòa bình hay bị áp lực với một sự kết hợp quân đội – kinh tế đang ngày càng lớn mạnh. Khi chúng tôi đến tuổi bắt buộc phải vào quân ngũ, một vài người bạn của tôi trốn tránh bằng cách giả vờ, hay có lẽ chỉ cần tỏ ra, là đang có vấn đề về tâm thần. Trong khi thông thường, một người rơi vào tình huống như tôi sẽ dễ sa vào việc trốn tránh, thì tôi lại chẳng hề nghĩ tới nó, bởi vậy hai tháng sau khi tốt nghiệp cấp ba, tôi đã ở trong quân đội. Nhưng ngoài thời kỳ 6 tháng canh gác tại một khu định cư hiu quạnh tại dải Gaza, tôi thậm chí còn chưa đến gần mà tận mắt chứng kiến một cảnh súng ống tàn sát nhau như thế nào. Trải qua nhiều công việc khác nhau, cuối cùng tôi cũng yên vị với một công việc văn phòng, tư vấn về tài chính và nghề nghiệp cho thương binh và thân nhân những gia đình liệt sĩ. Những người đến chỗ tôi rất cảm kích trước sự giúp đỡ mà tôi dành cho họ, nhưng phần lớn những gì tôi cảm nhận thấy lúc đó, dù khi ấy chẳng phải lúc nào tôi cũng nhận ra được, đó là sự hổ thẹn. Dẫu cho đã cảm thấy được an ủi phần nào khi nhận thức rằng chính mình là người phản đối cuộc chiến tranh và những chính sách hòa bình của chính phủ, nhưng tôi không thể nào thôi cảm thấy xấu hổ rằng mình chỉ là một anh lính (bàn) giấy, chứ chẳng phải một người lính thực thụ, một người cầm súng xông pha trận mạc. Năm tháng trôi đi, dù quan điểm chính trị của tôi đã trải qua vô vàn những thay đổi ngoắt ngoéo, thì cảm giác hổ thẹn ấy vẫn còn vẹn nguyên. Vậy nên dù chẳng ham hố gì với vẻ đẹp của người lính, nhưng tôi luôn ngưỡng mộ và đố kỵ với những người sẵn sàng coi cái chết nhẹ tựa lông hồng giữa làn ranh súng đạn và biên giới quốc gia để bảo vệ tổ quốc.

Thời gian phục vụ trong quân đội còn chĩa vào gáy tôi một cảm xúc vô cùng khó chịu, một cảm xúc mà tôi đã cố phủ nhận hoặc kiềm chế từ khi còn là cậu nhóc học lớp 4: sợ. Nỗi sợ hãi nhất loạt nổi lên trong suốt kỳ huấn luyện cơ bản vào cái lúc tôi phải đối mặt với cảnh tượng mình phải ném một quả lựu đạn. Tôi kinh hãi với ý nghĩ rằng sau khi giật nắp lựu đạn ra, lóng ngóng thế nào tôi lại không thể ném nó đi đủ nhanh để đến nỗi nó nổ ngay trong chính bàn tay mình. Tuy vậy về đại thể, tôi vẫn không hé răng chút nào về những thể loại sợ hãi như thế này, vì trong suốt ba năm tôi phục vụ trong quân đội, chẳng có cuộc chiến chiến tranh nào xảy ra. Nhưng nhìn chung cũng tương tự thời đi lính của hai anh tôi, mặc dù một trong hai người đã tận mắt thấy giao tranh tại bờ Đông của kênh đào Suez của Ai Cập trong suốt cuộc Chiến tranh Tiêu hao (War of Attrition) giữa Israel và Ai Cập vào cuối thập niên 1960.

Một trong những khía cạnh rõ rệt nhất trong thời kỳ phục vụ quân ngũ mà tôi cảm nhận được đó chính là việc mất tự do cá nhân. Mãi nhiều năm sau, tôi mới nhận ra rằng, chẳng

khác gì trường đại học⁽¹⁵⁾ ở Mỹ, quân đội đối với hầu hết những thanh niên Israel là nơi trung chuyển giữa nhà và “trường đời”; một nơi chắc chắn không có nhiều lựa chọn nhưng cũng đầy rẫy cơ hội cho sự phát triển cá nhân. Trong khi đối với hầu hết giới trẻ Israel thế hệ chúng tôi, việc mất tự do cá nhân bị lu mờ trước cảm giác về lòng tự hào và ý thức trách nhiệm với quốc gia dân tộc, nhưng đối với tôi, nó lại vô cùng ngột ngạt. Đến một lúc mà từng đường da thớ thịt trên cơ thể tôi đang gào thét đòi tự do và quyền tự trị với cá nhân, thì đúng theo nghĩa đen, tôi đã trở thành tài sản của nhà nước này. Tôi vô cùng bức bối với hàng hà sa số những luật lệ và phép tắc, bị cảnh sát quân đội giám sát và kiểm soát thậm chí ngay cả trong kỳ nghỉ phép. Tôi cũng cảm thấy chết ngạt với những buổi nói chuyện liên miên lúc nào cũng chỉ là chính trị và “những tình thế”, bởi cường độ của những sinh hoạt tập thể và bởi những ranh giới giao tiếp hồng lố chỗ bị đánh lộn con đen với đặc trưng văn hóa. Bởi vậy chỉ vài ngày sau khi được “thả” – thực sự là trong tiếng Hebrew, người ta sử dụng từ này để chỉ việc hết hạn quân dịch – tôi rời Israel để đi học đại học ở Mỹ.

Tôi định đến California luôn, nhưng bởi lẽ đây là lần đầu tiên xuất ngoại nên tôi dừng lại ở London vài ngày. Vào buổi sáng đầu tiên ở London, khi tôi đang ngó nghiêng ở một trong những hiệu sách huyền thoại của thành London thì một người đàn ông địa phương tiến tới. Cứ nghĩ tôi là người trông sách ở đó nên ông ta đưa cho tôi xem một mẫu ghi chú nhỏ và nhờ tôi giúp ông ta tìm cuốn sách tựa đề ghi trong đó. Tôi liếc mắt nhìn vào mẫu ghi chú và không thể tin vào mắt mình. Nó viết là *25 năm nghiên cứu xã hội ở Israel của Haya Gratch*. Cái tựa đề cực kỳ hàn lâm mơ hồ ấy, với chỉ một vài trăm bản in, là của cuốn sách do chính mẹ tôi viết, lúc đó bà là thư ký, biên dịch viên và biên tập viên cho một tổ chức học thuật phi lợi nhuận ở Jerusalem. Đúng là thế giới thật nhỏ bé làm sao, nhưng nghĩ lại, tôi chẳng thể làm gì khác ngoài việc đọc một chút phần chỉ dẫn của cuốn sách. Khép lại vòng tròn nhỏ bé đó, trong suốt 35 năm tiếp theo, tôi chẳng nghe thấy thêm điều gì khác về cuốn sách của mẹ tôi, nhưng rồi tôi lại nhận được email từ một nghiên cứu sinh không hề quen biết từ trường Đại học New York. Sau khi tra cứu trên Google họ của mẹ tôi, anh ta hỏi tôi rằng liệu tôi có giữ một bài báo được viết trong phần tham khảo cuốn sách đó không, bởi lẽ kho dữ liệu lưu trữ những bài báo như thế ở Israel đã bị thiêu rụi rồi.

Nhưng ở Bắc California, tôi không phải trải qua những chuyện như vậy. Mỗi quan hệ của tôi với Israel trong suốt bốn năm tôi ở San Francisco có thể cô đọng lại trong một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi khi tôi đang lái xe dọc đường cao tốc số 1 ở phía bắc thành phố này và ngắm nhìn khung cảnh hai bên đường. Khi dừng lại tại một bãi biển lô nhô sỏi đá để hít căng buồng phổi làn khí của đại dương, tôi nói chuyện phiếm với một hành khách khác cũng dọc hành như tôi, và anh ta đã thắc mắc về giọng nói của tôi. Không những mù tịt về Israel, anh ta còn chẳng hứng thú gì với chiến tranh, các vấn đề về địa chính trị, hay chính trị – của Israel hay của Mỹ thì cũng vậy. Tôi rất ngạc nhiên với tâm trí tự do không vướng bận gì của anh ta, và từ đó trở đi, điều ấy cứ luẩn quẩn trong đầu tôi cùng với hình ảnh Duyên hải Thái Bình Dương. Trong suốt những năm học đại học ở California, tôi chẳng hề để tâm tới quê nhà hay bất cứ thứ gì. Tôi về Israel có hai lần, chẳng đọc báo chí hay sách vở gì về Israel, không bạn bè Do Thái và cũng chẳng lễ lạt Do Thái giáo. Hay ít nhất là tôi tự nhủ như vậy. Chỉ có một ngoại lệ duy nhất đó chính là người bạn nối khố của tôi. Chúng tôi học cùng trường mẫu giáo, trung học cơ sở, trung học phổ thông và bây giờ thật là ngẫu nhiên làm sao, chung cả trường đại học. Anh ấy học về sân khấu, còn tôi học về làm phim, và năm học thứ hai, cả hai quyết định cùng đổi chuyên ngành sang tâm lý học. Anh ấy bây giờ đang hành nghề bác sĩ tâm lý ở Jerusalem.

Ngày đầu tiên đi học lớp sau đại học, trước buổi học đầu tiên, tôi nói chuyện với một bạn học cùng lớp, một phụ nữ người Li-băng, cô ấy vừa từ Beirut đến. Lúc đó đang diễn ra cuộc chiến Li-băng năm 1982 mà kẻ tấn công chính là Israel, và vì sân bay Beirut đã bị đóng cửa, nên để bay tới New York, cô ấy phải đến Jordan. Thực sự là cô ấy đã phải tháo lui khỏi

Beirut trên một chiếc taxi trong khi những chiếc phản lực đang quần đảo và ném bom từ trên bầu trời thành phố. Hai chúng tôi bị cuốn vào cuộc nói chuyện về Trung Đông, mãi mê đến mức bị muộn tiết học với chủ nhiệm khóa. Chúng tôi nhanh chóng trở thành bạn thân và duy trì tình bạn ấy đến tận ngày nay. Chúng tôi đã luôn ý thức được rằng đó là vì xét về đại thể, chúng tôi là những kẻ đồng cảnh ngộ.

Trong suốt thời gian học sau đại học, trong khi học tiến sĩ về tâm lý học lâm sàng, tôi trở nên say mê với tâm lý nhóm và đề tài giải quyết xung đột. Tôi cũng ấp ủ nỗi tò mò và niềm say mê nồng nhiệt với chính trị Mỹ. Tôi đã hò hẹn, kết hôn và bắt đầu nghĩ đến việc vun đắp cho một gia đình êm ấm. Vợ tôi là người Do Thái – còn Do Thái hơn cả tôi lúc đó, thậm chí hơn cả những người bạn thân thiết mà tôi đã kết bạn ở New York. Tôi chẳng thích thú gì với tôn giáo, và ngược lại với tất cả những gì tôi được nuôi nấng dạy dỗ, tôi đã tiêm nhiễm vào đầu ý tưởng rằng một người có thể là người Do Thái xét về mặt văn hóa tôn giáo, nhưng không có nghĩa là nhất thiết phải gắn bó với Israel. Nói ngắn gọn, trong khi Israel là nơi tôi được sinh ra và lớn lên, thì bây giờ tôi chỉ là một người New York, hoặc cùng lắm là một người Do Thái quốc tịch Mỹ theo thể tục.

Nhưng rồi sự kiện 11/9 xảy ra và cùng lúc, tất cả Trung Đông quay trở lại trong cuộc sống của tôi. Ba tuần trước khi vụ tấn công khủng bố làm thay đổi toàn bộ nước Mỹ xảy ra, anh trai tôi Ariel – chuyển từ Jerusalem tới New York vài tháng trước khi tôi bắt đầu học đại học – thường nói vui với một người bạn trong lúc đang chơi golf ở New Jersey rằng: “Thế nào cũng có ngày một vài kẻ khủng bố sẽ cướp một chiếc máy bay rồi lái nó đâm vào Trung tâm Thương mại Thế giới.” Sau những vụ tấn công đó, khi người Mỹ đang tranh luận về những giá trị được mất của cuộc chiến tranh với Iraq, Ariel được tờ *The New York Times* phỏng vấn cho một bài báo bàn về cảm nhận của những người nhập cư đối với nguy cơ một cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Iraq. Anh ấy nói: “Tôi hi vọng nước Mỹ sẽ tiến hành cuộc chiến tại Iraq, vì khi đó nó sẽ ngập ngụa trong vũng lầy Trung Đông đến mức ngay tức khắc và mãi mãi, nước Mỹ sẽ học được là phải tránh xa nó ra.» Nhiều năm trôi đi, Ariel vẫn luôn giữ liên lạc với Israel chặt chẽ hơn tôi rất nhiều. Anh ấy bay về đó vì công việc kinh doanh, vợ anh là người Israel, và chẳng như tôi, anh ấy nói tiếng Hebrew với các con. Nhưng tôi cũng có chung với anh ấy những suy nghĩ nhạy cảm và những mâu thuẫn tư tưởng của người Israel, và tôi nhận ra điều này rõ ràng nhất khi chúng tôi tranh luận về sự can thiệp của Mỹ tại Trung Đông thời hậu 11/9. Trong suốt thời gian này, tôi bắt đầu nhận ra rằng, ồ, bạn có thể đem một cậu bé ra khỏi Jerusalem – mặc dù sau sự kiện ngày 11/9, người ta có hơi nghi ngờ chuyện đó – nhưng bạn không thể đem Jerusalem ra khỏi cậu bé ấy được. Ngẫm nghĩ sâu xa hơn, tôi cũng nhận ra rằng kể từ khi rời khỏi Israel, hiếm có ngày nào trôi đi mà tôi lại không cảm thấy, bằng một cách nào đó, ý thức về con người Israel trong tôi, tuy có phần mơ hồ. Quanh thời điểm ấy, tôi bắt đầu ấp ủ ý tưởng viết về tính cách dân tộc của người Israel.

Tuy nhiên trong một thời gian dài, tôi đã giằng co lưỡng lự. Đó là một chiếc bẫy vô cùng hại não, tôi tự nhủ như vậy. Nó đụng đến quá nhiều vấn đề về phương pháp luận, quá nhiều những câu hỏi về học thuyết và những sắc thái chính trị. Thực sự là, tôi đã nói chuyện với một học giả người Israel và ông đã cảnh báo tôi rằng một khái niệm tập trung vào tính cách dân tộc có thể mang màu sắc phân biệt chủng tộc. Tất cả những điều này đều đúng, bao gồm cả nguy cơ khiến khái niệm ấy sa đà vào sự phân biệt chủng tộc. Nhưng đó không phải là những lý do thực sự khiến tôi do dự, chỉ là tôi cũng không hiểu tại sao. Nhưng rồi, một vài năm sau, một người bạn từ Israel đến thăm tôi. Cô ấy không phải là một nhà tâm lý học, đúng hơn là một nhà nghiên cứu văn học cần cả kiến thức phân tâm học để lý giải những câu chuyện trong Kinh Thánh, cô ấy đã lắng nghe những ý tưởng cũng như cả những mâu thuẫn trong tư tưởng của tôi. Khi tôi nói xong, cô ấy mỉm cười vẻ thông thái và nói: “Có lẽ anh sợ phải đến gần một điều gì đó mà anh đã cố giữ khoảng cách trong suốt những năm qua.” Lời lý giải đơn giản, nếu không nói là hiển nhiên, mà chẳng phải tôi hay nhà phân tích tâm lý của

tôi đã nghĩ đến trước đó, đã giảng cho tôi một cú, mà nói theo thành ngữ Hebrew, giống như sấm rền trong một ngày trời trong mây tạnh. Trong một khoảnh khắc hiếm hoi sắc mùi Hollywood kiểu như một sự tiến triển đột phát trong việc chữa trị bệnh, những mâu thuẫn trong tôi được tháo gỡ và những nghi ngại của tôi biến thành một trong những quyết định hào hứng nhất trong cuộc đời mình: tôi sẽ theo đuổi dự án này không chỉ như một nỗ lực của trí não nhằm thấu hiểu tâm thức của người Israel, mà còn như một hành trình của tâm hồn để cuối cùng hợp nhất quá khứ Israel và hiện tại Hoa Kỳ của tôi. Cùng với hệ thống kiến thức chuyên môn tâm lý học của mình, tôi sẽ mang đến cho công việc này nhận thức nội-ngoại tại độc đáo của mình, cố gắng vẽ lên một bức chân dung khách quan nhưng còn thô nhám.

Kể từ lúc đó, tôi lại nhúng mình một lần nữa vào bất cứ thứ gì thuộc về Israel. Tôi đã nghiên cứu hàng trăm bài luận hàn lâm trong các lĩnh vực sử học, xã hội học, nhân chủng học, tâm lý học, chính trị học, giáo dục và văn học Israel. Tôi đã đọc và nghiên cứu hàng trăm nguồn tài liệu thứ cấp bao gồm nhiều cuốn sách, nhiều bài báo, phim ảnh, âm nhạc và tranh ảnh tư liệu. Tôi về Israel thường xuyên hơn và lưu lại cũng lâu hơn. Tôi đã gặp và phỏng vấn những nhà tâm lý học, nhà xã hội học, nhà lịch sử, nghiên cứu chính trị, những nhà báo, nghệ sĩ và những doanh nhân hàng đầu của Israel. Tôi đã thuê nhiều trợ lý nghiên cứu người Israel để giúp sàng lọc qua hàng thập kỷ những nghiên cứu xác đáng theo lối thực nghiệm, cũng như phỏng vấn một lượng khá đủ những người Israel “bình bình” gồm tất cả mọi thành phần, giai tầng của xã hội. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, tôi đã tập thói quen theo dõi các kênh truyền hình Israel và nghe đài phát thanh Israel trực tuyến mỗi ngày.

Sử dụng kết quả điều tra của chính mình tại Israel, những nghiên cứu hàn lâm hiện tồn, thuyết phân tâm và những kinh nghiệm đời tư cũng như nghề nghiệp của bản thân, tôi đã cố gắng dựng lên một câu chuyện sâu sắc, khơi gợi và đi vào lòng người về tâm thức Israel. Những gì tiếp theo đây là một bản đồ chỉ dẫn tới hành trình ấy, và xin mời bạn đọc hãy đồng hành cùng tôi.

Gia đình tôi có thể đại diện được bao nhiêu phần trong tính cách của quốc gia Israel? Tự bản chất, những gốc gác mang tính lịch sử của gia đình tôi bắt rễ ở Jerusalem rất độc đáo. Về mặt địa lý, những câu chuyện thời tiền Zion (Chủ nghĩa Phục quốc Do Thái⁽¹⁷⁾) ở Palestine và tác động của chúng lên văn hóa gia đình thực sự mang tính độc nhất vô nhị. Người ta nói rằng, như các bạn sẽ thấy, có nhiều chủ đề ngầm ẩn và đã định nghĩa cách tồn tại của gia đình tôi, bao gồm cả những chủ đề được hình thành trong những ngày tiền Zion tại vùng Đất Thánh, là tấm gương phản chiếu những bối cảnh văn hóa và lịch sử sản sinh ra tính cách dân tộc của người Israel nói chung. Chắc chắn là, thế hệ con cháu của gia đình trong thời đại ngày hôm nay, hoặc ít nhất là ứng xử của họ trong buổi lễ trưởng thành của con trai tôi tại New York, dường như là tinh hoa phẩm chất Israel.

Với nhiều người Israel, ứng xử này sẽ chỉ như một ví dụ mờ nhạt về “Israel xấu xí”, hoặc nghĩ theo hướng tích cực, là một Israel thẳng thắn quyết liệt. Hành vi ấy thích hợp với một vài trong số những nhận thức phổ biến mà người ngoài nghĩ về phong cách đối nhân xử thế của người Israel. Ví dụ, hãy xem cách các nhà ngoại giao và lãnh tụ chính trị Hoa Kỳ nhớ lại và miêu tả những người đồng cấp ở phía Israel. Âm chỉ đến tính cách của rất nhiều thủ tướng Israel từ cả hai phía⁽¹⁸⁾ trên bản đồ chính trị, các Tổng thống Mỹ Jimmy Carter, Bill Clinton và Ngoại trưởng James Baker đã đưa ra một số tính từ miêu tả sau: hung hăng, kiêu ngạo, bảo thủ, cứng đầu, cố thủ, ngoan cố, thích tranh luận, cứng nhắc, cộc cằn, bướng bỉnh,

vô lý, tiêu cực, bất tín, ngang ngạnh và khiêu khích. Ở đâu cũng vậy, mỗi tính từ khó nghe trong số này cũng có thể và nên được hoàn thiện bởi hệ quả tất yếu mang tính tích cực của nó. Nhưng bất chấp, nếu chúng ta buộc phải áp dụng kỹ thuật “phân tích nhân tố”⁽¹⁹⁾ mang tính thống kê cho danh sách này, thì chắc chắn chúng ta sẽ rút gọn được một số những tính từ miêu tả bao quát và chính xác hơn. Thậm chí chỉ cần nhìn qua cũng nhận ra rằng tất cả những *thích tranh luận, tiêu cực, ngoan cố, cứng đầu, và cố thủ* rõ ràng đều là biểu hiện cho cùng một đặc điểm tính cách hoặc thái độ cơ bản.

Liên hệ với những bức tranh trắc nghiệm tâm lý vết mực (inkblot) nổi tiếng của Rorschach⁽²⁰⁾, kiểu ứng xử này có thể *xem* như nhìn những hình ảnh trong nền trắng thay vì đối tượng màu đen nổi bật. Trong bối cảnh Israel, có lẽ cách diễn đạt hoàn hảo nhất là bằng từ *davka* trong tiếng Hebrew, có nghĩa là một thái độ nào đó nằm giữa hai khái niệm “mặc dù” và “chính xác là vậy”. Một đứa trẻ Israel hoặc thậm chí là một người lớn, sẽ nói: “Tại sao anh lại chống tôi *davka*”⁽²¹⁾ với một người bạn có vẻ như vô ý phản đối họ. Nói một cách ngắn gọn, đó là xu hướng nói không để phản đối nhằm đạt được lợi ích nào đó. Một lần, tôi đang dự bữa tiệc buffet trong một căn hộ kếp ngột ngạt trên Đại lộ Công viên ở Manhattan. Khi tôi bước đến bàn buffet ở bên phải, một người phụ nữ cầm đĩa đang đi ngược về phía tôi. Tôi nhìn thấy hàng người đằng sau cô và nhận ra đây là lối đi một chiều và mình đã đi ngược, tôi bèn đùa rằng: “Xin lỗi, cô đang đi sai đường rồi.” Rồi tôi tiếp: “Tôi đùa thôi, người Israel mà mắc lỗi thì thế nào cũng nói người khác sai.” Người phụ nữ cười phá lên và nói: “Thật buồn cười; mẹ tôi là người Israel và cả đời tôi đã được bà đối xử như vậy!”

Bây giờ, khi mà tất cả hoặc hầu hết người Israel đều có khuynh hướng ứng xử như vậy, có hai vấn đề nổi lên. Thứ nhất, tại sao người Israel lại quá không giống ai? Đó có thể là một cơ chế phòng vệ dần dần, người ta đã phát triển để phản ứng với một tổng hòa cụ thể những bối cảnh không gian và lịch sử? Cũng giống như các cơ thể sinh vật, các cá nhân, các tổ chức phát triển mô thức vận hành quen thuộc trong một bối cảnh nhất định, các quốc gia cũng vậy. Những ứng xử này được *xem* là một hành vi “phòng vệ” vì chúng bảo vệ chúng ta khỏi những hiểm nguy và giúp chúng ta sinh tồn. Vì chúng cần thiết và hữu dụng ngay từ những khoảnh khắc đầu tiên, mang tính bản lè và/hoặc trong một khoảng thời gian dài, nên chúng trở thành một phần không thể tách rời trong tính cách của chúng ta và tiếp tục tự tung tự tác ngay cả khi chúng ta không còn cần đến chúng hoặc chúng đã có phần phản tác dụng.

Một cuộc khám phá chớp nhoáng lịch sử của phong trào Phục quốc Do Thái sẽ tức khắc giải thích được tại sao người Israel cần phải phát huy kiểu cơ chế phòng vệ nói-không này. Hãy *xem* xét những điều người Do Thái nhập cư vào Palestine cuối thế kỷ XIX và những người Do Thái đã định cư hoặc được sinh ra ở đó trong suốt quá trình thành lập nhà nước Do Thái đã phải chấp nhận nói không. Không với cha mẹ và gia đình mà họ bỏ lại nơi đất nước quê nhà; không với những nghề nghiệp Do Thái truyền thống lâu đời và kiểu sống bằng cách cho vay tiền, bán hàng rong, và nghiên cứu kinh Torah, bị những kẻ tiên phong làm việc kiểu chân lấm tay bùn trên mảnh đất quê hương cười nhạo và tẩy chay; nói không với thực tế và ý thức tự thân về người Do Thái Diaspora một sách, rụt rè và thụ động, bị những người tiên phong này từ chối như một hành động thuộc về ý thức hệ, để tạo ra một Do Thái mới, lao động chân tay, quyết đoán và chủ động; nói không với ngôn ngữ Yiddish⁽²²⁾ và sự đa ngôn ngữ và nhiều giọng pha tạp từ các nước khác, tất cả đều được thay thế bằng tiếng Hebrew trong Kinh Thánh được hiện đại hóa và phục sinh rầm rộ; nói không với những đặc tính dân tộc và những di sản văn hóa từ những nước gốc gác, mà người ta định rằng chúng sẽ ngay lập tức được hòa tan vào một sự giao thoa văn hóa mới; nói không với tôn giáo như là nguyên tắc tổ chức của cộng đồng sẽ được thay thế bằng chủ nghĩa xã hội hoặc tính hiện đại thị thành; nói không với những diễn ngôn công cộng hướng đến giai tầng đã được chau chuốt về văn hóa Âu châu, đơn giản nó không thể đo sức được với nóng nực, hoang mạc, những tập

tục Đông phương trên đất bản địa và thái độ thù địch của người Ả Rập; nói không với những đất nước và xã hội nơi họ sinh ra, đã bảo vệ hoặc thất bại trong việc bảo vệ họ, những người Do Thái, khỏi chủ nghĩa bài Do và Holocaust; nói không với quyền cai trị Palestine của người Anh khi nó bắt đầu hạn chế công cuộc trở về và độc lập của người Do Thái; nói không với việc dựa dẫm vào chính phủ và cánh tay bảo vệ của lực lượng cảnh sát nước ngoài, như họ đã làm trong một vài thiên niên kỷ; nói không với việc “bước đến lò sát sinh như những con cừu”, như người Israel đã nhận thức về những nạn nhân của Holocaust trong lịch sử; nói không với việc di tản tới một nơi an toàn hơn, như phản ứng thường thấy của người Do Thái khi phải đối mặt với gian nguy; nói không với những thập kỷ đầy áp lực về chuyện nơi ăn chốn ở của những người Palestine mà cả thế giới đã đè nặng lên vai họ; và nói không với Liên hợp quốc, vốn đã bị người Israel cực lực phủ nhận và coi là Oom Shmome, dịch nôm na là “Liên hợp Khỉ mốc”, vì nó đã phủ nhận nhà nước Israel.

Như đã được nói rõ trong câu chuyện này, việc trở thành một người Israel có nghĩa là từ chối thỏa hiệp với cả thế lực bên ngoài và bên trong. Nhưng trong khi, về mặt tâm lý mà nói, đối kháng với các thế lực bên ngoài – quân Anh, Ả Rập, thế giới, vv... – là một việc khá rành rẽ, thì việc đối kháng lại những phần bên trong bản thân nó lại phức tạp hơn. Xét cho cùng, tất cả chúng ta đều không thể rũ bỏ chính danh tính của con người mình. Vậy nên cũng có lý khi cho rằng dù có lòng quyết tâm sắt đá, những người Zion không hề toàn thắng trong việc rũ bỏ con người Do Thái cũ trong chính bản thân mình. Có lẽ, với giả định này, họ đã khoác lên một vẻ ngoài tân tiến và cứng rắn kèm chế hay trấn áp, nhưng không nhỏ nhẹ tất cả tính rụt rè nhút nhát của những kẻ Diaspora. Có lẽ có một sự thực cho một khuôn sáo cũ kỹ rằng, giống như sabra – quả xương rồng mà những người Israel bản địa đã được mệnh danh – người Israel gai góc ở bên ngoài nhưng ngọt ngào ở bên trong. Nhưng những gì nằm dưới vẻ ngoài cứng rắn của người Israel mà chúng ta gặp cho đến nay – nhu mì, ngọt ngào, hoặc thẳng thắn, cũng như chúng ta sẽ thấy, một phức hợp đa rắc rối hơn của những cấu trúc tâm lý – chính xác là vấn đề được bàn tới trong cuốn sách này.

Vấn đề thứ hai liên quan tới khuynh hướng đối lập trong tính cách dân tộc Israel, đó là tại sao chúng ta phải quan tâm đến nó? Ồ, đối với người Israel, đó là vấn đề thuộc về bản tính tò mò, một niềm thích thú thuộc bản chất tâm lý của riêng họ. Nhưng nó cũng là vấn đề của sự sống còn. Nếu họ không thể chăm chú quan sát chính mình và làm một cuộc đánh giá cần thiết, họ đơn giản sẽ không thể tồn tại như một quốc gia. Tuy nhiên, cả thế giới có quyền được biết đến tâm thức của người Israel. Mới hơn 100 năm trước, thời điểm mà ở Palestine những vụ bạo động của người Ả Rập chống lại cộng đồng Zion vẫn còn vô cùng thiểu số, có một người theo quốc gia chủ nghĩa tên là Najib Azuri đã xuất bản một cuốn sách mà trong đó ông dự đoán rằng người Ả Rập và người Do Thái sẽ đánh nhau giành đất Palestine cho đến khi có một kẻ phải ngã xuống, và rằng vận mệnh của cả thế giới sẽ phụ thuộc vào kết quả của cuộc chiến này. Bằng cách nào đó, ông ta đã tiên đoán được điều này trước cả khi thế giới là một ngôi làng toàn cầu với những ranh giới có thể giao hòa, truyền thông xã hội và những WMD⁽²³⁾. Ngày nay, thế giới trở nên dễ bị tổn thương hơn rất nhiều, và sau hàng tá những cuộc chiến tranh, những hiệp định hòa bình, những intifada⁽²⁴⁾, và nhiều cuộc chiến tranh hơn nữa, xung đột Ả Rập – Israel có thể phát triển theo bất cứ chiều hướng nào ngoại trừ tình trạng ổn định.

Trong thế giới hậu 11/9, hoàn toàn quá dễ để hình dung ra tổng hòa của những yếu tố này như thế nào khi phương Tây tiếp tục, mặc dù chỉ là phần nào, phụ thuộc vào dầu mỏ Trung Đông, sự sinh sôi nảy nở của những vũ khí sinh học, hóa học và vũ khí hạt nhân, sự bùng nổ của khủng bố ném bom liều chết và sự vắng mặt của một kế hoạch phòng thủ dễ như trở bàn tay nhằm chống lại nó, Mùa xuân Ả Rập với mối nguy cơ cách mạng ngược của những người Hồi giáo và các cuộc chiến tranh giữa dòng Hồi giáo Shia và Sunni, một Iran

sắp sửa có bom nguyên tử, và một Israel chắc chắn là có bom nguyên tử bất cứ lúc nào cũng có thể khai hỏa rất nhiều viên cảnh khủng hoảng toàn cầu. Mỹ sẽ thò tay vào bất cứ khủng hoảng nào, nhưng Israel bé bỏng cũng vậy – cũng tham gia vào một cuộc chiến vũ trang dần mất, phản ứng mạnh mẽ đối với một cuộc tấn công, hoặc mưu toan những chính sách đổ dầu vào lòng oán giận rực lửa của những người Ả Rập đối với Mỹ và phương Tây. Những người Palestine, cùng với thế giới Ả Rập và đạo Hồi được trao cho chiếc chìa khóa quyết định sự ổn định toàn cầu, và những thành phần cơ bản bên trong họ, bao gồm cả những tổ chức như Hamas, từ chối công nhận quyền tồn tại của Israel như một nhà nước Phục quốc Do Thái là mối đe dọa to lớn. Nhưng ứng xử của Israel còn lâu mới được coi là hoàn hảo, và thất bại trong việc thấu hiểu, lường trước và sức ảnh hưởng của những cuộc chiến mà nó gây ra có thể trầm trọng thêm, nếu không nói là tạo ra, một cuộc khủng hoảng trên phạm vi lớn chưa từng có. Đây không phải là một bản tin khẩn, giải thích tại sao bất kể họ đã quyết thề thốt tránh xa khỏi tình trạng sa lầy chính trị như thế nào, thì tất cả các Tổng thống Mỹ và không biết bao nhiêu nhà ngoại giao phương Tây cuối cùng cũng sa chân vào tiến trình hòa bình dai dẳng mòn mỏi ở Trung Đông.

Bởi vậy, khi cá tính đối lập của tâm thức Israel quyết định hoặc định hình hành động, phản ứng hoặc những chính sách của người Israel, thì vì an ninh của Israel cũng như của thế giới, thấu hiểu và học cách giải quyết vấn đề này sẽ là vô cùng cấp thiết. Nếu bạn còn nghi ngờ về việc tư duy nói “không” của người Israel có vai trò quan trọng trong những vấn đề quốc tế, hãy nhớ đến lời xác nhận của cựu Ngoại trưởng Mỹ James Baker. Khi ám chỉ thủ tướng Israel Yitzhar Shamir là Tiến sĩ nói Không, trong thâm tâm Baker đã thừa nhận rằng lời tuyên bố nổi tiếng năm 1990 của ông với Quốc hội – rằng người Israel nên gọi cho Nhà Trắng vào số 1-202-456-1414 khi họ nghiêm túc về vấn đề hòa bình – cơ bản bật ra do ông quá giận dữ với Shamir và đồng sự của ông này.

Nhưng trong tâm thức Israel còn chất chứa nhiều vấn đề hơn chứ không chỉ là mỗi nói không, và phần lớn chúng vô thức ẩn dưới bề mặt gai góc. Và chúng ta hãy cụ thể hơn về mối đe dọa này. Ít nhất có hai vấn đề có thể không hề phóng đại khi nói rằng trong một vài năm nữa, tính cách dân tộc Israel, với những thành tố ý thức được hoặc còn trong vô thức, có thể thực sự xác định loại hình thế giới mà tất cả chúng ta cư ngụ trong thế kỷ XXI. Vào thời điểm tôi viết cuốn sách này, không ai biết liệu những thỏa thuận của phương Tây với Iran sẽ làm dịu đi hay ngăn chặn được cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân công khai hay không. Iran đã nói rõ quan điểm từ chối những thỏa thuận này và thề rằng sẽ để ngỏ các khả năng về quân sự. Bởi vậy, trong một hai năm tới, bất kể thỏa thuận có đạt được hay không, toàn thế giới sẽ phải quan sát phản ứng của Israel.

Nó sẽ đánh phủ đầu? Hoa Kỳ có khả năng ảnh hưởng đến thời điểm bùng nổ một cuộc tấn công như thế hay có thể kiểm soát nhất cử nhất động của Israel? Nếu không, Israel sẽ trả miếng ra sao nếu Iran thực sự thực hiện chương trình biến đổi urani và triển khai những vũ khí này?

Thứ hai, trùng hợp với tình hình đang ngày càng nóng lên này, tiến trình hòa bình Israel – Palestine đã quay trở lại trung tâm của sự chú ý. Mùa thu năm 2013, với một John Kerry, ngoại trưởng Mỹ không chịu lùi bước, vẫn còn tại chức, Mỹ tỏ ra đã sẵn sàng đưa ra khung chương trình của riêng mình cho một hiệp ước hòa bình cuối cùng. Đây là lần đầu tiên, và qua tất cả các nguồn tin, cả hai phe tả và hữu đều cảm nhận được sức nóng, cụ thể là những người đứng đầu nhà nước Israel công khai công kích John Kerry. Thêm một lần đầu tiên khác nữa vào mớ hỗn độn của năm này đó là quyết định của Liên minh châu Âu cấm tất cả các chương trình hợp tác kinh tế với những khu định cư bên Bờ Tây và dứt khoát loại họ ra khỏi tất cả các thỏa thuận về hợp tác trong tương lai với Israel. Mặc cho những căng thẳng

chung trên phương diện ngoại giao, hoặc có lẽ cũng chính bởi thế mà vào mùa xuân năm 2014, tiến trình này bị sụp đổ. Trong khi cả hai bên đều đang giẫm đạp lên những hiệp định hiện tồn, chính quyền Palestine tái bắt tay với Hamas, và Israel ì ra trong việc đàm phán thương lượng. Nếu điều này dẫn đến kết quả một chính phủ hợp nhất PLO – Hamas hoặc những bước tiến đơn phương ở phía kia, hoặc thậm chí dẫn đến sự sụp đổ cuối cùng của tiến trình hòa bình, thì nó có thể bùng nổ một dạng khủng hoảng bạo động nổi gót sự thất bại của Bill Clinton trong nỗ lực thúc đẩy hòa bình vào năm 2000, và/ hoặc đóng sầm cánh cửa trước giải pháp hai-nhà-nước, một lần và mãi mãi. Chúng ta đã chứng kiến một phiên bản khác của viễn cảnh này, đó là cuộc chiến xương máu 50 ngày giữa Israel và Hamas mùa hè năm 2014 và tiếp theo sau đó, Palestine quyết định tham gia Tòa án Công lý quốc tế ở La Haye để kiện Israel về những tội ác chiến tranh với Palestine. Nhưng thậm chí ngay cả khi John Kerry hoặc những người kế nhiệm của ông ta có khả năng thần thánh là cứu vãn các cuộc đàm phán và đạt được thỏa thuận cuối cùng đi chẳng nữa, thì nguồn cơn xung đột bạo lực ở cả hai phía trong bọc lâu ngày cũng sẽ lòi ra, như trường hợp của Hiệp định hòa bình Oslo. Hành động và những kháng cự của họ có thể đẩy khu vực này vào sâu hơn những bất ổn, đe dọa, buộc người Mỹ phải trở nên quan ngại, và đổ bộ ồ ạt lên các bản tin thời sự. Bởi vậy, trong một viễn cảnh khác, diễn biến hành động của Israel sẽ có những hậu quả định mệnh về mặt địa chính trị. Trong khi bằng nhiều cách, nhà nước Do Thái này tiếp tục mở rộng bành trướng, cũng là một thực tế là kể từ năm 1967, những cuộc chạm trán về quân sự trên diện rộng với thế giới Hồi giáo đã phát triển theo chiều hướng phức tạp hơn và thường ít có khả năng thắng trận hơn.

Nếu bạn còn nghi ngờ về việc yếu tố tâm lý đóng vai trò quyết định trong chính sách của Israel, hãy xem xét những phát hiện của sử gia Tom Segev cách đây vài năm khi ông hồi tưởng lại cuộc chiến năm 1967. Nghiên cứu kỹ lưỡng tài liệu của chính phủ mới được công bố, cuốn sách của Segev xuất bản năm 2007, *1967: Israel, the War, and the Year that Transformed the Middle East* (Tạm dịch: 1967: Israel, Chiến tranh và Trung Đông rung chuyển) đã chỉ ra rằng khi quyết định tiến hành chiến tranh năm 1967, chính phủ Israel đã phá vỡ một loạt những dự định chiến lược đã được bảo vệ bằng lý lẽ thuyết phục với bên đối lập. Segev kết luận rằng khi bắn phát đạn đầu tiên, chính phủ Israel đã hành động theo cảm tính và cơn bốc đồng. Và sau khi cuốn sách được phát hành, Segev nói ngắn gọn với tôi rằng nguồn cơn của cuộc chiến sáu ngày “toàn là chuyện tâm lý cả.”⁽²⁵⁾

Chẳng cần phải nói, tâm thức người Israel không phải lúc nào cũng chỉ là về chiến tranh và hòa bình. Thực sự thì trong những năm gần đây, người Israel dường như trở nên chán chường, hay chính xác hơn là kiệt sức và hần học với những vấn đề ám ảnh cho đến ngày nay. Tôi nghi ngờ rằng về thờ ơ lãnh đạm mà rất nhiều người trong số họ tỏ ra chỉ là một lớp sơn trang điểm, một sự phòng thủ trá hình lộ liễu trước nỗi lo lắng về hành trình địa chính trị của nhà nước Do Thái. Nhưng nói gì thì nói, cuốn sách này cũng sẽ giải thích cho ảnh hưởng ở mức độ khác nhau mà người Israel đã tác động lên tình hình thế giới trên rất nhiều phương diện như nghệ thuật, kinh doanh, y dược, văn học, công nghệ cao, âm nhạc và khoa học. Trong tất cả những lĩnh vực này, hợp chủng những từ ngữ độc đáo về tính cách dân tộc của người Israel rõ ràng là đã vào cuộc.

Trong cốt lõi tính cách dân tộc Israel là một nghịch lý, được nhà tâm lý học người Israel, Emanuel Berman, nắm bắt cực chuẩn khi ông miêu tả Israel là một đứa trẻ già nua⁽²⁶⁾. Một mặt, Israel là hiện thân của sự kế tục lịch sử Do Thái, là đỉnh cao của 2000 năm mưu cầu được phục hồi chủ quyền trên vùng đất tổ như trong Kinh Thánh đã viết. Tính cách người Israel rõ ràng là sản phẩm của lịch sử này. Mặt khác, phong trào Phục quốc Do Thái nổi lên

chống lại chính lịch sử ấy và từ chối một tâm lý lưu vong vốn được sản sinh ra từ đó. Mang trong mình một nỗ lực và nguồn năng lượng phi thường để hoàn thành nhiệm vụ này, phong trào đã tâm niệm nhắm tới việc tạo ra một “Do Thái mới”, một đối cực trên nhiều phương diện với tổ tiên Do Thái. Theo đánh giá chung, trải nghiệm của những người Zion trong 120 năm qua, tính cả 6 thập kỷ mới đây của chính quyền nhà nước Israel, đã hoàn thành xong chính việc đó. Nó cũng tạo ra một thể loại môi trường Do Thái mới tiếp tục củng cố thực thể mới mẻ này. Bởi vậy Israel là một xã hội non trẻ, đang tuổi ăn tuổi ngủ, độc đáo ở chỗ, nó lại mang trong mình cân nặng của hàng thế kỷ những ký ức lưu cữu. Ảnh hưởng của sự trái khoáy này lên tính cách dân tộc Israel, sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuốn sách *Tâm thức Israel* này, sẽ được trình bày trong từng chương của cuốn sách.

Cuối cùng, có một vấn đề về người Ả Rập quốc tịch Israel, những người đứng ngoài nghịch lý này cả trên phương diện lịch sử cũng như tâm lý. Bị mắc kẹt trong mạng nhện chằng chịt những nghịch cảnh mâu thuẫn mang tính lịch sử của riêng mình, và không cần bàn cãi gì về việc họ xứng đáng được tìm hiểu tâm lý đặc trưng, họ cũng có ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi tâm thức Israel. Cuốn sách này có bàn đến đóng góp của họ, nhưng nhìn chung họ sẽ không được bao gồm trong câu chuyện. Việc không may bị gạt ra này không có nghĩa là họ ít mang tính Israel hơn những đồng bào Do Thái của mình. Mà đúng hơn, nó chỉ đơn thuần nói lên rằng tác giả đã bỏ qua họ và rằng ông ta kém tài trong việc nghiên cứu và phân tích dữ liệu. Người ta nói rằng, từ một lập trường chính trị thì gần như chẳng có gì là bất công khi buộc tội tác giả vì có thành kiến cho rằng hiển nhiên Israel trước hết là một nhà nước Do Thái. Có thể những quan điểm dân chủ không cho phép điều này, nhưng thực tế hiện nay đúng là Israel đang nằm trong tay những người Do Thái, tình trạng này đã, và sẽ luôn luôn, là cốt lõi của tinh thần Phục quốc Do Thái, và hành vi ứng xử của Israel với tư cách là một quốc gia cũng như ảnh hưởng thái quá của nó ra ngoài biên giới chủ yếu là bởi thành tố tâm lý trong con người Israel Do Thái. Cũng có thể nhận ra kiểu tâm lý này ở những người Israel Ả Rập. Như khi người ta nói rằng những người Ả Rập Ai Cập và Jordan hay phàn nàn rằng người Ả Rập Israel giống người Do Thái Israel, thô lỗ, ồn ào, không biết điều và khinh khỉnh⁽²⁷⁾. Cho đến khi những ảnh hưởng như thế này vẫn còn dai dẳng – chắc chắn những phương diện tích cực cũng sẽ bị đánh đồng trong đây – Israel sẽ phù hợp với một tầm nhìn chính trị quân bình hơn, ví dụ như về một kiểu nhà nước được nhà kinh tế chính trị Bernard Avishai đưa ra trong cuốn *The Hebrew Republic* (Tạm dịch: Cộng hòa Hebrew). Avishai muốn chứng kiến một Israel trường tồn, với một sự phân tách dứt khoát giáo đoàn và nhà nước, và một sự công bằng tuyệt đối về quyền lợi cho những dân tộc và tôn giáo thiểu số, và thêm nữa là một nhà nước tuân theo truyền thống đậm chất Do Thái châu Âu. Tính đi cũng phải tính lại, một Israel như vậy trở nên dễ hấp thu và bị tổn thương hơn so với những ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai từ những người hàng xóm Ả Rập của họ, mà về lâu dài có thể làm suy yếu yếu tố nổi trội, tôi đang muốn nói đến truyền thống Do Thái phương Tây trong tâm thức người Israel. Chuyện này chắc chắn nói lên một điều rằng khi đã động đến tâm thức Israel, thế nào bạn cũng sẽ sa lầy vào việc đưa yếu tố chính trị vào bàn về tâm lý của nó. Hoặc như tiểu thuyết gia David Grossman đã nói về tác phẩm viết về Israel của ông *To the end of the Land* (Tạm dịch: Nơi tận cùng của đất) với tờ *The New York Times*: “Ở đây, chính trị giống như axit. Chẳng cần biết bạn khoác lên người bao nhiêu áo bảo hộ, nó vẫn cứ xuyên qua chúng để ăn mòn bạn.”⁽²⁸⁾

MỘT

NGƯỜI ISRAEL LÀ AI?

Năm tôi 19 tuổi, Lực lượng Phòng vệ Israel điều tôi đi thực hiện một nhiệm vụ đặc biệt. Đó là năm 1976, tôi chỉ mới kết thúc khóa huấn luyện cơ bản và một chuyến đi ngắn đến dải Gaza. Cùng với một người lính khác, một người mới nhập cư từ Iran, tôi nhận nhiệm vụ quản lý một “thư viện” tình thương đặt tại một tòa nhà cũ kỹ phong cách Ả Rập ở khu Yafo của thành Tel Aviv. Thư viện này là công trình tri thức của một quân nhân 70 tuổi đã nghỉ hưu, như lời ông kể, ông “quyết định tiếp tục phục vụ” chừng nào có thể. Với vai trò là một tình nguyện viên, ông giao sách báo tạp chí miễn phí mỗi tháng một lần cho tất cả các đơn vị IDF có hứng thú. Ông già này – sếp của chúng tôi – nói với mọi người rằng ông đang mua các ấn phẩm, đã thực sự dàn xếp được với một bộ phận phân phối nhà nước để đến lấy những ấn phẩm dư thừa viết bằng tiếng nước ngoài bị thải ra mà không tốn một đồng cắc nào. Vậy nên, hàng tháng chúng tôi đóng gói và gửi đi hàng tá những gói sách báo gồm một hỗn hợp lạ lùng, từ những tác phẩm cổ điển châu Âu khó nhằn đến những tờ tạp chí Mỹ phù phiếm: *Ada* của Nabokov và *Finnegans Wake* của James Joyce, ăn chung ở lộn với *Woman’s Day*, *Family Circle* và *Good Housekeeping*.

Nhưng chúng chẳng mấy khi còn giữ được bìa – theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng – những ấn phẩm nặng ký trong những gói sách cực kỳ được ưa chuộng của chúng tôi là: *Playboy*, *Penthouse*, *Hustler* và một vài ấn phẩm trần trụi bằng tiếng Đức, dành cho những sĩ quan cấp cao và những vị khách được ưu ái. Khi những sĩ quan cấp úy tạt qua thăm, ông già, cũng là một cựu chiến binh trong cuộc chiến vệ quốc chống Pháp trong Thế chiến II, sẽ mở một chai pinot noir⁽²⁹⁾ trước khi đưa cho họ những gói sách đậm chất riêng tư. Cũng có những tạp chí *Playgirl*, nhưng sếp của chúng tôi thấy chúng quá kinh tởm nên không tuần ra, bởi vậy chúng chỉ nằm đó, thu hút đám bụi trong một hậu cung kín đáo. Chúng tôi thường lấy đó làm trò cười vì mỗi tháng một lần, khi đến lấy tạp chí từ kho của người cung cấp, chúng tôi dừng lại và tán gẫu với một trong những nhân viên ở đây, một gã Ả Rập trẻ măng chỉ có việc ngồi lật giở từng trang của các tờ tạp chí *Playgirl* rồi bôi đen tất cả những phần lộ liễu của đàn ông bằng một chiếc bút dạ đen. Nhưng một ngày nọ, chúng tôi đến khu nhà kho thì thấy ông bạn của chúng tôi đã mất việc, vì người ta không cần anh ta nữa. Bộ phận phát hành này đã thua kiện khi bị một cơ quan truyền thông của tương đương NOW với khởi kiện, cơ quan này lên tiếng rằng phụ nữ Israel đã trả tiền nguyên giá bìa cho tờ tạp chí này thì họ được quyền có nguyên tờ tạp chí đó.

Câu chuyện khó tin nhưng có thực này đã chộp được một khoảnh khắc thay đổi vĩ đại trong đời sống xã hội Israel. Sự suy tàn của chủ nghĩa lý tưởng và chủ nghĩa anh hùng trong quân đội ở những thế hệ trẻ hơn, ảnh hưởng ngày càng tăng của những giá trị và cách sống phương Tây, và cuộc cách mạng nữ quyền phiên bản Israel. Các nhà xã hội học Israel đã bàn luận đến tất cả những vấn đề có vai trò như là lực lượng thay đổi cơ bản xã hội nước này trong thập niên 1970. Và những nhân vật chính trong câu chuyện này – một quý ông châu Âu sống duy tâm nhưng hư hỏng; một sabra Ashkenazi⁽³⁰⁾ trẻ trung, có ăn học; một người nhập cư đang vật lộn để thích nghi với cuộc sống mới; một gã Ả Rập tự ẩn thân; cùng một đàn diễn viên phụ đóng vai lính tráng và công chức sống nhờ vào testosterone, một vài nhà tu hành, nhiều người đến từ Bắc Phi hoặc vô số người đến từ các dân tộc khác – đã kể câu

chuyện về sự phân mảnh độc đáo đó đã tính cách hóa xã hội Israel lúc đó. Nếu có sự khác biệt về khía cạnh văn hóa, tôn giáo, dân tộc, tầng lớp và chính trị, thì chẳng ai trong những người này có mối tương tác với nhau cả.

Nhưng có một điều thực sự lạ lùng về câu chuyện này là nó chẳng hề lạ lùng gì cả. Thực ra thì những chủ đề về sự thay đổi và chia rẽ đã luôn song hành với nhau, không ngừng xuyên suốt lịch sử của phong trào Phục quốc Do Thái. Dù có nhắm mắt chọn đại lấy bất kỳ một thập kỷ nào thì bạn đều thấy cả hai hiện diện ở đó. Ví dụ như gần một triệu người nhập cư từ Liên Xô cũ vào thập niên 1990 có dính dáng đến cả hai vấn đề này. Sự di dân này tương đương với việc trong nhiều năm, Hoa Kỳ đã tiếp nhận khoảng 35 triệu người nhập cư không nói tiếng Anh với những đặc tính độc đáo về lối sống, văn hóa và dân tộc. Thực sự là trong một vài năm ngắn ngủi, những người Nga nhập cư đã thay đổi rõ rệt khuôn mặt của Israel và vẽ một nét mới lên sự chia rẽ đó. Nhà báo người Mỹ Richard Ben Cramer đã miêu tả ít nhất sáu nhóm nhỏ không lẫn vào đâu được trong bản đồ dân số Israel: sabra Ashkenazi, sinh ở Israel trong những gia đình người Âu; Sephardim có gốc gác từ các nước Ả Rập; người Nga; người Ashkenazi chính thống cực đoan, người Sephardim chính thống cực đoan, và những cư dân bên Bờ Tây. Những người này phân biệt nhau bởi những ranh giới về kinh tế xã hội, văn hóa và tất nhiên có cả chính trị nữa. Như Cramer đã chỉ ra, một vài “bộ tộc” nhìn chung không nói chuyện với nhau, và vài “bộ tộc” còn có hẳn ngôn ngữ và phương tiện truyền thông của riêng họ.⁽³¹⁾

Nhà xã hội học Oz Almog đã nói vậy thì “Người Israel là ai? là một câu hỏi rất Israel.” Nhưng, ngược lại, đối với nhà nghiên cứu chính trị hoặc xã hội học thì câu hỏi này đã nhằm đến chuyện Israel đã chuyển mình như thế nào, hoặc về cá tính của rất nhiều nhóm nhỏ, câu hỏi thuộc về lĩnh vực tâm lý học này là về tác động của sự thay đổi và phân tách lên sự phát triển tính cách của cá nhân – và của cả dân tộc.

CHIẾN TRANH, HÒA BÌNH VÀ NHỮNG CHU KỲ BIẾN ĐỘNG KHÁC

Có lẽ ẩn dụ chuẩn nhất cho sự biến động và cho việc người Israel bị ảnh hưởng như thế nào đã được xuất hiện trong phong trào intifada lần thứ hai của người Palestine (2000 - 2005), trong suốt những giai đoạn nhất định khi các cuộc ném bom liều chết hầu như ngày nào cũng diễn ra trong lòng các khu trung tâm tập trung đông dân cư của Israel. Có thể hình dung ra một vụ ném bom điển hình như sau, một kẻ ném bom liều chết người Palestine tự nổ chính mình tại một quán cà phê, khu mua sắm hay một khu chợ đông đúc dành cho người Israel; máu và da thịt tung tóe trên bàn, bám vào những mẫu quần áo rách, hay treo trên các cành cây; cảnh sát cơ động và đội ngũ cứu thương sẽ đến để di tản những người chết và bị thương; những chiếc xe của các hãng truyền thông cùng camera truyền hình và các nhà báo sẽ xuất hiện; đội SWAT⁽³²⁾ đặc biệt nhún tôn giáo sẽ thu thập những phần da thịt và lục phủ ngũ tạng còn lại; những quân đoàn dọn dẹp vệ sinh sẽ rửa sàn nhà, tường và đồ đạc; và chỉ trong một thời gian ngắn, đôi khi chỉ trong một hoặc hai ngày, mọi hoạt động kinh doanh sẽ trở lại bình thường như chưa hề có chuyện gì xảy ra.

Mặc dù lối sống đường phố từ náo nhiệt đến khủng bố, phá hủy đến thương vong, rồi lại đi lặp lại, nhưng chu kỳ biến động rõ rệt đã được khuếch tán ra từ nguyên bản này là câu chuyện chiến tranh và hòa bình trong lịch sử Israel và Phong trào Phục quốc Do Thái. Tel Aviv của ngày hôm nay – rung chuyển, rối ren, trụy lạc, văn hóa, và đảm bảo là dễ dãi với chính mình, thực sự là một trong những thành phố du lịch biển hàng đầu thế giới – lại khác biệt một trời một vực so với những ngày khủng khiếp của lần intifada mới đây nhất, với các

khách sạn hoang tàn, thang máy đóng im ỉm và những bức tường đầy gỉ sắt. Chẳng thấy đâu nữa trong sự sầm uất của ngày hôm nay những nỗi khiếp sợ và tuyệt vọng ở bất cứ đâu vào cái buổi ngày xưa.

Tất nhiên, đây chỉ là một mắt xích của chu kỳ chiến tranh và hòa bình đã đóng đinh lên Đất Thánh kể từ những thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 20. Bắt đầu từ những năm 1920, sau mấy năm yên ả hầu như có thể dự đoán được là không quá một thập kỷ, một cuộc xung đột bạo lực nghiêm trọng bùng lên. Một số cuộc chiến đã thay đổi đến không ngờ kích thước và hình dáng đất nước này. Một số khác đã khiến những người Israel bình thường tiếp xúc với những nền văn hóa và những bộ phận dân cư mới mẻ. Một vài cuộc chiến lại mở ra một thời đại tự tin và phấn chấn; số khác tuyên bố cho một thời đại tự ti và bồn chồn làm thui chột giá trị đích thực. Một vài cuộc chiến định hình những chiến binh Israel trẻ trung như những anh hùng thực thụ, vì nước quên thân; một số khác lại sắm cho họ vai những kẻ gây bạo lực với phụ nữ và trẻ em. Một số cuộc chiến dẫn đến sự thống nhất; số khác lại phân li. Một số chỉ được nhìn thấy trên truyền hình; số khác bùng nổ tận sâu trong mọi ngõ ngách của cuộc sống dân sự. Một số cuộc chiến khơi nòng cho thay đổi về chính trị; số khác cố thủ những quyền lực bên trên. Cũng như vậy, mỗi thời kỳ ổn định hay hòa bình lại mang đến thay đổi của riêng nó. Một vài thời kỳ phải chứng kiến đất đai bị mất, số khác mở rộng khu định cư. Một vài thời kỳ khơi mào cho sự phục hồi đức tin, số khác lại cho phép chủ nghĩa tự do thể tục nổi lên. Một vài thời kỳ dẫn đến sự mở rộng về mặt kinh tế không thể ngờ, số khác lại gia tăng sự cô lập quốc tế, kinh tế trì trệ và những bất ổn trong xã hội. Một số giai đoạn như thế này đi kèm với những cuộc đàm phán, số khác lại là với mưu toan về một chủ nghĩa đơn phương. Một vài thời kỳ nhen lại những tia hi vọng và đề cao khả năng về một sự tái hòa giải thực sự; số khác lại chỉ chứng minh nó là một sự mơ mộng hão huyền, chỉ càng làm tăng lên mối hoài nghi về những người Ả Rập hay cả thế giới nói chung.

Một chu kỳ thay đổi tương tự đã làm nên đặc tính của công cuộc Phục quốc Do Thái từ buổi ban đầu trên phương diện dân số. Những người thời tiền Zion nhập cư vào Palestine hầu hết là môn đệ của các rabbi châu Âu và là những người Do Thái khổ hạnh chủ yếu lấy lòng nhiệt tâm tôn giáo và những ý tưởng về vị cứu tinh làm động lực. Những làn sóng nhập cư thời của phong trào Zion bắt đầu từ cuối thế kỷ 19 bao gồm hầu như là những người Do Thái thế tục, nhiều người đã bị ảnh hưởng bởi tư tưởng chủ nghĩa xã hội, tìm công việc bán mặt cho đất bán lưng cho trời và tổ chức những nông xã. Trong khi mỗi một làn sóng này đều có một đặc điểm độc đáo riêng – lần thì toàn những chuyên gia người Đức, những lần khác thì toàn những người Nga khỏe mạnh đủ tiêu chuẩn nghĩa vụ quân sự, những người này đã thành lập nên rất nhiều đơn vị bán quân sự - nhưng cuối cùng hầu như vẫn chỉ có người Do Thái châu Âu. Nhưng trong một vài năm đầu tiên sau khi nhà nước khai sinh, dân số Israel tăng quá gấp đôi, đa số những người mới nhập cư là Do Thái Sephardic từ những nước Ả Rập và Bắc Phi. Hầu hết bọn họ đều nghèo kém, nhiều người còn thất học và một bộ phận lớn bị áp bức bất công và buộc phải tha hương. Khi họ đã đến được Israel, hầu hết đều phải sống trong những ấp toàn lều trại nhiều năm trời, dần dần mới mon men hòa nhập với xã hội Israel. Những làn sóng nhập cư đến sau là từ Bắc Mỹ, Ethiopia, Nam Phi và Pháp. Quy mô của chúng nhỏ hơn rất nhiều nhưng lại có ý nghĩa trong việc biến đổi diện mạo dân số của nhiều vùng đất Israel. Gần đây nhất, như đã nói từ trước, là làn sóng di cư ồ ạt của người Nga vào những năm 1990.

Những chu kỳ tiếp nhận nhiều nhóm người nhập cư đa dạng như thế đã liên tục đặt cả những người nhập cư cũ và mới trước những nền văn hóa, ngôn ngữ, lối sống và những giá trị ngoại tại. Biên giới dịch chuyển và tỉ lệ sinh dao động cũng dẫn đến nhiều cuộc di dân với số lượng lớn không kém trong nhiều năm. Tỷ lệ người Israel Ả Rập và người Do Thái chính thống tăng đáng kể. Ví dụ như thành phố lớn nhất Israel, Jerusalem, từng có một bộ phận áp đảo là người Do Thái thế tục. Hiện nay, chỉ khoảng 40% dân số tự xem mình là Do Thái thế

tục, 35% là người Ả Rập, và hơn 20% là người theo đạo, hầu hết là Do Thái chính thống cực đoan.

Tại Jerusalem và những nơi khác, không chỉ có diện mạo dân số là thay đổi quá rõ rệt như vậy. Như Amnon Niv, một kỹ sư đô thị tại thành phố Jerusalem vào những năm 1970 chứng nhận rằng, từ đầu thập niên 1970, trong một thế hệ, Jerusalem đã trải qua một sự chuyển biến về mặt kiến trúc và cơ sở hạ tầng mà với hầu hết những thành phố khác tốn nhiều thập kỷ hoặc thậm chí hàng thế kỷ để hoàn thành. Và tốc độ xây dựng và phát triển ở nhiều nơi trên đất nước này vẫn tiếp tục không hề giảm sút. Những thay đổi quan trọng khác diễn ra trong một vài thập kỷ ngắn ngủi bao gồm sự phục hồi tiếng Hebrew trong Kinh Thánh và sự chuyển biến từ một xã hội gần như là chủ nghĩa xã hội, tập thể thành một xã hội nền kinh tế thị trường tự do, kiểu Mỹ, có tính chất chủ nghĩa cá nhân. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, một đất nước nhỏ bé, đói nghèo và luôn bị đe dọa sự tồn tại đã nhanh chóng trở thành một thế lực về kinh tế và quân sự trong khu vực với khả năng tiêu diệt kẻ thù khi cần.

Vậy thì chuyện gì xảy ra khi bạn lớn lên với, sống cùng, hoặc nhập cư vào một thế giới không ngừng thay đổi chóng mặt? Theo hướng tích cực, bạn cực giỏi thích nghi, sáng tạo và thay đổi. Bạn biết cách học những kỹ năng mới, tuân theo những quy tắc mới, sống với những người rất khác biệt với bạn, biết cách bắt đầu một lối sống mới, nếu không muốn nói là một cuộc đời mới. Bạn hiểu rằng tục lệ, thiết chế và phong cảnh địa hình chỉ là chuyện trần ai. Bạn trở nên ý thức về tri nhận và những phản ứng xúc cảm của mình với những điều kiện khắc nghiệt như là mối đe dọa và tình trạng dễ tổn thương, cũng như vinh quang và quyền lực. Ở mặt này, việc trở thành một người Israel giống như trải qua một khóa đào tạo cơ bản kéo dài vô tận trong thời đại thông tin toàn cầu, vốn đang nhắm đến việc làm cho bạn thích ứng với tình trạng thường xuyên thay đổi. Đây là một trong những lý do mà mọi bạn trẻ Israel mà tôi gặp ở New York đều là những người khởi nghiệp đầy nhiệt huyết, thành công hoặc thất bại. Đó là một trong những lý do khiến một đất nước có số dân xếp hàng 101 thế giới lại có thể sản sinh ra được 125 công ty, hầu hết là về công nghệ cao, có giao dịch trên thị trường chứng khoán New York. Nó còn vượt xa hơn bất kỳ một nước nào trên thế giới ngoại trừ Hoa Kỳ và Canada.

Nhưng tất cả những thay đổi chóng mặt như thế này cũng có mặt không hay. Người Israel không coi trọng những quy tắc hướng dẫn chung. Cơ bản là họ coi thường các kế hoạch, phép tắc và những quy trình, có nghĩa là họ không coi trật tự đang có là mặc định. Số thủ tướng ngồi ghế hết một nhiệm kỳ trong lịch sử Israel có thể đếm dư trên đầu ngón tay. Mỗi làn sóng nhập cư mới lại đem đến cho đất nước này một nhóm đông đảo những cá nhân phải lưu tán, bị ám ảnh vì bom rơi đạn nổ, trong một thời gian dài cố gắng giải mã những quy tắc thất thường trên miền đất mới thường tiếp đãi họ với thái độ nghi ngại, ngờ vực. Những người địa phương, vốn trước đây cũng là những người nhập cư, thường không biết nên ngưỡng mộ hay cảm thương cho những người mới đến, và làm thế nào để kết nối với những truyền thống và văn hóa của họ. Tương tự, mỗi làn sóng xây dựng mới ở Bờ Tây bắt gặp trong lòng Israel vốn hợp với nỗi nghi ngờ và mâu thuẫn trong tư tưởng: đây là những kẻ kìm hãm sự nghiệp của những vị anh hùng Phục quốc Do Thái của chúng ta trong năm trước hay là một phường điên rồ, cuồng tín? Và, tất nhiên, những vấn đề về danh tính cơ bản mang tính nội vi chứ chẳng phải ngoại vi. Chúng ta có phải là một David hay một Goliath không? Một dân tộc nhỏ bé, yếu ớt chiến đấu để vượt lên những thế lực thù địch vây quanh hay là một quốc gia với những chiến binh hung hãn đang nô dịch những người hàng xóm bất lực? Đây có phải là quê hương bất diệt và duy nhất của chúng ta, một nơi mà những người Do Thái có thể cảm thấy an toàn, không phải chịu sự đàn áp, hay chỉ đơn thuần là một chương ngắn ngủi và bấp bênh cho chủ quyền của người Do Thái? Nói cách khác, mặt trái của khả năng thích nghi là sự bất ổn trong xúc cảm và tri nhận.

GIÁO SƯ VÀ TÀI XẾ TAXI

Một giáo sư của trường Đại học Hebrew đã hồi tưởng lại rằng trong buổi lễ tưởng niệm một người họ hàng gần đây, một thành viên trong gia đình đã nói lên tình yêu của người đã khuất dành cho Kinh Thánh như thế nào. Anh ta dẫn ra câu chuyện về Ishmael, theo kinh Qur'an, được coi là ông tổ của những người Hồi giáo, và Abraham đã bỏ ông đi như thế nào. Nó là một ám chỉ rõ ràng và theo khuynh hướng cánh tả tự do về việc người Israel ngược đãi người Palestine hiện nay như thế nào. Ngay sau đó, một thành viên gia đình khác đứng dậy phát biểu phản đối về tình yêu của người đã khuất đối với những địa điểm trong Kinh Thánh trên mảnh đất Israel. Lần nào chui vào một chiếc taxi hoặc bắt một chiếc xe buýt ở bất cứ đâu tại Israel, tôi cũng hay nghe thấy y chang câu chuyện kiểu này, có lẽ là dưới dạng ít ỏi hơn. Radio sẽ phát ra bản tin nóng hổi nhất hoặc có thể là âm nhạc, nhưng dù thế nào, thì bác tài hay một người bạn đồng hành trên chuyến xe buýt cũng sẽ xổ ra một thứ gì đó đại loại là “những bọn yefey nefesh khốn kiếp này” (hiểu là “những người theo chủ nghĩa tự do có trái tim nhỏ máu”⁽³³⁾) hoặc “những kẻ mới đến ma lạnh”.

Thêm vào sự phân biệt “bộ tộc” đã được nói đến ở trên, xã hội Israel bị chia cắt theo nhiều chiều hướng khác chỉ trùng lặp trong một chừng mực nào đó với những nhóm nhỏ. Quán triệt ý thức thường nhật của người Israel chính là chính trị, là họ theo phe hữu hay phe tả. Trong khi ở những nước dân chủ, kiểu phân chia phe phái này là chuyện bình thường, thì ở Israel, chính trị là một chuyện cực kỳ mang tính cá nhân. Tất nhiên rồi. Trong khi hầu hết các quốc gia, kết quả của cuộc chạy đua chính trị xác định nhà nước mà bạn sống thuộc loại nào thì ở Israel, nó xác định là bạn có được sống hay không. Cuối cùng, Israel là một nơi nhỏ bé với một văn hóa giao tiếp có những ranh giới có thể dễ dàng hòa trộn – việc của bạn cũng là việc của mọi người – bởi vậy đơn giản là bạn không thể trốn tránh khỏi chính trị. Trong một mẩu chuyện trò tán gẫu, một người bạn Israel vừa chỉ trích một người quen chung của chúng tôi mà lần cuối cùng anh ta nhìn thấy nhiều năm trước là “đúng là loại người khó ưa nhất mà tôi từng biết”. Nhưng sau đó anh ta nói thêm: “Cũng may là quan điểm chính trị của anh ta cũng được.”

Một khía cạnh đáng chú ý khác trong việc chia phe phái chính trị của người Israel, một khía cạnh mà có lẽ chẳng quốc gia nào xứng làm đối thủ, đó là nó đã có nhiều nghìn năm tuổi. Nó được găm vào cơ cấu xã hội của lịch sử Do Thái, Zion và Israel, đứa bé Israel nào khi sinh ra cũng thở trong bầu không khí ấy. Như một triết gia xuất chúng đã khuất của Israel, Hugo Bergman, đã nhận thấy, Do Thái giáo luôn có hai dòng cạnh tranh nhau: một bên thì tha thứ và tràn đầy tình yêu thương, còn một bên thì chia bè kết phái, hiếu chiến; một bên tìm cách làm hài lòng những người ngoại đạo, còn một bên lại chống đối họ. Thời xưa đã có xung đột xảy ra giữa những người muốn chung sống với những thế lực hàng xóm hống hách và những kẻ chủ trương độc lập hoàn toàn. Ví dụ trong Kinh Thánh, những nhà tiên tri Isaiah và Jeremiah kịch liệt phản đối bất cứ chính sách với bên ngoài nào thất bại trong việc hòa hợp với những siêu cường trong khu vực, họ tiên tri rằng điều đó sẽ khiến cho dân tộc bị hủy diệt. Cuốn sách của các vị Vua, mặt khác, lại lên án vua Manasseh, cai trị vương quốc Judea gần một nửa thế kỷ, vì chính sách xoa dịu đầy tội lỗi của ông ta đối với đế quốc Assyria.

Sự chia rẽ này tiếp tục cho đến tận sau khi núi Đền bị phá hủy và tiếp diễn mãi sau này trong lịch sử Do Thái Diaspora. Sau cuộc nổi dậy của Bar Kokhba chống La Mã vào khoảng năm 132 - 135 sau Công Nguyên, kết quả gây ra cuộc triệt tiêu và trục xuất cuối cùng những người Do Thái ở Judea, nhiều rabbi thế hệ tiếp nối đã buộc tội Bar Kokhba vì không xứng là một vị cứu tinh. Những rabbi khác, cũng như nhiều môn đệ của mình, xem Bar Kokhba là vị anh hùng mang tầm vóc thánh thần. Cuộc tranh luận tiếp theo được hâm nóng bằng ý tưởng

về cuộc trở lại của vị cứu tinh đối với chủ quyền dân tộc tại Jerusalem đã đưa ra một lời nguyên trong kinh Talmud Sanhedrin nổi tiếng sau này “Nguyên rửa mồ mả kẻ nào tính ngày Chúa cứu thế xuất hiện.”⁽³⁴⁾ Cuộc cạnh tranh phe phái vẫn tiếp tục trong suốt thời Trung cổ và tiếp sau đó, thường tập trung vào vấn đề cách thức đáp trả lại sự nhục mạ và ngược đãi đối với người Do Thái ở Diaspora. Trong khi đại bộ phận ủng hộ phó mặc cho Chúa định đoạt và không khiêu khích sự phẫn nộ của Sa hoàng, một vài người khác lại lúc nào cũng kêu gọi hành động đổ máu. Một số rabbi rao giảng về niềm vinh quang của những cuộc nổi dậy có vũ trang, đến mức phê chuẩn cho cả việc sử dụng vũ khí trong ngày lễ thánh Sabbath.

Trong gần như suốt hai thiên niên kỷ mới đây, người Do Thái Diaspora đã chung sống với sự chia rẽ về mặt chính trị này từ một vị thế của kẻ yếu thế, không có quyền lực. Điều này đã khiến cuộc cạnh tranh mang tính tranh luận vô mồm hơn. Nhưng như chúng ta hiện đã biết, mặc dù bị kẻ thù áp đảo về số lượng, nhưng người Yishuv, cộng đồng Do Thái ở Palestine trước năm 1948, và chắc chắn là nhà nước Do Thái đã nổi lên từ đó, lại cực kỳ quyền lực. Trên thực tế, Israel ngày nay giống nhiều hơn với những đế chế Assyria, Babylon hay Ai cập cổ đại. Nằm trong tay quyền bá chủ khu vực, với sức mạnh quân sự, kinh tế và ngoại giao của mình, Israel đã thống trị cuộc sống của hàng triệu cư dân hàng xóm láng giềng trong bốn thập kỷ gần đây. Nói cách khác, một khi giấc mộng phục quốc đã hiện hữu hóa, cuộc tranh luận về việc làm thế nào để thi hành quyền lực ít mang tính lời nói hơn và gây hậu quả nhãn tiền hơn. Bởi thế, nó càng trở nên gay gắt hơn.

Lịch sử Zion được đánh dấu chấm hết bởi những điểm khai hỏa cực dữ dội vừa làm mồi son chói lọi, vừa là khúc bi tráng đau thương, hố sâu chính trị ngăn cách tả - hữu đã găm vào ý thức dân tộc. Việc hai phe va chạm có thể bao gồm cả những bản cáo trạng chưa được xử lý, những lời kết tội hình sự, những vụ điều tra công khai, chính biến, những bài luận hàn lâm, và những bài bút chiến không bao giờ dứt. Mỗi lần như vậy lại nảy ra vô vàn những mưu mô đục nước béo cò thường diễn ra hàng thập kỷ; một vài lần ngay từ đầu vẫn còn được nói đến trước công luận; những lần khác thì phải đến những thế hệ tiếp sau mới được khai ra.

Vào đầu những năm 1930, các lãnh đạo nghiêng về cánh tả của cộng đồng Yishuv đã đàm phán những thỏa thuận “di dời” phức tạp với Đế tam Quốc xã, cho phép người Do Thái Đức di cư đến Palestine trở lại Đức được quyền tăng hàng xuất khẩu đến khu vực này. Bên đối lập những người theo chủ nghĩa xét lại cánh hữu từ chối bất kỳ mối liên hệ nào với đảng viên Đảng quốc xã, và báo chí của họ đã chỉ trích Jewish Agency⁽³⁵⁾ là “đồng bọn với Hitler”. Tổ chức cánh tả đã trả miếng, khi Chaim Weizmann, sau này là tổng thống đầu tiên của Israel, đã ví những người xét lại với “chủ nghĩa Hitler phiên bản tệ hại nhất”, và David Ben-Gurion, sau này là thủ tướng đầu tiên của Israel, đã ám chỉ người đứng đầu phe xét lại Ze'ev (tên khai sinh là Vladimir) Jabotinsky như là “Vladimir Hitler”.

Trong số những người bị những kẻ xét lại chỉ trích có Haim Arlosoroff, trưởng ban chính trị của Jewish Agency, người ta báo cáo rằng ông ta đã đến Berlin để theo đuổi một thỏa thuận di dân với những người Đức. Vào buổi tối ngày 16 tháng 6, năm 1933, Arlosoroff đi dạo cùng vợ trên bãi biển ở Tel Aviv, thì có hai gã đàn ông chặn trước mặt ông ta, chiếu đèn chớp vào mặt ông, chĩa súng, bóp cò bắn ông ta. Đảng Lao động buộc những kẻ xét lại vào tội giết người, và toàn bộ vụ việc trở thành một điểm nóng trong đời sống xã hội Israel suốt nhiều năm. 49 năm sau vụ sát hại này, chính phủ cực hữu của Begin đã tổ chức một ban ủy ban điều tra chính thức để xác định tính xác thực của lời cáo buộc này. Ủy ban chẳng tìm ra được bằng chứng nào, và vụ giết người vẫn còn là một bí mật cho đến tận ngày hôm nay.

Vào thập kỷ 1940, Yishuv tranh cãi về việc làm thế nào để phản đối việc người Anh hạn chế người Do Thái nhập cư vào Palestine và làm thế nào để thúc tiến sự nghiệp độc lập tự do

thoát khỏi sự cai trị của người Anh. Phe hữu ủng hộ con đường chiến đấu vũ trang, phe tả theo con đường đàm phán. Có lúc, cánh tả mà đại diện của nó là lực lượng phòng vệ Haganah (tiếng Hebrew có nghĩa là “phòng vệ”) đã phối hợp với những tổ chức bí mật cánh hữu hoặc, như một vài người từng gọi, là khủng bố, Etzel và Lechi (lần lượt là Tổ chức Quân sự Quốc gia và Chiến binh tự do Do Thái). Nhưng sau khi Lechi ám sát Huân tước Moyne, Bộ trưởng phụ trách Trung Đông của Anh, vào năm 1944, Haganah thực hiện một cuộc tấn công toàn diện vào cả hai nhóm Lechi và Etzel. Trong suốt giai đoạn kế tiếp này, Sezon – bắt nguồn từ chữ “season” trong tiếng Anh, ám chỉ mùa săn ở nước Anh, Haganah đã chuyển bạn thành thù, những nhóm Do Thái anh em Etzel và Lechi và người Anh thế chỗ cho nhau. Thời kỳ đó đã để lại những vết sẹo ân oán cá nhân không thể nào lành được trong tâm thức cả một thế hệ người Israel. Cho đến tận ngày nay, những chính trị gia cánh hữu vẫn còn dẫn ra nỗi kinh hãi Sezon mỗi khi họ cảm thấy được những kẻ cánh tả rủ rê cùng hội cùng thuyền.

Trong thập kỷ này, vào những buổi ban đầu của nhà nước Do Thái và Cuộc chiến Độc lập, còn có một cuộc chạm trán quan trọng khác nữa diễn ra, khi đó một con tàu của Etzel, chở hàng trăm thanh niên Do Thái đến tuổi nhập ngũ và một lượng lớn vũ khí của Pháp cập cảng Tel Aviv. Trong khi Etzel và Ben-Gurion thỏa thuận với nhau về việc tổ chức bí mật này có giữ một phần vũ khí hay không, thì một trận đấu súng đã nổ ra giữa hai lực lượng. Kết quả là, chiến hạm Altalena bốc cháy ngùn ngụt, làm chết rất nhiều tân binh của Etzel và phá hủy một phần vũ khí trên tàu. Diễn biến sau đó, Ben-Gurion thủ tiêu sạch sẽ Etzel và áp đặt sự thống nhất lên tất cả các lực lượng vũ trang Do Thái. Nhưng phần chưa chìm của con tàu bị bốc cháy Altalena vẫn cứ chình ình trên mặt biển Địa Trung Hải chỉ cách bờ biển ngoài Tel Aviv khoảng 30 yard⁽³⁶⁾ trong nhiều tháng trời, như một đài tưởng niệm quái gở, xấu xí, bất đắc dĩ. Thậm chí sau khi đã biến mất trên biển, Altalena vẫn là một vết thương há miệng và là biểu tượng đầy ám ảnh trong tâm thức của nhiều người Israel. Đối với tất cả mọi người, đó là một câu chuyện cảnh báo về nguy cơ của cuộc nội chiến với cánh tả, nó biểu hiện cho nỗ lực đấu tranh nhằm lật đổ một chính phủ được bầu cử, trong khi đối với cánh hữu, nó chỉ như là thêm một sự kiện nữa mà người Do Thái nhắm vào chính họ.

Vào thập niên 1950, Israel ngập chìm trong một loạt các cuộc tranh cãi bão táp về vấn đề có nên chấp nhận để nước Đức đền bù bằng tiền bạc cho những tổn thương mất mát từ Đại thảm sát Holocaust hay không. Chính phủ của đảng Lao động đã muốn thế, nhưng phe đối lập từ cánh hữu phản đối kịch liệt. Trong khi Knesset, hay nghị viện, đang bàn bạc về dự luật này, thì những kẻ ủng hộ phe phản đối đã tấn công tòa nhà nghị viện. Họ đập vỡ cửa sổ, ném đá vào phòng họp, làm bị thương ít nhất một thành viên của nghị viện. Menachem Begin, thủ lĩnh phe đối lập, bị cho là đã kêu gọi những người biểu tình “chống lại Knesset”, vì thế mà Thủ tướng Ben-Gurion đã triệu tập quân đội. Cuối cùng, Ben-Gurion yêu cầu quân đội không được nổ súng thậm chí ngay cả khi những người biểu tình đã tiến được vào tòa nhà. Cuối ngày hôm đó, ông lên án cuộc biểu tình này là một mưu toan tiêu diệt nền dân chủ.

Vào thập niên 1960, người Israel liên kết với nhau bởi cả nỗi sợ hãi chiến tranh lẫn niềm hân hoan chiến thắng. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh năm 1967 đã gieo mầm cho sự chia rẽ cực lớn trong tương lai. Vùng-đất-vì-hòa-bình cùng với cuộc chiến vì Israel Vĩ đại hơn, sau này áp đảo nên chính trị Israel trong nhiều thập kỷ, bùng nổ chỉ sau cuộc chiến 1967 vài tháng. Trong thập niên 70, chiến tranh một lần nữa nhanh chóng đoàn kết nhân dân lại. Nhưng cùng với những căng thẳng về kinh tế xã hội và dân tộc đang nổi lên, mà cánh hữu đã thành công khi quy kết nguyên nhân của chúng cho tình trạng tham nhũng thối nát trong giới lãnh đạo đảng Lao động, chiến tranh năm 1973 đã dẫn đến một cuộc *mahapach*, hay một cuộc cách mạng, chính trị, đã đôn vị lãnh tụ của cánh hữu vào ngay chiếc ghế thủ tướng. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Zion và Israel, đảng Lao động cực tả bị bật ra khỏi quyền lực. Những người ủng hộ và những thành viên cánh tả khác, tất cả chiếm khoảng một nửa dân số nước này, đã bàng hoàng và sợ hãi trong nhiều tháng liền.

Những năm 1980, vô vàn thảm kịch của dân tộc đã bồi thêm nhiều mối bất hòa hơn là người ta tưởng. Vào năm 1982, thực hiện một phần hiệp định hòa bình với Ai Cập, chính phủ đã “quét” sạch khu định cư Yamit trên bán đảo Sinai. Một nhóm nhỏ cư dân ở đây nhất định không chịu tản cư. Họ lập rào chắn, cố thủ trên mái nhà và trong nhiều tuần, họ ném những lốp xe đang phồng phồng cháy và những làn mưa gạch vào binh lính, những người trước đây là đạo hữu và người bảo vệ họ. Khi chính phủ của Begin yêu cầu người dân phải rời đi, nhiều người trong phe của ông ta cảm thấy như bị phản bội.

Một năm sau, trong suốt cuộc xâm chiếm Lebanon của Israel, bị kịch của riêng cánh tả có phần đỡ hơn. Tiếp sau vụ thảm sát Sabra và Shatila, trong đó những người Lebanon theo Ki tô giáo đã giết hại hàng trăm người Palestine di tản trong một khu vực dưới quyền kiểm soát của người Israel, một ủy ban điều tra chính thức của Israel đã chỉ trích gay gắt năng lực chỉ huy của Bộ trưởng Quốc phòng Ariel Sharon. Ngày 10 tháng 2 năm 1983, khi chính phủ của thủ tướng Begin nhóm họp để bàn về báo cáo của ủy ban, thì Peace Now⁽³⁷⁾ khởi xướng một cuộc biểu tình kêu gọi Sharon từ chức. Một đám đông đàn áp những người biểu tình đã tập trung lại và gây hấn với họ. Vụ chạm trán không phải là không điển hình này đã có một chuyển biến bi kịch khi một trong những người đàn áp người biểu tình ném một quả lựu đạn vào nhóm Peace Now, giết chết một thành viên của nhóm và làm bị thương nhiều người khác.

Người thanh niên bị giết hại, Emile Grunzweig, là thạc sĩ chuyên ngành khoa học chính trị. Trong luận văn của mình, bảo vệ ba ngày trước đó, Grunzweig đã dẫn ra một câu nói của triết gia Karl Popper: “Truyền thống vĩ đại của chủ nghĩa duy lý Tây phương là ra trận bằng lời nói chứ không phải thanh gươm.” Grunzweig sau đó đã lưu ý, “Câu nói này thể hiện niềm tin rằng nếu giữa các bên đấu đá lẫn nhau không có những tiêu chuẩn chung cho lựa chọn lý trí cùng quy mô cạnh tranh, người phát ngôn sẽ trở thành nguồn sức mạnh duy nhất cho quy mô của riêng mình, và giải pháp cho xung đột này chỉ có thể đạt được khi phát ngôn viên ở hai phía đối địch đang đấu võ mồm hoặc im như thóc ngậm.” Đối với cánh tả Israel, Grunzweig ngay lập tức trở thành pháo đài có sức lay động trái tim và là một biểu tượng cho thấy cánh hữu thích thanh kiếm hơn là ngôn từ.

Chiến tranh Lebanon được giới chính thống coi như một vụ công kích có giới hạn chống lại lực lượng Phong trào giải phóng Palestine (PLO) ở biên giới phía bắc, leo thang thành một cuộc giao chiến phức tạp, kéo dài dai dẳng tới tận 18 năm. Những người cánh tả coi đây là cuộc chiến không bắt buộc đầu tiên, nó tiếp tục chia cắt Israel trong nhiều năm.

Cuối những năm 1980, phong trào intifada đầu tiên của người Palestine đã đẩy những binh lính trẻ Israel vào tình thế phải chống lại đám đông dân chúng, đôi khi còn xảy ra bạo lực, thường là với những thanh niên biểu tình người Palestine còn trẻ hơn cả họ. Dân chúng bất tuân lệnh các nhà chức trách, ném đá, đâm chém, và còn có một vụ những người Palestine bị phía Israel hành hình kiểu lin-so⁽³⁸⁾ với đám đá, hơi cay và đạn thật. Xem những bản tin truyền hình hàng ngày và nghe về những vụ xô xát cá nhân như thế này giữa con cháu, anh em của họ với người dân Palestine sinh sống trên Bờ Tây và dải Gaza chỉ càng đẩy người Israel về hai phía của một khe hổng trên nền tảng các vấn đề thuộc về chính trị lịch sử. Tình hình trở nên xấu đi vào đầu những năm 1990 khi một chính phủ mới của đảng Lao động, đứng đầu là Yitzhak Rabin, bại lộ việc họ đang thỏa thuận theo lối cửa sau với PLO – đây là lời nguyện rửa tội cho hầu hết người dân Israel lúc đó. Những cuộc đàm phán này dẫn đến việc ký kết hiệp định Oslo, khởi động cho một lộ trình được cho là tiến xa nhất trong việc thành lập một nhà nước Palestine ở Bờ Tây và dải Gaza. Cánh hữu chỉ trích, phản đối và biểu thị sự phẫn nộ. Khi những người Palestine phản đối hiệp định này thực hiện một loạt vụ ném

bom liều chết trên khắp lãnh thổ – vào lúc đó, một dạng chủ nghĩa khủng bố mới lại đến mức gây sốc cho Israel và thế giới phương Tây – mọi thứ bắt đầu bùng nổ. Suy đi tính lại, những lời nói hoa mỹ gây kích động bạo động một vòng tương hỗ hiểm độc.

Nhưng vết thương và tấn kịch của những cuộc chạm trán này chẳng thấm vào đâu so với những gì xảy ra vào buổi tối ngày 4 tháng 11 năm 1995, khi lực lượng đấu tranh vì hòa bình tập hợp ở Tel Aviv và những diễn biến tiếp sau đó. Cuối buổi tập hợp đó, một thanh niên mảnh khảnh, đầu đội mũ yarmulke⁽³⁹⁾ – một sinh viên luật xuất sắc và là người cực lực phản đối hiệp định Oslo – tiến đến gần thủ tướng Rabin, sử dụng hòa bình xuất thân từ một người lính⁽⁴⁰⁾, lúc ấy được bảo vệ rất sơ sài, và nổ súng bắn ba phát đạn vào lưng ông từ khoảng cách gần. Người ta xác nhận thủ tướng đã chết, ngay sau đó dấy lên một làn sóng tiếc thương chưa từng có cùng với nhiều mức độ thù hận và phản cực không thể nào sánh được từ trước đến nay trong xã hội Israel. Vụ ám sát đã gây tổn thất lớn cho chính phủ đảng Lao động, và như tổng thống Mỹ Bill Clinton, cùng những người khác chỉ ra, nó dường như đã đặt dấu chấm hết cho tiến trình hòa bình. Cả một thập kỷ sau vụ ám sát trên, tòa án tối cao của Israel – trong một phán quyết mà nhiều người cho rằng nó xuất phát từ cảm tính nhiều hơn – quyết định kẻ giết người, không giống những tù chung thân nguy hiểm khác, sẽ không được phép “gần gũi” với vị hôn phu của anh ta.

Cuộc chạm trán đáng chú ý tiếp theo diễn ra trước và trong suốt cuộc rút quân đơn phương của Israel ra khỏi dải Gaza năm 2005. Lần này, những cuộc biểu tình lớn như mọi khi lại bắt đầu từ phía cánh hữu. Cũng có những biến sự chính trị, như họ đã mất đa số ghế trong chính phủ ở Knesset. Nhưng họ không ngăn được thủ tướng Sharon thi hành lệnh rút lui, và trong nhiều ngày dài giữa cái nắng tháng Tám, toàn đất nước chứng kiến hình ảnh binh lính Do Thái buộc phải xua đuổi những người định cư Do Thái và phá hủy nhà cửa của họ. Những thước phim cho thấy quân đội đang kéo lê những người dân đang gào thét ra khỏi nhà của họ và các giáo đường Do Thái, và trên nhiều con đường, nhiều người dân khác đang đứng chặn và nổi lửa. Một người dân trên Bờ Tây đã tự thiêu ở gần một trạm kiểm soát tại dải Gaza, và một vài người khác được báo cáo là đã để con cái ở nhà, trên người mặc quần áo có hình ngôi sao David, để tỏ rõ quan điểm là chính phủ hành động chẳng khác gì bọn Đức quốc xã.

Theo dõi tất cả những điều này trên màn hình, nhà nghiên cứu chính trị ngả theo cánh tả Yaron Ezrahi lúc đó đã nói với tôi rằng sự chống cự của những người định cư chống lại lệnh tản cư khỏi đất Gaza đơn thuần chỉ là một show truyền hình thực tế, được diễn như một bài bình luận và một lời cảnh báo về những gì sẽ xảy ra nếu và khi Israel quyết định rời khỏi Bờ Tây. Thực sự là, nếu điều này có xảy ra, xung đột giữa quân đội và 50.000 hoặc nhiều hơn nữa những người cực hữu, có vẻ như quyết tâm chống đối bằng bạo lực, và họ có được ủng hộ ngày càng cao trong hệ thống tướng lĩnh quân sự, có thể sẽ đạt được một đỉnh cao chói lọi trong lịch sử huynh đệ tương tàn triền miên từ thuở xa xưa này.

Ở mặt tích cực, chẳng có gì ngạc nhiên khi nhiều người Israel ở cả hai phía trên bản đồ chính trị đều thống nhất chỉ trên một quan điểm, đó là họ chẳng có điểm chung nào với nhau cả. Nhưng thực ra, vì cả hai bên đều nổi lên từ cùng một môi trường phân cực, nên họ đúng là có gặp nhau tại một điểm cực quan trọng trên phương diện tâm lý. Lớn lên và thậm chí là sống cả đời trong một xã hội chia bè kéo cánh như vậy cho phép người ta phát triển một sự đồng cảm ngả theo một bên mạnh mẽ, thường là về bên mà bạn được tiếp xúc nhiều nhất từ những hình mẫu có vai trò ảnh hưởng lớn như ông cha hoặc những người đồng trang lứa. Sự đồng cảm, gắn bó này hình thành với trái tim đa cảm chứ không phải với đầu óc lý trí, vì trên phương diện sinh học và xã hội, tất cả chúng ta đều có xu hướng thân thiết, sống gần gũi và để cho phần tình cảm trong mình nương theo số phận với những thứ mà mình ràng buộc

cùng. Trong một xã hội như Israel, điều này được củng cố thêm nữa, trái ngược với nền tảng bất ổn mà họ đang sống trong đó người Israel ở cả hai phe chỉ cần coi chừng vị thế chính trị của mình với phe đối lập, thì đây chính là một điều chắc chắn không có gì để nghi ngờ. Kiểu câu hỏi lựa chọn chiến hay hòa, giận dữ hay sợ hãi lại gọi lên trong tâm trí họ mỗi khi có một cuộc chiến tranh hay một cuộc tấn công khủng bố mới. Lúc đó chẳng còn hữu hay tả nữa, thậm chí đúng hay sai người ta cũng chẳng thiết nghĩ đến; tất cả chỉ là đã tốt là tốt cả, mà đã ác là ác hết mức. Trong thuật ngữ tâm lý học, đây là cơ chế phòng vệ tách đôi (tư duy nhị nguyên) hoặc phóng chiếu: bạn tự vệ tránh xa khỏi mâu thuẫn nội bộ bằng cách quy một phần mâu thuẫn cho phe đối lập. Bởi vậy nếu tiến hành một cuộc chiến tranh mà có thể bảo vệ đất nước khỏi nguy cơ của một trận đánh phủ đầu của kẻ thù, nhưng có thể đe dọa mạng sống của những binh sĩ trẻ trung, bạn sẽ chẳng lo lắng tới những rủi ro sau đó, đổ nổi lo lắng đó sang cho đối thủ, và tuyên bố anh ta bị hoang tưởng, là một kẻ biến thái nhân cách⁽⁴¹⁾ hiếu chiến; còn bạn, vâng, tất nhiên bạn là người hộ mệnh cho lòng nhân đạo đang tìm kiếm hòa bình hoàn toàn sáng suốt lý trí. Hoặc, bạn, ngả về việc ủng hộ đánh đấm, để tránh nguy cơ bị quân địch đánh phủ đầu, đẩy nguy cơ đe dọa mạng sống của các binh sĩ trẻ cho đối thủ của mình, rồi sau đó xĩa xối anh ta là một kẻ ngu ngơ, hèn nhát, đàn bà, còn bạn, vâng chính bạn, là một người thực tế, cứng cỏi, đầu óc luôn cảnh giác. Từ đây, chỉ còn vài bước chân nữa là đến một kiểu tư duy nhị nguyên nếu-không-ủng-hộ-thì-là-chống-lại chúng ta và kiểu quan điểm cổ tích hơn nữa là đánh đồng mọi sự không-đen-thì-trắng.

Trên đỉnh của sơ đồ cảm xúc này, người ta bổ sung cả những yếu tố mang tính tri nhận hay tư duy. Trong trường hợp tâm thức của người Israel, điều đó cho phép xây dựng một lý luận logic, thuyết phục bổ trợ cho khuynh hướng đã từng sôi nổi, nồng nhiệt của bạn, nhập vào nó những bite âm thanh cổ điển, xưa cũ, được chọn lựa một cách thích hợp để khớp với lý lẽ của bạn và để phá hoại lý lẽ của đối thủ. Khi cả hai bên sau đó đối mặt nhau ít nhất là một lần nữa trong cơn lốc bất tận những ý tưởng và thực tế còn được biết đến như là vấn đề thảo luận của quốc gia, thì cường độ mãnh liệt của các cuộc chạm trán không hề thuyên giảm mà chỉ càng mài sắc thêm trái tim và khối óc của họ, biến một người Israel điển hình thành một chuyên gia, một tín đồ thực thụ, một phát ngôn viên và một trưởng ban tin bài về tất cả vấn đề tả cũng như hữu.

Có một cách khác để giải thích cho sự phân cực này đó là viện dẫn đến khái niệm của Freud về tạo phản ứng. Trong khi cơ chế phòng vệ tách đôi và phóng chiếu phổ biến hơn trong nghiên cứu tâm lý nhóm, thì tạo phản ứng, một cơ chế phòng vệ diễn biến phức tạp hơn, thuộc vào nhánh tâm lý cá nhân. Với cơ chế phòng vệ này, bạn thiết tha thể hiện những ý muốn ngược lại ý muốn của mình để đạt đến một sự an toàn và yên ổn, bạn sợ sệt chính khát vọng, ham muốn của mình và phải giả bộ khoác lên mình quan điểm đối lập. Bởi vậy bạn trở thành con chim ưng cảnh giác thái quá. Vậy nên cánh tả đã được đánh đồng như một kẻ hung hăng chuyên bắt nạt, sợ hãi chính cái phần nhút nhát thẳm sâu bên trong con người mình. Hoặc, bạn muốn diệt sạch kẻ thù khỏi trái đất này để có thể đạt được sự an toàn và yên ổn, bạn sợ hãi chính sự dã man của mình và trốn chui lủi trong chính quan điểm ngược lại mình, một trạng thái tâm lý phản đối chiến tranh. Kiểu phòng vệ này tương tự thuyết âm/dương trong triết học cổ Trung Hoa, quan niệm rằng mọi thứ trong tính toàn vẹn của nó chia làm hai phần đối lập đấu tranh nhau nhưng có lực cân bằng, và sự ổn định phụ thuộc vào sự cân bằng của cả hai. Thực sự là, giống những ông chồng và các bà vợ chuyên phàn nàn về những khuyết điểm của nhau nhưng lại bù trừ và do đó bổ trợ cho nhau, việc đặt hai quan điểm đối lập cạnh nhau một cách không e dè chỉ càng củng cố chúng, vì mặt này lại tác động lên những thiếu sót của mặt kia. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này ở phần sau, nhưng hãy nhớ rằng, trong công thức này, hai mặt đối lập đều có một phần và soi chiếu với mặt kia như là nỗi khao khát và nỗi e sợ. Phe hữu chẳng mong muốn gì hơn là hòa bình nhưng lại sợ phải tin vào nỗi khao khát đó, còn phe tả cũng chẳng mong gì hơn là quyền lực nhưng lại e sợ ý muốn giành giật của chính nó.

Không cần biết bạn đã ý niệm hóa điều này như thế nào, nhưng nên làm rõ rằng như là kết quả của việc phân cực triền miên và xưa cũ, cánh hữu và cánh tả đều có một điểm chung cực lớn. Cả hai phe rõ ràng đều có một niềm tin nhiệt thành và tôn thờ vào sự nghiệp của chính họ cùng với khả năng ủng hộ nó. Hoặc nhìn một cách tiêu cực, họ đều có lập trường cứng rắn, một đầu óc tư duy hẹp hòi, và đều không thoả mái với những sắc thái và sự đa dạng, trái chiều về quan điểm. Cũng như vậy, ở một đất nước mà như lời của phóng viên của tờ *New York Time* Steven Erlanger, “tất cả mọi người tranh luận về tất cả mọi thứ”, sự phân tách trong sự đồng cảm này không giới hạn trong sự phân cực chính trị. Trong khi mỗi sự phân tách về mặt tôn giáo, dân tộc, văn hóa và địa lý đã được đề cập đến trước đây đều có động lực phát triển độc đáo của riêng chúng, thì tất cả đều chia sẻ, tạo tác, củng cố và làm phong phú mặt biện chứng của những phần đối lập, bạn sẽ thấy điều này thực sự rõ ràng khi động đến bất cứ vấn đề nào liên quan đến Đất Thánh.

VƯỢT QUA THAY ĐỔI VÀ TÌNH TRẠNG PHÂN MẢNH

Vậy là nếu môi trường biến động liên tục sản sinh ra một kiểu tính cách thất thường và có khả năng thích nghi cao, và sự phân tách hiện thời sẽ nảy sinh một tính cách nhiệt tình nhưng cứng nhắc, thì chuyện gì xảy ra khi bạn được tiếp xúc với cả hai? Rốt cuộc là bạn sẽ trở nên giỏi thích nghi và nhiệt thành, hay cứng nhắc và thất thường? Hoặc pha trộn láo nháo cả hai khía cạnh này? Hãy cùng *xem* xét một vài ví dụ điển hình, bắt đầu với một người Israel vô cùng Israel, cựu thủ tướng quá cố Ariel Sharon. Sharon là một người thuần Israel, giỏi thích nghi – nhiệt thành. Có thể thấy tràn ngập các trang tiểu sử về Sharon là mối quan tâm với việc xây dựng một hệ thống an ninh quốc gia hùng mạnh và triết lý chính trị của ông. Ông đã thực thi những chiến lược quân sự có sức ảnh hưởng mạnh mẽ trong vai trò một vị tư lệnh và Bộ trưởng Bộ quốc phòng, ông đốc thúc chính phủ gia tăng chóng mặt các khu định cư xây dựng trong những lãnh thổ đã chiếm được, và lên tiếng ủng hộ tầm nhìn của ông về một “Israel vĩ đại hơn”⁽⁴²⁾ trong nước cũng như ngoài nước. Chắc chắn là những thành tựu trên những phương diện này một phần là sức mạnh niềm tin và lòng nhiệt huyết toàn tâm toàn ý cho sự nghiệp này của ông. Trong việc tạo ra, rồi sau thích nghi với, những thay đổi, Sharon có những bước tiến vĩ đại. Trong cuộc chiến tranh 1973, ông nổi tiếng là đã vượt trội hơn hẳn quân đội Ai Cập trong một cuộc tấn công hung hãn, nắm lấy chiến thắng ngay dưới mũi thất bại. Trong cuộc đời hậu binh nghiệp của mình, ông đã tạo nên một đảng chính trị mới, sáp nhập nó với một đảng cũ, rồi thành lập một đảng mới nữa vài năm sau đó, và một trong nhiều lần thay đổi chính sách chính, ông quan sát thấy một khi phá hủy những khu định cư ở bán đảo Sinai thì sẽ đạt được hòa bình với Ai Cập. Và sau khi sống lưu vong chính trị nhiều năm, do bị hất cẳng một cách nhục nhã ra khỏi vị trí ở Bộ Quốc phòng sau cuộc thảm sát Sabra và Shatila, ông đã lội ngược dòng, quay về để trở thành một trong những thủ tướng quyền lực và nổi tiếng nhất Israel. Đời sống cá nhân của ông cũng vậy, ông đã vượt qua được nhiều mất mát đau thương, gượng dậy với những lần đính hôn mới.

Nhưng một câu chuyện trái ngược với tất cả những điều này minh họa ngay cho việc hình thành nhân cách cứng nhắc – bất ổn. Đầu óc hẹp hòi, quan điểm trắng-đen-rõ-ràng của Sharon về vấn đề xung đột Israel – Palestine đã đóng một vai trò nào đó trong thảm kịch của bao nhiêu dân thường Palestine bị giết hại, trong việc vi phạm luật quốc tế, ở Jordan, Lebanon và dải Gaza. Năm 1982, ông ta dẫn dắt chính phủ Israel vào một cuộc phiêu lưu quân sự ở Lebanon, tình hình chiến sự kết cục đã chứng minh đây là một sai lầm khủng khiếp và Israel đã phải trả giá đắt. Người ta cũng theo đuổi dự án những khu định cư người Israel ở Bờ Tây của ông ta bằng cách vi phạm luật pháp quốc tế, điều đó có thể còn chứng tỏ là đã ngầm phá hoại không cách nào cứu vãn một giải pháp hai-nhà-nước, vốn là những mục

tiêu của chính sách chính thống về sự thành lập cả Israel và Palestine hiện nay. Tất cả điều này đã ngầm minh họa cho mặt trái của sự đam mê nhiệt thành – đó chính là sự cuồng tín, cứng rắn và chủ nghĩa cực đoan.

Khía cạnh bất ổn trong câu chuyện này được thể hiện rõ nét nhất trong thái độ của Sharon với vấn đề dải Gaza. Trong hơn ba thập kỷ, ông ta ủng hộ quan điểm bằng bất cứ giá nào cũng phải nắm giữ và cho dân định cư ở dải Gaza. Thật vậy, đến tận năm 2004, ông ta vẫn còn tỏ rõ quan điểm về địa danh này khi đã động đến Netzarim, một khu định cư nhỏ bé nhất, xa xôi hẻo lánh nhất ở dải Gaza. Giống như phần còn lại của dải Gaza, Netzarim chẳng có chút ý nghĩa lịch sử hay tôn giáo nào như Bờ Tây. Sharon tuyên bố: “Số phận của Netzarim cũng giống như số phận của Tel Aviv.” Nhưng đúng một năm sau, ông ta lại rút khỏi dải Gaza và phá hủy toàn bộ các khu định cư. Sự rút lui đơn phương vội vã này đẩy quân Hamas vào tiếp quản và khiến dân chúng Palestine trở nên quá khích, làm xói mòn nền tảng an ninh của Israel và những viễn cảnh về hòa bình.

Vậy thì đâu mới là con người Sharon thực sự, một người Israel nhiệt thành – mềm dẻo hay cứng nhắc – thất thường? Hãy lấy một nguyên mẫu điển hình tính cách Israel nổi tiếng khác, lần này là từ giới kinh doanh chứ không phải giới chính trị. Ở tuổi 39, Shai Agassi là ứng cử viên được nhắm đến cho chức CEO ở SAP, một công ty kinh doanh phần mềm lớn nhất thế giới. Trước đây, anh ta từng được đề bạt lên vị trí đứng đầu này nhưng lại đi theo đuổi một viễn ảnh mà các nhà phân tích của Ngân hàng Đức (Deutsche Bank) miêu tả là có khả năng phá vỡ hàng loạt ngành ô tô và làm tê liệt hệ thống xăng dầu. Suốt ba năm trong thời kỳ suy thoái kinh tế tồi tệ nhất kể từ hồi Đại Suy thoái, Agassi đã kiếm được 700 tỉ đô la và bán cho các chính phủ Israel, Đan Mạch, Úc, Hawaii và khu vực vịnh California, cùng các chính phủ khác, một mô hình kinh doanh chưa từng tồn tại trước đó cho những chiếc xe điện. Kết hợp với nhà sản xuất xe hơi Renault-Nissan để phát triển thành một công ty liên doanh, ý tưởng của Agassi dựa trên mô hình dịch vụ máy điện thoại di động. Người tiêu dùng muốn sở hữu chiếc xe hơi của riêng họ, nhưng ký một hợp đồng dịch vụ để bơm đầy năng lượng cho xe, như vậy là cần công ty của Agassi thiết kế và xây dựng không chỉ những chiếc xe hơi chạy điện mà còn phải xây hàng nghìn trạm nạp điện tự động trên khắp thế giới.

Nếu dự án khổng lồ này thành công, chắc chắn nó sẽ cho thấy một màn ngoạn mục của tư duy Israel song kiếm hợp bích giữa sự mềm dẻo và lòng nhiệt thành. Bằng cách nhìn xa trông rộng, xác định vấn đề và ứng dụng những thay đổi mang tính cách mạng vào thị trường năng lượng và bản đồ địa chính trị, Agassi đã dựng lên một ý niệm kinh doanh khó tin nhưng có thể chạm tay đến được. Với khả năng thuyết phục mạnh mẽ, sự nhiệt tình hăng hái và ý chí bền bỉ, anh ta đã lôi kéo được một vài công ty cực lớn và vài chính phủ đồng hành. Tuy nhiên vào thời điểm tôi viết những dòng này, có vẻ như dự án đã thất bại, bởi vậy nhiều cuốn biên niên về kinh doanh hẳn đã có dịp nói này nói nọ về sự ra đi của Agassi khỏi SAP, nơi anh ta đã được cất nhắc ứng cử vào vị trí đứng đầu, để lao vào một dự án cá nhân chẳng mấy đảm bảo thành công. Và cuộc phiêu lưu vào thị trường xe điện của anh ta có thể cuối cùng cũng được nhìn nhận như cuộc chiến của một tín đồ mù quáng, cuồng tín, một kiến trúc sư ám ảnh quay cuồng với dự án xây dựng những lâu đài trên bầu trời. Nói cách khác, một Sharon với con người thực sự, giống như Agassi, cả hai đều tràn đầy nhiệt huyết và ý chí kiên định, cả hai đều mềm dẻo và thất thường, và trong sự kết hợp này còn liên quan đến việc họ đã thể hiện như thế nào, cũng như rất nhiều vấn đề khác như cá tính, hoàn cảnh bên ngoài và sự may rủi. Ở mức độ này hay mức độ khác, người Israel nào, cả những người không gắn đời mình vào những dự án hay những nhiệm vụ vĩ đại, cũng mang trong mình sự kết hợp như vậy.

Một ví dụ mang tính cá nhân, chắc chắn không phải là một hình mẫu to tát gì, chột hiện

lên trong tâm trí tôi từ những ngày đầu học đại học ở Mỹ, một năm sau khi từ Israel sang, lúc đó tôi 21 tuổi. Tôi vừa mới tìm được một công việc bán thời gian trong một tòa chung cư đẹp ở San Francisco và ngày đầu tiên đi làm, tôi lái chiếc Ford Impala già nua kéo kẹt nhưng cũng ngốn của tôi mất 200 đô. Tôi tiến vào gara của tòa nhà nhưng không tìm được chỗ đậu xe ngoại trừ một chỗ dưới máy quay an ninh và có biển KHÔNG ĐỖ XE, VI PHẠM SẼ BỊ KÉO ĐI. Nghĩ rằng mình đang lái xe ở khu vực có sự điều khiển của người kiểm tra an ninh qua camera, tôi đoán rằng chiếc xe của tôi có thể ở đó, tôi đỗ ở đó, rồi điếm danh. Sau vài tiếng đào tạo công việc, sếp tôi, viên quản lý, nhận ra chiếc xe ngay trên màn hình trước mặt chúng tôi. “Xe này của cậu à?” ông ta chỉ vào màn hình. Lo sợ về những hậu quả tiếp theo, tôi chối bay chối biến như một phản xạ, để rồi run bắn lên khi ông ta bảo tôi gọi cho công ty kéo xe và giám sát tôi khi tôi gọi cho họ, yêu cầu một chiếc xe cần được kéo đi. Vậy nên ở đây chúng ta có một ví dụ trong cuộc sống thường nhật về việc người Israel tùy tiện, bất tuân quy tắc, bạ đâu vất đấy tìm tòi hậu quả tự hại lấy thân như vậy. Khi gọi điện xong và viên quản lý đã bỏ đi, dặn rằng khi nào xe tải kéo chiếc xe kia đến thì báo cho ông ta, thì tôi bắt đầu phát huy khả năng giỏi xoay xở của mình. Một ý nghĩ chợt nảy ra, tôi gọi ngay cho một anh bạn người Mỹ lúc đó đang ăn trưa ở chỗ làm cách chừng mấy tòa nhà: “Hãy đến bàn tiếp tân trong sảnh. Đừng hỏi gì cả, chỉ cần lấy chìa khóa xe tót, xuống gara dưới tầng hầm, rồi lái nó đi.” Cậu ấy vừa đến nơi, thì tôi nhấn nút, mở cổng an ninh và lo lắng theo dõi trên màn hình camera dáng người vồ vĩa của cậu ấy đang đến gần khung hình, chỉ vài giây trước khi xe tải kéo xe đến. Sau đó, tôi báo cho viên quản lý biết rằng chiếc xe đã biến mất chẳng hiểu tại sao, tôi đã cứu được việc làm thay vì là uy tín của chính mình.

Một câu chuyện về xe pháo khác, ba năm sau, khi ấy tôi bắt đầu học thạc sĩ tại New York, tôi kiếm được một công việc bán thời gian tại một trong những công ty Israel thống lĩnh ngành dịch vụ taxi tại sân bay ở Manhattan. Lần đầu tiên làm tài xế một chiếc limo, tôi đón một đôi vợ chồng từ khu Thượng Đông ra sân bay. Tôi đã đến thăm New York hai lần nhưng chưa từng tự mình lái xe đến đó, thế mà tôi lại bắt đầu chuyến đi đó bằng thiết bị định vị tiền GPS không có bản đồ và chỉ có ý niệm mơ hồ nhất về đường đến JFK, một trong những sân bay đông đúc nhất thế giới. Sau khi đón đôi vợ chồng kia tại chỗ ở của họ - đến muộn, vì lúc đầu tôi đến sai địa chỉ, đến số 82 đường Sáu-tư đông thay vì 64 đường Tám-hai đông hay đại khái thế - tôi đã rẽ trái, nghĩ rằng mình phải đi lên phía bắc. “Không phải là cậu đang đi trên Đại lộ York đấy chứ?” người đàn ông nhả nhận hỏi. Trước khi tôi kịp dẫn đo câu trả lời, ông ta nói thêm: “Ồ, tôi biết cậu đang đi đường nào rồi, thôi không sao.” Điều đó giúp ích cho tôi nhiều và rõ ràng là con đường tôi đi ít nhất cũng nhanh như đường của ông ta! Làm thế nào đó tôi cũng tìm ra được đường đến JFK, nhưng lại suýt đến nhầm sân bay, may mà hành khách của tôi đã kịp thời làm một nghĩa cử để giúp tôi tránh không phạm vào thảm họa ấy. Một lần nữa, chẳng phải là Shai Agassi, nhưng tính cách tùy tiện và giỏi ứng phó thì thậm chí một anh tài xế xe limo vô danh tiểu tốt cũng có.

Nói về khía cạnh nhiệt thành-cứng rắn, một người bà con, một bà cô đã sống một đời đầy kinh nghiệm với 80 năm có lẽ, sẽ cho ta một ví dụ đầy ấn tượng. Vào buổi tối trước cuộc bầu cử toàn quốc, văn phòng tổng Rabbinate⁽⁴³⁾ đã gọi cho bà đến để thuyết phục bà bỏ phiếu cho đảng tôn giáo mà giáo trưởng đã chọn, bà ta đã nói với với đầu dây bên kia: “Hãy nói với ngài rabbi là đến mà thớm cái *tuchis*⁽⁴⁴⁾ của ta!” rồi cúp máy. Bỏ qua thái độ thô lỗ, nếu bạn giống như nhiều người Israel, xem văn phòng tổng Rabbinate là một cơ quan phản dân chủ trong việc thực thi và ép buộc những người Do Thái thế tục phải tuân thủ luật lệ tôn giáo, thì lối cư xử này chỉ đơn thuần là một hành vi bột phát ủng hộ quyền tự do, một phản ứng gay gắt chống lại những quyền lực bóng tối ngọt ngào. Tuy nhiên, hiểu theo góc nhìn khác, thì có thể miêu tả ứng xử của bà bằng những từ như thiên kiến, hẹp hòi, thất thường hay cuồng tín.

Cần lưu ý một điểm là tính cách người Israel cực kỳ sớm nắng chiều mưa. Họ là kiểu người hôm nay hăng hái và nhất quyết đi theo con đường mới, hôm sau đã trở thành những bóng ma thụ động dật dờ và tâm trạng chông chênh. Chẳng có gì ngạc nhiên nếu bạn biết rằng trong con người họ có sự giằng xé tiếp bước lịch sử Do Thái hay đi theo bản chất cách mạng của chủ nghĩa Zion. Cũng chẳng có gì ngạc nhiên nếu mâu thuẫn có tính biện chứng này vẫn còn tiếp diễn, vì đối với lịch sử phát triển của một quốc gia, Israel đơn thuần chỉ là một đứa trẻ đang tuổi dậy thì.

Tính sớm nắng chiều mưa này đã làm nổi lên một vấn đề sâu xa hơn thách thức giả thuyết đặt ra của cuốn sách này: Liệu ngay từ đầu đã có một thứ gì kiểu như tính cách dân tộc? Như nhà nhân chủng học Clyde Kluckhohn và nhà tâm lý xã hội Henry A. Murray đã nói: “Một nhóm người nếu có ‘tính cách chung’ cũng như thể họ có những đôi chân giống hệt nhau vậy.”⁽⁴⁵⁾ Mặt khác, như nhà nhân chủng học Raphael Patai đã chỉ ra, cho dù chỉ là chuyện những cơ thể cá nhân thì các nhà khoa học nghiên cứu “cơ thể người” và có thể có những đánh giá thực sự và có ích về nó.⁽⁴⁶⁾ Bởi vậy, trong khi đau đầu với vấn đề này, nhiều học giả đồng ý rằng những cá nhân trong một nhóm văn hóa có thể có chung một bộ đặc điểm cụ thể - nếu không nói là tư duy nhóm – mà họ đã lĩnh hội được bằng cách trở thành thành viên của nhóm đó. Nhà nghiên cứu chính trị Israel Yaron Ezrahi đã đưa ra một định nghĩa vi diệu hơn: “Tính cách dân tộc là hiện tượng quang phổ, bao gồm những ký ức và trải nghiệm chung, cũng như một loạt những hành vi tiềm tàng. Hành vi cụ thể được thể hiện trong một thời điểm nhất định là kết quả tương tác giữa quang phổ này và hoàn cảnh bên ngoài.”⁽⁴⁷⁾

Định nghĩa này có thể giải thích được nhiều điểm trong đó có những tương đồng giữa các tính cách dân tộc cũng như những gì diễn ra khi chúng tương tác với nhau. Hãy nhớ đến đoạn băng video quay cảnh kèn cựa lỗ bịchgiữa thủ tướng Israel Ehud Barak và Chủ tịch chính quyền Palestine trong buổi khai mạc cuộc họp thượng đỉnh trại David, mà thất bại của nó đã dọn đường cho tình trạng bạo lực cực kỳ gay go trong cuộc nổi dậy lần thứ hai của người Palestine. Hai người đàn ông nặng nề “mời ngài”, nhất định không chịu nhúc nhích, và đùn đẩy nhau vào nhà khách trước theo đúng nghĩa đen, và cũng đúng theo nghĩa đen họ sẽ chẳng chịu dời một li nào cho đến tận khi tổng thống Mỹ Bill Clinton cuối cùng phải xô cả hai cùng vào cửa trước. Nếu họ thậm chí còn cự nự về chuyện đi đứng trước sau, thì chẳng có gì ngạc nhiên nếu họ không đạt được một thỏa thuận nào về vấn đề Jerusalem và những người tị nạn.

Khi bạn theo dõi phát ngôn viên đặc biệt phía Israel tranh luận với người đồng cấp phía bên kia Palestine trên truyền hình Hoa Kỳ, dù có trông nhang nhác nhau hay không thì họ cũng thường hành động như nhau. Thích tranh luận, hiếu chiến, và tự cho mình là chính nghĩa, họ như thể đang soi mình vào gương và nhận ra kẻ kia chính là hình ảnh trong gương của mình mỗi lần cố gắng phát biểu thật lưu loát nhưng hùng hực giận dữ để lấp liếm và áp đảo tai người nghe. Ở chừng mực này những giao tiếp ứng xử thể hiện một khía cạnh của xung đột Israel – Palestine nói chung, định nghĩa của Ezrahi có tính chất chỉ dẫn trên hai phương diện quan trọng. Thứ nhất, sự tương đồng giữa hai tính cách dân tộc chỉ dựa trên một trong rất nhiều những hành vi ứng xử trong những quang phổ tương ứng của họ. Và thứ hai, hành vi ứng xử tiềm năng này biểu hiện ra chỉ trong một vài trường hợp nhất định, trong trường hợp này, là khi chạm trán với một kẻ thù cùng tiềm ẩn hành vi tương tự trong tính cách dân tộc của riêng cô ta hoặc anh ta. Định nghĩa của Ezrahi cũng tính đến một thực tế là có những đặc điểm đối lập hoặc mâu thuẫn nhau ngay bên trong tính cách dân tộc, vốn rất quan trọng để hiểu được tâm thức người Israel.

BÀN VỀ NHỮNG MÂU THUẤN

Trong một hoặc hai thập kỷ qua, sự gia tăng dân số nhanh chóng trong bộ phận những người Do Thái Israel chính thống cực đoan đã bất ngờ chia rẽ sâu sắc xã hội Israel thành hai phe thế tục – tôn giáo. “Chúng tôi ghét những người theo đạo,” những đứa trẻ quốc tịch Mỹ, không theo tôn giáo, đã rất sốc khi nghe thấy những vị khách người Israel thế tục giải thích tại sao họ không muốn có một rabbi tổ chức lễ cưới sắp tới của họ. Sự ác cảm theo kiểu gà cùng một mẹ này thường từ cả hai phía, dẫn đến việc một số học giả nghi ngờ liệu Israel, theo định nghĩa và linh cảm tôn giáo có phải là một nhà nước vừa Do Thái, vừa dân chủ, có đang chạm đến mực đáy của cả hai thế giới hay không. Tuy nhiên, về phương diện tính cách dân tộc, sự thù hận này, giống như những bất hòa bộ tộc đã chia cắt toàn cảnh xã hội Israel, đơn thuần chỉ là sự che đậy cho những điểm tương đồng giữa hai phe. Thực ra, như trong trường hợp cánh hữu cánh tả chính trị có những phần gặp nhau ở một mức độ sâu sắc nào đó, những phe cánh này đã sản sinh ra và cùng có chung những phương diện về sự đồng cảm, bản sắc đã được bàn luận ở trên. Tuy nhiên sự xung khắc tận gốc rễ giữa nền dân chủ và quốc giáo này đã phủ một bóng đen thậm chí còn tối tăm hơn lên tâm trạng của người Israel, và mâu thuẫn này sẽ đi tới tận cốt lõi của câu hỏi người Israel là ai.

Thoạt nhìn, dường như cả phe thế tục lẫn phe theo đạo đều được ban cho vô vàn đam mê và tinh thần cứng cỏi nhưng rốt cuộc lại thiếu sót về khả năng thích nghi và ổn định trong thế cân bằng này – ít nhất là trong mối quan hệ lẫn nhau. Cả hai đều cố thủ trong thế giới quan, lối sống và phạm vi của mình và, nếu có thì họ chỉ trở nên phân cực hơn kể từ khi nhà nước Do Thái được thành lập. Có người nói rằng, mối quan hệ của họ mang tính cộng sinh sâu sắc. Những người Israel thế tục trợ cấp và bảo vệ cho những người anh em chính thống cực đoan của họ, những người, nhìn chung, không lao động hay thực hiện nghĩa vụ quân sự gì. Họ không chỉ tạo điều kiện cho những người này theo đuổi việc nghiên cứu giáo lý hay một lối sống chính thống cực đoan, mà còn là sợi dây kết nối họ với thực tế. Mặt khác những người cực đoan chính thống đem đến cho những kẻ thế tục một hình mẫu lịch sử, một sự phản ánh con người truyền thống nguyên nhất của họ, mà không có điều này thì chẳng còn lý nào để tồn tại một nhà nước Do Thái. Ý niệm Israel là một nhà nước Do Thái là bất khả xâm phạm đối với phần đông những người Do Thái Israel thế tục.

Trong khi sự cộng sinh này ngày càng khoét sâu thêm lòng bức bối ở hai phía, dần dần, nó cũng tạo ra hiện tượng giao thoa, gợi ra tia hi vọng về một sự sáp nhập, mặc dầu có bất thường, của hai thái cực. Ví dụ, trong những ngày giữa lễ Rosh Hashanah và Yom Kippur, khi việc hành lễ tôn giáo cần có sự ăn năn hối lỗi hàng ngày, cầu nguyện giữa đêm và bình minh, gần như Thành cổ Jerusalem của người Ả Rập là nơi tập kết cho một trong những cuộc gặp gỡ huyền hoặc nhất của người Israel vào đêm ấy. Bắt đầu khoảng bốn giờ sáng, hàng nghìn tín đồ Do Thái sùng đạo, rộn ràng ca hát, nườm nượp thành dòng đổ xuống những con đường hẹp đi đến Bức Tường Than khóc, trong khi hàng trăm người Do Thái thế tục theo dõi họ từ trên cao trong những tour có hướng dẫn viên dạo khắp những bức tường và mái nhà từ thế kỷ 16 của thành phố. Trong khi đó, chỉ khoảng 30 dặm về phía tây, trong một thành phố còn thế tục hơn nữa, Tel Aviv, những gia đình Do Thái ăn mừng lễ Yom Kippur, kiêng lái xe trong suốt ngày lễ, một kiểu kiêng kỵ phái sinh của riêng họ. Theo năm tháng, họ đã biến Ngày Đền tội thành một lễ hội đạp xe cho trẻ con.

Những dấu hiệu cho thấy sự sáp nhập tôn giáo – thế tục chẳng đâu vào đâu, chúng diễn ra ngay ở trung tâm tính cách dân tộc Israel và đồng thời cũng ở bất cứ đâu trên mảnh đất này. Với những nhà nghiên cứu xã hội, những người hoài nghi về ý niệm tính cách dân tộc, khía cạnh xã hội Israel này đưa ra một tình huống nghiên cứu có một không hai, ít nhất là ở nền văn minh Tây phương. Tính cách dân tộc được định hình không chỉ bởi quá trình tiếp

thu văn hóa, phong tục từ những hành vi nuôi dạy con cái, những giá trị đạo đức, những chuẩn mực ứng xử và những bài học từ những thiết chế xã hội và hệ thống giáo dục, đối với hầu hết những cá nhân trong một xã hội, họ có xu hướng gặp gỡ ở tất cả những phương diện này, mà còn bởi câu chuyện về một quốc gia đêm đêm thì thầm trong tiếng đất về chính bản thân mình. Câu chuyện với ký ức tập thể về những sự kiện lịch sử diễn ra trước khi mỗi cá nhân ra đời, hoặc chính xác hơn, là sự diễn giải những ký ức tập thể của cộng đồng về những sự kiện như thế, mà ngay từ đầu chúng đã có tính dẫn giải.

Hiện tại, không như nhiều dân tộc khác, dân tộc Israel đã học về lịch sử của mình, lần đầu, lần thứ hai và lần thứ ba, từ trong cuốn sách bàn về những cuốn sách, chính là Kinh Thánh. Cuốn sách này biên niên những sự kiện được cho là kể về nguồn gốc của họ, sau khi thế giới được tạo lập. Gần như tất cả người Israel đều bắt đầu học Kinh Thánh trước cả khi học mẫu giáo, thông qua những câu chuyện và những bài hát về phép thuật và những điều kì diệu. Từ đó, nó len lỏi đến khắp mọi ngả tới tận lớp 12 khi họ lĩnh hội những kiến thức tích hợp về địa lý, lịch sử, văn học, và cuối cùng là dân tộc học, tư tưởng và triết học. Cũng như vậy, từ đầu, và ở tất cả các cấp độ của hành trình học hành sách vở này, người Israel học và bàn luận về câu chuyện của họ bằng chính ngôn ngữ cổ xưa mà cuốn sách về các cuốn sách đã kể cho họ nghe. Giấc mộng về một chương trình tích hợp – mục tiêu mà rất nhiều nhà giáo dục Hoa Kỳ cảm thấy khó đạt được – lại được thực hiện ở Israel, bằng quy định bắt buộc phải nghiên cứu Kinh Thánh – trong tất cả các ngôi trường của người Israel, thậm chí là Ả Rập – Israel. Và chỉ trong trường hợp học sinh không chú ý trong lớp học, tất cả bài học sẽ được củng cố trong một chuỗi bất tận những *tiyulim*, được hiểu là những chuyến dã ngoại của nhà trường, đến vô vàn những di tích tôn giáo, một vài thực sự cổ xưa, rất nhiều trong số đó chỉ đơn thuần có cái danh mà thôi. Thậm chí nếu con bạn học ở nhà, bạn không thể hoàn toàn tránh được những ngày quốc lễ chính thức, cơ man những tên đường, tên làng, tên thành phố được rút ra từ từ nguyên trong Kinh Thánh, cứ như thể là một quyển lịch bằng tiếng Hebrew vậy.

Người ta nói rằng con cá là kẻ cuối cùng biết thế nào là nước, bên cạnh những gì họ xem như là cuộc đột kích từ bên ngoài vào của quốc gia, vi phạm quyền tự do, và nhiều người Israel thế tục không ưa môi trường đậm tính tôn giáo mà họ đã được sinh ra và bơi lội trong đó. Thật thú vị là một cuộc khảo sát ý kiến người dân trên diện rộng năm 2009 đã nhận ra rằng người Israel theo đạo Do Thái mang trong mình điều gì đó kiểu như là một chuỗi những mâu thuẫn, nghịch lý, mặc dù đôi khi có thống nhất, của những quan điểm về vai trò của tôn giáo trong đời sống của họ như sau: 80% tin vào Chúa, 51% nói rằng Do Thái là từ miêu tả đặc địa nhất danh tính của họ, 41% nói rằng Israel là từ miêu tả trúng nhất về danh tính của họ, 61% cảm thấy đời sống công cộng nên gắn bó với truyền thống Do Thái giáo, 68% nói rằng các quán cà phê và nhà hàng nên mở cửa vào ngày Shabbat; và cuối cùng 44% ủng hộ việc bảo tồn dân chủ vượt lên trên lề luật Do Thái giáo nếu có sự mâu thuẫn xảy ra, 20% nghĩ rằng phải luôn luôn tuân thủ luật lệ Do Thái, và 36% nghĩ rằng cái đó còn tùy, lúc cái này, lúc cái kia thắng thế.⁽⁴⁸⁾

Mặc dù vậy, sự phân cực cực giữa hai phe chính thống cực đoan và thế tục này cũng thể hiện một mối nguy cơ bản đang hiện hữu đối với nhà nước Do Thái, và không hề có chuyện những vụ không kích, những cuộc hành quân đặc biệt, những cơn bão máy tính⁽⁴⁹⁾, hoặc giải pháp hai nhà nước có thể sửa chữa được nó. Vì những ranh giới chia cắt hai phe được rạch rất sâu, nên người Israel đặc biệt hào hứng với người nổi tiếng thế tục cụ thể nào đó lại nương theo chính thống giáo, hay một đứa con trai cô độc của một rabbi danh tiếng lại cải sang thế tục. Người Israel thường miêu tả hai hiện tượng này lần lượt là *khozer bet-shuva* và *youtze be-she-ela*, một lần nữa cho thấy cái nghịch lý đã ăn sâu vào tính cách dân tộc Israel. Hiện tượng đầu, được hiểu nguyên nghĩa là “trở lại với một câu hỏi”, ám chỉ rằng quay trở lại

với Chúa; hiện tượng sau, đối ngược hoàn toàn, “bỏ đi với một câu hỏi” ám chỉ là đã bỏ mặc đức tin. Chẳng phải ngẫu nhiên, cả hai đều tồn tại trong mối quan hệ với Chúa và tôn giáo, và người rời bỏ nó không có câu trả lời, chỉ còn lại một câu hỏi. Trong khi việc đặt ra những câu hỏi hầu như chẳng phải là một lối sống ít giá trị hơn là tìm kiếm những câu trả lời, trong trường hợp người Israel, thì việc hỏi thực chất đã nằm ngay trong mối quan hệ qua lại với quá khứ của người Do Thái, tất cả những người mà những con đường của họ đều dẫn đến Chúa.

Người Israel thích chứng kiến hiện tượng này, không chỉ vì nó thường đi kèm với những vụ xì căng đan của những người nổi tiếng hay bị kịch gia đình thương tâm. Đầu tiên, bất kể họ ở bên nào, họ đều cảm thấy có giá hơn khi một kẻ thù rời bỏ bên kia để gia nhập lực lượng bên này. Nhưng ở dưới tầng vô thức hơn, hiện tượng này hô ứng với những gì họ biết nhưng không thực sự muốn nghĩ đến, ví dụ như tận trong sâu thẳm, họ biết rằng mình cũng chứa chấp cái mặt đối lập kia.

Điều này kéo chúng ta quay trở lại với khái niệm về sự tạo phản ứng của Freud và thuyết âm dương của phương Đông. Thăm sâu trong tâm hồn con người cực kỳ phức tạp, anh ta muốn tin tưởng, trong khi những người chính thống cực đoan muốn lầm lạc. Nhưng vì sợ hãi trước khát vọng như vậy, mỗi bên lại viện đến giải pháp củng cố con người cực đoan của mình bằng cách tấn công vào phần cực đoan của người kia, mà nhờ vậy đối lại nó sẽ củng cố hơn phần cực đoan của anh ta. Tuy nhiên, giống như chế độ độc tài, chủ nghĩa cực đoan không ổn định và có thể trở thành đối lập, phản lại chính nó bất cứ lúc nào – hoàn toàn phù hợp với con người bất ổn của người Israel. Nhưng trái với sự chia rẽ mang tính tôn giáo, toàn bộ thuyết âm dương này thực tế lại khá ổn định, và mặt nạ có tiềm ẩn khả năng biến thành mặt kia, trong khi tiềm năng này có thể bắt gặp ở nhiều hiện tượng, sự vật, thì lại chẳng thể bắt gặp trong sự chia rẽ chính trị. Đáp lại lời đề nghị hòa bình năm 1977 của Anwar Sadat, Menachem Begin, một trong những con điều hâu an ninh⁽⁵⁰⁾ đi đầu và là người truyền bá cho một Israel Vĩ đại hơn, gần như là chỉ qua một đêm, đã đồng ý phá hủy các khu định cư và trao trả toàn bộ bán đảo Sinai cho Ai Cập – tất cả chỉ để đổi lại một hiệp định hòa bình mà trước đó ông gọi là “một mẩu giấy”. Chúng ta đã bàn luận về tính sớm nắng chiều mưa của Ariel Sharon, nhưng bây giờ có thể gộp cả Ehud Olmert, một đảng viên Likud suốt mấy thập kỷ, từng ở bên cánh hữu của Begin và bỏ phiếu tại Knesset phản đối hiệp định hòa bình trại David năm 1978 với Ai Cập. Năm 2008, nhiều ngày trước khi rời khỏi văn phòng thủ tướng, Olmert đã đưa ra cho chủ tịch chính quyền Palestine một lời đề nghị rằng Israel sẽ rút lui khỏi phần rộng lớn của Bờ Tây và thêm cho Palestine một phần đất trong lãnh thổ hợp pháp của Israel, phá hủy các khu định cư, và quốc tế hóa một phần Đông Jerusalem. Và đừng quên rằng đây là một chính phủ ngả về cánh tả, bán xã hội chủ nghĩa mà sau cuộc chiến năm 1967, đã tạo ra những khu định cư Do Thái ở Bờ Tây và dải Gaza, trái với những chính sách của chính nó. Gần đây hơn, có vẻ như là sau phong trào intifada lần thứ hai, các cuộc oanh tạc bom rocket vô nhân đạo, và sau Mùa xuân Ả Rập, những niềm tin mạnh mẽ của cánh tả Israel đã tiêu hao mất 1/10.

Trong mọi trường hợp như thế này, những người dân nhiệt tâm thấu cảm giáo lý tôn giáo truyền thống lâu đời đã cải sang bên đối lập khi họ phải chạm trán với một sự kiện ngoại cảnh đột ngột – một động thái hòa bình chân thành, bạo lực kéo dài, một nguy cơ bị buộc tội, một thắng lợi trong chiến tranh, hay một sự cực đoan hóa trong hàng ngũ của kẻ thù. Hiện nay, có vẻ như cánh tả đã giành được một chiến thắng lịch sử khi Israel chính thức áp dụng chính sách giải pháp hai nhà nước, thì xã hội Israel nhìn chung lại đang dịch chuyển sang cánh hữu - một lần nữa chứng tỏ thêm một nghịch lý có thực. Nhưng không cần biết người ta xem chính phủ Israel theo cánh hữu và mang tính tư tưởng nào, không cần biết nó là chính phủ nào, thì hiện tại hay trong tương lai, thế nào nó cũng chuyển sang mặt đối lập của chính nó.

Một người bạn Israel của tôi vừa nhớ đến lần đi mua sắm ở một cửa hàng quần áo nhỏ trong một ngôi làng hẻo lánh rúc sâu trong dãy Alps của Pháp. Khi anh ta đang xem một vài chiếc áo phong cách đồng quê trên các giá, hai thanh niên Israel đi qua anh ta và nói tiếng Hebrew. “Có ai lại mua những cái áo kinh tởm này chứ,” một trong hai người dè bủ, không quan tâm có ai ở ngay chỗ đó hay không.Ồ, cậu này hẳn biết nhiều thứ, vì người Israel vốn đi là chuyên đi đây đi đó, ở bất cứ nơi nào bạn đến cũng nghe thấy tiếng Hebrew chen lên cùng với tiếng Đức, tiếng Nhật, hoặc tiếng Trung. Dù có thể cho rằng đây là do truyền thống tha phương của người Do Thái và những chuyến đi trong Kinh Thánh cổ xưa của Abraham, Jacob và Moses, hay đây là hiện thân của ý niệm về người Do Thái lang thang từ thời Trung cổ, hoặc đơn thuần là một cách để giải quyết nhu cầu tránh xa khỏi bầu không khí ngột ngạt hiện nay của họ, thì luôn có một thực tế là người Israel lúc nào cũng trong trong tư thế “xách ba lô lên và đi”. Trong hai thập kỷ trước, nhiều bạn trẻ Israel đã ra nước ngoài sau khi kết thúc nghĩa vụ quân sự. Một nghiên cứu tâm lý học đã báo cáo rằng những người trẻ này không phải đang tìm kiếm những chuyến phiêu lưu bên ngoài mà đúng hơn là họ đi để khám phá nội tâm bên trong. Đó là lý do tại sao họ thường chọn miền Viễn Đông hay Nam Mỹ xa tắp mù khơi, thường được gọi là những điểm đến tâm linh. Giống như những người trẻ “tìm kiếm bản thân”, người Israel nhìn chung mãi mãi tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi người Israel là ai. Với bản chất xã hội bị đứt gãy và với tuổi đời của Israel – phần trẻ con trong lứa trẻ già nua – câu hỏi này sẽ vẫn còn chưa được trả lời trong một thời gian dài tới đây. Bởi thế chính việc tìm kiếm danh tính mình là đặc tính trung tâm trong tâm thức người Israel. Trong khi bản chất xã hội Israel bị chia cắt và phân mảnh tan tác chính là yếu tố có tầm quan trọng vừa đủ để nảy sinh ra câu hỏi về danh phận của một ai đó như vậy, thì nhiều dòng chảy lịch sử giao thoa nhau đã bồi đắp thêm cho sự rối bời này. Có một điều, trong khoảng 30 năm trở lại đây, Israel đã dần chuyển mình từ một đất nước xã hội chủ nghĩa hẻo lánh tù đọng với văn hóa tập thể ngột ngạt thành một đất nước phát triển thị trường tự do tích cực xông xáo, với xu hướng ngả theo chủ nghĩa cá nhân vốn bị hạn chế. Cũng như vậy, làn gió châu Âu được những người Zion thời kỳ đầu nhập khẩu vào Palestine đã bị ảnh hưởng đang ngày càng dâng cao của mọi thứ mang tính Mỹ thách thức nếu không nói là thay thế một cách chậm nhưng chắc. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, trong hai thập kỷ trở lại đây, đã tăng lên đáng kể những người Israel xem bản thân là những người phi Zion hoặc hậu Zion vì tôn giáo hoặc lý do chính trị nào đó.

Những người Israel sống trong một đất nước nhỏ bé nơi ai ai cũng phải chịu những pha chao đảo dữ dội và bị ảnh hưởng bởi những cú va đập của lịch sử. Trong một xã hội có tính liên kết cao này, bạn chỉ cách những người khác một hoặc hai cấp độ liên hệ⁽⁵¹⁾. Đây là còn chưa kể, về bản chất người Israel đã cực kỳ tương tác với nhau. Họ nghiện ngập tất cả các thể loại giao tiếp và đứng vào tốp đầu những nước sử dụng điện thoại di động và máy tính trên đầu người cao nhất thế giới. Thực sự, đất nước của họ là cái nôi của nhiều ứng dụng công nghệ nhắn tin nhanh. Hẳn phải kể đến một bài phóng sự có một không hai cách đây vài năm kể về một lái xe người Israel bị bắt vì vừa đi vừa nói chuyện bằng hai chiếc điện thoại di động, giữ tay lái bằng hai khuỷu tay. Tất cả là để nói rằng thậm chí những kẻ nghỉ ngơi nhất cũng phải thừa nhận rằng nếu tính cách dân tộc, sinh ra từ lịch sử của một quốc gia và dân nước ấy có cùng chung tính cách ấy ở mức độ nào đó, thực sự tồn tại, thì tâm thức người Israel chính là một trường hợp như vậy.

Trong tâm thức Israel có hai dạng ái kỷ vừa bù trừ vừa xung đột nhau: kiểu những người già nua, mộ đạo, được lựa chọn, tạo dấu ấn rõ nét trong suốt lịch sử tâm lý Do Thái, và một kiểu người Zion mới, hoa-thần-kỳ-nở-trên-sa-mạc, ăn sâu vào tâm thức của người Israel trong thời gian gần đây. Cả hai đều góp vai trò trong thế giới quan của người Israel. Nhìn rộng ra, chúng cũng góp phần tạo ra những kỷ lục phi thường, những thành tựu của người Israel, cũng như những thất bại và việc chối bỏ cố chấp tiềm tàng hậu quả đầy bi kịch về những thực tế rõ ràng ở Trung Đông. Cuối cùng, chúng cũng là những thành phần thiết yếu trong sợi dây ràng buộc chắc chắn của người Israel với mảnh đất của họ.

Ý niệm về những người được lựa chọn đôi khi bị lợi dụng để miêu tả hay thậm chí để giải thích ảnh hưởng không tương xứng của tư duy Do Thái và của những người Do Thái xuyên suốt lịch sử thế giới. Sự thực là, từ sự lên ngôi của thuyết độc thần ở Mesopotamia được cho là của họ, thông qua những đóng góp về mặt văn hóa trong suốt Thời đại Hoàng kim dưới bàn tay cai trị của đạo Hồi ở Iberia, cho tới danh sách cá nhân những người Do Thái đã tạo ra một luồng gió mới ở mọi khía cạnh trong lịch sử phương Tây hiện đại, những thành tựu vượt khuôn khổ của họ, tất cả sẽ khiến bạn phải băn khoăn. Với những cái tên như Einstein, Freud, Kafka, Disrael, Mendelssohn, Spinoza, Mahler, George Soros, Jacques Derrida, Steven Spielberg, Billy Wilder, Henry Kissinger, Heinz Kohut, Milton Friedman, Karl Marx, Trotsky, Wittgenstein, Martin Buber, Robert Oppenheimer, Jonas Salk, Michael Bloomberg, Bruno Kreisky, Woody Allen, Arthur Miller, Ayn Rand, Rothschild, và tất nhiên là cả Jesus, nếu kể hết ra đây thì quá dài và quá rối rắm, và thậm chí một số người đã kể ra đây còn chẳng có dấu hiệu gì cho người đọc thấy tầm vóc lớn lao thực sự của những ảnh hưởng đang được nói tới này.

Người ta nói rằng, yếu tố là “số ít được lựa chọn” chỉ có ý nghĩa dựa trên cội nguồn tôn giáo và lịch sử, không đứng trên phương diện xã hội học hay nhân khẩu học. Nó dựa trên một thuyết trong Kinh Thánh nói rằng vì người Do Thái là những người duy nhất nhận được sự khải huyền của Chúa trời, nên người Do Thái và đất đai của họ là trung tâm của lịch sử thế giới. Nhưng như đã được học giả Do Thái David Biale chỉ ra, tính xác thực về những thời điểm trong Kinh Thánh khá lệch nhau. Judea là một vùng tù đọng, hẻo lánh, tỉnh lẻ mà số phận của nó bị những siêu thế lực của những nền văn hóa vĩ đại ở phương bắc, đông và nam, kiểm soát. Nếu người Do Thái trong thời đại Kinh Thánh có thực quyền, họ hẳn đã bị những siêu thế lực này kèn cựa thay vì để yên cho và hẳn là họ sẽ đi theo số phận của những người Assyria và người Babylon rồi. Mặt khác, nếu họ chưa phát triển một tín ngưỡng cùng sự vĩ đại của mình, thì họ đã tan biến như nhiều quốc gia nhỏ bé khác. Bởi vậy như Biale đã nói: “Việc không có một sức mạnh tương xứng kết hợp với một huyền thoại về sức mạnh đó có lẽ là một trong những chìa khóa để mở ra bí mật về khả năng sống sót của người Do Thái cổ xưa.”⁽⁵²⁾ Cùng một mạch tư duy như vậy, nhà kinh tế học Maristella Botticini và Zvi Eckstein đã lần đầu theo bước chân thành công của người Do Thái trong thời kỳ Diaspora cho tới sự suy vong quyền lực và việc Đền thờ của họ bị phá hủy vào năm 70 sau Công nguyên. Theo

như thuyết này, khi những thầy tu tối cao ở Jerusalem không còn có khả năng đọc và nghiên cứu kinh Torah dưới văn bản viết trong Đèn thờ được nữa, để duy trì sự tồn tại của tôn giáo này, những đám dân Do Thái lang thang phải biết đọc. Sử dụng chứng cứ lịch sử, Botticini và Eckstein đã chỉ ra rằng, qua nhiều thế kỷ, việc biết đọc trong một thế giới phần đông là mù chữ đã cho phép những người Do Thái không cải đạo⁽⁵³⁾ chuyển từ việc trồng cấy ở nông thôn sang những công việc chuyên nghiệp và có tri thức tại các thị trấn và thành phố.⁽⁵⁴⁾ Như được nhà phân tích này ám chỉ, ý niệm “số ít được lựa chọn” về bản chất có tính bổ khuyết. Điều này đôi khi được thừa nhận trong truyền thống Do Thái giáo, ví dụ như trong sách midrash nổi tiếng – một cuốn sách giảng giải của các rabbi một phần của kinh Torah – nói rằng người Do Thái được lựa chọn sau khi tất cả những quốc gia khác làm cho Chúa thất vọng. Việc những người Do Thái, khi được giải phóng, được miêu tả thái quá với quá nhiều tầng nhiều lớp thành công do vậy có thể được nhìn nhận không phải là một bằng chứng về việc họ được lựa chọn mà đúng hơn là kết quả của động lực bổ khuyết vĩ đại nhằm phủ nhận sự lép vế của mình và để lợi dụng được những gì họ học được từ việc xoay xở, đánh cược và sống sót bên rìa xã hội. Từ góc độ tâm lý học, lý giải như thế này vừa khớp với hiểu biết khái quát của chúng ta về ái kỷ, một tâm lý vừa lành mạnh vừa bệnh hoạn. Trái ngược với những gì người ta vẫn tin, tham vọng thành công và địa vị, suy nghĩ lớn lao hay hoang tưởng, và ý thức cực phát triển về quyền pháp lý vốn là đặc trưng cho một kẻ ái kỷ giỏi giang gương mẫu không phải là những hệ quả của sự tự yêu mình đến quá thể. Có chăng, thì cùng với sự tự tin, cởi mở, hay thậm chí kiêu ngạo đi kèm, họ được một áp lực nội tâm nghiêm khắc thúc đẩy là phải nâng cao lòng tự tôn thấp hèn của mình và phải đạt được sự chấp nhận và công nhận của người khác. Theo ý nghĩa này, thì ái kỷ chính là tự ghét mình hơn là tự yêu mình.

Mô thức bổ khuyết chính bản thân mình như thế này không chỉ áp dụng với ý niệm mang tính lịch sử về “số ít được lựa chọn” của người Do Thái mà còn với giả thuyết cơ bản của những người Zion về việc xây dựng cho người Do Thái một ngôi nhà của chính họ trên mảnh đất tổ tiên. Chẳng cần tranh cãi gì nữa, trong khoảng chưa đến 100 năm, phong trào Phục quốc Do Thái đã biến chuyển cả một dân tộc và một vùng đất, xây dựng một nền dân chủ hàng-đầu-thế-giới, sôi nổi và quả quyết ngay chính giữa những người hàng xóm thù địch và tranh chấp kèn cựa. Ngày nay, tương xứng với tầm vóc của mình, Israel tiếp tục kiêu hãnh về rất nhiều thành tựu phi thường trong nhiều lĩnh vực đa dạng như quân sự, âm nhạc, công nghệ cao, kiến trúc, y tế, toán học, văn học, khoa học, giải trí và mỹ thuật. Trên mặt trận chính trị, giới vận động hành lang chủ chốt của ngoại giao Israel ở Washington – thủ đô của một siêu cường vẫn còn duy trì vị trí độc tôn ở phương Tây – là một trong những tổ chức vận động hành lang quyền lực nhất thế giới.

Nhưng, như người ta đã dạy mọi đứa trẻ Israel ở nhà trường phổ thông, rằng phong trào Phục quốc Do Thái được sinh ra chỉ sau khi người Do Thái nhận ra họ sẽ chẳng bao giờ được xã hội Âu châu hoàn toàn chấp nhận. Thật vậy, Theo dor Herzl, người sáng lập chủ nghĩa chính trị Phục quốc Do Thái, ban đầu tán thành việc đồng hóa triệt để người Do Thái châu Âu thông qua việc cải sang đạo Ki tô và bất cứ một cuộc kết hôn liên tôn giáo nào. Chỉ sau khi theo dõi vụ Dreyfus và những cuộc bạo động bài Do Thái liên quan ở Pháp với tư cách một nhà báo thì ông ta mới đổi ý. Đây là con đường khai phá đến với chủ nghĩa Zion, và như học giả người Israel Benjamin Beit-Hallahmi đã chỉ ra, nó có tính tương tác và cố thủ. Xét về ý nghĩa nào đó, nó không phản ánh một lựa chọn, hay ít nhất là một lựa chọn đầu tiên. Nó cũng đúng với hầu hết những người Do Thái rời đến Palestine và Israel trong những thập kỷ tiếp theo – suy cho cùng họ đến đó vì trốn án hành hình hoặc bị hắt hủi hay trục xuất.⁽⁵⁵⁾

Ban đầu, tầm nhìn của những người Zion đều vĩ đại và phô trương, và cả vùng đất mà ở đó những người Zion thuở ban đầu bắt đầu công cuộc của họ và chính nhiều người mở đường này không phải lúc nào cũng thấy le lói một tia hi vọng thuần túy nào. Khi nói về ý

tưởng một nhà nước Do Thái ở Palestine, Herzl đã nói một câu nổi tiếng thế này: “Nếu đã khao khát, thì đó không còn là một giấc mộng nữa.” Nhưng mặc dù vào thời điểm ấy dường như hầu hết người Do Thái chẳng phản đối gì phong trào phục quốc, họ cũng vẫn còn hồ hững với nó, *xem* nó như là một điều huyền hoặc và không thực tế. Bất cứ khi nào họ cảm thấy họ có một lựa chọn, phần đông sẽ chọn ở lại với thân phận Diaspora thay vì chuyển về quê cha đất tổ. Bởi thế nên chẳng ngạc nhiên lắm khi Herzl trình bày những ý tưởng của mình với người đồng chí là nhà báo Do Thái và sau này là một người theo chủ nghĩa Zion Max Nordau, người ta nói rằng Herzl đã yêu cầu Nordau nhận xét sự sáng suốt trong quan điểm của ông ta. Theo một vài nguồn tin, đến cuối cuộc nói chuyện, Nordau đã đáp lại: “Ông có thể điên rồ, nhưng nếu ông có điên, thì tôi cũng điên như ông vậy.”⁽⁵⁶⁾

Giờ đây nếu Herzl là một người đàn ông điên rồ – hoặc nói theo nghĩa tích cực, là một kẻ nhìn xa trông rộng – thì những người đàn ông, phụ nữ đã biến ý tưởng của ông ta thành hành động, phải gọi họ như thế nào đây? Họ là ai đây, những người tự dứt mình ra khỏi tổ ấm, gia đình và quê hương bản quán ở châu Âu rồi chuyển đến rẻo đất nóng rẫy như ở chốn sa mạc, đi đâu cũng thấy đầm lầy và lúc nhúc dân Ả Rập, để kiến tạo nên một nhà nước cho người Do Thái ở đó, gần như từ con số không? Trong khi nhiều người chỉ đơn giản là những người Do Thái Đông phương và Trung Âu chạy trốn khỏi sự áp bức hoặc đói nghèo, những cuốn sách lịch sử khắc họa nên vô số những lãnh tụ và những người tiên phong đầy nhiệt huyết, đủ mọi thành phần và vô cùng sáng tạo. Một số nổi loạn chống lại các bậc cha chú và bỏ nhà đến Palestine, còn một số thì tìm cách rũ bỏ danh phận Do Thái Diaspora và áp ủ về một bản sắc kiểu người Zion mới; một số lại rũ sạch những lý tưởng chủ nghĩa xã hội và tâm huyết theo chủ nghĩa cộng sản; một số đi tìm sự cứu chuộc tâm linh nơi Đất Thánh; và một số đang tìm kiếm những cơ hội làm ăn ở một vùng đất chưa phát triển.

A. D. Gordon, một kẻ nông dân-thuyết giáo giống Tolstoy, râu quai nón trắng, người đã lan truyền niềm tin về sức lao động chân tay và hành trình quay về với đất mẹ tự nhiên ở Galilee, và đã trở thành một trong những người sáng lập ra phong trào lao động; Manya Wilbushewitz, một phụ nữ Nga trẻ trung, bị giày vò về tinh thần, người ăn mặc như người Ả Rập chạy qua những ngọn đồi ở Galilee, và là một trong những người sáng lập một trang trại công, phiên bản đầu tiên của kibbutz; và Alter Levine, một nhân viên bảo hiểm từ Mỹ, định cư gần Tel Aviv nhưng đã du hành khắp vùng Trung Đông, lập nên một chuỗi các nhà chứa, chính ở đó người ta đã lấy được tin tức tình báo bằng cách tiếp cận và tống tiền những khách hàng là người trong quân đội Anh.

Như nhà sử học Tom Segev đã nhìn ra, những người bị lôi kéo đến Palestine vào cuối thế kỷ 19 “đã đem đến sức mạnh thần kỳ của những dự báo và ảo ảnh, công cuộc khởi nghiệp, tinh thần tiên phong và đầu óc phiêu lưu.” Segev tiếp tục nói rằng: “Ranh giới phân biệt ảo tưởng với thực tế hành động thường mập mờ – có những kẻ bất tài và những kẻ lập dị đến từ đủ mọi quốc gia – nhưng phần lớn giai đoạn này nổi bật lên lòng nhiệt huyết và sự táo bạo, sự cả gan lần đầu tiên làm tất cả mọi việc. Có lúc, những người mới đến đã phải bỏ bởi một ảo tưởng mang tính tập thể rằng không gì là không thể.”⁽⁵⁷⁾

Vậy nên đã có những đợt nhập cư kiểu *Hoa tháng năm*⁽⁵⁸⁾ ở Israel. Những người với phẩm chất hiển hiện trong tính cách và nền văn hóa của mình đã hình thành nên những giá trị của giới tinh hoa Israel trong nhiều thế hệ tiếp theo. Dù tốt và xấu, những người tiên phong này đều có một điểm chung là sẵn sàng theo đuổi mục tiêu vĩ đại của riêng họ, không cần biết thực tế có những chướng ngại vật đang bày ra trước mắt. Về mặt tâm lý học, chất keo cố kết những người Zion thời kỳ đầu này chính là tinh thần ái kỷ cao độ, thể hiện ra trong một cuộc kiếm tìm hết lòng hết sức cái anh hùng, cái ngoại lệ hay cái đặc biệt vừa đủ. Nhiều người mới đến trong thời kỳ đầu có khả năng bất thường và rất ý thức được điều đó. Có lẽ

câu chuyện kỳ quái của William Flinders Petrie, một người Anh được một số người *xem* là cha đẻ của khảo cổ học hiện đại, đã minh họa sinh động nhất điều này. Bị lôi kéo tới Jerusalem sau cuộc khai quật ở Ai cập và Palestine, ông đã định cư ở đó trong những năm tháng tuổi già của mình. Sau khi ông chết, bà quả phụ của ông đã chặt đầu ông ra, rồi đặt nó trong một chiếc bình chứa formaldehyde và chuyển nó về London để giải phẫu nhằm khám phá *xem* trong đầu ông ta có gì mà thông minh đến vậy.

Nhưng giống như bệnh ái kỷ của người Do Thái cổ, nỗ lực của những người Zion thời kỳ đầu để đạt được sự ưu tú mang đậm tính bổ khuyết. Trong công cuộc đấu tranh để tạo nên một nhà nước Do Thái, họ đã cố gắng biến chuyển không chỉ thực tại bên ngoài họ, mà còn cả thế giới bên trong mình. Xét về mặt tâm lý, họ chẳng muốn gì hơn là trốn chạy khỏi hình ảnh họ tự hình dung về mình, hình ảnh người Do Thái Diaspora rụt rè ăn sâu vào tâm thức họ suốt những năm tháng trưởng thành ở quê hương bản quán tại châu Âu già nua. Nỗ lực lột xác của họ quá mãnh liệt đến mức họ phải bỏ qua những chướng ngại vật trong thực tiễn đang chình ịch ngáng chân họ. Khi kiểu nỗ lực này đã đơm hoa kết quả, chúng ta có thể gọi nó là tầm nhìn; nhưng khi nó lụn bại, nó bị phủ nhận. Số phận Israel phụ thuộc vào ranh giới thẳng băng phân định hai nhà nước hiện nay, vì cơ chế phòng vệ về mặt tâm lý này có vai trò lớn lao đối với thành công của Israel cho đến lúc này, và cũng là cốt lõi của một trong những phương diện khó giải quyết nhất trong xung đột Ả Rập – Israel.

Năm 1843, nhiều năm trước khi những người Zion bắt đầu định cư ở Palestine, một người thuyết giáo quốc tịch Mỹ được biết đến với cái tên David Millard, đến thăm Palestine, đã viết:

Nếu người Do Thái một lần nữa sở hữu mảnh đất của ông cha họ, thì hẳn ở những quốc gia và những dân tộc xung quanh phải diễn ra một sự xáo trộn vô cùng quan trọng. Mảnh đất này hiện đã được những người Ả Rập bản địa định cư, họ canh tác đất đai và chủ yếu cư trú tại các thị trấn và làng mạc. Câu hỏi đặt ra là, làm thế nào để lấy được quyền sở hữu đất đai của họ? Một cuộc mua bán sẽ được dự liệu? Ai hay quyền lực nào ủng hộ một vụ mua bán như vậy, và những cư dân hiện nay sẽ đi đâu về đâu? Hay người ta đã dự liệu rằng họ sẽ bị đuổi thẳng cổ bằng thanh kiếm? Tôi tin rằng đây là phương cách duy nhất để có thể quét sạch cư dân hiện tại của vùng đất này. Nhưng trong trường hợp ấy, những người dân bản địa tất nhiên là sẽ bị tổng trở lại vùng đất Ả Rập, uốn cong cong như vầng trăng khuyết quanh phía nam và phía đông của Đất Thánh. Những cư dân hiện tại bởi vậy sẽ không bị quét sạch đi mà không có sự chống cự và đổ máu nào, nhưng cùng đó là nỗi oán hận xương tủy nhất của họ. Từ Ả Rập, được trợ lực bởi những tộc người khác, họ sẽ tấn công hết lần này tới lần khác, tàn phá và để lại rác rưởi cho toàn bộ vùng đất.⁽⁵⁹⁾

Từ tình trạng hiện nay, lời dự đoán cay đắng này không thể không khiến chúng ta ngạc nhiên. Nhưng, nó cũng hiển nhiên với bất cứ ai hiểu biết lơ mơ về Palestine nhất vào thời đầu quốc gia khởi nghiệp của những người Zion. Thực tế là, những người Zion thời đầu đã biết rằng có nhiều người Ả Rập sống ở Palestine, nhưng họ làm ngơ trước vấn đề quan trọng này. Ví dụ, vào năm 1918, Ben-Gurion và Ben-Zvi, lần lượt là cố thủ tướng đầu tiên và cố tổng thống thứ hai của Israel, đã xuất bản một cuốn sách trong đó nói rằng họ thừa nhận có hơn một triệu người Ả Rập đang sống ở Palestine. Tuy nhiên, họ suy luận rằng, những cư dân bản địa này không cảm thấy đây là ngôi nhà của họ và chẳng có một dấu hiệu kết nối nào với vùng đất này.⁽⁶⁰⁾ Bằng cách nào đó, họ tiếp tục tin vào khẩu hiệu trước đó của phong trào Zion là mang “những người không có đất tới đất không có người”. Định ninh với quan điểm này, chính cái tên mà những người Zion đã đặt cho khu định cư của họ, tiếng Hebrew là yishuv, không chỉ có nghĩa là một khu định cư, mà còn là có nghĩa là đất bị bỏ hoang. Và rồi cứ như thể có tai như diếc có miệng như câm có mắt như mù trước thực tế sò sò ra đó, ngay

từ những năm 1920, những lãnh tụ Zion đã cố gắng đặt những cái tên Hebrew cho những làng mạc thị tứ đặc Á Rập.

Trong khi một số người *xem* đây là một thủ đoạn tàn nhẫn kiểu trong truyện của Orwell⁽⁶¹⁾ hoặc một thủ đoạn quan hệ công chúng để che đậy những mưu đồ thuộc địa của chủ nghĩa Zion, thì từ góc nhìn tâm lý, có một vấn đề khác nổi lên ở đây. Trong tâm thức người Israel, sự phủ nhận mang tính lịch sử dân cư và quốc gia của người Palestine đã biểu thị một ý định chung muốn kiểm chế thực tế bên ngoài trước ảo vọng bên trong của họ. Có thể tìm thấy một trong những ví dụ cay đắng nhất cho điều này trong câu chuyện về bài hát lúc nào cũng xếp đầu hạng của Israel, bài “Jerusalem hoàng kim” tuyệt hay, dù có phần suột mướt. Được nhạc sĩ viết lời huyền thoại Naomi Shemer sáng tác vào đêm trước cuộc chiến tranh Sáu ngày, lời bài hát than tiếc hoài vọng về nỗi mất mát Thành cổ Jerusalem đã bị Jordan chiếm đóng vào năm 1948. Khổ thứ hai than thở cho khu chợ trống vắng hoang hoải của thành Jerusalem và những bể chứa nước khô cong. Nó tha thiết khi chú ý rằng không ai còn đến thăm Núi Đền hay xuôi về biển Chết bằng con đường qua Jericho nữa.⁽⁶²⁾

Bài hát ấy đã lay động tâm can của mọi người dân Israel trong những ngày căng thẳng của “giai đoạn chờ đợi” bước chân của cuộc chiến tranh đang tiến gần. Hồi ấy, tôi học lớp 4, tôi đã xúc động viết lên bài thơ Jerusalem của riêng mình cho tờ báo trường. Tuy nhiên, lời bài hát “Jerusalem hoàng kim” đã lờ đi một thực tế chẳng thơ chút nào là khu chợ chẳng phải trống vắng hoàn toàn mà đúng hơn là có biết bao nhiêu người Palestine chen chúc mua bán. Và rằng những cư dân này đang uống nước từ những bể chứa, cầu nguyện ở Núi Đền và xuôi về Biển Chết bằng con đường qua Jericho. Sau cuộc chiến ấy, mà kết quả là Núi Đền rơi vào tay người Israel, người sáng tác bài hát đã thêm vào một khúc mới cho lời cũ, hoan hỉ chúc mừng việc giành lại được những nơi này. Trên thực tế, để đúng là quay trở lại khu chợ thực, người Israel phải thế chân những người Palestine, trong một chừng mực nào đó thì họ đã tiến hành việc đó rồi – ví dụ, bằng cách phá hủy rất nhiều ngôi nhà của người Palestine để tạo nên một quảng trường công cộng mênh mông ngay trước Bức tường Than khóc. Như Naomi Shemer tự nhủ nhiều năm sau đó, thay đổi lời bài hát thì dễ hơn thay đổi một thành phố. Hoặc nói theo cách khác, sống trong thế giới tưởng tượng thì dễ hơn trong thực tế. Thực sự là, “Jerusalem Hoàng kim” chẳng có ý châm biếm cay đắng gì đằng sau tựa đề của nó: mẫu vàng duy nhất được tìm thấy trên đường chân trời lờm chớm đá của thành Jerusalem lại nằm trên thánh đường Hồi giáo Mái Vòm Đá.

Phải gắng lắm mới hình dung được tất cả chẳng là gì ngoại trừ sự thật được thổi phồng do sức phong đại ngoa ngôn của một bài thơ. Tuy nhiên, phần đông những người Israel sống trong suốt thời điểm bài hát được ra đời đã thực sự hoàn toàn tin tưởng vào sự phủ nhận này, nếu không nói là ảo tưởng, của bài hát. Tôi đã sống 18 năm đầu đời chỉ cách “khu chợ đỏ” đúng vài dặm và chưa bao giờ tôi nhớ ra rằng có người Á Rập ở đó. Thậm chí ngay cả khi Thành Cổ được “giải phóng”, hay “những ngôi nhà được phá hủy” gần với Bức tường Than khóc, sự tồn tại của những người đang sống ở đó chưa bao giờ thực sự len lỏi được vào trong ý thức của tôi. Hơn nữa, trong khi gia đình các bạn của tôi ở khu Do Thái Tây Jerusalem sống trong những ngôi nhà Á Rập đẹp đẽ, cổ kính, không một ai từng nhắc đến chuyện chỉ 20 năm trước thôi những căn hộ đẹp tuyệt tác này đã được người Á Rập sống và sở hữu, mà hiện giờ họ đang vất vưởng ở những trại tị nạn.

Chẳng phải chỉ có mình tôi đăng trí như thế đâu. Thực sự là trong hơn bốn thập kỷ, người Israel đã biết rằng nếu họ vẫn nắm giữ được Bờ Tây và dải Gaza, thì sự chênh lệch lớn về tỉ lệ sinh giữa người Á Rập và người Do Thái cuối cùng cũng sẽ đẩy người Á Rập từ thiểu số thành đa số. Nhưng họ lờ đi thực tế này và thực hiện một phong trào định cư ồ ạt, tiến những bước chậm mà chắc đưa hơn một nửa triệu người Do Thái vào khu Á Rập Đông

Jerusalem và Bờ Tây. Có lẽ hình ảnh minh họa đặc địa nhất cho sự phủ nhận đằng sau phong trào định cư này là hai quyết định tối quan trọng của chính phủ Israel ngay sau cuộc chiến 1967. Mặc dù đã được các chuyên gia cảnh báo rằng sáp nhập cả những di chỉ thiêng liêng của Hồi giáo trong khu vực này vào lãnh thổ Israel sẽ gieo mầm cho một cuộc thánh chiến trong tương lai, và rằng thế giới Ki-tô giáo sẽ không bao giờ chấp nhận một sự sáp nhập cả những địa điểm thiêng liêng của đạo Ki-tô như vậy, nhưng chỉ sau cuộc tranh luận kéo dài hai tiếng đồng hồ, chính phủ đã quyết định cứ dấn tới kế hoạch này. Nhìn lại, có vẻ như quyết định này đã góp phần vô cùng lớn lao vào việc tiêm nhiễm những thái độ thù địch tôn giáo vào một mối xung đột chính trị vốn đã lan rộng từ trước. Trong cuộc họp thượng đỉnh Trại David năm 2000, nó đã chứng tỏ là một trong những vấn đề chính, nếu không phải là chủ chốt, gây trở ngại cho một giải pháp chính trị tiềm năng.

Vài ngày sau đó, quyết định thứ hai đã được thông qua, cũng không một chút thận trọng nào. Từ chối lời đề xuất thống nhất Jerusalem bằng cách sáp nhập Đông Jerusalem như đã được kẻ xâm chiếm trước đó, Jordan, vạch ranh giới – một phạm vi chỉ rộng 7 km(2) – chính phủ đã chọn gộp cả 64 km(2), sáp nhập với 28 ngôi làng ở Bờ Tây vào với thành phố này và tăng gấp ba diện tích của nó. Lại một lần nữa bỏ qua những lời cảnh báo, các quan chức chính phủ kết luận rằng bằng cách xây dựng 10.000 ngôi nhà, họ sẽ có thể chặn cơn thủy triều dân số đang lên và chắc chắn là tăng tỉ lệ người Do Thái thành đa số ở Jerusalem. Nhưng tỷ lệ sinh cao của người Ả Rập và số lao động Ả Rập cần thiết cho tất cả việc xây dựng công trình mới này đã quét sạch ảo tưởng của họ. Trong vòng 40 năm, tỉ lệ người Ả Rập ở thành phố này đã tăng từ 18% trước khi sáp nhập lên đến 34%. Và dựa vào tỉ lệ sinh hiện tại, để có khi nó sẽ đạt đến 50% dân số trong vòng 15 năm nữa.⁽⁶³⁾

Nhiều năm trôi qua, bất chấp thực tế từ trước, cũng một tầm nhìn ấy, họ đã phát triển khu định cư ở Bờ Tây. Mặc dù không sáp nhập chính thức vào Israel, những sự kiện thực tiễn⁽⁶⁴⁾ được tạo ra ở ngay mảnh đất trung tâm của người Palestine đã khiến cho việc người Palestine có thể lấy lại quyền kiểm soát về phương diện chính trị là hoang đường, mà thực chất nó là một phần trong toàn bộ mưu đồ này. Nhưng cũng như vậy, thực tiễn ở đây không hoàn toàn hướng về ảo tưởng hòa giải. Nhiều năm người Palestine chống cự và chiến đấu, bắt nguồn từ dải Gaza và bờ Tây, cuối cùng cũng khiến cho tâm thức của người Israel hiểu sâu sắc rằng sự chênh lệch về dân số đang gõ nhịp thời gian. Hiện tại, hầu hết những người Israel Do Thái đang bắt đầu nhận ra rằng sớm thôi họ sẽ phải lựa chọn giữa việc để tuột chính phủ vào phần đa số những người Ả Rập và đánh rơi nền dân chủ vốn không hoàn hảo của mình vào một chế độ kiểu Apartheid. Theo như chuyên gia Sergio DellaPergola tại trường Đại học Hebrew, dựa trên những khuynh hướng thay đổi tỉ lệ dân số hiện tại, trước năm 2020 số dân sống giữa biển Địa Trung Hải và sông Jordan sẽ có nhiều người Ả Rập hơn người Do Thái⁽⁶⁵⁾. Tuy nhiên, nhiều người Israel vẫn coi đó là điều đương nhiên hoặc đơn giản là tránh nghĩ đến nó, vậy nên dường như không thể thừa nhận sự hạn chế trong sức mạnh tinh thần khắc phục khó khăn.

Tất nhiên, luôn có những ngoại lệ: tác giả viết sách bằng tiếng Hebrew này, người đã cảnh báo ngay từ năm 1913 rằng những người Ả Rập đông đảo đã làm chủ mảnh đất này và người Do Thái với người Ả Rập chỉ có điểm chung là sự thù hận và đó là điều không thể tránh khỏi; thủ tướng chính phủ, người phản đối những quyết định về vấn đề Jerusalem, đã cảnh báo rằng thế giới thế kỷ 20 bài thuộc địa sẽ không bao giờ chấp nhận một sự bành trướng như vậy; một nhà báo, người đã báo cáo về những người Palestine tị nạn ở thế hệ thứ ba chưa bao giờ đặt chân đến Yafo⁽⁶⁶⁾ nhưng cũng chỉ dính dáng tới nó, như người Israel với Tel Aviv hoặc Kinneret; và tạp chí của những người cánh tả, những người theo chủ trương hòa bình, và những người cấp tiến, phản đối sự chiếm đóng phần lớn là dựa trên những phương diện đạo đức. Nhưng những ngoại lệ này chủ yếu càng làm sáng tỏ thêm cho quy tắc. Thậm

chí hiện nay, khi nhiều người Israel thừa nhận “vấn đề về dân số”, thì sự phủ nhận vẫn cứ còn dai dẳng, có thể nhận ra điều đó khi những chính trị gia thiếu một động lực sốt sắng với tiến trình hòa bình, và có lẽ thông qua một biểu tượng lột tả chính xác nhất, đó là bức tường phân cách cao mười foot có nhiệm vụ bảo vệ được nhà nước Do Thái khỏi thực tế nhãn tiền về tỷ lệ dân số.

Sự phủ nhận này còn gây ấn tượng mạnh hơn nữa khi nuốt chửng đi thực tế là những người Israel Ả Rập đã tồn tại và cho đến năm 2013 họ đã chiếm khoảng 20% tổng dân số Israel. Mặc dù họ là những công dân Israel và được hưởng mức sống cao hơn và có quyền tự do hơn rất nhiều so với đông đảo những người đồng đạo ở các nước Ả Rập hoặc Chính quyền nhà nước Palestine, tuy nhiên họ là đối tượng bị phân biệt đối xử cả trong các cơ quan công quyền lẫn ngoài đời sống dân sự. Chẳng phải vô tình mà họ không cảm thấy nhà nước Do Thái này là nhà, vì rõ ràng là họ đã thấm thía cảm giác bị gạt ra ngoài, không được dự phần vào lời hát quốc ca, vẫn vinh danh về nỗi khao khát của những tâm hồn Do Thái đối với quê cha đất tổ. Một bằng chứng chắc chắn hơn nữa, như đã được nhà báo người Anh Martin Fletcher lưu ý, trong khi Israel ngay từ ngày đầu thành lập đã trở thành một công trường xây dựng mệnh mông bát ngát, thì trong toàn bộ những năm qua tuyệt nhiên không có một móng thị trấn Ả Rập nào được xây dựng⁽⁶⁷⁾. Không hề nghi ngờ là các chính sách của chính phủ đã hạn chế khắt khe những người Ả Rập Israel được tiếp cận với những cơ hội làm ăn và gạt họ ra ngoài sự hòa hợp thống nhất toàn vẹn dân tộc. Đi kèm với sự chống cự ngày càng dâng cao của những người anh em đạo hữu Palestine trong những lãnh thổ bị chiếm đóng, và làn sóng ủng hộ của thế giới đối với sự dân chủ hóa và lẽ công bằng, dần dần di chứng thù hằn này đã ăn sâu vào bộ phận dân chúng ấy. Quả thực, sau chiến tranh năm 2014 tại dải Gaza, có nhiều cuộc bạo động chống người Israel đáng chú ý trong những thị trấn người Israel Ả Rập cũng như những hoạt động khủng bố được khởi xướng bởi những người Ả Rập-Israel từ Đông Jerusalem. Giả như năm 2011 và 2012, những cuộc nổi loạn và nổi dậy này lan rộng ra Trung Đông, thì bây giờ dễ có khi những người Ả Rập Israel sẽ bằng cách này hay cách khác gia nhập đội quân chống lại Israel, và trong trường hợp này, sự chống phá ở tận sâu trong lòng nhà nước Do Thái. Nhưng, người Israel không đưa ra một dấu hiệu chứng tỏ họ thấu hiểu hay nhận thức về tác động tiềm ẩn của một cuộc nổi dậy như thế. Thậm chí tại một vài thành phố Israel có người Do Thái sống chung với người Ả Rập, nhiều người Do Thái lại đứng đưng với người Ả Rập. Họ thường chỉ biết đến những người Ả Rập làm quản gia, người gác cửa, công nhân xây dựng, tài xế, và có lẽ cả y tá của họ. Vậy nên người ta mới nói khuất mắt trông coi.

Như đã ngụ ý từ trước, việc phủ nhận không phải lúc nào cũng là chuyện chẳng hay ho. Phủ nhận cái chết ở rất nhiều khía cạnh của cuộc sống, nếu không cực đoan thái quá, chính là cách giữ cho chúng ta khỏi bị rơi vào sự vô nghĩa và vô vọng, cho phép chúng ta vượt qua một số giới hạn thể lực và thực hiện những điều phi thường. Tất cả những điều này nói chung đều đúng với những người Israel. Phủ nhận và xông xáo tìm cách vượt qua những khó khăn thực tế có thể đem đến hiệu ứng tâm lý tích cực sâu sắc. Nhà nghiên cứu văn học và điện ảnh Nurit Gertz sống tại Tel Aviv đã rút ra từ lịch sử Israel một ví dụ kinh điển cho quy tắc này. Phân tích một loạt các tác phẩm hư cấu và phi hư cấu viết bằng tiếng Hebrew trong thế kỷ 21, Gertz đã chỉ ra đôi khi người ta phủ nhận những thất bại quân sự để kích động và tăng cường nhuệ khí của người Do Thái trong những ngày đầu lập quốc như thế nào. Một tờ báo đã miêu tả việc để Thành Cổ Jerusalem rơi vào tay Jordan trong chiến tranh năm 1948 là một chiến thắng kiểu “không thành công cũng thành nhân” của những người Do Thái chiến đấu trong trận chiến đó, trong khi việc người Ả Rập chiếm được thành phố này chỉ là một chiến thắng hữu danh vô thực. Một tờ báo khác, đưa tin về trận đánh nổi tiếng giành kibbutz Yad Mordechai ở phía nam, lần đầu tiên miêu tả tiểu đoàn vũ trang Ai Cập đã rút lui một cách xấu hổ nhục nhã, sợ hãi những đứa bé trai Israel đang giận dữ xua đuổi họ mà không hề có một tác sát trong tay. Chỉ sau đó nó mới đưa tin trung thực về trận đánh này, như là,

những chiến sĩ Israel sau đó đã rút lui và bỏ lại kibbutz cho kẻ thù. Phần sau này, bài báo chỉ tóm tắt hời hợt.⁽⁶⁸⁾

Thậm chí còn quan trọng hơn, việc từ chối chấp nhận những giới hạn của thực tế có thể làm biến chuyển chính thực tế đó, và người Israel đã làm như thế không biết bao nhiêu lần. Năm 2007, Israel bắt đầu phát triển Mái Vòm Sắt, một hệ thống phòng thủ tên lửa, mà vừa mấy năm trước đó nhiều người coi đây là điều phi thực tế, có lẽ na ná kiểu Chiến tranh giữa các vì sao của Ronald Reagan bị đem ra làm trò cười⁽⁶⁹⁾. Mái Vòm Sắt được đưa vào hoạt động quá nhanh đến mức trước năm 2014, nó đã thay đổi bản chất cuộc chiến tranh của Israel với Hamas, có thể đã cứu được hàng nghìn sinh mạng ở cả hai phía.

Thái độ của Israel đối với thiểu số những người Ả Rập và những người Palestine trên lãnh thổ này bộc lộ một mặt khác của thói ái kỷ của người Israel, chẳng hạn như sự thiếu cảm thông hay thiếu khả năng đồng cảm và thấu hiểu với hoàn cảnh và trải nghiệm của tha nhân. Trong những năm gần đây, vì Israel và Hamas xung đột với nhau trong vòng tròn luẩn quẩn những vụ đụng độ quân sự không cân sức, truyền thông của Israel ngày càng trở nên quen thuộc với việc khi báo cáo điều gì đó đại khái như kiểu “Ngày hôm nay, 17 dân thường Palestine, bao gồm phụ nữ và trẻ em, bị giết ở dải Gaza trong khi có bốn vụ đáng lo ngại ở bên ta.” Người Israel dùng từ “vụ đáng lo ngại” để thể hiện nỗi lo lắng cho một vụ tấn công đáng sợ, có thể có hoặc có thể không gây ra những triệu chứng kéo dài lâu hơn như là rối loạn căng thẳng hậu chấn thương. Hay một đoạn trong một tờ báo có thể đưa tin rằng: “Chín người Palestine đã bị chết trong một vụ tấn công của IDF tại những ngôi nhà của binh lính Hamas” và “một quả bom rocket từ dải Gaza đã phá hoại nghiêm trọng một nhà kính [hoặc một kho] ở Ashdod⁽⁷⁰⁾”.

Việc thiên vị mang tính ái kỷ cảm xúc và nhận thức của người này hơn cảm xúc và nhận thức của người khác là đặc điểm của phong cách giao tiếp ứng xử của người Israel không chỉ trong quan hệ với những người Ả Rập mà còn cả với những người anh em Do Thái. Đó là một trong những thứ khiến việc lái xe, mua sắm, ăn tối, hay làm bất cứ việc gì cần có một chút tương tác xã hội bên ngoài ở Israel khá gây bực mình. Bạn của tôi, một viện sĩ hàn lâm người Israel có giọng nói nhẹ nhàng, nhớ lại lần trở về sau một chuyến ra nước ngoài với đứa con trai 3 tuổi của mình. “Chúng tôi đang chờ trước băng chuyền tải hành lý, con tôi vô cùng phấn khích mong chờ hành lý bắt đầu đi vào, thì thình lình một người đàn ông Hasidic⁽⁷¹⁾ khoảng 70, 80 tuổi đẩy chúng tôi ra một bên để lấy hành lý của ông ta, đẩy con trai tôi xuống. Trong một giây, tôi cảm thấy mình đang lao lên, trên lối đi của mình tôi đẩy lão già đó xuống đất để cứu con trai.” Mặc dù hầu như là chuyện này sẽ không dẫn đến xô xát, nhưng cơn chen kiểu ta là nhất như thế này nhan nhản khắp nơi trong cuộc sống thường nhật của người Israel. Nó thường khiến người ta bực bội, đôi khi là lố bịch. Trong một buổi nói chuyện trên đài phát thanh, người dẫn chương trình báo cho diễn giả biết anh ta có ba hoặc bốn phút để nói lên ý của mình, hai người đã dành nửa thời gian đó để cự nự nhau là ba hay bốn phút có đủ không vì diễn giả trước đã được dành cho một khoảng thời gian hào phóng hơn thế. Trong suốt khóa huấn luyện ở El Al, người ta nói các những tiếp viên hàng không rằng khi người Israel mua một vé máy bay, họ tin rằng họ không chỉ mua một cái vé, mà mua cả máy bay, phi công, và tiếp viên hàng không. Hoặc như Martin Fletcher đã viết trong cuốn sách về việc đi bộ trên bờ biển Địa Trung Hải kéo dài của Israel: “Còn chỗ nào khác nữa trên thế gian này mà bạn ngồi cà phê vào ngày thứ Sáu cùng với mười người, thì cả mười đều nói một lúc, và sau đó chẳng biết đích xác những người kia nói cái gì?”⁽⁷²⁾ Tuy nhiên, đôi khi, điều này thật phiền phức.

Trong một buổi shivah⁽⁷³⁾ ở Jerusalem, tôi bị văng hết cả đầu bởi rất nhiều cuộc nói chuyện ồn ã – hay, thực sự là, độc thoại chen lấn, xô đẩy nhau – về những thành tựu tâm cơ

thế giới của những vị khách và về việc người đã khuất hay gia đình ông ta nhỏ nhoi đến mức nào. Ai cũng cố chộp lấy cơ hội để nói, một người đàn ông đã thao thao về những dự án bất động sản của ông ta ở Los Angeles, người khác nói về những mối quan hệ tay trong tay ngoài của ông ta với chính phủ, người thứ ba thì nói về những đứa cháu nội cháu ngoại của mình đang theo học ở Harvard hay Stanford, và một người thứ tư nói lấy nói để về đứa cháu của ông ta đang làm ở Google. Âm ỉ om sòm và chẳng ai chịu ai, những vị khách chẳng thể hiện một chút quan tâm nào, hay một mảy may xót thương đến bà quả phụ già đang hoang mang và kiệt sức.

Năm 1938, chẳng bao lâu sau vụ Kristallnacht⁽⁷⁴⁾, Ben-Gurion, sau này đứng đầu Yishuv⁽⁷⁵⁾ nói về việc giải cứu những đứa trẻ Do Thái ở Đức. Ông nói nếu cứu trẻ em Do Thái ở Đức mà được lựa chọn giữa việc đưa tất cả tới Anh, hay chỉ được một nửa đến Palestine, thì ông sẽ chọn phương án sau. Ông giải thích là chẳng gì quan trọng hơn là cứu quốc gia Hebrew trên chính mảnh đất của nó. Như đã được nhiều người trong đó có Tom Segev miêu tả, trong cuốn *One Palestine, Complete*, giới lãnh đạo Zion cứ khẳng khái với tư tưởng này, họ coi những người Do Thái ở châu Âu là “sức người” cần thiết để kiến thiết nước nhà, hơn là coi nhà nước này là một cái cọc để những người Do Thái bấu víu vào. Tự bản thân Ben-Gurion đã xác nhận rằng ông ta thích những người nhập cư trẻ hơn là già, và những người ở độ tuổi lao động hơn là trẻ con. Trong suốt thập niên 1930, số người được cấp giấy phép nhập cư là phụ nữ chỉ chiếm 20%, trong khi trẻ con rất ít ỏi, không một đứa trẻ thiếu năng nào được vào lãnh thổ⁽⁷⁶⁾. Người ta cân nhắc những chính sách nhập cư này trên cơ sở xem xét điều gì là tốt cho tập thể, nhưng việc ngầm ngó lơ hoặc thái độ khinh khi công khai đối với những kẻ “yếu đuối” và phải nương nhờ vào người khác vẫn còn là một đặc trưng trong xã hội Israel cho đến tận hôm nay. Từ những trò chế nhạo suồng sã mấy cậu thanh niên không hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trong quân đội đến những mức kết án từ xưa đến nay vẫn nương nhẹ đối với những hành vi xâm hại phụ nữ, trẻ em và người Ả Rập, văn hóa Israel không bao giờ dư dả nỗi cảm thông với những người như vậy.

Có thể hiểu được tại sao người Israel đặc biệt vô cảm với những đau thương mất mát của người Palestine. Điều này một phần là do tình trạng chiến tranh giữa hai dân tộc và lịch sử những trò hung bạo của người Palestine, nhưng nhìn rộng ra thì có thể do những biểu hiện ái kỷ. Người Israel thường nhìn người Palestine như là những kẻ thụ động, bạc nhược, hèn nhát, bị lụy và quỷ quyệt, gần như là bức chân dung thời xa xưa của người Do Thái thời Diaspora trong con mắt của những kẻ ngoại đạo, và do đó là hình ảnh chủ quan hóa, bị áp đặt, hoặc hình cảnh tiêu cực, bị chối bỏ mà con cháu Israel của họ tự nhận thức về bản thân. Liên quan đến những người Ả Rập, người Israel có tiền lệ là chỉ nói chuyện bằng vũ lực. Nhưng một cách mơ hồ, những phản ứng hòa giải của Israel đối với cuộc chiến tranh năm 1973 và hai cuộc intifada của người Palestine lần lượt là trao trả lại Sinai cho Ai Cập, công nhận Phong trào giải phóng Palestine PLO, và rút khỏi dải Gaza – cũng có vẻ giống như một biểu hiện của sự ái kỷ. Tôi đã xem xét một ví dụ khác, đó là gần đây tôi có làm một chuyến dạo quanh Thành Cổ, hướng dẫn viên du lịch người Israel đã giải thích cho nhóm du khách rằng tháp cao ráo của thánh đường Hồi giáo kia là biểu thị cho tham vọng thống trị của đạo Hồi. Thực tế này, cũng như những điều khác có liên quan đến ảnh hưởng Ki tô giáo thời kỳ đầu, phức tạp hơn nhưng khi hỏi nó có khác gì với những ngôi nhà Do Thái quá khổ bành trướng ở nhiều khu trong Thành Cổ, hay những khu định cư trên các đỉnh đồi ở Bờ Tây, trông như những pháo đài, ngạo nghễ vươn mình vượt hẳn những ngôi nhà bé nhỏ của những làng mạc Ả Rập gần đó hay không, anh ta chỉ đơn giản là chối bay chối biến. “Những ngôi nhà của người Do Thái chẳng to lắm,” anh ta nói, ngay khi chúng tôi tình cờ bắt gặp một giáo đường Do Thái to vật vờ ở cuối một con hẻm nhỏ của khu Hồi giáo với những ngôi nhà Ả Rập tí hon ở hai bên. Trong bất cứ trường hợp nào, việc gán những mặt xấu của bản thân cho những người Palestine là một trò tiêu khiển “thường ngày ở huyện” của người Israel, nó càng làm rộng ra hố sâu ngăn cách đầy lòng ác cảm giữa hai quốc gia và làm sâu sắc thêm

mối hận thù và khinh khi của người Israel đối với người anh em Ả Rập cùng gốc Semite⁽⁷⁷⁾ của mình.

Để làm cho vấn đề thêm phần phức tạp, một biểu hiện cụ thể hơn đã bị phóng chiếu cho người Do Thái Ả Rập, nhiều người ở Israel gọi họ là người Do Thái phương Đông, có lẽ như nhà tâm lý học người Israel Avner Falk đã cho rằng, là vì từ *Arab* ở Israel quá u ám hù kỵ. Như Falk đề xuất, so sánh với những người đồng đạo nhánh Ashkenazi của họ, người Israel với nguồn gốc từ những nước Ả Rập có thêm nhiều lý do, cả ngoại tại lẫn nội tại, để bộc lộ những mặt tiêu cực của bản thân đối với người Palestine và những người Ả Rập khác. Người ta nói đùa rằng nhà thơ sáng tác bằng tiếng Hebrew theo Chủ nghĩa Phục quốc Do Thái được ngưỡng mộ, thần tượng, nhập cư tới Palestine vào năm 1924, là Hayim Nahman Bialik, rất ghét người Ả Rập vì họ giống với những người Do Thái phương Đông. Bởi vậy cả lý do vì họ bị những người Israel Do Thái dòng Ashkenazi phân biệt đối xử vì nền văn hóa Ả Rập của mình vừa vì họ cần giữ khoảng cách với phần danh tính đó để đun đẩy lòng tự tôn bản thân, người Do Thái phương Đông đã thấm nhuần cảm giác thù địch đối với người Palestine hơn rất nhiều so với người Israel có nguồn gốc phương Tây. Những cuộc thăm dò ý kiến của nhân dân trước sau đều cho thấy rằng người Do Thái phương Đông ghét người Ả Rập nhiều hơn cả những người Do Thái có nguồn gốc phương Tây.⁽⁷⁸⁾

Thiếu lòng cảm thông, lờ đi thực tế và khao khát thành công bất kể thủ đoạn, tất cả sản sinh ra một thói ưa bót xén, lừa bịp và dối trá ở người Israel. Trong một quán cà phê sang trọng ở trung tâm Jerusalem, tôi đã chứng kiến một màn đùa bốn bình thường hoặc cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa một chàng sinh viên sau đại học và một cô giáo trẻ trường cấp ba. Cô giáo này đang làm việc với một đồng nghiệp, chuẩn bị giáo án cho tuần sắp tới. Trêu chọc cô gái này, chàng thanh niên trẻ nói: “Làm cùng nhau? Gian lận nhé! Em sẽ làm gì nếu bắt quả tang một sinh viên đang quay bài?”

“Thì” cô nàng chống chế, “nếu em bắt quả tang học sinh quay bài, em sẽ không coi đấy là một việc gì xấu. Em sẽ xem đó như là một biểu hiện cho thấy cậu ta muốn thành công. Cậu ta đầy nhiệt huyết.”

Mọi người đều cười, và một cuộc trò chuyện về việc cắt xén tiếp nối. Điều này nhắc cho tôi nhớ đến một bệnh nhân người Israel trước đó đã đến gặp một nhà phân tâm học người Mỹ trong nhiều năm. “Có những lúc cô ta chẳng hiểu tôi gì,” anh ta than phiền. “Một lần tôi nói ‘Không thể tập bơi bằng cách đọc sách được.’ ‘Tại sao anh lại được miễn tập bơi bằng cách đọc sách?’ Đúng là đồ Mỹ!” Một phiên bản khác về đầu óc kiểu này: Một thợ khóa người Israel sống ở New York kể về việc anh ta kiếm sống như thế nào. Khi có một khách hàng lỡ bỏ quên chìa khóa trong nhà gọi anh ta đến vào ban đêm, anh ta sờ mó vớ vẩn vào cái khóa như thể đã gần mở ra được rồi. Sau đó anh ta “sợ ý” phá hỏng nó, để lại vị khách với hai con đường: một là để cửa mở cả đêm, hai là lắp một cái khóa mới nhưng giá gấp đôi. Có lẽ, chuyện này chẳng có gì táng hèn thất đảm hơn những thói nát về đời sống cá nhân và trong chính trường vốn đã là dịch bệnh lan khắp các cơ quan đoàn thể trong bộ máy chính trị Israel trong nhiều thập kỷ. Khi một chính trị gia Hoa Kỳ vượt quá giới hạn, thì nó thường liên quan đến tình dục; còn ở Israel, nó thường xuyên là về tiền. Trong những năm gần đây, xã hội Israel đã liên tục phơi bày những sai trái về tài chính và đạo đức con người ở chớp bu giới lãnh đạo, với những cuộc điều tra hình sự, những bản cáo trạng hoặc những lời buộc tội trong những vụ án của các bộ trưởng, các thủ tướng và của một tổng thống.

Một doanh nhân người Israel định cư ở châu Âu mập mờ thừa nhận về việc những cộng sự làm ăn người Âu của anh ta cảm nhận về những người Israel làm cùng và những người bài Do Thái cổ lỗ là: những kẻ nói dối, những kẻ cướp và những thầy dui không đáng tin. Khi

đàm phán với những người anh em Israel của mình, doanh nhân này ngay từ đầu đã cảnh báo họ rằng đừng bắt đầu đàm phán bất cứ việc gì trừ khi họ đang sẵn sàng nhân nhượng vụ này. Giải thích cho biểu hiện ái kỷ này, anh ta giải thích rằng bởi lẽ người Israel luôn đối trá – thậm chí ngay cả trong vô thức – họ không bao giờ tin lời nói không của người khác. Họ nghĩ mọi thứ đều có thể thỏa thuận, và nếu chính miệng họ không nói rằng họ sẽ nói không và thực sự có ý như thế, thì họ sẽ chỉ đang lãng phí thời gian của anh trong những cuộc đàm phán bất tận. Người ta có thể cho rằng, đó là lý do tại sao các chính phủ Israel cứ nhất định thích lao vào công cuộc đàm phán không bao giờ dứt mà không có những điều kiện trước với Palestine: họ tin rằng một ngày nào đó họ sẽ thuyết phục được những người Palestine, nói thế nào nhi, từ bỏ Đông Jerusalem. Đó cũng là cách mà người Israel ứng xử với đồng minh trên chính trường quốc tế. Ví dụ như vào tháng 12 năm 2014, Bộ trưởng Quốc phòng Moshe Yaalon tìm ra cách bành trướng những khu định cư Bờ Tây thông qua hệ thống ra đa nhằm thách thức phương Tây mà không hề phải chuốc lấy lời phê phán nào. Áp dụng một luật lệ cho phép IDF chiếm cứ đất đai ở Bờ Tây cho mục đích quân sự, ông ta di chuyển những doanh trại gần những khu định cư hiện tồn đến những vị trí khác, cho phép những khu định cư này mở rộng vào vị trí doanh trại hiện trống quân mà không thông qua một quyết định chính thức của chính phủ. Có thể nhận thấy rất rõ những phiên bản của thái độ này từ phía người Israel trong đời sống thường nhật khi cố lấy được bất cứ thứ gì cần phải có sự hợp tác, thỏa thuận, cho phép hoặc giấy tờ mới xong – từ việc lái một chiếc xe đến việc thuê một căn hộ. Như cựu chiến binh – kiến trúc sư ở Tel Aviv đã nói với nhà báo người Anh Martin Fletcher: “Vấn đề ở Tel Aviv, như bất cứ nơi nào trên đất Israel, là chẳng cha nào bị nói không cả. Một lời phản hồi từ chối từ người quy hoạch đô thị không phải lời nói cuối cùng, mà chỉ là một chướng ngại vật khác phải vượt qua mà thôi.”⁽⁷⁹⁾

Liên quan đến tất cả những việc nói-không và kinh doanh kiểu con cày này đã thành hai mô thức ăn sâu vào trí não người Israel. Đầu tiên, có một thói bất tôn đối với chính quyền, có lẽ là bắt nguồn từ việc không tin vào hệ thống hành pháp của những người bị ngược đãi đối với những chính phủ Diaspora mà họ không thể dựa vào để được bảo vệ, cùng với cuộc vật lộn mưu sinh bên lề cuộc sống bán buôn. Tuy nhiên, trong câu chuyện về Zion, nó còn hợp lực với lý tưởng sinh động hơn, bạo liệt hơn về người Do Thái mới. Một số nhà tâm lý học và văn sĩ đã gợi ý rằng câu chuyện Phục quốc Do Thái là một trong những cuộc nổi loạn kiểu ơ-đip chống lại và tranh nhau tiếng gáy với người cha xui rủi là tình trạng bị trục xuất. Nếu theo thuyết này, người Do Thái của xứ Diaspora trong lịch sử bị tắc trong lãnh thổ ơ-đip tiêu cực, chính là, sự gắn bó quyến luyến với người mẹ và sự phục tùng với người cha.⁽⁸⁰⁾ Rõ ràng là những người Zion thời kỳ đầu từ chối thẳng băng luận điệu này, và có lẽ nó có thể giải thích tại sao giới trí thức của họ lại bị hút hồn vào học thuyết của Freud, mặc dầu những học thuyết của ông ta không thể nào tương hợp với những học thuyết của một trong những người anh hùng khác của họ, Karl Marx. Vấn đề là dù ơ-đip hay không ơ-đip, cả Freud và Marx đều là những nhà cách mạng. Freud vẫn còn nổi tiếng trong những giới phân tâm học ở Israel hơn là ở nhiều nước khác, và sự chất vấn chính quyền một cách rõ ràng và quả quyết cũng như vậy. Vài năm trước, tôi tham gia một *pe-ulah*, hay một hoạt động ngoại khóa Ngày tưởng niệm Đại thảm sát Holocaust, tại một trường cấp ba của Israel cho những học sinh quốc tịch Mỹ. *Pe-ulah* bắt chước cuộc họp mặt của Hội Nam hướng đạo Israel truyền thống, và hướng đạo trưởng đưa cho một cặp trẻ con mỗi đứa một chiếc kim khâu rồi hướng dẫn chúng chọc vào nhiều quả bóng ơm căng đầy phòng trang trí cho một bữa tiệc của ngày hôm sau. Chỉ trong vài giây, bọn trẻ khác làm theo, và trong một hoặc hai phút, cả phòng nhảy loi chơi lên để làm nổ toàn bộ bóng ở chỗ đó. Sau đó, khi vị hướng đạo trưởng hỏi tại sao chúng lại làm nổ những quả bóng, những đứa trẻ buột trả lời rằng chúng làm vậy vì mọi người cũng làm như vậy. Điều ngạc nhiên duy nhất trong buổi gặp mặt Ngày tưởng niệm Holocaust hôm đó là chẳng có gì liên quan đến mất mát, chủ nghĩa anh hùng hay bài Do Thái cả. Đúng hơn là, bài học rút ra từ hoạt động này là về việc không trở thành những kẻ làm theo. Thông điệp ở đây là hãy thách thức cường quyền và làm việc của riêng bạn. Một ý niệm liên quan đến

“đừng là con cá rán”, hay đại khái là kẻ ngờ nghệch, có thể là mệnh lệnh xã hội phổ biến nhất ở Israel, với tiếng bản địa “cá rán” chỉ những người đi theo những quy tắc, luật lệ một cách khờ dại và thụ động, chỉ những yếu kém của riêng anh ta. Bị gọi là một kẻ khờ là một trong những cách làm nhục nặng nề nhất đối với người Israel.

Nhưng khía cạnh trọng tâm của tính ái kỷ khi phòng vệ với chính quyền kiểu này bắt nguồn từ thái độ kiêu căng, đề phòng, tự cho mình là trung tâm và đứng trên tầm thiên hạ của bản thân người Israel. Có thể kể ra đây một câu chuyện điển hình, đó là về một luật sư người Israel đi nước ngoài như đi chợ. Khi ngồi ghế hạng thương gia trên một chuyến bay của hãng El Al⁽⁸¹⁾ với cơn đau lưng trầm trọng, ông ta vịn vào lưng ghế trước mặt để đứng lên, đi về phía nhà vệ sinh. Hành khách ngồi chiếc ghế ấy, một đồng bào Israel, mặt rõ ràng là tự mãn, cười nói: “Thú nhận đi, anh không bay nhiều phải không?”

“Sao ông lại hỏi thế?” vị luật sư nói.

“Vì những người bay nhiều thì biết rằng đừng có mà đẩy hay níu vào ghế ngồi đằng trước.” Người đàn ông kia trả lời y như dự đoán.

“Một người văn minh sẽ nói gì đó kiểu như ‘Xin lỗi, nếu không phiền thì xin đừng làm thế mỗi lần ông đứng dậy?’” vị luật sư giải thích. “Nhưng với một người đặc Israel, đây là cơ hội để hạ thấp người khác, chỉ để nâng mình lên.”

Nói theo thuật ngữ đã được môn đệ gây nhiều tranh cãi hơn của Freud, Wilhelm Reich, đặt ra, khía cạnh này trong tâm thức của người Israel không phải là không giống với khía cạnh trong tính cách khoái lạc – ái kỷ. Được trang bị mặt nạ phòng vệ là vẻ trơ trẽn, tự tin, huênh hoang - tất cả được thiết kế để phủ nhận bất cứ dấu hiệu yếm thế nào manh nha bộc lộ - tính cách này thích hợp để dẫn dắt và thống lĩnh hơn là để đi theo hay bị phụ thuộc. Donald Trump⁽⁸²⁾ với những tòa cao ốc của ông ta có lẽ là bức tranh biếm họa tinh túy nhất cho dạng nhân cách này.

Mô thức thứ hai liên quan đến việc người Israel có xu hướng đi quá giới hạn cho phép mà không từ một thủ đoạn nào, là thái độ tự tiện phá bỏ các ranh giới vốn đặc trưng của văn hóa Israel. Có thể xem xét một ví dụ cực đoan cho trường hợp này. Đó là một người phụ nữ Israel vào những năm 1970 đã kết hợp với một tổ chức chính trị cánh tả cấp tiến vốn bị bộ máy an ninh của chính phủ theo dõi. Khi còn là một sinh viên đại học, bà yêu một người đàn ông, người này nói với bà rằng ông ta đang làm việc cho Shabak, một Cơ quan An ninh Israel, và có nhiệm vụ phải theo dõi bà. Chuyện này không ngăn được cả hai người tiếp tục chuyện tình cảm của mình. Trong khi ở những xã hội với nền văn hóa khác, người ta chưa từng nghe thấy một chuyện tương tự, thì sự táo bạo này, kiểu gần như là thờ ơ, không quan tâm đến những giới hạn về nghề nghiệp và quan hệ cá nhân, đã phản ánh một vài điều gì đó đặc biệt về Israel. Ở một mức độ mang tính văn hóa và bình dị hơn, so với người Mỹ, có thể nói, người Israel thoáng hơn rất nhiều trong các vấn đề tình dục, tiền bạc và chuyện gia đình. Họ sẽ là người đầu tiên bảo bạn nên làm gì với những vấn đề riêng tư, họ bảo bạn nên nghĩ tới những gì, hay chỉ cho bạn biết bạn đã vô tình phạm phải điều gì. Cái hay của chuyện này là một sự thân mật hơn, nồng ấm hơn và tính suồng sã; mặt trái của nó là đời tư bị xâm phạm và thiếu không gian cá nhân. Nhiều bạn trẻ Israel ra nước ngoài để đi du lịch, học tập hoặc làm việc dăcổ xúy cho nhu cầu được thoát khỏi môi trường tù đọng, khép kín này. Khi những ranh giới cá nhân quá dễ bị xâm phạm, quyền riêng tư, những nhu cầu, những lời nói của bạn sẽ chẳng được tôn trọng. Nếu tất cả chúng ta là một, thì những gì của bạn là của tôi, và tôi cũng có thể hiểu thấu bạn trước khi bạn hiểu thấu tôi.

Nhìn từ bên ngoài, sự xâm phạm những ranh giới cá nhân kiểu này đã làm nên một bộ phim dài tập vĩ đại, một sự minh họa tuyệt vời trình chiếu vào năm 2005 và cực kỳ thành công – 8 serie phim truyền hình của Israel *BeTipul*, sau này được HBO ở Mỹ phỏng theo dịch nguyên văn là *In Treatment* (Tạm dịch: Điều trị bệnh). Dõi theo lịch hẹn hàng tuần của một bác sĩ tâm lý với rất nhiều bệnh nhân của ông ta và bác sĩ trị liệu cho riêng ông ta, bộ phim tâm lý lôi cuốn khán giả với những ranh giới tự nhiên của mỗi buổi được đánh dấu bằng một sự xâm phạm gần như đã thành thói quen trong tham vấn tâm lý. Không có buổi tham vấn nào lại bắt đầu hoặc kết thúc đúng giờ; cuộc sống cá nhân của bác sĩ trị liệu dính đến một vài bệnh nhân, các thành viên trong gia đình của bệnh nhân này lại liên quan đến những bệnh nhân khác; những món quà khêu gọi choán ngập những buổi điều trị khác; và cuối cùng là một mối quan hệ tình dục giữa bác sĩ trị liệu và bệnh nhân. Trong phim của Israel, tất cả điều này có cảm giác chân thực; trong phiên bản Mỹ, nó dường như giống với một trò sắp đặt gượng gạo nhằm đẩy lên cuộc tranh luận cho một màn biểu diễn phức tạp đan cài quá nhiều những thuyết giảng dài dòng. Trên thực tế, hầu hết các nhà tâm lý học người Israel không hay vi phạm những giới hạn; tuy nhiên, một bệnh nhân người Israel của tôi đã báo cáo về đợt điều trị của anh ta tại Israel khi anh ta 19 tuổi. Bác sĩ tâm lý của anh ta từng bảo anh ta rằng, khi anh ta đấu tranh với mối đe dọa về tình dục, nếu anh ta không quan hệ với một đứa con gái mà anh ta quen thân trước buổi trị liệu tiếp theo, thì đừng mong quay trở lại nữa. Anh chàng bệnh nhân này đã bàn chuyện đó với cô gái được yêu cầu, và cùng với sự hợp tác của cô ta, anh đã nghe theo chuyên gia này, có lẽ vì bản thân bác sĩ trị liệu này có vẻ như là một kẻ nổi loạn! Trên hết, mọi người đều biết một bác sĩ trị liệu không nên ra bài tập về nhà, đặc biệt là đối với một thanh niên dễ bị ảnh hưởng và tổn thương.

Chẳng có mấy ngoại lệ, người Israel rời Israel đều tâm niệm thế khi tới bất cứ nơi nào. Họ không chỉ liên kết với những người Israel khác và lưu giữ nhiều nghi lễ và những nét văn hóa của họ - trong lĩnh vực ẩm thực, ngôn ngữ, âm nhạc, nghệ thuật và chính trị - mà còn luôn lên kế hoạch hoặc mơ ước về ngày trở về. Anh trai tôi, hiện đã trở về Israel sau hơn 30 năm sống ở New York, nói rằng vấn đề không phải là tại sao anh ấy trở về Israel mà là tại sao anh ấy không bao giờ có thể rời bỏ nó. Trong trường hợp của riêng tôi, chẳng có những kế hoạch hay một giấc mộng hồi hương nào. Vì một điều, vợ tôi, và sau này là các con tôi, trăm phần trăm là người Mỹ. Chẳng mong ước một chốn hai nơi, tôi chủ tâm không nói tiếng Hebrew với con cái mình khi chúng đang ở tuổi dưỡng dục. Tuy nhiên, khi chúng còn nhỏ và mỗi lúc tôi hát ru chúng, thế nào đó tôi lại lạc sang bài “Kinneret Sheli”⁽⁸³⁾ tuyệt đẹp. Bài hát được phổ nhạc từ bài thơ của nhà thơ Rachel, một chiến sĩ Zion thời kỳ đầu, đã lý tưởng hóa đối tượng thân thuộc của bà, biển hồ Galilee, và bài hát đặt ra một câu hỏi liệu biển ấy có phải chỉ tồn tại trong giấc mơ. Là hồ nước ngọt độc nhất ở đất nước, biển hồ Galilee là một trong những địa điểm nghỉ dưỡng của gia đình tôi, và bởi vậy, trong tâm trí thơ trẻ của tôi, nó vừa thực lại vừa mơ. Nhưng bài thơ, cùng với nhạc điệu thiết tha nhẹ nhàng, đã đẩy nó vào một miền hư ảo. Trên thực tế, hồ này ở một vị trí khá đẹp, nhưng ngoài một ngôi giáo đường đẹp như một miền cổ tích ở bờ nam của hồ thì chẳng có gì để mà trông đợi. Điều đó cũng đúng với toàn bộ phong cảnh hình thể của Israel. Giống như hầu hết các nước, Israel có rất nhiều điểm thực sự đẹp, nhưng hầu hết còn lại là khô cằn, đơn điệu, có thể chỗ nọ chỗ kia có núi non trập trùng một chút, còn lại hầu như chỉ toàn là một màu vàng úa, điểm xuyết vài nét xanh đây đó. Ngoại trừ biển Galilee, diện tích mặt nước của Israel gồm khoảng ba con lạch rộng – tất cả đều được xếp vào hàng sông trong tiếng Hebrew – và một Biển Chết. Có một vài khu rừng thưa, khô bụi, và ba hay bốn dãy núi tính theo lãnh thổ trước năm 1967. Có rất nhiều trung tâm thị trấn cổ xưa sầm uất và những di chỉ tôn giáo, một vài đoạn ven biển Địa Trung Hải như những viên ngọc quý, và một số tòa nhà và villa hiện đại thời thượng bắt

mắt. Israel có nhiều di tích khảo cổ cực thu hút. Nhưng nó chẳng có chỗ cho Alps, những ngôi làng trung cổ trên đỉnh đồi, những lâu đài thời Phục hưng, Rừng Đen⁽⁸⁴⁾, Salzburgs⁽⁸⁵⁾, cũng chẳng có nông thôn nước Anh, Hẻm Lớn (Grand Canyon), hay San Francisco. Nhìn chung, các thị trấn và thành phố của nó được thiết kế đơn điệu, lộn xộn, ô nhiễm và rối beng về mặt kiến trúc. Nhưng mặc cho tất cả những điều này, tôi cho rằng, chính vì như vậy, người Israel gắn bó với hình sông thế núi của mảnh đất mình sâu sắc hết mức có thể.

Con người chẳng là gì ngoài bản sắc nơi mình sinh ra; tuy nhiên có người cho rằng, đây khó có thể là một sự trùng hợp ngẫu nhiên bởi dòng chữ nổi tiếng này được viết bởi một nhà thơ Zion chuyên viết bằng tiếng Hebrew. Nhà vật lý học và là nhà thơ Shaul Tchernichovsky sinh ra là người Nga, chết ở Jerusalem vào năm 1943, đã đặt bút viết câu đó trong một bài thơ nói về việc một trí tuệ non nớt đã xác định cuộc đời ông ta như thế nào – một khái niệm phân tâm học cơ bản. Cho dù nhìn chung có đúng hay sai khi viết lại ý của William Faulkner, bằng giá trị của một dĩ vãng mà, không bao giờ thực sự là quá khứ, và bằng việc gia công lại một cách tàn nhẫn những lắng đọng của tâm hồn thông qua nền văn hóa đại chúng của *tiyulim* – một bản chất đầy cảm xúc của người Israel trước các cuộc lữ hành vào chốn tự nhiên, vốn dĩ thấm thấu trong những cuộc dã ngoại ở trường tiểu học, trung học, trường cấp ba, những lần nghỉ hè với gia đình và những cuộc hành quân - thì mối liên kết giữa Đứa trẻ Già và mảnh đất của anh ta đã thấm vào mọi tâm thức người Israel từ khi còn thơ ấu. Thêm nữa, như đã được những học giả người Israel Eyal Ben-Ari và Yoram Bilu thảo luận, những người Zion thời kỳ đầu, cũng như nhiều người định cư ở Bờ Tây ngày nay, đã tự chuyển biến mình bằng cách chuyển biến phong cảnh xung quanh, kết nối sâu xa hơn sự phát triển tâm lý của họ với sự phát triển của mảnh đất này.⁽⁸⁶⁾ Bởi vậy, chẳng có gì ngạc nhiên rằng từ nhạc pop đến nhạc rock, từ văn xuôi đến thơ ca, những truyện kể đầy tính sáng tạo của người Israel đều ăm ắp những khao khát mãnh liệt về vẻ đẹp của mảnh đất Israel, trong tâm thức người Israel, những khao khát ấy được khái quát hóa thành chủ đề về phong cảnh, bất cứ nơi nào có thể. Những người Israel chu du nước ngoài với tư cách còn hơn cả là những người đi du lịch, họ bị ám ảnh về việc tìm cho ra “khung cảnh” được ưa thích tốt nhất, cũng như những con đường, những điểm đến du lịch ít người qua lại nhất. Trong khi niềm ngưỡng mộ của họ đối với phong cảnh nước ngoài được đầu tư với một năng lượng cảm xúc đi kèm với sự lý tưởng hóa về mảnh đất của họ, thì họ cũng ghen tị với kho báu của những nước khác và miệt thị những gì mà cuối cùng họ biết rằng đó là bộ mặt thật của địa hình phong cảnh nước mình.

Mối liên kết của người Israel với Eretz Israel⁽⁸⁷⁾ không phải là một phát minh của người Israel. Đúng hơn, rõ ràng như bất cứ nẻo nào trong thế giới nội tâm của tâm hồn dân tộc Israel, đó là một sự tái tạo ngược đời, một sự rũ bỏ những mối dây ràng buộc 2000 năm với Đất Thánh. Thực sự là mặc dù người Do Thái đã bị thiếu quê hương, phải tha phương từ lần phá hủy Đền thờ thứ hai vào năm 70 sau Công nguyên, một trong những đặc điểm riêng biệt nhất của Do Thái giáo là tuyên bố về lãnh thổ của nó đối với một dải đất cụ thể có một không hai được hứa hẹn bởi thánh thần. Sử gia kiêm nhà văn người Israel, Sidra DeKoven Ezrahi, tranh luận rằng tuyên bố của Do Thái về Jerusalem là kết quả chứ không phải là nguyên nhân của sự biểu đạt giàu tính lịch sử về thành phố này trong trí tưởng tượng nên thơ của người Do Thái. Bà chỉ ra, ngay từ đầu, ảo ảnh trong Kinh Thánh về thành phố này đã có một sự bốc đồng, sau này được phản ánh bằng thuật ngữ *Zion*, một trong những cái tên Thánh của Jerusalem, được mở rộng chỉ mảnh đất Israel nói chung. Từ cuộc phá hủy Đền thờ lần thứ hai, thành phố ngoài đời thực chẳng có một thực thể chính trị Do Thái gì – không đền thờ, không dân chủ hay bất cứ một dạng chủ quyền lãnh thổ nào khác. Như DeKoven Ezrahi đã thấy, bước vào trong sự thiếu vắng đó và cách rất xa khỏi tự bản thân ngôi đền bị phá hủy, có một sự thành công của những nhà thơ và nhà văn Do Thái từ thuở cổ xưa ấy, qua cả thời Trung cổ, và hết cả con đường dẫn đến chủ nghĩa Phục quốc Zion, đã bảo tồn Jerusalem như

một biểu tượng. Như DeKoven Ezrahi, A. B. Yehoshua và những người khác đã chỉ ra, họ làm việc này một phần thông qua việc nhân cách hóa Jerusalem và Eretz Israel như một người phụ nữ - một người mẹ, một người vợ hay một tình nhân. Gắn chặt với giả thuyết về cuộc nổi loạn ơ-díp đã đề cập ở trên, văn học và truyện thơ về Zion tràn ngập những tuyên bố của người tình nhân nam về chủ quyền với mảnh đất này. Dòng mạch ái kỷ được phân tích này gợi ra nằm trong việc đánh giá những biểu tượng và ý tưởng trên nền thực tế.⁽⁸⁸⁾

Như đã được nhà tâm lý học người Israel Avner Falk bàn luận chi tiết, từ góc nhìn phân tâm học hậu Freud, câu chuyện lịch sử mang tính văn học này đã phản ánh tư tưởng rằng việc đánh giá quá cao mang tính ái kỷ về Jerusalem được nhấn mạnh bởi sự yếu kém trong việc khóc thương về nỗi mất mát nó. Theo thuyết này, nỗi nhục nhã vì mất đi chủ quyền ở Đất Hứa đối với những người được lựa chọn là quá sức chịu đựng⁽⁸⁹⁾. Đi cùng với sự phỉ báng, hắt hủi và đày đọa mà sau này họ phải chịu đựng trong thời kỳ Diaspora, nó đã tạo nên một sự ảm ức quyết liệt: Tại sao tất cả những chuyện này lại xảy đến với *chúng ta*? Câu trả lời đến từ những cuốn sách kinh cầu và những văn bản mang tính tôn giáo với những lý giải kiểu như đó là sự trừng phạt mà Chúa trời ban cho ta hoặc đó chỉ là một thử thách, *Chúa không bỏ rơi những đứa con mà ngài yêu mến, và rằng một ngày nào đó, Chúa của chúng ta, vị Chúa duy nhất, sẽ mang chúng ta về nhà*, rồi cuối cùng, *chuyện này không thực sự xảy ra, vì Jerusalem là một vùng đất tâm linh, không phải là vùng đất thực, nó sẽ mãi mãi ở trong trái tim chúng ta*. Thay vì chấp nhận và than khóc cho sự mất mát này, từ thế hệ này nối tiếp thế hệ khác, người Do Thái lải nhải mãi những lời kinh cầu như vậy, cố gắng chạy trốn khỏi những cảm giác nhục nhã và vô dụng bằng cách bám víu vào những khái niệm mộng tưởng, có lớp lang về một quá khứ huy hoàng và một ngày trở về trong tương lai. Rồi, khi những điều kiện lịch sử khiến giấc mộng phục quốc trở thành hiện thực hội tụ, cái túi quyền năng ái kỷ vô hạn này, một phiên bản của những gì nhà phân tâm học Heinz Kohut gọi là cái tôi vĩ đại, bùng nổ trên mặt đất của vùng Palestine. Bị tác động đột ngột bởi những tàn dư vô thức của sự xấc xược thời thơ ấu mà chúng ta đã đem vào tuổi trưởng thành, những người Zion thời đầu tìm cách xóa bỏ lịch sử mất mát và nhục nhã của người Do Thái và tìm cách thay thế bằng một sự nhìn nhận chính mình như là nỗi giống của những anh hùng Do Thái cổ đại.

Bây giờ, chúng ta hãy cùng kết luận rằng thời kỳ đầu, hoặc cũng như hiện nay, ảo ảnh của những người Zion mang tính bệnh lý di truyền, nên lưu ý rằng Kohut, một trong những nhà phân tích có ảnh hưởng nhất thế kỷ 20, tin rằng chủ nghĩa ái kỷ về cơ bản là một khía cạnh phát triển lành mạnh, chỉ biến thành bệnh hoạn khi trở nên cực đoan. Và sự thực là, cơ chế phòng vệ này từng là một câu chuyện thành công rực rỡ, đặc biệt khi Yishuv và sau này là nhà nước Israel non trẻ là một cộng đồng nhỏ xíu vũ trang thiếu thốn chiến đấu gan dạ và xuất sắc để giành quyền sinh tồn. Nhưng từ đầu, công cuộc phục quốc thực sự chỉ là cái vỏ bề ngoài. Chưa đến 2% người Do Thái Đông Âu di cư vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 lựa chọn Palestine như là điểm đến của họ, và trong số này, nhiều người đã không ở lại. Phần đa số, khoảng 2,5 triệu người, chọn một điểm đến rõ ràng hơn là Hoa Kỳ.⁽⁹⁰⁾

Trong một vài thế kỷ vừa qua, nhiều người Israel đã thử rũ bỏ tất cả những điều này, hoặc từ những gì DeKoven Ezrahi gọi là thi pháp về sự trở về Jerusalem. Trong lời bình luận của bà liên quan đến một trong những nhà thơ được yêu thích và nổi tiếng nhất của Israel:

“Trong thơ của Yehuda Amichai, trải suốt nửa sau của thế kỷ 20, chúng ta tìm thấy một vài câu trả lời cho những câu hỏi đã sống sót qua mùa khao khát của chúng ta: không phải làm thế nào để mong chờ héo hon mà là làm thế nào để sống trong thành phố này; làm thế nào để từ bỏ một vài phần tình yêu cho thành phố để dành cho tình yêu trong thành phố.”⁽⁹¹⁾

Nhưng như họ đã cố gắng nhất có thể, đối với hầu hết những người Israel, ý niệm về Jerusalem và về mảnh đất Israel nói chung vẫn đánh lừa thực tế; và việc yêu thương ấy vẫn tràn ngập, nếu không nói là hắt cẳng hoàn toàn, sự sống. Có một sự phát triển trực tiếp từ niềm khát khao nên thơ thời trung cổ của Yehuda Halevy⁽⁹²⁾ đối với một mảnh đất mà những hạt cát của nó gây khoái cảm dễ chịu trong miệng còn hơn cả mật ong, đến sự tôn vinh của Bialik⁽⁹³⁾ về một mảnh đất mà mùa xuân trang hoàng vĩnh hằng, và những quyết định của chính phủ Israel được mỗi dây thần tình dẫn dắt với Eretz Israel hơn là bởi chính sách hoặc thậm chí là bởi những lưu ý về mặt chính trị. Ví dụ rõ ràng nhất là quyết định hấp tấp chinh phục Thành Cổ Jerusalem vào năm 1967, đã được thông qua, như Tom Segev đã đưa ra tư liệu, mà không có một quy trình và sự tranh luận thích đáng nào. Niềm hưng khởi say sưa gần như là thất thường kết hợp với quyết định ấy đã được trình bày rõ ràng trong những bài luận sau này của Mordechai Gur, vị tướng quân chỉ huy cuộc đột kích đó. Miêu tả cảm giác của ông lần đầu tiên bước vào Núi Đền, nơi thánh đường Hồi giáo Mái Vòm Đá đã chiếm cứ cả vị trí được cho là nơi ngôi đền cổ xưa tọa lạc, Gur viết: “Ở đây, tôi cảm giác như ở nhà. Khao khát của chúng tôi. Núi Đền! Núi Moriah. Abraham và Isaac. Ngôi đền. Zealots, Maccabees, Bar Kokhba, người La Mã và người Hi Lạp. Tất cả bọn họ đều quần tụ về trong trí tôi.”⁽⁹⁴⁾

Trong khi ở đâu đó khác có phần bớt căng thẳng hơn, trạng thái phấn chấn như thế này không chỉ bó hẹp đối với Jerusalem hay những khu vực có các di tích tôn giáo ý nghĩa. Trong suốt cuộc chiến này, có tin Thủ tướng Eshkol đã nói rằng: “Tôi có một khao khát tột bậc với dải đất Gaza, có lẽ vì Samson và Delilah.”⁽⁹⁵⁾ Một đam mê với một rẻo đất cần cỗi, đông đúc, chen chúc dân Palestine tị nạn và những ống cống mở hoang hoác; một niềm khát khao rõ ràng là dựa trên sức hấp dẫn của một siêu anh hùng trong Kinh Thánh và người tình đã hủy diệt quyền năng của anh ta bằng cách cắt đi mái tóc của anh ta! Một trong những địa điểm ở Israel mà tôi yêu thích nhất cũng kết nối với, nói theo kiểu Kinh Thánh, một ngày tóc tai rối bời. Nép mình ở một làng Ả Rập ngay bên ngoài thành Jerusalem được quây tường kín là Yad Avshalom, một làng mộ lớn bị hiểu nhầm một cách tai hại là nơi chôn cất người con trai yêu dấu của Vua David, Avshalom. Một hoàng tử đẹp trai với bộ tóc dài, Avshalom đã chỉ huy thất bại một cuộc binh biến chống lại vua cha, và khi ông anh đang chạy trốn trên lưng một con lừa, tóc của anh ta bị vướng vào một đám những cành cây cổ thụ. Thế là anh ta bị treo lên để rồi bị một tướng lĩnh của vua cha giết hại, vi phạm mệnh lệnh của vị vua là “tha cho thằng bé”. Thế tục như những mối gắn bó thế này có thể, về cảm xúc mà nói, chúng chẳng phải là tất cả những thứ khác biệt so với những mối gắn kết của những kẻ định cư sùng đạo tuân theo lề thói khắt khe, những người đã thề thốt là sẽ không bao giờ rời bỏ những thị trấn và làng mạc của họ, đặt ở trái tim đất Judea và Samaria trong Kinh Thánh, ngoài ra còn được biết như Bờ Tây.

Phân tích của Falk liên quan đến việc người Do Thái không thể than khóc cũng có ý nghĩa, nhưng nó không phải là toàn bộ câu chuyện. Một trong những cuộc cãi vã đầu tiên với vợ tôi – người đã lớn lên trong một gia đình Do Thái Mỹ truyền thống, luôn kỷ niệm những ngày lễ, và thậm chí còn đến thăm lại Israel khi cô ấy 18 tuổi – bùng nổ khi cô ấy nói rằng là một người Do Thái, cô ấy không có liên kết cảm xúc nào với Israel. Cô ấy còn nói nhiều nữa rằng với một người Do Thái Mỹ, điều này chẳng có gì đặc biệt. Tôi đơn giản là không thể nuốt nổi chuyện này, thậm chí là cho dù lúc ấy tôi đã sống ở Mỹ đến gần một thập kỷ. Có thể chẳng, từ một lập trường mang tính cảm xúc, Eretz Israel của những lời kinh cầu, những tích truyện về các ngày lễ, và lịch sử của người Do Thái chẳng liên quan tới nơi chốn thực sự này? Nhìn lại, tôi nhận ra rằng cô ấy không phải là người khó hiểu, dị thường, và có lẽ giống như phản ứng của tôi, phân tích của Falk là hơi đặt Israel làm trọng tâm. Nhìn rộng ra, danh tính quốc gia dân tộc Do Thái được định dạng bên ngoài mảnh đất địa lý vốn được khao khát của ông cha. Trong câu chuyện Kinh Thánh, người Do Thái nhận được kinh Torah và trở thành

một dân tộc ở Sinai, trên đường họ trở về đất hứa. Người Do Thái đầu tiên, Abraham, tuân theo lời Chúa, rời quê hương bản quán không chỉ một mà là hai lần, bao gồm cả lần ông ta được Chúa hứa hẹn. Và cháu trai của ông ta, Jacob, cùng con cháu mình rời đến Ai Cập, không bao giờ quay trở lại. Như trong lịch sử, chỉ 40 năm sau cuộc phá hủy Đền thờ thứ nhất, khi hoàng đế Ba Tư gọi những người Do Thái trở về Judea và tái kiến thiết ngôi đền, nhiều người đã không để tâm đến ông, thích ở lại những cộng đồng mà họ mới thích nghi được hơn. Hơn nữa, trái với điều người ta vẫn tin, sau khi Đền thờ thứ hai bị phá hủy, người La Mã chưa bao giờ trục xuất người Do Thái. Đúng hơn là, ước tính khoảng 2 triệu người Do Thái sống ở Eretz Israel vào lúc đó đã dần dần tự nguyện rời đi, hầu hết là sau cuộc nổi dậy Bar Kokhba thất bại. Cũng chẳng phải người Do Thái bị ngăn cản không được hồi hương trong khoảng 1500 năm tiếp theo sau sự sụp đổ của đế chế La Mã. Trong phiên bản người Do Thái lang thang của chính người Israel, ngược lại với chính mối gắn bó được lý tưởng hóa của họ với mảnh đất của mình, hiện nay đã có đến 750.000 người Israel Do Thái, ít nhất 10% dân số Do Thái hiện thời ở Israel, định cư ở nước ngoài.⁽⁹⁶⁾

Tâm thức của người Israel luôn canh cánh về việc điều chỉnh lòng tự tôn của họ. Người ngoài nhìn vào thật khó mà tưởng tượng rằng ẩn đằng sau hoặc song hành với một Israel quyết đoán và hào sảng là một con người luôn tự hoài nghi và châm biếm mình với mức độ tương đương thế. Thế giới bên ngoài thường thấy người Israel hay nhận mình là kẻ cao cấp hơn. Người Israel “dìm hàng” tất cả những kẻ khác: người Mỹ thì ngô nghê, người Âu thì giả nhân giả nghĩa, người Trung Quốc thì làm việc như trâu ngựa, người Ả Rập chỉ đáng là súc vật. Họ nghĩ rằng họ có những bệnh viện tốt nhất, những công ty công nghệ cao tiên tiến nhất và quân đội tinh nhuệ, nhân văn nhất thế giới. Họ cũng tin rằng việc họ xâm chiếm lãnh thổ Palestine là điểm chói sáng nhất trong lịch sử thế giới. Một cuộc trưng cầu ý dân toàn diện năm 2009 cho thấy 70% người dân Israel tin rằng người Do Thái là những người được lựa chọn.⁽⁹⁷⁾ Nhưng chỉ cần tìm hiểu sâu thêm một chút hoặc lắng nghe những cuộc hội thoại khác giữa những người Israel với nhau thì bạn sẽ thấy rằng họ chê bai chính họ hoặc gièm pha đồng bào mình là kẻ thô lỗ, khó chịu, dối trá, lừa lọc và bất tài. Một người Israel điển hình sẽ than thầm rằng “Ôi, không” khi anh ta chui vào một chiếc taxi ở New York hay Berlin và nhận ra gã tài xế là người Israel. Một người bạn mang hai dòng máu Israel – Mỹ, vừa là nhà nghiên cứu chính trị vừa là chuyên gia về luật quốc tế đã nói rõ hơn về mặt tích cực của việc tự phê phán này. Anh ta giải thích Israel là một xã hội cực kỳ nghiêm khắc, nhất là xét từ góc nhìn luật pháp. Ví dụ như, nó có cơ quan thanh tra nhà nước có quyền lực đặc cách điều tra và chỉ trích thậm tệ cơ quan hành pháp. Bên cạnh đó, có thể thấy được tầm quan trọng của cơ quan này trong xã hội và nó được tôn trọng như thế nào khi báo cáo hàng năm của họ luôn nhận được sự chú ý đặc biệt của giới truyền thông và luôn được lưu giữ trong nhiều năm. “Cứ nghĩ đến chuyện này,” bạn tôi nói, “tôi lại thấy cơ quan Thanh tra Nhà nước Israel nhắc tôi nhớ về mẹ mình.” Có lẽ anh ta đúng, có lẽ hình mẫu người mẹ Do Thái của người Israel luôn đi kèm với một giọng chì chiết chói tai.

Có thể gọi là sự tự tin hay ngạo mạn, tự phê bình hay tự ghét mình, sự dao động dai dẳng giữa hai đối cực đó sẽ được minh chứng khi một ngày nào đó cuộc cách tân vĩ đại của người Israel thành công trên thị trường thế giới, và khi giống như sảnh đường tiệc cưới có nền móng yếu ớt, nó sụp đổ và nuốt chửng bữa tiệc cưới và hàng chục vị khách theo cùng. Cũng có thể nhận ra rõ ràng trạng thái dao động không ngừng giữa thành công xuất chúng và thất bại ngớ ngẩn, thực tế vào ảo tưởng, của quân đội Israel và những tổ chức gián điệp ở Trung Đông và những nơi khác. Trạng thái dao động này giống với trạng thái dao động của một bệnh nhân bị chứng rối loạn lưỡng cực hay còn gọi là bệnh hưng trầm cảm⁽⁹⁸⁾, ngoại trừ một điểm là trong ca bệnh Israel, đó không phải là sự mất cân bằng các chất hóa học. Ở trạng

thái húng, có thể nhận thấy ở sự kiện chiến tranh 1967 thể hiện một lòng tự hào cao độ, còn ở trạng thái trầm chính là cuộc suy thoái toàn quốc, tiếp sau đó là phong trào intifada lần thứ 2, đánh dấu chấm hết cho một ảo tưởng. Xét đến một chút chiêm biếm hai mặt của sự phóng chiếu ái kỷ, trở lại năm 1943, David Ben-Gurion bình luận rằng người Đức Do Thái nhập cư vào Israel trong những năm này đều mang trong mình một phức hợp về đẳng cấp cao quý và địa vị thấp hèn, nảy sinh từ nền giáo dục Đức của họ - Kant, Beethoven và những người kiểu thế - mặt khác, còn từ việc họ nhận ra rằng chính những người Zion ở Đông Âu đi trước họ mới thực sự xây dựng nên một thứ gì đó ý nghĩa ở Palestine. Đúng kiểu kẻ cướp mới năm đuôi được kẻ cướp, hoặc như người ta thường nói *chuột chù mới hay rằng khỉ hôi*.⁽⁹⁹⁾

Tính hai mặt này là đặc trưng của tính ái kỷ, biểu hiện cuộc đấu tranh của anh ta trong việc chấp nhận và yêu mến chính bản thân mình mặc cho những hạn chế của bản thân. Hệ quả tất yếu, chắc chắn trong trường hợp Israel, là người ái kỷ mãi mãi mưu cầu sự chấp nhận, sự công nhận và lòng yêu mến từ những người khác. Đó là một trong những lý do mà công chúng và chính phủ Israel phản ứng quá nồng hậu với chuyến thăm năm 1977 của Anwar Sadat⁽¹⁰⁰⁾ tới Israel, chính xác là đáp ứng mọi nhu cầu của ông ta, chấp nhận một ngoại lệ là quyền tự quyết đầy ý nghĩa cho người Palestine. Trên đường tới Jerusalem, một thành phố không được phần lớn đông đảo cộng đồng quốc tế công nhận là thủ đô của Israel, và đích thân nhằm tới chủ quyền sau cuối của những người Zion, cơ quan hành pháp Israel, và bằng cách thể hiện một phong cách ngoại giao khéo léo, đáng yêu, nồng nhiệt khi tiếp xúc với những người đứng đầu Israel, Sadat đã đến thẳng được với trái tim ái kỷ đầy tổn thương ngụ trong tính cách dân tộc của người Israel: niềm thao thiết rằng người Israel sẽ không bao giờ được chấp nhận hiện diện với tư cách là một quốc gia có đầy đủ tính hợp pháp trên chính quê cha đất tổ lịch sử của con dân Do Thái. Cuộc viếng thăm của tổng thống Ai Cập Sadat là một bước đột phá tâm lý trọng yếu, nhưng những giờ khắc tương tự thế đã diễn ra nhiều lần sau đó, mặc dầu ít chan chứa xúc động hơn. Vào năm 1997, ba năm sau khi Jordan và Israel ký hiệp ước hòa bình của riêng họ, một lính Jordan đã giết hại bảy học sinh nữ người Israel lúc đó đang ở gần biên giới trong một cuộc dã ngoại của nhà trường. Diễn biến tiếp theo, Vua Hussein đã đi một bước như thường lệ là đến thăm gia đình của những nạn nhân xấu số để bày tỏ sự chia buồn. Ông ta đã thể hiện một động thái buồn thương vô cùng cảm động và chan chứa xót xa, điều đó đã ngăn chặn được cơn thịnh nộ mang tính ái kỷ đang hình thành trên cả nước, suýt đổ thêm dầu vào ngọn lửa mất mát và giận dữ của riêng gia đình nạn nhân. Chính bản thân gia đình nạn nhân cũng cảm thấy xúc động tận đáy lòng, đến mức mà sau khi Hussein chết, họ đã đưa ra một tuyên bố đại khái rằng ông ta là một vị vua, nhưng cũng là một con người. Một trong những gia đình này còn làm quá đến mức đặt tên cho đứa trẻ mới sinh là Yarden (tiếng Hebrew là “Jordan”) để tưởng nhớ vị vua này. Nói một cách dễ hiểu, cách chữa trị cho căn bệnh ái kỷ mà Heinz Kohut⁽¹⁰¹⁾ chính là một đơn thuốc có tác dụng lâu dài và có thể chữa lành cho số đông ấy chính là sự thông cảm, một đơn thuốc mà xui xẻo thay lại quá thiếu thốn ở thế giới Trung Đông. Thật vậy, do không được công nhận và thông cảm như thế nên người Israel buộc phải từ chối nhiều lời đề nghị hòa bình và phải phản ứng lại bằng cơn thịnh nộ khi nhận thức được rằng chính tính hợp pháp của họ đang bị đặt lên bàn cân.

Một biến chứng cuối cùng đó là trong cơn tuyệt vọng của mình, người ái kỷ thường ứng xử theo những cách như thế, thì gần như đảm bảo là anh ta sẽ nhận được những điều ngược với mong muốn của mình. Một giai thoại gọi thói tò mò, có tính minh họa cho tình huống hóc búa này liên quan đến một vị tướng huyền thoại và là chính khách của Israel, Moshe Dayan. Trong cuộc hội thoại với một nhà thơ người Palestine sau chiến tranh 1967, người ta nói rằng ông ta đã so sánh mối quan hệ của Israel với Palestine với mối quan hệ của một người đàn ông Ả Rập du cư bắt cóc một cô gái để về làm vợ ông ta. Đối với con cái họ, ông ta nói, việc bắt cóc ban đầu chả có ý nghĩa gì, và chúng sẽ chấp nhận cả người đàn ông và người

đàn bà kia là bậc cha mẹ của mình. Bởi vậy không giống với một chính trị gia ba hoa, tự ru vổ chính mình và gửi những bức ảnh ngực trần của ông chính ông ta tới những cô gái trẻ trên Twitter, người Israel khao khát chinh phục và chiếm lĩnh bị thúc đẩy một phần bởi hành trình kiếm tìm sự chấp nhận, một nhu cầu được nhìn nhận và yêu thương vì sự vĩ đại tưởng tượng và có thực của ai đó. Đặc điểm tâm lý muốn chinh phục đã chứng tỏ sự đứt gãy giữa người Diaspora và người Zion, những tâm lý ẩn giấu bên dưới chính là lòng kiên định với ảo mộng mang tính lịch sử, ảo mộng mang tính bù đắp của những người được lựa chọn.

CẢ THẾ GIỚI QUAY LƯNG VÀ CÂM NÍN TRƯỚC NỖI ĐAU CỦA TA

Không khó có thể nhận thấy những người được lựa chọn phải trải qua một lịch sử thù địch triền miên dai dẳng - sự tàn ác, lòng hận thù vô cớ và thâm căn cố đế của thế giới Thiên Chúa giáo phương Tây, và một sự tổng hợp nhiều thành phần của những thành kiến, thái độ khinh bỉ, rẻ rúng trên những vùng đất Hồi giáo đã đổ dồn về những người Do Thái. Lại thêm sự phủ nhận mang tính lịch sử của thế giới Ả Rập đối với tính hợp pháp của nhà nước Israel, tất cả nỗi chịu đựng này sản sinh trong tâm thức của người Israel một cấu trúc tinh thần đi từ chủ nghĩa hoài nghi tích cực về ý đồ của người khác đến sự đa nghi và hoang mang đáng xấu hổ. Trong tâm thức của người Israel, những cảm thức xa xưa về những vụ bạo động bất ổn đang va chạm với thực tế gần đây hơn của đất nước, với vị thế là quốc gia tiên tiến và hùng cường nhất khu vực. Đúng là có một số lượng lớn những người ở hải ngoại là những học giả, nhà tâm lý học và thậm chí cả những chính trị gia người Israel, chính xác vì họ là những thành viên của số đông những người Do Thái xuất chúng trong chính đất nước của họ, nên họ đủ hiểu biết để nhận ra rằng những câu chuyện về việc bị trừng phạt của cả người Do Thái lẫn người Israel đều phức tạp hơn là những gì nó biểu hiện ra.

Bernard Susser và Charles Liebman, hai nhà nghiên cứu chính trị ở Đại học Bar Ilan – một trường đại học danh giá kết hợp giữa tính tôn giáo Do Thái với những ngành học thuật hiện đại – đã miêu tả yếu tố tâm lý Do Thái này như một “tư tưởng về tai họa”. Tái diễn giải và đặt trong bối cảnh của chúng ta, phân tích của họ đã vạch một đường thẳng phân cách giữa Những Người Được Lựa Chọn và Những Người Bị Hành Hạ hay giữa chúng ái kỷ và hoang tưởng cực bộ. Như họ đã nhận ra, mà không cần một hệ tư tưởng đạo đức – tôn giáo nào giải thích cho việc những người Do Thái bị tra tấn, lịch sử Do Thái chẳng là gì ngoại trừ một câu chuyện vô nghĩa về vai trò quan trọng và nỗi nhục nhã của nó. Theo đó những rabbi chính thống giáo, những người lãnh đạo cộng đồng Do Thái tồn tại trong gần hai thiên niên kỷ Diaspora, đã biện minh cho những đau khổ của người Do Thái bằng luận điệu về Những Người Được Lựa Chọn, mà kẻ thù của họ chỉ đơn thuần là tay chân của vị Thiên Chúa của người Israel chỉ vì ngài muốn trừng phạt tội lỗi của con dân ngài. Cuối cùng, vị Chúa cứu thế sẽ đưa con dân Do Thái trở về vùng đất Israel, vào đúng thời điểm mà những người ngoại đạo sẽ công nhận nhiệm vụ độc tôn của người dân Israel và chấp nhận Thiên Chúa của người Israel là Thiên Chúa của họ. Bởi lẽ đó tính độc đáo của người dân Do Thái nằm ở chính nỗi thống khổ bị đầy đọa cũng như sự tự tôn của họ, luẩn quẩn trong mối quan hệ quả trứng và con gà: vì họ bị đầy đọa, nên họ là Những Người Được Lựa Chọn, và vì họ xử sự như là những người được lựa chọn nên họ bị đầy đọa⁽¹⁰²⁾!

Bi đát hơn, tiểu thuyết gia David Grossman trong cuốn *To the end of the Land* đã vẽ lên một câu chuyện cảm tính hơn nói về sự dâng nộp, mà ở đó, nhân vật chính Ora đã kể lại một câu chuyện về người con trai trẻ trung nhạy cảm của bà ta trong một buổi Lễ Vượt Qua của gia đình như sau:

Bất ngờ, [nó] gào lên là không muốn làm dân Do Thái nữa, vì họ muốn luôn giết chúng ta và căm thù chúng ta, và nó biết rõ điều đó vì tất cả các ngày lễ đều nhắc đến chuyện ấy. Rồi những người lớn nhìn nhau, một người anh rể lầm bầm rằng nói về chuyện này chẳng vui về gì, và vợ hắn nói “Đừng có hoảng!” rồi hắn đọc một câu trích dẫn “*thời nào cũng vậy, chúng nổi lên chống chúng ta để hủy diệt chúng ta*” cô ta đáp lại rằng điều đó không phải là một thực tế có bằng chứng khoa học, chúng ta nên xem xét lại vai trò của mình trong toàn bộ việc “*nổi lên chống chúng ta*”, rồi cuộc tranh luận cố hữu lại diễn ra, và Ora, như thường lệ, lui về nhà bếp để giúp bày bát đĩa⁽¹⁰³⁾.

Con trai của Ora, được nuôi dưỡng để trở thành một thanh niên gan góc, biết kiếm chế và là một chiến binh IDF⁽¹⁰⁴⁾ traten mạc, biểu hiện cho sự chuyển dịch mang tính cách mạng từ Diaspora tới Do Thái của người Israel. Sau rốt, quan điểm của chủ nghĩa Phục quốc Do Thái không chỉ là kết thúc nỗi nhục nhã Do Thái mà còn là chính tư tưởng Do Thái. Ở một mức độ khá cao, ở phía khỏe mạnh hơn của liên thể ái kỷ⁽¹⁰⁵⁾, phiên bản hoài nghi của người Israel dành cho những kẻ ngoại đạo đã thu được thành công khá lớn. Nhà báo Thomas Friedman cho rằng thái độ truyền thống của người Do Thái đối với những kẻ ngoại đạo và việc giữa người Ả Rập không có một kiểu tình cảm như thế là một trong những lý do khiến người Do Thái có được một nhà nước còn người Palestine thì không. Trong khi ở thế giới Ả Rập, kẻ thù của ngày hôm nay có thể là đồng minh vào ngày mai, thì như Friedman quan sát, những người Do Thái Đông Âu đã xây dựng một nhà nước Israel được biết đến như một “nền văn hóa của những sắc cạnh và những góc vuông vắn”, mà ở đó kẻ thù của ngày hôm nay vẫn sẽ là kẻ thù của ngày mai⁽¹⁰⁶⁾.

Cụ thể hơn, theo báo cáo của nhà sử học Tom Segev, khi chính phủ và quân đội Anh đang chuẩn bị rút khỏi Palestine, Jewish Agency lại cho rằng họ sẽ bỏ đi trong một cơn hoảng loạn đột ngột và để lại một đồng hỗn độn, bừa bãi. Một trong những nguồn tin mật của cơ quan này dự đoán người Anh sẽ bỏ đi với chiến lược vườn không nhà trống. Tuy nhiên người Anh lại không hề có ý định như thế. Tinh thần chủ đạo của họ là đảm bảo duy trì chức năng của cơ sở hạ tầng chính phủ mà họ đã vất vả xây dựng trong suốt 25 năm. Nhưng không giống như những nước Ả Rập, và đây là hệ quả của việc đánh giá tình hình đầy tính nghi ngại, người Do Thái đã đảm bảo có một chính phủ dự bị, bởi vậy trước khi bỏ đi, người Anh chẳng có ai khác để chuyển giao bộ máy hành chính⁽¹⁰⁷⁾. Có nhiều ví dụ khác, đặc biệt là trong quân đội, có thể được kể ra để minh họa cho lời tái diễn giải vẫn còn nguyên giá trị của một cách ngôn trong Kinh Thánh cổ: *hãy nhớ đến những gì người Amalek làm với người*⁽¹⁰⁸⁾. Nổi tiếng nhất, vào năm 1967, Israel thực hiện kế hoạch mà họ cho rằng sẽ trở thành cú đánh chí tử với Ai Cập, phá hủy không lực trong vài giờ và đánh bại quân đội của bốn nước Ả Rập. Sáu ngày sau trước khi chiến sự kết thúc, Israel đã mở rộng lãnh thổ lên gấp ba lần. Chiến dịch quân sự này chẳng thể tính toán được hết tầm mức của nó, mặc dầu một nước đối đầu với nhiều nước có quân đội không tinh nhuệ, nhưng đông đảo. Ngược lại, chiến tranh năm 1973 lại là một ngoại lệ minh chứng cho quy tắc này, khi Israel bị đánh úp bất ngờ, hoảng loạn một cách vô ích, thì đó chính là hậu quả của chính sự phi thường của nó, chính là một chiến thắng trước đó.

Nhưng sau đó, một lần nữa, như nhiều học giả người Israel đã lưu ý, sự dịch chuyển tư tưởng về sự đầy đọa ở Palestine và sau này ở Israel của chủ nghĩa Phục quốc Do Thái chưa bao giờ là một thành công thuần túy. Vì một thứ, mối liên kết ái kỷ-hoảng loạn có vẻ như đã tồn tại trong cuộc cách mạng. Như Segev đã chỉ ra khi thảo luận về thị trường lao động người Do Thái và Ả Rập ở Palestine, bắt đầu từ thập niên 1920, những người Zion thường gọi việc người Do Thái thuê nhân viên Ả Rập là *avodazara*. Từ này dịch nôm na là “lao động nước

ngoài”, thực sự lại là một thuật ngữ tôn giáo lịch sử chỉ sự sùng bái thần tượng. Việc sử dụng thuật ngữ này vừa thể hiện thái độ khinh bỉ lẫn nỗi sợ hãi đối với thế giới ngoại đạo. Nó cũng có nghĩa là chắc chắn đồng lương sẽ chênh lệch rõ rệt – cứ như thể những người Ả Rập là những kẻ nhập cư bất hợp pháp chứ không phải là những người bản địa. Trong khi cố gắng để nắm bắt được không khí của Jerusalem ở thập kỷ 1920, trong rất nhiều nguồn mà Segev đã đưa ra dẫn chứng, có những lá thư của một sinh viên đại học gửi cho cha mẹ ở nước ngoài. Những bức thư này có nhắc đến một vụ động đất hiểm gặp rõ ràng là đã gây nguy hiểm cho một trong những ngôi đền ở Núi Đền, mà không phải là bức tường Than khóc kể bên, người thanh niên ấy đã lưu ý rằng đó là do “bàn tay của Chúa”⁽¹⁰⁹⁾. Mấy năm sau, ở rất xa Jerusalem, nổi lên một cơn bão tranh luận về sắc tộc ở Safed khi trẻ con Ả Rập bắt đầu đến chơi ở một sân trường mới dành cho trẻ con Do Thái. Các bậc phụ huynh Do Thái phản đối, và lãnh đạo cộng đồng Do Thái ở Safed và thị trưởng Safed ủng hộ họ. Cùng với nhiều vấn đề khác, ông ta khẳng định rằng con em Do Thái cần phải được giáo dục trong tinh thần của kinh Torah, và rằng tinh túy Do Thái cần phải được giữ gìn không bị nhiễm lẫn với những “kẻ dê tiện”. Ông ta viết, trẻ con Ả Rập đã nhiễm tính xấu ngay từ buổi ban đầu của thời thơ ấu: “Thậm chí ngay từ lúc mới sinh ra đến lúc 10 tuổi, mồm miệng bọn chúng chỉ thốt ra những lời bẩn thỉu tục tĩu, không chỉ vậy, chúng còn làm những trò hư hỏng, đồi bại.”⁽¹¹⁰⁾ Những thái độ đó không chỉ độc nhằm vào người Ả Rập hay đạo Hồi. Ví dụ như sau khi người ta phát hiện ra Hans Herzl, con trai của người sáng lập, chủ nghĩa Phục quốc Do Thái, đã cải sang đạo Thiên Chúa, biên tập viên của tờ nhật báo Yishuv đã bình luận rằng ít nhất thì hắn không phải là một kẻ khốn kiếp như Jesus.

Tuy nhiên, cuộc xung đột thực sự ở Palestine lại chẳng phải vì tôn giáo mà liên quan đến vấn đề dân số và nhà nước vì những người Zion buộc phải đối mặt với một thực tế là một bộ phận lớn những người Ả Rập thù địch ngày càng gia tăng và càng lấn lướt. Học giả người Israel Nurith Gertz khảo sát những đoạn văn phi hư cấu trong các ấn phẩm in ấn trong suốt thập kỷ 1930 đã lưu ý rằng rất nhiều những bài thảo luận về bản chất có vẻ như không thể giải nghĩa được về những cuộc tấn công của người Ả Rập đối với những cư dân Do Thái đã quy về cho những cuộc tấn công bài Do Thái. Nurith Gertz đã dẫn ra một bài báo tiêu biểu viết rằng: *Chẳng có gì thay đổi từ cái ngày những ngôi đền đầu tiên và ngôi đền thứ hai bị đánh đổ, vẫn là thái độ thù địch đối với những người Do Thái chăm chỉ*⁽¹¹¹⁾. Tom Segev đưa ra một ví dụ rõ ràng về khoảng cách giữa thực tế và lời lý giải về vụ thảm sát đáng hổ thẹn năm 1929 ở Hebron. David Ben-Gurion đã so sánh vụ thảm sát này với một pogrom⁽¹¹²⁾, và sau này ám chỉ về một Hebron không có người Do Thái bằng cách sử dụng từ của Đảng viên quốc xã *Judenrein*. Các lãnh tụ và các nhà văn khác cũng gọi nó là một pogrom, Rehavam Ze’evi viết rằng một bộ phận đông đảo người dân Ả Rập đã nhúng tay vào những vụ giết chóc ấy và “những trận pogrom, những lần tàn sát, thảm sát đã trở thành một phần lịch sử của đất nước chúng tôi trên đất Diaspora của bọn họ và bây giờ cảnh tượng kinh hoàng ấy lại tái diễn ở Xứ sở Israel.”⁽¹¹³⁾ Tuy nhiên, thực tế lại không giống như những cuộc pogrom ở Đông Âu, các nhà chức trách không khởi xướng cũng chẳng tha thứ cho những vụ bạo động ấy. Thêm vào đó, hơn 2/3 người Do Thái ở Hebron đã được các gia đình Ả Rập cứu thoát bằng cách đưa họ về nhà mình. Cũng như thế, mặc dù có 67 người Do Thái bị giết và hàng tá người bị thương, nhưng trong con mắt sử học, nó vẫn không thể so sánh được với những trận pogrom ở Đông Âu có tới hàng trăm đến hàng nghìn người bị giết hại. Cuối cùng, Segev đã chỉ ra, có nhiều cơ sở dẫn đến thảm sát Hebron, từ nỗi sợ hãi về bạo lực tôn giáo và về việc bị phong trào Zion khai trừ cho đến lòng căm thù người ngoại quốc và cuộc chiến giai cấp. Trong khi đó, rất nhiều vụ pogrom điển hình của châu Âu và Nga hoàng lại được khai hỏa bởi một vụ xô xát mang tính địa phương mà người Do Thái bị đổ thừa một cách bất công vô lý.

Nhà xã hội học Oz Almog nhận ra rằng ngôn ngữ được sử dụng trong báo chí Do Thái khi miêu tả những thù địch của người Ả Rập bắt đầu từ thập niên 1920, 1930 cũng đã tạo ra

một hình ảnh về những người Ả Rập như một phiên bản Amalek, kẻ thù của người Hebrew trong Kinh Thánh luôn tìm cách hủy diệt họ, và một hoán dụ cho bất cứ kẻ bài Do Thái hoặc kẻ thù nào của người Do Thái hay Israel. Almog đã khiến chúng ta lưu ý tới một truyền thuyết về lấy ít địch nhiều... Chủ đề về việc ít ỏi về số lượng nhưng dồi dào về lòng quả cảm, niềm tin, tài khéo léo hoặc những giá trị đạo đức có ở mọi nơi trong lịch sử, những chuyện thánh kinh, và kinh cầu nguyện của người Do Thái. Dìm chết quân đội của pharaoh ở trên biển, chiến thắng trước Amalek ở Refidim, chinh phục Joshua, cuộc nổi dậy của Maccabee chống lại người Hi Lạp, và cuộc nổi dậy của Bar Kokhba chống lại La Mã chỉ là một vài ví dụ. Những câu chuyện kể về sự tích ra đời của những ngày lễ Do Thái, ví dụ như Hanukkah và Lag b'Omer, luôn minh họa rất rõ ràng cho chủ đề ấy. Trong chủ nghĩa Phục quốc Do Thái hiện đại mang trong mình tính thế tục, thì tính ưu việt của số ít được cho là đã được thể hiện ở khía cạnh chất lượng đánh bại số lượng, lấy trí tuệ, tinh thần tiên phong, chủ nghĩa anh hùng và đạo đức bù lại kiểu quý hồ tinh bất quý hồ đa.⁽¹¹⁴⁾

Trong khi rõ ràng có phần nào sự thực như thế khi so sánh những quốc gia Ả Rập – nhìn chung những người Zion đã từng, và hiện vẫn thế, hơn hẳn về học vấn, năng suất lao động và hoàn thiện hơn – thì sự ưu việt tự nhận thức được này này chẳng khiến cho họ có được bất kỳ niềm thông cảm nào từ những hàng xóm láng giềng. Như Gertz đã trình bày, trong suốt cuộc chiến tranh năm 1948, cả báo chí lẫn những nhà văn viết tiểu thuyết hư cấu người Do Thái đều khắc họa những người Zion là xông xáo, nhiệt huyết, anh hùng, kiên cường và bình dị. Trong khi người Ả Rập Palestine bị miêu tả là những kẻ yếu ớt, khiếm đảm, thụ động và thu mình. Khái quát hóa theo những biểu hiện ái kỷ như thế này, nhà tâm lý học người Israel Ofer Grosbard ví Israel với một bệnh nhân đang chữa trị theo liệu pháp tâm lý, mà trong buổi chữa trị đầu tiên cứ nằng nặc rằng anh ta chẳng bị sao hết. Vấn đề là, anh ta nói với bác sĩ trị liệu, anh ta quá tài năng, quá khác biệt và quá thành công đến nỗi những người khác đơn giản chỉ là ghen ghét và hận thù với anh ta mà thôi.⁽¹¹⁵⁾

Kiên định với sự phòng vệ như thế, ngày nay, nhiều người chỉ trích những chính sách của chính phủ Israel liên quan đến vấn đề người Palestine bị buộc tội rằng chính họ (người chỉ trích – ND) mới có vấn đề, chứ không phải là những chính sách của chính phủ. Đôi khi, đây là một phản ứng bùng bột kiểu giận cá chém thớt⁽¹¹⁶⁾, đổ lỗi cho những người chỉ trích, nhưng thường là nó bắt nguồn từ một sự kết tội sâu xa hơn, và vẫn chỉ là bốn cũ soạn lại. Ví dụ như, trong suốt giai đoạn người Anh nắm quyền ủy trị ở Palestine, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Anh đã phản đối việc cho phép những nạn nhân sống sót trong vụ Đại thảm sát được định cư ở Palestine. Người Yishuv đã lớn tiếng kết tội ông ta là một người bài Do Thái, thậm chí ngay cả khi lý do cơ bản mà ông ta phản đối chính là vì trách nhiệm đạo đức của châu Âu trong việc đưa những người Do Thái hồi hương và ông đã cực lực phản đối chủ nghĩa phân biệt chủng tộc dưới bất kỳ hình thức nào. Ông ta có thể từng là người bài Zion, nhưng không phải là bài Do Thái. Có thể liệt kê ra đây quá nhiều ví dụ cho thấy một số người Mỹ Do Thái, thậm chí ngay cả những người Israel cũng còn quá đáng hơn, đã đánh đồng việc chỉ trích Israel với bài Do Thái. Khi người chỉ trích là người Do Thái, anh ta thường bị coi là một người Do Thái tự ghét chính mình. Việc mỗi lớp lang xung đột Israel – Palestine lại đánh thức một kiểu bài Do gì đó trong thế giới cũ không có nghĩa là không có sự khác biệt giữa một lời chỉ trích mạnh mẽ những chính sách của người Israel với chủ nghĩa bài Do Thái. Có thể thấy rất rõ điều này trong suốt cuộc chiến tranh Israel – dải Gaza vào năm 2014, khi chính các chính phủ chỉ trích tư cách đạo đức của Israel trong cuộc chiến này đã buộc tội gay gắt việc gia tăng đáng sợ những vụ bài Do Thái trong xã hội của họ. Tuy nhiên, càng khiến cho mọi chuyện trở nên phức tạp hơn, trong suốt cuộc xung đột này, vì rất nhiều lý do, bao gồm cả việc cực đoan hóa các cộng đồng Hồi giáo ở châu Âu và bản chất của cuộc chiến tranh, một sự nhập nhằng đánh lộn con đen giữa những sắc thái bài Israel và bài Do Thái đã xuất hiện và hoành hành trên khắp thế giới.

Bản chất nguy hiểm của mối liên kết giữa động lực đền bù mang tính ái kỷ trong vấn đề Người Được Lựa Chọn với yếu tố gây hoang tưởng về Những Người Bị Áp Bức đã được nhà triết học Moshe Halbertal nhấn mạnh theo những thuật ngữ hơi khác một chút. Thảo luận về Sách Esther⁽¹¹⁷⁾, cuốn Kinh Thánh mà người Do Thái truyền thống thường đọc trong ngày lễ Purim. Halbertal đã chỉ ra rằng nó đã kết thúc bằng việc người Do Thái cũng trả thù tất cả những kẻ thù của mình. Theo Halbertal và Ezrahi, những câu chuyện hoang đường về việc thần linh có mắt như thế là bình thường trong tư duy của người Do Thái, được dựng lên để trấn áp nỗi sợ hãi và nhục nhã, là đặc trưng trong cuộc sống Diaspora. Như Halbertal đã nhận ra, hiện nay việc Israel có một lực lượng quân sự hùng hậu, khiến những mộng tưởng hoang đường như vậy có thể dẫn đến một trận đánh kiểu như trận chiến dưới bàn tay chỉ huy của Baruch Goldstein trong lễ Purim năm 1994, làm chết 29 người và làm bị thương hơn 125 những người Hồi giáo đang cầu nguyện tại Hang Hebron ở Patriarchs⁽¹¹⁸⁾. Trong một khuynh hướng phát triển gần đây, khi gặp gỡ tổng thống Obama vào mùa xuân năm 2011 để thảo luận về nguy cơ Israel tấn công phá hoại trang thiết bị của nhà máy hạt nhân của Iran, thủ tướng Israel Bibi Netanyahu đã tặng Obama cuốn sách của Esther. Không chỉ câu chuyện về Esther kết thúc với một sự trả thù kinh khủng, mà nó còn bắt đầu với âm mưu người Ba Tư hủy diệt người Do Thái.

NẾU TA QUÊN NGƯỜI THÌ TA SẼ SỐNG LƯU VONG

Có lẽ điểm nguy hiểm nhất nằm ở dải quang phổ hoài nghi – hoang tưởng ngụ trong tinh thần người Israel đã đi vào tiêu điểm, và ở ca bệnh Israel rõ ràng là c nói như vậy, đó là những người hoang tưởng cũng có kẻ thù thực sự. Sự thật là những người hoang tưởng chắc chắn có kẻ thù vì chính họ tạo ra chúng. Người mắc chứng hoang tưởng không thể tha thứ và không thể ý thức được sự thù địch của chính mình và bởi vậy mới gặp lửa bỏ tay người, đổ thừa rằng người kia đang ra tay với anh ta. Tự nhiên, lời buộc tội này bị những người khác xem là hành vi công kích, do vậy họ phản ứng bằng cách tấn công lại, thành ra kẻ hoang tưởng kia có bằng chứng rằng họ đúng là đã ra tay với anh ta. Bởi vậy khi Israel có hàng tấn lý do từ bên ngoài, nhiều lý do đã tồn tại lâu đời, một vài lý do mới nảy sinh, để cảm thấy bị đe dọa, một vài lý do là từ sự bất an mang tính sống còn là kết quả của một chu trình “phóng chiếu – hấp thu thụ động”. Như Nurith Gertz đã đưa ra tài liệu, sự phóng chiếu hoang tưởng này, cùng với người bà con mang tên ái kỷ, là một đặc điểm thường thấy trong tâm thức của người Do Thái về người Ả Rập bản địa trong suốt thời kỳ định cư của những người Zion trên đất Palestine. Những người Zion tự coi bản thân là hình mẫu của phương Tây văn minh, nhân văn, bị những kẻ sống du mục trên sa mạc bản chất ưa bạo lực tấn công và giết hại không rõ lý do. Họ đã không thể nhận ra bất cứ dấu hiệu nào cho thấy chính họ mới là kẻ thù địch hoặc đigây hấn, cho thấy mảnh đất họ đến ngụ cư đã có người định cư. Nhà tâm lý học người Israel Benjamin Beit-Hallahmi đã giải thích việc người Israel ngày hôm nay không thừa nhận những gì mà ông ta gọi là *tội tổ tông* – bên cạnh việc giúp nhiều người Do Thái, chủ nghĩa phục quốc Zion cũng là một phong trào thực dân – vì một viễn cảnh kinh hoàng rằng nếu họ thừa nhận bất cứ tội lỗi nào, họ sẽ bị trừng phạt còn dã man hơn rất nhiều so với tội ác mà họ đã gây ra.⁽¹¹⁹⁾ Một ý kiến khác cho rằng người Israel phải đổ tội gây hấn cho những người Palestine bởi họ không thể chịu đựng nỗi cảm giác tội lỗi về chuyện ấy.

Mặc dù Israel đang dần ý thức về mối nguy của chủ nghĩa bài Do Thái đã tồn tại từ lâu đời và sự thù địch vô lối của những quốc gia Ả Rập trong ba đến bốn thập kỷ đầu độc lập, nhưng nó vẫn thừa nhận một thực tế rằng hiện nay nó đã có sức mạnh hùng cường, một vài quốc gia Ả Rập quan trọng đã chấp nhận nó, và những người Palestine thực ra tương đối yếu ớt, vô hại. Cứ viện cớ là tự vệ, người Israel đã hành động thái quá đối với những mối nguy tự họ nghĩ ra và đã sử dụng lực lượng áp đảo, chỉ để tái tạo những kẻ thù trong quá khứ - làm như thế kẻ thù hiện tại thôi là vẫn chưa đủ vậy – và củng cố nỗi lo sợ rằng sẽ bị hủy diệt, nỗi

lo sợ tận trong sâu thẳm của người Israel. Đây không phải đơn thuần chỉ là kết quả của chủ nghĩa bài Do Thái mà kể từ khi Israel xâm chiếm Bờ Tây và dải Gaza vào năm 1967, đa phần thế giới đã trở nên khắt khe hơn và chỉ trích sự gây hấn của Israel. Cho đến tận lúc đó, vì nó là một nước rất nhỏ, sinh ra từ những hạt bụi tha phương là những người Do Thái châu Âu và bị bao vây bởi những nước Ả Rập thù địch, cho nên ở phương Tây, Israel được coi là một nạn nhân thay vì kẻ đi gây nạn.

Nhưng dù thế nào thì trong tâm thức của người Israel, việc họ là một kẻ gây nạn hay là một nạn nhân cũng chẳng quan trọng, nỗi băn khoăn ấy thường bị chìm xuống và mất tích dưới những làn sóng lo lắng bị bỏ rơi và bị hủy diệt cứ tuôn trào từng đợt như những cơn sóng thần. Nỗi bất an đe dọa sự sống còn của Israel có lẽ hiện hữu nhất trong đêm trước cuộc chiến tranh năm 1967. Trong nhiều tuần trước khi tiếng súng đầu tiên của cuộc chiến nổ ra, ước chừng 10.000 người thương vong – tương đương với nhiều triệu người ở Mỹ – các quan chức Ủy ban Tôn giáo Tel Aviv khảo sát các khu vực, công viên và sân bóng rổ để trống và thánh hóa nó như thể là những khu nghĩa địa. Một vài ngày trước cuộc chiến tranh, thủ tướng Eshkol lắp ba lắp bắp trong một bài diễn văn trên đài phát thanh phát sóng trực tiếp, đẩy lên nỗi lo lắng xao xác trong lòng công chúng, mà sau đó buộc ông ta phải gia cố lại chính phủ của mình và thành lập chính phủ quốc gia thống nhất đầu tiên của Israel. Những cảm xúc trong giai đoạn đó đã được Ari Shavit thu tóm một cách khá cảm động trong những dòng mở đầu của cuốn sách xuất bản năm 2013 của ông, *My Promised Land: The Triumph and Tragedy of Israel* (Tạm dịch: Miền đất hứa của tôi: Israel - Vinh quang và Cay đắng). Người Ả Rập sẽ thắng? Khi còn là đứa trẻ chín tuổi, ông đã hỏi cha như vậy. Quê hương yêu dấu của ông sẽ tràn ngập những đám ô hợp dân Ả Rập hay có thể là những lực lượng Hồi giáo, trở thành một Atlantic khác chìm xuống tận đáy sâu của đại dương?

Trên thực tế, quân đội Israel còn tân tiến, tinh nhuệ vượt bậc so với lực lượng của nhiều nước Ả Rập kết hợp lại và đã đánh bại họ chỉ trong một vài ngày. Nỗi thấp thỏm người ngoại đã trở thành nỗi phẫn chấn sau cuộc chiến. Nhưng nó không bao giờ biến mất hoàn toàn và đã trở lại với sự phục thù mãnh liệt sau cuộc tấn công chớp nhoáng và những thất bại ban đầu của cuộc chiến tranh năm 1973. Trong những chiến dịch quân sự tiếp theo, thậm chí là khi Israel đã huy động những lực lượng quân sự áp đảo và tinh nhuệ, nỗi lo sợ hoang tưởng vẫn còn dai dẳng. Ví dụ, trong suốt cuộc xâm lược của Israel vào Lebanon năm 1982, khi Bộ trưởng Quốc phòng Ariel Sharon sau đó tuyên bố rằng Israel có thể hành động như lực lượng hùng mạnh nhất khu vực Trung Đông mà thủ tướng của ông ta lúc bấy giờ là Menachem Begin đã so sánh mức độ nguy hiểm của lực lượng PLO đe dọa trên đất Lebanon ngang với quân Nazi trong Thế chiến 2. Chẳng phải vô cơ mà Sharon tập trung vào sức mạnh quân sự của Israel, còn Begin, tập trung vào khả năng dễ tổn thương của người Israel. Sharon, một sabra, xuất thân từ phong trào Phục quốc Do Thái lao động vốn khao khát phá vỡ tâm lý Diaspora yếm thế; Begin sinh ra ở Ba Lan và mất cả gia đình trong Đại thảm sát Holocaust. Begin không bao giờ có khả năng nhét vào đầu mình hệ triết học mới mẻ nào. Đối với ông ta, nhà nước Do Thái còn hơn cả một sự kế tục truyền thống Do Thái, chống trả lại sự thù địch của thế giới phi Do Thái. Ở mặt ấy, lần đặc cử của Begin – một nhân vật đối lập bên phía thiểu số cực chênh lệch trong khoảng 29 năm trước đó – vào chức thủ tướng năm 1977 có thể được xem như, theo ngôn ngữ phân tâm học, “sự trở lại của cái bị dồn nén”. Những gì đã bị phủ nhận hoặc bị dồn nén trước đây, giờ lại nổi lên trên bề mặt. Đó là cách giải thích cho việc người Israel hành động thái quá – và bởi vậy là thảm họa với mối quan hệ công chúng – đối với đội tàu nhỏ của Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 2010 và những nỗ lực tiếp theo của các nhà hoạt động hòa bình trong việc phá vỡ lệnh phong tỏa đường biển của Israel đối với dải Gaza. Trong tâm thức của người Israel, những điều này không chỉ đơn thuần là những cuộc biểu tình vớ vẩn hoặc bất hợp pháp chống lại chính sách của Israel đối với dải Gaza bị bần cùng hóa, nếu không nói là cực đoan hóa, mà đúng hơn là “một hạm đội thù hằn và bạo lực”, cũng như những đợt tấn công vào chủ quyền và quyền hợp pháp của Israel.⁽¹²⁰⁾ Ở phía ít hoang

tưởng hơn của quang phổ, phần lớn nỗi lo âu của người Israel là về sự sinh tồn, hiện tại tập trung vào Iran – như đã chỉ ra, thậm chí những người hoang tưởng cũng có những kẻ thù thực sự. Hamas và lực lượng phân tán của nó trên dải Gaza cũng là những kẻ thù thực sự, bị dán nhãn thương hiệu bài Do Thái. Tuy nhiên, như năm 2014, họ bị suy yếu về quân sự và chính trị nên chẳng đe dọa chút nào sự tồn tại của Israel.

Vào những năm 1980, một bài hát upbeat lạ lùng “The whole world is against us” (Tạm dịch: Cả thế giới quay lưng lại với ta), đã tấn công nhiều kênh phát thanh và đưa nó lên top đầu của các bảng xếp hạng. Bình luận về quan điểm của người Israel lúc đó, có nguồn tin cho rằng nghệ sĩ người Israel Yair Garbuz ghép bài hát với lời buộc tội phổ biến của người Israel là “thế giới đã căm lạng” trong suốt Đại thảm sát Holocaust: “Thế giới quay lưng lại với chúng ta và căm lạng (trước nỗi đau của ta - ND)”⁽¹²¹⁾. Nhận xét của Garbuz vẫn thật là một lời mỉa mai cho tới tận ngày hôm nay, đặt sự cô lập quốc tế hiện tại của Israel trong bối cảnh lịch sử của sự đàn áp người Do Thái. Sự nghịch lý trong lời của Garbuz cũng chứa đựng ý nghĩa tâm lý sâu sắc, vì nó đã khắc họa được hình tượng người Israel ngạc nhiên hay cảm thấy phẫn uất rằng “thế giới” không đang bảo vệ họ khỏi chính nó. Trong khi những người Zion thời kỳ đầu tập trung vào “chúng ta có thể làm gì để xây dựng một đất nước,” những thế hệ tiếp theo ngày càng tập trung vào “những gì mà kẻ khác có thể hủy diệt chúng ta”. Ở mặt này, hoang tưởng không phải là về việc tin mà đúng hơn là quá tin vào người khác, hoặc đúng hơn là, không đủ tự tin vào chính mình. Đó là về việc gán quá nhiều sức mạnh, quyền lực vào người khác và không đủ vào chính mình, và do đó phải đánh phủ đầu. Chẳng có gì là ngẫu nhiên khi trong tiếng Hebrew từ có nghĩa là an toàn, *bitahon*, có cùng gốc với từ *livto-ah*, tin tưởng, vì phải thông qua sự tin tưởng, vào chính mình và vào người khác, chúng ta mới có thể đạt được một cảm giác an toàn thực sự. Nếu không để ý đến ngôn ngữ của họ, mà chỉ quan tâm đến lịch sử bị đàn áp của dân tộc Do Thái, qua khoảng hai hoặc ba thập kỷ gần đây, người Israel đã chào đón rất nhiều những sáng kiến hòa bình chủ yếu đi kèm với một nỗi hoài nghi, thậm chí là với cả những sáng kiến được bắt nguồn từ nhân vật ủng hộ sùng sỏ của họ là Hoa Kỳ. Họ thường ám chỉ cuộc đàm phán với những từ ngữ như “một sự hòa giải Munich” và gọi những đường biên đi kèm với một thỏa thuận hòa bình tiềm năng là “hàng rào Auschwitz”. Lối tu từ này có thể trở thành một lời tiên tri đầy tự mãn, mà theo đó tự trách tội mình vì đã để lặp lại sự kiện ghetto, như một kẻ hạ đẳng giữa các quốc gia và xác nhận câu chuyện đã tồn tại trước đó về “thân phận Do Thái”, mà đứa trẻ mẫu giáo người Israel nào cũng đều biết là *ha-goral ha-yehudi* trong tiếng Hebrew.

Một nguyên nhân của “thân phận” này đó là vì người Do Thái không hoặc không thể tin tưởng vào những kẻ ngoại đạo sống xung quanh mình nên họ có xu hướng xây dựng những mối quan hệ trực tiếp với các vị vua, hoàng tử, giáo hoàng, và giám mục – những quyền lực trung ương cao nhất trong thời kỳ Diaspora. Bởi vậy, họ phát triển những mối quan hệ phụ thuộc, hi vọng vào sự vô vọng và những bằng chứng lịch sử chẳng nhiều nhận gì cho thấy những nhân vật quyền lực này sẽ trở thành thần hộ mệnh cho họ. Vậy nhưng, trong thực tế, điều này chỉ đổ thêm dầu vào lửa, dân bản địa và những nhà chức trách của các quốc gia thường phản bội những người Do Thái. Như nhà văn người Mỹ Leon Wieseltier thừa nhận rằng trong suốt Mùa xuân Ả Rập năm 2011, Israel dường như cũng phải viện đến thể loại “liên minh trực tưng” này, dựa trên những kẻ độc tài và những kẻ vương quyền như Mubarak và Abdullah để đảm bảo sự ổn định của khu vực, hơn là bắt tay vào phát triển một “liên minh trực hoành” với cư dân các nước Ả Rập. Như một hệ quả của Mùa xuân Ả Rập, nếu những nước Ả Rập trở nên dân chủ hơn hoặc thay vì thế bị điều hành bởi những chế độ chuyên quyền hay dân túy hơn như có vẻ đang diễn ra trong thời điểm khi tôi đang viết những dòng này, thì chiến lược này, cũng – một lần nữa, một chiến lược dựa trên những giả thuyết đầy hoài nghi và thiếu tin tưởng đã được điều chỉnh và tự gây thương tổn – có thể chứng tỏ là đã thất bại thê thảm. Việc Ai Cập và những nước Ả Rập nhượng bộ khác chuyển hướng thành đồng minh thân cận nhất với Israel trong cuộc chiến năm 2014 Israel chống lại Hamas chẳng

góp được gì trong hành trình trường kỳ nuôi dưỡng một “liên minh trục hoành” giữa người Israel và người Ả Rập. Cùng một logic về sự hoang tưởng và phụ thuộc ấy thể hiện rất rõ ràng trong quan hệ của Israel với Hoa Kỳ, vừa trong việc phát triển một quân đội tối trọng và nền kinh tế phụ thuộc vào một siêu cường, vừa trong việc bám víu lấy một tổng thống Mỹ này và vượt mặt một tổng thống khác, nói thẳng ra là George W. Bush và Barack Obama. Một chiến lược khả dĩ hơn chính là không nên bỏ trứng vào cùng một giỏ, cố gắng tranh thủ càng nhiều mối quan hệ hữu hảo với nhiều quốc gia và tái thiết lập sự ủng hộ rộng rãi hơn giữa những người Mỹ nói chung, bao gồm cả những người Do Thái thế tục, hiện đại và những thành phần dân cư nói chung không theo Tin lành càng tốt.

Trong cuốn hồi ký của mình, *A tale of love and darkness* (Tạm dịch: Chuyện tình và bóng tối), Amos Oz đã kể về một trải nghiệm ấu thơ quen thuộc với nhiều người Israel thuộc thế hệ ông. Trước khi điện thoại trở nên phổ biến trong gia đình người Israel, bạn phải đến tiệm thuốc trong khu dân sinh và thực hiện cuộc gọi hẹn trước với người khác đang chờ đợi vào thời điểm đã hẹn tại tiệm thuốc ở chỗ của họ. Oz nhớ lại một cuộc gọi kiểu như vậy mà cha mẹ ông đã gọi từ Jerusalem cho dì và chú của ông ở Tel Aviv như sau:

- Xin chào, Tzvi đấy hả?

- Em đang nghe đây.

- Ariele ở Jerusalem đây.

- Anh Ariele à, em Tzvi đây, anh thế nào?

- Mọi thứ ở đây đều ổn cả. Chúng tôi đang gọi điện ở hiệu thuốc.

- Chúng em cũng thế. Có tin gì mới không?

- Chúng tôi chẳng có gì mới cả. Chỗ chú thế nào, Tzvi? Nói xem mọi chuyện thế nào rồi.

- Mọi thứ đều OK. Chẳng có gì đặc biệt cả. Bọn em đều khỏe cả.

- Không có tin gì là tốt rồi. Ở đây cũng chẳng có chuyện gì. Anh chị đều ổn cả. Các em thế nào?

- Bọn em cũng thế.

Và rồi mẹ của Oz, sau đó chính Amos cũng đến áp ống nghe vào tai và lặp lại toàn bộ chuỗi hội thoại này, rồi họ lên lịch cho cuộc gọi tiếp theo.

Ngẫm lại kỷ niệm này, Oz viết:

Nhưng đây không phải là chuyện kể ra để mà cười cợt: cuộc sống của chúng tôi bị treo trên một mối nguy hiểm. Bây giờ tôi nhận ra rằng cha mẹ chú dì tôi không hề chắc chắn rằng họ sẽ thực sự được nói chuyện với nhau lần nữa, đây có thể là lần cuối cùng, ai mà biết được sẽ có chuyện gì xảy ra, có thể là những cuộc bạo loạn, một cuộc tàn sát kiểu pogrom⁽¹²²⁾, một bể máu, người Ả Rập có thể nổi dậy và tàn sát nhiều người chúng tôi, có thể là một cuộc

chiến tranh, một thảm họa kinh hoàng, sau tất cả những gì đã xảy ra: xe tăng của Hitler gần như đã sừng sững ngay trước cửa ra vào của chúng tôi từ tất cả mọi phía, Bắc Phi và Caucasus, ai mà biết được còn gì nữa đang chờ chúng tôi? Cuộc nói chuyện chả đâu vào đâu này không thực sự vô nghĩa, nó chỉ hơi kỳ quặc mà thôi.⁽¹²³⁾

Sau đó, Oz còn nói thêm, những cuộc hội thoại này cũng cho thấy những người thuộc thế hệ cha mẹ ông không thể thể hiện những cảm xúc cá nhân như thế nào. Họ chẳng có vấn đề gì khi thể hiện những tình cảm cộng đồng, nói một cách hùng hổ hàng tiếng đồng hồ không dứt về Nietzsche, Stalin, Freud, Jabotinsky, chủ nghĩa quốc gia, chủ nghĩa thực dân, bài Do Thái, công bằng, v.v và v.v, nhưng những cảm xúc cá nhân thì lại là một vấn đề khác. Người Israel ngày nay vẫn thích nói về những vấn đề quốc gia dân tộc, một cách sắc sảo và đầy nhiệt huyết, nhưng họ cũng chẳng ngại ngần gì khi toang toác những ý nghĩ thâm sâu nhất của họ với bất cứ ai nghe chúng. Không chỉ những cuộc chuyện trò về việc quốc gia đại sự ẩn khuất đâu đó cùng một cảm giác bất an, mà chính trong giao tiếp cá nhân hàng ngày cũng thấy lấp ló một sự hoài nghi. Cố bám lấy lòng tự tôn yếm thế, những ranh giới dễ dàng xâm nhập, và những biểu hiện phóng chiếu mang tính ái kỷ có tầm ảnh hưởng đến những quan điểm tiêu cực của những người đồng bào Israel, tâm thức người Israel mang cốt lõi của lòng nghi ngại hoang tưởng về xã hội. Amos Oz đã khéo léo lần ngược trở lại thời kỳ Diaspora, khi người Do Thái phải sống với nỗi kinh hoàng rằng, cầu trời cho nó không xảy ra, họ đã gây ra một ấn tượng xấu với những người ngoại đạo, những người này sẽ tức giận và “đối xử với chúng ta bằng những hành động mà chỉ nghĩ đến thôi đã quá ghê sợ rồi.” Như di của Oz, Sonia, một người Do Thái sinh ra ở Đông Âu, đã nhận ra, vì điều này găm sâu vào đầu của mỗi đứa trẻ con Do Thái 1000 lần, nó đã bóp méo phẩm giá và tính liêm chính của người Do Thái, khiến người Do Thái trở nên “gian trá và đầy mưu mẹo như một con mèo”. “Tôi không thích những con mèo chút nào,” Sonia nói. “Tôi cũng chẳng thích chó lắm, nhưng nếu phải chọn, tôi thà chọn chó hơn. Một con chó giống như một người ngoại đạo, bạn có thể ngay lập tức biết được nó đang nghĩ gì và cảm thấy như thế nào. Người Do Thái Diaspora biến thành những con mèo, theo nghĩa xấu, anh biết ý tôi là gì rồi chứ.” Nhà xã hội học Oz Almog đã lần ngược về lịch sử lâu đời hơn, ngay trong những thời đại Kinh Thánh. “Người sẽ tự chuốc lấy chiến tranh vì những đối trá lọc lừa,” cuốn Cách ngôn đã khuyên răn như vậy.

Không giống những người Do Thái Diaspora, người Israel hiếm khi quan tâm đến việc tạo ấn tượng tốt với những người ngoại đạo. Về mặt này, cuộc cách mạng của những người Zion thành công còn vượt cả những giấc mơ hoang đường nhất của họ. Nhưng trong nội tâm của người Do Thái, nỗi sợ hãi và lòng hoài nghi vẫn còn tồn tại, tiếp tục găm nhấm lòng chính trực và phẩm giá trung thực của người Israel. Tuy nhiên, bề ngoài, người Do Thái Israel giống một con chó hơn một con mèo, một loại chó sữa và cắn cắn vì sợ hãi cũng như để gây hấn. Amos Oz cũng phân tích rõ hơn về điều này. Lần này, Oz phân tích dựa trên tiếng nói của một trong những người cha sáng lập nên kibbutz⁽¹²⁴⁾, chạy trốn khỏi sự ngột ngạt của Jerusalem và của gia đình lúc ông 15 tuổi. Nói về lãnh tụ đối lập sau này Menachem Begin, ông ta chia sẻ với Oz:

Cơ bản ông ta là một người đàn ông tốt, Begin ấy... Một kiểu *yeshiva bocher*⁽¹²⁵⁾ làm đường lạc lối, tin rằng nếu chúng ta, những người Do Thái, bắt đầu kêu lên ở âm vực cao nhất mà đó vốn không phải là cách những người Do Thái chúng ta thường làm, chúng ta sẽ không phải là những con cừu cho đồ tể, chúng ta không phải là những kẻ yếu đuối nhọt nhọt nhưng trái lại, hiện giờ chúng ta là kẻ nguy hiểm, hiện tại chúng ta là những con sói hung hãn, rồi tất cả những con thú săn mồi thực sự sẽ sợ hãi chúng ta và đưa cho chúng ta mọi thứ chúng ta muốn, họ sẽ để cho chúng ta có được toàn bộ mảnh đất này... Họ, Begin và bộ sậu của ông ta, nói từ sáng đến tối về quyền lực, nhưng họ không có ý niệm đầu tiên cần biết quyền lực là gì, nó được cấu thành từ đâu, điểm yếu của quyền lực là gì⁽¹²⁶⁾.

Nhiều nhà tâm lý học người Israel đã lưu ý đến những hậu quả cả tích cực cũng như tiêu cực của mối liên hệ giữa nỗi lo lắng và sự hung hăng của người Israel. Một nghiên cứu vào năm 1994 của Erel Shalit đã kết luận rằng nỗi sợ hãi bị nhục mạ sau Holocaust đã được chuyển ngược thành năng lượng công kích khi người Israel chiến đấu trong cuộc chiến tranh giành độc lập trước sự xâm lược của những đội quân Ả Rập⁽¹²⁷⁾. Ofer Grosbard miêu tả người Israel đã chiến đấu với cảm giác bị đè nén và phủ nhận rằng sự tồn tại của họ chỉ là “một lời dối trá”, rằng họ sống trên thời gian vay mượn như thế nào. Ông ta giải thích, không thể chịu đựng được những lo lắng và bất an như thế này, họ đã trút sang người khác dưới hình thức là sự hung hăng, công kích. Có lẽ ý kiến của Avner Falk thuyết phục hơn và thấu tóm tất cả vấn đề, nó được viết trong suốt cuộc *cintifada* thứ hai của người Palestine:

Những kẻ khủng bố Ả Rập người Palestine đã thêm vào nỗi lo lắng bên trong của chúng ta bằng nỗi sợ hãi những thế lực bên ngoài. Mỗi hiểm họa thường trực về một vụ đánh bom liều chết khiến cho chúng ta sống trong một trạng thái lúc nào cũng thấp thỏm và lo sợ bị mất mạng. Chúng ta thể hiện nỗi lo lắng ấy bằng những hành vi hung hăng, thậm chí là bạo lực trên những con đường, trong cửa hàng, trong ngân hàng, văn phòng, trên ngõ phố, khắp mọi nơi. Thật vậy, Israel là nước có tỷ lệ tai nạn giao thông trên đầu người khá cao.”

Nỗi sợ đó, được hiển hiện thành nguy cơ từ bên ngoài và nảy sinh từ bên trong, không chỉ tiêu diệt lòng chính trực và dẫn đến sự hung hăng mà nó còn tác động đến những quyết định cá nhân liên quan đến đường đời và con cái họ. Những cặp vợ chồng người Israel ở nước ngoài thường xuyên bàn luận về việc sinh con ở nước ngoài, để nó có quốc tịch thứ hai, “phòng khi”. Một người họ hàng của tôi khoảng 30 tuổi với một người bà sinh ở Ba Lan đang lập kế hoạch để những đứa con của cô được nhập quốc tịch Ba Lan. “Ba Lan?” Tôi hơi ngạc nhiên hỏi lại. “Đó là một nước thuộc Liên minh châu Âu,” cô ấy cười nói. Nhưng như Oz đã viết, đây không phải là một chuyện cười. Một nghiên cứu của trường Đại học Bar Ilan năm 2011 đã chỉ ra rằng khoảng 100 nghìn người Israel đã có hộ chiếu Đức, hàng năm thêm 7000 người nữa cùng nhập với hội này, một hiện tượng có một không hai giữa những quốc gia ở thế giới thứ nhất.⁽¹²⁸⁾ Với những tính toán để sinh tồn như vậy, nhiều người, nếu không nói là cả nước Israel, sẽ sống sót, không cần biết tương lai nguy biến ra sao.

Hơn nữa, trong nỗi sợ hãi dựa trên thực tế, hoặc thậm chí là nỗi sợ hãi hoang tưởng, phần giá trị sinh tồn này bù đắp cho lòng tự mãn của người khác là một nguyên tắc có thực và đã được kiểm nghiệm. Trong những mối quan hệ cá nhân, nghề nghiệp, và quan hệ quốc tế, sự cảnh giác cao độ buộc chúng ta phải thể hiện sức mạnh, và với mức độ chính xác hợp lý, nó có thể ngăn chặn cho chúng ta khỏi bị bắt nạt. Ví dụ như trong trường hợp của Iran, có thể là chiến lược cóm tốt/cóm xấu vẫn còn hiệu quả. Bất kể là được hợp tác chi tiết từng li từng tí hay trên bình diện tổng quát, hay đơn giản là chỉ nảy sinh như tác dụng phụ của những khác biệt văn hóa – tâm lý giữa Hoa Kỳ và Israel, tác động kết hợp của những cử cả rớt hứa hẹn của Mỹ và những cây gậy đe dọa của Israel trên lý thuyết có thể thuyết phục được Iran đạt đến một thỏa thuận về năng lượng hạt nhân với nhóm cường quốc P5 + 1 – năm thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cùng với Đức – đang đàm phán với nó. Khi tôi đang viết những dòng này, chiến lược ấy dường như đã có hiệu quả, ít nhất là tạm thời, khi Iran đồng ý ngừng chương trình hạt nhân trong suốt thời gian diễn ra những cuộc đàm phán mở rộng. Cũng có thể nói đôi điều về vai trò hữu ích của chứng hoang tưởng trong một không gian sáng tạo, đầy tính chủ quan mà chúng ta gọi là nghệ thuật này. Để dẫn ra một ví dụ rõ ràng, có thể *xem* xét trường hợp nhà văn nổi tiếng thế giới cỡ Franz Kafka, thật khó có thể phủ nhận rằng nhiều kiệt tác của ông – từ tiểu thuyết *Lâu đài* và *Vụ án* cho đến những tác phẩm ngắn hơn như *Hóa thân* và *Lời phán quyết* – đều mang màu sắc cảm thức hoang tưởng Do Thái. Tác giả người Israel đương thời, Etgar Keret, người đã dẫn Kafka như một nhà văn có tầm ảnh hưởng lớn nhất đối với tác phẩm của ông, có lẽ là một phiên bản Israel

cho kiểu Do Thái này. Giống như thế giới của Kafka, thế giới mà ông ta tạo ra vừa mang tính cá thể vừa mang tính nhân loại phổ quát, cùng chung những cảm thức ảo tưởng, kì quái, và đôi khi hoang tưởng. Mặc dầu vậy, tác phẩm của ông không tầm tối như của Kafka, và nếu có, nó nhấn mạnh mặt sáng của chứng hoang tưởng như một đặc điểm của trí tưởng tượng con người.

Tuy nhiên, yếu tố hoang tưởng trong tâm lý người Israel thực sự đem đến một mối nguy hiểm hữu cho Israel. Trong cuốn hồi ký của mình về chiến tranh năm 1948, tác giả người Israel Yoram Kaniuk nhớ lại thế hệ những thiếu niên Do Thái tuổi ông ở Palestine đã được nuôi nấng, giáo dục để nổi dậy chống lại “thân phận Do Thái” Diaspora như thế nào. Tâm niệm với điều ấy, trong suốt lễ Hanukkah trước chiến tranh, ông cùng các bạn học trong trường đã leo lên Masada⁽¹²⁹⁾. Khi họ leo lên đến đỉnh, chỉ vừa kịp trước lúc bình minh, họ “nói gì đó” về việc người Đức đã hủy diệt người Do Thái như thế nào, và họ đã khắc lên trên một hòn đá: “Nếu ta quên người, thì ta sẽ sống lưu vong.”⁽¹³⁰⁾ Trong một câu nói ngược đầy ẩn ý và châm biếm so với một lời về khao khát Zion trong thánh ca kinh điển, họ đã trang bị cho chính mình những động lực bổ sung để chiến đấu cho một cuộc chiến sắp tới. Nhưng với sự châm biếm gấp đôi và ẩn chứa nỗi bi thảm, họ, giống như bản thân tâm thức Israel, đã tái cam đoan nhớ lại thời kỳ Diaspora, mâu thuẫn với bản chất nhiệm vụ của chủ nghĩa Phục quốc Do Thái, tất cả những gì nó muốn là thật nhanh chóng vùi lấp thời kỳ này vào trong quên lãng.

Chẳng phải ngẫu nhiên khi đến lúc này khi chuẩn bị kết thúc chương, chủ đề Holocaust đang dần dần xuất hiện trong cuốn sách này. Đây cũng không phải là một sơ suất khi chương này không bàn đến sự kiện với mức độ bạo hành khủng khiếp nhất đó. Tác động của Holocaust – đỉnh điểm và ác mộng cuối cùng của chủ nghĩa bài Do Thái, bởi vậy là nguyên nhân chính dẫn đến những nỗi lo lắng bị lãng nhục và bỏ rơi của người Do Thái và người Israel – trong tâm thức người Israel có một tầm vóc quan trọng và sự phức tạp đến mức cần phải có hẳn một chương cho riêng nó.

“Dì” Clara của tôi là một người họ hàng xa, một người rất thu hút và có khí chất rạng ngời. Khi tôi đang sống ở Jerusalem, dì là người duy nhất có liên quan gì đó với Holocaust mà tôi biết. Tôi cũng chẳng biết nó là gì – chưa bao giờ dì đã động đến chuyện đó. Dù chỉ sống cách có hai khu nhà và thường đến nhà tôi ăn bánh và cà phê vào mỗi chiều thứ Tư, đúng giờ như một chiếc đồng hồ Đức. Và tôi chưa bao giờ nghĩ đến Holocaust trong khi hầu như ngày nào cũng giáp mặt với đôi vợ chồng người Đức già cả, neo đơn, không con cái, sống trong tòa nhà năm tầng của chúng tôi, chỉ cách căn hộ nhà tôi một đại sảnh ngấn. Thậm chí ngay cả khi tôi còn tuổi thiếu niên, có lần ông Gottlieb gõ cửa nhà chúng tôi, chẳng phải để phàn nàn về tiếng nhạc ồn ã tôi đang chơi, mà đúng hơn là để khen ngợi gu âm nhạc của tôi và cho tôi một bản ghi *Der Rosenkavalier* của Richard Strauss⁽¹³¹⁾ để bổ sung vào bộ sưu tập nhạc thánh phòng.

Bạn sẽ thấy điều này thật khó tin nếu để ý rằng đất nước mà tôi sống lúc ấy cho dù đã qua nhiều lần nhập cư ồ ạt của người Do Thái từ các nước Ả Rập và Bắc Phi vào thập niên 1950, thì gần như cứ ba người lại có một người là nạn nhân sống sót sau Đại thảm sát Holocaust. Một đất nước mà ngập ngụa những tài liệu ghê gớm, kinh khủng để khiến người dân của nó tưởng nhớ mãi đến cuộc Đại thảm sát, đất nước đã gửi tất cả học sinh cũng như những nhà ngoại giao và quan chức ngoại quốc đến thăm Bảo tàng Holocaust Yad Vashem trước khi cho phép họ tham gia vào những việc quan trọng khác, và một đất nước mà những đứa trẻ trong khi chơi bóng đá trên đường phố lại tranh cãi nhau về việc người giàu nhất khu là một kẻ Israel gian⁽¹³²⁾ hay không chỉ vì ông ta lái một chiếc xe Mercedes.

Tôi luôn luôn đổ lỗi cho việc xa lạ này là tại gia đình tôi chưa bao giờ trực tiếp bị cuộc thảm sát ấy động vào. Trong khi chắc chắn là có một sự thật đâu đó, nhiều năm sau tôi cũng nhận thấy mối quan hệ hai mặt kỳ quặc của riêng mình với Holocaust – sự phủ nhận cảm xúc của tôi về nó, thậm chí khi nó đã đập thẳng vào mắt tôi – đơn thuần chỉ là một kiểu phản ứng lưỡng phân liên quan đến Holocaust có thể thấy ở bất cứ người Israel nào vào lúc đó. Kiểu hai mặt này, một đằng thì nhan nhản hiện diện ngoài ý muốn, một đằng thì cố gắng tách ra, mở ra một cánh cửa sổ để những nạn nhân sống sót có thể tự mình nhìn qua đó thấy phần lớn những di chứng tâm lý về Holocaust và, vô hình trung, lại là cánh cửa sổ cho tất cả người Israel trong những thập kỷ đầu của nhà nước Do Thái.

Có lẽ ví dụ sinh động nhất cho mối quan hệ hai mặt với Holocaust này nằm ở câu chuyện đời thực của một trong những người sống sót sau Đại thảm sát nổi tiếng nhất, tác giả nổi tiếng toàn thế giới với bút danh Ka-Tzetnik. Sinh ở Ba Lan vào năm 1909, Yehiel Feiner là một nhà văn trẻ và một nhạc sĩ trẻ ham viết thì bị gửi đến Auschwitz, nơi anh mất toàn bộ gia đình ở đó. Sau chiến tranh, khi đang phục hồi trong một trại lính của Anh ở Ý, anh dành hai tuần rưỡi để viết lại toàn bộ những gì đã chứng kiến và trải qua trong trại tập trung đó. Khi hoàn thành, anh đưa bản thảo cho một lính Anh và nhờ anh ta gửi đến Palestine. Người

lính nhìn vào bản thảo. Anh ta thấy tiêu đề *Salamandra* nhưng không thấy đề tên tác giả. Anh ta cúi xuống chàng trai trẻ yếu ớt, gầy mòn và thì thầm: “Anh quên đề tên tác giả.” “Tên của tác giả ư?” Feiner kêu lên. “Họ, những người đi đến nhà thiêu, đã viết quyển sách này! Tên của họ là: Ka-Tzetnik.” Cái tên ấy là bắt nguồn từ tên viết tắt KZ trong tiếng Đức chỉ trại tập trung, nó phát âm là *ka tzet* và những người bị giam thường bị gọi là *Ka-Tzetnik*, cùng với số kí hiệu của họ. Yehiel Feiner là *Ka-Tzetnik 135633*.⁽¹³³⁾

Khi theo bản thảo của mình tới Israel, Feiner đã đổi tên của mình thành De-Nur, có nghĩa là “từ lửa”. Cuốn *Salamandra* của ông là một trong những cuốn sách đầu tiên về Holocaust được xuất bản ở Israel. Giống như tất cả những cuốn sách tiếp theo của ông, cuốn sách nổi tiếng nhất *House of the dolls* (Tạm dịch: Ngôi nhà búp bê), là một cuốn tự truyện, kể lại chi tiết những sinh hoạt hàng ngày kinh hoàng và ghê tởm ở Auschwitz. Như nhiều năm sau đó ông tiết lộ, viết ra những điều này chẳng làm khuây khỏa được những nỗi đau mà ông vẫn hàng ngày phải chịu đựng. Trong nhiều năm trời, ông tiếp tục trải nghiệm những ký ức Holocaust trong giấc ngủ, tỉnh dậy nửa đêm vì nỗi đau khổ vật vã của những cơn ác mộng, mồ hôi nhỏ giọt và toàn thân run rẩy.

Khi trong những cuốn sách và những cơn mơ của mình – cả hai đều là một dạng hư cấu – ông đã kể câu chuyện Holocaust, thì trong cuộc sống hàng ngày ông đã bền bỉ tháng ngày tách mình ra khỏi nó. Giống như nhiều nạn nhân còn sống sót khác, ông sống cực kỳ khép mình. Ông không bao giờ nói cho vợ biết tên của mình hồi trước chiến tranh. Mặc dầu ông trở thành một cái tên được nhiều người biết đến trong các gia đình ở Israel và những cuốn sách của ông đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, ông cấm nhà xuất bản in hình của ông. Ông từ chối tất cả những yêu cầu phỏng vấn và không bao giờ nói chuyện trước công chúng. Trong 35 năm, ông không có một chiếc áo cộc tay nào để tránh lộ ra con số màu xanh gồm 6 chữ số bị đóng sắt nung lên cánh tay của ông và người Israel nào cũng biết đó là một tấm thẻ căn cước từ “nơi đó”. Sau này, ông còn viết rằng thậm chí ông không thuộc được số trại tập trung mà mình bị giam, và thêm vào đó, như là một kết quả của sự chấn thương tâm lý về danh phận, trí não của ông không thể nào nhớ được các con số.

Chỉ duy nhất một lần trong suốt những năm mai danh ẩn tích này của Ka-Tzetnik, danh phận của ông mới bị rò rỉ. Vào năm 1961, Israel bắt và xử án một tên phát xít sừng sỏ, cánh tay phải của Hitler và là Bộ trưởng các vấn đề về người Do Thái ở Gestapo, Adolf Eichmann. Ka-Tzetnik là một trong số những nhân chứng cho bên nguyên. Khi ông đứng dậy, ông nói với một vẻ ảo dị ma ám, ông miêu tả Auschwitz như một hành tinh xa xôi mà cư dân sống và chết theo những luật lệ tự nhiên khác. Họ không tên tuổi, không cha mẹ, và không con cái. Họ được ăn mặc khác nhau và sống theo một chu trình thời gian khác. Ông nói mà cứ như thể đang đọc từ một trong những cuốn sách của mình, cây bút Haim Guri, người đã tường thuật lại phiên xét xử cho một tờ báo, đã lưu ý như vậy. Khi bên nguyên và quan tòa cố gắng đưa Ka-Tzetnik trở lại với nhiệm vụ làm chứng lúc đó, bất thành linh ông lả đi và đổ sụp xuống sàn. Đó là khoảnh khắc bi kịch nhất trong suốt phiên tòa xử Eichmann, và có lẽ là một trong những khoảnh khắc mang nhiều ý nghĩa biểu tượng nhất trong lịch sử Israel. Nhiều năm sau Ka-Tzetnik kể với nhà sử học Tom Segev rằng ông đã bị ngắt, vì với việc làm chứng dưới tư cách là ông De-Nur, lần đầu tiên trong cuộc đời ông bị yêu cầu phải thừa nhận mình là Ka-Tzetnik.

Sau vụ xét xử, Ka-Tzetnik làm mọi việc có thể để xóa hết mọi mối liên hệ giữa hai cái tên De-Nur và Ka-Tzetnik. Có một lần ông đồng ý xuất hiện trước công chúng – để tham gia lễ trao thưởng mang tên ông, hay đúng hơn mang tên bút danh của ông, cho những tác phẩm văn học về Holocaust – trên đường đến buổi lễ diễn ra ngay tại tòa nhà tổng thống, ông đã đổi ý và không bao giờ xuất hiện nữa.

Vậy là Ka-Tzetnik bị buộc phải tái trải nghiệm cơn ác mộng Holocaust thông qua một sự trình bày sáng tạo, cùng lúc đó trong cuộc sống hàng ngày của mình, ông cố gắng tách biệt hoặc chạy trốn khỏi nó. Về nguyên tắc, đây là ca bệnh của những người sống sót nói chung: họ có thể không bao giờ quên hay lờ đi được Holocaust, nhưng họ có thể không bao giờ chấp nhận hoặc tiêu hóa nỗi nó. Nói như một câu thành ngữ trong tiếng Hebrew, đó là một thứ gì đó mà bạn nuốt chửng được, nhốt chửng xong. Để đối phó với nỗi thống khổ này, đôi khi những người sống sót phải “tách” nó làm hai phần riêng biệt, như vậy dễ xử lý hơn. Những chuyên gia về sức khỏe tinh thần làm việc với con cái của những người sống sót đang ở tuổi trưởng thành thường phát hiện rằng những bệnh nhân sẽ thuộc về một trong hai kiểu gia đình đối lập nhau. Một kiểu, cha hoặc mẹ là những nạn nhân sống sót không bao giờ ngừng nói về Holocaust. Những nỗi đau và mất mát khiến họ không thể chịu đựng nổi, và gia đình chính là nơi để họ tuôn ra tràng giang đại hải những câu chuyện vô cùng chi tiết về trải nghiệm đó hoặc thay vào đó là những bài giảng mô phạm về những bài học rút ra từ Holocaust cho thế hệ trẻ và những người Do Thái. Dù thế nào thì đứa trẻ trong một gia đình như vậy được tiếp xúc người thực việc thực với nỗi kinh hoàng và thống khổ, cũng là quá sức chịu đựng. Để tự vệ, đứa trẻ dần dần học được cách lãng ra và rút lui khi những câu chuyện hoặc những bài giảng bắt đầu tuôn ra. Khi đã lớn, đứa trẻ đó có thể chẳng muốn biết hoặc nghĩ nhiều về quá khứ của cha mẹ hay chính bản thân Holocaust.

Ở kiểu kia, cha hoặc mẹ là nạn nhân sống sót không bao giờ nói về những gì đã xảy ra với mình. Những nỗi đau và mất mát không hiện diện trong cuộc sống mới, những gì họ đã trải qua trong thời Holocaust bị giữ kín hoặc bị dồn nén (giữ kín là có ý thức; dồn nén là vô thức.) Một đứa trẻ được nuôi lớn trong kiểu gia đình này phải chịu đựng những thứ không được nói ra. Nó không thể nào không cảm giác được cuộc tranh đấu đang diễn ra của cha mẹ để rũ bỏ một quá khứ hãi hùng, có thể không mời mà đến. Bởi vậy trong lòng đứa trẻ nhen lên nỗi lo âu, bất an, và tò mò trong sợ hãi. Khi đến tuổi trưởng thành, nhiều người như vậy bị thúc đẩy phải khám phá ra câu chuyện bị chối bỏ này của cha mẹ và để tìm hiểu nhiều nhất có thể về Holocaust. Đôi khi những người khác xung quanh họ, những người không thể nguôi ngoai nỗi lo lắng không tên hoặc thiếu vắng cảm xúc cũng ủng hộ việc làm này.

Tính hai mặt của chấn thương này – cuộc xung đột giữa nhu cầu được tái trải nghiệm nó và mong ước được chạy thoát khỏi nó – rõ ràng hiện diện trong cả hai loại gia đình. Kiểu gia đình đầu, bằng cách sống mãi với quá khứ, cha mẹ đã vô tình tổ chức cho đứa trẻ một cuộc trốn chạy khỏi nó, hoặc để làm những gì mà cha mẹ tự ước ao nhưng không thể thực hiện được. Ở kiểu sau, bằng cách lãng tránh hoàn toàn quá khứ, cha mẹ vô tình tạo cho đứa trẻ nhu cầu muốn biết nhiều hơn về nó, hoặc trải nghiệm điều đó ở một hình thức rõ ràng là dễ chịu hơn nhiều.

Hai kiểu phản ứng của những nạn nhân sống sót đi liền với hai phiên bản chính của chứng rối loạn stress sau sang chấn tâm lý như đã xảy ra với những cựu chiến binh thời hậu chiến hoặc nhiều cá nhân khác, những người từng trải qua các bi kịch tương tự. Trong phiên bản thứ nhất, nạn nhân tiếp tục tái trải nghiệm sự kiện kinh hoàng trong những cơn ác mộng, hồi tưởng, lo âu, hoảng hốt, v.v và v.v, trong khi ở phiên bản thứ hai, anh ta tự làm mình bằng giá trước bất kỳ cảm xúc nào và trốn tránh mọi người để tránh bị khơi dậy và mất kiểm soát về mặt cảm xúc. Trong trị liệu, mục tiêu là kết hợp hai hội chứng này, giúp người này chịu đựng được nỗi lo lắng tránh xa khỏi thương tổn, và giúp người kia đối mặt với thương tổn, cho phép lo lắng hiện diện ở một mức độ nào đó. Nhiều cá nhân với chứng rối loạn stress sau sang chấn tâm lý nằm đâu đó giữa hai thái cực, chao đảo từ bên này sang bên kia trong nỗ lực tìm một chốn bình yên trong tâm hồn.

Có vẻ Ka-Tzetnik đã đấu tranh khá dữ dội để sáp nhập hai phiên bản này. Chúng ta biết

rằng sau nhiều năm ông ta chịu đựng những cơn ác mộng của mình trong im lặng, vợ ông cuối cùng cũng phải nài xin ông hãy tìm kiếm sự giúp đỡ. Ông từ chối trong một thời gian dài, giải thích rằng chẳng ai cả, thậm chí cả những người đã ở Auschwitz, có thể hiểu ông ta. Khi vợ ông ta nghe nói về một cách thức chữa trị mới, được bác sĩ người Hà Lan Jan Bastiaans phát triển, tại Trung tâm Phục hồi chấn thương sau chiến tranh (The Center for War Injuries) ở Leiden, Hà Lan, bà lại một lần nữa thuyết phục ông thử đến đó. Cuối cùng ông cũng xuôi. Khi đến Hà Lan để thực hiện cuộc điều trị mà ông biết là vẫn có nhiều ý kiến tranh luận, ông đã 60 tuổi. Phương pháp điều trị của Bastiaans dựa trên giả thuyết khá hợp lý, đó là khi trở nên khép kín, nhiều nạn nhân sống sót đã tạo ra một trại tập trung bên trong chính mình, bao bọc chính họ bằng những bức tường ngăn chặn mọi sự tiếp xúc hàn gắn của những người khác. Một yếu tố có vấn đề hơn trong hướng tiếp cận của ông ấy chính là ông sử dụng LSD⁽¹³⁴⁾ để phá vỡ hệ thống cố thủ này. Không giống với các loại thuốc với những tác dụng kiểu xoa dịu hay làm cho mụ mẫm, LSD có xu hướng mài sắc thêm trải nghiệm và cảm giác. Nó thường dồn những hình ảnh hồi tưởng dữ dội từ những sự kiện ý nghĩa trong quá khứ về tâm trí bệnh nhân. Bastiaans đã tiêm cho họ nhiều liều LSD, ghi âm hoặc quay camera những phản ứng của họ, rồi sau đó phân tích chúng. Ý tưởng của ông là buộc bệnh nhân phải tái trải nghiệm và đối mặt trực tiếp với chấn thương tâm lý của anh ta, dưới sự giám sát và hỗ trợ về mặt y tế. Bastiaans đã được cấp phép để thực hiện việc điều trị này vào những năm 1960 chỉ sau khi rất nhiều nạn nhân người Hà Lan còn sống sót sau Holocaust gửi kiến nghị lên nữ hoàng.

Trong suốt những cơn hôn mê do tiêm thuốc LSD, Ka-Tzetnik đã trải qua những cơn ảo giác kinh hoàng nhất. Ông nhìn thấy mẹ ông phải đứng trần truồng cạnh những người đàn bà khác, dong thành hàng đi tới lò thiêu và rồi những cuộn khói phụt ra. Ông nhìn thấy chị ông trong số những gái điểm trong trại. Ông nhìn thấy một người bạn từ doanh trại bị đánh đập vào mông trần truồng cho đến chết. Ông nhìn thấy những người tù đói khát tấn công một người trong chính bọn họ sau khi mặt người này bị bọn lính gác bôi cho đầy mứt. Chỉ trong một vài giây, một nghìn người tù liếm láp và cắn xé lẫn nhau, và khi tất cả đã kết thúc, Ka-Tzetnik nhìn thấy thi hài của một người bạn đầy máu me, bị găm hết thịt, những tên lính Đức đứng xung quanh cười hô hố. Và ông nhìn thấy lính SS giết một cậu bé sau khi hiếp dâm cậu. Tên lính này sau đó đã nướng thịt cậu bằng một cây kiếm, rồi ăn từng miếng, từng miếng một.

Trong suốt đợt nghỉ giữa những cơn hôn mê, Ka-Tzetnik có thể lần đầu tiên trong đời để lộ ra những cơn sốt trên cánh tay mình – với một nhóm những du khách người Đức khi ông đang đi dạo trên bãi biển. Sau đó, ông viết lại rằng khi một trong những du khách đó, có những hình xăm quái lạ, cực kỳ tinh xảo, tiếp cận Ka-Tzetnik trên bãi biển để xem hình xăm đơn giản và vì lẽ đó mà độc đáo hơn, Ka-Tzetnik thành lờ mờ hoảng hốt. “Một cơn quỷ điên rồ đang thức tỉnh trong tôi, sẵn sàng cắn ngập răng nanh của nó vào cổ của sinh vật đứng trước tôi. Tôi nhảy dựng lên, chửi thề, rồi bỏ chạy.”⁽¹³⁵⁾

Trong một cơn hôn mê sau đó, Ka-Tzetnik nhìn thấy chính mình trong một bộ quân phục SS, đội một cái mũ với huy hiệu hình đầu lâu xương chéo. Rồi ông cũng khám phá ra được một điều mà ông coi là phát hiện chủ chốt trong đợt điều trị này: *Auschwitz là sản phẩm của con người, và trong những trường hợp khác, chính ông cũng có thể là những tên giết người Nazi, và người Đức, chính là nạn nhân của ông*. Sự khám phá sâu sắc này đã khơi dậy một cảm giác tội lỗi kinh khủng và một lời cầu xin tuyệt vọng đến Chúa trời: “Ôi Thượng đế chí tôn lòng lành, có phải con chính là kẻ đã tạo ra Auschwitz?”⁽¹³⁶⁾ Nhận thức mới mẻ này rõ ràng đã cứu thoát được Ka-Tzetnik khỏi những cơn mê ác – lạ lùng thay, mặc dầu hợp logic, bằng cách tạo ra một rắc rối mới cho ông. Khi ông đã thoát được những cơn ác mộng vào ban đêm, thì giờ đây ông càng sợ hãi hơn vào ban ngày, nỗi sợ về tương lai. Nếu

Holocaust thực sự do con người sinh ra, thì bây giờ con người có thể làm được những gì nữa khi trong tay có bom nguyên tử tùy ý sử dụng? Bởi vậy ông ta bắt đầu cảm thấy giầy vò khi nghĩ đến một Holocaust hạt nhân. “Bất cứ nơi nào có loài người, ở đó có Auschwitz”, sau này ông đã giải thích như vậy. Ông viết rằng, mình đã đến Hà Lan yêu cầu một sự giải thích cho Auschwitz về ban đêm, nhưng có thể đi đâu để kiếm tìm một lời giải thích cho Auschwitz vào ban ngày?

Dù với kiểu điều trị loại này, mà trong thuật ngữ mang ý nghĩa rộng hơn, nó tương đồng ở mức độ nào đó với phương pháp điều trị phân tâm học đương thời, người ta có làm gì đi chăng nữa cũng không thể xóa sạch được những triệu chứng, đúng hơn là chỉ có thể thay thế chúng bằng những nỗi đau đớn, giầy vò đích thực hơn, và có vẻ như Ka-Tzetnik chính là một minh họa rõ ràng cho điều đó. Thật vậy, như một phần phát hiện kết quả của quá trình tìm hiểu khủng khiếp này, trong những tình huống nhất định, ông ta cũng có thể trở thành một Nazi. Ka-Tzetnik đã đi đến chỗ nhận ra rằng cuối cùng thì Auschwitz chẳng phải là một hành tinh nào khác. Nó chính xác là sản phẩm của con người và bởi vậy không nên bị xây tường bao quanh hoặc bị đưa vào những giấc mơ hoặc những kiểu hư cấu khác. Nó phải là – nó đã từng là – một phần của thực tế hàng ngày. Bởi vậy, Ka-Tzetnik và De-Nur là một và cùng là một người, không phải của hai thế giới khác nhau, và với sự phân tích này Ka-Tzetnik đã chấm dứt việc điều trị của mình. Bi thảm thay, những ảo giác do tiêm thuốc LSD của Ka-Tzetnik đã cho phép ông để lại “hành tinh khác” phía sau, ở Hà Lan, hay chính xác hơn, là mang nó trở lại vào cuộc sống thực tế của ông ở Israel. Ông vẫn tiếp tục vật vã để dung hòa hai loại hội chứng, và mười năm sau ông mới có thể viết ra câu chuyện về cuộc điều trị của mình, củng cố thêm cho tiến trình dung hòa này. Khi cuốn sách ấy ra mắt độc giả, Ka-Tzetnik đã làm một việc mà trước đó ông không có khả năng nghĩ đến nó: ông đã đồng ý cho đài truyền hình Israel thực hiện một cuộc phỏng vấn kéo dài.

Với một sự ngoại lệ quan trọng, mà chúng ta sẽ sớm tìm hiểu ở một mức độ sâu sắc nào đó, hành trình cá nhân của Ka-Tzetnik song song với những hành trình của xã hội Israel nói chung trong 60 đến 70 năm qua. Trong một thời gian dài, bắt đầu với những ngày đầu lập nước, Holocaust có mặt ở khắp mọi nơi trong những dạng thức mang tính biểu tượng, sáng tạo trên khắp đất nước này, nhưng nhìn chung không có mặt trong cuộc sống người thực việc thực của hầu hết những người Israel. Những bài thơ được đọc, phim được chiếu, và lịch sử được kể, tất cả trong những đài tưởng niệm, bảo tàng và trường học. Những cuộc tranh luận về chính trị và đạo đức diễn ra kịch liệt, đầy những lời buộc tội màu mè điệu bộ, và nhiều khi, còn có cả bạo lực. Một vài lãnh tụ của đảng Lao động đã thỏa thuận với những quan chức hàng đầu của Hitler để cứu người thân, họ hàng của họ và chỉ một số ít người được ưu tiên khác? Israel có nên chấp nhận sự đền bù bằng tài chính, và có quan hệ ngoại giao với Đức? Công chúng ra rả thề thốt sẽ không bao giờ quên, thường xuyên thể hiện cảm xúc ở chữ *không bao giờ nữa*. Nhưng trong những trường hợp hiếm hoi khi những cảm xúc riêng tư rồi cũng đến lúc được đẩy đến cận cảnh, quy tắc chung là “Bất cứ ai ước ao tạo nên lịch sử đều bị buộc phải quên đi lịch sử.” Câu nói này, từ nhà lý thuyết chính trị người Pháp Ernest Renan, đúng là đã được một nhà ngoại giao người Israel sử dụng để ủng hộ cho những cuộc đàm phán với người Đức vì những lý lẽ rằng “chính sách không phải là vấn đề của cảm xúc.”

Chắc chắn cho đến tận phiên tòa xét xử Eichmann, khoảng 15 năm sau khi Chiến tranh thế giới II kết thúc, và ở mức độ lớn hơn là một cơ sở năm sau đó, vết thương và những đớn đau cá nhân thực sự của những nạn nhân còn sống sót vẫn còn trong vòng câm nín. Trong những năm tháng này, tôi chưa từng hỏi cha mẹ về câu chuyện của dì Clara. Khi tôi hỏi, đầu như vào những năm 1980, tôi mới biết rằng dì đã sống sót bằng cách nhảy xuống khỏi một

con tàu đi đến Auschwitz. Trong một cuộc nói chuyện gần đây, mẹ tôi đã thêm rằng trong từng ấy năm mẹ đã hỏi dì Clara về chuyện này có hai lần. Nhưng tất cả những gì dì ấy nói là mẹ của dì, cũng ở trên chuyến tàu ấy, chính là người giục dì nhảy xuống, và sau đó, dì được một người nông dân che giấu. Sau đó, dì giơ tay ra dấu là “không nói về chuyện này nữa”. Dì ấy chẳng nói gì về số phận của mẹ, hay chuyện gì đã xảy ra khi ở nhà của người nông dân ấy, khiến cho mẹ tôi đoán rằng chắc ở đó dì đã bị cưỡng hiếp.

Sự im lặng của dì Clara chẳng có gì đặc biệt, nếu không nói là rất bình thường. Như đã được sử gia Hanna Yablonka lưu ý, cho đến tận phiên tòa xét xử Eichmann, những nạn nhân còn sống sót người Israel đã sống sau một bức tường mỏng manh, mặc dầu vô cùng thực, được xây lên để bảo vệ họ sống sót trong cuộc sống thường nhật của mình.⁽¹³⁷⁾ Vật vã chịu đựng những đớn đau và lo sợ sẽ trở thành gánh nặng của người khác với vết thương của mình, họ tránh né những biểu hiện cảm xúc trong giao tiếp với người khác, ít nhất là hạn chế trong chừng mực nó có thể đẩy lên những cảm xúc liên quan đến “hành tinh khác”. Sự cố thủ này không bình thường trong một đất nước quá suồng sã, thân mật, nơi việc của người này đều là việc của những người khác, và nơi mà những người không phải là nạn nhân sống sót khó lòng chịu đựng được những cảm xúc của riêng họ về Holocaust. Vào ngày 23 tháng 5 năm 1960, Thủ tướng Ben-Gurion tuyên bố trong Knesset rằng lực lượng an ninh của Israel đã bắt được Adolf Eichmann. Đất nước tuôn trào cảm xúc. Trong nhiều ngày, báo chí tập trung vào những phản ứng đầy cảm xúc của công chúng cũng như của chính bản thân những nhà báo. Theo Yablonka, nhân dân bày tỏ phản ứng với một sự pha trộn giữa sốc, tự hào, hả hê, cảm giác được phục thù, và sự háo hức được đẩy lên cao độ. Tuy nhiên, những nạn nhân còn sống sót sau Đại thảm sát, chiếm 25% dân số cả nước lúc bấy giờ, chẳng thể hiện gì hơn là sự hài lòng đầy dè dặt. Họ biết chuyện gì sẽ xảy ra: sân khấu chính, lộ mình và mở những vết thương mới khâu sơ sài. Chính ở đây lại một lần nữa, họ nhìn thấy bản chất hai mặt của chấn thương, trong trường hợp này, phân tách không chỉ những nạn nhân sống sót với con cháu họ, mà còn phân tách hai nhóm dân. Với những người không phải là nạn nhân, họ có thể hét toáng lên những cảm xúc của mình mà không việc gì, nhưng cũng một cảnh tượng như vậy sẽ để lại cho các nạn nhân sống sót cảm giác khó chịu và sự im lặng.

Nhưng sự ngập ngừng, lưỡng lự của những nạn nhân sống sót trong việc phơi bày những vết thương chưa lành của họ không chỉ đơn thuần là một phiên bản khắc nghiệt của phản ứng hậu sang chấn điển hình. Nguyên do cũng là vì cách họ bị đối xử trong những ngày đầu nhà nước Israel ra đời. Thậm chí trước cả thảm họa Holocaust, khi những người Do Thái Đức bắt đầu di cư đến Palestine sau khi Hitler lên nắm quyền, chính xác là người Yishuv không thường xuyên vui vẻ chào đón những người Yekke, như họ được gọi như vậy. Trong khi muốn tạo ra một số đông người Do Thái ở Palestine, Cơ quan về người Do Thái cũng chủ trương nhập cư phải có chọn lọc. Những người Zion theo đường lối lao động chiếm đa số trong cơ quan này đã hình dung ra một xã hội mới dựa vào nông nghiệp, bởi vậy họ thích những người nhập cư trẻ trung, độc thân và có sức vóc hơn. Họ cũng không vui khi nhiều người Đức nhập cư là những doanh nhân với gia đình, con cái và, tệ hơn, cả những đối tượng sống dựa vào phúc lợi xã hội. Họ than phiền rằng “tài nguyên con người” đến từ nước Đức thật sự nghèo nàn. Henrietta Szold, đứng đầu ban công tác xã hội của Cơ quan Do Thái, từng đốt lại yêu cầu những người nhập cư ốm yếu hoặc cần nương tựa phải bị đưa trở lại nước Đức Quốc xã để họ không trở thành gánh nặng cho Yishuv nữa.⁽¹³⁸⁾

Người Yishuv cũng chê trách những người Yekke vì những khó khăn, trở ngại của họ trong ngôn ngữ, hoặc vì họ không chịu học tiếng Hebrew. Ở Tel Aviv, thanh niên Israel đã phá hoại quán cà phê Rivoli vì những người chủ Đức của quán không nói tiếng Hebrew. Sau đó một khoảng thời gian, chính quyền thành phố Tel Aviv gửi thư tới những cư dân nói tiếng Đức, khuyên họ rằng việc tổ chức những bữa tiệc cá nhân nói tiếng Đức ở nhà họ đã đi ngược

lại phong hóa của thành phố và điều đó là không thể tha thứ. Thêm vào đó, những người nhập cư còn bị chế giễu vì người ta cho rằng họ có thói nghe lời chính quyền quá đáng, vì mối quan tâm rơm của họ đến những quy tắc và luật lệ, và vì sự hoài khát văn hóa Đức của họ. Trong một buổi gặp gỡ với những người nhập cư Đức, Ben-Gurion, lúc đó là người đứng đầu Yishuv, đã dạy đi dạy lại nhiều những định kiến này. Ông nói đùa rằng ở Đức nếu bạn muốn có một cuộc cách mạng, bạn phải xin được giấy phép. Ông ta giải thích rằng đặc tính tuân lệnh của người Đức đã làm cho Hitler đạt được quyền lực như hiện nay. Trong khi đó ở Jerusalem, báo chí viết rằng một cậu bé nhập cư 14 tuổi bị một bạn học nói rằng “cút về với Hitler”. Những nhà văn sinh ra ở Đức đã than phiền rằng ngôn ngữ châm chọc được dùng để chống lại những người Yekke gợi nhớ lại thứ ngôn ngữ bài Do Thái ở châu Âu, thậm chí có lẽ còn gợi lại ngôn ngữ của bọn Nazi.

Rõ ràng là phần lớn sự thù địch đối với những người Yekke bị những người Zion thời đầu biện bạch rằng đó là vì họ từ chối những gì họ *xem* là bản tính Do Thái yếu đuối, thụ động, và lệ thuộc. Nhìn vào những người Yekke, những người Zion đã nhận ra và hắt hủi chính “tâm lý lưu vong” của mình mới mấy năm trước đó, vốn đi ngược lại những gì mà họ đang đánh đổi toàn bộ sinh mạng của mình để đạt được. Bi thảm thay, Holocaust, hay chắc chắn là sự hiểu của người Zion về Holocaust, chỉ củng cố thêm cho thái độ này, mà đến lượt mình, nó lại pha trộn rồi làm trầm trọng thêm cơn bệnh tinh thần câm nín của những nạn nhân sống sót chạy đến Israel. Khi suy ngẫm về thái độ hờ hững, thậm chí là lạnh nhạt đối với vấn đề Holocaust khi còn là một đứa trẻ vào những năm 1960 và 1970, tôi phải thừa nhận rằng có tồn tại một sắc thái thù địch nào đó. Một phần, chẳng nghi ngờ đó là vì sự bông bột cá nhân và thiếu niềm thông cảm của tôi vào tuổi đó. Tuy nhiên, trong tâm nhãn mình, tôi có thể điểm mặt hàng đàn hàng đống những thiếu niên chán chường và cáu bẳn khác, tất cả đều đang cố ngồi cho hết buổi tập trung toàn trường cho ngày tưởng niệm Holocaust và chủ nghĩa anh hùng năm nào cũng diễn ra, chúng buông ra những câu bình luận mỉa mai về chương trình và nhại lại những bộ phim về các hố chôn tập thể với hàng chồng những bộ xương người, giày dép, răng vàng và quần áo. Đó không đơn thuần là hành vi bất mãn của bọn trẻ ranh mới lớn, mà đúng hơn đó là triệu chứng của một khuynh hướng chung trong lòng xã hội Israel vào lúc đó.

Khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, vẫn luôn luôn quan tâm về nhiệm vụ mở rộng dân số Do Thái ở Palestine như nó vốn thế, Yishuv đã nóng lòng thu nhận nhiều nạn nhân sống sót nhất có thể. Ấy vậy mà, nhiều báo cáo ban đầu từ các phái viên Yishuv đến những trại tị nạn của những người bỏ xứ Âu đã miêu tả những nạn nhân sống sót bằng các từ ngữ khó chịu, đầy xét đoán như “người chẳng ra người ngợm chẳng ra ngợm” và “một toán ăn xin”. Một viên đại diện, sau này là tướng trong IDF và một đại sứ, đã viết một báo cáo cho rằng những người còn sống sót này là những kẻ “chỉ biết có mình”, cho mình là trên hết. Những người khác chỉ trích người tị nạn hay trộm cắp vặt, vừa thoát khỏi cơn tuyệt vọng xong đã tính chuyện vợ chồng, lại còn làm tình ngay trước mặt con cái.

Thời gian đó, một chiến sĩ du kích vệ quốc có sức hấp dẫn kỳ lạ, sau này trở nên nổi tiếng vì đã lãnh đạo một nhóm nạn nhân sống sót Holocaust thực hiện kế hoạch bỏ thuốc độc vào nước uống của 6 triệu người Đức, đã viết rằng người Do Thái “không nên đi giống như những con cừu đi đến lò sát sinh.”⁽¹³⁹⁾ Đoạn này sau đó được các tổ chức và công chúng nói chung của Israel và, có lẽ còn nhiều thành phần khác nữa, lạm dụng để thể hiện thái độ miệt thị đối với những nạn nhân và những người sống sót. Một cách ý thức, người Israel có thể không thấu hiểu hoặc không tha thứ cho việc những người Do Thái bị gửi đến những trại giết người không hề có một hành động tự vệ cần thiết nào. Như Segev đã lưu ý, đây là nguyên nhân mà từ *chủ nghĩa anh hùng* trở thành phụ tố như một người anh chị em song sinh với từ *Holocaust* trong ngôn ngữ tưởng niệm chính thức. Trong một dạng đánh giá đạo đức

được đặc biệt cổ súy, tiếng lóng chỉ những người Đức là nạn nhân sống sót sau vụ Đại thảm sát và con cháu họ là *sabonim*, hay xà phòng – một lối nói bóng gió đến câu chuyện đã lan truyền rộng khắp, dù là vô căn cứ, kể rằng những tên lính Nazi lấy xác người Do Thái làm xà phòng bánh. Từ *sabon* số ít này sau đó trở thành một từ địa phương mang tính nhục mạ nói chung, cơ chế chuyển nghĩa của nó giống như từ tiếng Anh *square* hay *goody two-shoes*.

Ở mức độ ít ý thức hơn, những nạn nhân sống sót là một mối nguy thuộc về phương diện tâm lý bên trong, gây hại cho hình ảnh cái tôi quốc gia lý tưởng của những người sabra. Như Segev đã nhận xét, trong suốt giai đoạn này, chính bản thân các sabra vẫn còn phải vật lộn để rũ bỏ “tâm lý lưu vong”. Sau rốt, cũng vì thế mà hầu hết những người Israel từng là người Do Thái trước đó. Thái độ khinh thường với những nạn nhân sống sót kia, bởi vậy, đã phản ánh nhu cầu của các sabra là tách họ ra khỏi cuộc tấn công kính vỡ⁽¹⁴⁰⁾ của lịch sử ngay trong chính giữa buổi hậu chiến. Những nạn nhân sống sót càng đi ngược lại với con người lý tưởng mới của quốc gia dân tộc hoặc không thể gột chân cho vừa giày được, thì họ càng nhắc các sabra nhớ về khoảng cách giữa thực tế và lý tưởng, và về thất bại của họ trong việc kéo gần khoảng cách đó. Tiểu thuyết gia người Israel Aharon Appelfeld đã bình luận về điều này trong câu chuyện về một cậu bé đến từ Ba Lan và cố gắng có được một làn da rám nắng như các bạn sabra đồng trang lứa để được chúng cho phép nhập hội. Khi không thể làm da mình rám nắng, cậu bị những đứa sabra đánh đập khiến chúng phải nhớ lại thời Diaspora và Holocaust.

Kiểu phóng chiếu và tình huống giơ đầu chịu báng đâu đâu cũng có trên hành tinh này, như câu chọc cười của diễn viên hài Yakov Smirnoff quả quyết cho điều đó. Ấy là khi bị người ta chửi vì là người Mỹ, ông nhìn quanh đám đông những người nhập cư cũng bị chửi như ông và nói với chính mình: “Chết tiệt, rất một lũ nhập cư.” Nhưng phiên bản Israel độc đáo lại đi theo vấn đề về nhập cư và sự tiếp biến văn hóa, trách nhiệm đối với cốt lõi tính cách dân tộc Israel, với một sự tìm kiếm ngược đời nhằm tái tạo quá khứ, chứ không chỉ đơn thuần để nó lại đằng sau. Bởi lẽ đó, trong hai hoặc ba thập kỷ đầu tiên sau Đại thảm sát, những nạn nhân sống sót sợ hãi không chỉ vết thương của riêng mình, mà còn sợ người ta kết tội vì những sự yếu đuối mà họ bị gán cho. Mặt khác, hàng xóm láng giềng và bè bạn của họ lại sợ nỗi đau và sự yếu đuối liên đới.

Vụ xét xử Adolf Eichmann được cho là động thái đầu tiên trong cuộc điều trị cho toàn thể quốc gia Israel. Nhưng một cuộc điều trị thật sự như thế này rất dai dẳng và phức tạp. Thường không thể đoán trước được diễn tiến và đôi khi còn trông thấy được cả những nguy hại. Như với trường hợp của Ka-Tzetnik, việc khuấy đảo những ký ức và rọi đèn pha vào hành trình tự vấn bản thân có thể vô cùng đau đớn. Hiếm khi nó có một kết thúc có hậu kiểu phim Hollywood. Đôi khi còn tồi tệ hơn cả tình trạng hiện tại, ít nhất là trong một thời gian, khi bệnh nhân bóc tách chính bản thân con người mình và có vẻ như không thể đưa chúng quay trở lại với nhau.

Những cơ quan nghiên cứu xã hội của Israel đã phân tích, tìm hiểu ở mức độ sâu sắc nào đó cả những tác động ngắn hạn và dài hạn của vụ xét xử Eichmann lên xã hội Israel. Vào năm 1961, Israel không có truyền hình, nhưng radio phát thanh trực tiếp vụ xét xử và nhật báo đưa tin trong suốt chín tháng. Người dân nghe phát thanh trực tiếp ở nhà, trong quán cà phê, trong nhà hàng, và các cửa hiệu. Hơn 60% người Israel trên 14 tuổi nghe ít nhất một phần của vụ xét xử, và đối với nhiều người, nó đã trở thành một sự kiện quan trọng trong

cuộc đời. Những nạn nhân sống sót của cuộc Đại thảm sát đến từ nhiều đất nước, độ tuổi, xu hướng tôn giáo khác nhau, các dạng thức bị tra tấn và những mất mát họ phải chịu đựng cũng vô cùng đa dạng, khi họ lần lượt đứng dậy từ một danh sách dài bất tận, rồi lần đầu tiên kể trước công chúng những gì họ đã phải trải qua ở các trại tập trung, thì toàn đất nước bị chấn động trong một cơn đồng nhất hóa kiểu thanh lọc⁽¹⁴¹⁾ và cảm thông. Những nhân chứng đã kể lại những chi tiết tra tấn, hành hạ tàn bạo đến kinh hoàng mà họ từng chứng kiến và trải qua, bao gồm cả bắn tập thể, cưỡng hiếp, thiếu hụt, những thi hài trần truồng của cha mẹ hoặc con cái, đói đến chết, và cảnh ăn gan người. Chốc chốc ở phòng xét xử lại có người trong đám cử tọa ngất xỉu và được tổ cấp cứu đưa ra ngoài. Gideon Hausner, công tố viên của vụ án, sau này đã viết lại rằng: “Nghe thôi cũng là một cực hình. Tôi cảm thấy như thể đang thở trong khí ga và mùi khét của thịt cháy.”⁽¹⁴²⁾

Haim Guri, với nhiệm vụ đưa tin từ phòng xét xử, đã viết một câu nổi tiếng: “Không ai trong số chúng tôi rời khỏi đây còn là chúng tôi như trước nữa.”⁽¹⁴³⁾ Hầu hết các nghiên cứu về chủ đề này đều đồng ý rằng những tác động của vụ xét xử rất sâu sắc, dai dẳng, và mở rộng ra cả bên ngoài phòng xét xử và những người tham gia vụ xét xử. Sử gia Hanna Yablonka kết luận rằng việc làm chứng của những nạn nhân sống sót đã in sâu trong tâm trí thế hệ trẻ Israel, đem lại sự thấu hiểu và chấp nhận rộng rãi hơn, sâu sắc hơn rất nhiều dành cho những đau đớn, giày vò của nạn nhân sống sót. Sau vụ xét xử - dẫn đến vụ hành hình của nhà nước duy nhất trong lịch sử Israel – những nạn nhân sống sót bắt đầu cảm thấy thoải mái hơn khi kể những câu chuyện của họ. Yablonka gọi đây là sự “ cá nhân hóa vụ Holocaust”. Nó không còn là về “6 triệu người” chung chung nữa, mà đúng hơn là về từng cá nhân nói lên nỗi đau đớn, thống khổ của họ. Sự thay đổi này từ từ nhưng rất rõ ràng, và theo thời gian nó tỏ ra là một chuyển biến sâu rộng⁽¹⁴⁴⁾.

Trong thập kỷ ngay sau vụ xét xử, các tác giả sinh ra và lớn lên ở Israel bắt đầu viết về Holocaust, giải quyết vấn đề như là một nhân vật xưng tôi thân thuộc trong tiểu thuyết và những câu chuyện của họ. Trước đây, các nhà văn, nhà thơ viết những bài thơ trang nghiêm, mang âm hưởng anh hùng ca, và trên tất cả là đậm đà tính dân tộc, mang hơi thở của lòng tưởng niệm thì giờ đây, họ đang thấm đẫm nên nỗi kinh hoàng về Holocaust trong dòng chảy tâm lý của các nhân vật. Một ví dụ kinh điển là tiểu thuyết của Yoram Kaniuk xuất bản năm 1969, *Adam Ben Kelev*, trong đó một người đàn ông bị đem đến một bệnh viện tâm thần sau khi cố bóp cổ một người phụ nữ. Người đàn ông này từng là anh hề trong một rạp xiếc Đức và tận dụng tài năng của mình để sống sót trong một trại tập trung bằng cách trở thành thú đồ chơi của một sĩ quan Đức. Để làm cho tên Đức này hài lòng, anh ta học cách sữa, đi bằng bốn chân, và ăn bằng bát chó. Cuối cùng, anh ta đi bên cạnh tên sĩ quan kia như con chó của hắn. Bị kịch là, chiến lược sinh tồn hạ đẳng này vẫn còn lưu lại trong một phần nhân cách của anh ta, thậm chí khi chiến tranh đã kết thúc, và anh ta không thể nào rũ bỏ nó đi được. Cuối cùng, không giống nhiều nạn nhân sống sót bị đau đớn giày vò trong bệnh viện, người đàn ông này đã khỏi bệnh – chủ yếu thông qua một cuộc hội thoại thanh lọc tâm hồn với một cậu bé tâm thần phân liệt cũng tin anh ta là một con chó.

Nhưng khi họ đã thoát ra từ phòng xử án, nỗi đau của những nạn nhân sống sót không nằm trên giá sách. Trùng với thời điểm khi những ảnh hưởng từ phương Tây đang tăng dần, và đặc biệt là từ Mỹ, chủ nghĩa cá nhân, những câu chuyện về các cá nhân sống sót sau vụ Đại thảm sát xuất hiện khắp mọi nơi. Yom Hashoa Vehagvura, cho đến tận sau này là ngày tưởng niệm quốc gia chính thức cho Sáu Triệu nạn nhân đã chết và cho lòng quả cảm của những chiến sĩ du kích, dần dần chuyển thành một buổi chỉ-và-kể⁽¹⁴⁵⁾ mang tính cá nhân. Những chương trình quốc gia chuyển dịch từ việc làm cho công chúng quen với thực tế lịch sử về Holocaust đến việc đem trải nghiệm đó gần hơn tới các gia đình. Trường cấp ba, từng sẵn sàng tổ chức một ngày dã ngoại bắt buộc để đưa học sinh đến bảo tàng Holocaust ở

Jerusalem, Yad Vashem, bây giờ bắt đầu tổ chức một chuyến bay cho chuyến đi kéo dài hàng tuần đến Auschwitz và những trại tập trung khác ở Ba Lan. Những chuyến đi “dã ngoại” này, một hoạt động phổ biến vào những năm 1990, cuối cùng cũng trở thành nghi lễ chuyến đi ⁽¹⁴⁶⁾ đầy xúc động và có một chút đau thương nào đó đối với nhiều người Israel trẻ tuổi. Thông thường, những chuyến đi này được chuẩn bị trước hàng tháng trời về mặt kiến thức và tâm lý, kết hợp với chương trình của nhà trường. Tom Segev đã tham gia vào một trong số đó. Sau này, ông ấy đã báo cáo lại rằng trước chuyến đi, một vài học sinh tỏ ra lo lắng vì có thể chúng chẳng cảm thấy gì trong những trại tập trung ấy. Nhưng hóa ra đó lại là một mối lo không có cơ sở: chẳng sớm thì muộn trong chuyến đi này, mỗi một và mọi học sinh đều suy sụp, và hầu hết là không chỉ một lần. Bình luận về những chuyến hành hương của học sinh để “khám phá ra “nguồn gốc” của họ”, tác giả David Grossman viết: “Đối với những người Do Thái trẻ không theo đạo, Holocaust thường trở thành một yếu tố trung tâm trong bản sắc dân tộc của họ.” ⁽¹⁴⁷⁾ Nhận thức về tác động mạnh mẽ của những chuyến đi tham quan về nguồn này đối với tâm thức những người Israel trẻ, vào năm 2011, Bộ Giáo dục Đào tạo của Israel tuyên bố một kế hoạch hỗ trợ cho chuyến đi đối với những học sinh cấp ba không có khả năng chi trả chi phí.

Vào đầu những năm 2000, Yad Vashem đã trải qua một cuộc biến hình. Sau một cuộc trùng tu tiêu tốn 56 triệu đô la kéo dài 10 năm, bảo tàng này đã rộng lớn hơn gấp ba lần lúc trước. Những tòa sảnh triển lãm mang phong cách mô phạm, tập trung vào các tư liệu, kể câu chuyện về tập thể sáu triệu người. Ở đó có một cấu trúc ngầm rộng lớn, được thiết kế để tăng cường cho du khách cảm giác đi xuống cầu thang như rơi vào một vực thẳm vô nhân tính, nơi từng câu chuyện cá nhân của hơn một trăm nạn nhân được kể thông qua di vật, tranh ảnh, nhật ký, và những tờ giấy chứng thực. Trong bài đánh giá về bảo tàng đã được nâng cấp, Steven Erlanger của *New York Times* đã bắt đầu với một câu nói sâu sắc, mặc dù đơn giản: “Holocaust là nền tảng lịch sử đối với nhà nước Israel, và Yad Vashem là thần hộ mệnh của nó.” ⁽¹⁴⁸⁾ Yad Vashem cũng là biểu tượng cuối cùng về bi kịch Holocaust xâm chiếm khắp tâm thức của người Israel từ đầu tới cuối. Vì rào cản ngôn ngữ, cảm xúc mãnh liệt nói chung và khả năng sinh tồn ở Israel, những vị khách thăm viếng và tham quan người nước ngoài thường không cảm thấy cảm kích với tính chất trọng đại của hiện tượng này. Nhưng ngay cả người Israel cũng có thể mờ mịt về nó, một phần vì những hình ảnh và cảm giác quá in sâu trong cuộc sống hàng ngày đến nỗi họ khó mà thấy có ấn tượng gì với những thứ được trưng bày ở đây. Thậm chí là bây giờ, khoảng 70 năm sau Đại thảm sát, cảm giác của họ cũng thế, vì dù những nạn nhân sống sót đang dần nối gót nhau, nói lời vĩnh biệt với hành tinh này, thì tâm lý của họ, ít nhất là ở Israel, vẫn không rời đi cùng họ. Hãy xem xét một câu chuyện được đăng lên trang báo hàng đầu ở Israel vài năm trước của một nhà báo cựu chiến binh người, Israel Yaron London. London đang du lịch đến miền nam Israel, tới thị trấn Dimona với một người bạn trẻ tuổi hơn, một sabra thế hệ thứ hai không có mối quan hệ cá nhân nào với Holocaust. Họ lái xe qua một tác phẩm điêu khắc ngoài trời có phong cách hiện đại, với những cột trụ cao ốp gốm màu sắc. Một bức tượng vui vẻ trông như những chiếc ngà voi đang giương lên, London nghĩ.

“Auschwitz,” anh bạn trẻ buột miệng.

“Câu nói gì cơ?” London hỏi.

“Ồ, chúng ta đang trên đường đến Dimona, chúng ta đặt vũ khí hạt nhân ở đó, đấy cũng là câu trả lời cho Holocaust, và những ống khói này làm tôi nghĩ đến Auschwitz.” ⁽¹⁴⁹⁾

Trong cuốn hồi ký về cuộc chiến Độc lập năm 1948, khi ám chỉ đến Holocaust, tác giả

Yoram Kaniuk đã viết: “Thực tế, Israel là nhà nước của cái chết. Nó được dựng lên từ cái chết. Nó nhắc nhở chúng ta luôn nhớ rằng có thể họ đã không phải chết, nếu như chúng ta thành lập nó sớm hơn 50 năm. Làm thế nào một nhà nước Do Thái có thể tồn tại, gắn bó không thể tách rời với một Chúa trời, kẻ máu lạnh giết chết không thương tiếc một phần ba con dân của hắn?” Kaniuk sinh ở Tel Aviv đã lưu ý rằng hầu hết cha mẹ của bạn bè ông đều đã lạc mất cả gia đình mà họ bỏ lại ở châu Âu. Ông giải thích: “Họ thiết tha gửi chúng tôi đi tạo lập một nhà nước vì những gia đình đã mất của họ, để thành lập nên một nhà nước cho những người đã khuất của họ, mà không biết rằng nhà nước này là kiểu một nhà thương điên rồ đại giữa hoang mạc, gieo trồng toàn bằng bụi tro xương cốt của những người Do Thái, những người không thể nào sống sót.”⁽¹⁵⁰⁾

Nhiều nhà sử học, nổi tiếng nhất là Hannah Arendt, đã chỉ ra rằng, vụ xét xử Eichmann không được thực hiện bằng những quy tắc chung khi thi hành luật pháp ở Israel.⁽¹⁵¹⁾ Theo cách nhìn này, hầu hết việc làm chứng của các nạn nhân sống sót được thực hiện không phải để xây dựng một chứng cứ kết tội bị cáo, mà đúng hơn là để tăng thêm cho câu chuyện Zion rằng Holocaust là một chương khác trong lịch sử đàn áp người Do Thái, mà lỗi nào cũng quay trở lại địa vị nô lệ thời Ai Cập cổ đại. Trong suốt vụ xử án, các quan tòa cố gắng kiềm chế bên khởi tố và những nhân chứng, nhưng hầu hết những nhà sử học đều đồng ý rằng nhà nước đã sử dụng phiên tòa xét xử vì những mục đích ngoại tưng. Trong khi một số người cho rằng việc làm chứng như vậy có nhiệm vụ giáo dục chính đáng, thì có những người coi đây là một thủ đoạn chính trị, chà đạp nên nỗi đau của người khác. Dù theo cách nào thì cũng không thể chối cãi được rằng vụ xét xử này đã tái đưa vào nhận thức của những người Israel ý nghĩ rằng “cả thế giới quay lưng lại với chúng ta và im lặng trước nỗi đau của ta.” Ngầm ẩn dưới lớp bề mặt ấy, rõ ràng Holocaust đã có “đóng góp” ý nghĩ mang tính lịch sử này, thậm chí trước cả khi diễn ra vụ xét xử. Thật vậy, như nhiều nhà sử học đã đề xuất, nhận thức của người Israel về sự hủy diệt gần như toàn bộ người Do Thái ở châu Âu này đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp động lực thúc đẩy đất nước này theo đuổi công nghệ hạt nhân vào những năm 1950. Trong lúc chuẩn bị nghỉ hưu lúc đương giữ chức Chủ tịch Ủy ban năng lượng Nguyên tử Israel năm 1966, Ernst David Bergmann đã biện minh cho dự án hạt nhân của Israel bằng cách cảnh báo rằng một ngày nào đó nhiều nước khác cũng có khả năng về vũ khí hạt nhân. Bergmann viết: “Tôi không thể quên, rằng thảm họa Holocaust giáng xuống người Do Thái rất bất ngờ. Họ không thể cho phép chính mình chấp nhận một viễn cảnh như thế đến lần thứ hai được.”⁽¹⁵²⁾ Nhưng vì những lý do chiến lược rõ ràng, và có lẽ cũng những lý do tâm lý như nhau mà trong quá nhiều năm tháng, ký ức cá nhân của các nạn nhân sống sót vẫn bị chôn vùi, dự án hạt nhân của Israel và lý do căn bản của dự án là bí mật hàng đầu quốc gia cho đến khi được tiết lộ trong một mẩu tin của tạp chí *Time* năm 1960.

Vậy nhưng, trước vụ xét xử Eichmann, những nỗi lo âu liên quan đến Holocaust nói chung hiếm khi phá vỡ tầng băng nhận thức của công chúng. Một ngoại lệ nổi tiếng đã xảy ra vào đêm trước chiến tranh năm 1956 – trong cuộc chiến đó, Israel cùng với Pháp và Anh, xâm lược bán đảo Sinai của Ai Cập – khi những lãnh tụ của Israel đã miêu tả tổng thống Ai Cập Nasser như một tên độc tài phát xít, vây xung quanh là những tên phái viên Nazi. Một tờ báo Israel đã chạy một câu chuyện dài kín trang báo về một cựu sĩ quan SS được khắc họa là nhân vật đứng sau Nasser. Hóa ra người đàn ông này có khả năng cũng là một điệp viên ngầm của Israel nhất. Sau chiến tranh, tuyên bố rằng hành động của Israel chỉ là tự vệ, Ben-Gurion đã viết cho một tướng Mỹ: “Cũng như tôi, ngài đã biết 15 năm trước họ đã làm gì với chúng tôi.”⁽¹⁵³⁾ Nhưng chỉ khi vụ xét xử tuôn ra những câu chuyện cá nhân của những nạn nhân sống sót, nỗi lo lắng về sự tiêu diệt tập thể trước đó đã ăn sâu vào những bộ óc luôn nghĩ cho ngày mai của thế hệ lập nước đã được gột sạch. Khi được hỏi trong suốt phiên tòa xét xử tại sao họ không kháng cự lại những tên Nazi, những nhân chứng nói đi nói lại rằng cho đến giây phút cuối cùng, họ vẫn không tin là mình sẽ bị đem đi giết. Theo dõi việc này,

người Israel thề sẽ không bao giờ lặp lại nguyên lỗi lầm ấy. Xui xẻo thay, chính lời thề này, kết hợp với gánh nặng lịch sử của việc đàn áp người Do Thái, đã dẫn họ đến việc phạm vào một lỗi lầm theo hướng ngược lại. Kể từ vụ xét xử Eichmann, nỗi lo âu sinh tồn liên quan đến Holocaust đã đóng một vai trò quan trọng trong mọi chính sách đối ngoại và những quyết định quốc phòng được giới lãnh đạo đất nước lập ra. Mặc dù cũng cần tính đến vụ xét xử bắt đầu vào thập niên 1960 này, nhưng chính xác là vì nỗi lo âu kia, Israel đã mạnh mẽ tự củng cố mình là một siêu cường trong khu vực.

Đầu những năm 1960, giới chính trị của Israel bị ảnh hưởng bởi một vụ bê bối sau khi những điệp viên Mossad đưa ra thông tin rằng các nhà khoa học Đức đang giúp Ai Cập phát triển vũ khí hóa học và sinh học. Sự kết hợp Đức / khí ga đã làm nổi hoảng loạn của công chúng trào dâng, không chịu đợi đi cho đến tận khi những thông tin này bị chứng minh là bịa đặt và người đứng đầu Mossad phải từ chức. Một cách gián tiếp, vụ bê bối này cũng dẫn đến việc từ nhiệm của Ben-Gurion vì nó khiến cho chính sách về tăng cường hợp tác với Tây Đức của ông càng khó bào chữa.

Sau đó là đến “giai đoạn chờ đợi”, ba tuần trước cuộc chiến tranh năm 1967, trong suốt thời kỳ đó đầu đầu người ta cũng bàn tán về việc bị người Ả Rập không phải là xâm chiếm mà đúng hơn là “hủy diệt”. Nasser liên tục được so sánh với Hitler và truyện tiểu lâm về những giá treo cổ nhan nhản khắp nơi. Sau chiến tranh, một người lính Israel trẻ đã được dẫn lời trong cuốn sách *The seventh day* (Tạm dịch: Ngày thứ bảy): “Người ta tin rằng chúng tôi sẽ bị hủy diệt nếu chúng tôi thất bại trong cuộc chiến này. Chúng tôi hiểu – hay đã kế thừa – được ý đó từ những trại tập trung. Bất cứ ai lớn lên ở Israel cũng đều bám chặt với ý nghĩ này, thậm chí cá nhân anh ta không phải trải qua sự bạo hành của Hitler. Tội ác diệt chủng – đó là một khả năng hiện hữu. Có những phương tiện để làm việc đó. Đó là bài học của những phòng khí ga.”⁽¹⁵⁴⁾

Khi chiến tranh cuối cùng cũng nổ ra với một cuộc tấn công phủ đầu của Israel, IDF chỉ mất có sáu ngày để đánh bại quân đội của nhiều nước Ả Rập kết hợp với nhau và thu về được nhiều lãnh thổ của Ai Cập, Jordan, và Syria rộng gấp ba lần so với lãnh thổ của Israel. Nhiều năm sau, tầm vĩ đại của chiến thắng này đã dẫn một số sử gia đi tới kết luận rằng trong khi nỗi sợ bị hủy diệt là có thật, thì nguy cơ về nó lại không hề hiện hữu. Như Tom Segev đã nói: “Nỗi sợ hãi đã thúc đẩy cuộc chiến mạnh mẽ hơn bất kỳ một yếu tố nào khác.”⁽¹⁵⁵⁾ Nỗi sợ, mà Segev và những người khác nhận xét, chính là bắt nguồn từ Holocaust.

Sau chiến tranh, một số lãnh đạo Israel, bao gồm cả người chủ trương hòa bình ham đọc sách Abba Eban, bắt đầu chỉ đường biên giới của Israel trước năm 1967 như là “hàng rào Auschwitz”. Trong khi trạng thái hưng phấn về chiến tranh trong một hoặc hai năm tiếp theo đã đeo mặt nạ cho phần lớn nỗi lo âu về Holocaust của Israel, thì cuộc chiến năm 1973 đã đem nó trở lại với một sự báo thù. Trong cuộc chiến này, mặc dù, hay có lẽ là vì, những biên giới được đảm bảo hơn, mà Israel đã mất cảnh giác và rơi vào nguy hiểm thực sự. Cùng nhiều chuyện khác, mối nguy này đã khiến cho tình trạng phụ thuộc hoàn toàn vào Hoa Kỳ, mà sự hỗ trợ về chính trị và quân sự đã cho thấy là rất quan trọng trong việc chuyển biến cục diện chiến tranh, thành vấn đề trọng tâm của người Israel. Như Cựu phó trưởng ban huấn luyện của IDF, Đại tá Ehud Praver, chiến tranh Yom Kippur đã khiến người Israel thấm thía được cảm giác lặp đi lặp lại nhiều lần trước đó của người Do Thái Diaspora, những người mà họ đã quá khinh thường – đó là cảm giác bị cô lập, bỏ rơi, và bất lực không thể chống trả lại bằng chính sức mình. Praver tin rằng cuộc chiến tranh năm 1973 đã tách riêng hai từ *Holocaust* và *anh hùng* trong tâm thức người Israel. Trong khi trước cuộc chiến này, người Israel định danh tính mình với một nhóm quân du kích, những chiến sĩ đấu tranh anh dũng chống lại Nazi, thì hiện giờ họ đã nếm mùi hạn chế của chủ nghĩa anh hùng. Vào lúc đó, các

sử gia và chuyên gia về truyền thông đả báng cuộc chiến ấy là một “con động đất”. Tuy nhiên, từ nhân quan tâm lý học, nó chỉ hơn một cột cây số trên chặng đường dài, mà ở đó việc Israel liên minh thái quá với cơ chế phòng vệ của sabra đối với chủ nghĩa anh hùng đã nhường lối cho những lo lắng lan tràn, nếu không nói là luôn luôn thức tỉnh, liên quan đến Holocaust và những lo lắng liên quan đến Diaspora khác.

Trong năm 1977, Israel bầu lãnh tụ lâu dài của đảng đối lập, Menachem Begin, trở thành thủ tướng đầu tiên là nạn nhân của Holocaust. Đây không phải là một sự ngẫu nhiên. Như đã được trình bày trong một nghiên cứu của trường Đại học Ben-Gurion vào năm 1990, bắt đầu trong những năm cuối thập niên 70, Holocaust đã trở thành một sự kiện bình thường với tất cả những người Israel không kể đến nguồn gốc và nền tảng văn hóa của họ. ⁽¹⁵⁶⁾ Một nghiên cứu tương tự vào năm 1992 về bản sắc Israel trong số những sinh viên đại học chuẩn bị trở thành giáo viên đã nhận ra rằng gần 80% số đó xác định bản sắc Israel với một câu nói: “Chúng ta chẳng qua chỉ là những nạn nhân sống sót của Holocaust.” ⁽¹⁵⁷⁾ Thật vậy, trong những năm tiếp theo, nỗi lo lắng về sự đàn áp và hủy diệt bắt nguồn từ Holocaust đã lan rộng khắp hơn, và dễ dàng biến thành yếu tố tâm lý nổi bật nhất, ảnh hưởng đến những chính sách của chính phủ. Begin, người đã bị kịch hóa và thổi phồng trước công chúng câu chuyện sống sót của cá nhân mình, liên tục đả động, ám chỉ đến Holocaust khi bàn luận đến những vấn đề an ninh quốc phòng và ngoại giao. Năm 1981, ông ta đã biện minh cho việc ném bom nhà máy hạt nhân của Iran rằng: “Chúng ta phải bảo vệ quốc gia chúng ta, một triệu rưỡi người có con đã bị Đức Quốc xã giết hại trong những phòng hơi ngạt.” ⁽¹⁵⁸⁾ Trong đêm trước cuộc xâm lược năm 1982 của Israel lên đất Lebanon, ông ta nói với nội các: “Không có cách nào bằng cách chiến đấu quên thân. Tin tôi đi, con đường thứ hai là Treblinka ⁽¹⁵⁹⁾, và chúng ta đã quyết định rằng sẽ không có thêm Treblinka nào nữa.” ⁽¹⁶⁰⁾

Quyết tâm này – được bệ đỡ bởi cùng một nỗi sợ cơ bản – cũng dẫn đường chỉ lối cho phản ứng của Israel đối với phong trào intifada đầu tiên của người Palestine. Những cuộc biểu tình của đám đông trong lãnh thổ của Palestine, thậm chí ngay cả khi nó là bạo lực, cũng chẳng đe dọa gì đến nhà nước Israel. Toàn những thanh thiếu niên còn trẻ, phụ nữ và những thường dân không vũ khí ném đá vào binh lính Israel, cuộc nổi dậy này có thể được coi là một cuộc rối loạn trật tự dân sinh. Thay vì thế nó bị coi là một mối nguy sinh tồn và phải lãnh đầu cúi và kẹo đạn.

Năm 1991, trong suốt Chiến tranh vùng vịnh lần thứ nhất, khi Mỹ gây áp lực, ngăn cản Israel phản ứng trước những vụ phóng tên lửa của Saddam Hussein, và quân đội Hoa Kỳ đang tìm kiếm ở phía tây những quả tên lửa đạn đạo chiến thuật Scud nhắm vào Israel, thì người Israel bị bỏ lại với nỗi sợ hãi và lòng quyết tâm bị giảm sút. Được tình thế bị động bất đắc dĩ này củng cố, nỗi lo sợ Holocaust của họ càng hiển hiện rõ ràng. Saddam được ví như “tiểu Hitler”. Mặt nạ hơi ga được phân phát để chuẩn bị đối phó với một cuộc tấn công hóa học có khả năng xảy ra, gây rung động cho mọi người với một trường nghĩa không sai vào đâu được. Một thiếu niên người Israel đang chờ bạn học của mình tại sân bay để bay đến Ba Lan đã nghe thấy câu nói đùa rằng họ không cần phải lo lắng vì khi những tên lửa hóa học của Saddam đâm vào Tel Aviv, họ sẽ ở Auschwitz. Và như trong những năm đầu thập kỷ 60 với Ai Cập, những báo cáo sai đã đưa ra thông tin về sự nhúng tay của người Đức trong việc phát triển vũ khí hóa học của người Iraq. Chỉ là lần này, chẳng có một đòn phủ đầu hay thậm chí là hành động trả đũa nào. Chỉ có duy nhất nỗi sợ hãi. Lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh của Israel, hàng nghìn người Israel đã rời bỏ nhà cửa và di tản về phía nam, ra khỏi mục tiêu nhắm bắn của tên lửa.

Một phiên bản của động lực này đã quán xuyến tâm thức người Israel trong suốt phong trào intifada thứ hai của người Palestine. Như chúng ta sẽ sớm thảo luận, cuộc nổi dậy 2000

– 2005 đã buộc người ta phải phân hạng những điều kiện liên quan đến nỗi lo âu trong một đám đông khổng lồ những người Israel. Nhưng thêm vào đó, sự thiếu vắng rõ ràng một giải pháp quân sự nhằm ngăn chặn những làn sóng tấn công khủng bố tàn nhẫn phá hủy sự bình yên ở trái tim của đất nước đã khơi dậy tâm lý vừa sợ hãi, vừa thụ động. Và còn tệ hơn trong Chiến tranh vùng Vịnh, lần này, họ chẳng có nơi nào để trốn chạy, và có lúc mong đợi nó kết thúc trong vô vọng khắc khoải. Trong những trường hợp này, những cảm giác bất lực, vô dụng lan tràn khắp nơi chuyển hóa thành cơn suy sụp hỗn loạn của cả một dân tộc, một cảm giác mờ mịt mênh mông đi kèm với một nhận thức mơ hồ rằng “ngày tận thế đang đến gần”. Trong khi những cảm giác này đang lắng xuống thì phong trào intifada này đã nhạt dần, cùng với những chuyện khác, động lực tiếp theo khiến người Israel muốn tách khỏi người Palestine – mà mũi nhọn là đợt rút quân đơn phương khỏi dải Gaza và hàng rào Bờ Tây được dựng lên – là một nỗ lực quay trở lại với sự phòng vệ về mặt tâm lý của những người Zion, đó là nhảy ngay vào một hành động gây sốc khi phải đối mặt với một tình thế khó có thể suy chuyển. Lại một lần nữa không phải vô tình khi động lực này lại được dẫn dắt bởi Ariel Sharon, một nhân vật Zion điển hình, người dù tốt và xấu gì cũng đã tạo ra một sự nghiệp từ việc phủ nhận nỗi sợ hãi, tính thụ động và sự vô dụng bằng cách dám thực hiện một hành động vĩ đại, với những hậu quả mang tính cá nhân, dân tộc và quốc tế quan trọng. Trong trường hợp này, bởi lẽ một phân tách đơn phương, theo những điều khoản thật không thể chấp nhận, thậm chí đối với những người Palestine ôn hòa nhất, chẳng dễ gì mà đi đến một tiến trình dẫn tới hòa bình, thật khó có thể tưởng tượng ra rằng những biên giới được vẽ lại ngày càng hẹp hơn, được đánh dấu bằng một hàng rào cao, có thể thay thế được nỗi lo sợ Holocaust thâm căn cố đế, đã ăn sâu vào trí não của người Israel. Những cuộc chiến tranh tiếp theo với quân Hamas đóng trên dải Gaza – một tổ chức được trang bị rocket và tên lửa có thể tiến sâu vào Israel và được một hệ tư tưởng Hồi giáo và bài Do Thái lãnh đạo – tự nhiên làm cho các vấn đề càng tồi tệ hơn. Và chẳng có ích gì trong suốt những năm này, tổng thống của một đất nước đang sắp với tới được vũ khí hạt nhân xoén xoét nói rằng Holocaust là một truyền thuyết phương Tây dựng lên để biện minh cho chủ nghĩa thực dân, và rằng Israel phải bị quét sạch khỏi bản đồ thế giới.

Như David Grossman từng nhận xét, ở châu Âu, khi người ta đề cập đến Holocaust, họ nói về “chuyện gì xảy ra *sau đó*”, ý là chuyện đó đã là quá khứ rồi. Trong tiếng Hebrew, hoặc tiếng Yiddish, người ta không nói *sau đó*, mà đúng hơn, ở *chỗ đó*, ở những nơi khác, những điều kiện con người khác, như thể nó không hoàn toàn lùi vào quá khứ, ít nhất là đối với người Do Thái. ⁽¹⁶¹⁾ Thật vậy, ở Israel hiện nay, như trong hai đến ba thập kỷ gần đây, thật hiếm có ngày nào trôi đi mà truyền thông không đưa ra một vài bình luận về, hoặc một lời bóng gió tới, Holocaust. Khi một người lính Israel đối mặt với một tên trẻ trâu Palestine ném đá vào, có phần hơi vô thức, anh ta nghĩ mình đang đối mặt với một tên Nazi nguy hiểm, nắm giữ tất cả quyền hành. Cũng như vậy, khi một nhà ngoại giao đến thăm Washington đề cập đến mối lo ngại về an ninh của người Israel, ý thức hay không ý thức thì ông ta đang nghĩ đến Auschwitz. Rõ ràng là, con lắc đã chao. Rất giống với nhà văn Ka-Tzetnik, Israel nói chung đã trải qua một cuộc thanh lọc hàn gắn vết thương, đẩy những thống khổ bị dồn nén của ngày hôm qua lên bề mặt ý thức của ngày hôm nay. Bây giờ thì chúng ta biết tại sao không ai muốn nghe những câu chuyện mà các nạn nhân sống sót không muốn kể. Nếu phiên tòa xét xử Eichmann đánh dấu việc khởi động đợt trị liệu toàn quốc cho Israel, hiện tại đất nước này đã sa chân vào giai đoạn trị liệu nguy hiểm, dường như là chới với giữa chốn không cùng, đấu tranh chống lại một dòng đều đều những lo âu hao tâm tổn trí, với dòng lũ những hình ảnh về sự sinh tồn không ngừng nghỉ.

Nhà tâm lý học người Israel Ofer Grosbard, cùng những người khác, đã thừa nhận rằng để đạt đến sự vững chắc và ổn định, một quốc gia, giống y như một cá nhân, phải có khả năng tha thứ và hành động, chứ không cần phải lờn lười với những cảm xúc xốn xác thế này. ⁽¹⁶²⁾ Chính đó là mối nguy hiểm đối với Israel và cộng đồng quốc tế. Nếu tâm thức Israel

không thể chịu đựng nổi nỗi sợ hãi và cơn thịnh nộ nổi lên từ bóng đen của Holocaust, các chính phủ của Israel có thể tự cảm thấy có áp lực phải hành động một cách quyết liệt hoặc bồng bột. Điều này có thể lý giải cho đường lối quân sự hung hăng hơn, có thể bằng mọi thủ đoạn leo thang thành một cuộc chạm trán vũ khí hạt nhân – với Iran, Pakistan, hoặc những nước thù địch khác, những nước này trong tương lai có thể cần phải có vũ khí hủy diệt hàng loạt. Hoặc, nó có thể dẫn đến một cuộc rút quân đơn phương quy mô hơn hoặc nếu không sẽ là những cuộc rút quân ngớ ngẩn có thể làm suy yếu tình trạng an ninh của Israel và cuối cùng dẫn đến một cuộc leo thang tương tự. Một sự kết hợp khớp nối sơ sài của tính chất hung hăng và quy mô rút quân – có lẽ là kết cục nguy hiểm nhất – cũng là một viễn cảnh dễ có khả năng xảy ra. Cuối cùng, một dạng nguy hiểm khác sẽ bị nhấn chìm bởi những cảm xúc và thái độ trì hoãn động thủ khi cần thiết. Thật vậy, từ sau cuộc xâm chiếm dải Gaza năm 2008, vùng đất này đã được ổn định trong thời gian dài dường như là bởi người ta còn mãi mê lưỡng lự và suy tính.

Đến một ngày nào đó khi xã hội Israel đạt đến cảnh giới biết tha thứ, chấp nhận và dung hòa thương tổn của cuộc Đại thảm sát – hơn là tiếp tục bị nó khuấy phục – thì Israel, Trung Đông, và phần còn lại của thế giới sẽ ít bị mắc vào những mối nguy này hơn. Xui xẻo thay, khả năng đó chẳng dễ gì trở thành hiện thực trong một sớm một chiều. Chướng ngại vật chính yếu ấy là cơ chế phòng vệ đặc biệt, được huy động trong tâm thức của người Israel để giải quyết một cách khá đặc biệt với những gì có lẽ là di sản tâm lý gây nhức nhối nhất của thương tổn này – cảm giác hoàn toàn vô dụng mà những nạn nhân và những người sống sót đã trải qua khi mạng sống của họ bị bộ máy quyền lực của Đức quốc xã ngẫu nhiên. Vì nó được cấu trúc hóa tận sâu trong cấu trúc tinh thần của người Israel, nên cơ chế phòng vệ này không báo trước điềm lành là sẽ có sự dung hòa nhanh chóng hay suôn sẻ.

Sự song song giữa hành trình của Ka-Tzetnik và tâm thức Israel đi đến một kết thúc đột ngột, không đủ tương xứng ở một khía cạnh then chốt. Không giống như Ka-Tzetnik, nhìn chung người Israel không đạt đến mức nhìn thấy chính mình trong bộ quân phục của Nazi. Qua nhiều năm, một nhóm những trí thức Israel cực đoan đã đẩy lên câu hỏi này, nhưng đối với số đông người Israel, đó là một ý niệm nên có một chỗ trú ngụ vĩnh viễn trong khu tâm lý của người có suy nghĩ đó. Trong khi người Israel khá nhanh nhẩu trong việc gắn nhãn mác cho những hành động tàn ác của những quốc gia khác là *Nazi*, và trong khi những kẻ cực đoan ở cả hai phía trên bản đồ chính trị trong lòng đất nước Israel đôi khi sa đà vào việc gọi địch thủ là những kẻ *Nazi*, người Israel nhìn chung hiếm khi gán cái nhãn ấy cho những hành vi của riêng họ. Có thể lý giải được điều này, không chỉ vì nỗi đau bên trong của những nạn nhân sống sót ngay trong lòng Israel, mà cái chính là vì hoàn toàn không có một sự tương đồng về mặt đạo đức, chính trị, hay một hành động thực tế nào tồn tại giữa hành vi của Nazi và của người Israel, thậm chí là hành vi tồi tệ nhất. Tuy nhiên, từ góc độ tâm lý và sự phát triển nhân cách, bức tranh này phức tạp hơn nhiều.

Trong mắt của gần như tất cả những người Israel, việc so sánh họ với Nazi thật là ngớ ngẩn và hoàn toàn không thể nào tưởng tượng ra, điều đó đã giải thích tại sao phải mất gần 40 năm một trong những cuốn sách Hebrew quan trọng nhất về Holocaust, cuốn *Eichmann in Jerusalem: A report on the Banality of Evil* (Tạm dịch: Eichmann ở Jerusalem: Một báo cáo về cái tầm thường của tội ác) của Hannah Arendt⁽¹⁶³⁾ mới được xuất bản. Luận điểm chính của Arendt, được phát triển từ bài tường thuật của bà về phiên xét xử Eichmann cho tờ *The New Yorker*, là Eichmann không phải là một con quái vật, đúng hơn là một người

bình thường – một công chức điển hình, giống như vô vàn những người khác, bị tha hóa bởi chế độ Nazi. Arendt cảm thấy điều tương tự về Judenrats, những người Do Thái đã hợp tác với Gestapo trong việc điều hành những ghetto và là những người thường xuyên tàn nhẫn và ác tâm với anh em Do Thái của mình. Theo quan niệm của bà, Nazi quá quyền lực và quá thâm độc đến mức mà thậm chí các nạn nhân cũng mất khả năng miễn dịch. Triết lý của Arendt không phân biệt thế giới ra kẻ ác người tốt, nhưng, thay vào đó, đúng hơn là bà cùng chia sẻ với Ka-Tzetnik nhận thức cuối cùng, đầy bi quan rằng ở đâu có loài người, ở đó có Auschwitz.

Khi *Eichmann in Jerusalem* lần đầu tiên được xuất bản vào năm 1963, nó đã dấy lên một phản ứng cực kỳ rung động và gần như kích động ở Israel. Nó được đón nhận bình tĩnh, ôn hòa hơn khi cuối cùng được xuất bản bằng tiếng Hebrew vào năm 2000, nhưng vẫn gây nhiều tranh cãi. Một trong những điều chọc giận người Israel đến bầm gan tím ruột đó là luận điểm mà Arendt cho rằng chiến lược tốt nhất của người Do Thái để đối phó với giải pháp cuối cùng của Hitler là chẳng làm gì cả. Bà lý luận rằng, việc đứng dậy chống lại những kẻ áp bức có thể chẳng giải quyết được vấn đề gì và có những dân tộc chẳng cố gắng chống lại trong những trường hợp thậm chí còn kinh khủng hơn. Nhưng việc làm tay sai cho Nazi để cứu chính mình cũng chẳng dẫn tới đâu và, trên thực tế, là chẳng cứu sống được ai. Tuy nhiên, ngồi yên chịu trận càng làm tăng thêm sự hỗn loạn và khiến cho nhiệm vụ giết người hàng loạt khó khăn hơn. Để ủng hộ cho luận điểm này, Arendt chỉ ra rằng nếu những Judenrat không giúp Nazi tập trung những người Do Thái vào những ghetto⁽¹⁶⁴⁾, thì hẳn nhiều người đã được cứu sống.

Bất kể giá trị đạo đức của một chiến lược như thế này là gì đi chăng nữa, có hai con đường hành động khả dĩ, phân kỳ khi chúng đặt vào trong những điều khoản về đạo đức, vì người Do Thái trong ghetto và trong trại tập trung – kháng cự hay hợp tác – đều lãnh một kết quả như nhau: tra tấn chính bản thân và những người khác. Sự vô dụng đã gần như một thực tế hoàn toàn đúng, một điều kiện hiếm hoi cho hầu hết những người trưởng thành, thậm chí là trong những xã hội hoặc tổ chức chuyên chế. Tuy nhiên, nó chẳng phải là một trường hợp hiếm hoi gì đối với trẻ em, chắc chắn là không phải đối với những đứa trẻ bị lạm dụng, bởi vậy những nhà tâm lý biết một thỏa thuận lớn lao về những gì mà con người làm để đối phó với sự vô dụng khi một cuộc trốn thoát sắp chín muồi không còn là vấn đề phải bàn cãi. Trong khi trẻ em và người lớn giống nhau là cùng viện đến nhiều cơ chế phòng vệ để đối phó với sự vô dụng, một cơ chế như vậy đặc biệt liên quan đến dạng kiểm soát hoàn toàn được Nazi thực hành đối với những người Do Thái. Sự phòng vệ này đã hứng chịu tai tiếng trong một sự kiện tiếp theo vào thập niên 1970. Tại nơi trú ẩn của kẻ bắt cóc, một nhóm những con tin người Thụy Điển từ chỗ bị giam cầm đi ra chỉ để chống cự lại cảnh sát và hỗ trợ cho những kẻ bắt cóc mình. Hiện tượng được gán cho cái tên là hội chứng Stockholm, thuật ngữ chỉ kiểu phòng vệ này là *sự đồng nhất với kẻ bạo hành*. Thay vì chấp nhận mình bất lực, vô dụng, nạn nhân của sự bạo hành kéo dài, lặp đi lặp lại, hay tìm ra một cách để biện minh hoặc thấu hiểu những suy nghĩ, hành vi hoặc tính cách của kẻ bạo hành và ảo tưởng những suy nghĩ, hành vi, tính cách ấy là của chính mình. Do vậy, anh ta chuyển từ một trải nghiệm thụ động thành trải nghiệm chủ động, làm chủ bị kích bất lực bằng cách ra tay với người khác bằng chính những tội ác mình phải chịu đựng. Trong hầu hết các trường hợp, họ không ý thức được việc mình làm mà đúng hơn đây là kết quả của một lộ trình vô thức tích lũy lại hoặc những giải pháp tiền ý thức xuất hiện và được củng cố trong một thời gian dài. Đồng nhất với kẻ bạo hành là một trong những cơ chế mà thông qua đó đứa trẻ bị lạm dụng thể xác hoặc tình dục lớn lên và bạo hành chính những đứa con của mình.

Bởi vì sự đồng nhất là một quá trình phát triển mang tính phổ quát cho bất kể ai – trẻ em cũng như người lớn trong tất cả mọi nền văn hóa đều mong muốn bắt chước, hấp thụ, và

trở nên giống với những nhân vật quyền lực hơn - đó là bản chất tự nhiên, gần như là một tiến trình tự động, đối với những người bất lực trước quyền lực, thực hiện một kiểu đồng nhất náo đó với kẻ bạo hành. Giống như tất cả mọi cơ chế tâm lý phòng vệ, cơ chế này, cũng có thang độ khác nhau, từ lành mạnh đến bệnh lý theo quy định của một nền văn hóa cụ thể. Nhưng với bản chất và quy mô kiểm soát của Nazi, niềm thông cảm dành cho sự vô dụng của những người Israel buổi đầu là con số không tròn trĩnh, thì việc đồng nhất với kẻ bạo hành là một lựa chọn đặc biệt thuyết phục và thực dụng cho tính cách Israel. Ai đó sẽ nghĩ rằng sự thanh lọc dân tộc liên quan đến Holocaust của nhiều thập kỷ gần đây, đi kèm với quyền lực mới thành lập của Israel, sẽ loại bỏ hầu hết những dấu ấn của sự bất lực và vô dụng trong ý thức của người Israel. Tuy nhiên, phần lớn sự thanh lọc này tập trung vào cảm xúc sợ hãi và giận dữ, cả hai đều thúc đẩy hành động, đặc biệt là kiểu chiến-hay-chạy, hơn là chỉ trích phê phán. Những cảm giác mất mát cũng được làm cho nổi bật, và những cảm xúc này bản chất có tính phản biện hơn, và thực sự là gần gũi với trải nghiệm về sự vô dụng hơn – không cần biết là gì, bạn không thể mang những người chết hoặc một châu Âu trước Holocaust quay trở lại. Nhưng những kẻ than khóc vẫn làm chủ được cuộc sống và tương lai của mình. Bởi vậy gần như không có cảm xúc nào trong số này được khơi lên từ thương tổn của Holocaust trong nhiều thập kỷ trước giống với loại trải nghiệm mình là kẻ vô dụng của những nạn nhân và những người sống sót. Nhưng, chính xác là, việc tái trải nghiệm cảm giác vô dụng như thế có thể tránh được sự đồng nhất với kẻ bạo hành từ việc trở thành một phần không thể thiếu trong tính cách dân tộc Israel. Như đối với chính quyền mới thành lập của người Israel, một cách mĩa mai nhưng hợp logic, điều này chỉ cung cấp cho tâm thức Israel cơ hội để thực hành cơ chế phòng vệ này, bằng cách đó củng cố sự hữu dụng của nó trong việc rũ bỏ sạch sẽ truyền thống vô dụng kinh hãi của người Do Thái.

Nhưng ta dựa vào đâu mà cho rằng tâm thức Israel đã nhiễm bất cứ đặc điểm tâm lý hay hành vi của bộ máy hay hệ tư tưởng Nazi? Trong khi cũng nên nhắc lại rằng *chắc chắn không có một sự tương đồng nào về đạo đức, địa chính trị hoặc cơ sở thực tế giữa những hành vi của Nazi và của người Israel*, thì trong nhiều năm, nhiều trí thức và nghệ sĩ người Israel đã so sánh hành vi của người Israel đối với người Palestine như thể là Chủ nghĩa Đức quốc xã. Những người Ả Rập và người Âu đã dựng lên phép so sánh này với động lực đơn thuần về mặt chính trị và đôi khi là bài Do Thái, còn những người Israel, động lực của họ, ít nhất là phần có ý thức, đã là một mối quan ngại sâu sắc của nhà nước Israel. Họ thường dùng những thuật ngữ của chủ nghĩa nhân văn nhưng nhiều lúc sử dụng cả những khái niệm tâm lý không phải xa lạ đối với phân tích đưa ra đây. Đi sâu hơn nữa vào vấn đề này, ở mức độ ít ý thức hơn, có thể động lực của những cá nhân này là một dạng thích nghi khác với sự bất lực, một dạng an ủi kiểu khổ nhục kế tự hại lấy thân. Tôi sẽ bàn đến vấn đề này sâu hơn ở chương 6 “Chẳng có nơi nào giống như Masada”.

Buổi tối đầu tiên của chiến dịch Sinai năm 1956, một nhóm khoảng 50 người Israel Ả Rập đang đi làm về nhà ở ngôi làng Kfar Kassem gần Jerusalem. Đàn ông, phụ nữ, trẻ em trong nhóm đó không được biết rằng ngày hôm đó áp dụng lệnh giới nghiêm mới. Tại cổng làng, họ chạm trán với một đơn vị cảnh sát biên phòng nhận ra họ là dân của làng này, bắt họ xếp hàng, và, tiếp sau lệnh từ những vị chỉ huy, cảnh sát đã bắn họ. Gần như tất cả mọi người đều chết. Một vài người sống sót bằng cách giả vờ chết. Chính phủ Israel, bây giờ thì chúng ta đã biết, ra sức che giấu vụ việc này nhưng thất bại.

Công luận sau đó đã đẩy lên câu hỏi về “những mệnh lệnh phải tuân”, ám chỉ rõ ràng đến Đức Quốc xã, mặc dù ban đầu có hơi lấp lửng. Khi cái kim trong bọc lâu ngày cũng lòi ra, nhiều bài báo đã so sánh không úp mở. Nhưng cả nước Israel đã ngay lập tức phủ nhận. Một vài nhà bình luận đã xem vụ này là hệ quả dễ hiểu của những điều kiện chính trị thực tế. Một người đã viết rằng: “Đây không phải là lúc để than vãn ai oán rằng con quỷ Nazi đã bị đánh thức trong chính chúng ta.”⁽¹⁶⁵⁾ Những kẻ giết người ở Kfar Kassem cuối cùng đã phải đối

mặt với công lý và bị kết án từ 7 đến 17 năm trong tù. Bản án chứa đựng những yếu tố mà sau này đã trở thành cảm nang pháp lý đáng lưu ý trong trường hợp một quân lệnh phải được bất tuân, chính phủ cuối cùng cũng đi theo cái tình của dân chúng, từ chối bị so sánh với Nazi. Những gia đình nạn nhân nhận được sự đền bù tài chính tối thiểu, và kẻ giết người được ân xá và thả tự do trong vòng ba năm. Từ đó trở đi, việc kết tội nhẹ nhàng và/hoặc ân xá cho binh lính và thường dân giết người Ả Rập đã trở thành lệ. Để công bằng, như đã đề cập ở trên, những bản án nhẹ nhàng cũng được áp dụng ở Israel đối với những người phạm vào tội hình sự và những tội xâm hại tình dục đối với các nạn nhân không được ngang hàng, bao gồm phụ nữ và trẻ em. Về tổng thể, có lẽ việc áp dụng những hình phạt như thế cho tội gây hại tới những thành phần yếu đuối hơn trong xã hội Israel này phản ánh kiểu tâm lý thiếu cảm thông đối với “kẻ yếu” của một tinh thần ái kỷ đang bị lu mờ trước cái bóng của tâm lý đồng nhất với kẻ bạo hành.

Cuộc chiến Lebanon năm 1982, mà nhiều người Israel cho là một cuộc chiến không bắt buộc thực sự đầu tiên của nước này, cũng làm nổi lên những sự so sánh với hành vi của Nazi. Yeshayahu Leibowitz, học giả chính thống giáo và là một trong những nhà tư tưởng xuất sắc, khiêu khích nhất thời điểm đó, đã lên án chính phủ Israel vì “chính sách Judea – Nazi” đối với Lebanon. Nhiều năm sau, những dấu ấn này, cùng những dấu ấn khác, đã đem đến cho Leibowitz giải thưởng Israel, một giải thưởng quốc gia vinh danh nhất của đất nước này. Ông được xưng tên là người chiến thắng nhưng đã bị truất giải sau một cơn bão biểu tình phản đối của công chúng. Vụ tàn sát ở hai trại tị nạn Sabra và Shatila⁽¹⁶⁶⁾, mà một dân quân theo đạo Ki tô dưới sự chỉ đạo của người Israel đã giết hàng trăm người Palestine ở một trại tị nạn Lebanon, một nhà thơ đáng kính người Israel Dalia Rabikowitz đã viết: “Quay về trại, mau, bước đều! Tiếng tên tính hô lên/ Với những người phụ nữ đang thét lên từ Sabra và Shatila/ Tôi có những mệnh lệnh phải thi hành.”⁽¹⁶⁷⁾

Tranh cãi về cuộc chiến tranh này cũng làm nảy sinh ra cái mà nhà sử học Tom Segev gọi là một trong những đoạn văn lạ lùng nhất từng được in trên báo chí Israel. Nó được viết nhằm phản hồi lại ý kiến của Amos Oz trên trang bạn đọc, thách thức lại lời biện minh của thủ tướng Begin cho việc ném bom ở Beirut. “Ngài Thủ tướng, Hitler đã chết rồi,” Oz viết.⁽¹⁶⁸⁾ Nhưng để bảo vệ cho hình ảnh so sánh giữa Arafat và Hitler của Begin, tổng biên tập của tờ nhật báo lớn nhất Israel đã viết: “Arafat, chỉ có ông ta mới đủ quyền lực, để làm với chúng ta những điều mà đến cả Hitler cũng chưa bao giờ tưởng tượng ra. Đây không phải là một phép tu từ về vai trò của chúng ta. Nếu Hitler giết chúng ta với một sự kiềm chế nhất định, thì Arafat một khi có quyền trong tay, hẳn sẽ không chỉ đơn thuần cười ngửa *xem* hoa với những vấn đề như thế.”⁽¹⁶⁹⁾ Dòng suy nghĩ này đã minh họa không chỉ sự sáng tỏ về mặt tâm lý – mà diễn đạt lại ý của nhà phân tâm học người Anh D. W. Winnicott, những gì người Israel lo ngại đã xảy ra rồi – mà còn là sự hà khắc, tàn ác, và siêu cứng rắn vốn có trong cơ chế phòng vệ đồng nhất với kẻ bạo hành. *Hitler đã giết chúng ta với một sự kiềm chế. Những gì Hitler đã làm với chúng ta là trò chơi con trẻ so với những gì sắp xảy ra, bởi vậy tốt hơn hết chúng ta hãy cứng rắn lên.* Theo phân tích này, để hoàn thành nhiệm vụ là trở nên cứng rắn, chúng ta phải coi Hitler cũng chỉ là một kẻ nhu nhược.

Năm 1984, Rabbi Meir Kahane, cựu lãnh đạo của tổ chức chiến đấu ở Mỹ, Liên đoàn Phòng vệ Do Thái, được bầu vào Knesset. Khi nói đến “những bài học về Holocaust”, bài diễn thuyết chính trị của Kahane đã kêu gọi trục xuất những người Ả Rập ra khỏi Israel và những lãnh thổ chiếm đóng. Khi đã ở trong Knesset, Kahane đề xuất luật loại bỏ những người Israel Ả Rập ra khỏi những quyền về chính trị, tách cộng đồng người Ả Rập và người Do Thái riêng rẽ. Trong suốt cuộc tranh luận ở nghị viện, một thành viên Knesset đã lật qua lật lại dự thảo luật ấy, so sánh từng điều khoản một với những luật Nuremberg⁽¹⁷⁰⁾. Cơ quan chính trị ấy đã bị sốc và tìm cách hạn chế những hoạt động của Kahane tại Knesset. Tuy nhiên, tòa án tối cao

Israel bảo vệ quyền đề xuất dự luật của ông ta. Cuối cùng, Knesset đã thông qua một luật ngăn chặn công khai những ứng cử viên phân biệt chủng tộc không được chạy đua vào quốc hội, và Kahane không thể chạy đua cho một lần tái bầu cử.

Mặc dù đến phút chót ông ta thất bại, nhưng khảo sát dân ý chỉ ra rằng Kahane đã có được sự ủng hộ đặc lực từ những người trẻ tuổi và những người ít học. Thật vậy, những cuộc tấn công khủng bố cứ diễn ra từng đợt trong suốt những năm 1980, mỗi đợt lại kéo theo một nhóm người Israel trẻ tuổi hô hào, gầm thét suốt trong những khu người Ả Rập sinh sống và hét lên: “Bọn Ả Rập chết đi!”, những lời ấy đập vào tai của ít nhất một thành viên Knesset và là nạn nhân sống sót sau vụ Holocaust khiến trong đầu ông ta dội lại câu “Bọn Do Thái chết đi!” Một nghiên cứu của trường Đại học Ben-Gurion năm 1990 kết luận rằng giới trẻ Israel vào cuối thập niên 1980 kém ý thức dân chủ hơn rất nhiều so với giới trẻ Đức.⁽¹⁷¹⁾ Cuối cùng “chủ nghĩa Kahane” nổi lên, đặc biệt trong bộ phận thanh niên, dẫn đến việc chính phủ phải đưa vào trường học và quân đội những chương trình giáo dục đặc biệt được thiết kế nhằm chống lại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và bảo vệ nền dân chủ. Trong suốt những năm này, nhiều trí thức Israel bắt đầu đổ tội cho nguyên nhân của “sự hung hăng” của Israel là do chấn thương từ cuộc Đại thảm sát. Đáng chú ý nhất, và sát với giả thuyết đã được đưa ra ở chương này nhất, nhà viết kịch Yehoshua Sobol đã tái hiện trên sân khấu những biểu hiện trong tiến trình biến đổi từ một nạn nhân trở thành kẻ tội đồ. vở kịch của ông đã vấp phải sự thù địch khắp nơi, đôi khi là cả bạo lực.

Phong trào intifada lần thứ nhất 1987 – 1993 của người Palestine, thậm chí còn có tác động hơn cả cuộc chiến xâm lược Lebanon, là nỗi giằng xé về đạo đức trong những vấn đề trọng tâm của người Israel, bao gồm cả việc sử dụng vũ lực để kiểm soát quốc gia khác. Mặc dù có rất nhiều người biểu tình được trang bị gạch, đá to, làm dấy lên mối nguy cơ tổn hại đến cá nhân những người lính Israel, về toàn thể cuộc nổi dậy này đã đẩy cả quân đội Israel hùng cường đấu lại với một đám đông dân chúng Palestine khá yếu đuối. Gần như ngày nào cũng xảy ra chạm trán, cầm cự, khiến thời gian kéo dài trong hơn sáu năm trời. Cuộc đấu tranh này đã hình thành nên trong bản thân những người lính Israel một vài dạng thức cực đoan hơn của kiểu tâm lý đồng nhất mình với kẻ bạo hành. Năm 1988, IDF quyết định hoãn những chuyến viếng thăm Bảo tàng Ghetto Fighters (Bảo tàng tưởng niệm những chiến sĩ ở khu Do Thái) ở miền Nam Israel. Lý do chính thức được đưa ra là những hướng dẫn viên ở bảo tàng được đào tạo quá sơ sài, nhưng cũng có lý do khác đó là một số binh sĩ đã lên kế hoạch áp dụng những gì họ học được ở bảo tàng này, bắt chước thủ đoạn tàn ác của Nazi để giải quyết những kẻ gây rối Palestine. Trong năm tiếp theo, báo chí đưa tin về những đơn vị quân đội tự gọi mình là “những trung đội Auschwitz” và “Demjanjucks”, tên sau trùng với tên gọi lính cảnh vệ Nazi người Ukraina bị buộc tội vì những tội ác chiến tranh cực kỳ tàn nhẫn và ác độc.⁽¹⁷²⁾ Đây rõ ràng là những sự việc không mắc mứu nhau. Tuy nhiên, chúng đã bộc lộ một điều gì đó về trạng thái tâm thức của những binh lính Israel trẻ tuổi có nhiệm vụ đàn áp dân Palestine.

Thực sự, việc dùng vũ lực ở phạm vi lớn hơn, và được chính quyền phê chuẩn, bao gồm cả sử dụng đạn chưa nổ để giải tán đám đông, đã gây ra cái chết của 1124 người Palestine, bao gồm hàng trăm trẻ em và thiếu niên. So sánh với số người Israel chết, 90, là ý đồ của câu chuyện này. Thậm chí khi quân đội cố gắng giảm thiểu số người Palestine thương vong thì những phương pháp đã cho thấy thái độ chai sạn sỏi đá và tàn nhẫn từ phía Israel. Ví dụ điển hình đó là phương pháp của ngài Bộ trưởng Quốc phòng Rabin công khai cho phép đập vỡ xương, đúng theo nghĩa đen, của những người biểu tình, dẫn đến cảnh tượng đánh đập khó coi đối với cả đàn ông, đàn bà, và em nhỏ không có khả năng tự vệ. Khá thường xuyên, hễ có người Palestine nào bị giết bằng một phát đạn ở ngực hoặc đầu, thì phản ứng chính thức của IDF là binh lính của họ đã tuân theo một quy trình bình thường, nhắm vào chân của những

kẻ gây rối. Trong những năm gần đây, kiểu bạo lực này đã giảm, có lẽ được thay thế bằng hành động đáp trả của quân đội có tính phổ biến hơn, và thường là hợp pháp hơn đối với những hành động khủng bố và những khiêu khích khác của người Palestine. Tuy nhiên, tỷ lệ chênh lệch giữa những vụ giết hại thường dân Palestine vô tội và người Israel vẫn tiếp diễn. Ví dụ, trong cuộc chiến ở dải Gaza năm 2014, hơn 2100 người Palestine bị giết hại, hầu hết bọn là thường dân, gồm khoảng 500 trẻ em. Ít nhất 11000 người bị thương, và hơn 17000 ngôi nhà bị phá hủy hoặc xuống cấp nghiêm trọng. Khoảng một phần ba dân số, 1,8 triệu người ở dải Gaza phải di tản. Bên phía Israel chỉ có 45 người lính và 7 thường dân bị thiệt mạng. Số bị thương là 450 lính và 80 thường dân. Ngoài một số nhà bình luận và những học giả theo chủ nghĩa tự do cực đoan, một trong số những người này nhận được lời đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, thì thiệt hại của người Palestine, theo báo cáo của truyền thông Israel, chẳng gọi lên một chút nào của bất cứ thứ gì có thể gọi là niềm xót thương của công chúng Israel.

Vào đầu những năm 2010, chủ nghĩa Kahane dường như đã quay trở lại với những kẻ cực đoan cánh hữu, với các hành động trả thù bởi nhóm Price Tag (Giá tiền) chống tại thường dân Palestine, đầu tiên là ở Bờ Tây, và cuối cùng là trong lãnh thổ được công nhận của Israel. Những bức hình graffiti thù địch bài Ả Rập, vụ phóng hỏa và làm ô uế một thánh đường Hồi giáo ở Galilee không chỉ có hơi hướng của một cơn thịnh nộ ngẫu nhiên, mà còn là của tư tưởng phân biệt chủng tộc. Vào tháng Tám năm 2012, một đám du côn trẻ ranh người Do Thái đã đánh gần chết một cậu bé Ả Rập 17 tuổi ở quảng trường Zion của Jerusalem bằng cách thức được miêu tả rộng rãi như hành hình kiểu linso⁽¹⁷³⁾ có chủ đích. Reuven Rivlin, một chính trị gia từ phái hữu của Israel và sau đó là người phát ngôn của Knesset Israel, đã kết tội vụ việc này và đây chính là một hiện thân thu nhỏ của vấn đề dân tộc. Rivlin cũng lên án những fan hâm mộ của đội bóng đá nổi tiếng Beitar Yerushalayim sau khi họ giương lên những khẩu hiệu “Beitar trong sạch mãi mãi” để phản đối việc ký hợp đồng với hai cầu thủ Hồi giáo từ Chechnya. Sau này, ông đã hoãn một cuộc trình diễn đã lên lịch trước ở tư dinh chính thức của tổng thống của một ca sĩ nổi tiếng, người này đã phát hành một ca khúc công khai phân biệt chủng tộc và bài Ả Rập. Lại một lần nữa, trong sự ngầm thừa nhận rằng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là một nguy cơ đe dọa đến nền dân chủ của Israel, Bộ trưởng Bộ Giáo dục đã chỉ thị cho hệ thống trường các cấp từ tiểu học đến cấp ba ở nước này dành một tiết học để dạy một bài về tình tiết của vụ hành hình kiểu linso có chủ đích này. Nhưng như vậy cũng không ngăn được sự kiện sau vụ giết người tàn nhẫn ba thiếu niên người Do Thái ở Bờ Tây vào mùa hè năm 2014, một cuộc trả thù đã giết chết một cậu bé Ả Rập 16 tuổi và kéo theo một làn sóng những sự kiện chống Ả Rập ít bạo lực hơn. Mùa hè năm đó, lại một lần nữa những đám đông gào thét “Bọn Ả Rập đi chết đi!” cũng như một chiến dịch bôi nhọ chủng tộc rầm rộ trên Facebook, phát tán những bức ảnh binh lính cùng với vũ khí của họ và kêu gọi trả thù cộng đồng người dân Palestine. Trong suốt cuộc xung đột quân sự với Hamas sau đó, hơn 30 vụ tấn công bạo lực được biết đến nhằm vào người Ả Rập và những nhà hoạt động cánh tả xảy ra trên khắp Israel, bao gồm cả một cuộc hành hình linso có chủ đích của người Do Thái mà nạn nhân là hai thanh niên Ả Rập. Trong suốt cuộc chiến tranh, “Bọn Ả Rập chết đi” có thêm bạn đồng hành là “Bọn cánh tả chết đi” cũng như những mối đe dọa chết chóc thực sự đối với những người của công chúng nghiêng theo cánh tả. Và một lính Israel phục vụ ở dải Gaza, cùng với những người khác, tiết lộ trên Facebook và trong những cuộc phỏng vấn trên truyền hình, những người bất đồng với chính sách của chính phủ áp dụng cho người Palestine thường rủa “Phải cho mày vào phòng hơi ngạt,” và nếu đó là phụ nữ thì “Mày sẽ bị bọn Ả Rập hoặc bọn Sudan cưỡng dâm”. Trong một vụ, những kẻ cực đoan cánh hữu mặc những chiếc áo tân-Nazi phổ biến ở Đức và những nhóm tân-Nazi khác tấn công vũ lực một nhóm những người biểu tình cánh tả ở Tel Aviv. Trong một vụ khác, trường học duy nhất có lẫn học sinh Do Thái - Ả Rập ở Jerusalem đã bị phóng hỏa và tường thì bị sơn những khẩu ngữ kiểu “Kahane đã đúng” và “Không sống chung với sâu bệnh”.

Mùa thu năm 2014, chính phủ đã cấm những người Palestine ở Bờ Tây làm việc ở lãnh thổ được công nhận là của Israel không được di chuyển bằng xe buýt tốc hành dành cho những người định cư để đi làm, cho dù IDF tuyên bố rằng bằng cách này họ đã chặn đứng được một nguy cơ đe dọa an ninh nào. Biên bản cuộc họp của Ủy ban Quốc hội thảo luận về vấn đề này sau đó đã lộ ra rằng những người định cư vận động hành lang cho luật cấm này đã lo lắng đến những vấn đề như quá tải, nạn quấy rối tình dục nhằm vào những cô gái Do Thái mà kẻ ra tay là người Ả Rập (mặc dù những lời phàn nàn thực sự vô cùng ít ỏi), và họ lo đến lối cư xử thiếu lịch sự của hành khách Ả Rập. Những người định cư cũng phàn nàn rằng việc cho phép những người Palestine trên những chuyến xe buýt này đã trao “một bàn thắng” cho người Ả Rập để chống lại “những người xâm lược Do Thái”. Khi biên bản này được công khai, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Tzipi Livni đã phát biểu rằng, khi nào quyết định của chính phủ là để đáp ứng những nỗi lo lắng ấy, thì đó là một chính sách phân biệt chủng tộc. Gần như cùng thời điểm ấy, sau một cuộc tấn công khủng bố ở Jerusalem, thị trưởng của một thành phố lớn của Israel, Ashkelon, đã chỉ đạo một nhà thầu của chính phủ ngừng thuê những công nhân xây dựng người Ả Rập làm việc cho những công trình xây trường mẫu giáo. Cuối cùng, mùa thu ấy Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Israel Yair Shamir yêu cầu chính phủ xem xét những chính sách có thể giảm tỉ lệ sinh của những người Israel thuộc tộc Bedouin, một bộ tộc người Ả Rập du mục trước đây với tỷ lệ phát triển dân số đặc biệt cao ngụ tại miền nam Israel. Như nhà báo của mục xã luận làm việc cho tờ *Haaretz*, B. Michael, đã chỉ ra, theo luật quốc tế lẫn luật Israel, việc thực hiện một chính sách như vậy có thể cấu thành tội diệt chủng, và theo luật Israel có thể sẽ bị trừng phạt bằng bản án tử hình.

Ở phạm vi luật pháp và tư tưởng rộng lớn hơn, vào tháng 11 năm 2014 chính phủ đã thảo luận về Luật Quốc tịch, để bổ sung vào Những luật cơ bản của Israel – ở đất nước này, nó tương đương với một hiến pháp. Được các thành viên trong đảng Likud của Netanyahu thảo ra, luật này sẽ nô dịch hóa hệ thống dân chủ của Israel thành nguyên tắc về quốc tịch Do Thái. Nó cho phép các tòa án phán quyết dựa trên cơ sở về danh tính Do Thái của người Israel vượt qua cả truyền thống nguyên tắc dân chủ khi hai giá trị này xung đột nhau, hợp pháp hóa những hành động phân biệt đối xử như trợ cấp nhà ở cho người Do Thái chứ không phải cho người Ả Rập. Nó cũng hạ thấp tiếng Ả Rập, khiến nó mất đi vị thế hiện tại là một trong hai ngôn ngữ chính thức của Israel. Luật này cũng bị Tổng chương lý (Bộ trưởng Bộ Tư pháp) của Israel lên án và bị cơ quan người Do Thái ở Hoa Kỳ chỉ trích. Nó đã đóng một vai trò quan trọng trong việc làm sụp đổ chính phủ thứ ba của Netanyahu.

Ít nhất về thái độ và tư tưởng, nếu không nói là hành động, một khảo sát năm 2012 đã cho rằng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mang tính hệ thống đã cố thủ trong những bộ phận dân Do Thái của Israel. Theo nghiên cứu này, khoảng một phần ba công chúng người Israel Do Thái ủng hộ một chính sách chính thức và nói dối của chính phủ đối với việc phân biệt đối xử chủng tộc đối với công dân Ả Rập. Thêm vào đó, gần 70% người trả lời đã ủng hộ một nhà nước Apartheid trong sự kiện Israel sáp nhập Bờ Tây.⁽¹⁷⁴⁾ Sau cuộc chiến tranh ở dải Gaza năm 2014, nhận thức rằng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, cùng với sự xúi giục chính trị của nó, đã chuyển biến thành trào lưu chính, lan tràn rộng rãi quá đến mức Rivlin, lúc đó là tổng thống Israel, hay là quốc trưởng trên danh nghĩa, tuyên bố rằng đấu tranh với nạn này sẽ là nhiệm vụ hàng đầu của ông ta trong thời gian tại nhiệm. Điều đó không ngăn cản được Thủ tướng Netanyahu khỏi việc đưa ra những phát ngôn mang ý phân biệt chủng tộc hướng về những người Israel Ả Rập vào đêm trước những cuộc bầu cử năm 2015, mà có vẻ đã góp phần làm nên chiến thắng tái đắc cử mang tính quyết định của ông ta.

Trong chiến tranh Lebanon, suốt phong trào intifada lần đầu tiên, một số lượng lớn những người Israel đã thể hiện việc giữ gìn đạo đức nghiêm túc liên quan đến vấn đề chính phủ và quân đội giải quyết cuộc nổi dậy này. Vào thời điểm đó, cụm từ *khóc trong khi đang bắn* đã đến lúc xuất hiện, có vẻ như để miêu tả những cảm xúc xáo trộn của những người lính

Israel. Họ đang giết, người ta nói, nhưng với một nỗi ân hận đè nặng tâm can. Cánh tả *xem* đây là một biểu hiện xác minh cho phẩm chất liêm chính cá nhân của giới trẻ Israel, cũng như bản cáo trạng chính sách xâm lược đã đẩy họ vào tình thế giằng xé này. Nhưng cánh hữu lại *xem* đây như một biểu hiện của sự yếu đuối gây nguy hiểm, cần phải bị loại trừ. Từ góc nhìn tâm lý học, biểu thức miêu tả này cũng giống như hiện tượng được miêu tả, là sự biểu hiện thẳm thía không chỉ của những giằng xé đạo đức mà còn của vấn đề sâu xa hơn: vì sự tàn ác hiện tại bắt nguồn từ nền tảng lịch sử, là tình trạng bị ngược đãi thời cha ông, người bạo hành không thể tự mình trải nghiệm quá trình bị ngược đãi ấy.

Nhiều năm trước, khi những cuộc đối thoại hòa bình giữa Ai Cập và Israel mới bắt đầu, Golda Meir đã nói một câu nổi tiếng về tình trạng bạo lực Ả Rập chống lại Israel: “Chúng tôi có thể tha thứ cho ngài vì giết con trai chúng tôi. Nhưng chúng tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho các ngài vì đã khiến chúng tôi giết con trai các ngài.” Trong khi lời nói này đã báo hiệu một kiểu ăn năn đạo đức có ý thức sau này xuất hiện ở nhiều lính Israel, nó cũng là một lời xác quyết cho sự cao thượng, chẳng phải không liên quan gì đến một kẻ bạo hành đang tìm cách biện minh cho những hành động của mình. Tuy nhiên, quan trọng hơn, nó cũng thể hiện cảm giác ở tầng sâu của hấn về sự vô dụng. Vào năm 1988, Doron Rosenblum, một nhà bình luận người Israel nổi tiếng với cái nhìn châm biếm sâu sắc về xã hội Israel, đã cho rằng có lẽ chẳng phải ngẫu nhiên mà trong khi Israel đang đề đầu cưỡi cổ những kẻ gây rối Palestine bằng vũ lực, thì nhà hát Yiddish mới chuẩn bị mở cửa ở Israel với vở *Làm người Do Thái thật khó*. Sau rốt, Rosenblum viết, thậm chí khi đập dùi cui vào đầu phụ nữ, trẻ em và người già, chúng ta không thể không cảm thấy thương hại cho chính bản thân mình. Chúng ta kêu lên: “Gevald⁽¹⁷⁵⁾, là người Do Thái thật khó! Thật khó để đánh đập và bắn người mà vẫn giữ được phẩm giá đạo đức của chúng ta! Oy vey⁽¹⁷⁶⁾, họ đã làm gì với chúng ta để chúng ta tàn nhẫn như thế này?” “Cứu vớ!” chúng ta kêu lên, “chúng ta đang đánh đập người, Chúa lòng lành! Chúng ta đang bắn thẳng vào tim chúng ta!”⁽¹⁷⁷⁾

Rosenblum viết điều này sau khi phong trào intifada nổ ra một vài tháng. Lúc đó, như ông đã lưu ý, trong khi mạng lưới truyền hình nước ngoài đang chiếu những vụ đánh đập bừa bãi hàng trăm người Palestine, thì truyền hình Israel chỉ đưa tin về Israel. Một ví dụ xóc óc đó là cuộc phỏng vấn nổi tiếng với một lính Israel, khi anh ta thuật lại tỉ mỉ từng chi tiết nặng kí mọi vết thâm tím mà anh ta phải chịu đựng do bàn tay của những kẻ Ả Rập, trong khi tiếng than vãn âm ỉ của gia đình và bạn bè sụt sùi thống thiết làm nền cảnh. Cuối cùng, bên cạnh tin nổi bật là IDF đã mua 10.000 dùi cui mới là tin IDF đang liên lạc mời những nhà tâm lý tới các đơn vị đàn áp những cuộc biểu tình. Rosenblum viết: “Những nhà tâm lý này sẽ đưa ra sự ủng hộ về mặt tinh thần, không phải đối với những kẻ bị đánh mà tới những kẻ mà đánh đập bất hạnh, những đứa trẻ Do Thái nghèo đói, những kẻ số phận buộc phải đánh đập người Palestine. Sự thực là, họ thực sự cần điều đó, vì họ nhận ra chính mình trong sự xung đột nhận thức của chúng tâm thần phân liệt: từ bên ngoài, trên mạng lưới thông tấn nước ngoài, trông như thể họ đang đánh đập người khác, nhưng từ góc độ nhận thức – cảm xúc, họ thực sự đang bị dẫn dắt, như một con cừu, trong ngôi nhà tra tấn.”

Trong khi rõ ràng chỉ trích chính phủ Israel từ quan điểm của cánh tả, Rosenblum cũng xác định chính xác những trải nghiệm tâm lý mang tính trung lập của hội chứng *khóc trong khi đang bắn*: kẻ bạo hành không thể không nhận thức chính mình giống như một nạn nhân. Đối với anh ta, việc đánh đập này không chỉ là một cuộc chiến tranh chống lại kẻ thù bên ngoài. Nó còn là một trận đấu chống lại cảm giác bất lực bên trong. Anh ta do đó không thể thẳm nhuần được hành vi hung hăng của mình và không thể xác định một cái nhìn vào chính bản thân như là một cá nhân quyền lực và “có tầm kiểm soát”. *Chúng ta còn lựa chọn nào? Chúng ta bị buộc phải làm những điều này! Chúng ta phải bảo vệ chính chúng ta! Chúng ta không có một đất nước nào khác!* Những điệp khúc quen thuộc này của người Israel không

đơn giản chỉ là những khẩu hiệu tuyên truyền mang tính phòng vệ, mà đúng hơn nó là sự phản ánh chính xác những cảm giác thường không được ý thức về sự bất lực và vô dụng, mà tâm lý người Israel dù đã cố hết sức cũng không thể rũ bỏ. Việc một số khẩu hiệu này dựa vào thực tế từ bên ngoài không hạn chế việc nói cho chúng ta biết về tâm thức bên trong của người Israel. Nếu có, trong chu trình phát triển nhân cách, thực tế bên ngoài – đôi khi là kết quả của một lời dự đoán tự thỏa mãn mình – có xu hướng củng cố cấu trúc nội tại đã tồn tại từ trước.

Đổ tội cho người khác vì hành vi của mình là một triệu chứng của sự bất lực, và đổ tội cho chính những người đang là nạn nhân là một dạng đồng nhất hóa cổ điển với kẻ bạo hành. Kẻ bạo hành bắt nạn nhân phải chịu trách nhiệm vì những hành vi tồi tệ của chính hắn, đúng với cách mà kẻ ra tay với hắn bắt hắn chịu trách nhiệm cho hành vi tồi tệ của kẻ ấy. Cuối cùng, vì bản năng phòng vệ đối với sự bạo hành, một lớp da dày mọc ra để người Israel cài cấy thêm một lớp nữa là dạng tâm lý của kẻ bạo hành trợ lý với nỗi đau mà họ gây ra cho người khác. Hầu hết những người Israel chẳng thương xót gì cho hàng ngàn thường dân Palestine vô tội bị thương và bị giết như là “mối nguy bổ sung” trong suốt những chiến dịch và những cuộc hành quân của quân đội ở dải Gaza và Bờ Tây. Và họ thậm chí còn ít xót thương hơn đối với những nhục nhã, khó khăn về kinh tế và nỗi lo lắng mà họ giáng vào nhiều người dân Palestine ở Bờ Tây thông qua các trạm kiểm soát, ba-ri-e, những cuộc bố ráp, điều tra và truy quét ban đêm. Mặc dù những sách lược này nhằm vào những kẻ khủng bố và quân đội phe kia, nhưng thực tế chúng cũng được sử dụng để kiểm soát dân Palestine nói chung. Chúng là nguyên nhân gây ra hàng nghìn thương tổn nhỏ cho những người dân Palestine vô tội hàng ngày. Mặt khác, như đã lưu ý từ trước, những vết thương của người Israel vẫn đang lên da non, chỉ cần chạm vào thôi là họ đã ăn miếng trả miếng ngay tức khắc hay phản ứng một cách thái quá.

Cho rằng người Israel đồng nhất mình với những tên Nazi tàn ác không có vẻ là một ý tưởng ngược đời ngớ ngẩn, mà đúng là họ đã cảm thấy như vậy. Đó là lý do tại sao nằm bên dưới cơ chế phòng vệ này là một cảm giác tội lỗi vô thức, lặn dưới tầng sâu nhưng lan tỏa khắp nơi. Một vài người Israel đang ý thức được những cảm giác tội lỗi về việc ban lãnh đạo Zion của Yishuv ì ra khi những tin tức đầu tiên về sự hủy diệt người Do Thái ở châu Âu lan đến Palestine lúc này đang dưới quyền ủy trị của người Anh.⁽¹⁷⁸⁾ Nhưng bên dưới nó là lớp cảm giác tội lỗi khác, sâu sắc hơn, khi người ta nhận ra có một sự giống nhau lạ lùng của chủ nghĩa Zion và Nazi: cả hai đều nhìn Do Thái Diaspora như một kẻ bỏ đi, mang tính truyền nhiễm, nhu nhược yếu ớt, và cả hai đều tìm cách loại bỏ nó, mặc dầu rõ ràng là theo những cách rất khác nhau. Phân tích những bộ phim hư cấu của Israel về chủ đề Holocaust, Judd Ne’eman, nhà làm phim và giáo sư danh dự tại Đại học Tel Aviv, đã miêu tả cảnh trong đó những người Israel trẻ tuổi trông tương tự với hình ảnh lớp trẻ hoặc những biểu tượng Nazi.⁽¹⁷⁹⁾ Theo Ne’eman, những hình ảnh như thế đã minh họa cho xung đột của những vai chính, giữa việc định danh tính như là nạn nhân hay kẻ thủ ác, những kẻ chủ trương danh tính kẻ thủ ác được củng cố bởi lý tưởng của chủ nghĩa Zion về người Do Thái mới xông xáo. Ne’eman không phải là người đầu tiên hay duy nhất lưu ý đến những vấn đề mỹ học này. Thực sự là, sự tưởng tượng ghê tởm về sức vóc của sabra lý tưởng sánh với những người Aryan, tất cả đã gọi nhớ trở lại với Herzl.⁽¹⁸⁰⁾ Thậm chí trước cả vụ Đại thảm sát, lý tưởng hình thể này đã đại diện cho một kiểu định danh tính như kẻ bạo hành, vì những người Zion buổi đầu tìm cách tạo ra một châu Âu thu nhỏ trong lòng Palestine đầy đầm lầy trong khi phóng chiếu con người Do Thái bên trong bị khinh miệt cho những người Á Rập địa phương, và sau này là những người Do Thái “phương Đông”, họ đối xử với cả hai nhóm này bằng chính thái độ khinh thường mà người châu Âu dành cho họ. Nhưng Ne’eman đã đưa phân tích này lên một tầng mức mới, bao gồm “Israel của phong trào Zion có vẻ như đang sống trong một “tương lai ngõ cụt” rồi bời, bị ám ảnh với cảnh đầu rơi máu chảy không có hồi kết

để đền tội cho sáu triệu người chết mà nó quy tội cho chính nó một cách ngây thơ oan ức và không ý thức.”

Chúng ta sẽ khám phá ra một giả thuyết liên quan ở chương 6 “Không có nơi nào như Masada”, nhưng dù cảm giác tội lỗi ở phạm vi rộng lớn nằm ẩn sâu dưới tâm lý đồng nhất hóa với kẻ bạo hành có góp phần vào tình trạng bạo lực ở Trung Đông hay không, thì cũng chẳng nghi ngờ gì khi cho rằng nó đã làm xói mòn bất kể lòng xót thương nào mà người Israel có thể có với người Palestine. Vào cuối cuộc chiến tranh năm 1948, Yoram Kaniuk lúc đó là một anh lính được điều về Ramle, một thị trấn Ả Rập ở vùng ngoại ô Tel Aviv, phần lớn dân cư của nó bị trục xuất hoặc đã chạy trốn trong suốt thời kỳ chiến tranh này. Khi những đồng đội của anh ta không cho phép một đám đông người Palestine than khóc, cầu xin và giận dữ trở vào trong thành phố của họ, người sabra trẻ tuổi bị xây xẩm mặt mày vì những cảm giác tội lỗi và đã nôn thốc nôn tháo. Hai ngày sau, anh ta chứng kiến một đoàn xe tải chở đầy những đám nạn nhân sống sót người châu Âu, những người này, giống như những đàn châu chấu, chạy vào thành phố, lao vào những ngôi nhà trống. Kaniuk viết, những người Do Thái trẻ này lớn lên trong các trại tị nạn và gan góc hơn sabra rất nhiều. “So với họ,” anh kết luận, “chúng tôi chỉ là những kẻ đàn độn có hai chân, đầy tự mãn, coi mình là số một, đã chiến thắng trong một trò trận giả của trẻ con. Còn họ, chiến tranh là Wehrmacht, Nazi, Gestapo, xe tăng, xe lửa chở hàng, doanh trại xám xịt, và hành quân theo Chúa đi qua những lò hỏa thiêu.”⁽¹⁸¹⁾ Khi Kaniuk phản đối đồng đội của mình về việc tiếp quản những ngôi nhà của các gia đình Ả Rập, đang đứng đằng sau những hàng rào dây thép gai và mong mỗi được trở về, họ xua anh đi và nói rằng những kẻ tị nạn kia đã mong chờ và sẵn sàng lao vào đó. *Chúng ta đã và đang sống sau những hàng rào như vậy* hơn mười năm rồi, họ giải thích. Những người Do Thái này đến từ một hành tinh khác, Kaniuk nghĩ; họ đứng ngoài luân thường đạo đức và thây kệ mọi thứ. Nhưng anh chú ý rằng tội lỗi vô ý thức này đi ngược lại với sự thiếu cảm thông của họ: “Họ đến từ những bãi rác của lịch sử. Họ là hiện thân của đạo đức vì họ đã sống sót, có nghĩa là, họ *xem* họ như những kẻ tội đồ đến mức không có một tòa án nào có thể xét xử họ cho được.”

Giống như những nạn nhân sống sót, những người Israel kế thừa tâm lý nạn nhân và kẻ trừng phạt ở một phạm vi rộng lớn hơn vẫn không thể nhìn nhận người Palestine nói chung như những con người. Khi chúng ta ra tay, chính sự hiện diện của họ khiến chúng ta cảm thấy tội lỗi, bởi vậy chúng ta thà không nhìn, không nghĩ, hoặc cảm thông với họ. Và nếu những gì chúng ta làm với họ khiến chúng ta cảm thấy mình đang hành động giống như những người đã trừng phạt chúng ta dù ở bất cứ mức độ nào đi nữa, thì chúng ta thà sống trong một cái bong bóng, như thể những nạn nhân của chúng ta thực ra không sống cùng hay là hàng xóm của chúng ta còn hơn. Vì người Israel không thể tha thứ cho tội lỗi của chính mình, nên họ từ chối bất cứ khả năng nào khiến họ coi những kẻ mà họ thù ác là con người đúng nghĩa. Còn tồi tệ hơn, kể từ khi Hiệp định Oslo sụp đổ, nhiều người Israel chỉ chạm trán với những người Palestine trong suốt kỳ nghỉ vụ quân sự của họ. Là quân nhân đứng trực ở những điểm kiểm soát hoặc tiếp xúc với những người dân không thân thiện, mà đôi khi nuôi giấu dân quân và những kẻ khủng bố, thì cảm thông là một việc khá nguy hiểm.

Đã *xem* xét đến hết lẽ, bây giờ chúng ta phải nhìn vào bức tranh đối lập, bức tranh về những góc khuất thương cảm và nhạy cảm trong tâm thức của người Israel, mà như trong trường hợp những người Do Thái dù ở đâu đi chẳng nữa, cũng là một hậu quả của việc bị trừng phạt. Người Israel thấu hiểu những nỗi đau đớn và mang trong mình trái tim mềm yếu đối với những tổn thương của dân tộc hay của cá nhân đang trải qua. Họ thường là những người đầu tiên gửi hỗ trợ cấp cứu và y tế khi những nước khác gặp phải thảm họa quốc gia. Và nhiều người Israel – khi họ tự cho phép mình trải nghiệm tội lỗi và tưởng tượng ra viễn cảnh nếu bố mẹ hay ông bà của chính họ trở thành phe thiếu số không có quyền lực, sức

mạnh – đã đi chệch khỏi con đường giúp đỡ những người Palestine đang đấu tranh. Mối liên kết giữa các hành động hào hiệp và Holocaust đã được Thủ tướng Menachem Begin trước đó làm sáng tỏ bằng hành động vào năm 1977. Ngay sau khi nhậm chức, ông cấp quyền công dân Israel cho khoảng 66 thuyền nhân Việt Nam không mời mà đến, tình thế của họ cũng giống như nỗi sa cơ tuyệt vọng của những người tị nạn Do Thái trong suốt Chiến tranh thế giới thứ 2.

Vậy chúng ta làm thế nào cắt nghĩa được điều này với nhận xét cho rằng người Israel thiếu niềm cảm thông nói chung đây? Đầu tiên và trên hết, sự đồng nhất với kẻ bạo hành của người Israel mang tính bộ phận và không triệt để. Phản ứng hung hăng của người Israel đối với những cuộc tấn công khủng bố khủng khiếp của phong trào intifada lần thứ hai của người Palestine, ví dụ vậy, không thể xem như một phần của hội chứng này. Bạn không phải trải qua cuộc Đại thảm sát để phản ứng như người Israel đã làm. Trong hoàn cảnh tương tự, hầu hết các quốc gia văn minh sẽ viện đến những biện pháp giống như vậy, bao gồm cả ám sát có mục tiêu, tạm giữ vô thời hạn, phong tỏa lãnh thổ, và ném bom vào những khu vực dân sự. Phản ứng của người Mỹ đối với sự kiện 11/9 là một trường hợp như vậy. Khi người Israel nhìn thấy chính họ vừa là nạn nhân, vừa là kẻ thủ ác hơn là chỉ một trong hai vai trò ấy, thì họ có thể vừa sợ hãi, giận dữ, hùng hục sức mạnh và, vâng, vừa cảm thông lẫn xót xa.

Thứ hai, con người Israel cá nhân chỉ thương xót hoặc không thương xót giống như những người dân ở bất cứ nền văn hóa nào khác. Cuốn sách này nhấn mạnh tính cách tập thể có ở tất cả người Israel, nhưng những khác biệt về tâm lý cá nhân trong một nền văn hóa cuối cùng còn lớn hơn cả những điểm tâm lý chung. Điều này dẫn đến kết quả tất yếu chính là: yếu tố thống nhất đặc điểm tâm lý cá nhân từ các nền văn hóa khác nhau nặng ký hơn yếu tố khiến họ khác biệt.

Một dòng chảy ngược liên quan đến những sự hiện diện của Holocaust trong tâm lý người Israel tuy nhỏ nhưng ngày càng lớn mạnh, và nhiều nghệ sĩ, trí thức được đề cập đến ở đây đã thể hiện cho xu hướng đó. Hiện nay, có thể thấy điều đó chẳng đâu thuyết phục hơn là ở... Berlin, Đức, nơi có một cộng đồng đông đảo kiều bào Israel. Nhiều người Israel ngụ cư tại Berlin là những nghệ sĩ và trí thức bị thu hút bởi khung cảnh nghệ thuật mang tính quốc tế của thành phố này, một nơi kiếm sống được, và hệ thống phúc lợi nhà nước tốt. Một tờ báo Israel gần đây đã tiết lộ rằng nhiều người Berlin gốc Israel đã thể hiện những suy nghĩ không giống với Israel. Đức đã học được bài học đúng đắn từ thảm họa Holocaust. Một thanh niên đã rời Israel vào năm 2005 vì ở Tel Aviv anh ta không đủ sống. Ở Berlin, anh ta học tiếng Đức và cuối cùng tìm được một công việc biên dịch. Anh ta miêu tả quá trình tiếp biến văn hóa của mình như sau:

“Bạn đến từ Israel với nỗi sợ về khả năng sinh tồn và nỗi căng thẳng không dứt về thân thế Do Thái của bạn. Bạn nghĩ bạn là trung tâm của vũ trụ, nhưng khi bạn rời đi, bạn nhận ra điều khác. Đối với tôi, ở đây dễ xử lý với thân thế Do Thái và chuyện Holocaust hơn. Họ không dùng búa tạ để nhồi nhét vào đầu óc bạn điều nọ điều kia. Bạn nhận ra rằng có một nước Đức khác ở đây trước năm 1939, và ký ức về Holocaust hiện diện ở những điều nhỏ nhặt hàng ngày.”⁽¹⁸²⁾

Một người ngụ cư khác trong cộng đồng này, một nhà văn/diễn viên 35 tuổi, một cựu quân nhân IDF được tặng thưởng huân chương và có ông bác trùng tên bị giết ở Treblinka, chuyển đến Berlin năm 2010. Anh ta giải thích: “Israel đã được tiếp quản bởi sự tàn nhẫn và hiểm độc... Berlin không phải là một xã hội không tưởng nhưng ở đây có một sự trầm tư thấm thía sau thảm họa Holocaust... Mặt khác, ở Israel, bạn có thể nhìn thấy họ đối xử ra sao với những nạn nhân sống sót của vụ Đại thảm sát. Sự so sánh này khiến cho tôi nhận ra rằng

người Đức đã chiến thắng – họ đã có được những gì họ muốn. Không giống như ở Israel, ở đây, các cá nhân, người già và người yếu đuối, được tôn trọng.

“Bạn nói với chính mình rằng bạn đã cho Israel 35 năm. Và bạn có thể quyết định cho nó thêm 35 năm nữa hoặc bạn nói rằng: “Tôi thà không trở thành nạn nhân còn hơn. Tại sao đất nước này không ứng xử như tất cả những nước khác, là sống cùng với một dân tộc khác, dân tộc ấy có thể “mặt đầy tiền án, trán đầy tiền sự”, nhưng hiện tại thì không.”

Cộng đồng này khó có thể trung lập trong mối quan hệ với nước Đức, cũng như chẳng có người Do Thái hay người Israel nào có thể làm được điều đó. Nhưng không giống với hầu hết những người Israel, họ dường như tồn tại trong cả quá khứ lẫn hiện tại, cả trong hành tinh khác và trên trái đất này. Không phải ngẫu nhiên mà nhờ được tiếp xúc trực tiếp với những kẻ gây tội, hay nền văn hóa của kẻ đó, những người Israel này có thể chịu đựng dư chấn Holocaust tốt hơn. Một trong những câu chuyện thấm thía nhất minh họa cho những dòng này là câu chuyện của nhà làm phim tài liệu Israel Tomer Heymann. Bảy mươi năm sau khi ông nội của ông trốn thoát từ Berlin sang Palestine, Heymann trở lại thành phố này để trình chiếu một bộ phim trong Liên hoan phim quốc tế Berlin. Ở đó, ông đã gặp và yêu Andreas Merk, một người đàn ông Đức, người này sau cũng chuyển đến Israel để sống với Heymann ở Tel Aviv. Mối quan hệ của họ, cũng như mối quan hệ ba phía giữa họ và bà mẹ của nhà làm phim, là chủ đề của bộ phim mới nhất của Heymann, *I shot my love* (Tạm dịch: Tôi đã bắn vào tình yêu của tôi). Trong khi Holocaust luôn luôn chỉ là phông nền, bối cảnh, thì bộ phim rõ ràng nói về mối quan hệ ngày hôm nay và cái cách nó đã thay đổi cuộc sống của nhà làm phim.

Tuy nhiên, như Heymann đã kể, ngày Andreas đến Israel, Heymann có một bộ phim trình chiếu nên ông đã mời một vài người bạn đến để tiếp chuyện với bạn trai mình một lúc, trước khi đi ông đã khẩn nài họ đừng dấn động gì đến Holocaust. Ông biết đó là chủ đề nhạy cảm với người yêu của mình, lúc đó mới khoảng 30 tuổi và rõ ràng là không có trách nhiệm gì cho tội lỗi của ông cha. Nhưng ngay khi Heymann vừa rời đi, bạn bè ông bắt đầu nói đùa về Hitler và Holocaust, khiến Andreas tái nhợt đi như một bóng ma. Bởi vậy thậm chí trong những trường hợp này, khi quá khứ đang hòa tan vào, đúng hơn là đang xâm chiếm, thực tại, người Israel không có khả năng dẹp đi tính lưỡng phân luôn luôn là bệnh dịch lan tràn khi nói đến chủ đề Holocaust – nó vẫn là một lời đề xuất tất cả - hoặc – không gì cả. Nó vừa quá nhạy cảm nên không thể nào đề cập đến, lại vừa, cái này thường xuyên hơn, là một chủ đề được bàn tới mà không có một chút nể nang, tránh né nào.

Dòng chảy ngược này, trong khi chẳng nổi bật gì ở Israel, lại thực sự đứng cùng hàng với mục đích bình thường hóa của những người Zion cổ điển, cũng như ý tưởng về sự chuộc tội của Do Thái giáo. Như đã được Don Handelman và Elihu Katz của trường Đại học Hebrew chỉ ra, trong cuốn lịch Israel, nhà nước Do Thái này đã chọn một chùm những ngày, theo thứ tự, Ngày Holocaust, Ngày tưởng niệm dành cho những binh sĩ Israel đã ngã xuống, và Ngày Độc lập. Thành ra đó chính là một câu chuyện báo hiệu cho tiến trình đi từ bóng tối ra ánh sáng, từ khóc than đến tái sinh.⁽¹⁸³⁾ Tất cả người Israel vẫn tiếp tục cố gắng trên tiến trình này, thậm chí là trong thực tế, đa số họ bị ngăn trở do không có khả năng khóc than. Hiện tại, và có thể thấy trước được trong tương lai, quá trình này dễ thường sẽ đạt được chỉ trong điều kiện hiếm hoi, đó là những nghệ sĩ và trí thức, những người hoạt động trong nhiều lĩnh vực, nhằm nhấn mạnh và tiên liệu những sự thật bị cấm đoán về những thứ bất khả định danh trong tâm thức⁽¹⁸⁴⁾.

Trong suốt phong trào intifada lần thứ nhất của người Palestine, khi nhiều lính Israel và gia đình của họ vã mồ hôi lo lắng trước những đợt huy động lực lượng quá thừa thãi của

IDF, có vẻ như có một cuộc thay sông đổi núi tiềm tàng liên quan đến cuộc intifada này và Hiệp định Oslo tiếp sau, nhà nghiên cứu chính trị học Yaron Ezrahi đã cho rằng việc IDF quyết định sử dụng đạn cao su để chống trả lại cuộc tấn công ném đá của người Palestine đã thể hiện một bước ngoặt trong thái độ của người Israel. Mặc dầu đạn cao su – lõi thép bọc cao su – có thể gây chết người, và trong quan niệm của người Israel là một trò vớ vẩn chẳng giải quyết được vấn đề gì, cũng chẳng cứu vãn được đạo đức của ai, nhưng Ezrahi tin rằng nó đánh dấu thời điểm đa số người Israel bắt đầu nhìn nhận người Palestine như những người dân thường sống cùng với họ, và như là một quốc gia có tiếng nói tập thể. Tuy nhiên, Ezrahi vẫn nghi vấn rằng, như một hình ảnh biểu tượng của nền văn minh Israel đương đại, đạn cao su có phải chỉ đơn thuần đảo ngược huyền thoại những sabra gai góc bọc đường⁽¹⁸⁵⁾ hay không. Hoặc như vợ tôi từng phàn nàn: “Em vẫn đang chờ cái phần ngọt ngào ấy đây.”

Xui xẻo thay, phong trào intifada lần thứ hai của người Palestine quá khốc liệt và quân Hamas phóng rocket từ dải Gaza quá nguy hiểm, đến mức thậm chí những viên đạn bọc cao su Israel giờ đã chuội đi để lộ ra lõi thép. Mỗi bi kịch mới lại phục hồi cái cũ. Sau Mùa xuân Ả Rập, khi những nguy cơ khu vực mới này được tháo gỡ, phức hợp Holocaust ban đầu, bao gồm cả sự đồng nhất hóa của người Israel với kẻ bạo hành, không dễ gì rút đi một sớm một chiều. Với linh cảm về điềm gở này, trong suốt phong trào intifada lần thứ nhất – mặc cho sự bi quan của Ezrahi – một học giả và là một nhà giáo dục người Israel khác, nạn nhân sống sót của Holocaust, Yehuda Elkana, đã viết trong *Haaretz* rằng những trận đánh của binh lính Israel trong các lãnh thổ chiếm đóng nhắc ông nhớ tới quá khứ của ông. Cho rằng việc ngược đãi dân Palestine bắt nguồn từ một sự hiểu sai về Holocaust, Elkana kết luận bài báo của mình với một khuyến nghị mang tính cấp tiến: “Tôi chẳng nhìn thấy có nguy cơ tổn hại nào đối với Israel nhiều hơn thực tế rằng Holocaust đã được thẩm nhuần về mặt phương pháp luận vào trong ý thức của công chúng Israel, bao gồm cả phần đa số không trải qua vụ Đại thảm sát, cũng như thế hệ trẻ em được sinh ra và lớn lên ở đây.” Rồi ông tiếp tục phân tích việc gửi “mọi đứa trẻ ở Israel tới Yad Vashem hết lần này đến lần khác,” thúc chúng “Hãy nhớ lấy”, gây ra những tác động tâm lý có thể bị hiểu là lời kêu gọi cố giữ lấy hận thù dai dẳng, mù quáng.

Elkana kết luận: “Mỗi quốc gia, bao gồm cả Đức, trong bối cảnh mà nó phải cân nhắc đến, sẽ tự quyết định có muốn nhớ đến điều ấy hay không. Mặt khác, chúng ta thì phải quên đi. Tôi không thấy bất kỳ một quan điểm về chính trị hay giáo dục nào có tầm quan trọng đối với những vị lãnh đạo của đất nước này hơn là việc đứng lên mà gây dựng cuộc sống, để trao cho chính mình công cuộc xây dựng tương lai của chúng ta – và không phải để giải quyết, sáng hay tối, những biểu tượng, lễ lạt, và những bài học về Holocaust. Nguyên tắc ghi nhớ lịch sử phải được đâm rễ từ trong chính cuộc sống của chúng ta.”⁽¹⁸⁶⁾

Bài báo của Elkana, tựa đề là “Để mà quên” đã bùng lên ngọn lửa giận dữ, có người gán cho nó nhãn mác là “các ác của ngành đạo đức, giáo dục, và tâm lý”⁽¹⁸⁷⁾. Từ góc nhìn tâm lý học, quên không phải là một lựa chọn. Thực sự cũng không phải muốn quên là quên được. Đây không chỉ là chuyện chưa có hồi kết về việc tưởng niệm sao cho hợp lý, cùng với những di chứng tích cực ở chỗ người Do Thái đã tỏ mối quan tâm đến nhân đạo đối với những đồng loại đang chịu đau khổ, mà còn là một điều có ích nào đó trong việc đồng nhất hóa với kẻ bạo hành. Khi bạn sống trong một khu tàn ác, dĩ độc trị độc đôi khi cũng là liều thuốc hiệu quả. Tuy nhiên, khi xem xét đến xung đột ba chiều giữa câu chuyện lịch sử Do Thái cổ đại, câu chuyện về chủ nghĩa Zion và sự đồng nhất hóa với kẻ bạo hành của người Israel, cái nhìn bao quát hơn của Elkana, coi Holocaust lại chính là mối nguy lớn nhất đối với nhà nước Israel hiện giờ, khó có thể bị phủ nhận. Nhưng vào năm 2014, Bộ Giáo dục Israel đã mở rộng chương trình hướng dẫn bắt buộc với lớp mẫu giáo. Khi bị chất vấn, bộ này đã phản hồi với lý do căn bản: rõ ràng những đứa trẻ ở độ tuổi này chưa có cơ hội tiếp xúc với vấn đề ấy.

Năm đó, Bộ cũng đã tăng thời lượng chương trình cấp ba dành cho chủ đề Holocaust.

NĂM

GIẢI PHẪU MỘT SÁO NGŨ: CÁC SABRA THỜI CHIẾN - GÁNH NẶNG CỦA CÁI CHẾT NHẸ TỰA LÔNG HỒNG

Bệnh nhân, một chuyên gia người Israel bước vào tuổi băm⁽¹⁸⁸⁾, lần đầu tiên dấn động trong buổi trị liệu tâm lý của mình rằng khi anh ta khoảng 20 tuổi, anh ta đã “dan díu với một cậu bé khác”. Rõ ràng là anh ta đang đấu tranh với những cảm xúc xấu hổ và tội lỗi về mối quan hệ này nên tránh cái nhìn của tôi. Anh ta có vẻ không chắc, như là “Tôi có nên tránh những cảm xúc này và thay đổi chủ đề, hoặc tôi có nên đối diện với chúng?” Nhưng rồi, sau một hồi giằng xé giữa hai lựa chọn, anh ta nhìn lên tôi, mỉm cười và tình nguyện kể:

“Tôi học lớp 7, nên lúc đó đâu khoảng năm 1972 hoặc đầu năm 1973, một thời kỳ khá tĩnh lặng, không có nhiều kiểu chủ nghĩa khủng bố hay bất cứ thứ gì giống như bây giờ. Nhưng một buổi chiều, chúng tôi nghe thấy ở trường người ta nói rằng đầu ngày hôm nay, một quả rocket Katyusha đã rơi đầu đó ở Jerusalem. Đi bộ từ trường về nhà, cậu bé này và tôi – chính là cậu bé tôi dan díu – tranh luận với nhau về án tử hình đối với những kẻ khủng bố. Tôi ủng hộ, còn cậu ta phản đối. Đến lúc tôi thách thức cậu ta, nói rằng: “Cậu cảm thấy thế nào nếu quả Katyusha này đâm vào chính nhà cậu?!” Ồ, khi tôi về nhà, tôi mới biết rằng đó là nhà cậu ta, và quả rocket đó đã đâm đổ một bức tường của phòng cậu. Mẹ tôi đã chu đáo gợi ý tôi nên mời cậu ta ngủ đêm ấy trong nhà chúng tôi. “Con có một chiếc giường khác trong phòng,” mẹ tôi nói. “Nếu như bà biết rằng...”

Chuyện này diễn ra trong văn phòng của tôi ở thành phố New York, đầu như vào thời điểm chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất, khi Saddam Hussein đang tẩm các thành phố Israel và vùng lân cận trong cơn mưa tên lửa Scud. Trong khi người Israel nhìn chung đang hoảng sợ rằng những quả tên lửa này có thể được trang bị đầu đạn hóa học, các nhà tâm lý Israel cũng lo lắng về “những hệ quả chuyển di⁽¹⁸⁹⁾” của việc phải làm gián đoạn buổi trị liệu trong suốt cuộc tấn công tên lửa Scud. Mối quan hệ bệnh nhân – bác sĩ sẽ bị ảnh hưởng như thế nào khi họ phải đeo mặt nạ chống hơi độc và dành cả buổi chiều cùng nhau trong một căn phòng nhỏ không ai ra vào?

Chiến tranh đã thâm nhập vào những địa hạt mang tính cá nhân và riêng tư nhất. Giống như sự nghiện ngập, nó thường là một quá trình thứ cấp, kết quả của những điều kiện tiền đề của quy mô có ý nghĩa. Nhưng nó có thể được tiếp quản và di căn, khiến cho bệnh lý ban đầu trở nên mờ mịt không xác định được, gây nên những tai ương, muộn phiền mới và xâm chiếm khắp tâm trí. Trong một đất nước quá nhỏ bé, với các ranh giới mang tính xã hội dễ thâm nhập, phá vỡ như Israel, vấn đề mang tính cộng đồng chung thì thường chuyển thành cá nhân riêng tư và ngược lại. Có thể chẳng có gì phản ánh điều này một cách bi kịch và thấm thía xót xa về mối quan hệ của thế giới chung và riêng hơn là tác phẩm và cuộc sống của tác giả người Israel David Grossman. Năm 2003, Grossman đã xuất bản một tập hợp những bài báo ông viết trong 10 năm trước đó, kể từ khi Hiệp định Oslo được ký kết. Grossman đặt tên

cho cuốn sách là *Death as a way of life* (Tạm dịch: Chết như là một cách sống). Đề cập đến mối quan hệ Israel – Palestine ở phần Lời nói đầu, Grossman viết: “Đôi khi, nhìn những hành động tàn ác mà cả hai dân tộc đang giáng vào nhau, người ta không chỉ mất đi khát khao sống trong vùng đất này mà cả niềm khát sống của anh ta nói chung.”⁽¹⁹⁰⁾ Trong một bài báo ông viết sau khi Rabin và Arafat bắt tay nhau trên bãi cỏ tại Nhà Trắng năm 1993, Grossman thể hiện mong mỏi rằng Israel sẽ được nhập vào với Trung Đông. Ông viết nếu người Israel có thể sống được với viễn cảnh này thì chúng ta sẽ cho phép bản thân tin tưởng vào một tương lai. “Có lẽ chúng ta có thể giải phóng chính mình khỏi cảm giác mờ mịt nằm tận sâu trong vùng ý thức tập thể, mà đối với chúng ta, sống chỉ là việc đi đến với cái chết.”⁽¹⁹¹⁾ Tuy nhiên, sau này, cũng trong thập kỷ ấy, khi làn sóng ném bom liều chết đã làm sáng tỏ khả năng ánh sáng hòa bình không xuất hiện ở phía cuối đường hầm, ông viết: “Người Israel đã quen với việc sống ngay cạnh cái chết. Tôi sẽ không bao giờ quên những cặp uyên ương trẻ tuổi đã kể cho tôi nghe những kế hoạch tương lai của họ: kết hôn và sinh ba đứa con. Không phải hai mà là ba. Để mà nếu có đứa nào chết, thì vẫn còn lại hai đứa. Cái lối suy nghĩ vô xé tâm can này chẳng lạ lẫm gì với tôi cả, đây là sản phẩm của một thái độ coi cái chết nhẹ tựa lông hồng nhưng nặng nề đến mức không thể nào gánh nổi vốn đang thịnh hành ở nơi đây.”⁽¹⁹²⁾ Ở một bài khác, ông viết: “Có thể là sai lầm nghiêm trọng, nhưng tôi biết rằng có một thứ gì đó trong tôi đang chết dần chết mòn. Ở đây chẳng còn nữa tia lửa thấp sáng cuộc sống mà nó từng rực cháy trong tôi.”⁽¹⁹³⁾ Sau đó, ông kết luận bài báo được viết vào đêm trước năm mới của Do Thái đó: “Có thể rồi cuối cùng chúng ta cũng thức tỉnh, có thể chúng ta sẽ dừng việc lạc lối trong cơn ác mộng này, cơn ác mộng chẳng ai mơ tới. Shana Tova. Chúc mừng năm mới.”⁽¹⁹⁴⁾

Đó là Grossman, một nhà báo, nhà bình luận của công chúng về cuộc sống của người Israel. Grossman cũng là người của một công chúng khác, một nhà văn được quốc tế ca ngợi, mà cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của ông *To the End of the Land*, trong bản gốc tiếng Hebrew, có nghĩa là “Người đàn bà trốn lễ Truyền tin”⁽¹⁹⁵⁾ được xuất bản khoảng 5 năm sau cuốn *Death as a way of life*. Grossman bắt đầu bắt tay vào cuốn sách này ngay sau khi ấn phẩm *Death as a way of life* phát hành, và một vài tháng sau khi viết, con trai Uri của ông, đứa trẻ nhất trong số ba đứa con trai, bị gọi đi phục vụ quân ngũ cho IDF. Như Grossman đã viết trong phụ lục của cuốn *To the End of the Land*, trong suốt thời gian viết cuốn sách ấy, ông đã có cảm giác, hay thực ra là một ước muốn, rằng nó sẽ bảo vệ được Uri khỏi mọi mối nguy hiểm. Cũng như vậy, trong cuốn tiểu thuyết này, nhân vật chính đang cố gắng bảo vệ đứa con trai, kẻ đã tình nguyện gia hạn thời gian phục vụ quân đội của mình, có thể tham gia vào một nhiệm vụ chiến đấu thực sự ở Bờ Tây. Sống li thân với người chồng lúc đó đã bay đến Nam Mỹ với đứa con trai lớn hơn của họ, và sợ hãi rằng đứa nhỏ, Ofer, sẽ gặp chuyện không hay trong chiến trận, Ora đã quyết định một cách mê tín rằng nếu nàng không có nhà để nhận tin báo tử, thì đơn giản là nó không xảy ra. Vì thế nàng đã khởi hành một chuyến leo núi dài với người yêu cũ, cha đẻ của Ofer, đi xuyên đường mòn Israel, vắt từ bắc xuống nam dọc theo toàn bộ chiều dài đất nước. Tựa đề tiếng Anh của cuốn sách đã ám chỉ đến đặc điểm địa lý của con đường này, nhưng cũng có thể là nơi tận cùng của một đất nước mà ở đó chạy trốn khỏi cái chết không phải là một lựa chọn ngay cả dành cho người đương thời.

Mặc dầu đây là cốt truyện hư cấu của một cuốn tiểu thuyết, mối quan tâm thực sự của *To the End of the Land* là tình yêu, gia đình, và tình mẫu tử, nói cách khác là sự sống, chứ không phải cái chết. Tuy nhiên, ngay cả trên con đường mòn lữ hành cô quạnh, Ora cũng không thể chạy trốn hoàn toàn được. Nàng cố gắng giữ cho Ofer sống bằng cách kể về những câu chuyện của con, sống động như thật, với người cha chưa từng gặp mặt cậu. Những câu chuyện nàng kể thế nào cũng có việc Ofer mặc những bộ quần áo lúc cậu 3 tuổi như một chàng cao bồi, được trang bị đầy đủ với súng ống và một băng đạn chưa nổ, hoặc việc cậu khám phá ra cái chết, khá điển hình đối với những cậu bé trước tuổi đi mẫu giáo trên toàn

thế giới, nhưng sẽ có điểm khác biệt đối với một gia đình ở Jerusalem vẫn len lỏi qua những chiếc xe buýt bị nổ tan tành và những cuộc tấn công khủng bố khác trong khu dân cư của họ. Hoặc nàng cố gắng giữ Ofer sống bằng cách tránh nghĩ về việc hiện tại cậu đang ở đâu, nhưng tránh sao được khi con đường mòn thế nào cũng phải băng qua đài tưởng niệm một chiến sĩ đã ngã xuống, hoặc qua một ngôi làng có những người đang nói chuyện về “tin tức”. Cuối cùng, chúng ta không biết rằng Ofer có sống sót sau khi hoàn thành nhiệm vụ hay không. Nhưng với con trai của Grossman thì kết cục lại khác. Vào ngày 12 tháng tám năm 2006, khi Grossman đang hoàn tất những chi tiết cuối cùng cho cuốn sách, Uri đã chết khi xe tăng của anh bị một quả tên lửa bắn trúng trong những giờ cuối cùng của cuộc chiến Lebanon. Trong lời bạt ngắn gọn dành cho cuốn sách, Grossman viết: “Sau buổi viếng shivah kết thúc, tôi trở lại với cuốn sách. Hầu như tôi đã viết xong. Sau tất cả, những chi tiết thay đổi được thể hiện trong bản thảo cuối cùng là tiếng dội của thực tế.”⁽¹⁹⁶⁾ Sau này ông giải thích, trở lại với công việc viết lách sau lễ shivah một ngày là “một cách chống lại vẻ nghiêm trang của nỗi đau. Nó là một cách lựa chọn cuộc sống. Dở dang với cuốn tiểu thuyết này cũng là một việc hay, hơn là đang lơ lửng đâu đó. Có thể ngay lập tức bắt tay vào một cuốn sách khác là việc không phù hợp với tôi.”⁽¹⁹⁷⁾

Là một nhà tâm lý học thường xuyên làm việc với những bệnh nhân như vậy, và là một người cha, tôi biết rằng việc mất đi một đứa con, để diễn giải trường hợp của Grossman, có thể khiến bạn cảm giác như bị lưu vong khỏi chính cuộc sống của riêng mình. Ở Israel, tác phẩm và cuộc đời của Grossman đã kể cho chúng ta rằng, tất cả những ông bố bà mẹ Do Thái gửi những đứa con trai của họ vào quân đội rất có khả năng phải tìm đường để đi xuyên qua vùng đất trái tim mình như vậy. Trong một đất nước nhỏ như Israel, bi kịch cá nhân của Grossman khó có thể là trường hợp có một không hai. Trong năm 1996, một trong những nhà báo nổi tiếng nhất của Israel, Nahum Barnea, đã đến trung tâm của Jerusalem để đưa tin về vụ đánh bom liều chết mới phát hiện ra rằng một trong những nạn nhân thiệt mạng chính là con trai mình – điều đó không ngăn ông tiếp tục công việc đưa tin sự kiện về cho báo. Có lẽ trường hợp nổi tiếng nhất minh họa cho sự nhòe mờ ranh giới giữa việc chung và niềm riêng trong phương diện này, và trong vai trò của việc than khóc cá nhân giữa bước thăng trầm nói chung của đất nước, là trường hợp của Thủ tướng Benjamin Netanyahu. Việc mất đi người em trai trong suốt chiến dịch Entebbe đã khởi động sự nghiệp của ông như là một nhà bình luận về chủ nghĩa khủng bố, một nhà ngoại giao, và cuối cùng là người đứng đầu đất nước.

Tuy vậy, về mặt tâm lý, những tác phẩm của Grossman đã đưa chúng ta đến một nơi sâu thẳm hơn. Nói như câu cách ngôn nổi tiếng của Picasso, bất kể *To the End of the Land* có là một lời nói dối kể cho chúng ta sự thật về cuộc sống hay không, bất kể việc mất con trai của tác giả có là một trường hợp đời sống bước vào nghệ thuật, hay nghệ thuật bước ra đời sống hay không, thì cũng khó lĩnh hội câu chuyện này mà không mất đi cảm giác về thực tế. Đây chính xác là những gì Grossman phải đương đầu với cuốn tiểu thuyết tiếp theo của ông, *Falling out of time* (Tạm dịch: Lạc bước thời gian). Rõ ràng là vật lộn với mất mát của mình, trong cuốn *Falling out of time*, Grossman đã kể câu chuyện của một nhóm cha mẹ bị mất con và đang bắt đầu một hành trình tuyệt vọng để được gặp lại những đứa con của họ. Bối cảnh của cuốn tiểu thuyết là một thị trấn châu Âu không xác định, nơi Duke, người ghi chép sử biên niên của thị trấn, và một số nhân vật người que tăm chạy lòng vòng quanh thị trấn và chạy xuống tàu điện ngầm, tất cả trong một cuộc tìm kiếm vô tận những người thân yêu dấu của họ. Không giống với *To the End of the Land*, cuốn sách này không có một cốt truyện thực sự hay những nhân vật chính bằng da bằng thịt để người đọc có thể nhận diện. Hơn nữa, tác giả còn dùng cả thơ lẫn văn xuôi, các nhân vật này lặp lại lời than khóc của nhau và tham gia vào một cuộc truy cầu học búa để hiểu về cái chết. Như đã được học giả văn chương người Israel Avraham Balaban chỉ ra, địa điểm, những bóng gió ám chỉ mang tính hoang đường, và bản chất kỳ ảo của cuốn tiểu thuyết này, trong số những thứ khác, đã dựng lên công cuộc nghiên cứu bị kiểm chế một cách đáng kinh ngạc, thậm chí là dè dặt, về sự mất mát những

người thân.⁽¹⁹⁸⁾ Cứ như thế để viết về mất mát của mình, Grossman phải tách nó ra khỏi thực tế, nhất là thực tế của Israel. Thông qua cốt truyện phi thực tế này, Grossman đã chũa vào những nhận xét sắc sảo nhất về trải nghiệm mất mát, cứ cho đó là mất mát của ông, nhưng chắc chắn nó đã thâm nhập được vào vết thương của Israel.

“Tất cả những thứ này hiện diện/ từ bây giờ trở đi/ sẽ chỉ dội lại/ Sự vắng mặt,” Duke nói.

Một đoạn khác, toàn bộ nhóm này khóc than cho những người yêu dấu đã khuất của họ:

“Và sẽ như thế nào khi con là / Người chết, và chúng ta / thì vẫn sống? / Có bao giờ con từng nghĩ/ Chuyện này là sao? / Có lẽ chẳng phải ngẫu nhiên mà / Con ở đó / còn chúng ta ở đây? / Có lẽ con đã làm chuyện gì đó / để khiến cho chuyện-này xảy ra? - / Con biết không? / Chúng ta chẳng muốn làm phiền / với những ý nghĩ này / Chúng ta không muốn nghĩ đến con! / Chúng ta nghĩ về con đủ rồi... Vậy nên cầm lấy, cầm lấy gói này / xương của con đó – và biến đi / Biến đi cho khuất mắt! / Con có hiểu không? / Con / Con ở đó / Đã chết mất rồi!”

Giọng nói đó, cơn thịnh nộ đó, và tội lỗi của những người sống sót được hàm ý đến nằm tất cả trong đó. Nhưng những cơn đau đớn cũng trở nên hiện hữu. Nhắm vào đứa con trai đã chết của mình, người dẫn đầu đoàn diễu hành đó, Người Đàn ông đi bộ, nói: “Và xin hãy tha thứ cho sự ngu ngốc, vô nghĩa / câu hỏi mà cha phải hỏi / Vì đã 5 năm trời / nó gặm nhấm tâm hồn cha / Giống một cơn bệnh: / Thế cái chết là gì, hả con trai?” Chẳng ngạc nhiên là cuộc diễu hành về phía cái chết của họ gọi lại những cuộc diễu hành chết chóc của vụ Đại thảm sát. Những ghi chép miêu tả của người viết biên niên thành phố về đám diễu hành này gọi đến cuộc diễu hành chết chóc được Elie Wiesel khắc họa trong cuốn sách tự thuật kinh điển của ông, *Night* (Tạm dịch: Đêm): “Họ bước đi trên những quả đồi... kêu gào và vấp ngã, đứng dậy, bầu vúi vào nhau, bế những người đang ngủ, tự họ chìm vào giấc ngủ, đêm, ngày, lặp đi lặp lại...”

Nói về đứa con trai đã chết của mình, Nhân Mã, một nhà văn làng nhàng – có lẽ đại diện cho tác giả - ra lệnh cho Người Ghi chép sử biên niên của thị trấn: “Làm ơn hãy ghi vào bằng những chữ cái khổng lồ, thật lớn: Tôi phải tạo ra anh ta lần nữa dưới dạng một câu chuyện! Hiểu không? Đúng, anh ta, và điều khủng khiếp xảy ra với con trai tôi và tôi kia, đúng, tôi phải đan kết nó vào trong câu chuyện này. Với những chuyện kể tưởng tượng! Và kỳ ảo, tự do và những giấc mơ! Nổi lửa lên! Vạc dầu đang sôi!” Nói cách khác, người chết phải được giữ cho còn sống, nhưng trong trí tưởng tượng hoang đường rực rỡ giả tạo, vì cảm xúc không thể nào chịu đựng được việc đào bới vào nỗi mất mát bằng một cách có thực. Tuy vậy, và chỉ trong trường hợp người đọc nghi ngờ rằng cuốn sách này phần nhiều nói về thực tế Israel, Grossman lựa chọn việc giải thoát bằng tựa đề. Không trực tiếp nói đến, nhưng rõ ràng là bóng gió đến ngôn ngữ Hebrew, Người đàn ông đi dạo kể về đứa con trai đã chết của mình bằng một câu chuyện mà ông ta từng được nghe kể “bởi một người đàn ông ở một vùng đất xa xôi/ mà trong ngôn ngữ của nó, tử trận / được nói là “ngã xuống” / và bạn cũng lạc mất cả thời gian/ lạc thời gian, lạc thời gian của tôi.”⁽¹⁹⁹⁾

Như chúng ta đã biết, thời gian dừng lại đối với người chết, nhưng nó cũng dừng lại với những ai đang than vãn không ngừng. Vì không thể than khóc cho sự thiếu quê hương, những người Do Thái Diaspora, tiền Zion đã bị tắc ở quá khứ. Sự hủy diệt của Holocaust đã tạo ra một tiếng than trọn vẹn, thậm chí còn ít khả năng xảy ra hơn, và lịch sử chiến tranh của Israel cùng chủ nghĩa khủng bố đã chất chồng lên một lớp đau thương vô phương cứu chữa khác. Để đánh giá đúng xu hướng lấy thời gian làm trung tâm trong cuốn sách của Grossman, và trong tâm lý của người Israel, hãy xem xét đến sự hiện diện khắp nơi của

chứng rối loạn stress hậu sang chấn liên quan đến chiến tranh trong xã hội Israel. Reuven Gal, cựu trưởng khoa tâm lý trong IDF, và sau này là phó cố vấn an ninh quốc gia trong chính phủ Ariel Sharon, đã nói với tôi rằng ông ta ước đoán, hàng trăm nghìn người dân ông Israel đã phải chịu đựng những cơn ác mộng, những suy nghĩ muộn phiền, tình trạng ủ ê, nỗi lo âu, và suy sụp, tất cả những phản ứng stress hậu thương tổn đã tồn đọng lại trong thời kỳ phục vụ quân ngũ có chiến sự. Những cơn số này, tương đương với hàng chục triệu người ở Mỹ, thậm chí không bao gồm cả dân thường tiếp xúc với những cuộc tấn công tên lửa của Iraq năm 1991, những vụ ném bom liều chết của phong trào intifada lần thứ hai 2000 – 2005, cuộc chiến tranh Lebanon năm 2006, mùa hè rực đạn rocket của Hamas và những đường hầm khủng bố năm 2014. Cơn ác mộng năm 1948 đã trở lại, trong một số những cuộc chiến tranh này, chiến trường nói rộng tận đến những trung tâm dân sinh của đất nước. Bởi vậy, trong một số năm gần đây, Bộ Giáo dục đào tạo Israel đã xuất bản ngày càng nhiều sách và những tờ hướng dẫn nhằm giúp cha mẹ, giáo viên, và những chuyên gia chăm sóc sức khỏe tâm lý đối phó với những biểu hiện của các cơn thương tổn, stress liên miên và những trường hợp cấp cứu trong hệ thống nhà trường.

Trong những biểu hiện, triệu chứng tâm lý ôn hòa nhất liên quan đến chiến trận đã qua có thể xuất hiện bình dị nhất trong những cuộc nói chuyện bên bàn ăn tối ở bất cứ đâu trên đất Israel. Khi gia đình ngồi quây quần bên nhau, khi ai đó khơi chuyện về chiến tranh Lebanon, một người họ hàng tuổi ngoài băm buột miệng nói sau khi trở về từ Lebanon, nhiều tháng trời chồng cô phải chịu những cơn ác mộng vật vã, sống lại những trải nghiệm chiến tranh của anh ấy. Ở bên đầu quang phổ yếu hơn, nơi những triệu chứng dễ bị giấu nhẹm đi, một lữ đoàn trưởng người Israel đã nghỉ hưu, từng chiến đấu trong cuộc năm 1967 và chiến tranh năm 1973 kể câu chuyện sau đây về kỳ nghĩa vụ quân sự của con trai ông ở Bờ Tây trong suốt phong trào intifada lần thứ nhất của người Palestine. Cậu con trai, lúc đó 19 tuổi, về thăm nhà mỗi tháng một lần một tuần phép, nhưng hoàn toàn chẳng nói gì về những nhiệm vụ của cậu ta. Tuy nhiên, đêm đến, cả nhà nghe thấy tiếng cậu ta khóc lóc và gào thét trong khi ngủ. Ông ta đã buộc họ phải tuân thủ những nguyên tắc nghiêm ngặt là không bao giờ được bắt ngờ lay cậu ta dậy, nhưng một lần, khi đứa em gái cậu ta làm vậy, cậu ta nhảy ra khỏi giường một cách thô bạo và gần như bóp nghẹt cô bé. Chuyện này tiếp tục cho đến khi cậu ta kết thúc kỳ nghĩa vụ của mình sau một vài năm, từ chối tất cả mọi điều khơi gợi về thời gian đó, thậm chí là khi bị hỏi dò. Rồi, một vài tháng sau khi hoàn thành nghĩa vụ và rời khỏi nhà, cha mẹ cậu nhận được một cuộc gọi từ bạn cùng phòng yêu cầu họ đến thật nhanh. Họ đến nơi và thấy con trai mình đang nằm trên sàn ở góc phòng, đập đầu vào tường và kêu khóc: “Tôi không làm nữa đâu.” Cuối cùng cậu ta cũng đồng ý để người ta giúp đỡ, cậu ta kể cho cha mẹ nghe về những thứ đã gây nên tình trạng suy sụp này cho cậu. Một vài ngày trước, cậu được mời phỏng vấn cho một bộ phim tài liệu về phong trào intifada. Cậu ta được một bác sĩ tâm lý yêu cầu miêu tả những gì mình đã làm trong suốt thời kỳ phục vụ trong quân ngũ. *Xem* bộ phim ấy, bạn sẽ thấy chàng thanh niên được quay cận cảnh, nói ngập ngừng, khi nước mắt cứ chảy dài trên gò má. “Khi con cái tôi hỏi tôi đã làm gì trong quân đội, tôi sẽ phải nói với chúng rằng tôi đã đánh đập phụ nữ và trẻ em.”

Các triệu chứng stress hậu sang chấn là một cỗ máy thời gian tâm lý. Bệnh nhân nỗ lực đây tuyệt vọng muốn chộp lại những trải nghiệm quá khứ để có thể vượt qua nó, bằng những hình ảnh vụt hiện trong óc, những giấc mộng, cơn hốt hoảng, hoặc những mối bận tâm muộn phiền; hoặc bệnh nhân cố gắng tới mức tuyệt vọng để chạy trốn khỏi quá khứ - bằng cách làm cho cảm xúc bị tê liệt – kết quả là bệnh nhân rơi vào trạng thái phân ly với thực tại. Nhưng nếu chấn thương tâm lý khiến bệnh nhân như thế sống trong một hệ thời gian khác, thì nó còn khiến anh ta hành động theo cách thức cực đoan nào đó, từ hành động anh hùng đến hành động hung hăng, đến hành động nguy hiểm. Trong cuốn hồi ký của mình, Amos Oz đã miêu tả hết sức ngọt ngào kỷ niệm năm tám tuổi, trong suốt năm cuối cùng người Anh còn quyền ủy trị, ông và hai người bạn nữa đã dựng một quả tên lửa trong sân sau

nhà mình để nhằm vào Cung điện Buckingham của London. Sử dụng máy đánh chữ của cha, họ đã thảo ra một bức tối hậu thư yêu cầu Quốc vương George VI rút quân đội khỏi Palestine. Họ cảnh báo, nếu không rút quân trong vòng sáu tháng thì vương quốc Anh sẽ tự biến Yom Kippur là một ngày phán tội dành cho chính mình. Trong khi họ đang phát triển bộ phận hướng dẫn tên lửa và hệ thống dẫn nhiên liệu cần thiết, Oz báo cáo, người Anh bắt đầu đánh hơi được và đã rời khỏi đất nước này. Một lá thư như vậy không phải là bất thường trong một vở kịch tạo niềm tin cho một đứa trẻ Israel; đôi khi những chuyện kỳ ảo như vậy lại du hành vào tương lai, hiện thực hóa, có thể nói, như là những hành động anh hùng trong tuổi thơ.

Khi còn ở tuổi thiếu niên, Moshe Amirav, sau này là cố vấn cho thủ tướng Ehud Barack trong suốt những cuộc đàm phán Trại David, lúc nào cũng chìm đắm vào việc mơ mộng đến đại sự giải phóng Thành Cổ Jerusalem. Trong ngày lễ Yom Kippur năm 1961, giấu cha giấu mẹ, cậu và một bạn cùng trang lứa từ nhà họ ở miền trung Israel đến Jerusalem, định lén qua biên giới vào sâu tận Đông Jerusalem và thổi shofar⁽²⁰⁰⁾ ngay trước bức tường Phía Tây. Họ lý luận rằng, thậm chí nếu bị bắt, và nếu họ bị giết, thì cuộc hành hương của họ cũng khuấy động nhân dân nổi dậy và giải phóng Jerusalem khỏi kẻ chiếm đóng Jordan. Với mưu đồ này, họ đến xin lời chúc phúc từ một trong những thần tượng anh hùng của họ, nhà thơ theo chủ nghĩa dân tộc Uri Zvi Greenberg, người mà Yom Kippur năm nào cũng cầu nguyện ở núi Zion từ một địa điểm có thể nhìn qua được biên giới và thành cổ. Greenberg, rõ ràng đã hiểu rõ sự khác biệt giữa mơ mộng viễn vông và thực tế, giận dữ gửi trả hai đứa nhóc về nhà, nhưng trước đó không hề hứa hẹn rằng chẳng bao lâu nữa trong tương lai những người lính Israel sẽ xông lên và giải phóng thành phố bị chiếm đóng. Sáu năm sau, vào ngày 5 tháng Sáu năm 1967, Amirav đến Tây Jerusalem với tư cách là một người lính trẻ trong lữ đoàn quân nhảy dù tiến đến Thành Cổ và Bức tường Phía Tây. Trong suốt trận chiến gay go, ác liệt với lính lê dương người Jordan ngay bên ngoài những bức tường của đế chế Ottoman cũ và cách bức tường Phía Tây một khoảng rất ngắn, Amirav bị một mảnh đạn bắn vào mặt. Anh càng thất vọng khi bị sơ tán tới bệnh viện Hadassah chỉ ngay bên ngoài Tây Jerusalem, ở đó người ta bảo anh rằng trong đầu anh đang có một mảnh bom và sẽ phải phẫu thuật để lấy nó ra trong nay mai, khi sức khỏe của anh đã ổn định. Ngày tiếp theo, khi nghe radio đưa tin rằng những đồng đội của anh vừa đến được bức tường Phía Tây, anh ta nhảy ra khỏi giường và quyết định tiến đến Thành Cổ. Một mắt bị băng, khuôn mặt nhàu nát, đau đớn, và đầu băng bó, anh ta nhảy ra từ một trong những cửa sổ tầng trệt của bệnh viện. Hợp sức với một người lính bị thương khác, bằng cách nào đó, anh ta đã trưng dụng một chiếc jeep quân sự và lái đến Đông Jerusalem. Dù khập khiễng và mắt Amirav khó lòng nhìn thấy được, cuối cùng, giữa mưa bom bão đạn, họ cũng tìm được đường tới Tây Jerusalem. Sau chiến tranh, Amirav nhận được huy chương lữ đoàn nhảy dù thưởng cho những người lính giải phóng Jerusalem.⁽²⁰¹⁾

Từ lữ đoàn đã chiến đấu quá xuất sắc ấy nổi lên một nhân vật nổi tiếng khác, hoặc tai tiếng như đối với phần lớn người dân Israel, đó là Udi Adiv. Sinh ra trong một gia đình khai quốc công thần từ một kibbutz trọng yếu, Adiv đã bị vỡ mộng với đảng xã hội mà kibbutz của anh gia nhập và sau chiến tranh năm 1967, gia nhập phong trào cộng sản cực đoan. Sau này anh bí mật đến Damascus để gặp gỡ các thành viên của PLO, sau này là một tổ chức khủng bố bài Zion, và năm 1973, anh bị tòa án Israel kết tội là gián điệp cho Syria. Adiv thừa nhận rằng anh đã sai khi đến Syria, nhưng anh khẳng định rằng mục đích của anh chỉ là thiết lập mối quan hệ với những đại diện Palestine, và rằng anh chưa từng trao bất kỳ thông tin nào cho chính quyền Syria. Tuy nhiên, anh cũng bị truyền thông và công chúng Israel kết tội, và bị tù 17 năm.

Vụ việc Adiv đến như một cú sốc lớn đối với người dân Israel, vì họ nghĩ rằng thật khó có thể lường trước được tình huống một trong số họ làm gián điệp cho một nước Ả Rập, và

đây thực sự là một thảm họa đối với gia đình Adiv. Kibbutz của họ cũng là quê hương của Uri Ilan, một người bạn của gia đình Adiv, là tấm gương hoàn toàn trái ngược với vụ việc của Uri Adiv, vẫn còn in sâu trong tâm trí mọi người. Ilan với bốn đồng chí khác bị quân đội Syria bắt khi đơn vị của họ dẫn đầu một chiến dịch bí mật ở cao nguyên Golan vào năm 1954. Sau khi bị thẩm vấn và tra tấn tàn bạo, Ilan đã treo cổ tự vẫn trong xà lim, anh xé chần ra làm dây thắt. Nhiều năm sau đó, khi xác anh được trao trả về Israel, một vài dòng chữ được tìm thấy trong quần áo của anh, đáng nhớ nhất là: “Tôi không phản bội tổ quốc, tôi tự kết liễu chính mình.” Khi công chúng biết đến số phận của Ilan, cả nước chìm đắm trong nỗi tiếc thương. Nhưng hành động tự vẫn của anh cũng trở thành một niềm tự hào, một biểu tượng cổ vũ, khích lệ chủ nghĩa anh hùng cho một thế hệ thanh niên Israel. Bỏ qua giá trị của sự hi sinh thân mình cho một xã hội như vậy, nhìn từ quan điểm tâm lý học, cũng hợp lý nếu xem lựa chọn bi thảm của người lính này – giết bản thân hơn là phản bội tổ quốc – như một phản ứng cực đoan đối với những tổn thương mà kẻ giam giữ giáng lên anh. Cũng có thể hiểu phiên bản hành động dị biệt của Udi Adiv là một phản ứng đối với thương tổn này. Chị của Adiv, hiện là một chuyên gia tâm lý ở thành phố New York, tin như vậy. Trong trận đánh giành lại thành Jerusalem, cô nói với tôi, em trai cô đã mất rất nhiều người bạn, và ngay sau chiến tranh, anh được yêu cầu bắn những thường dân Palestine cố gắng quay trở lại nhà của họ. Cô tin rằng tinh thần anh đã suy sụp sau những sự kiện như vậy và bởi thế đã đi tới hành động cực đoan và “ngu ngốc”, như lời anh ấy nói, để cố xóa đi nỗi đau thương đó.

Hai phản ứng trái ngược nhưng hiểm hoi đối với thương tổn này là hai mặt của một đồng xu, thể hiện điều gì đó trong khuynh hướng muốn thực hiện những hành động lớn lao trong mỗi người Israel. Một đảng thì động cơ là tuyệt đối trung thành với đất nước, còn một đảng thì động cơ lại phủ nhận hoàn toàn điều đó. Có thể nhận ra một phiên bản giản dị hơn trong cuốn *To the End of the Land* của Grossman, khi hai trong số ba con trai của Ora đã bày tỏ những nguyện vọng cuối cùng đối nghịch nhau nếu trong trường hợp họ bỏ mạng trong kỳ nghĩa vụ quân sự của mình. Một người yêu cầu cha mẹ thay mặt anh cho đặt một băng ghế ở bên ngoài câu lạc bộ Jerusalem nơi anh từng biểu diễn; còn người kia lại yêu cầu cả nhà hãy rời khỏi Israel.

Phong cách giải quyết vấn đề thiên về hành động này cũng là một tập con của cấu trúc tinh thần rộng hơn, khuynh hướng siêu nam tính của tính cách dân tộc Israel. Ngay từ đầu, sự nghiệp của những người Zion đã dựa trên tinh thần sẵn sàng gia nhập hàng ngũ quân đội và chiến đấu cho ngôi nhà tổ quốc, vì nền tảng của chủ nghĩa Zion là tư tưởng rằng người Do Thái chẳng có chỗ nào khác ngoài Palestine. Như nhà văn người Israel sinh ra ở Mỹ, Haim Watzman, đã viết rằng văn hóa sabra buổi đầu – nền tảng bản sắc Israel – dựa trên những lý tưởng về sức mạnh tính nam. Những huyền thoại về người nông dân, người chỉ huy quân đội, người phiêu lưu, và thậm chí cả nhà thơ và nhà văn đều dứt khoát phải là đàn ông.⁽²⁰²⁾ Kể từ đó, tình trạng chiến tranh triền miên đã gây ra hậu quả là một tổ chức quân đội quá khổ mà văn hóa của nó có một sức ảnh hưởng xuyên thấu, thâm nhập tất cả mọi góc ngách xã hội Israel. Có thể thấy rõ ràng điều này ở bất cứ đâu trên đất Israel, và trong mọi thứ, từ lời những ca khúc nổi tiếng, nơi một cô gái có thể bị “chinh phục” với sự trợ giúp của một tiểu đoàn pháo binh, tới cuộc huấn luyện bán quân sự của những phong trào thanh niên, tới những bức tượng đài bên đường. Một tượng đài như thế ở ngay ngoài Jerusalem gồm khoảng 150 xe tăng, mời mọc lũ trẻ đủ lứa tuổi trèo lên và chụp hình với chúng. Một cậu bé Israel 14 tuổi đã nói với tôi rằng trong thời gian suốt một năm học cấp hai, nó đã được tiếp đón đại diện của các đơn vị tình báo quân sự những sáu lần. Những quân nhân tình báo giải thích nhiệm vụ của họ, tái đảm bảo với những đứa trẻ “không nên lo lắng nếu cơ quan tình báo có vẻ không giống một hoạt động chiến đấu – có một đơn vị chiến đấu siêu việt trong khối tình báo này.” Học sinh trong trường bị bắt nạt thường là vì chúng nó chế là hèn yếu khi dứt khoát tránh né những trò chơi liên quan đến chiến tranh. Những đứa trẻ ủng hộ cho hòa bình và nhân quyền cho những người Ả Rập cũng dễ bị bắt nạt.

Trực tiếp hay gián tiếp, cũng dễ nhận thấy khuynh hướng trọng tính nam trong văn học viết bằng tiếng Hebrew hiện đại cũng như trong những bộ phim Israel – từ những tác phẩm khắc họa khía cạnh con người và văn hóa trong việc trải nghiệm đời sống nhà binh, như *Repeat Dive* (tạm dịch: Liên tục lặn) của Shimon Dotan được sản xuất năm 1982, cho tới những tác phẩm thuộc nhiều thể loại pha trộn, như *Walk on Water* (Tạm dịch: Đi trên nước) của Eytan Fox năm 2004. Trong serie phim truyền hình nổi tiếng *BeTipul*, hay *In Treatment*, trình chiếu lần đầu vào năm 2005, xoay quanh cuộc sống nghề nghiệp và đời tư của một chuyên gia tư vấn tâm lý, do Assi Dayan, con trai của tướng Moshe Dayan người Israel danh tiếng, thủ vai. Một trong những nhân vật có vấn đề nhất bộ phim là viên phi công không lực đang đấu tranh với tội lỗi trong tiềm thức vì đã bỏ bom một ngôi trường ở dải Gaza, cũng như với bản tính nam của anh ta. Về ngoài mạnh mẽ của bệnh nhân này, thái độ ngạo mạn của anh ta, và tính dễ tổn thương ngầm ẩn của anh ta là tinh chất của tính cách Israel. Hãy so sánh, trong phiên bản Mỹ, bệnh nhân này, một phi công chiến đấu dính líu vào một trận chiến tương tự ở Iraq, không phải là một người Mỹ điển hình, mà chỉ là một người đàn ông bị tắc trong di chứng chấn thương tâm lý chiến tranh. IDF và những cuộc chiến tranh của nó, ngạc nhiên thay cũng góp mặt vào khung cảnh mỹ thuật cực tinh tế, phức tạp. Một trong những tác phẩm gây ấn tượng nhất trong bộ sưu tập vĩnh viễn⁽²⁰³⁾ ở khu nghệ thuật Israel hiện đại tại bảo tàng ở Jerusalem là một bức ảnh của Adi Nes⁽²⁰⁴⁾ phóng to, giống trong đó những người lính Israel được đưa vào bức tranh như sự thay thế cho những nhân vật trong bức *Bữa tối cuối cùng* của Leonardo da Vinci.

Người Israel nổi tiếng là thẳng thắn, nếu không nói là hiếu chiến trong giao tiếp. Khi con gái tôi lên tám tuổi, trong buổi tụ họp gia đình đông đủ, một trong số những người em anh họ người Israel của nó mới hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về với lon hạ sĩ, đã nói chuyện riêng với nó để khuyên răn con bé về cuộc sống. “Hãy luôn thẳng thắn!” anh ta khuyên vậy. Điều đó gây ấn tượng sâu sắc với con gái tôi vì như nó nói, khi nó đủ lớn để hiểu ý cậu ta: “Ở Mỹ, khi mọi người khuyên cha, thường là những thứ kiểu như “Hãy luôn là chính bạn,” hoàn toàn vô dụng bởi vì cha còn có thể là ai khác cơ chứ?” Nhà nghiên cứu xã hội học Oz Almog đã cho rằng người Israel *dugri*, có nghĩa là “thẳng tính” trong tiếng Ả Rập và để chỉ cách nói năng bộc trực này, là kiểu nói như “bắn hỏa lực”⁽²⁰⁵⁾ vào người ta, một cụm từ có nguồn gốc hoặc bắt chước ngôn ngữ trong truyền tin điện đàm trong quân đội.⁽²⁰⁶⁾ Lúc nào tôi cũng thấy đặc điểm này ở các bệnh nhân Israel của tôi. Ví dụ, giống như tất cả các bệnh nhân tâm lý trị liệu trên toàn thế giới, họ đề phòng việc trị liệu, nhưng đặc biệt công khai thể hiện điều đó hơn so với những bệnh nhân Mỹ hoặc người châu Âu. Nhưng mặt khác, những bệnh nhân Israel của tôi cũng nhanh cởi mở và bộc lộ thế giới nội tâm của họ hơn. Có một bệnh nhân như thế đã tự làm mình dễ tổn thương trong buổi tư vấn ban đầu. Nhưng đúng như dự đoán, khi gần kết thúc buổi tư vấn, tôi vui vẻ nói với anh ta một số nhận xét khái quát về những mối quan hệ của anh ta mà tôi cho là khá có ích, thì anh ta đáp trả rằng: “Ồ, chẳng cần phải là một nhà tâm lý mới có thể nhận ra được điều đó.”

Nhà báo xã luận của thời báo *New York Times*, David Brooks, đã viết thế này: “Israel là một đất nước ràng buộc nhau bằng tranh luận. Văn hóa đại chúng là một tạp âm dai dẳng của những tiếng chỉ trích. Các chính trị gia lao vào nhau với một cơn giận dữ mà ở nước Mỹ, chúng ta thậm chí còn không thể tưởng tượng ra. Trong những cuộc họp báo, các nhà báo Israel chế nhạo và xỉ vả những lãnh đạo đất nước họ. Những nhân viên cấp thấp trong các công ty có thể không ngại ngạo sủa lưng cấp trên của họ. Những người từ Anh hoặc từ Mỹ chuyển đến đây thường chia sẻ rằng họ đã phải trải qua một thời kỳ hòa nhập là phải học cách cứng rắn và biết cãi lại.”⁽²⁰⁷⁾

Nhà tâm lý người Israel Avner Falk đã nhìn nhận việc này ít dễ dãi hơn, ông cho rằng người Israel thường để ngôi nhà của mình có cảm giác như những chiến sĩ chuẩn bị bước vào

một trận đấu.⁽²⁰⁸⁾ Giống như những người khác, ông miêu tả cuộc sống hàng ngày ở Israel đầy những va chạm, căng thẳng, và áp lực, với lời nói và thanh âm khó nghe xen vào lúc ngắt quãng của âm thanh ra rả của radio và ti vi oang oang tiếng nhạc và những bản tin vắn. Tất cả sự thăng thấn và om sòm này đều là một khía cạnh biểu hiện cho sự hung hăng. Như David Grossman đã nêu ra, có lẽ bắt đầu vào những năm 90, cùng với sự phát triển của việc xây dựng và cơ sở hạ tầng khổng lồ, du khách trở lại Israel sau một thời gian dài vắng mặt đã bị sốc với tính tàn nhẫn, thô lỗ và sự chai sạn trong văn hóa người Israel.⁽²⁰⁹⁾ Những nhà bình luận Israel bên cánh tả đã đổ hầu hết những sự hung hăng hàng ngày này cho nguyên nhân là quá trình xã hội hóa quân sự, tăng cường lính trẻ Israel và lính dự bị đang trong những giai đoạn làm nhiệm vụ ở những lãnh thổ chiếm đóng. Gia cố hàng rào kiểm soát, lục soát nhà cửa, san phẳng các ngôi nhà, nhổ các gốc nho và ô liu, thực hiện nhiều vụ bố ráp và trục xuất trên phạm vi rộng, tịch thu đất đai, và ủng hộ việc vi phạm pháp luật, đôi khi là hành vi bạo lực của những người Do Thái định cư, nếu không tính đến việc giết thương dân, tất cả đều cần phải đè nén, triệt tiêu mọi cảm xúc yêu thương và nhạy cảm, tôi luyện cái vỏ bên ngoài của mỗi người với nỗi tức giận không thềm đếm xía tới người khác. Chỉ riêng quá trình mô hình hóa xã hội – việc con người có xu hướng bắt chước và nhân rộng hành vi – có thể là nguyên nhân chính khiến cho những hành vi, việc làm như vậy xâm nhiễm trở lại vào lãnh thổ hợp pháp của Israel để củng cố thêm cho biểu hiện chênh lệch rõ ràng của tính chất siêu nam tính và ảnh hưởng đến những giao tiếp tương tác lẫn nhau.

Nhưng ở đây còn có một động lực sâu xa khác. Những nhà tâm lý Israel, bao gồm cả Falk, Shalit và Grossbard, đều đã lưu ý rằng tình trạng giao tranh hàng ngày trong xã hội Israel được bắt rễ từ trong sự lo lắng vô thức.⁽²¹⁰⁾ Nỗi sợ hãi chưa từng có về những cuộc đánh bom liều chết, rocket, những tin xấu từ tiền tuyến, và thậm chí là những vụ tai nạn xe hơi – lái xe trên đường cao tốc Israel có thể là một điều nguy hiểm – người Israel sống trong một trạng thái tinh thần vô cùng thấp thỏm, đề phòng, thường chọn đánh phủ đầu khi lưỡng lự trước nguy cơ của một cuộc tấn công. Nhìn chung, họ không thể hoàn toàn tin tưởng rằng phép màu về một nhà nước Do Thái sẽ kéo dài. Thực vậy, một đất nước tí hon bao quanh bởi hàng trăm triệu tín đồ Hồi giáo, nhiều kẻ trong số đó không công nhận sự tồn tại của nó, một thiểu số Ả Rập ngày càng lớn mạnh còn đe dọa từ bên trong, và nguy cơ về một cuộc đấu tranh tôn giáo – thế tục trong lòng cộng đồng Do Thái, một đất nước như vậy có thể không bao giờ cảm thấy an toàn. Lao mình vào bóng ma của một Iran hạt nhân và chủ nghĩa khủng bố sinh học, không tính đến rất nhiều trầm tích lịch sử lo âu về sự tồn vong đã thảo luận ở phần trước, thật dễ nhận ra tại sao những nỗi sợ hãi như vậy lại khó có thể chịu đựng. Bởi vậy, giống như bệnh nhân tâm lý trị liệu không thể dung thứ cho nỗi lo âu của mình và “hành động ra” bằng thói hung hăng đối với những người khác, hoặc như bậc cha mẹ giận dữ – nhưng không lo sợ – quát vào mặt đứa con bé bỏng định tự làm đau mình, người Israel từ chối hoặc dồn nén nỗi lo âu của mình và đẩy nó sang cho người khác dưới dạng những cơn giận dữ.

Nhiều đứa trẻ Israel có một giai đoạn phát triển lệch lạc, rõ ràng là theo khía cạnh siêu nam tính. Miêu tả sự phát triển của riêng mình khi còn là một cậu bé, nhà nghiên cứu chính trị Yaron Ezrahi nhớ lại lúc 12 tuổi bằng cách nào mà ông đã nhận ra một người Israel có nghĩa là gì. Cảm nhận được mối lo âu hàng đầu của mẹ là sự an toàn của mình, ông nhận ra rằng thế giới quan của mẹ gắn chặt với ý thức truyền thống của người Do Thái về sự tồn tại bằng cách tránh xa rắc rối hoặc thực sự chạy đến một nơi trú ẩn an toàn đâu đó. Ngược lại, cha ông lại xem Palestine, sau này là Israel, như một ngôi nhà, trong đó cả gia đình sống và chết ở đó, và chắc chắn sẽ không bỏ đi. Bởi vậy ông ấy đứng về phía cha mình. “Với tư cách đại diện cho những giá trị gia đình riêng tư, mẹ tôi đứng cùng phe với tất cả giá trị mà chủ nghĩa Phục quốc Do Thái chế nhạo và các giáo viên ở trường dạy chúng tôi là phải chối bỏ.”⁽²¹¹⁾ Trong khi ở hầu hết các nước phương Tây, giai đoạn chuyển tiếp từ tuổi dậy thì đến

tuổi trưởng thành, những người trẻ tuổi sẽ rời nhà để đi học đại học hoặc làm một công việc không cần bằng cấp gì đó, thì ở Israel, trong giai đoạn chuyển tiếp này hầu hết thanh niên, chắc chắn là con trai, gia nhập quân đội, trải nghiệm cuộc sống tập thể ở đó, chủ yếu là tập trung vào việc sử dụng vũ khí và trở thành một chiến binh. Như đã được Ezrahi lưu ý, trong tiếng Hebrew, “súng” cũng là tiếng lóng mà ai cũng biết để chỉ bộ phận sinh dục của đàn ông. Chúng tôi việc mang một khẩu súng và việc trở thành một người đàn ông cường dương có liên quan đến nhau. Ezrahi lưu ý, những người lính lo sợ khi phải ra trận bị chế giễu và chỉ trích vì hành động như đàn bà. Chẳng có gì đặc biệt mang tính Israel về danh dự trong quân đội này cả, nhưng không giống với những nước phương Tây, cuối cùng nó lại quyết định cả những giá trị cá nhân và giá trị xã hội của xã hội này nói chung, bên ngoài doanh trại quân đội.

Như trong tất cả những trường hợp định dạng bản sắc mình là siêu nam tính, tồn tại một khát khao vô thức ngầm ẩn đối với người mẹ bị chối từ kia và những gì mà bà đại diện như sự thoải mái, an toàn, chấp nhận, mềm mỏng, và nữ tính. Nhưng những khát khao như vậy đe dọa, làm hao tâm tổn khí tinh túy đàn ông của cậu bé. Do đó, một cậu bé bình thường sống trong môi trường như thế phải nỗ lực gấp đôi để bảo tồn khí chất đàn ông trong tâm lý mình, thành ra trở nên siêu nam tính. Ở Israel, điều này có nghĩa là tồn tại một mong ước vô thức được trở lại với những con đường thụ động, phụ thuộc, sách vở, và nữ tính truyền thống của thời Diaspora, những khát vọng quá đối chọi với căn cốt của sự nghiệp dân tộc, vốn phải bị bào cho mòn đi. Tuy vậy, ở Israel, trong một xã hội thay đổi chưa từng có như bây giờ, những khát vọng này đã ít bị cấm đoán hơn rất nhiều so với trước đây. Mức độ nhục nhã này cũng đã giảm bớt đi cùng với tình trạng người Israel rời khỏi đất nước, ngày càng nhiều thanh niên yeshiva không thực hiện nghĩa vụ quân sự, và thậm chí những yếu tố như thích hưởng thụ, dễ dãi với những tình cảm bi lụy, sưng mưng, còi mưng, và thích làm việc trí óc trong phong cách sống ở Tel Aviv, tất cả đã chứng minh cho xu hướng này. Nhưng dòng mạch chính trong câu chuyện vẫn là tính nam hung hăng, và thậm chí ngay cả những khuynh hướng đi ngược lại như trình bày trên kia cũng thể hiện tính quyết đoán khá mạnh mẽ trên con đường của mình. Cuối cùng, với tư cách cá nhân, cố gắng nhất có thể, các thành viên của tất cả những khuynh hướng hoặc những cách sống này thường thất bại trong việc rũ bỏ đặc điểm thiên về tính hung hăng đã ăn sâu vào văn hóa của họ.

Những nguồn cơn cho đặc trưng siêu nam tính này đã được gói gọn một cách tinh tế trong một khoảnh khắc mang tính biểu tượng trong cuốn sách *To the End of the Land* của David Grossman. Khi Ora ôm chào đón con trai, Ofer, vào ngày phép cuối tuần, “những ngón tay nàng thụt lại vì chạm vào vỏ kim loại của cây súng treo sau lưng cậu và tìm khoảng lung không có sự hiện diện của súng ống, một nơi không thuộc về quân đội, một nơi cho bàn tay nàng.”⁽²¹²⁾

Ở một chỗ khác, Grossman đã nói đến trải nghiệm nỗi đau mất mát luôn đi kèm với tính nữ. Trong *Falling out of Time*, người đàn ông đi dạo đã so sánh nỗi đau mất đứa con trai với việc sinh đẻ và kết luận: “Bởi vậy, cái chết của nó đã đào mồ chôn tôi lần nữa bằng một cây xẻng bóng loáng: gia quyến của người đã khuất sẽ luôn luôn là một người phụ nữ.”⁽²¹³⁾ Ở đây chúng ta có thể thấy trong giản đồ thô nhám phản ứng tính nữ và tính nam đối với con thương tổn. Tính nữ phản ứng với con thương tổn bằng cách than khóc, tính nam phản ứng bằng cách tham chiến. Ở một xã hội Israel nói chung nổi trội tính nam hơn, gánh nặng thương tổn chắc chắn đã thổi phồng hơn lên khuynh hướng hung hăng của nó. Như đã được nhà tâm lý học và chuyên gia về chấn thương tâm lý Yuval Neria nhận xét, việc công chúng Israel nghiêng về cánh tả sau phong trào intifada lần thứ hai của người Palestine là một phản ứng chính trị tự nhiên đối với thương tổn. Đó là một cách tiếp cận rõ ràng mang tính động thủ hơn để đối phó với nỗi sợ hãi và giận dữ.⁽²¹⁴⁾

Cá nhân mỗi người phụ nữ Israel đều đi theo con đường phát triển của riêng mình. Nhưng như Watzman đã lưu ý, văn hóa sabra thời đầu đã *xem* người phụ nữ không đủ tư cách là một cá nhân dự phần vào tập thể, cái tập thể chủ yếu góp mặt cánh đàn ông⁽²¹⁵⁾. Ngay từ xưa, nhiều người phụ nữ trẻ cũng rời gia đình để tham gia nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên hầu như là, chẳng liên quan gì đến kỹ năng hay trí tuệ của họ, quân đội tuyển họ để làm thư ký hoặc những vị trí hỗ trợ khác, khuất phục họ trước hệ thống cấp bậc quân đội cho nam giới. Họ, cùng với những người phụ nữ không phục vụ trong quân đội, được huấn luyện cho cứng rắn lên với văn hóa mang đặc nam tính và cuối cùng là lấy những giá trị và hành vi cư xử nam tính để làm chuẩn mực. Thật vậy, khi những người phụ nữ Israel đứng tách khỏi một đám đông, họ thường có vẻ như là cực kỳ quyết đoán. Golda Meir, nữ chính trị gia thành công nhất Israel, do đó, được Ben-Gurion miêu tả bằng so sánh nổi tiếng là người đàn ông duy nhất trong nội các của ông ta. Trong nhiều xã hội, phụ nữ lãnh đạo thường được coi là có tính cách mạnh mẽ nam tính, nhưng ở Israel, nhiều phụ nữ chỉ đơn giản là hung hăng như đàn ông.

Trái ngược với tình hình chung này, hiện nay nổi lên một lãnh đạo nữ là Daphni Leef, biên tập viên video 25 tuổi, rất đáng chú ý. Vào mùa hè năm 2011, Leef dẫn dắt phong trào đòi công bằng xã hội lớn nhất trong lịch sử Israel, cô không phục vụ cho IDF vì những lý do sức khỏe. Tuy nhiên, khi còn ở tuổi tiền nghĩa vụ quân sự, cô đã cùng rất nhiều thanh niên khác ký vào một lá thư để từ chối phục vụ trong “quân đội xâm lược”. Khi có được danh tiếng với tư cách là lãnh đạo phong trào, cô thảo luận công khai về những khó khăn của cô trong tình yêu, về sự nghiện ăn, về cái chết của một người bạn tự tử, về lòng tự tôn, những nhóm hỗ trợ và về việc bị hãm hiếp lúc 14 tuổi. Và cô đã không ngần ngại để nước mắt rơi trước bàn dân thiên hạ. Cô xuất hiện với hình ảnh một người lãnh đạo hoàn toàn khác: dễ tổn thương, cởi mở, mềm mỏng, và thành thực thể hiện sự thờ ơ của mình với những mối quan tâm theo khuynh hướng thiên về tính nam. Nhưng rõ ràng cô mang đặc trưng Israel. Lần đầu tiên, đứng trước công chúng, cô nói trước hàng trăm nghìn người, tương đương với hàng chục triệu người ở Hoa Kỳ. Như sau này cô viết lại, cô quá hồi hộp đến mức không thể đọc được bài đã chuẩn bị sẵn. Thay vào đó, cô đã ứng khẩu. Leef có vẻ dễ tổn thương, nhưng cô cũng rất quyết đoán và dũng cảm. Có lẽ có một nghịch lý tương tự ẩn dưới thái độ hung hăng, thách thức công chúng ở cái cách cộng đồng LGBT Israel ở Tel Aviv, thậm chí ở Jerusalem ngênh ngang thể hiện. Nói cách khác, kể cả những người Israel không quan hệ gì với những khái niệm truyền thống về tính nam này cũng biểu hiện nó theo cách riêng của họ. Như Yaron Peleg, nhà nghiên cứu văn học và điện ảnh đã trình bày, mặc dù giác ngộ chủ nghĩa Phục quốc Do Thái là một tư tưởng tổ chức trung tâm của xã hội Israel, tấm gương đậm chất nam tính của những người Zion thời kỳ đầu còn tồn tại thậm chí là trong lòng yếu tố phản văn hóa. Phân tích của Peleg chỉ ra rằng văn học và điện ảnh về chủ đề đồng tính đương thời ở Israel đã hấp thụ chính tấm gương nam tính này như là phương tiện và bối cảnh, trong đó nó bình thường hóa những người đồng tính.⁽²¹⁶⁾

Động lực này đã được nhấn mạnh tại một trong những khoảnh khắc xúc động và mang tính biểu tượng nhất trong phong trào đòi công bằng xã hội ở Israel và sự nổi lên xuất chúng của Daphni Leef. Khi một trong những cuộc biểu tình kết thúc, sau khi Leef phát biểu, một lập trình viên phần mềm máy tính đã thất nghiệp, 39 tuổi, tiến đến chỗ cô và cha mẹ cô. Anh ta nói với cô rằng anh ta không thích việc cô bị chỉ trích vì không gia nhập quân đội, anh ta trao cho cô bằng khen trong chiến tranh Lebanon lần thứ hai của mình. Anh nói rằng đây là một quyết định khó khăn, vì bằng khen là thứ mà bạn muốn chỉ cho con cháu mình. Nhưng anh ta nói thêm, đấu tranh ở quê nhà còn quan trọng hơn cuộc chiến ở ngoài đất nước.

Giống như ma túy, rượu, hoặc những dạng thể hiện ra ngoài khác, phản ứng hung hăng, nam tính đối với chấn thương tạo ra một chấn thương thứ cấp, không chỉ vì mục tiêu của

hành vi hung hăng ấy mà còn vì chính bản thân kẻ hung bạo kia. Trong cuốn hồi ký về cuộc chiến năm 1948, Yoram Kaniuk đã nắm bắt được thẳm thía cái im lặng, tội lỗi, và nỗi hổ thẹn mà kẻ hung bạo kia phải chịu đựng. Phải mất 59 năm, Kaniuk mới kể được câu chuyện từ trong sâu thẳm tâm can về những trải nghiệm chiến tranh của mình. Lúc ông 17 tuổi rưỡi, trung đội của ông chiến thắng trong một trận chiến đẫm máu đánh chiếm một ngôi làng nằm trên đỉnh đồi bên ngoài Jerusalem. Khi những khói bụi chiến trường đã tan, họ chợt nhìn thấy một trong những người bạn của mình bị treo trên một cành cây, thân thể bị cắt rời ra rồi buộc lại bằng những đoạn dây vải, và dương vật của cậu bị nhét vào miệng. Sợ hãi và hóa điên, một người bạn chung thân thiết với Kaniuk và với người lính bị chết bắt đầu trả thù những người Ả Rập còn lại xung quanh họ. Khi bạn của ông kẻ dao vào cổ họng của một cậu bé tám tuổi và đe dọa sẽ hành quyết cậu ta, Kaniuk ngắm khẩu súng tiểu liên vào bạn mình và ra lệnh cho anh ta phải thả cậu bé. Lúc canh chừng anh ta không được rạch cổ họng và từ chối bắn vào cậu bé, Kaniuk ngắm súng vào bạn mình thậm chí còn cẩn thận hơn nữa. Rồi Kaniuk nghe thấy một tiếng súng nổ. Nhưng khi làn khói súng tan ra, không phải người bạn, mà chính cậu bé đã chết, mặc dầu ông chỉ đứng cách họ có 18m đến 20m. Kaniuk viết rằng viên đạn nhằm vào người bạn, và ông chắc chắn là mình ngắm rất chuẩn, nhưng chẳng hiểu tại sao ông lại giết chính đứa trẻ đó. Ngày hôm sau, Kaniuk báo cáo vụ việc và bị tố cáo là chống lại bạn mình, nhưng có vẻ như chuyện sẽ chẳng đi đến đâu nên mọi người nói tha thứ cho ông và ông nên quên đi. Nhưng ông không thể. Ông cạo đầu mình bằng một lưỡi dao cạo cũ, cắt những đường rất xấu xí lên da đầu. Ai cũng chú ý nhưng không ai nói gì.

Sau chiến tranh, người bạn ấy đã cố gắng giúp Kaniuk biện hộ cho những gì đã diễn ra. Ông ấy nói, chúng ta thành lập một nhà nước bằng máu. Chính chúng ta đã chết, giống như những cái lỗ trong pho mát Thụy Sĩ. Anh đã tự mình lãnh vài viên đạn, đã đau khổ đủ rồi, hãy tận hưởng niềm may mắn là anh vẫn còn sống. Ông đã trích một trong những bài thơ của Kaniuk: *Đừng nói: Tình túy của tôi đến từ cát bụi / Nó đến từ cuộc sống vốn đã chết.* ⁽²¹⁷⁾ Nhưng đối với Kaniuk, cậu bé ấy đã trở thành, một biểu tượng, một ký ức hổ thẹn, được đem vào cõi tâm lặng trong suốt gần 60 năm trời. Bây giờ chúng ta biết rằng nó chỉ là một trong vô vàn những câu chuyện chiến tranh khác của Israel, mỗi câu chuyện đều chứa một cơ sở những trải nghiệm, cảm xúc và vết thương cực kỳ căng thẳng. Không nghi ngờ gì là những vết thương này đã làm cho những người Israel vốn không trực tiếp kinh qua chúng cũng bị trầy xước, rướm máu, thông qua những giao tiếp cá nhân, hệ thống giáo dục, và âm hưởng dữ dội của cả nước về sự mất mát, than khóc và tưởng niệm, làm sống dậy những ký ức. Trong suốt những cuộc chiến tranh gần đây, những bức ảnh trên trang bìa và thông tin cá nhân của mỗi chiến sĩ đã ngã xuống, cũng như các cuộc phỏng vấn truyền hình và phỏng vấn trên báo giấy với gia đình hoặc bạn bè lúc mới nghe tin hoặc xử lý tin tức khủng khiếp kia, đã thâm nhập vào cuộc sống thường nhật, tấn công dồn dập cảm xúc của nhiều người đọc và người xem. Những việc này chắc chắn có sự chân thành trong đó nhưng cũng bị chỉ trích là quá lộ, vượt ngoài khuôn khổ. Miêu tả đây là sự truyền bá chính trị, một doanh nhân Israel - Mỹ tôi biết đã liệt nó là “một cụm công nghiệp của nỗi mất mát người thân – chủ nghĩa anh hùng”. Hãy gọi nó là tuyên truyền hay là một câu chuyện dân tộc hiệu quả của bất cứ thể loại nào mà tất cả các xã hội dính dáng vào, những nghi thức quy phạm mà nó sản sinh ra có thể đôi khi thêm vào một lớp chấn thương khác đối với những cá nhân đã sẵn bị đánh gục bởi thương tổn khủng khiếp. Yuval Neriah, nhà tâm lý học lâm sàng, một người viết sách và chuyên gia về PTSD ⁽²¹⁸⁾ người Israel, đã lưu ý tới một hiện tượng tương tự như vậy, mà ông gọi là *mosad ha-iturim*, hay nôm na là “hội chứng huy chương chiến tranh”. Neriah, đã bị thương trong cuộc chiến năm 1973 và đã nhận được huân chương danh dự cao nhất do IDF tặng thưởng vì những hành động dũng cảm trong chiến trận, đã đấu tranh với chính mình để chống lại những cơn khủng hoảng sau cuộc chiến đó. Trong suy nghĩ của ông, những tấm huân chương là một bức tường giả dối, ngăn cản người nhận đạt được khả năng nhìn nhận thấu đáo những hành vi và tình huống vốn tôn họ lên là những bậc anh hùng. Neriah lý luận rằng tuyên dương chủ nghĩa anh hùng và đi kèm với nó là sự phô trương ra trước công

chúng đã áp đặt một lý thuyết hời hợt, kiểu John Wayne⁽²¹⁹⁾ về động cơ khiến một người đấu tranh nội tâm với một thực tại hoàn toàn khác, nhất là những cảm giác mất mát sâu sắc, bất kể đó là mất chân tay, những người bạn thân thiết, hoặc mất khả năng cảm nhận những niềm vui nho nhỏ hàng ngày bên ngoài lãnh địa chiến tranh. Những tình huống xảy ra hành động anh hùng cũng có thể sinh ra cảm giác anh hùng về sự tự nghi ngờ bản thân, tội lỗi của người sống sót, và nỗi lo âu. Trên bề mặt nhận thức kiểu John Wayne của công chúng và sự ngưỡng mộ của cộng đồng, những tình cảm thô ráp như vậy có lẽ hay bị đè nén, và đòi hỏi một nỗ lực tâm lý rất lớn.

Sau sự kiện 11/9, Neriah đã nhận vị trí giảng viên danh dự ở New York. Mặc dầu quanh ông là ánh hào quang từ những hi sinh vĩ đại của cá nhân cho đất nước và đã được đào tạo cũng như có chuyên môn là về tâm lý, nhiều năm sau này ông đã thừa nhận trong một cuộc phỏng vấn báo chí rằng ông không thể tận hưởng thành công và yên ả mà kỳ nghỉ phép kéo dài này đã đem lại cho gia đình ông mà không có cảm giác tội lỗi nặng nề - và không thể không bộc bạch – về việc đã tạm thời dứt ra được cuộc sống ở Israel.⁽²²⁰⁾

MICHELANGELO, LEONARDO DA VINCI, VÀ THỜI KỲ PHỤC HƯNG

Bộ phim kinh điển năm 1949, *The third man* (Tạm dịch: Người đàn ông thứ ba), Harry Lime, do Orson Welles thủ vai, nổi tiếng với lời biện minh cho hành vi tội phạm của hắn ở Berlin thời hậu chiến như sau: “Ở Italy, trong 30 năm dưới thời gia tộc Borgia, họ có chiến tranh, khủng bố, giết người và tàn sát đầm máu, nhưng họ sản sinh ra Michelangelo, Leonardo da Vinci, và thời Phục hưng. Ở Thụy Điển, họ có tình trạng thân tương ái khăng khít, họ có 500 năm dân chủ và hòa bình, và những thứ đó sản sinh ra gì nào? Đồng hồ cóc cu.”

Không phải nghi ngờ gì việc nên quy cho hầu hết những thành tựu mà người Israel đạt được trong lịch sử ngắn ngủi của mình là do cuộc đấu tranh sinh tồn của họ. Với tâm thức không bao giờ xao lãng khỏi hình ảnh cái chết, mỗi ngày người Israel lại lựa chọn sống hết mình nhất có thể. Không khí ở Israel không chỉ ngột ngạt những xung đột và căng thẳng, mà còn hừng hực niềm hứng khởi và luồng sinh khí. Ở Jerusalem, những mối quan tâm thường là về tôn giáo, chủ nghĩa dân tộc, và lịch sử; ở Tel Aviv, lại là thể tục, thiên hướng kinh doanh, và chủ nghĩa khoái lạc. Những nơi khác thì lai tạp, nhưng tất cả đều cùng hết mình trải nghiệm để truy cầu ý nghĩa sống, hoặc không thì cũng trốn tránh khỏi việc đó. Bởi vậy, chẳng đặc biệt thoải mái gì khi ở bên những người Israel – trừ khi họ đang trong một trạng thái cực kỳ thư giãn – thậm chí còn thường xuyên bị nhiễm thói kích động. Động lực sinh tồn của người Israel, nhu cầu sống một cuộc sống trong tình trạng đủ đầy, tận hiến nhất vì không thể phủ nhận một thực tế về cái chết và mất mát là nguyên nhân khác khiến người Israel tạo ra một nền văn hóa đạt được thành tựu cao về nghệ thuật, kinh doanh, công nghệ cao, văn học, âm nhạc, khoa học, và tất nhiên có cả quân sự. Tính cách người Israel sôi nổi, mạnh mẽ, sáng tạo, thông minh, và xông xáo, dám nghĩ dám làm là hệ quả trực tiếp của việc tiếp tục phải đối mặt với thực tế chiến tranh. Kết quả tích cực tất yếu của tính cách nam tính hoặc hung hăng chính là sự quyết đoán. Khía cạnh nổi loạn kiểu ơ đíp này của những người Zion không chỉ làm lợi cho người Do Thái Israel, mà còn lợi cho cả người Do Thái Mỹ, và những người Do Thái sống kiểu Diaspora khác. Được khích lệ, một phần, bởi tính quả quyết của người Israel trong nửa cuối thế kỷ 20, những người Do Thái này, cũng từ chối lịch sử đầy tính thụ động và quy mình, hiện giờ họ đang đứng trên vũ đài thế giới với niềm tự tin của đại chúng lớn hơn bao giờ hết.

Đôi khi, trải nghiệm về sự mất mát lại chính là nguồn khích lệ trực tiếp, không chỉ sản sinh ra một phản ứng đối lập là vui sống, yêu đời, mà còn mưu cầu sự biểu hiện sáng tạo như một cách vượt qua nỗi đau tâm lý không thể chịu đựng nổi. Tôi chợt nghĩ đến một cặp vợ chồng người Mỹ. Sau khi mất đi đứa con trai 22 tuổi vì bệnh ung thư, người vợ trước là một họa sĩ minh họa quảng cáo, đã chìm đắm vào việc vẽ tranh, sáng tác một loạt những bức chân dung u tối về sự mất mát và nỗi tiếc thương, trong khi người chồng, một doanh nhân, đã mua và phát triển trung tâm dành cho giới trẻ sáng tạo, để tưởng nhớ, hoặc giữ cho di sản nghệ thuật về con trai mình còn sống. Mặc dầu chẳng có một bi kịch cá nhân như vậy trong đời sống của riêng họ, nhưng có lẽ cũng chẳng ngẫu nhiên khi những nhà thiết kế của Trung tâm thương mại thế giới mới, hay Tháp Tự do và Đài tưởng niệm quốc gia 11/9 ở tổ hợp Trung tâm thương mại thế giới, Manhattan đều là công dân Israel (cũng là công dân Mỹ). Kiến trúc sư tòa tháp này, Daniel Libeskind, rất nổi tiếng, là người Do Thái sinh ở Ba Lan, ông đã có ba năm lớn lên ở Israel. Người thiết kế đài tưởng niệm, Michael Arad, là con trai của một nhân viên ngoại giao Israel. Anh ta lớn lên trên nhiều nước khác nhau và đã phục vụ trong quân đội Israel. Trong cả hai trường hợp, có vẻ như là, một tính cách sáng tạo đã thấm nhuần với những sự nhạy cảm hay dễ tổn thương, và nỗi mất mát có thể đóng một vai trò nào đó khiến họ lựa chọn những công trình lịch sử này. Trường hợp của Micheal Arad đặc biệt thú vị, kiến trúc sư vô danh 34 tuổi này đã đánh bại 5200 đối thủ từ 63 quốc gia trong một thi ẩn danh, cuộc thi thiết kế lớn nhất trong lịch sử. Giống như *Falling out of Time* của David Grossman, tên bản thiết kế của Arad, *Reflecting Absence*⁽²²¹⁾ (Tạm dịch: Xạ ảnh hư không) và ý tưởng mà nó thể hiện đã nắm bắt được nghịch lý nhân loại về sự mất mát, nhưng đồng thời người ta cũng nói rằng nó đã minh họa và phóng chiếu tâm thức người Israel vào trong hình tượng cụ thể.

Sự sáng tạo liên quan đến chủ đề chiến tranh của người Israel là không giới hạn khi thể hiện nỗi đau, mất mát, thương tổn bằng nghệ thuật, nó cũng không giới hạn đối với khuynh hướng được hình thành vững vàng của giới nghệ sĩ tinh hoa Israel khi phê phán việc xã hội Israel bầu vùi vào chiến tranh phương thức sống. Trong *Quốc gia khởi nghiệp*, một cuốn sách khác đã khéo léo thể hiện tâm lý người Israel, Dan Senor và Saul Singer đã cho rằng phần lớn những thành công phi thường của Israel trong thế giới khởi nghiệp có được là nhờ những kinh nghiệm và sự đào tạo, trang bị cần thiết cho những người Israel trẻ trong kỳ nghĩa vụ quân sự. Những khái niệm như thử nghiệm, cải tiến, khởi xướng, và tương thuộc – tất cả đều phục vụ cho yêu cầu phải thích nghi với hoàn cảnh không ngừng thay đổi như chưa từng có của những mối nguy quân sự mà IDF đối mặt – được khắc sâu vào tâm trí của những tân binh.⁽²²²⁾ IDF đã góp những yếu tố tích cực khác vào trong tính cách Israel bằng cách biểu hiện ra điều kiện địa chính trị mang tính sinh tồn của Israel mang tính xã hội trực tiếp nhất. Là yếu tố cân bằng cho tất cả những tầng lớp kinh tế xã hội, và là nơi giao thoa thực sự, nó đã truyền ra ngoài một bộ những trách nhiệm cộng đồng. Nó đã làm cho người ta thấm nhuần một cảm giác sở thuộc bền bỉ. Nó thúc đẩy những mối dây liên kết xã hội dựa trên cơ sở và được kiểm nghiệm bởi những kinh nghiệm chung về thử thách, nguy cơ, và hiểm họa. Thậm chí là bây giờ, mặc dù hương vị của chủ nghĩa cá nhân kiểu Mỹ, sự xung đột phe phái kiểu Trung Đông, sự gắn bó với một nhóm nào đó về mặt cảm xúc vẫn còn là một đặc điểm độc đáo và đáng yêu của người Israel.

Như đã được nhà xã hội học Oz Almog đem ra thảo luận, biểu tượng vòng tròn trong văn hóa Israel, với hình ảnh nổi tiếng là vũ điệu hora và *kumzits* (lửa trại), vốn là những ví dụ hoài cổ và xưa cũ nhất, đã trở lại với thời đại của những người tiên phong và những trung đội tiền nhà nước Palmach. Almog lấy ví dụ hora, một điệu múa cho giới trẻ mới, cải biên điệu cổ xưa của dòng Do Thái Hasidic, biểu trưng cho tình cảm gắn bó, điệu múa vòng tròn “thể hiện mỗi cá nhân hướng mình vào trong vòng tròn cộng đồng.”⁽²²³⁾ Với những chiến sĩ Palmach, vòng tròn lửa trại cùng những hoạt động tập thể như hát hò, chuyện phiếm, và tất cả những nghi lễ pha cả phê cực kỳ quan trọng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, đã tạo nên hoặc khiến cho

người ta có cảm giác như ở bên gia đình trong một ngôi nhà hoang dã. Almog cũng ra công lần theo những mong ước mãnh liệt của người Israel thời kỳ đầu, đó là được thuộc về đội quân tiên phong đã rời bỏ gia đình của họ ở châu Âu và cần tạo ra một sợi dây liên kết kiểu như gia đình mới với những đồng chí tiên phong của mình. Mong ước này, được củng cố bởi nhu cầu được phụ thuộc vào tập thể để sống sót và được hỗ trợ, đã truyền xuống những thế hệ tiếp theo. Sâu trong trái tim họ, người Israel vẫn là những người dân tị nạn, nhập cư, và những kẻ tiên phong đi tìm một mái nhà. Những cộng đồng chính thống giáo ngày càng phát triển ở Israel có một sự tiếp nối vĩ đại hơn với văn hóa Diaspora được thực hành trong dạng thức những mối liên kết cộng đồng này, còn IDF và những tổ chức tiền thân của nó thì ít hơn. Nhưng khi bạn đặt những sợi dây liên kết thế tục và tôn giáo với nhau – mà bằng cách này hay cách khác, điều này đã thực sự diễn ra trong lịch sử - bạn sẽ nhận được một nhận xét như nhà kinh tế học và phân tâm học Bruno Boccara đã đưa ra. Làm việc với một nhóm người Israel trong một hội nghị về mối quan hệ nhóm, Boccara để ý thấy không giống như những thành viên tham dự hội nghị khác *xem* nhóm được phân của mình là một tổ chức bảo thủ, thì những người Israel lại cảm thấy được nó bảo vệ và cần phải bảo vệ nó. Âm chỉ đến thị trấn Do Thái nhỏ ở Trung và Đông Âu mà trước Holocaust đã đem đến một môi trường truyền thống, gắn bó chặt chẽ và yên ả như ở nhà, họ đã miêu tả đặc điểm của nhóm họ như một công cuộc khởi nghiệp ở một thị trấn nhỏ. Liên hệ với phân tích của Senor và Singer về ngành công nghệ cao, Boccara cho rằng trong tâm trí họ, những người Israel này đang coi một nhóm làm việc cải tiến nhưng an toàn của họ như thể đó là IDF, tổ chức xã hội cơ bản của Israel, vốn giải quyết nhiệm vụ trọng tâm – sống còn – thông qua một chiến lược thích nghi và cải tiến. [\(224\)](#)

“Một mắt anh nhấp nháy niềm ham sống vô bờ bến, mắt kia xám mờ, bao trùm một bức màn tối đen, cái chết. Nhiều lúc anh như tượng trưng hóa chính bản thân Israel, trong đó sự sống và cái chết là những cộng sự gắn bó với nhau, nó vực lòng dũng cảm của mình bằng tinh thần sẵn sàng quyết tử để quyết sinh.”⁽²²⁵⁾ Nhà văn viết tiểu sử Shabtai Teveth đã viết về Moshe Dayan, một trong những nhân vật lịch sử mẫu mực nhất Israel, như vậy. Chính Moshe từng nói: “Chết trận không phải là kết thúc chiến tranh, nhưng là cực đỉnh của chiến tranh, và bởi lẽ chiến tranh là một phần của sự sống, đôi khi trong tính toàn bộ của nó, của cả sự chết nữa, khi nó là đỉnh cao của chiến tranh, điều đó không có nghĩa là sự sống ngừng lại mà đó chính là biểu hiện tốt cùng của sự sống.”⁽²²⁶⁾

Ở đỉnh cao phong trào intifada lần thứ hai của người Palestine, khi cảnh những kẻ ném bom liều chết đâm sầm vào những chiếc xe buýt hoặc nhà hàng diễn ra như cơm bữa, nỗi suy sụp và tuyệt vọng đã cư ngụ hẳn vào trong tâm trí nhiều người Israel, làm u u mê mê vòng tròn luẩn quẩn không kịp trở tay từ sợ hãi đến nhẹ nhõm cứ mỗi lần có một vụ ném bom mới. Trong một lần như vậy, mẹ tôi gọi điện từ Jerusalem, đã than van rằng: “*Mayle* [tiếng Hebrew biểu thị sự nhấn nhac chấp nhận, dịch là *thôi thì*], chúng ta không có quốc gia, nhưng còn âm nhạc của chúng ta thì sao?” Người Israel có bản sắc đậm nét về âm nhạc Hebrew nổi tiếng của mình. Những bước gian truân của họ từ chiến tranh, đến nhập cư rồi định cư trên vùng đất này, thường thấm vào thậm chí cả những tình khúc ngọt ngào nhất. Có thể chọn bừa một ca khúc sến sẩm như bài “*Nothing but you*” (Tạm dịch: Chẳng ai ngoài em) của ca sĩ nổi tiếng Rami Kleinstein cũng có thể thấy được điều này. Lời ca kể câu chuyện một kẻ đã vượt qua nỗi đau mất mát và tình trạng suy sụp bằng những cách làm tình: “Và cậu bé của anh nở rộng như đất nước chúng ta khi anh ôm em trong lòng.” Thêm vào đó, nhiều bài hát Israel nổi tiếng chủ đích nói về những bước gian truân ấy của người Israel. Nhưng khi một binh đoàn nhạc nhẽ lướt qua tâm trí tôi khi mẹ tôi nói đến chữ “hồi kết”, thì tự dung hai bài hát Hebrew, cùng với đánh giá của riêng tôi, có lẽ còn tình tảo hơn, cho cái từ “hồi kết” ấy, bật ra.

Bài đầu tiên viết vào năm 1969, “Song for peace” (Tạm dịch: Khúc hát hòa bình). Tác giả là một trong những nhạc sĩ sáng tác ca khúc, nhà hoạt động vì hòa bình sớm nhất của Israel và được một nhóm nhạc pop trong quân đội Nachal trình diễn. Giai điệu trầm thía, nhúc nhối và lời bài hát có nội dung phản đối chiến tranh đã phá vỡ truyền thống vốn rất vững chãi của những bài hát tiền Hebrew lạc quan, ngọt ngào, hùng hồn, hào sảng. Khi được phát hành, nhiều người Israel coi nó như là một sự báng bổ hay phản nghịch. Một trong những vị tướng hàng đầu Israel, nhiều năm sau trở thành thủ tướng nội các đầu tiên bị ám sát bởi một kẻ khủng bố người Palestine, đã cấm nhóm Nachal hát cho tất cả đội quân của ông ta. Chuyện đó đã khơi mào một cuộc tranh cãi trên nghị trường, khiến nhiều người chú ý, thành ra lại giúp nó có lượng người truy cập khổng lồ, và theo thời gian nó trở thành bài hát trong các buổi mít tinh cho phong trào ủng hộ hòa bình của người Israel. Hai mươi sáu năm sau,

khi hàng trăm nghìn người biểu tình đứng lên ủng hộ chính sách hòa bình của thủ tướng Yitzhak Rabin, Rabin và những người ủng hộ ông đã hát bài “Song for peace”. Vào cuối buổi mít tinh này, sau khi Rabin bị bắn vào lưng, người ta đã tìm thấy một tờ giấy ghi lời bài hát được gấp lại nhét vào túi trong chiếc áo khoác. Nó đã bị nhuộm máu của ông.

Trong khi tác giả bài “Song for peace” đã phát triển tư tưởng phản đối chiến tranh sau khi bị mất một chân sau một cuộc chiến, thì tác giả/người trình diễn của một bài hát cũ bỗng nảy ra trong trí tôi, Aviv Gefen, chưa bao giờ phục vụ trong quân đội. Ông ta đe dọa tự tử để trốn đợt tuyển quân. Ngay từ đầu, Gefen đã là một nghệ sĩ biểu diễn phản đối quân đội, phản đối việc cổ súy cho hành vi đặc tính nam, và phản đối thể chế, tổ chức. Lưỡng tính, trang điểm, thậm chí còn mặc váy và tóc màu hồng, sự nghiệp của Gefen khởi sắc năm ông 20 tuổi với album *We are a Fucked Generation* (Tạm dịch: Chúng ta là một thế hệ chết tiệt). Trong khi đứng ngoài dòng chảy chính và công kích toàn diện những người trưởng thành tuổi trung niên vào thời điểm đó, trong một vài năm, Gefen đã trở thành một ngôi sao nhạc rock, bán hàng trăm nghìn album và nhận được mọi giải thưởng âm nhạc có thể hình dung ra được. Lúc 23 tuổi, chính anh là người đã chạm mặt thủ tướng Rabin chỉ vài phút trước khi bắt đầu diễn ra cuộc mít tinh định mệnh vì hòa bình ở Tel Aviva. Biết rằng Aviv Gefen có tham gia buổi mít tinh ấy, Rabin đã đích thân tiếp cận anh ta và hỏi liệu anh có muốn hát cho những người biểu tình không. Aviv ưng thuận. Sau này, anh đã phải giải thích với truyền thông: “Chẳng hiểu tại sao tôi lại hát bài “Khóc cho anh”, vì bài hát – được viết than khóc cho cái chết của một người bạn trong một vụ tai nạn xe hơi – dường như đã là điềm báo trước cho vụ ám sát chỉ diễn ra sau khi bài hát được trình diễn có mấy phút. Sau đó, hàng nghìn người tiếc thương đã cùng với Aviv Gefen kính viếng hờn Rabin trong không khí buồn rầu không thể chịu đựng được, họ hát và ghi âm ca khúc “Khóc cho anh”. Bài hát bởi vậy trở thành một bản nhạc ai điếu có sức sống bất diệt cho tất cả những mất mát sau cuộc ám sát thủ tướng Rabin.

Rabin không phải là một lãnh tụ có sức lôi cuốn quần chúng, cũng chẳng phải là một người dễ ưa, nhưng sự ra đi của ông đã trở thành một sự kiện cực kỳ gắn bó với nhiều người Israel. Cá nhân tôi chưa bao giờ quý mến ông, và thời điểm cuộc ám sát diễn ra, tôi cách đó hàng nghìn dặm cả về khoảng cách địa lý lẫn về tinh thần. Mặc dù vậy, vụ ám sát kia đã trở thành một sự kiện trung tâm ảnh hưởng đến cuộc đời tôi. Tôi thậm chí còn lấy nó làm phương tiện chẩn đoán cho các bệnh nhân người Mỹ. Một nghệ sĩ dường như đã ghen lời khi thể hiện những lời chia buồn và mang đến cho tôi một bản copy của một tờ báo Israel truyền tin tức về cuộc ám sát với dòng tít đầu trang gây chú ý tức thì, nhưng một người Do Thái đang buôn bán thành công và suôn sẻ với cơ sở kinh doanh đặt tại Israel thậm chí còn không một lời đả động đến vụ ám sát cũng cho thấy ở anh ta có một sự thờ ơ, thiếu niềm thương xót của tính cách ái kỷ. Thậm chí đến bây giờ, tôi xúc động đến trào nước mắt mỗi khi nghe lại bài hát của Gefen, cũng như khi chợt nhận ra mình đang nghĩ về vụ ám sát đó. Chẳng nghĩ ngờ gì là, đối với hầu hết người Israel, vụ ám sát Rabin như một sự kiện đầy cảm xúc, có một không hai, đầy ắp những ám ảnh lịch sử và những ý nghĩa biểu trưng. Nhưng trong tâm thức người Israel, ý nghĩa trung tâm của sự kiện này là gì? Có phải nó giống như vụ ám sát tổng thống Kennedy, là biểu trưng cho sự mất mát của niềm ngây thơ vô tội và tinh thần lạc quan – trong hoàn cảnh Israel, đó là một nỗi mất mát hi vọng cho hòa bình? Hoặc đó có phải là về sự mất mát của một con người, một lãnh tụ, một người cha dẫn đường? Chắc hẳn hầu hết mọi người đều cho rằng ý nghĩa thứ hai đúng với nhiều người, còn ý nghĩa đầu tiên dành cho những người trong trại hòa bình nhiều hơn. Nhưng trên thực tế, đối với tất cả những người Israel, vụ ám sát này đánh thức một nỗi đau đớn thậm chí còn thống khổ và rắc rối hơn. Ngay sau vụ giết người, một trong những người phụ tá thân cận nhất của Rabin đã nói như thế này trên truyền hình: “Họ đã giết đất nước chúng ta.” Lời đầu tiên cha tôi – một người phản đối sáng kiến hòa bình của Rabin – nói với tôi qua điện thoại vào tối hôm đó cũng có ý như vậy.

Khi Yigal Amir bóp cò súng, hắn không chỉ giết mình Rabin, tiến trình hòa bình Oslo, và trại hòa bình, mà hắn còn giết chính hắn và tất cả những ai phản đối Oslo. Hơn hết thấy, vụ ám sát Rabin đã mở đường cho yếu tố tự hủy diệt tiềm tàng ẩn náu trong tính cách dân tộc Israel. Trong khi vụ giết người này gây sốc cho toàn thể đất nước, cũng không nên ngạc nhiên vì nó. Đơn giản vì không chỉ có một lần sóng khiêu khích công chúng chưa từng có trước đây chống lại cá nhân Rabin và số lần mạng sống của ông ta bị đe dọa đã gia tăng nhanh chóng trong năm trước, mà chỉ một vài tháng trước khi cuộc ám sát xảy ra, một trong những cựu quan chức quốc phòng và tình báo hàng đầu của Israel, tướng Yehoshafat Harkabi, đã nộp bản thảo một cuốn sách, trong đó ông dự đoán về vụ ám sát. Nhưng những biên tập viên của Harkabi cảm thấy dự đoán này còn lâu mới thành sự thật nên đã cắt bét. Sự phủ nhận của họ, cũng như của hầu hết người Israel, trong trường hợp này không chỉ là từ chối nhận thức một khả năng đáng sợ, mà có lẽ cơ bản là từ chối đối diện với chính sự tự hủy diệt tiềm tàng của họ.

Khi cuộc cách mạng của những người Zion đã thành công trong việc tạo nên một Do Thái mới thống nhất chan hòa, nó đã thất bại khi giải quyết ít nhất hai mối rạn nứt chính yếu tồn tại trong lịch sử, mà trong quá khứ đã làm tổn hại đến người Do Thái và một lần nữa đang đe dọa đến chủ quyền quốc gia của họ. Vụ phá hủy Đền thờ lần thứ nhất (và mức độ kém hơn ở lần thứ hai) là hệ quả của sự chia rẽ chính trị nội bộ ẩn chứa mối nguy cơ. Ví dụ, ngày càng có nhiều vị vua tán thành về quyền lực và chủ quyền dành cho Judea, và những nhà “đạo đức”, những nhà tiên tri tìm chốn ngụ cư và sự thỏa hiệp, đã dẫn đến một thực tế là người ta chấp nhận chương trình nghị sự của những người thực tế, từ đó khiêu khích đế chế Babylon hủy diệt vương quốc Do Thái.

Trong trường hợp Đền thờ thứ hai, khuynh hướng chia bè kéo cánh trong đời sống tôn giáo và sự đấu đá nội bộ chính trị gay gắt đã tạo ra một cuộc đấu đá quyền lực, mà người La Mã đã san phẳng bằng cách chỉ định Herod, một thống đốc độc tài và tàn ác, người đã tàn sát toàn bộ giới tinh hoa Do Thái. Sau cái chết của Herod, cuộc đấu đá quyền lực và tình trạng bất hòa nội bộ ngóc đầu dậy, thai nghén và nảy nở ra những cuộc nổi dậy chống người La Mã, cuối cùng dẫn đến việc người Do Thái phải hứng chịu cuộc thảm sát và bị trục xuất ra khỏi nước Judea. Trong nhà nước Israel hiện đại, những người “thực tế” có vẻ đang chiến thắng trong việc quyết định từ chối khuất phục áp lực quốc tế và sử dụng sức mạnh hơn là hòa giải với những người Palestine. Nhưng không thể khẳng định được rằng mối nguy nan mà họ đặt ra đối với những cơ quan nhà nước thống nhất theo kiểu truyền thống, và sự cay đắng mà họ tạo ra phía mặt trái của sự phân chia chính trị, đã giảm đi. Trong những năm gần đây, nhiều người định cư cánh hữu và thành phần ủng hộ đã mở rộng chiến dịch hăm dọa truyền thống và sử dụng bạo lực vừa phải để chống lại những người Palestine ở Bờ Tây, những người Ả Rập Israel, người Do Thái Israel bên cánh tả và cuối cùng là cả IDF. Vào năm 2010, nguy cơ đe dọa đến tính mạng, và quấy rối thực sự, với những nhân vật ngả theo cánh tả gia tăng đã khiến Bộ trưởng An ninh Nội địa, Yitzhak Aharonovich, phải cảnh báo với Knesset về nguy cơ của một vụ ám sát chính trị. Lần đầu tiên, sự kháng cự của người Do Thái đối với IDF, có trách nhiệm trong vấn đề an ninh ở các khu vực Bờ Tây đang ảnh hưởng đến những khu định cư, đã chuyển từ thái độ của người dân không tuân thủ chính quyền mang tính thụ động hoặc thỉnh thoảng có hung hăng thành những sự đối đầu đụng chôn đụng tay và gây hấn trước. Táo tợn nhất là vào tháng 12 năm 2011, nhiều người định cư đã tham gia vào một cuộc tấn công có tổ chức vào một trại lính, phong tỏa cổng vào, cố ý phá hoại quân trang quân dụng, và làm thương vong một phó tướng chỉ huy lữ đoàn. Trong khi những cuộc tấn công như thế này đã bị bộ phận những người định cư phản đối, thì tư tưởng của cả hai cũng không khác gì nhau. Hơn nữa, những kẻ cực đoan này đã thể hiện một tiếng nói chân thật, lâu đời trong tâm nhìn tư tưởng của chủ nghĩa Phục quốc Do Thái, được đẩy lên đến cực đoan. Những người Israel thời Zion và hậu Zion ôn hòa hơn đồng ý với việc áp đặt mục tiêu sự nghiệp của chủ nghĩa Phục quốc Do Thái lên Bờ Tây. Họ chỉ trích phương pháp của

những người định cư và phần nộ với việc phân bổ nhiều ngân sách nhà nước cho những khu định cư. Họ cũng hoảng sợ và giận dữ về việc những người định cư cánh hữu giữ các cấp bậc quân nhân ngày càng tăng, mà tâm trí họ nảy ra một khả năng là IDF sẽ không thể thi hành phá hủy những khu định cư khi đạt được một hiệp định hòa bình.

Trong khi có thể cho rằng cánh tả biểu tình và khiêu khích cũng nhiều như cánh hữu, bởi chính bản chất của nó chẳng dễ phụ thuộc vào vũ lực để đạt được mục tiêu – sau rốt, chủ trương của nó là hòa bình thông qua hòa giải, chứ không phải bằng vũ lực. Nhưng nếu cánh hữu ngạo mạn tiến xa hơn nữa trong việc phủ nhận thực tại về tiếng nói của người Palestine và đạo Hồi, và trong việc đẩy Israel ngày càng cô lập hơn so với thế giới, thì cánh tả cũng có sự ngạo mạn của riêng họ. Đó là nơi mà chủ nghĩa ái kỷ của người Israel gặp gỡ sự khổ tâm của nó, tiềm tàng một dạng thức tự hủy diệt khác. Cánh tả, nếu được lên nắm quyền một lần nữa, sẽ có toàn quyền trao đổi mọi thứ, bao gồm cả những quyền lợi giữ thế chấp cơ bản của Israel, vì cuối cùng hóa ra quyền ấy chỉ là một mẩu giấy. Nó cũng sẽ làm thế, vượt xa khỏi sự tuyệt vọng hay trong một cử chỉ phô trương và yêng hùng để đem đến một cơ hội hòa bình và đem đến cho người Palestine những gì mà họ xứng đáng. Và để có khả năng cuối cùng đây lại là một sự nhượng bộ cực hớ và ngớ ngẩn xét về tương quan lịch sử.

Trong khi không thể tưởng tượng được có thể chốt hạ một hiệp định hòa bình với người Palestine và hệ quả tiếp theo là mối đe dọa từ bên ngoài dịu đi, thì xung đột thứ hai, cũng là xung đột bên trong chưa được phong trào Phục quốc Do Thái giải quyết, mâu thuẫn tôn giáo – thế tục, chẳng dẫn đến một con đường nào có thể le lói thấy được tương lai. Trong khi cánh hữu nhập nhằng với phe tôn giáo và cánh tả nhập nhằng với phe thế tục, và sự nhập nhằng ấy ngày càng rối rắm hơn thì mâu thuẫn tôn giáo – thế tục đã đi đến chỗ trở thành cốt lõi trong bản sắc của Israel và trở thành cuộc tranh đấu với bản chất của nhà nước Do Thái. Người Israel cũng như báo chí quốc tế đã lưu ý rằng sự bùng nổ về dân số và quyền lực chính trị ngày càng lớn mạnh của những cộng đồng chính thống cực đoan ở Israel đang thách thức nền tảng tự do – dân chủ của đất nước này. Ví như, một bài báo của tờ *New York Times* đã miêu tả phụ nữ Israel bây giờ đôi khi bị ngăn trở không được đăng đàn trong những ngày kỷ niệm của đất nước và vẫn bị tách riêng với đàn ông trên các phương tiện giao thông công cộng trong một số khu dân sinh nhất định. Trong một trường hợp đặc biệt gây tranh luận, một giáo sư khoa nhi chuẩn bị được nhận giải thưởng của Bộ Y tế vì công trình nghiên cứu điều trị những bệnh di truyền phổ biến đối với người Do Thái. Biết rằng Bộ trưởng Bộ Y tế đương nhiệm là người chính thống cực đoan, vị giáo sư này đã ăn mặc rất kín đáo, nhưng bà vô cùng bất ngờ khi biết rằng mình lại không được phép ngồi cùng với chồng và người ta bảo rằng một đồng nghiệp nam sẽ nhận giải thưởng thay bà, vì phụ nữ không được lên sân khấu⁽²²⁷⁾. Những việc như thế này, và việc người theo giáo phái Haredim – chỉ dòng chính thống cực đoan (“những người run rẩy trước Chúa”, trong tiếng Hebrew) – sống dựa vào trợ cấp nhà nước và được miễn nghĩa vụ quân sự, coi trọng việc nghiên cứu giáo lý hơn là lao động; cũng như việc thiếu đi sự tách biệt giáo hội và nhà nước, ủy thác cho những người Israel thế tục phải phục tùng luật halacha⁽²²⁸⁾ trong các vấn đề cá nhân như cưới xin, li dị, và ma chay – tất cả đã tạo ra một nỗi oán giận trong lòng người Israel thế tục. Như đổ thêm dầu vào lửa, trong nhiều năm, những quan chức công quyền chính thống cực đoan, thậm chí hiện có một bộ trưởng chính phủ, đã công khai cho rằng sức mạnh quân sự Israeldang bị tụt hậu vì binh lính không chịu cầu nguyện, hoặc cho rằng Israel phải chịu một trận tấn công khủng bố kinh hoàng là vì họ bị thánh thần trừng phạt do không tuân thủ quy tắc ngày lễ Shabbat.

Suy cho cùng, bản sắc thế tục, tự do của nhiều người Israel chỉ mang tính cơ sở đối với cảm thức của họ về chính bản thân và về con đường sống cũng chỉ giống như bản sắc tôn giáo đối với cảm thức bản thể và con đường sống của những người Haredi. Những người Israel thế tục như thế càng cảm thấy rằng những quyền tự do dân sự của họ bị phe Haredi chà đạp

lên và làm xói mòn, và sự xói mòn tích lũy càng nhiều, thì càng dễ rằng một ngày nào đó họ sẽ cầm vũ khí đứng lên vì sự nghiệp của mình. Đó là một cuộc xung đột mà trong đó cộng đồng thế tục, ủng hộ hòa bình lại dễ có xu hướng biểu thị tính hung hăng của người Israel nhất và nỗi lo âu mà họ cùng chia sẻ với những đồng bào bên cánh hữu của mình. Thỉnh thoảng tôi có đùa rằng con đường cứu cánh dẫn đến hòa bình ở khu vực này là giải pháp bốn nhà nước, một Israel thế tục ở khu Tel Aviv mở rộng, một Judea tôn giáo ở khu vực Jerusalem, một khu Palestine thế tục ở Bờ Tây, và nhóm tôn giáo Hamas ở dải Gaza. Nhưng chẳng phải đùa, cũng không thể loại trừ một cuộc nội chiến tự hủy diệt hay đại loại thế giữa phe tôn giáo và phe thế tục. Như chúng ta đã thấy, quốc tính của Israel mắc bởi mối quan hệ biện chứng với những nguồn gốc tôn giáo của nó, bởi vậy thế giới tâm lý bên trong tương đương với một cuộc xung đột nội tại như thế chẳng phải là điều xa lạ gì với mỗi người Israel.

Nhà nghiên cứu văn học Yael Feldman đã lưu ý rằng trong truyện kể Kinh Thánh, chắc chắn là trong Sách Sáng thế, mô hình gia đình biểu hiện cho sự hung hăng không nhất thiết dựa trên bản tính nam hung hăng và sự cạnh tranh kết hợp với mặc cảm cha – con kiểu Ơ-đíp⁽²²⁹⁾. Feldman tự biện rằng việc bắt ngờ thiếu đi vai trò giới tính nhị nguyên này, tương đương với việc thiếu đi truyền thống (hay một khuôn mẫu định kiến) Diaspora của bà mẹ Do Thái quyết đoán và người cha tránh né xung đột, người khuất phục trước một đấng uy quyền của người cha chân thực duy nhất, Chúa. Theo Feldman, ít nhất trong những câu chuyện Kinh Thánh, sự quy phục này đã chặn đứng sự hung hăng truyền từ đời này qua đời khác theo “chiều dọc” trong gia đình và phát tán nó cho các anh chị em, theo “chiều ngang”. Thật vậy, có thể nào thì nên hiểu thế ấy, chẳng có câu chuyện Kinh Thánh nào về tội giết cha hay giết con cả, nhưng đã từng có chuyện giết anh em trong trường hợp Cain và Abel, trường hợp đầu tiên và duy nhất trong Kinh Thánh mà trong đó thói hung bạo được thể hiện ra. Như đã bàn luận trước đó, cuộc cách mạng Zion phần nào đó mang tính Ơ-đíp, cuộc nổi loạn Freud chống lại người cha Do Thái bạc nhược. Tuy nhiên, giờ đây, chúng ta đang chứng kiến những xung đột huynh đệ tương tàn của người cha đến thăm lại đứa con trai. Trong cuốn sách của mình *Fratricide in the Holy Land* (Tạm dịch: Huynh đệ tương tàn trên Đất Thánh), nhà tâm lý học Avner Falk đã mở rộng khái niệm này đến một sự phân tích có chiều sâu về bản chất tự hủy diệt trong xung đột Israel – Palestine. Ông giải thích, về khía cạnh tâm lý mà nói, hai phe này là hai anh em tin tưởng vào một thực tế rằng họ là con cháu của con trai Abraham, Isaac và Ishmael, đấu đá nhau để giành đất gia tiên. Cùng với những đồng sự là Allan Kutz và Sue Kutz, ông đã gọi nhắc đến một trong những bức họa nổi tiếng nhất của danh họa người Tây Ban Nha Francisco Goya chuyển tải khía cạnh mối quan hệ anh em trong cuộc xung đột Israel – Palestine. Trong tác phẩm kinh điển đậm màu sắc đen tối này, hai người đàn ông giận dữ vùng dùi cui vào nhau trong khi đang chìm dần, chân ngập đầu gối, trong một vùng cát lún hoặc đầm lầy. Xung đột này vừa làm trầm trọng vừa bị làm cho trầm trọng thêm bởi cuộc chiến huynh đệ tương tàn khác, cuộc chiến trong lòng cộng đồng người Israel Do Thái. Hãy xem một ví dụ khá ôn hòa: vào tháng 1 năm 2012, Ủy ban đạo đức của nghị viện Israel đã đình chỉ một nhà lập pháp vì tội dâm nước vào một người đồng cấp trong một cuộc tranh luận nảy lửa về việc một ngôi trường người Israel Ả Rập có được quyền đưa học sinh của trường đến một cuộc diễu hành về nhân quyền ở Tel Aviv hay không.

Với tư cách là một quốc gia sinh ra từ phản ứng với chủ nghĩa bài Do Thái của châu Âu thế kỷ 19 và 20, những người Do Thái còn tồn tại, có lẽ là những người bèn bi nhất trong số họ, từng là lý do tồn tại của Israel ngay từ buổi ban đầu. Mặt khác, những người Zion đã chính thức định nghĩa sự tự hủy diệt Do Thái, hiểu theo nghĩa hẹp là sự thụ động và vô dụng đã được ý thức của những người thời Diaspora ở châu Âu. Năm 1903, nhà thơ viết tiếng Hebrew Hayim Nahman Bialik, sau này là nhà thơ dân tộc nổi bật nhất Israel, được Ủy ban

lịch sử Do Thái ở Odessa gửi đến Bessarabia lúc đó dưới quyền kiểm soát của Nga để điều tra về vụ pogrom Kishinev chống lại người Do Thái. Để kết luận, đúng hơn là báo cáo, cho cuộc điều tra củamình, Bialik đã viết ra một thiên sử thi gây khó chịu: “The city of slaughter” (Tạm dịch: Thành phố sát sinh), trong đó ông đã sử dụng thứ ngôn ngữ trong nghi lễ tử vì đạo người Do Thái (*kiddush hashem*) để buộc tội những nạn nhân vì sự quy hàng thụ động của họ với đám dân chúng và chính quyền địa phương.

Trên bề mặt nhận thức về sự vô dụng mang tính Diaspora – bị thảm họa Holocaust thổi phồng lên theo cấp lũy thừa – những người Israel thời đầu hướng vào những chỗ khác trong lịch sử Do Thái để tìm kiếm sự khích lệ. Những gì mà họ tìm được là những thứ chống lại một bức phong nền gần như là kín đặc của ban lãnh đạo thận trọng hay thụ động, những nhóm nhỏ hoạt động ngầm hoặc bán quân sự luôn chủ trương kháng cự và nổi loạn cho dù thế nào đi nữa. Nhiều phong trào như thế đã thất bại, và những kẻ tham gia thường phải trả một cái giá không còn gì có thể tổn thất hơn được nữa, nhưng đó lại là đặc điểm tinh túy trong sức hấp dẫn của chúng. Thật vậy, ngay từ đầu, chủ nghĩa Phục quốc Do Thái đã kết hợp chặt chẽ một cách có ý thức với chiến lược kiến thiết đất nước cùng niềm tin rằng sự tự nguyện hi sinh của mỗi cá nhân có thể đem đến lợi ích cho tập thể. Ý niệm về sự tự hi sinh không chỉ có nguồn gốc lịch sử mà còn có nguồn gốc tôn giáo trong Do Thái giáo. Trong câu chuyện Kinh Thánh về Aqedah⁽²³⁰⁾, Isaac bị trói, Abraham sẵn sàng đi theo mệnh lệnh khó hiểu của Chúa là hi sinh đứa con trai duy nhất của mình, Isaac. Nhìn qua lịch sử Do Thái, chủ đề này lặp lại chính nó trong việc thực hành nghi lễ *kiddush hashem* – sự thánh hóa nhân danh Chúa – nhờ đó những cá nhân và cộng đồng thà chết còn hơn là phá hoại hoặc bỏ rơi đức tin của mình. Những người Zion buổi đầu đã tiếp thụ truyền thống này với một sự điều chỉnh đầy ý nghĩa – thay vì sẵn sàng tử vì đạo, bây giờ họ sẵn sàng tử vì vùng đất gia tiên. Văn học mang tính tưởng niệm của người Israel, cũng như thơ và văn xuôi viết bằng tiếng Hebrew nói chung, thường sử dụng điển cố Isaac bị trói như một ẩn dụ cho một sabra non trẻ sẵn sàng chết trong trận chiến. Joseph Trumpeldor, một anh hùng Do Thái chỉ còn một tay đến từ Tel-Chai, chết trong khi chiến đấu với một đám những kẻ tấn công người Ả Rập vào năm 1920, đã minh họa cho tinh thần này. “Chết vì quê hương là xứng đáng,” người ta nói rằng ông ấy đã thốt lên như vậy khi đang hấp hối. Cho đến hôm nay, Trumpeldor vẫn là một trong những nhân vật huyền thoại nhất của Israel, và di tích trận chiến Tel-Chai là điểm về nguồn nổi tiếng đối với giới trẻ Israel. Và tất nhiên, có một câu chuyện về Masada, pháo đài trên đỉnh núi nhìn ra Biển Chết ở hoang mạc Judea, nơi mà vào thế kỷ đầu tiên, một nhóm những kẻ nổi loạn người Do Thái đã thà đặt mình và gia đình dưới lưỡi gươm còn hơn phải đối mặt với việc bị giam cầm nô lệ dưới bàn tay của quân đội La Mã. Trong khi người ta đặt câu hỏi về độ chính xác lịch sử của sự kiện này với công cuộc khai quật khảo cổ kéo dài hàng thế kỷ, thì những ngày lễ của nhà nước và quân đội, và những lần viếng thăm mang tính nghi lễ của giới trẻ đã đóng đinh một biểu tượng về Masada trong sâu thẳm ý thức của tất cả người dân Israel. Bám víu lấy lịch sử này, xã hội Israel đã kết hợp với những kẻ tử vì đạo Masada và những anh hùng tương tự, đưa họ vào trong sảnh đường danh giá của nền văn hóa. Đặt tên cho những đội thể thao, những phong trào thanh niên, những công ty, những đường phố theo tên họ, những di sản về họ được thu gọn vào trong tất cả các khía cạnh của thực tế Israel.

Không thể coi thường giá trị quyết định, tồn vong của việc phong trào Phục quốc Do Thái đã tái tạo tinh thần tự nguyện hi sinh của người Do Thái, đặc biệt khi nó liên quan đến sự hình thành tinh thần tập thể và động lực cá nhân trong suốt những năm đầu của đất nước và nhiều khi trong các cuộc chiến tranh sau này. Nó đã thể hiện, ví dụ như, trong giới lãnh đạo huyền thoại của những sĩ quan quân đội trẻ tuổi những người mà trong suốt trận chiến trên mặt đất hoặc dưới hầm hào, đã hét lên: “Xung phong!” và đã dẫn đầu các trung đội đối mặt với cái chết ngàn cân treo sợi tóc. Phần lớn câu chuyện thành công của người Israel trái ngược với nỗi u buồn ảm đạm của thời kỳ Diaspora được quy cho đặc tính này. Tuy nhiên,

trong công cuộc tìm kiếm bằng chứng lịch sử về sức mạnh Do Thái của mình, người Israel đã tự làm mình mù quáng trước thực tế rằng việc những kẻ nổi loạn anh hùng này đều dẫn đến cùng những kết quả tự hủy diệt là hệ quả của sự vô dụng nhứt nhát của một thời Diaspora. Đỉnh ninh trong tâm trí truyền thống lịch sử này, Shabtai Shavit, cựu cục trưởng Cục Tình báo Ngoại giao Israel, Mossad, đã cảnh báo trong một trang ý kiến công luận của tờ *Haaretz* năm 2014 rằng Israel đang thực hiện một cuộc diễu hành mù quáng xuống một căn hầm thời gian, trở lại thời Bar Kokhba đương đầu với đế chế La Mã. Ông viết, cuộc chạm trán này đã đánh đổi 100 năm chủ quyền quốc gia với 2000 năm lưu vong tan rã. Trong một cuộc biểu tình Peace Now gần thời điểm ấy, Carmi Gillon, cựu Cục trưởng Cục An ninh Nội địa Israel, Shin Bet, đã phát biểu đồng cảm cho mối quan ngại này với những lời thậm chí còn nghiêm trọng hơn.

Như đã được A. B. Yehoshua, một trong những tác giả và cây bút viết tiểu luận được đón đọc nhiều nhất, lưu ý, thì mối dây liên kết đặc thù của người Do Thái giữa tôn giáo và quốc gia dân tộc bắt đầu trên Núi Moriah, di chỉ của Aqedah, nơi Abraham vung dao lên đầu con trai mình. Theo truyền thống của những người theo đạo Do Thái, đây là nơi Chúa vun bụi để tạo ra con người đầu tiên, Adam, và là nơi hai ngôi đền Do Thái sau này được xây dựng. Hiện khu vực này được coi là bình nguyên rộng lớn nằm bên trên phía bức tường Phía Tây ở Thành Cổ đang bị tranh giành ở Jerusalem và là nơi linh thiêng nhất của Do Thái giáo, người Israel họ gọi đây là Núi Đền. Khi nói về lần đầu tiên mối liên kết giữa tôn giáo và tinh thần quốc gia dân tộc được hình thành ở khu vực này, Yehoshua viết: “Mối liên kết đặc biệt này được tái tạo một lần nữa thông qua nghi lễ Aqedah bắt buộc phải được lặp lại. Con cháu của Abraham đã tự đưa mình vào những tình huống xung đột với những kẻ xung quanh, trong đó họ bị đe dọa bị hủy diệt và tàn sát, với một con dao kê trên đầu.”⁽²³¹⁾ Có lẽ xét trên cả mặt biểu tượng lẫn lịch sử, chẳng phải ngẫu nhiên mà phong trào intifada lần thứ hai của người Palestine – một cuộc bạo động có án mạng và không thể trấn áp, hơn tất cả đã báo hiệu khả năng những người Palestine sẽ đặt dấu chấm hết cho sự nghiệp Phục quốc Do Thái – bắt đầu ở Núi Đền. Mặc dầu rõ ràng không phải là nguyên nhân ngầm ẩn, nhưng chuyến thăm của lãnh tụ đối lập Ariel Sharon tới Núi Đền vào thời điểm ấy chính là nguyên nhân khai hỏa cho cuộc bạo động này. Là vị trí linh thiêng thứ ba của đạo Hồi, có Vòm Đá và thánh đường al-Aqsa, Núi Đền đã được cơ quan Waqf Hồi giáo tại Jerusalem quản lý liên tục từ năm 1187. Được hơn 1000 sĩ quan cảnh sát hộ tống, Sharon đã tiến vào Núi Đền và tuyên bố rằng di chỉ này, bị Israel chiếm đóng vào năm 1967, sẽ mãi mãi thuộc về Israel. Ở một phạm vi nhỏ hơn, những chuyến thăm viếng tiếp theo như thế của các chính trị gia Israel cũng dồn áp lực cho những người Palestine và rồi bùng nổ thành bạo động, bao gồm ít nhất một vụ tấn công khủng bố mang sắc thái tôn giáo công khai. Vào năm 2014, những cuộc viếng thăm này cũng đổ dầu vào ngọn lửa hận thù của những người Hồi giáo đang nổi lên phừng phừng ở khu vực Trung Đông mở rộng. Sử dụng khái niệm của Yehoshua, Sharon đã bằng cách gián tiếp nào đó, nếu không nói là thẳng thắn, buộc người Israel phải trở về cái nôi của quốc gia Do Thái và biểu tượng trung tâm của nó, Aqedah. Tại sao và như thế nào mà một “sự tái diễn cưỡng bức” như thế lại xảy ra, và trong một mức độ nào thì nó mới thực sự gây ra thương tổn chứ không phải nguyên do đến từ bên ngoài, là một câu hỏi trung tâm, thực sự có tính phê phán, thuộc chuyên ngành tâm lý về tính cách dân tộc Israel.

Xét về mặt lịch sử, Isaac bị trói đã được xem là một dấu mốc mang tính triết học quan trọng trong sự phát triển đạo đức của những Israelite⁽²³²⁾. Kể từ khi Chúa truyền lệnh Abraham dừng việc sát tế và cứu Isaac, câu chuyện đã được hiểu là để biểu thị sự khác biệt của người Israelite với những dân tộc xung quanh trên thực tế vẫn tiếp tục thực hành nghi thức man rợ đó như một phần nghi lễ tôn giáo của họ. Trái với dân tộc Do Thái, không một ai trong số những dân tộc cổ đại này còn tồn tại, và có lẽ không phải ngẫu nhiên mà đây lại là thành quả tự hủy diệt của riêng họ. Trong thời kỳ Diaspora, người Do Thái đã hiểu câu chuyện ấy như là một cuộc đối thoại thần học giữa con người với Chúa của họ về sự tự hi

sinh. Trong phiên bản Phục quốc Do Thái, cuộc đối thoại này là giữa người với người, cụ thể là những người cha và những người con, và nó về lần ranh giữa sự tự hiến mang tính vị tha, việc giết người và tự tử. Những người Zion thời kỳ đầu, những người lớn lên năm nào cũng như năm nào được nghe câu chuyện Aqedah trong giáo đường Do Thái vào mọi ngày lễ Rosh Hashanah, chuyển thể thông điệp về sự tự hiến của câu chuyện vào việc khai sinh ra nhà nước mới và công cuộc xâm chiếm vùng đất này. Một ví dụ rất hay đó là vở kịch nổi tiếng năm 1942 *Ha'adama Hazot*, hay, Đất này, kể về chuyện ở một khu định cư nhỏ bé vào thập niên 1890 và cuộc đấu tranh của nó với bệnh sốt rét chết chóc. Như đã được Yael Feldman thảo luận, vở kịch này “xác định ưu tiên cho mảnh đất này hơn là tính mạng thiêng liêng của con người.”⁽²³³⁾ Trong khi đây chính là trường hợp mà mức độ của sự tự hiến và quy mô phần thưởng thực tế đã đánh dấu ranh giới phân biệt đâu là tự hiến và đâu là tự hủy diệt, trên lý thuyết đó là một đường thẳng băng chạy giữa tư tưởng ấy, vào thời điểm đó vẫn là tư tưởng chủ đạo, và vị thế tự thú nhận của những kẻ cực đoan trong số những người định cư ở Bờ Tây ngày nay. Một lần nữa, chúng ta lại nhìn thấy nơi gặp gỡ của tính ái kỷ và khổ dâm: mảnh đất này đã đặt Chúa như là một và duy nhất chỉ vì nó là đặc biệt và không thể xé lẻ thậm chí ngay cả khi trong thực tế chẳng có Chúa nào từng hứa hẹn mảnh đất đó cho dân tộc của ông ta và những dân tộc khác cũng có quyền tương tự với nó bởi họ đã định cư ở đây quá lâu rồi.

Nhưng vì từng khai thác tinh thần tự hiến để chiến thắng trong cuộc chiến tranh chống lại mảnh đất này, những kẻ Zion sau đó cần phải dùng đến chính tư tưởng ấy để chiến thắng trong cuộc chiến chống lại những người định cư khác trên vùng đất ấy, người Ả Rập. Cho rằng sự kiện Aqedah là một hành vi tự do lựa chọn chứ không phải là buộc tuân phục một đức Chúa, họ đã biện hộ rằng vì trong tự hiến cũng có niềm hạnh phúc cố hữu. Như Feldman đã nhấn mạnh, khi cuộc chiến giành độc lập đang đến tới hồi ca khúc khải hoàn năm 1949, khái niệm *osher aqeda*, “hạnh phúc được trời” – đã được một lãnh tụ Đảng Lao động tạo ra nhiều thập kỷ trước đó để ăn mừng và thể tục hóa niềm vui sướng của chủ nghĩa vị tha – chột nẩy ra trong Lễ Vượt qua Haggadah tại kibbutz Na'an nổi tiếng. Kibbutz này được coi là trụ sở của IDF trong chiến dịch giải phóng Israel và khái niệm này lại tái xuất một lần nữa vào đúng khoảnh khắc đặc biệt đó trong lịch sử Israel, tất cả thêm một lần thể hiện được Aqedah lưu dấu lại uy thế của nó như là một chuỗi DNA vĩnh viễn của nhà nước Do Thái và tâm thức Israel⁽²³⁴⁾.

Trong một tập sách có cái nhìn sâu sắc và toàn diện tựa đề *Glory and Agony: Isaac's Sacrifice and National Narrative* (Tạm dịch: Vinh quang và đau đớn: sự hi sinh của Isaac và câu chuyện dân tộc), Yael Fieldman đã nghiên cứu sâu trong văn học, nghệ thuật, triết học, tâm lý và chính trị học được viết bằng tiếng Hebrew để lần theo sự phát triển trong thái độ của người Israel đối với những gì mà bà gọi là phép chuyển nghĩa Aqedah. Cùng với những thứ khác nữa, bà đã phân tích câu chuyện trong Kinh Thánh về con gái của Jephthah, cho rằng khái niệm hi sinh cũng bắt gặp trong nhân vật phụ nữ. Một trong những chuyện quan trọng mà Feldman đã khám phá đó là nhiều người Israel khi hiểu tích Isaac bị trời đã có một sự chuyển nghĩa từ biểu tượng ai đó sẵn sàng hi sinh bản thân đến biểu tượng ai đó sẵn sàng hi sinh con trai của mình. Thật vậy, bắt đầu từ thập niên 1960 và đầu thập niên 1970, các tác giả và nghệ sĩ người Israel – hầu hết là những tiếng nói cô độc bên những bờ rìa – bắt đầu sử dụng huyền thoại cơ sở này để chỉ trích đường lối của công cuộc Phục quốc Do Thái lúc bấy giờ. Nhà soạn kịch Hanoch Levin, tác giả A. B. Yehoshua, và hai họa sĩ Menashe Kadishman và Uri Lifshitz, cùng những người khác, đã phản đối giới lãnh đạo chính trị và xã hội Israel nói chung về vấn đề khát khao được tận hiến của họ, không phải là hi sinh chính bản thân họ mà là những đứa con trai của họ, bằng cách gửi chúng ra chiến trường để lao đầu vào chỗ chết. Trong vở kịch trào phúng *The Queen of the Bathtub* (Tạm dịch: Nữ hoàng trong bồn tắm) của Levin, mà chính phủ đã cấm chẳng bao lâu sau buổi công diễn vào năm 1970, Isaac đã nhạo báng người cha Abraham, vì “ông” – người cha, lại được tiếng là hi sinh. Anh quở

trách cha vì đã mong cầu sự tha thứ từ *anh*, đứa con trai đã chết.

Để hiểu động lực này thể hiện ra như thế nào tại Israel thời nay, hãy xét đến bài phóng sự trên tờ *New Yorker* của Jeffrey Goldberg năm 2004 về tình hình Bờ Tây, với tựa đề “Những người định cư: họ sẽ tiêu diệt Israel?” Goldberg đã phỏng vấn một người định cư ở Hebron, một bà mẹ có 10 người con và bà ta cho phép một đứa con ở bên ngoài với nào là lính tráng, dây thép gai và những tay súng bắn tỉa Palestine. “Hebron là của chúng tôi,” bà ta nói với Goldberg, “tại sao nó lại không nên chơi ở ngoài đó cơ chứ?”, “Ít nhất thì cái chết của nó cũng linh thiêng nhân danh Chúa... Ở đây, sống không chỉ để mà sống. Đó không phải là mục đích của cuộc đời.”⁽²³⁵⁾ Khi nói sang chuyện khác, bà ấy cũng thể hiện sự ngưỡng mộ dành cho Abraham và kể lại chi tiết huyền thoại về Hanna và con trai như để biện minh cho hành vi ngày hôm nay của bà ta.

Câu chuyện của Hanna, một bà mẹ sùng đạo có 7 đứa con trai và ủng hộ người Do Thái nổi dậy chống lại người Hi Lạp khoảng 2700 năm trước, gần như mọi đứa trẻ Israel nào cũng biết. Khi bị giải đến trước mặt hoàng đế Hi Lạp Antiochus, những đứa con trai của Hanna đã bị bắt phải ăn thịt lợn như một phép thử lòng trung thành với bậc quân vương. Khi họ từ chối, người ta rút toạc lưỡi họ ra và luộc sống. Chỉ đến khi người con trai thứ bảy gần như đã chết, Hanna mới trao cho anh ta một thông điệp để nhắn gửi lên thiên đường: “Hãy đi và nói với cha con Abraham, ‘người đã trói một đứa con trai trên bàn tế, nhưng con có bảy cái bàn tế như vậy.’” Sau khi đứa con trai cuối cùng bị giết chết, Hanna đã nhảy xuống từ trên mái nhà để tự tử, theo như sách Talmud, vào đúng lúc này, một giọng hát từ trên thiên đàng bay xuống : “Một người mẹ hạnh phúc của những đứa con”.

Dẫn ra truyện này, Goldberg phân tích rằng người định cư mà ông phỏng vấn đã phải chịu đựng “phức hợp Moriah”, một khao khát được bắt chước việc Abraham hiến dâng cho Chúa đứa con Isaac bị trói ở Núi Moriah. Bây giờ *xem* xét đến trường hợp những thanh niên Hồi giáo ném bom liều chết – và chẳng hề ám chỉ có một sự tương đương nào mang tính đạo đức hay thế nào khác – sẽ là lừa dối nếu cứ cho rằng chấp nhận hi sinh đứa con mình tức là người mẹ ấy không yêu con. Đúng hơn là, như đã được câu chuyện Hanna minh họa, bà ta *xem* con như là một bản thể mở rộng của mình và do đó cơ bản cũng là sự tự hiến. Thật vậy, nhìn từ vấn đề về tính cách dân tộc, chẳng có khác biệt gì lắm nếu coi Aqedah như một vụ tự tử hay vụ giết người không thành, vì hi sinh con cái cũng chính là hi sinh tương lai của bản thân. Cùng với nỗi đau mất mát kết hợp với thực tế chiến tranh ở Israel, điều này đã được thi vị hóa trong một bài hát nổi tiếng được ghi âm năm 1997 bởi nhạc sĩ trẻ đầy sáng tạo Eivyatar Banai. Bài hát có tên “Cha và con trai”, lời ca của nó đã nắm bắt được bi kịch truyền đời này với một điệp khúc được thể hiện là lời của một người lính đang hấp hối ngoài chiến trận, “một người cha đang khóc cho một đứa con thương tiếc cho một người cha.”⁽²³⁶⁾

Nhưng nếu điều này đúng, và con cháu của Abraham, như cách nói của A. B. Yehoshua, đã trở về Aqedah chỉ để lặp lại cơn chấn thương của cha ông trong một vòng xoáy bất tận, hành trình tâm lý này và nguồn cơn gây nên sự tái diễn này là gì? Như thế nào và tại sao chúng ta lại dính vào những mối nguy, những mất mát từ quá khứ và những mô thức ứng xử mang tính khổ dâm là một chủ đề đã được bàn luận nhiều trong lý thuyết phân tâm học. Một trường phái đã cho rằng khi những trải nghiệm ban đầu này nằm ở cốt lõi mối liên hệ của chúng ta với kẻ khác, chúng ta sẽ trở lại với chúng vì như thế còn hơn là chẳng có gì. Trên tất cả, loài người chúng ta cần một sự liên hệ, và nếu tất cả những gì chúng ta biết chỉ là một mối quan hệ lạm dụng, thì đó cũng chính là cách chúng ta kết nối với tha nhân. Điều này có ý nghĩa đối với hoàn cảnh phát triển của cá nhân, và ở mức độ thấp hơn là đối với sự tồn vong của quốc gia. Tuy nhiên, có lẽ có một thể loại luyện tiếc nào đó trong sự gắn bó của người Do Thái và người Israel với một vị Chúa phần nộ hay những ý nghĩa lớn lao hơn cả cuộc sống

khác yêu cầu môn đồ phải sẵn lòng tự hiến. Hoặc có thể sự luyến tiếc này là dành cho mối gắn bó mang tính thông dân và ác dân đối với những kẻ ngoại đạo bạc đãi, ở mức nào đó giống với sự gắn bó của người nô lệ được trả tự do với ông chủ của mình, rất khó để rời bỏ. Một thuyết khác, tuy nhiên, bắt nguồn trong ý niệm của Freud về việc *cưỡng bức tái diễn* có khả năng ứng dụng hơn trong trường hợp các quốc gia. Thuyết này cho rằng nạn nhân nỗ lực một cách vô thức để tái trải nghiệm bi kịch để có thể làm chủ được nó, theo ngôn ngữ của Robert Stoller là, bằng cách “biến bi kịch thành vinh quang”⁽²³⁷⁾. Để vượt qua bi kịch này, nạn nhân sẽ đi tìm một ai đó để có thể lặp lại hành vi mà người khác đã gây nên cho anh ta. Nhưng mặc dù bây giờ anh ta hành động như là một kẻ ngược đãi, nếu anh ta muốn tiến hành như bi kịch gốc, lựa chọn đối tượng hoặc những hoàn cảnh lúc này phải giống với kẻ ngược đãi hoặc tình huống của riêng anh ta trong quá khứ. Theo lý thuyết, đảm bảo chấn thương của chính anh ta sẽ được lặp lại. Nhà tâm lý học người Israel Avner Falk đã trình bày một luận điểm mạnh mẽ cho thấy cơ chế này đóng vai trò như thế nào trong xung đột Israel – Palestine. Ông viết, khi cố gắng làm chủ những bi kịch lịch sử tương ứng của họ, người Do Thái Israel và người Ả Rập Palestine vô thức tiếp tục giáng những đòn mạnh mẽ lên nhau, và bởi vậy lên chính họ, chính nỗi kinh hoàng họ đang cố né tránh một cách có ý thức. Trong lý lẽ của mình, Falk dẫn từ một bài thơ kinh điển của W. H. Auden, bài “Mồng 1 tháng chín năm 1939” – ngày gắn liền với sự kiện bùng nổ chiến tranh thế giới thứ 2 – lưu ý rằng mọi người, thậm chí là trẻ con cấp sách tới trường, cũng biết rằng: “Những kẻ nào đã bị vùi dập dưới cái ác / thì sẽ đáp trả lại cái ác.”⁽²³⁸⁾

Củng cố cho ý kiến này chính là logic của A. B. Yehoshua và chu kỳ các cuộc tấn công và trả đũa trong chiến tranh mà ta có thể lường trước được, và bạn có thể nhận ra là nhà nước Do Thái cuối cùng cũng nhuộm máu bàn tay mình – của chính nó cũng như của người khác. Cùng với tâm lý cưỡng bức tái diễn này, người Do Thái đã định cư ngay tại trung tâm một biển người ngoại đạo thù địch – trong trường hợp này là người Ả Rập – và dính vào một cuộc chiến tranh mà trong cuộc đua việt dã này, họ không thể nào thực sự chiến thắng. Việc người Palestine chiếm số đông ở Đất Thánh và việc Iran hay một nước nào khác có vũ khí hạt nhân có thể phóng đến thiểu số người Do Thái chỉ còn là vấn đề thời gian. Đó là lý do tại sao vào đầu năm 2014, khi John Kerry đang thực hiện một nỗ lực vót vát cuối cùng để khởi động sáng kiến hòa bình của ông ta, Thomas Friedman viết trên tờ Thời báo *The New York Times*: “Vây chúng ta đã đến cái mức: người Israel và người Palestine cần hiểu rằng nhiệm vụ của Kerry là chuyển tàu chót cùng cho một giải pháp đàm phán hai nhà nước. Chuyển tàu tiếp là chuyển tàu sẽ đâm vào họ.”⁽²³⁹⁾

Nhưng ngay từ đầu, những người trong phong trào Phục quốc Do Thái đã vấp phải nhiều chuyện không mong đợi, và người Israel không thể tận dụng những cơ hội tốt để rút ra bài học đúng đắn từ sai lầm trong quá khứ Do Thái vì họ vô thức cần phải lặp lại nó. Họ càng dồn tụ lại để cố trốn thoát khỏi điểm yếu của thời Diasporai, họ càng trở nên dễ tổn thương. Hoặc như David Grossman đã nói: “Như trong một câu chuyện khoa học viễn tưởng cũ kỹ, toàn bộ một quốc gia bị kẹt trong một con thoi thời gian quay vòng đi vòng lại, tất nó phải sống lại toàn bộ những tội lỗi tồi tệ nhất trong lịch sử bi đát của nó. Có thể, vì lý do kia, khi Israel ở trên đỉnh cao sức mạnh quân sự, người Israel sẽ đánh mất khả năng hành động. Họ trở thành phi-nhân, thực tế là những nạn nhân; chỉ là, lúc này đây, họ là nạn nhân của chính mình.”⁽²⁴⁰⁾

Một vài tháng sau chiến tranh năm 1967, Moshe Dayan có vài giờ phép và đi tới một di chỉ khảo cổ ở ngoài Tel Aviv. Tìm kiếm (bất hợp pháp) di vật ở địa điểm này, ông ta leo lên một gò cát, gò cát này đã đổ sụp xuống và chôn sống ông ta. Sau đó, ông nhớ lại rằng trước khi được cứu, ông đã nghĩ rằng thế là hết. Cuối cùng, ông được đưa vào bệnh viện với những vết thương nghiêm trọng và ở đó đến ba tuần. Nhận ra rằng chị của Dayan đã tự sát khoảng

bốn tháng trước, nhà tâm lý học Falk, người viết bệnh án phân tâm học của Dayan, đã kết luận rằng đây là một nỗ lực tự tử vô thức⁽²⁴¹⁾. Cứ cho là như vậy thì câu chuyện này cũng mang tính biểu tượng thâm thúy, thậm chí là buồn thảm, điển hình cho dân tộc tính của người Israel. Bị sụt xuống hố sâu là con người khảo cổ bạo dâm bên trong, người Do Thái mới mang ánh hào quang anh hùng bị sập bẫy quá khứ, tự đẩy mình vào một tình huống suýt chết. Như Yael Feldman đã chỉ ra, xét về mặt lịch sử, chẳng phải ngẫu nhiên mà từ *qorban* trong tiếng Hebrew đều có nghĩa là “nạn nhân” và “hi sinh”. Sự chồng chéo về nghĩa này là một sự thể hiện khác, có lẽ là một diễn đạt quá tối giản, của toàn bộ luận điểm của Feldman, rằng “vinh quang và cay đắng [của Aqedah] mãi mãi đi liền với nhau.”⁽²⁴²⁾

Mấy năm trước, trong khi chuẩn bị kết thúc khóa phân tâm học cá nhân, tôi đọc hồi ký của Amos Oz, *A tale of love and darkness* (Tạm dịch: Câu chuyện tình yêu và bóng tối). Ngay sau đó, tôi đã xem nó như là một trong những bức chân dung trên chất liệu văn học tuyệt mỹ nhất của tâm thức Israel, và tôi đã nói với bác sĩ phân tích tâm lý của tôi rằng một khi nó được phát hành bằng tiếng Anh, tôi sẽ gửi cho bà một bản. “Có một phần tôi được thể hiện trong đó, phần Israel” tôi nói với bác sĩ, người Do Thái nhưng quan niệm triết học lại gần với Phật giáo hơn, “tôi không chắc bà thực sự hiểu được điều đó. Cuốn sách này có thể đánh lừa người đọc.” Bởi vậy, một vài năm sau buổi phân tích cuối cùng, tôi gửi cho bà một cuốn được chuyển ngữ sang tiếng Anh. Tôi cũng gửi nhiều cuốn cho rất nhiều bạn thân, tất cả đều là người Do Thái Mỹ. Thật thú vị là, hầu hết những người bạn của tôi đều không thể đọc quá nổi 50 trang đầu – họ nói rằng nó quá đậm đặc, quá hại não, quá chậm chạp. Tuy vậy bà bác sĩ tâm lý của tôi đã có một kỳ nghỉ dài tới Nam cực, và tôi đoán là ở đó chẳng có gì để làm. Bà ấy đã viết cho tôi một bức thư dài: *Cuốn sách thực đã nhắc tôi nhớ về hồi tôi tư vấn cho anh. Tôi cũng cảm thấy như anh. Tác giả đã dùng phần lớn thời gian và công sức để giấu tôi bằng những nỗ lực trí thức hóa*⁽²⁴³⁾ *phức tạp của ông ta, mặc dầu cuối cùng thì ông ta cũng đã lộ một phần nào đó con người thật của mình.* Thành thực với bản tính ưa phân tích của riêng mình, bà đã có ý đúng, tôi nghĩ, về cả Oz và tôi. Nhưng tôi cảm thấy rằng bà vẫn chưa hiểu được phần Israel trong con người tôi. Tôi cũng băn khoăn rằng có phải là trùng hợp khi Oz “bộc lộ bản thân” cũng chính là lúc vụ tự tử của mẹ ông ta đã được tiết lộ, đặc biệt đó lại là phần cuối sách? Thật ngớ ngẩn khi nghĩ rằng những người Israel, với tư cách là những cá nhân, có bản tính tự hủy hoại hơn người dân ở những quốc gia khác. Thực tế, Israel có tỷ lệ tự tử thấp hơn Hoa Kỳ và hầu hết những nước châu Âu. Tình trạng cũng tương tự với tỷ lệ tử vong liên quan đến rượu cồn, và ở một chừng mực ít hơn, là thuốc gây nghiện. Nhưng con dao tự hiến dường như đã trú ngụ ở một nơi thẳm sâu trong tâm hồn người Israel. Nhưng nếu người Israel không hề tự hủy hoại với tư cách cá nhân hơn so với những người dân ở nước khác, thì đặc điểm trong quốc tính Israel đã có ý nghĩa như thế nào đây? Cũng câu hỏi ấy có thể được đặt ra để cho nhiều đặc tính khác đã được thảo luận trong cuốn sách này của người Israel, mà một lần nữa đặt ra nghi vấn về tính hữu dụng, nếu không nói là giá trị, của chính khái niệm tâm thức Israel này. Trong khi với tư cách là một nhà tâm lý học tôi tin rằng con người cuối cùng thì cũng giống nhau hơn là khác nhau, thì cuốn sách này lại tập trung vào những điểm khác nhau trong tính giao thoa dân tộc, chứ không phải là những tương đồng. Từ một quan điểm thực tế, sẽ là hợp lý nếu cho rằng cả những tương đồng lẫn khác biệt trên phủ khắp những chia rẽ dân tộc cũng như những khác biệt cá nhân trong tính cách dân tộc, có thể giải thích được hành vi tiềm năng. Trên phương diện khoa học, chúng ta có thể thậm chí có khả năng nghĩ ra một cách thức để đo đặc giá trị tương đối của tất cả ba yếu tố trong việc dự đoán hành vi thực sự. Nhưng nói về mặt triết học, câu trả lời cho câu hỏi này nằm ở một nghịch lý. Đúng là văn hóa hay quốc tính là định mệnh, và, đúng là tâm lý cá nhân là định mệnh, và nếu chúng ta đưa mỗi khái niệm này đi đến kết luận logic của nó, chúng có thể trở nên loại trừ lẫn nhau. Nhưng cả hai đều đúng. Nghịch lý này được thể hiện đặc

địa trong một cuộc hội thoại trong bộ phim của Etgar Keret và Shira Geffen, *Súra*. Bộ phim lấy bối cảnh hầu hết ở Tel Aviv, nhưng cơ bản chẳng có gì mang tính Israel về những chủ đề nên thơ, huyền bí của nó, may ra có một ngoại lệ đó là cuộc hội thoại chóng vánh ở phần kết thúc bộ phim. Nằm cạnh nhau trên giường, một trong hai nhân vật chính đã kể cho người kia nghe rằng cha mẹ cô là những nạn nhân trong vụ Đại thảm sát Holocaust. “Thế ra cô là thế hệ thứ hai?” Người bạn hỏi. “Tất cả chúng ta đều là thế hệ thứ hai,” cô trả lời “của một cái gì đó.”⁽²⁴⁴⁾

Mức độ mà những khuynh hướng tự hủy hoại vốn xâm chiếm tâm thức Israel đã tác động vào những con người Israel cá nhân là một câu hỏi mở. Không khó để chứng minh rằng con người cá nhân Israel ái kỷ, mâu thuẫn nội tâm, tự ghét mình và chua chát đã thực hiện hành vi tự làm hại bản thân. Việc khó hơn chính là xác định một câu chuyện cá nhân về tự hi sinh tích cực hay tiêu cực trừ khi chúng ta kết luận điều đó một cách đơn giản bằng cách đảm bảo vẫn ở tại Israel, những người Israel – ít nhất là những người có thể xoay sở rời đi được – trên thực tế đang hi sinh chính bản thân họ. Đó là một lời khẳng định gây tranh cãi, nhưng như nhiều năm đã trôi qua, những sự phát triển ở Trung Đông dường như đã gia cố, chứ không phải khấu trừ đi, tính chất thuyết phục của một quan điểm như vậy. Năm 2011, nghệ sĩ video người Israel Tom Pnini đã dựng và quay phim một ngọn núi lửa khổng lồ đang phun lửa trên đỉnh của một tòa nhà chung cư ở trung tâm Tel Aviv. Kết thúc bằng một ảo ảnh, bộ phim là lời nhắc nhở thuyết phục, thực ra là ám ảnh, về thực tế đời sống ở Israel.

Vào năm 2012, một người bạn Mỹ Do Thái theo cánh hữu và theo chủ nghĩa Zion quyết liệt, có cậu con trai đang tuổi thành niên đã trải qua một học kỳ ở trường cấp ba ở Israel, gọi cho tôi báo mấy tin khẩn thiết. Cô ấy muốn nói chuyện về những bản tin liên quan đến cuộc xung đột với Iran sắp xảy ra vào mùa xuân năm đó.

“Tôi không tin nó sẽ xảy ra,” tôi dám dự đoán vậy. “Gia đình tôi ở Israel còn chẳng quan tâm đến nữa là, và người Israel cũng chẳng hoảng sợ như truyền thống đã khiến cô như thế đâu.”

“Họ đang cố phủ nhận việc đó”, cô ấy đáp lại. “Tôi đang đưa con trai tôi về nhà vào tháng ba này. Anh cũng cho con gái *mình* đi bây giờ ư?”

“Ừ.” Tôi đáp không trừ trừ.

Nhưng khách quan mà nói, có lẽ cô ấy đã đúng. Có lẽ họ đang cố phủ nhận, đặt chính họ và gia đình trước mối nguy hiểm đang đến gần vì một lý tưởng cao quý và một tương lai vô định. Tôi chợt nhớ đến cuộc nói chuyện tương tự diễn ra trong khoảng thời gian đó trong một bài điểm sách trên một tờ báo của Israel. Dựa trên phân tích sâu sắc những bối cảnh Israel cả bên trong lẫn địa chính trị bên ngoài, cuốn sách đang được nói đến *Does Israel Have a Future?* (Tạm dịch: Tương lai cho Israel?) của hai học giả người Bỉ Richard Laub và Olivier Boruchowitch, đã kết luận rằng, nếu đất nước này thiếu đi một sự thay đổi quyết liệt mang tính tất yếu, thì sự tồn tại của Israel như một thực thể quốc gia và của phong trào Phục quốc Do Thái sẽ rơi vào nguy cơ nghiêm trọng – trong vòng một hoặc hai thập kỷ. Trong một phản ứng có phần bớt học thuật hơn nhưng tính thông tin là như nhau đối với một bài điểm sách có giọng tán thành cuốn sách của nhà nghiên cứu xã hội người Israel Joseph Hodara, một độc giả đã bình luận trên mạng như sau: “Các tác giả chẳng nói lên điều gì mới mẻ, nhưng họ đã bỏ quên một tham số chính. ‘Thời nào họ cũng đứng lên để hủy diệt chúng ta nhưng Hashem⁽²⁴⁵⁾ thì cứu chúng ta.’ Một cách logic, chúng ta chẳng có cơ hội nào. Nhưng trải qua toàn bộ chiều dài của lịch sử, dân tộc Israel đã chứng minh là nó đã vượt lên được

quy luật của tự nhiên.”[\(246\)](#)

KẾT LUẬN

NÓI KHÔNG, NHẬN ĐƯỢC CÓ

Vậy, hãy tối giản hóa khuôn mặt tinh thần vốn đã đơn giản của người Israel trong những trang này: nổi lên từ chiều sâu lịch sử Do Thái và vỡ kịch đi ngược dòng lịch sử của công cuộc Phục quốc Do Thái, người Israel vẫn đang đấu tranh để tôi luyện nên một bản sắc. Giống như một thời kỳ dậy thì không bao giờ kết thúc, họ tức khắc đam mê, cứng rắn, dễ thích nghi và bất ổn định. Họ lớn lao và vĩ đại, có tầm nhìn và hoang đường, tự cho mình là trung tâm và phóng khoáng. Tỏ ra tự tin cực độ, thực ra họ đang dằn vặt với cảm giác lòng tự tôn bị hạ thấp. Họ đang hạ mình và khinh khỉnh, nghĩ rằng họ là những người tốt nhất trong Dân tộc được Chúa chọn, nhưng họ thường là kẻ ghét chính mình. Vì đã bị bách hại từ lâu đời, người Do Thái thường quan tâm sâu sắc và cực kỳ hào phóng để làm vui lòng người khác, nhưng họ cũng thể hiện lòng thiếu cảm thương, một sự hờ hững gây sốc đối với nỗi đau và những cảm nhận của người khác. Mâu thuẫn, giằng xé và tự hoài nghi trong nội tâm, họ có xu hướng thích thể hiện ra bên ngoài bằng hành động, vẻ quyết đoán và sở thích tranh luận. Họ không thừa nhận thói tự hoài nghi và nghĩ rằng mình luôn luôn đúng, chỉ tranh luận với phe đối lập vì nghĩ rằng bạn sẽ đồng ý với họ. Nói không là tuyến phòng thủ thứ nhất, thứ hai và thứ ba của họ, thậm chí ngay cả khi họ hoàn toàn có thể thỏa hiệp một cách triệt để và bất ngờ. Táo bạo, mạnh mẽ và tự tin, họ cũng nhút nhát và không đáng tin. Gian xảo và hung hăng, họ phóng chiếu những bức đồng này vào những người khác và rồi cảm thấy bị ngược đãi và bị lừa gạt – đó là một trong những điều tồi tệ nhất mà một bộ phim bi kịch ngắn có thể xảy ra với một người Israel. Họ nhận thức mình vừa là những nạn nhân vừa là những kẻ thủ ác (vì lòng nhân đạo). Họ chẳng coi trọng quy tắc và chính quyền và sống đến tận độ. Họ dễ tổn thương, bị tổn thương và là những nạn nhân sống sót bị giằng xé tinh thần cũng như là những chiến binh siêu mạnh mẽ và những kẻ đàn áp khắc nghiệt. Từ Đại thảm sát Holocaust – một khối bê tông khổng lồ nhan nhản bất cứ đâu trấn giữ tâm lý người Israel – họ đã hấp thụ mệnh lệnh tuyệt đối đó, nên hung hăng thay vì vô dụng, thậm chí là có nguy cơ hại đến những kẻ vô tội, đồng minh và chính họ. Xu hướng này đã khuếch tán sự phủ nhận sạch trơn của những người Zion về sự thụ động và nhút nhát của những người Do Thái Diaspora cũ. Cuối cùng, người Israel sẵn sàng hi sinh bản thân cho tập thể, nhưng cũng sẵn sàng hi sinh chính cái tập thể ấy – cho một lý tưởng cao cả hơn và gần như không tưởng.

Cứ cho là có sự bất cân xứng, mặc dầu khó có thể cắt nghĩa tại sao, khi đất nước nhỏ bé này phân bổ mối quan tâm của nó cho những vấn đề thế giới, nhóm đặc trưng chòng chéo, đan dệt lẫn nhau này có những ngụ ý sâu sắc không chỉ cho tương lai của Israel mà còn cho tương lai của Trung Đông và thế giới nói chung. Để cho rõ ràng, một số tham biến về tâm lý hơn là về tính cách dân tộc, không kể đến những yếu tố kinh tế, chính trị và quân sự, có thể mang tính quyết định trong những vấn đề này hơn là quốc tính Israel. Nhưng tính cách dân tộc lại có thể tương tác và thậm chí là huy động những yếu tố như thế theo một cách thức mang tính quyết định. Cuối cùng, bức chân dung tính cách này có thể chứa tiềm năng có ích có bất cứ ai dính dáng tới đất nước Israel hay những cá nhân và một nhóm người Israel – từ nhân viên ngoại giao, đến doanh nhân, chuyên gia, viện sĩ, bất kể họ là người nước ngoài hay là người Israel. (Bất cứ ai đọc *The Arab Mind* (Tạm dịch: Tâm thức người Ả Rập) của Rapael Patai sau vụ 11/9 cũng sẽ kết luận rằng nếu nó đã được nghiên cứu ở viện Pentagon trước khi lính Mỹ tiến vào Iraq, thì giờ đây chúng ta hoàn toàn có thể sống trong một thế giới khác.)

Thêm vào đó, nhiều nhà tâm lý học, bao gồm Falk, Grosbard, và Sucharov, đã nghiên cứu ở một mức độ chuyên sâu nào đó rất nhiều thành tố trong tâm lý người Israel, và tác động của một số thành tố chồng chéo với khái niệm quốc tính lên mỗi xung đột Trung Đông. Họ đã phác ra một thể loại những thay đổi tâm lý mà xã hội Israel phải tạo ra để bầu vùi vào sự tái hòa giải với những kẻ thù của nó. [\(248\)](#)

Bởi vậy, để khép lại vấn đề, ở đây tôi sẽ giới hạn chỉ trong hai hồ sơ bệnh án, và chỉ một câu hỏi hẹp hơn mà đã nhận được ít sự chú ý hơn những câu hỏi khác: Những đồng minh của Israel, chủ yếu là Hoa Kỳ và cộng đồng người Do Thái Mỹ và địch thủ của nó, chủ yếu là những người Palestine, có thể sử dụng sự hiểu biết về phân tâm học đối với tâm thức Israel như thế nào để khuyến khích những chính sách mang tính hợp tác và hướng tới hòa bình hơn về phía Israel? Phần nhiều những gì tôi sẽ đưa ra đây liên quan đến Hoa Kỳ có thể được lưu ý, cũng như áp dụng đối với cả liên minh châu Âu. Trong khi bề ngoài, những người Israel đã dành nhiều quan tâm đến động thái từ phía Washington hơn là từ châu Âu, thì họ có thể không bao giờ tự tách mình ra khỏi sự nhạy cảm và sự ngưỡng mộ của mình dành cho văn hóa châu Âu, điều đó đã đem đến cho châu Âu một cơ hội đóng vai trò cấu thành – một mình nó hoặc cùng với Hoa Kỳ. Tuy nhiên, lịch sử bài Do Thái của châu Âu cũng như rất nhiều những dạng thức khác của chủ nghĩa này lại xuất hiện trong vài năm gần đây, đã khiến cho bất kỳ một vai trò nào như thế trở nên phức tạp hơn. Nhưng tìm hiểu sâu sắc vai trò của châu Âu là nhiệm vụ nằm ngoài phạm vi cuốn sách này.

Cuối cùng, trước khi tiếp tục, có hai lưu ý cần phải thận trọng, được rút ra từ việc thực hành tâm lý lâm sàng. Trước tiên, như người ta vẫn hay nói đùa, chỉ cần một nhà tâm lý học để thay đổi một cái bóng đèn, nhưng chỉ khi cái bóng đèn ấy phải muốn thay đổi. Hay như tôi thỉnh thoảng có nói với những cặp vợ chồng đi tư vấn hôn nhân rằng nếu bạn không thể làm cho mình yêu, thì ít nhất bạn cũng có thể tạo ra những điều kiện thúc đẩy việc đó. Nói cách khác, việc thấu hiểu người Israel và hành động theo những sự hiểu biết như thế có thể thúc đẩy cho một sự thay đổi, có lẽ thậm chí là một sự thay đổi rõ rệt, nhưng việc theo đuổi hòa bình phải có động lực từ bên trong. Và thứ hai là, chỉ cần một bên để khởi sự được một cuộc chiến nhưng phải có hai bên thì mới đạt được hòa bình.

BÀI TOÁN IRAN

Từ đầu thập niên 1990, Israel đã bắt đầu cảnh báo thế giới rằng Iran sẽ sớm đạt được bước tiến chắc chắn trong những nỗ lực được báo cáo là để phát triển công nghệ sản xuất vũ khí hạt nhân. Vào mùa đông năm 2012, người Israel đã gióng lên hồi chuông cảnh báo với tuyên bố rõ ràng hơn rằng cho đến tháng Sáu năm đó, Iran sẽ bước vào một “vùng miễn dịch”, ở điểm đó những vật liệu hạt nhân sẽ được trữ ngầm và trở nên miễn dịch đối với những cuộc không kích của Israel. Israel và truyền thông quốc tế, cũng như chính phủ Hoa Kỳ, bắt đầu úp mở rằng nhà nước Do Thái này đang dự trù một loạt những trận không kích diện rộng trên những mục tiêu hạt nhân của Iran trước mùa xuân này. Iran, có vẻ như đã trả miếng cho vụ ám sát rất nhiều những nhà khoa học hạt nhân của mình với những vụ mưu hại mạng sống của nhiều nhà ngoại giao Israel ở châu Á, đã đe dọa những cuộc tấn công đánh phủ đầu và đánh trả miếng chống lại Israel và phương Tây. Nguy cơ về cuộc tấn công của Iran đã khiến Israel bị bắn hàng ngàn tên lửa phóng ra từ Iran và từ những kẻ đại diện của Iran ở những biên giới của Israel, đặc biệt là Hezbollah, từ Lebanon với thông điệp rõ ràng nhất. Nguy cơ đối với phương Tây chính là việc trở thành một cái gai đối với chủ nghĩa khủng bố và giá dầu, vốn hủy hoại sự phục hồi kinh tế chậm chạp ở Mỹ và những nền kinh tế châu Âu đang vật vờ. Hoa Kỳ, với chính sách được tuyên bố là Iran sẽ không được phép phát

triển vũ khí hạt nhân, và “tất cả mọi lựa chọn là nằm trên bàn”, lại có khả năng quân sự có thể mở rộng khá lớn “vùng miễn dịch” đó, như Israel đã chỉ ra. Bởi thế Hoa Kỳ đã tư vấn là cần phải kiên nhẫn. Nhưng Israel lại khiến cho họ nản chí. Thậm chí Israel đã thừa nhận rằng những cuộc không kích chỉ khiến tình hình quay ngược thời gian một vài năm là cùng, thì giới lãnh đạo Israel – hã hê với sự ủng hộ mạnh mẽ xét về toàn cục của công chúng, nếu không nói là đã được đa số đồng thuận ủng hộ đặc biệt cho một vụ tấn công sắp tới – đã đe dọa là sẽ hành động vào trước mùa hè.

Loại tình huống này đẩy lên một câu hỏi có hay không việc Hoa Kỳ đã và đang có khả năng ngăn chặn Israel hiện thực hóa những lời đe dọa đó. Dòng lịch sử đương thời cho chúng ta biết rằng nước Mỹ đã bắt được Israel làm những gì mà nó muốn theo một trong hai cách. Trong suốt cuộc chiến vùng Vịnh thứ nhất, khác hẳn tính cách vốn có của mình, Israel đã đồng ý kiềm chế không nhảy dựng lên để tự vệ vì đã có Không lực Hoa Kỳ đang thực sự hành động đại diện cho nó, tìm kiếm và hủy diệt tên lửa Iraq nhắm vào Israel. Trong trường hợp này, mảnh lời của Hoa Kỳ chính là đảm bảo – bằng hành động chứ không chỉ bằng lời nói – cho tình hình an ninh của Israel. Năm 1992, khi Bộ trưởng Ngoại giao James Baker đe dọa từ chối những món bảo lãnh trả nợ trừ khi Israel đồng ý tạm dừng việc mở rộng khu định cư, chính phủ cánh hữu của Israel đã thất bại trong cuộc bầu cử và chính phủ mới của đảng Lao động tuyên bố một đợt đóng băng hoạt động xây dựng các khu định cư. Trong trường hợp đó, một mối nguy cụ thể và có thể tin được về những biện pháp trừng phạt về kinh tế đã có hiệu quả, thậm chí cho dù ít trực tiếp hơn. Trong những năm gần đây, vì những lý do cả về ý thức hệ lẫn chính trị, áp lực của Mỹ đè lên Israel đã được giới hạn trong phạm vi phát ngôn ngoại giao và bởi vậy có ít hoặc chẳng có hiệu ứng nào.

Nhưng Iran là một vấn đề khác. Trong khi Israel, Hoa Kỳ và những nước châu Âu đồng ý rằng Iran không nên được phép chế tạo vũ khí hạt nhân, ít nhất trong thời gian ngắn, những lợi ích của họ cũng không đồng nhất. Thậm chí trong một thời gian dài, có thể không có một sự hội tụ về lợi ích hoàn toàn vì phương Tây có thể dễ buông tay để Iran sở hữu vũ khí hạt nhân hơn là Israel. Chỉ có một điều, người Israel nhìn chung hung hăng hơn trong việc chống lại sự nở rộ vũ khí hạt nhân ở Trung Đông – Israel đã tấn công cả Iraq và Syria khi họ đạt được bước tiến trong lĩnh vực hạt nhân. Nhưng đối với nhà nước Do Thái này, Iran là một thể loại phải xếp riêng. Khi một đối thủ trong rất nhiều năm được lãnh đạo bởi một kẻ phủ nhận Holocaust, kẻ đã tuyên bố rằng Israel là một căn bệnh ung thư cần phải bị xóa bỏ khỏi bản đồ, và Lãnh tụ Tối cao của nó vẫn tiếp tục hoài nghi về sự tồn tại lịch sử của Holocaust, kêu gọi trên Twitter rằng Israel cần phải bị tiêu diệt, và có vẻ như đang phát triển những khả năng và vũ khí hạt nhân, thì liệu có còn phải nghi ngờ nữa hay chẳng về việc Israel sẽ tấn công nó? Và cứ cho là nỗi lo âu bị bỏ rơi của Israel – *cả thế giới quay lưng lại với ta và im lặng trước nỗi đau của ta* – là có thật thì có cần phải nghi ngờ rằng Israel sẽ đánh phủ đầu trước khi cánh cửa cơ hội của nó, như chỉ mình nó nhận ra điều đó, đóng lại hay không?

Nói chung, một kẻ gây hấn có thể giữ được sự hung hăng của mình trong vòng kiểm soát nếu nguy cơ đến với chính hãn áp đảo mặt lợi ích. Về logic, Israel tin rằng một Iran có vũ khí hạt nhân có thể đưa ra nguy cơ nhiều hơn là bất kể sự trả đũa nào mà họ phải cố gắng để tấn công phủ đầu nó. Bởi vậy, họ sẵn sàng hi sinh hàng trăm thậm chí hàng nghìn dân thường để cứu lấy tập thể trong tương lai. Nhưng, những yếu tố khác, ví như, việc họ chỉ có thể trì hoãn, chứ không phải tránh được, một nước Iran có vũ khí hạt nhân, và việc tấn công Iran chỉ kéo căng cái vòng tuần hoàn hòng bắc ném đi hòn chì ném lại nhãn tiền ngay trong khu vực này và mở rộng vòng xung đột vốn đã khó hòa giải của họ với những người hàng xóm Hồi giáo, đã cho thấy rằng việc tự hiến có thể khá mấp mé với tự diệt. Tuy nhiên, việc này sẽ chẳng ngăn họ lại được, vì thù chết với những kẻ Philistine⁽²⁴⁹⁾ còn hơn chờ bị giết hại thậm chí là chỉ ngồi chờ người khác đến cứu thoát.

Chú ý đến sự phản đối của công chúng ở Hoa Kỳ với việc Israel tấn công Iran, tác giả và nhà bình luận người Israel Sefi Rachlevsky đã viết vào đầu năm 2012: “Khi Netanyahu trồi Tel Aviv trên bàn tế bằng hành động phá hủy mối liên minh chiến lược với Hoa Kỳ, có lẽ ông ta nhìn thấy ở đó con tàu Irgun bị chìm mang tên *Altalena* hơn là đứa con trai của ông ta. Nhưng chẳng có bàn tay thần thánh nào hạ xuống để ngăn chặn sự điên rồ này, như một thiên thần đã ngăn Abraham khỏi việc hi sinh Isaac. Do đó hẳn phải là một bàn tay Israel từ chối mệnh lệnh này và chặn lại cơn điên rồ này.”⁽²⁵⁰⁾ Trong bài báo tiếp theo, Rachlevsky đã phân tích rằng trong kế hoạch tấn công Iran, giới lãnh đạo Israel thực sự hi vọng rằng việc Iran trả miếng chống lại lợi ích của Hoa Kỳ sẽ đẩy Hoa Kỳ vào một cuộc chiến tranh có thể kết thúc dứt điểm mối nguy cơ hạt nhân của Iran. Nếu điều này có vẻ như giống một viễn cảnh gượng ép, được tạo ra bởi một tâm trí Israel tưởng tượng thái quá, thì đó là vì nó đúng là vậy – nhưng có lẽ không chỉ riêng Rachlevsky tưởng tượng ra vậy. Sau tất cả, như đã được Rachlevsky lưu ý, viễn cảnh này khá ôn hòa nhẹ nhàng so với những gì mà Israel thực sự đã làm, hãy nói đến năm 1954, khi nước này phái những mật vụ đóng giả là các nhà báo Ai Cập, người Hồi, hoặc cộng sản để đánh bom những mục tiêu Mỹ và Anh ở Ai Cập để gây ảnh hưởng lên chính sách của người Mỹ đối với mối đe dọa cho Israel mà sau này lớn nhất là Hồi giáo và để xúi bẩy chính phủ Anh giữ quyền kiểm soát ở Kênh đào Suez. Được biết đến ở Israel trong nhiều năm như là *việc làm ăn xui xẻo* – một thuật ngữ sai lòi trong tiếng Hebrew, ám chỉ nó chỉ là một vấn đề vì nó đã bị lộ và đã thất bại – vụ việc này chắc chắn không phải là trường hợp duy nhất, dù cho có lẽ là rõ ràng nhất, về việc người Israel sử dụng bạo lực trong quy tắc tự vệ mà không phải “ăn cháo đá bát”.

Về mặt chính trị mà nói, thậm chí khi công chúng Israel bị chia rẽ vì vấn đề tấn công Iran đơn phương, ít nhất thì trong những ngày đông dài năm 2012, không một bàn tay Israel nào có vẻ như có thể, hoặc sẵn sàng, ngăn chặn những hồi trống hiến tế của chiến tranh. Israel có thể đang lừa phỉnh, ít nhất là trong thời gian của cuộc tấn công, để gây áp lực khiến phương Tây tăng cường áp lực kinh tế lên Iran. Điều này dường như đã có hiệu quả khi người Mỹ và châu Âu lần đầu tiên thu xếp nghiêm túc các lệnh trừng phạt liên quan đến tài chính và dầu mỏ lên Iran. Trước mùa hè năm 2013, có vẻ như những lệnh trừng phạt đã gây ra tổn hại đáng kể đối với nền kinh tế Iran này, đã đóng một vai trò lớn trong cuộc bầu cử vị trí kế nhiệm có chút ôn hòa hơn của Ahmadinejad. Khi còn là một ứng cử viên, tân tổng thống này đã thề tiếp tục xây dựng chương trình hạt nhân của Iran, nhưng cả trước và sau cuộc bầu cử, ông ta đều dùng một giọng điệu hòa giải đối với phương Tây. Trước mùa xuân năm 2014, đã đạt được một thỏa thuận tạm thời với phương Tây và một giao kèo dài hạn có vẻ như khả thi hơn.

Như đã được thời báo *New York Times* thông báo vào tháng 1 năm 2012, các quan chức Israel kết luận rằng nguy cơ Iran trả đũa trên quy mô lớn chỉ là một trò bịp bợm.⁽²⁵¹⁾ Với khuynh hướng phòng vệ phóng chiếu mang tính ái kỷ của người Israel, có thể tăng cường giải thiết rằng chính Israel đang lừa gạt – với một cách thức quy mô, phức tạp và cường độ cao hơn – là hoàn toàn phù hợp với tính tráo trở, trơ tráo, và sự xuất sắc trong tính ái kỷ của Israel. Ở đây, dòng suy nghĩ của tôi soi chiếu vào hạn chế của cách tiếp cận theo hướng phân tâm học trong việc dự đoán hành vi con người. Trong khi những giả thuyết được tạo ra bởi nguyên tắc thường nghe có vẻ đúng và có thể giúp hướng dẫn chúng ta đưa ra quyết định, và phân tích quá khứ thì kết quả cho sự dự đoán hành vi không chứng minh được cho giả thuyết ấy, vì nó có thể là kết quả của một giả thuyết biện giải thuyết phục tương đương nhưng cạnh tranh, chưa tính đến nhiều thể loại phi tâm lý khác.

Nhưng kết luận vào thời điểm mà tâm thức người Israel chỉ hướng tới vụ Đại thảm sát, thì phương Tây có thể làm gì để ngăn chặn Israel trượt trên đường ray của nó? Ở đây là làm thế nào, với quốc tính Israel trong tâm trí, một cuốn sổ biên niên chính sách của Nhà Trắng

hoặc lời chỉ thị truyền miệng có thể được sửa soạn để chuẩn bị cho những gì sau đó được tường rằng là một cuộc gặp quan trọng giữa Tổng thống Obama và Thủ tướng Netanyahu tại Washington vào ngày 5 tháng Ba năm 2012:

Điều đầu tiên tổng thống Obama cần biết là, đối mặt với đối phương là kẻ phủ nhận Holocaust, kêu gọi xóa sạch Israel trên bản đồ thế giới, và đang phát triển vũ khí hạt nhân, thì vấn đề không phải là có hay không mà là khi nào thì Israel sẽ tấn công. Giả sử lợi ích chiến lược của phương Tây đang bị đe dọa và Hoa Kỳ sẽ không cho phép Iran sở hữu vũ khí hạt nhân, tổng thống hẳn sẽ đề nghị Netanyahu một thỏa thuận nhằm vào điểm yếu của Israel đó là luôn tỏ ra hiên ngang, cứng rắn.

Mặc dầu vậy, đầu tiên tổng thống sẽ phải tìm cách trấn an những lo âu có thật cũng như hoang tưởng của Israel. Một sự thiếu hiểu thân mật, một lời hứa hoặc một tuyên bố công khai thường, lặp lại “lời cam đoan không thể lay chuyển” của nước Mỹ đối với an ninh của Israel sẽ không có hiệu quả. Các nhà lãnh đạo của Israel không phải lúc nào cũng giữ lời hứa, và bởi vậy họ cũng không tin người khác. Thế nên tổng thống Mỹ phải tìm cách cam kết bằng một lá thư chính thức hoặc một cách nào đó tương đương, có thể thông qua hệ thống lưỡng đảng, rằng chính Hoa Kỳ sẽ tính đến bài toán quân sự nếu trên thực tế Iran tự nó có thể miễn dịch khỏi một cuộc tấn công của người Israel trong những tháng tới. Điều đó khó có thể xảy ra nếu không nói là không thể. Lần duy nhất trong lịch sử gần đây chúng ta có thể ngăn chặn Israel không động thủ là khi chúng ta làm việc đó *cho* họ, ở miền Tây Iraq trong suốt cuộc chiến tranh vùng Vịnh.

Nhưng cùng với một sự đảm bảo như vậy, tổng thống nên lợi dụng nghịch lý không hề nhỏ nằm dưới lý tưởng về Do Thái mới. Cố hết sức có thể, hay chính xác là họ đã quá cố gắng, nên người Israel không thể trốn chạy khỏi nỗi đau khổ của bản tính dễ tổn thương và phụ thuộc của người Do Thái. Ẩn dưới vẻ ngoài gai góc và hiếu chiến, người Israel biết rằng về lâu về dài, họ không thể tồn tại được trong khu vực mình sinh sống mà không có sự chống lưng của Hoa Kỳ và NATO. Một áp lực chiến lược và gay go, như áp lực mà Bộ trưởng Ngoại giao James Baker chuyển tới chính phủ Shamir không hề biết khoan nhượng sau Chiến tranh vùng vịnh lần thứ nhất, sẽ khởi động tâm lý này mà không cần khai hỏa trong con người Thủ tướng Netanyahu sự phòng vệ đối kháng ngầm định của quốc tính Israel.

Việc làm sáng tỏ hậu quả của một cuộc tấn công Iran hiện giờ sẽ hủy hoại nghiêm trọng sự phục hồi kinh tế đang lên ở Hoa Kỳ và nền kinh tế mong manh ở châu Âu, tất cả trong suốt một năm bầu cử gây tranh cãi ở Mỹ, sẽ gửi đến một thông điệp rõ ràng, mạnh mẽ. Khả năng tái đắc cử của Obama, và nền kinh tế châu Âu đang chìm dần sẽ cần đến Israel phải có sự thiệt thòi, chẳng hạn như một cuộc tấn công ngặt nghèo. Hơn nữa, khả năng tổng thống Mỹ sẽ bị đẩy vào một cuộc chiến tranh thứ ba, không thể dự đoán trước ở Trung Đông – một kết quả dễ thành hiện thực nếu Iran trả đũa chống lại những lợi ích của Mỹ - sẽ chia rẽ dân chúng nước Mỹ. Cùng lắm thì, nó sẽ đẩy lên câu hỏi nghiêm túc về giá trị tình hữu nghị của Israel nếu không thể bị thuyết phục trì hoãn các hành động quân sự trong một vài tháng. Về điểm này, tổng thống nên khá thẳng thắn, vì người Israel không hiểu những gợi ý trong giao tiếp tế nhị. Để làm cho thỏa thuận trở nên dễ dàng, tổng thống Mỹ nên nói với thủ tướng Israel rằng chúng ta sẽ cố tìm cách để giúp Israel đưa Iran trở về “vùng miễn dịch” sau các cuộc bầu cử vào mùa thu này.

Nếu nói chi tiết những hậu quả này cho thủ tướng thì sẽ động chạm đến nỗi sợ bị bỏ rơi trong tâm trí của người Israel và sẽ tác động đến nỗi lo sợ bị Iran hủy diệt. Sự nhượng bộ cần có này khá vật vãnh, cho phép giới lãnh đạo Israel giữ được thể diện và dịu bớt nỗi lo âu bằng cách nói có, hơn là viện đến quyết định tự hiến và/hoặc tự diệt. Tất nhiên, nếu chính sách của

chúng ta – cùng với chính sách của các đồng minh – theo kiểu chúng ta sẵn sàng dung chứa một Iran hạt nhân một cách chiến lược, chúng ta sẽ phải phối hợp nói như thế với Israel, để người Israel biết rằng họ phải dựa vào chính họ. Điều đó có thể khơi mào một cuộc đụng độ hạt nhân trong tâm lý Israel giữa người Do Thái cũ và mới, kết quả là sẽ làm suy yếu Israel một cách rõ rệt, bất kể nó đơn thương độc mã hay kéo theo cả một đám rắc rối, lộn xộn.

Trên thực tế, mấy ngày trước cuộc họp mặt với Netanyahu, Tổng thống Obama đã đưa ra một bản ghi chú tương tự trong một cuộc phỏng vấn suôn sẻ, nói rằng Hoa Kỳ sẽ sử dụng quân lực trong trường hợp cần thiết nhằm ngăn chặn Iran thực hiện chương trình vũ khí hạt nhân. Ông cũng nói rằng với tư cách là tổng thống Hoa Kỳ, ông không lừa gạt gì cả. Điều đó có nghĩa là ông đã gửi một thông điệp mạnh mẽ cho cả Iran và Israel, cứ cho là với những từ ngữ được tùy ý lựa chọn, tính đến thiên hướng của cả hai bên về việc lừa gạt lẫn nhau. Cũng trong cuộc phỏng vấn ấy, ông đã cảnh báo Israel về những hậu quả của một cuộc tấn công vào thời điểm này, nói rằng, cùng với những việc khác, ông không biết công chúng Mỹ sẽ phản ứng như thế nào. Về cơ bản, vào thời điểm đó, tôi tin rằng mặc dù chiến dịch tập trung cao độ vào những cảnh báo và những mối nguy cơ, Israel thực sự không tấn công Iran trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào năm 2012. Nhưng rồi sau đó lại một lần nữa, như chúng ta vừa nói, Israel có đầy đủ khả năng ăn cháo đá bát, bất kể đó là lẽ phải.

Cuối cùng, từ góc nhìn của một người Mỹ - và nếu bạn là Obama, chắc chắn sau khi tái đắc cử - sẽ chẳng phải là một kết cục tồi tệ nhất nếu Israel tự mình tấn công Iran, vì nó sẽ cho phép Hoa Kỳ tránh xa một cuộc tấn công và giảm thiểu nguy cơ cho Hoa Kỳ. Một kết cục thậm chí còn tốt hơn, dựa trên giả định rằng Israel sẽ hành động thậm chí chẳng cần sự đồng thuận của Mỹ, là để cho cả hai chính phủ hợp tác riêng tư một chiến lược có tốt/có xấu, trong đó Hoa Kỳ và đối tác của nó tiến vào những cuộc đàm phán với Iran, chống lưng bởi khả năng độc lập từ phía Israel. Thật vậy, sau cuộc gặp gỡ Obama – Netanyahu, viễn cảnh đó có vẻ như đã được khởi động, vì Liên minh châu Âu đã tuyên bố rằng Hoa Kỳ, cùng với năm thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an và Đức, sẽ bước vào một vòng đàm phán mới với Iran. Cùng thời điểm đó, Hoa Kỳ công khai tăng cường sự hợp tác an ninh với Israel tới những cấp độ chưa từng có. Netanyahu gia hạn tối hậu thư tới Iran và cộng đồng quốc tế cho tới một năm tròn, và tiếp theo là những cuộc bầu cử của Iran cùng năm ấy, và một vòng đàm phán khác lại được diễn ra. Trong khi bàn tay của Netanyahu đã bị suy yếu ở mức nào đó trong lần tái đắc cử vào năm 2013, mối nguy cơ từ Israel vẫn còn chắc chắn, mặc dù mềm dẻo và cân nhắc về mặt thời gian hơn. Vào thời điểm tôi viết những dòng này, Hoa Kỳ và Iran đã đạt được một thỏa thuận tạm thời trong 6 tháng, bị thủ tướng Israel công khai chê bai là một “sai lầm lịch sử”. Với tiến trình được công bố trong các cuộc đàm phán, thỏa thuận này sau đó được mở rộng thêm bốn tháng nữa với một lộ trình có khả năng cho một kết quả dài hạn tránh cho Iran khỏi việc phát triển vũ khí hạt nhân mà không có đủ thời gian cảnh báo cho phương Tây. Như Thomas Friedman đã tóm tắt trên tờ *New York Times*: “Nếu Bibi không phải là Bibi, thì chúng ta sẽ không bao giờ bắt được Iran bước vào bàn đàm phán, nhưng nếu không có Barack là Barack, chúng ta sẽ không bao giờ đạt được một thỏa thuận.”⁽²⁵²⁾

Như Jeffrey Goldberg của tờ *The Atlantic* thông tin, cho đến cuối năm 2014, chính phủ Obama kết luận rằng Netanyahu là kẻ quá hèn nhát đến mức không thể khai hỏa vào Iran. Một quan chức chính phủ cấp cao đã nói với Goldberg rằng kết luận này dựa trên sự lưỡng lự của Bibi không chịu thực hiện một điều gì đáng kể trên mặt trận hòa bình với người Palestine⁽²⁵³⁾. Có một sự thật nào đó ở những lời đánh giá này, vì Bibi có vẻ như đã được xác định là chẳng làm gì nhiều hơn những việc tối thiểu để sống sót qua nhiệm kỳ. Người ta nói rằng, giống như bất kỳ người Israel nào khác, khi phải đối mặt với ngã ba đường là phủ nhận Holocaust, yêu cầu hủy diệt của Israel và một chương trình phát triển vũ khí hạt nhân, Bibi có đủ khả năng nhảy dựng lên với hành động quyết liệt. Thật vậy, khi những cuộc đàm

phán chuẩn bị đi đến hồi kết luận, ông ta không ngại ngần tránh né một cuộc đối mặt công khai nghiêm túc với chính phủ Obama. Có lẽ quan trọng hơn, như Lev Tolstoy đã bàn tới trong *Chiến tranh và Hòa bình*, những lãnh tụ quốc gia, thậm chí dường như còn có quyền lực hơn cả đám quần chúng mà họ lãnh đạo, cũng là tù nhân của những quy trình lịch sử mà nguyên nhân của nó thì chúng ta, với tư cách là người trần mắt thịt không bao giờ có thể hiểu cho thấu đáo. Một trong những quyền lực này, tôi nêu lên – và Tolstoy có thể đồng ý – đó là quốc tính, hoặc là tổng hòa các tâm lý cá nhân hình thành nên ý chí tập thể của tất cả các nhóm dân tộc cổ kết hoặc xung đột nhau để dịch chuyển dòng lịch sử. Tất cả điều này là để nói rằng trừ khi Iran trải qua một sự thay đổi mang tính cách mạng, còn không thì câu hỏi Bibi là một kẻ đón hèn hay là một người đàn ông dũng cảm cuối cùng cũng chỉ là điều vặt vãnh. Sớm hay muộn ông ta cũng tấn công hoặc sẽ bị thay thế bởi ai đó có khả năng làm như vậy.

BÃI LẦY ISRAEL – PALESTINE

Nếu vấn đề hóc búa về Iran là lựa chọn tránh né hay trì hoãn chiến tranh, thì xung đột Israel – Palestine là về việc duy trì hòa bình. Trong khu vực này, vấn đề không chỉ là làm thế nào để nói không với Israel một cách hiệu quả hơn, ví dụ, không có những khu định cư nữa, mà còn là làm thế nào để Israel nói có – đối với một nhà nước Palestine kế cận có khả năng tồn tại với một thủ đô ở Đông Jerusalem và chấp nhận vai trò lịch sử của Israel trong việc tạo nên vấn đề người tị nạn Palestine. Nói cách khác, nói có đối với lựa chọn hòa bình thực sự duy nhất với người Palestine, vì nó đang trở thành nguy hiểm với một dân tộc mỗi năm qua đi.

Nếu bạn tin rằng việc tiếp tục mở rộng khu định cư là nhanh chóng đóng cánh cửa dẫn đến giải pháp hai nhà nước – một vấn đề lần đầu được đặt ra hơn hai thập kỷ trước trong một nghiên cứu của cựu phó thị trưởng Jerusalem Meron Benvenisti – và rằng, như đã được nhà bình luận người Israel Shmuel Rosner, cùng những người khác, lưu ý, giải pháp một nhà nước không phải là giải pháp có triển vọng đối với hầu hết tất cả những người Do Thái Israel, thì câu hỏi đầu tiên là làm thế nào để tác động lên Israel để cuối cùng nó hãm phanh lại việc xây dựng những khu định cư⁽²⁵⁴⁾. Ở đây, cả mặt tâm lý và lịch sử đều thống nhất. Ngay từ đầu, cộng đồng quốc tế, bao gồm cả Hoa Kỳ, đã phản đối và lên án dự án định cư của Israel, nhưng chưa thể ngăn chặn được nó. Chỉ có một ngoại lệ duy nhất đó là khi James Baker ra tay sau khi lên tiếng cảnh báo. Gần đây hơn, tổng thống Obama, chỉ dựa vào việc thuyết phục, đã khiến Netanyahu đồng ý đóng băng một phần và giới hạn thời gian trong năm 2009. Ở cấp độ chiến thuật, Baker còn thành công hơn vì người Israel hiểu rằng làm thì tốt hơn là chỉ nói suông. Cũng vậy, không giống với Obama, cách tiếp cận của ông ta không cho phép tâm thức Israel lấu cá hơn ông ta với vô vàn những tranh luận kiểu Talmud và những thoái thác kiểu Machiavellian. Về mặt chiến lược, cả hai đều thất bại như nhau, vì trái với sự thông thái ngoại giao vốn có về xung đột quốc tế, mục tiêu của việc đóng băng đó – để đưa cả hai bên đến bàn đàm phán nhằm “giữ cho cuộc hội thoại được tiếp diễn” – sẽ chẳng bao giờ đi đến đâu. Người Palestine có những lý do của riêng họ, trên phương diện tâm lý và những phương diện khác, để ngầm phá hoại những cuộc đối thoại, nhưng đối với người Israel, lý do sâu xa nhất là ngầm phá hoại chính mình. Abba Eban⁽²⁵⁵⁾ của Israel đã từng nói một câu nổi tiếng: “Người Palestine không bao giờ bỏ lỡ cơ hội,” nhưng ngược lại, về mặt lịch sử, điều này có thể đúng lần này, thì có lẽ lần khác nó chỉ là ví dụ cho sự phóng chiếu mang tính ái kỷ về phía Israel. Trước đó đã nói không với hòa bình, thì lúc này người Palestine có thể đang chơi một trò chơi dài kỳ, giáng những thiệt hại xuống chính họ trong khi chờ đợi một vận mệnh lợi thế về dân số xuất hiện. Theo nghĩa này, chính người Israel mới để nhỡ mất cơ hội, chắc chắn là những cơ hội nảy sinh sau khi họ đạt được ảnh hưởng trong năm 1967 và khi người Palestine trở nên dễ dãi hơn từ cuối thập niên 1980. Sự tự phá hoại ngầm của người

Israel bởi thế là một trong những lý do mà danh sách những sáng kiến hòa bình ở Trung Đông thất bại kéo ra quá dài và quá phong phú, đủ thể loại con người, nơi chốn, kế hoạch như Rogers, Jarring, Geneva, Khu tự trị người Palestine năm 1979 trong hiệp định hòa bình Israel – Ai Cập, sáng kiến Shultz, Madrid, Oslo, Hội nghị hòa bình Washington năm 1993, Đồn điền Wye, Trại David, Taba, Sharm el-Sheikh, Amman, Mitchell, Tenet, Zinni, Kế hoạch Hòa bình Xê út năm 2002, Hội nghị bốn bên, Lộ đồ và Sáng kiến Kerry, chỉ là một vài cái tên trong đó. Những sự can thiệp của bên thứ ba đã phớt lờ logic cơ bản, cố hữu của sự tự hủy diệt: trong một chừng mực mà Israel cứ khẳng khẳng bám lấy sự tự hủy diệt, thì giới lãnh đạo của nó lẽ đương nhiên là phải từ chối bàn tay giúp đỡ.

Ở đây cũng thế, James Baker, một công dân Texas với phong cách thương cho roi cho vọt, hiểu một vài điều về tâm lý Israel. Trong khi tìm cách phá vỡ sự từ chối dai dẳng bướng bỉnh của Israel trong việc đàm phán với PLO, Baker đã nhắm tới hành vi đối lập mà người Israel đâm đầu vào. Thay vì đề nghị một kế hoạch nữa, ông ta yêu cầu người Israel đưa ra lời đề nghị của riêng họ, đưa cho họ một “cơ hội” để khởi sự thay vì phản hồi. Với tình huống này, họ hoàn toàn không thể nói “không”. Sau đó, ông ta đề ra một kế hoạch đàm phán chỉ để phản hồi lại ý kiến đề xuất của Thủ tướng Shamir, mà thực chất lại như một bản soạn thảo công phu chi tiết cho đề xuất ấy. Ở giai đoạn sau này, Shamir giành lại được chỗ đứng của mình và tìm được cách nói không, theo đó – sau khi tư vấn với nhà báo Thomas Friedman, người biết khá nhiều về tâm lý Israel – Baker bình luận với Quốc hội: “Hãy gọi cho chúng tôi, chúng tôi sẽ chẳng gọi cho anh đâu.” Bằng cách làm như vậy, ông ta một lần nữa đặt bóng vào sân của Israel, điều đó có nghĩa là Israel chẳng có gì phải chống đỡ, hay chẳng thể nào mà chối từ. Quan trọng nhất là, bây giờ nó phải đối mặt với những hậu quả của việc nó tự hủy diệt mình. Chiến lược ngoại giao của Baker đã dẫn tới Hội nghị Hòa bình Madrid năm 1991, mà người ta có thể cho rằng nó đã đặt nền móng để Israel công nhận thực tế và sau này là công nhận quyền hợp pháp của PLO, và Hiệp định Oslo năm 1993.

Nhưng những nỗ lực của Baker cuối cùng cũng thất bại, chẳng đạt được gì ở Madrid và cuối cùng còn mang lại nhiều đổ máu hơn trong ảo tưởng của Hiệp định Oslo. Với tư cách là bên thứ ba can thiệp sâu nhất, ông đã tập trung vào sách lược và lợi ích nhỏ giọt, hơn là chiến lược và sự chênh lệch khác biệt. Thật khó để tìm ra những câu chuyện thành công trong xung đột Ả Rập – Israel, nhưng nếu có bất cứ thành công nào, chúng đều nằm ở Hiệp ước Hòa bình Ai Cập – Israel năm 1979, và trong những động cơ ban đầu của Hiệp định Oslo Israel – Palestine năm 1993, cả hai đều là sáng kiến của chính những người tham gia, không phải là của bên thứ ba nào. Người ta nói rằng, trong cả hai trường hợp, những thay đổi từ bên ngoài về điều kiện địa chính trị đã tạo nên một môi trường thuận lợi mang tính thúc đẩy. Trong trường hợp sau, cũng hợp lý khi cho rằng lời bình luận cuối cùng của Baker “Hãy gọi chúng tôi, chúng tôi sẽ chẳng gọi anh đâu” đã góp phần vào việc bắt đầu những cuộc đàm phán Israel – Palestine bí mật và mang tính nội sinh dẫn đến Tuyên bố về các Nguyên tắc Oslo⁽²⁵⁶⁾. Đúng là, như Thomas Friedman nhận xét, Hoa Kỳ chỉ có thể đạt được hòa bình trong khu vực khi nó được các bên mời đến. Mặt trái của vấn đề này đó là cuộc họp thượng đỉnh Trại David năm 2000, đã đem Hiệp định Oslo đến một kết thúc đầy bạo lực vì tổng thống Clinton rõ ràng là muốn một hiệp ước hòa bình chứ không phải chính người Israel và Palestine muốn như vậy.

Bởi vậy, từ một lập trường mang tính chiến lược, tốt nhất là không nên có sự can thiệp của bên thứ ba: hãy cứ để người Israel một mình giải quyết hậu quả từ chính hành vi của chính họ. Tới một chừng mực mà hòa bình Israel – Palestine là ưu tiên hàng đầu cho chính phủ Mỹ, thì việc giảm thiểu hoặc xóa bỏ hỗ trợ quân sự và tài chính đối với Israel sẽ là một phần trong một chiến dịch như thế - giả sử rằng giới chính trị Mỹ sẽ cho phép một bước tiến chuyển như thế xảy ra. Logic ở đây đã rõ ràng. Nếu Israel không thể dựa vào Mỹ để đảm bảo tình hình an ninh của nó, thì cuối cùng nó cũng phải nhận ra rằng nó không thể tồn tại trong

khu vực mà không tiến tới hòa bình. Như với bất cứ hành vi tự hủy diệt nào, nguy cơ về một sự tiếp cận như thế lại là một việc quan trọng, vì Israel có thể không “chạm đáy” mà đúng hơn là tiếp tục bằng mọi cách phủ nhận thực tế về một thất bại cuối cùng của nó. Tuy vậy, mặt kia của nghịch lý Israel sự diệt/tự hiến đã tồn tại. Bởi vậy với một nguy cơ không thể phủ nhận, động lực sống dấn dặt những người Zion thời đầu rời khỏi châu Âu và sinh hạ một nhà nước – quốc gia mới mẻ cũng dễ thường sẽ tái xuất. Trong thực tế, ở đây chẳng có gì chắc chắn xảy ra, chỉ cần một điều tối thiểu là người Mỹ cho dù vẫn còn phụ thuộc một phần vào đầu mỏ Trung Đông và giới chính trị Mỹ vẫn còn chịu ảnh hưởng của giới vận động hành lang đầy quyền lực, cực hữu của người Do Thái. Trong bất cứ trường hợp nào, Mỹ và phương Tây cũng không cần phải làm những việc như vậy. Họ có thể tiếp tục bảo đảm cho tình hình an ninh của Israel nhưng tránh xa khỏi “lộ trình hòa bình”, cho đến bây giờ thì chẳng có gì hơn là một ảo tưởng nguy hiểm mở đường cho sự phủ nhận của người Israel. Điều này có một tác động đầy ý nghĩa, giảm thiểu sự phản đối của người Israel đối với hòa bình và đặt nỗi lo âu về sự sinh tồn của nó vào một tâm trạng trầm tư hơn. Nói tóm lại, nếu Israel là một đứa trẻ dậy thì vĩnh viễn thì đây là lúc buông tha cho mẹ nó. Yếu tố duy nhất bỏ lỡ từ một chiến lược như thế này đó là cảm giác của một vở kịch, một hành động nhấn mạnh đủ tầm để rung chuyển hệ thống bản sắc Israel cứng nhắc nhưng bất ổn định, để đương đầu với tính cách vĩ đại và phá tan sự phủ nhận mang tính ái kỷ của nó. Như một doanh nhân người Israel ủng hộ cánh tả từng hỏi tôi, tôi đã làm thế nào để giúp ai đó nhận ra rằng họ đã xa rời thực tế trong khi chính họ nghĩ rằng tôi mới là kẻ xa rời thực tế?

Một ý kiến được đưa ra để thảo luận trong chính phủ của Obama và được nhiều người Israel cánh tả ủng hộ đó là Mỹ thực hiện đề xuất hòa bình cuối cùng rồi áp đặt, hoặc thậm chí là ép buộc các bên tham gia phải thực hiện. Nhưng khi bước vào thực hiện, chủ yếu cho giới chính trị Mỹ, bất cứ hành động kiểu này thế nào cũng bị giảm xuống còn là nghệ thuật thuyết phục, không phải là áp lực thực sự, và chắc chắn không phải là một sự sắp xếp mang tính áp đặt. Do đó nó sẽ bị tài giương đông kích tây và sự kháng cự của Israel đánh bại một cách dễ dàng. Nó cũng bị rơi ngay bản chất cứng đầu của người Israel cho rằng – hay ảo tưởng rằng như nó vốn thế - Israel phải luôn luôn làm chủ vận mệnh của nó. Bởi vậy nếu người Mỹ không sẵn sàng chống lưng cho một đề xuất như thế với một mối nguy có thực về những hậu quả nghiêm trọng và tức thì, thì nó chẳng phải bận tâm. Cũng sẽ khả quan hơn nếu tấn trò đánh đu với tâm lý người Israel này xuất phát từ thực tế chính nó – tức là thực tế trên cơ sở ở Israel – Palestine – hơn là từ những quyền lực bên ngoài mà những chính sách dịch chuyển của nó có thể đưa ra một mục tiêu có lợi cho quan hệ công chúng hoặc thể tấn công chính trị của người Israel. Nói cách khác, câu trả lời phải đến từ người Palestine.

Bởi vậy, nếu Mỹ và phương Tây về cơ bản là để mặc nó, thì người Palestine sẽ làm gì để Israel nói có? Đầu tiên, như chúng ta đã thấy, mặc cho những tuyên bố cứng rắn của Israel, những lần người Palestine hoặc người Ả Rập nói chung cố giành giật sự nhượng bộ từ người Israel là chỉ khi họ giáng đòn đau bằng sức mạnh. Việc gần như thất bại trong chiến tranh năm 1973 đã khích lệ Israel bước vào những cuộc đàm phán với Ai Cập trước cuộc viếng thăm của Sadat; phong trào intifada đầu tiên đã thúc ép Israel phải rút khỏi dải Gaza. Tuy nhiên, có một sự khác biệt quan trọng giữa phong trào intifada lần thứ nhất và lần thứ hai, đều là về những tác động tâm lý và chính trị. Phong trào intifada lần thứ nhất phần lớn bao gồm những cuộc biểu tình gây hấn và gây rối mang tính chất dân sự, khiến người ta phải quan tâm đến một thực tế tỷ lệ dân số áp đảo của người Palestine trong khi đồng thời cũng thức tỉnh con người Do Thái cũ kỹ bên trong, con người không thể nhận thức về chính mình như một kẻ thủ ác. Như nhà nghiên cứu chính trị Mira Sucharov đã trình bày, khi xem xét lại chính mình - thông qua tấm gương truyền thông và cộng đồng quốc tế - trong một thực tế mới do người Palestine tạo ra, người Israel đã chịu đựng một sự mâu thuẫn gay gắt về nhận thức. Họ bất ngờ phải kinh qua một lỗ hổng đón đau giữa việc nhận thức chính họ như là những nạn nhân hoặc những chiến binh phòng vệ và thực tế đã bị biến thành những kẻ đi

xâm lược với sức mạnh trong tay, đánh nhau với những người Palestine không một tấc sắt, nhiều trong số đó là trẻ em. Để thu hẹp lại khoảng cách này, Israel phải hành động triệt để với nguyên nhân rõ ràng nhất của thực tế hiện thời này, đó là người Palestine. Họ đã thực hiện nhiệm vụ này thông qua những cuộc đàm phán mở với, và chính thức công nhận, kẻ thù vốn đáng ghét và đáng khinh thường của họ, PLO.⁽²⁵⁷⁾

Ngược lại, những vụ bạo động kinh hoàng của phong trào intifada lần thứ hai chỉ bồi đắp thêm mối quan hệ cộng sinh giữa Do Thái cũ và Do Thái mới. Nếu Do Thái cũ bị nỗi sợ hãi, lo âu, và tuyệt vọng tấn công, thì Do Thái mới lại nhảy dựng lên hành động. Kết quả của sự lai căng này là họ phải rút lui khỏi dải Gaza, đó tình trạng bạo lực trở lại, nhưng cuộc rút lui này lại được thực hiện đơn phương và do vậy nó cách li những người Palestine nghèo nhất và khốn khó nhất vào trong một dải đất hỗn độn và tan hoang với một nền kinh tế và những đường biên giới bị Israel kiểm soát gắt gao. Sự kết hợp này càng khiến người Palestine trở nên cực đoan, dẫn đến việc Hamas tiếp quản dải Gaza và sau đó những cuộc đụng độ lặp lại hết lần này đến lần khác giữa Hamas và Israel, chỉ càng tàn phá người Palestine nhiều hơn và đẩy Israel về phía cực hữu. Từ góc nhìn của một người Israel, điều sáng suốt nên làm lúc này là đàm phán với giới lãnh đạo PLO về việc rút quân, cho họ một bàn thắng chính trị để họ có cơ hội chứng minh với cử tri của mình thấy được giá trị của việc đàm phán với Israel. Thay vào đó, yếu tố bạo lực và hận thù nhất trong phong trào dân tộc của người Palestine đã lên ngôi, chu trình của việc gây thương tổn chắc chắn có ảnh hưởng lẫn nhau được hà hơi tiếp sức từ một nguồn sức mạnh khác, một kết cục giống như chuyện hai con dê qua cầu dành cho cả Palestine và Israel. Dải phân cách ở Bờ Tây, nhìn chung có vẻ ít nhần tâm hơn hàng rào phong tỏa có thể xuất hiện ở dải Gaza, cũng là một giải pháp cổ điển của chủ nghĩa Phục quốc Do Thái. Cả hai đều đưa ra một câu hỏi chiến lược quan trọng, khiến những kẻ khùng bố tạc ngôi tay, nhưng cũng bị dùng để phủ nhận một thách thức mang tính chiến lược bi thảm bên rễ trong sự trở lại vùng đất Zion của người Do Thái. Những hàng rào xung quanh dải Gaza và Bờ Tây đã phục vụ như một cơ chế phòng thủ mang tính tâm lý hơn, nhằm chống lại thực tế rằng người Do Thái trở lại một vùng đất đã có dân tộc khác chiếm cứ, rằng người Israel là, và luôn luôn như vậy, một hòn đảo nhỏ bé trong đại dương bao la của những kẻ chống thực dân và những người Ả Rập, Hồi giáo ẩn chứa thái độ bài phương Tây, rằng những người hàng xóm này nhúng tay quá sâu vào vấn đề Palestine trên phương diện tâm lý và những phương diện khác.

Vậy thì phong trào intifada thứ ba của người Palestine nên như thế nào? Như Thomas Friedman đã đề ra trong một bài phản hồi độc giả của tờ *New York Times*, cứ cho rằng người Palestine vẫn còn hứng thú với giải pháp hai nhà nước, thì họ nên hành động như những người ở quảng trường Tahrir.⁽²⁵⁸⁾ Mỗi thứ Sáu, hàng ngàn người Palestine nên diễu hành hòa bình từ Bờ Tây, đi qua những trạm kiểm soát, và tiến vào Jerusalem của người Do Thái, yêu cầu chủ quyền của họ song song với một nhà nước Do Thái dựa trên biên giới năm 1967 và những vụ trao đổi đất đai dưới sự đồng ý của cả hai bên. Một phong trào kiên trì và bất bạo động kiên cường kiểu này sẽ một lần nữa xuyên thủng được những bức tường phòng thủ của người Israel. Nó sẽ cảnh báo tâm thức của người Israel để họ chú ý đến những gì đang diễn ra chỉ cách vài dặm xuôi xuống con đường mà không có hàng rào nào có thể hạ nhiệt được. Nếu lực lượng an ninh của Israel phản ứng bằng vũ lực, thì người Palestine phải sẵn sàng hi sinh và không leo thang chiến tranh. Trong tình huống như thế này, sức mạnh duy nhất của họ lại nằm trong thế yếu. Thật vậy, nếu họ có thể duy trì cuộc tranh đấu bất bạo động – không gạch đá, không dao, không chống lại cảnh sát – mặc cho một vụ đàn áp bạo lực, sự mâu thuẫn về nhận thức mà họ khiêu khích lên trong tâm trí của người Israel sẽ gây ra cho họ một cơn váng đầu không thể chịu đựng nổi. Rồi thế nào cũng dẫn đến một lộ trình hòa giải quyết liệt hơn là lộ trình hòa giải bắt nguồn từ phong trào intifada lần thứ nhất, khi người ta quan sát thấy chẳng có tha thứ nào cho hành vi bạo lực.

Có vẻ như việc người Palestine có bị nổi thống khổ, phẩm giá dân tộc, chính trị hay tâm lý thôi thúc đủ mạnh để thực sự đấu tranh như thế hay không vẫn còn là một dấu hỏi. Đường lối của Hamas trong suốt cuộc đụng độ với Israel vào năm 2014 đã khiến cho đề xuất này trở nên không tưởng một cách tích cực. Tuy nhiên, nếu và khi nào người Palestine, đặc biệt là những người ở Bờ Tây, sẵn sàng cho hành động như vậy, thì họ nên làm với mục đích hòa bình chân thật. Họ nên thể hiện mục đích này bằng cảm xúc. Ở đây, thành phần thứ hai cần cho việc chuyển biến nền tảng của người Israel đã xuất hiện trong bức tranh này. Nếu trong suốt một phong trào intifada như vậy hoặc sau đó, một lãnh tụ người Palestine xuất hiện, thể hiện với công chúng Israel sự chấp nhận, sự phê chuẩn, và tình hữu nghị bác ái đối với họ như Anwar Sadat đã làm, thì người Palestine sẽ nhận ra những nguyện vọng dân tộc ngay sau đó. Người Israel chẳng muốn gì hơn là một sự chấp nhận và tính hợp pháp hóa thực sự, thêm một liều ngưỡng mộ nữa thì cũng chẳng hại ai. Khi họ nhận được những món quà tình cảm từ lòng cảm thông này, họ sẽ đáp lại bằng sự cảm thông chân thành. Họ sẽ đền đáp và coi trọng người Palestine không chỉ như một quốc gia, mà còn như những nạn nhân liên đới của lịch sử chủ nghĩa Phục quốc Do Thái. Kiểu tình yêu này khó có thể được trông đợi từ tư cách của những kẻ đi xâm lược hay gây ra bi kịch cho kẻ khác, mặt khác, đó cũng là lý do tại sao nó chỉ xuất hiện trong giới lãnh đạo và chỉ sau một chiến thắng đối với cử tri của họ, như trường hợp Ai Cập sau cuộc chiến tranh năm 1973. Anwar Sadat tin rằng nhiều phần trong cuộc xung đột Ả Rập – Israel là về vấn đề tâm lý, trong khi vụ ám sát của ông nằm trong tay những kẻ Hồi giáo cuồng tín, sau khi ông thiết lập hòa bình với Israel đã làm nổi bật những bất cập của niềm tin, thành công của ông trong việc đàm phán với Israel – cho đến ngày hôm nay vẫn không ai sánh kịp – đã thể hiện giá trị của nó. Sadat khó có thể được coi là người hoàn hảo, khi ông thất bại trong việc chào hàng người dân một cuộc hòa giải thực sự – chẳng phải Israel đã làm bất cứ điều gì để giúp đỡ, hay ít nhất để tránh phá hoại ngầm ông ta. Thực vậy, giới lãnh đạo Palestine phải hành động tốt hơn và có một cách đặc biệt mà họ có thể làm đó là cố tình bám víu vào những đau đớn của người Do Thái trong Holocaust cùng tính đặc biệt của tội ác diệt chủng ấy và lý tưởng Do Thái giữa tất cả những lý tưởng của người khác. Nhận thức rõ ràng về mối liên hệ lịch sử Do Thái với mảnh đất Israel cũng có tầm quan trọng như thế. Tất cả những điều này phải được bắt nguồn sâu xa từ cơ sở tri thức và lịch sử, nhưng phải được truyền tải với những tác động và biến cố nếu chúng kết nối với tâm thức Israel.

Phong trào intifada thứ ba, do vậy, phải được kết hợp sức mạnh của đặc điểm dân số và điểm yếu của tình trạng khuất phục trong hòa bình. Đây đơn giản chỉ là một phiên bản của quy tắc cây gậy và củ cà rốt. Đúng hơn, gắn với phương diện tâm lý, nó là sự thể hiện về thực tế Palestine, một thực tế thách thức tâm thức Israel phải lấy lại cân bằng của bản thân tự chia tách. Điều này không chỉ có lợi cho riêng mình người Palestine mà còn cho cả người Israel.

Tóm lại, có vẻ như việc người Israel tự cứu chính mình lại phụ thuộc vào người Palestine. Nếu lần này họ không đứng lên, hoặc nếu họ không từ chối thẳng thừng một giải pháp hai nhà nước và đơn giản chỉ dè dặt cho đến khi Israel – Palestine trở thành một thực thể phân biệt chủng tộc, thì tương lai đó còn tối tăm hơn những ngày tăm tối nhất trong quá khứ của cả họ và Israel. Trong một hành trình lê lết uể oải, người Israel, cùng với kẻ hỗ trợ chính của họ, cộng đồng Do Thái Mỹ, sẽ không chịu điều hành và tán thành cho một thực thể như thế, và cách này hay cách khác cuối cùng nó cũng sẽ đi theo con đường của Nam Phi. Trong bối cảnh của chúng ta, điều này có nghĩa là kết thúc sự nghiệp của chủ nghĩa Phục quốc Do Thái và là cơn bùng nổ sau cùng của tâm thức Israel đã được khám phá trong cuốn sách này.

CUỐI CÙNG NHƯNG KHÔNG KÉM PHẦN QUAN

TRỌNG: CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DO THÁI Ở MỸ

Nếu Mỹ không có khả năng giúp Israel đối mặt với thực tế chính trị, hay tệ hơn, nếu nó không còn quan tâm đến xung đột Israel – Palestine nữa vì đã giải quyết được vấn đề độc lập năng lượng và sự mệt mỏi của Trung Đông; và nếu người Palestine cũng bị chia rẽ, hận thù, hoặc bạo lực để làm những gì họ nên làm, thì một nhóm quyền lực khác có thể tạo ra sự khác biệt. Sẽ thật châm biếm và là một cái tát đối với lý tưởng Phục quốc Do Thái, nếu Israel có thể dựa vào những người Do Thái không theo con đường Zion để cứu Israel khỏi chính nó. Cộng đồng Do Thái ở Mỹ, giống như những cộng đồng Do Thái khác trên toàn thế giới, không đơn giản chỉ là người bạn của Israel giống như Hoa Kỳ. Rõ ràng, họ cũng không phải là kẻ thù như Palestine. Nếu có là gì, thì họ giống như một người chị em đi theo một con đường khác và con đường ấy lại thành công, vừa được người Israel ngưỡng mộ, vừa bị ghen tị và khinh miệt. Cùng chung sợi dây thâm tình mặc dù những nhằng nước đôi với Israel, bởi vậy người Do Thái ở Mỹ có được cái nhìn của người trong cuộc. Vì thế ảnh hưởng của họ không cần thiết phải mang tính chiến lược và được ưu tiên ồ ạt. Thay vì thế, nó có thể là sách lược và chỉ mang tính nhỏ giọt. Một lợi ích bổ sung khác đó là bất cứ một sự phê phán mang tính xây dựng nào mà họ đề trình với chính phủ Israel không thể bị hiểu là sự bài Do Thái.

Tuy nhiên, để tận dụng sức ảnh hưởng của mình, cộng đồng người Do Thái ở Mỹ phải thực hành những gì mà họ thuyết giảng về mặt tâm lý, nếu không nói là chính trị, cho người chị em sinh đôi, để đòi hỏi Israel phải như là ngôi nhà thứ hai của họ. Đầu tiên và trên hết, điều này có nghĩa là họ đã dính líu và sẵn sàng chỉ trích Israel khi cần thiết. Nếu Israel là một mái nhà an toàn cho tất cả những người Do Thái trên thế giới, như cả người Israel và người Do Thái Diaspora đều đồng ý, thì với tinh thần “Tôi có thể nói bất cứ điều gì về mẹ tôi nhưng tôi không thể”, người Do Thái ở Mỹ nên coi Israel, không chỉ là Mỹ, như mảnh đất quê hương của họ. Hơn 30 năm trước, khi vợ chồng tôi lần đầu tiên về thăm Israel, một trong những người bạn Israel thân thiết nhất của tôi đã hỏi cô ấy, người mà anh ta mới chỉ gặp lần đầu tiên, rằng một người Do Thái Mỹ như cô nghĩ gì về “tình hình này”. “Tình hình này” hồi đó hoàn toàn khác nhưng lại giống như giờ, hoàn toàn phụ thuộc vào góc nhìn lịch sử và của mỗi người gắn bó với môi trường đầy nghịch lý sinh ra tính cách người Israel. Vợ tôi từ chối trả lời câu hỏi, và như một người Israel điển hình, bạn tôi chỉ trích cô ấy vì sự e dè, lưỡng lự. Lúc ấy, tôi hiểu và ủng hộ vợ, nhưng giờ nghĩ lại, bạn tôi đã đi trước thời đại.

Mặc dù sức mạnh và danh tiếng mà cộng đồng Do Thái ở Mỹ có được từ quyền lực hậu 1967 của Israel, người Do Thái Israel cuối cùng vẫn phụ thuộc nhiều hơn vào người chị em ở Mỹ hơn là ngược lại. Không chỉ vì sự đảm bảo về mặt tài chính và đạo đức với Israel, mà có lẽ chủ yếu vì địa vị chính trị và kinh tế xã hội của họ ở Mỹ. Với tác động bầu cử của một vài tiểu bang quan trọng chưa rõ theo bên nào, những túi tiền rùng rình của họ, và quyền lực vận động hành lang mạnh mẽ, thì nếu muốn, người Do Thái ở Mỹ có thể thay đổi được chiều hướng chính sách của Mỹ đối với Israel. Qua ba, bốn thập kỷ, trong sự chuyển dịch từ sự tập trung mang tính lịch sử vào những vấn đề nội địa, tự do, cộng đồng người Do Thái ở Mỹ - hoặc chính xác hơn, những tổ chức quan trọng đòi hỏi phải đưa ra vấn đề – đã điều hướng lại sự chú ý vào những vấn đề riêng về Do Thái. Cùng với sự chuyển dịch, những tổ chức này, có lẽ được hiện thân bởi nhóm vận động hành lang quyền lực Ủy ban các vấn đề công cộng Hoa Kỳ Israel, hay AIPAC, nói chung đã định hướng lại chính họ để đưa ra sự ủng hộ thiếu cân nhắc đối với cánh hữu người Israel đang nổi lên. Trong thập kỷ 1960 và đầu thập kỷ 1970, những nhà lãnh đạo Do Thái chủ chốt như sau này là vị chủ tịch Hội nghị Do Thái thế giới, Nahum Goldman, đôi khi chỉ trích chính phủ Israel vì những chính sách đối với người Ả Rập, lúc này những sự chỉ trích như vậy giữa những nhân vật tương tự thực tế đã không còn tồn tại. Theo lối nói tâm lý hiện tại, sự ủng hộ này, cùng với những phương diện công chúng, đạo đức, tài chính và chính trị, đều phát huy khả năng và làm thui chột khả năng của quốc tính Israel.

Bây giờ, mặc dù J Street nổi lên kéo theo một nhóm Do Thái tiến bộ khác ủng hộ - vì lợi ích của cả người Israel và Palestine – việc chấm dứt sự chiếm đóng Bờ Tây và áp dụng những nguyên tắc dân chủ ở Israel với người Do Thái cũng như người Ả Rập, quan điểm chính trị của người Do Thái ở Mỹ tiếp tục bị thống lĩnh bởi một bộ phận đánh đồng sự ủng hộ Israel với sự hỗ trợ cho những chính sách của chính phủ Israel. Thực vậy, như năm 2014, Hội nghị chủ tịch các tổ chức Do Thái ở Mỹ chính yếu đã từ chối đơn gia nhập của J Street. J Street không phải là một tổ chức cực đoan, ngoài lề. Đó là một nhóm nhỏ, nhưng đang lớn mạnh, chuyên ủng hộ Israel hòa bình và là nhóm vận động hành lang. Từ góc nhìn tâm lý học, tổ chức Do Thái hiện thời này ở Mỹ được nhận diện cùng với châm ngôn của người Israel là cả thế giới quay lưng lại với ta và im lặng trước nỗi đau của ta. Một phần vì một số lãnh đạo của nhóm là con cái của những nạn nhân sống sót của vụ Holocaust và một phần vì họ là thế hệ lớn lên trong một thời đại dung thứ, nếu không nói là thối nát những mặc cảm bài Do Thái. Giống với người Israel, những người Do Thái ở Mỹ không có khả năng hấp thu sức mạnh mới, nếu không nói là quá mới, được phát hiện của Israel và của chính bản thân họ. Nhiều người trong số họ vẫn bám víu lấy tư tưởng về nỗi đau, mà bản sắc Do Thái cổ xưa đã rút ra từ câu chuyện về thời kỳ còn là nạn nhân. Họ tìm kiếm (và đôi khi đã tìm thấy) chủ nghĩa bài Do Thái ẩn giấu sau mọi cánh cửa nhưng lại bỏ qua sự thành công, sự sáp nhập và quyền lực khó tin mà người Do Thái ở Mỹ tận hưởng. Trong khi họ ý thức được về nó và thậm chí có thể đã khoe khoang về nó ở những chốn riêng tư, về mặt cảm xúc họ không thể cam tâm rằng những người đồng đạo Do Thái ở Mỹ đã chiếm số đông trong Tòa án Tối cao, trong số những nhân viên cấp cao nhất ở Nhà Trắng, trong nội các của tổng thống, trong ban giám hiệu và các khoa trong trường đại học Liên đoàn Ivy và những trường cao đẳng hàng đầu, trong ngành công nghiệp giải trí, trên Phố Wall, trong lĩnh vực bất động sản, y tế, luật pháp, và những chuyên ngành khác. Phóng chiếu những sự bất an bên trong của họ lên Israel, họ củng cố yếu tố hoang tưởng trong tâm thức Israel. Chẳng xem Israel như một năng lượng hạt nhân khu vực mà nó vốn như vậy, họ tiếp tục nhìn nó như một nạn nhân yếu ớt như nó vốn như vậy, và họ cũng như thế, nhiều thập kỷ trước đây.

Tất cả điều này muốn nói rằng để cơ quan quyền lực Do Thái thúc đẩy Israel trở thành nơi người Palestine có thể an tâm sinh sống, đầu tiên nó sẽ phải nhìn nhận rằng người Do Thái ở Mỹ và ở Israel đã khác xưa, họ có quyền lực, và cho dù xưa kia có chịu nhiều khổ ải thì những người này cũng giống như bao người khác, có thể lạm dụng quyền lực trong tay. Nói một cách biểu tượng, Malcolm Hoenlein, một trong những quan chức đứng đầu Hội nghị chủ tịch các tổ chức Do Thái chính ở Mỹ, sẽ phải thay bức ảnh chiếc máy bay không lực Israel đang bay trên bầu trời Auschwitz mà người ta nói rằng ông có trong văn phòng của mình bằng bức ảnh một trong những chiếc máy bay phản lực đang bay trên bầu trời của những khu ổ chuột cực kỳ đói nghèo của dải Gaza.

Nếu và khi bộ phận người Do Thái ở Mỹ giải phóng khỏi tư tưởng về nỗi thống khổ, hoặc ít nhất hiệu chuẩn lại nó trong một cách thức cân xứng với thực tế của người Do Thái ở Mỹ ngày nay, thì sau đó nó mới có thể củng cố những yếu tố khác, những yếu tố tích cực hơn trong tâm lý Israel. Nó có thể nhắc nhở Israel rằng quân đội và sự thành công về kinh tế đã khiến việc tạo khuôn cho một Do Thái mới sau những trường hợp lịch sử như Masada, nơi sự hi sinh anh hùng cuối cùng cũng dẫn đến kết quả như sự tự hủy diệt, gợi nhớ về tính rụt rè của những người Do Thái Diaspora, chẳng còn cần thiết nữa. Nó có thể làm gương, hâm mộ, và ủng hộ tầm nhìn xa trông rộng, sự cá gan, và tự tin của người Israel. Nó có thể ăn mừng cho sức mạnh của Israel và thúc đẩy nó điều chỉnh lại sự tự nhận thức bản thân để giải thoát người Israel khỏi phức hợp “khóc trong khi đang đứng bắn” của họ. Rồi nó có thể khích lệ Israel tin vào sức mạnh của nó và đón nhận những nguy cơ trong công cuộc mưu cầu hòa bình. Nhưng cùng với việc hỗ trợ cho những ràng buộc về tình hình an ninh của Mỹ - Israel thậm chí còn mạnh mẽ hơn, nó phải đương đầu với thái độ phủ nhận còn rơi rớt lại của Israel đối với cán cân dân số. Nó phải gây ấn tượng lên giới lãnh đạo Israel rằng với những

giá trị dân chủ đã nắm một cách sâu sắc của riêng họ và sự sáp nhập thành công vào tất cả khía cạnh của cuộc sống ở Hoa Kỳ, người Do Thái ở Mỹ có thể không bao giờ ủng hộ một nhà nước phân biệt chủng tộc công khai đang nổi lên ở Israel và Bờ Tây. Trờ lại vai trò lịch sử của nó trong phong trào đòi quyền dân sự, tổ chức Do Thái này có thể cho Israel vay mượn thêm một liều cảm thông cho cả người Ả Rập Israel và người Palestine ở Bờ Tây. Những người Palestine ở Bờ Tây đang phải đấu tranh dưới sự chiếm đóng của Israel mà không có tiếng nói về quyền dân sự và chính trị.

Như Peter Beinart đã phát biểu trong *The Crisis of Zionism* (Tạm dịch: Con khủng hoảng của chủ nghĩa Phục quốc Do Thái), người Do Thái ở Mỹ phải chịu đựng cảm giác tội lỗi trong mối quan hệ với người Do Thái ở Israel. Dẫn lời của Abraham Foxman, giám đốc quốc gia của Liên đoàn chống phỉ báng (Anti-Defamation League), rằng bởi lẽ ông ta không phải là một công dân của Israel, ông ta không phải chịu đựng hậu quả về những ý kiến của mình. Beinart tranh luận rằng những người Zion ở Mỹ cảm thấy có lỗi vì không bao giờ nhập cư vào quốc gia Do Thái ấy với số lượng lớn. Hơn nữa, họ cảm thấy cuộc sống ở Mỹ đã nuông chiều họ và khiến họ có vẻ nhu nhược so với những người Do Thái ở Israel, những người đã cày cuốc cực nhọc trên cánh đồng xương máu của chiến tranh và gửi những đứa con của họ chiến đấu trong quân đội. Để rũ sạch cảm giác tội lỗi ấy, Beinart gợi ý, những lãnh đạo Do Thái nên đặt chính họ phía sau những chính sách của Israel và tránh chỉ trích Israel, bất kể là vấn đề gì. Trong chùng mực như vậy, tổ chức Do Thái này cần phải giải thoát chính nó khỏi những quan điểm nước đôi, ví dụ như quan điểm đúng sai trong lịch sử, sức mạnh và điểm yếu, nam tính và nữ tính. Người Do Thái ở Mỹ rất giỏi khi lưu ý rằng trong khi tổ chức này đã phục vụ Israel rất tốt trong chiến tranh, tính siêu nam tính của Israel không phải là một lý tưởng để vươn tới mà đúng hơn là một vị thần ác trong những trường hợp cần kíp, phải được bỏ lại nơi chiến trường. Điều này sẽ giúp họ ăn mừng chính biểu hiện xông xáo mang tính xã hội đã được sáp nhập hơn của chính họ và giúp họ vượt qua tội lỗi của mình.

Tin xấu là cơ hội chuyển biến như thế này xảy ra ở các đẳng cấp cao hơn của những tổ chức Do Thái chủ đạo trong bất cứ thời điểm sớm sửa nào là khá nhỏ. Vì một chuyện, như người ta thường nói, thật khó dạy cho một con chó già những mảnh mới. Thêm vào đó, như Beinart đã bàn đến, liên tưởng và gắn kết câu chuyện về việc bị bách hại của người Do Thái cũ cho những thế lực như Iran, Hamas, và sự nguy hiểm của chủ nghĩa bài Do Thái đang ngóc đầu dậy trên toàn thế giới, khiến cho những người Do Thái già cả, giàu có, chuyên tài trợ tiền bạc, đang duy trì những tổ chức này, bỏ ra nhiều của nả hơn. Tin tốt là nói đến Israel, ban lãnh đạo Do Thái và những nhà tài trợ chính không thực sự thể hiện quan điểm của những người Do Thái ở Mỹ, hầu hết họ ủng hộ việc tạm dừng những khu định cư và áp dụng việc gây áp lực lên cả Israel và Palestine, buộc hai bên phải ổn định xung đột của mình. Thật vậy, phần lớn những người Do Thái bầu cử cho lần tái đắc cử của tổng thống Obama, thậm chí ngay cả sau những cuộc chạm trán và mối quan hệ cá nhân ẻo lả của ông ta với thủ tướng Netanyahu phát ra ngoài làn sóng phát thanh. Khoảng cách giữa người Do Thái ở Mỹ thế hệ trẻ hơn và giới lãnh đạo của họ còn xa cách hơn nữa. Theo tôi, đó là một trong những lý do mà tác phẩm *Atlantic* của Jeffrey Goldberg đúng khi nhận xét rằng: “Những người Israel này, và những người Do Thái Mỹ, những người tin rằng J Street, và tinh thần mà nó thể hiện đang nổi lên như một hiện tượng, tuyệt đối chẳng biết gì về những chuyện đang xảy ra trong thế giới Do Thái.”⁽²⁵⁹⁾

Hơn nữa, nhiều lãnh đạo của tổ chức Do Thái này đang đến thời hoàng kim của họ, và nhiều nhà tài trợ ở Bãi Dừa rộng rãi của họ và ở New York đang chết dần theo đúng nghĩa đen. Bởi vậy sân khấu này được dựng lên để cho thế hệ lãnh đạo mới xuất hiện. Sự chuyển dịch này, và cuối cùng ai là người đứng đầu những tổ chức này trong vài năm tới, sẽ xác định điều gì gây ảnh hưởng tới khả năng cộng đồng người Do Thái ở Mỹ có thể tham gia vào những chính sách của Mỹ và Israel trong vấn đề người Palestine và Hồi giáo nói chung. Khi

họ tiếp cận với sự chuyển dịch này, người Do Thái ở Mỹ có thể bị chia rẽ thành nhiều nhóm, mặc dù không hoàn toàn triệt để hay loại trừ lẫn nhau. Nhóm lớn mạnh nhất trong đó bao gồm những người Do Thái có vẻ như chẳng có liên hệ đến Israel và không quan tâm đến chủ nghĩa Phục quốc Do Thái. Nhiều người trong nhóm này cũng chẳng quan tâm gì đến Do Thái giáo. Họ có xu hướng thế tục, thoải mái kết hôn với những người phi Do Thái, và không nhất thiết nuôi dạy con cái theo truyền thống Do Thái giáo. Tỷ lệ kết hôn dị tộc giữa những người Do Thái phi chính thống là 50%, và con cái của họ còn kết hôn dị tộc nhiều hơn nữa, vì phần lớn họ không nuôi dạy con theo kiểu Do Thái. Trừ khi đa số những người Do Thái này khi về già bằng cách nào đó trở lại nguồn cội, như một nhóm nhỏ các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực này đề xuất xảy ra, thì khó có chuyện họ sẽ đóng một vai trò tích cực trong ban lãnh đạo của cộng đồng người Do Thái ở Mỹ. Do vậy họ không dễ dàng dự phần vào những nhà lập chính sách Mỹ và Israel bằng cách này hay cách khác.

Đối lập với nhóm này, và nhanh chóng gia tăng về số lượng lẫn ảnh hưởng, là nhóm thứ hai, Do Thái chính thống giáo. Phần lớn trong số họ xuất thân từ những gia đình chính thống hiện đại, đang tìm cách tuân thủ quy tắc tôn giáo khắt khe và tham gia tích cực vào cộng đồng phi Do Thái. Những người Do Thái trong nhóm này gắn kết mạnh mẽ với Israel. Họ về thăm, dành nhiều thời gian sống, và học tập ở Israel. Mặc dù chỉ chiếm 10% người Do Thái ở Mỹ, nhưng họ đã thiết lập được khoảng 21% số gia đình sinh hoạt tại một hội đường. Và những đứa trẻ trong các gia đình này chiếm không ít hơn 40% trong tổng số những đứa trẻ có liên kết với hội đường ở Mỹ. ⁽²⁶⁰⁾ Chặng đường một sự thay đổi rõ rệt và không mong đợi trong một tương lai gần, xu hướng nhân khẩu song song với một xu hướng tương tự trong lòng Israel này, sẽ thúc đẩy nhóm này đến định cư và đảm đương vai trò lãnh đạo tổ chức Do Thái ở Mỹ ấy.

Nói chung, phong trào Chính thống giáo hiện đại đã đưa ra một con đường thực tế, ý thức được phẩm giá và khả thi đối với người Do Thái ở Mỹ. Nói đến Israel, phong trào này cũng có một truyền thống lịch sử của sự tiết chế chính trị, chắc chắn là ở phía người Israel trước năm 1967. Bởi thế trên lý thuyết, có khả năng nhiều người trong nhóm này sẽ bầu víu với chiều hướng dễ dãi, nhẹ nhàng của Do Thái giáo được triết gia Hugo Bergman miêu tả. Nếu điều đó diễn ra, những người lãnh đạo của phong trào chính thống giáo hiện đại sẽ làm tốt nhiệm vụ để đưa Israel vào một con đường đã được bàn đến ở trên, liên quan đến tổ chức Do Thái đương thời. Một lợi ích thặng dư nữa đối với một bước ngoặt như thế này có thể là những mối liên kết sâu sắc của nhóm với những cộng đồng tôn giáo ở Israel sẽ có một ảnh hưởng hài hòa so với bản chất tôn giáo ngay ở đây. Nhưng trong nhóm này cũng không phải ngoại lệ, chẳng dễ gì thấy trước được trong tương lai sẽ xảy ra một sự chuyển dịch như thế này. Từ những năm 1970, Chính thống giáo hiện đại đã có xu hướng khá nặng về cánh hữu. Sự tiến triển này có một khía cạnh hợp logic và hợp pháp về mặt tôn giáo, như Bờ Tây, cùng với những nơi như Hebron, Bethlehem, và Beit El, chỉ quan trọng với người Do Thái về mặt tôn giáo – lịch sử như Jerusalem mà thôi. Nếu việc cho phép người Palestine định cư có nghĩa là rời bỏ quê cha đất tổ, vốn đã khắc ghi quá sâu sắc trong câu chuyện Kinh Thánh, thì làm thế nào một người Do Thái chính thống có thể ủng hộ việc cho phép này được? Thêm nữa, khi sự phân chia tôn giáo và nhà nước ở Hoa Kỳ được tạo ra để đem tự do và quyền tự quyết cho những nhóm tôn giáo, cho phép cộng đồng Chính thống giáo hiện đại được thực hành tôn giáo của họ mà không bị trở ngại hoặc gây trở ngại với quyền lợi của những người khác, nhưng ở Israel, vì không có sự phân chia như vậy nên đã khiến vấn đề thành ra phức tạp hơn. Khi phải lựa chọn giữa đòi hỏi dân chủ và những đòi hỏi của quy tắc tôn giáo bắt buộc – với cái sau tiềm ẩn khả năng cản trở không chỉ quyền lợi chính trị của những người Palestine ở Bờ Tây mà còn những quyền lợi dân sự nhất định của người Ả Rập và nước Israel thế tục trong lòng Israel hợp pháp – người Do Thái chính thống hiện đại thường lựa chọn tôn giáo hơn. Trong suy nghĩ của họ, lựa chọn này có thể không khó như vẻ ngoài của nó vì theo quan điểm chính thống giáo, lời khuyên hay bàn tay can thiệp của thánh thần có thể ổn

định được những rắc rối như thế vì Chúa biết cái gì nên, cái gì không nên. Nói tóm lại, đối với những người Do Thái chính thống giáo hiện đại, một nhà nước Do Thái có chủ quyền ở Đất thánh trong Kinh Thánh phải được ưu tiên hơn là một nước Israel dân chủ trọn vẹn. Bởi vậy, trên thực tế, khó có thể biết làm thế nào những chỉ dẫn tôn giáo của phong trào này sẽ cho phép nhóm Chính thống giáo hiện đại ủng hộ bất kỳ một dạng hòa giải thực tiễn nào với người Palestine.

Một nhóm những người Do Thái Mỹ thứ ba cũng là những người Zion và quan tâm sâu sắc tới Israel. Họ cũng chân thành, có ý thức về phẩm giá, và có thể đứng vững được. Tuy nhiên, họ là những người thế tục và nghiêng về cánh tả. Nhóm này được hiện thân bởi những tổ chức như J Street và phong trào tự do, trong nhà trường. Thách thức chính là hầu hết những người ủng hộ tiềm năng của nhóm nằm ở phần đông những người Do Thái đã bị đồng hóa hoặc thế tục chẳng quan tâm gì đến Do Thái giáo, Israel và chủ nghĩa Zion. Những người ủng hộ tiềm năng này có xu hướng tán thành đường lối chính trị của J Street, liên quan tới giải pháp hai nhà nước, những khu định cư, và đại loại thế, nhưng đối với họ, Israel chỉ là một trong nhiều sự nghiệp cấp tiến mà họ quan tâm tới, bao gồm cả chăm sóc y tế toàn cầu, quyền phụ nữ được lựa chọn, quyền của người đồng tính, hoặc bất công về thu nhập. Họ không để gì gia nhập J Street hoặc những tổ chức tương tự vào bất cứ lúc nào gần đây. Bởi vậy, ngay lúc này, vì quy mô nhỏ và thiếu tiền hỗ trợ, nhóm những người Do Thái theo chủ nghĩa Zion, thế tục, nghiêng theo cánh tả ở Mỹ này dễ bị những tính cách đối lập của người Israel chèn ép. Bị Bibi Netanyahu và những đối tác liên minh cánh hữu xua đuổi như kẻ đứng ngoài dòng chảy chính, cho là những người Do Thái chống Israel hoặc tự ghét chính mình, họ đã không được tiếp cận với hầu hết những người đưa ra quyết định của Israel.

Cuối cùng, một nhóm nhỏ nhưng đang gia tăng là những người Do Thái trẻ ở Mỹ, được Peter Beinart định danh, thực tế có thể kế tục những vị trí lãnh đạo trong tương lai, mặc dù không phải thông qua những tổ chức hiện đang tồn tại. Đó là những người Do Thái chưa bị đồng hóa, quan tâm sâu sắc đến đời sống người Do Thái. Họ thuộc vào những ngôi đền độc lập, kết hợp đời sống tôn giáo khắc khổ với sự cởi mở trí thức và sự tham gia bình đẳng đối với phụ nữ và cộng đồng LGBT, nếu không cũng thuộc vào những tổ chức Do Thái kết hợp giáo dục Do Thái với những hành động vì sự công bằng xã hội trên khắp thế giới. Trong trường hợp này, cho dù vì thiếu một nền giáo dục Do Thái hợp chuẩn trong thời thơ ấu hay vì những giá trị tự do mà họ ấp ủ, họ cũng ngày càng xa lạ với chủ nghĩa Phục quốc Do Thái và Israel. Dựa vào nghiên cứu gần đây, một số chuyên gia trong lĩnh vực này, như nhà xã hội học Theodore Sasson, tin rằng mối gắn kết chung với Israel đã trải qua chẳng phải là một sự suy giảm nào mà là một sự thay đổi từ trọng tâm tập trung hóa về mặt tổ chức sang một sự ràng buộc cá nhân, và thực tế, mang ý nghĩa nhiều hơn. Thậm chí là như thế, Sasson thừa nhận, bởi lẽ người Do Thái ở Mỹ không còn lên tiếng bằng một giọng nói thống nhất nữa, nên khả năng ảnh hưởng lên chính sách của họ sẽ bị suy giảm. ⁽²⁶¹⁾

Với sự chuyển giao thế hệ tiếp theo trong tổ chức Do Thái này, hai nhóm cuối cùng – thế tục, Zion cấp tiến và phi chính thống nhưng theo tôn giáo hoặc những cá nhân Do Thái có mục tiêu khác, những người cách xa Israel – là hiện thân cho cơ hội tốt nhất đối với người Do Thái ở Mỹ để một lần nữa thực hiện sức ảnh hưởng đến xã hội và giới lãnh đạo Israel. Nếu có đủ người Do Thái Mỹ trong những nhóm này tìm ra được con đường để họ quay trở lại với chủ nghĩa Zion chủ đạo có tổ chức; nếu cuối cùng đủ thấy xấu hổ bởi những hành vi của một nhà nước Do Thái chiếm đóng một quốc gia khác trên vùng đất được thánh hóa bởi Kinh Thánh và những lời nguyện cầu chung của họ; và nếu họ sau này có thể gia nhập vào những lực lượng với phe cánh nhỏ nhoi, tiềm ẩn tính cấp tiến của phong trào chính thống giáo hiện đại, họ có thể làm được nhiều việc hơn để đẩy tâm thức Israel đến điểm tận cùng kia. Đầu tiên, những người Do Thái ở Mỹ có thể tính đến khía cạnh tiêu cực trong tính ái kỷ của người Israel bằng cách buộc Israel gìn giữ sự cam đoan truyền thống của người Do Thái

với những giá trị nhân bản nhân loại. Điều này áp dụng đặc biệt, mặc dù không phải là độc quyền, cho hồi ức về Holocaust. Có thể thấy một ví dụ gây sốc, mặc dù có lẽ là cực đoan, về nguyên tắc ngầm ẩn này đó là chuyện xảy ra vào năm 1993, Rabbi Arnold Wolf, môn đệ của nhà thần học Do Thái tiếng tăm và cũng là nhà hoạt động trong phong trào đòi dân quyền Rabbi Abraham Joshua Heschel. Phản đối việc xây dựng bảo tàng Holocaust ở Trung tâm thương mại quốc gia Washington, Wolf đã giải thích rằng vì chính người Mỹ bản địa mới là những người bị người ta ra sức tiêu diệt ở Mỹ, một bảo tàng người Mỹ bản địa sẽ tốt hơn là những bài học lịch sử về sự thật Holocaust.

Như Leo Tolstoy, một trong những nhà tâm lý học không chuyên vĩ đại nhất lúc sinh thời, đã nhận xét trong *Chiến tranh và hòa bình* rằng, để một đám đông được khích lệ cần phải có một đối tượng hữu hình để yêu và một đối tượng hữu hình để hận thù. Ngày nay, người Do Thái ở Mỹ được những nhà lãnh đạo hô hào ủng hộ Israel nhiều hơn với lòng hận thù – cho Hamas, Iran, ISIS, và rất nhiều những kẻ bài Do Thái khác – hơn là tình yêu dành cho Israel. Điều này minh chứng cho phản ứng điển hình của nhiều người Do Thái khi một ai đó chỉ trích Israel. Giả sử bạn ủng hộ những hành động quân sự của Israel chống lại những đường hầm xuyên biên giới của Hamas nhưng lại chỉ trích Israel vì sử dụng không lực vô tội vạ, kết quả là hơn 1000 dân thường bị chết, câu trả lời thường là “Thế còn *họ* thì sao? Thế còn những việc mà *họ* đã làm thì sao?” Tiếp theo là câu chuyện về đánh bom liều chết, rocket, hành hình, chặt đầu, tư tưởng hận thù của Hamas và những tổ chức hoặc văn hóa Hồi giáo khác. Vấn đề của việc khích lệ hay cổ vũ bằng lòng hận thù là nó kéo dài câu chuyện về nạn nhân và sự yếu đuối, mà như chúng ta thấy hiện nay đang đe dọa sẽ vượt mặt nhiệm vụ tâm lý nguyên bản của phong trào Phục quốc Do Thái và của nhà nước Do Thái. Bởi vậy tôi đang liệt kê ra đây những gì là sự cổ vũ bằng tình yêu của Israel hơn là bằng sự thù hận của kẻ thù. Nhưng để khích lệ nhiều hơn bằng tình yêu, điều đầu tiên một người phải làm chính là tập trung vào đối tượng yêu thương, không phải so sánh với đối tượng hận thù. Câu trả lời cho phản ứng “Thế còn *họ* thì sao?” không nên là “Tại sao lại quan tâm đến *họ*?”, mà nên là “Họ yếu đuối và hèn nhát, chúng ta khỏe mạnh và dũng cảm.”

Sau đó, bằng cách tổ chức những chương trình, chuyến đi, kỳ thực tập và những trại hè nhằm mục đích trao đổi văn hóa để giới trẻ Mỹ thấy được những khía cạnh cụ thể của Tel Aviv, một mặt hiện đại, tự do với cuộc sống trí thức, nghệ thuật, ẩm thực và kinh doanh siêu hấp dẫn, mặt khác còn là những tổ chức Israel phục vụ cho nhân quyền và hòa giải với người Palestine, một ban lãnh đạo Do Thái ở Mỹ sẽ có khả năng hiệu chuẩn lại sự cân bằng giữa tình yêu và hận thù, với việc nhấn mạnh hơn về tình yêu. Mỗi ràng buộc đáng yêu như vậy của một Israel tiên tiến, đa nguyên sẽ đi được một đoạn đường dài để dẫn sâu vào những mối quan hệ giữa người Do Thái ở Mỹ và Israel, và bởi thế làm nhẹ bớt những lo âu của người Israel về việc bị bỏ rơi hay hủy diệt. Thêm vào đó, khía cạnh người-với-người trong chiến lược này sẽ tính cả truyền thống liên minh theo “trục tung” của người Israel và người Do Thái với những sức mạnh tập trung hóa, và đến cuối cùng thì không đáng tin cậy, thay thế, hoặc ít nhất là củng cố nó với liên minh “trục hoành” vốn quá thiếu vắng trong mối quan hệ hiện thời của Israel với các quốc gia khác. Chẳng cần nói, những mối liên kết đáng yêu như vậy sẽ có hiệu quả theo cả hai cách, tiềm ẩn khả năng làm tăng sự tham gia của những người Do Thái ở Mỹ đã bị làm cho xa lánh với Israel và chủ nghĩa Phục quốc Do Thái. Một chương trình như vậy cũng nên tìm cách xác định những biểu tượng có ý nghĩa làm tăng thêm Masada, Tel-Chai, và Núi Đền như những biểu tượng cơ sở của sự phục hồi Zion. Có lẽ có một thứ gì đó từ thành phố Haifa, chỗ ngồi của MIT của Israel, Technion và có thể những ví dụ đương thời tốt nhất về việc người Do Thái và người Ả Rập đội chung một bầu trời hòa bình, hoặc nghe có vẻ mỉa mai, chung lối đi lát ván dọc bãi biển Tel Aviv, hay cộng đồng LGBT cực kỳ phát triển. Cuối cùng, chương trình này nên để người Do Thái Mỹ được tiếp xúc với những người Ả Rập Israel và người Palestine ở Bờ Tây, để đặt khuôn mặt con người lên “*họ*”, những người cơ bản giống với bao người Mỹ và người Israel hơn là những jihad mà

chúng ta nhìn thấy trên kênh CNN. Theo cách này, J Street U, một nhánh khuôn viên đại học của J Street, và những tổ chức như ds for Peace, đang đấu tranh để tiến từng bước đi chấp chững đầu tiên trong toàn bộ chiến lược này. Nhưng vì thiếu vốn, bị bác bỏ như một tổ chức bảo trợ cho những chuyến đi Quyền thừa kế của tổ chức này đến Israel, và cho việc tìm cách phát tán rộng rãi một vở kịch mang tính chính trị lộ liễu hơn, những nỗ lực của J Street hiện thời không đáng kể. Họ không tiếp cận bất cứ thứ gì giống như chiều sâu và bề rộng của những chương trình hướng về Israel được những tổ chức Do Thái chủ đạo hoặc cộng đồng chính thống giáo đề ra. Quyền thừa kế, chương trình di sản hàng loạt của tổ chức Do Thái này, ví dụ vậy, đã miễn phí cho tất cả những người trưởng thành trẻ tuổi Do Thái trên toàn thế giới này một chuyến đi 10 ngày tới Israel, mà mỗi năm như bây giờ có tới gần 40.000 người tham gia.

Bây giờ như chúng ta đã thấy, niềm mong mỏi được yêu thương của người Israel đã dẫn sâu hơn là niềm mong mỏi của hầu hết mọi người, gắn liền với nó là một nhu cầu thiết tha được công nhận giá trị. Nhu cầu này đặc biệt mạnh mẽ trong mối quan hệ với người Do Thái ở Mỹ, vì họ đã đi một con đường khác, con đường thành công tới chủ nghĩa Phục quốc Do Thái. Đã có hơn 30.000 người Israel có mặt trong đám tang của một người Do Thái Mỹ trẻ tuổi đã thực hiện hành trình aliyah và bị giết trong một đợt tấn công của IDF trong suốt cuộc chiến ở dải Gaza năm 2014, họ làm thế không chỉ để thể hiện lòng ủng hộ và tiếc thương cho một người lính không có gia đình ở Israel, mà còn vì trong sâu thẳm họ xúc động và cảm thấy được nhìn nhận bởi một người Do Thái Mỹ trẻ, đã thực hiện sự hi sinh cuối cùng cho những gì mà họ cảm thấy chính là sự nghiệp gian truân, đầy phẩm giá, lớn lao, cao cả, nhưng thường bị cho là bất hợp pháp. Bởi vậy, có lẽ điều quan trọng nhất mà thế hệ những lãnh đạo mới cho những người Do Thái ở Mỹ có thể thực hiện để thúc đẩy Israel trở thành một nơi bớt căng thẳng hơn đó là bằng mọi cách công nhận giá trị và tính hợp pháp của một Israel dân chủ, đó là một nhà nước Do Thái với những đường biên giới trước năm 1967, đồng thời không công nhận giá trị và tính hợp pháp của việc người Israel chiếm đóng và định cư ở Bờ Tây, đi ngược lại tinh thần dân chủ với cùng một mức độ quyết liệt tương đương. Như đã được Beinart chỉ ra, chắc chắn những người ủng hộ phong trào BDS (Tẩy chay – Boycott, Rút vốn đầu tư – Divestment và Trừng phạt – Sanctions), những người sẽ áp dụng BDS cho toàn thể đất nước Israel, đã thông đồng với những người làm chính sách và những người định cư Israel để xóa bỏ biên giới năm 1967, bởi thế đặt sự tồn tại của Israel như một nhà nước Do Thái và dân chủ trước nguy cơ bị đe dọa. Việc thông đồng này có được vô tình nhớ tới hay là kết quả của sự tính toán chính trị và/hoặc là những gì mà tôi quy cho phía Israel vì đã tự hủy hoại mình một cách vô thức là một vấn đề cần phải tranh cãi. Nhưng bất luận thế nào, người Do Thái ở Mỹ nên từ chối cả phong trào BDS lẫn chính sách định cư của người Israel. Thay vào đó, họ nên thúc đẩy vì một mục tiêu tham gia còn tích cực hơn nữa với Israel hợp pháp, trong khi ủng hộ những biện pháp BDS chọn lọc chỉ áp dụng cho Bờ Tây. Điều đó một mặt có thể cho phép gia tăng những đóng góp và đầu tư về mặt tài chính ở những cơ quan văn hóa, công nghệ y tế, và những công ty khởi nghiệp Israel, mặt khác ủng hộ những chính sách như dán nhãn cho những sản phẩm được làm ở những khu định cư ở Bờ Tây, hoặc vận động hành lang tổ chức IRS để kết thúc những món ưu đãi giảm thuế đối với những quỹ từ thiện tài trợ cho những khu định cư. Một phần của chiến lược phải là đấu tranh với phong trào BDS muốn bác bỏ tính hợp pháp và phá hoại nhà nước Do Thái trong tính toàn thể của nó, bằng cách so sánh nó với Nam Phi, một lần nữa vẽ lên những điểm đặc trưng, sắc nét, chính xác về những phương diện của tính hợp pháp và giá trị giữa một nhà nước Israel hợp pháp và sự kiểm soát của nó ở Bờ Tây.

Về vấn đề Iran, ít nhất là dựa vào chính sách đã được công bố của chính phủ Mỹ: Mỹ và Israel ở cùng một chiến hào trong mục tiêu chiến lược của họ là ngăn chặn Iran trở thành một nước có sức mạnh hạt nhân. Có lẽ chẳng có gì ngạc nhiên khi những khảo sát đã chỉ ra rằng người Do Thái ở Mỹ ủng hộ Israel chống lại Iran với một tỷ lệ nhiều hơn hẳn so với tỷ lệ

ủng hộ những chính sách của Israel ở Bờ Tây hoặc đối với Chính quyền Palestine. Tuy nhiên, trong chừng mực mà những khác biệt giữa chính sách Mỹ và Israel về vấn đề Iran nổi lên – như là những khác biệt mà tôi đã bàn đến trước đó, liên quan đến thời điểm diễn ra một cuộc tấn công quân sự hoặc những điều khoản của một thỏa thuận tiềm năng giữa phương Tây và Iran – người Do Thái ở Mỹ nên sở hữu phần bên kia của bản sắc song đôi của họ, bản sắc Mỹ. Cứ cho rằng cuối cùng họ cũng đặt mình đứng cùng chiến tuyến với người Mỹ, chứ không phải người Israel, thì chính sách tránh chiến tranh với Iran trừ khi là tuyệt đối cần thiết – được người Mỹ quyết định chứ không phải là cơ quan an ninh của người Israel – họ nên tuyên bố rõ ràng như thế với người Do Thái ở Israel. Với cơn hoang tưởng trong tâm thức Israel, người Do Thái ở Mỹ phải truyền đạt trung thực và thẳng thắn rằng khi “cháy nhà mới ra mặt chuột”, trước tiên họ là tư cách người Mỹ, thứ nữa mới là những người Zion. Điều này quan trọng không chỉ liên quan đến vấn đề Iran mà còn cho mọi chuyện, vì người Israel cần phải nắm lòng thực tế này để hiểu rằng họ không thể xa lánh nguồn hỗ trợ quốc tế thân thiết nhất, nếu không nói là mạnh mẽ nhất: cộng đồng người Do Thái ở Mỹ. Vấn đề này phải được đặt ra một cách không biện hộ, không mập mờ vì, như John Kerry đã nhận ra vào năm 2014, khi nói đến sự giao tiếp hiệu quả với người Israel, nhất thiết phải tinh vi và không nhập nhằng.

Nếu, như một số chuyên gia đề xuất, người Do Thái ở Mỹ thực sự đặt mình tránh xa khỏi Do Thái giáo và Israel không bao giờ quay trở lại, hoặc thậm chí nếu họ chỉ đơn thuần đang chuyển dịch từ mô hình sáp nhập tổ chức thành một sự tham gia mang tính cá nhân hơn với Israel, thì tác động trực tiếp của họ đến những chính sách của Mỹ đối với Israel thế nào cũng suy giảm. Trong dài hạn, nếu điều này trùng với việc người Mỹ thoát khỏi ràng buộc với Trung Đông, thì Israel sẽ bị bỏ lại tự lo lấy thân. Nghe có vẻ khủng khiếp đối với chúng ta, những người yêu Israel, nhưng nếu nó buộc nhà nước Do Thái này phải trở lại tâm lý ban đầu của người Zion ảo tưởng nhưng có tinh thần tự lực cánh sinh, cộng sinh, thực tế, thì chủ nghĩa Phục quốc Do Thái tự nó có thể kết thúc tốt đẹp bằng cách trở thành những gì cứu thoát, bảo vệ, và đè nặng lên với sự thử nghiệm tuyệt vời mà Israel luôn luôn cố gắng để đạt được.

Trong một chuyến trở về Israel khi tôi còn đang viết cuốn sách này, những người bạn tôi ở Jerusalem đã tổ chức một bữa cơm tối để thảo luận những ý kiến về quốc tính Israel. Tôi biết khá rõ khu họ sống, từ hồi tôi còn trẻ, nhưng khi tôi lái xe qua những con đường hẹp dẫn đến nhà họ, tôi có chú ý, như thể đây là lần đầu tiên tôi làm vậy, gần như tất cả các con đường trong tuổi thơ của tôi đều được đặt tên theo những nhân vật trong Kinh Thánh, những nhà chinh phục Hebrew, những lực lượng phòng vệ thời tiền nhà nước, hoặc những nhà văn Zion. Chủ nhà, một cặp vợ chồng người Mỹ - Israel, là phóng viên nước ngoài thường trú và bác sĩ tâm lý lâm sàng, và những vị khách gồm các tác giả, nhà báo, giảng viên đại học, một luật sư và một cựu thành viên trong Knesset. Khi mọi người giới thiệu, tôi nhận ra một người là anh trai của một người bạn thời thơ ấu của tôi, và một người khác là đồng nghiệp của một người bạn mà tôi từng ăn trưa cùng vào chính hôm đó, và cả hai bọn họ mỗi người cũng đang viết độc lập một cuốn sách về cùng một tác giả người Israel; có một vị khách khác là đồng nghiệp cũ của bà chị dâu của tôi, bữa tối hôm trước tôi đã ăn ở nhà chị ấy; có một cặp vợ chồng là người hàng xóm của một trong những anh trai của tôi; và một vị khác từng li dị với một người mà trước đây tôi đã phỏng vấn cho cuốn sách này. Tất cả những dây mơ rễ má này nhắc tôi nhớ lại trong một chuyến thăm trước đó, tôi đã gặp một giáo sư Đại học Hebrew như thế nào và một vài ngày sau đó tôi đã được giới thiệu ở một bữa tiệc thịt nướng với một sử gia người Israel tiếng tăm là cha của bà ấy ra sao. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên ở đây cả, nhưng nó đã đi ngược lại một quan điểm mà những vị khách này nhấn mạnh khá chắc chắn vào phần sau của buổi tối đó, rằng một đất nước không phải là một gia đình.

Khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn, vị chủ nhà gợi ý chúng tôi nên áp dụng quy tắc một-câu chuyện cho buổi tối đó. Tôi đã xen vào, gợi ý một câu chuyện mang phong cách Mỹ, dẫn lời một nhà xã hội học Israel nhận xét rằng người Mỹ nói chuyện giống như chơi một bản nhạc cổ điển, các nhạc cụ tới lượt cứ thế mà tấu lên, trong khi người Israel thì giống nhạc jazz hơn, kèn nọ xen vào trống kia, gián đoạn nhau và ứng biến khi đi cùng nhau. Một vị đã phản đối lời nhận xét này, ông ta quả quyết rằng những người chơi nhạc jazz rất có ý thức về những lối chơi của bạn chơi. Tôi đồng ý rằng phép loại suy của nhà xã hội học kia hơi tử tế quá đối với cách mà người Israel giao tiếp. Bởi lẽ một vài vị khách ở đây là Mỹ kiều, cuộc nói chuyện hôm đó thành ra một bản giao hưởng pha trộn.

Trong khi tôi định lắng nghe những suy nghĩ và trải nghiệm của người khác, một trong những vị khách nài tôi trình bày ý kiến của mình trước. Không thể chối từ, tôi bắt đầu trước, nhưng rồi chỉ một vài giây sau, chính vị ấy lại xen ngang. Với kiểu cách hùng biện hợp với một giáo sư đại học, ông ta đã phản đối quan điểm có tồn tại quốc tính và phủ nhận sạch trơn toàn bộ luận điểm của tôi. Ông ta không phải là một nhà tâm lý, nhưng điều đó chẳng ngăn được ông ta đưa ra quan điểm: “Tôi đồng ý rằng với tư cách là một nhà tâm lý lâm sàng, ông khá có kinh nghiệm với nhiều cách thức tạo ra tính cách vượt qua những biên giới quốc gia.” Một người khác tham gia, cũng là một học giả cực kỳ hiểu biết và ăn nói hào sảng, đã đưa ra một cái nhìn cận kề liên quan đến những ý kiến của tôi, nhưng nói một cách khinh thường về mối nguy hiểm của “những khái niệm tâm lý giản hóa luận” như công trình của tôi. Để áp dụng tâm lý học nghịch đảo⁽²⁶²⁾, nhưng vì tôi nhận ra một phần những chỉ trích, phê phán của họ

có giá trị tri thức, tôi tán thành những nhận xét của họ. Tôi chỉ ra rằng tôi tin con người về cơ bản giống nhau nhiều hơn khác nhau, nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta không thể bàn về những điều khác biệt. Tôi giải thích ý này đã áp dụng nhiều cho vấn đề quốc tính, như là về giới. Giờ đây tôi nên bổ sung một phiên bản mang tính học thuật hơn cho cuốn sách. Trong đó, những vấn đề này sẽ được bàn luận thật sâu sắc. Tôi cũng nói, hơi có vẻ biện hộ, rằng tôi hi vọng trong khi viết, tôi có thể tinh vi hơn và bớt đơn giản hóa hơn khi nói như thế này. Tôi tin rằng, với động cơ “đưa bé già nua” trong tâm thức người Israel, bản chất lời phê phán của họ đã cân bằng dựa trên một nghịch lý không thể hòa giải được: con người đến từ các biên giới quốc gia khác nhau thực sự khác biệt; con người đến từ các biên giới quốc gia khác nhau thực sự giống nhau.

Tôi trông đợi những vị khách cùng bữa tối thích phản đối của tôi phản bác lại với một trong những phát minh mang tính bản địa Israel nhất, *haphuch al haphuch*, hay chiến thuật tranh luận “phản đối của phản đối”, và đồng ý với sự tán thành của tôi, buộc tôi không đồng ý để họ có thể đánh bại tôi. Nhiệm màu thay, điều đó đã không xảy ra. Nhưng, cũng có thể đoán trước rằng, khi tôi tiếp tục trình bày sơ lược ý kiến của mình, cứ mấy phút cuộc nói chuyện lại chuyển sang chuyện chính trị. Cuộc nói chuyện vẫn nằm trong sự kiểm soát, chỉ có một ngoại lệ là một cặp đôi, còn lại hầu như ai cũng chắc chắn ở cánh tả trên bản đồ chính trị. Nhưng cũng chẳng nên ngạc nhiên, vì nào có thể tránh được những bất đồng chính trị. Một trong những người là tác giả trong phòng liên tục đung chạm đến cựu thành viên Knesset, khiến ông này phải nhắc nhở bà ta không chỉ một lần rằng bà đang thuyết giáo cho một kẻ đã sẵn cải đạo rồi.

Mặc cho những pha lạc đề này, quy tắc một-câu chuyện vẫn phát huy khá tốt. Nhưng sau lúc ấy, ai đó kể câu chuyện về một cậu bé và một chú chó. Cô kể rằng vào đầu một chiều thứ Bảy mùa hè, cô dắt chú chó nhỏ giống schnoodle của mình trong khu dân cư thế tục ở Jerusalem, cô lang thang vào khu vực đường phân cách địa phận tôn giáo và thế tục. Ở đó, cô thấy một nhóm các cậu bé chính thống giáo đang chơi trên đường. Những đứa bé đến gần chú chó, nhưng lại có vẻ lưỡng lự vừa muốn đến gần vừa muốn tránh xa. “Đến chơi với chú cún này đi nào,” cô khuyến khích những cậu bé ấy.

“Cô là người Do Thái à?” Một trong những cậu bé hỏi.

“Thì có gì khác nhau nào?” cô ấy đáp. “Các cháu có thể chơi với con chó.”

“Không,” thằng bé sáu tuổi hoặc tầm đấy đáp lại, “Cha cháu nói như thế là *muktzeh*.”

Đó là một từ Hebrew, có nghĩa là “kiêng kỵ” hay “không được động vào”. *Muktzeh* nhìn chung là để chỉ, ít nhất trong ngôn ngữ rao giảng của các rabbi, những đồ vật mà một người có thể không động vào hoặc di chuyển trong ngày Shabbat. Cô dừng lời, cả phòng xôn xao với những lý lẽ Talmud về ý nghĩa của từ này, về lý thuyết nó có thể áp dụng cho một con chó, người Á Rập, và/hoặc ngày Shabbat. Thực thú vị, hai người theo tôn giáo trong phòng, một nhà báo đội mũ yarmulka và người vợ Mỹ đã cải đạo của ông, những người có thể có lợi thế nhất để hiểu rõ câu chuyện này, lại im lặng. Những người khác thì nói cứ như thể họ sắp thành chuyên gia đến nơi. Cuối cùng, chúng tôi phải tái thiết lập quy tắc một-câu chuyện, nhưng tôi không thể không khởi bản khoản là tại sao một nhóm những người Israel cực thế tục lại quá nhiệt tình góp vào một cuộc tranh luận kiểu này đến như vậy. Đây đơn giản là nỗi giận dữ bột phát và nỗi thất vọng của họ về thái độ của cậu bé con kia đối với những người Á Rập? Ở mức độ vô thức hơn, là sự đấu tranh biện chứng với những nguồn gốc tôn giáo của riêng họ? Hay ở tầng ý thức sâu thẳm hơn đó là vì họ khát khao được làm những gì mà cậu bé kia không làm, đó là thách thức những giới hạn và phá vỡ những quy tắc, trong trường

hợp tâm thường này chính là quy tắc một-câu chuyện?

Sự gián đoạn chính thứ hai xảy ra khi chủ nhà nhận được một cuộc gọi khẩn từ một biên tập viên thường trú ở nước ngoài, hỏi về một bài báo trên bản tin nóng liên quan đến việc luật gia Richard Goldstone người Nam Phi thừa nhận nếu trước đó ông ta biết được những gì hiện tại ông ta biết, thì báo cáo gây tranh luận nổi đình nổi đám của ông ta hẳn sẽ khác đi. Goldstone được Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc ủy thác điều tra về việc Israel tấn công bất ngờ vào dải Gaza vào tháng 12 năm 2008. Báo cáo của ông nói rằng Israel đã dính líu vào một “cuộc tấn công không cân sức, có chủ ý, được thiết kế để trừng phạt, hạ nhục và khủng bố tinh thần của một bộ phận dân chúng.”⁽²⁶³⁾ Việc sửa sai của Goldstone, như chủ nhà của chúng tôi viết vào tối đó, như một quả bom đối với Israel vì báo cáo ban đầu của ông ta được xem là cung cấp một lời biện hộ sai trái cho những lời buộc tội chống Israel, nhằm phá hoại tính hợp pháp của quốc gia này. Khi người bạn chủ nhà quay về với nghiên cứu mình, dành phần thời gian còn lại của tối đó để giải quyết chuyện ấy, thì chúng tôi đã thảo luận về Goldstone và những tác động của chuyện ấy tới Israel. Ngay lập tức, điều này lại tạo ra sự thống nhất trong tính dị biệt của Israel, vốn ít được nhận ra trong tình trạng đất nước chiến tranh liên miên, nhưng đúng hơn là trong nguy cơ sinh tồn đối với sự tồn tại của nó.

Ở đây, tôi đặt ra một câu hỏi về tác động tâm lý của mối nguy có một không hai này lên tâm lý người Israel. Về vấn đề này, người bạn đời của người đàn ông theo tôn giáo, một người phụ nữ trước kia theo đạo Ki tô, nay đã cải sang Do Thái từ một mảnh đất đẹp như tranh vẽ của bang Connecticut, đã đáp: “Thật ra, tất cả chúng ta đều có mối nguy về sự tồn vong. Chẳng cứ gì ở đây, trên đất nước Israel này, mà ở bất cứ đâu. Nó là một phần trong điều kiện sống của con người, nhưng ở nhiều nơi, người ta có ảo tưởng về sự an toàn. Hãy nghĩ về trận động đất và sóng thần đã tấn công nước Nhật, nó có thể xảy ra ở bất cứ đâu. Tôi lớn lên ở một khu ngoại ô tuyệt đẹp, thanh bình, không quá xa so với nơi tôi sống bây giờ, và cuối cùng tôi không thể chịu đựng được toàn bộ vẻ siêu giả tạo, trau chuốt của nó được nữa. Lý do tôi phải lòng Israel và sống ở đây 30 năm nay là vì ở nơi này chẳng có ảo tưởng gì hết. Tất cả là thực, và đó là lý do tại sao cuộc sống ở đây quá trân quý, tràn đầy đam mê như vậy.” Trong tôi bỗng ngân lên một tiếng đàn, sau đó tôi đã kể với người anh thế tục không thể nào thế tục hơn nữa của tôi.

“Cô ấy theo tôn giáo à?” Anh ấy công khai che giấu sự khinh thường của mình. “Đấy là kiểu những người tôn giáo hay nói.”

“Em cũng nghĩ thế.” Tôi nói, ngạc nhiên bởi sự sáng suốt lẫn khắt khe trong lời nhận xét của anh. Tôi cho rằng phần người Mỹ trong tôi có thể hiểu được sự sáng suốt về mối lo sợ tồn vong trong lời nói của cô ấy, bất luận tín ngưỡng của người nói là gì. Nó thực sự giúp tôi gạt ra được bất kỳ những thành kiến về kiểu mẫu nào mà tôi có thể áp đặt cho những người Israel theo tôn giáo, vì cặp đôi này thuộc những thành viên thông hiểu và tính khí ôn hòa nhất trong nhóm chúng tôi trong bữa tối đó. Mặt khác, con người Israel trong anh trai tôi lại nhìn nhận chuyện này theo một luồng sáng khác, một ánh sáng mà anh ấy đấu tranh – bằng cách đồng tình một cách mỉa mai với quý bà tôn giáo – cái đó thật hơn rất nhiều.

Mặc dầu rõ ràng nếu nhìn lại, có lẽ khoảnh khắc đáng nhớ nhất trong buổi tối hôm đó là khi tôi đặt ra vấn đề về Holocaust. Một nhà tâm lý học thuộc thế hệ con cháu người Yemen bị tước quyền công dân nói rằng trong suốt thời thơ ấu của mình, Holocaust đối với bà là một bức màn mà bà phải che giấu đi những nỗi đau của mình. Mặc dù cuộc đời cá nhân không cùng chung câu chuyện châu Âu với giới tinh hoa Israel vào thập niên 1950 và 1960, nhưng bà ấy kể rằng cũng có những cơn ác mộng về Holocaust được thiết lập lên, kiểu thế, để tách rời những cơn chấn thương cá nhân và đáng hổ thẹn hơn của mình khi còn là một đứa trẻ.

Những người tham dự khác cơ bản là chẳng nói gì. Một người nói một cách nhạo báng rằng hiện rất nhiều những bịa đặt tâm lý có thể được tạo ra để giải thích cho hành vi của người Israel hiện thời bằng thứ ánh sáng của quá khứ, và rồi câu chuyện trôi qua. Khi tôi hỏi về lý do để nhóm này tiếp tục, thông điệp đã rõ ràng: họ phát ốm và mệt mỏi vì phải nghe, phải nghĩ, hoặc phải nói về Holocaust. Nó từng là một tin cổ lỗ, chán ngán, một đồng những cliché tâm lý, hoặc, tệ hơn, là một thảm họa lịch sử bị biến thành một công cụ tuyên truyền của chính phủ. Đã từng lớn lên ở Israel sau vụ xét xử Eichmann, vừa đến tham dự ngày kỷ niệm Holocaust và chủ nghĩa anh hùng, tôi không khỏi không bất bình với sự lạnh lùng của họ. Nhưng chẳng có nhà tâm lý nào xứng đáng với đồng tiền bát gạo anh ta kiếm được lại hiểu những biểu hiện tâm lý ở bề mặt hời hợt cả.

Mới chỉ một tuần trước tôi còn ngồi trong văn phòng của mình ở New York, lắng nghe một bệnh nhân mới đang cố tránh đề tài Holocaust, ít nhất theo như vợ ông ta, gần như việc đó đã hủy hoại hôn nhân của họ. Ông ta là một luật sư tiếng tăm, bố mẹ là nạn nhân sống sót của vụ Đại thảm sát, mỗi người với một câu chuyện đau lòng khác nhau. Ông ta được nuôi dạy theo kiểu một người Do Thái vô thần và nghèo nàn, bệnh nhân này không bao giờ bàn đến câu chuyện đó với vợ con, mà hiện nay dường như họ ngày càng quan tâm và lo âu về nó. Khi kể cho tôi nghe cụ thể hơn về những trải nghiệm của người cha ở Buchenwald mà mình được biết, bất thành linh ông ta vỡ òa ra trong nước mắt, không kìm nén được tiếng nấc như một đứa trẻ. Người vợ giải thích là ông ta chưa từng nói về điều này trong 20 năm trời, và những đứa con đang tuổi trưởng thành sợ phải hỏi ông về điều đó, thậm chí ngay cả khi chúng được học về Holocaust trong nhà trường Hebrew. Bởi vậy, quay trở lại bữa tối của chúng tôi, bây giờ tôi đang tự hỏi mình liệu có phải ít nhất là đối với nhóm người Israel này, họ đã đi đủ một chu trình như thế. Người Israel có quá đau đớn khi ôn lại những ký ức chấn thương của dân tộc hay không? Có bị kiệt quệ vì tất cả, đến mức họ sẵn sàng tháo chạy vào một sự im lặng và phủ nhận dễ chịu? Tôi không cùng quan điểm với nhóm này, tôi nghĩ rằng một phần vì tôi đang chuẩn bị tinh thần cho chuyến trở về Mỹ. Tôi chẳng nghi ngờ nếu ở lại Israel thêm vài ngày nữa thôi, thế nào phần Israel trong tôi cũng bị đánh thức với một sự sáng tỏ đầy tính tranh luận về động lực nhóm này.

Cuối buổi tối đó, khi chúng tôi nói lời tạm biệt, vị giáo sư ăn nói lưu loát đã chỉ trích quan điểm của tôi rằng người Do Thái và người Israel có một tiểu sử tâm lý độc đáo, còn đào bới thêm: “Tôi nghĩ ông sẽ chuyển hướng dự án này vì ông đã đi quá xa rồi,” ông ta khuyên nhủ. Nhưng trên đường ra ngoài cửa, như thế để làm dịu đi câu chỉ trích của mình, ông ta kể một câu chuyện để tạm biệt: “Một ngày khác, khi tôi bị tắc đường kinh khủng, và tôi đếm được khoảng 60 chiếc xe quay đầu trái luật để quành ngang qua đường cao tốc ngay cạnh đó, rồi cắt xuống con đường ấy ở chỗ không tắc. Khi tôi hạ thấp cửa kính xe và khiển trách một trong những người lái xe đó, một gã trai trẻ, anh ta thực sự rất bức mình. Bây giờ, nếu ông có thể giải thích tại sao *hắn* bức bối, thì cuốn sách của ông có thể hoàn thành được rồi đấy.”

Ồ, tôi nghĩ tôi có khả năng giải thích được điều đó, và có lẽ còn hơn thế một chút.

Ngày hôm sau, khi đang ngồi ngay cạnh lối đi trên chuyến bay El Al trở về New York, tôi tán gẫu qua loa với hai thanh niên ngồi bên trái. Một người là cậu yeshiva chính thống cực đoan với hai lọn tóc mai dài, xoắn, đội mũ đen và tzitzit. Cậu ta đang đọc một văn bản bằng tiếng Hebrew dịch tựa đề là “Những câu chuyện từ ngôi nhà của cha chúng ta”. Người kia là một sinh viên y khoa dự bị đại học, mày râu nhẵn nhụi, đội yarmulka, đến từ Ohio. Là một người chính thống hiện đại đang tu tập, anh ta đang lên kế hoạch chuyển đến Israel sau khi học xong trường y. Anh ta đang đọc cuốn sách của Eli Wiesel, *Đêm*, một câu chuyện kinh hoàng về những trải nghiệm của gia đình Wiesel trong những trại tập trung, cốt truyện trung tâm của nó kể về mối quan hệ thân thiết của Wiesel với cha ông ta và làm thế nào Eli có thể

sống sót sau cái chết của ông. Và tôi, một người Do Thái thế tục lớn lên ở Israel, nhưng rời đến Mỹ, chỉ mới kết thúc chuyến thăm Israel ba ngày, đang đọc một cuốn sách hàn lâm tựa đề *Glory and Agony: Isaac's Sacrifice and National Narrative*. Bằng cách đơn giản hóa, giả thuyết trung tâm của cuốn sách này khám phá ra sự chuyển dịch lịch sử trong việc lý giải câu chuyện Zion Isaac bị trói từ ý nghĩa hi sinh anh hùng của đứa con chuyển thành hành động giết người của người cha. Thật trùng lặp, nhưng cũng là ví dụ của một xu hướng nhân khẩu học trong dân số Israel, nên ba người bạn tôi biểu tượng cho – trong quan hệ của chúng tôi với Israel và tôn giáo – sự đầu thai hiện thời của câu chuyện Phục quốc Do Thái Israel. Một người chưa bao giờ đặt câu hỏi về lòng trung thành của mình với người cha, một người suy nghĩ về việc bỏ mặc người cha ở phía sau để trở lại với mảnh đất tổ tiên, và một người rời bỏ cha anh ta ngay trên chính trái tim quê hương này, Jerusalem, để mưu cầu một cuộc sống Diaspora. Chẳng có lý nào lại có một sự trùng hợp là năm trước, đứa con gái 16 tuổi của tôi đã không phải nhờ tới bất cứ sự động viên có chủ đích nào của tôi, quyết định dành nửa năm thứ hai cấp ba ở Israel. Và nó đã làm đúng như vậy.

Trong một biên niên sâu sắc và tổng hợp hơn, những cuốn sách mà cả ba lữ hành chúng tôi đang đọc kể cùng một câu chuyện. Và trong một sự thử nghiệm đối với sức mạnh hợp nhất của tâm trí vô thức và khả năng đơn thuần, chủ đề cha-con Do Thái của chúng đã cộng hưởng với mục đích chính của chuyến ghé thăm ngắn ngủi của tôi tới Israel lần này: thăm người cha 93 tuổi của tôi đang trải qua đợt trị bệnh cho khối u ác tính giai đoạn cuối. Tôi đã gặp cha tôi hơn một tuần trước khi ông mất trong một bệnh viện dành cho người hấp hối trên Đỉnh Scopus, nhìn ra Thành Cổ Jerusalem về phía tây và Bờ Tây sông Jordan về phía đông. Sau khi tôi nói lời tạm biệt cuối cùng, gia đình tôi để cha ở lại một đêm với người y tá nam chu đáo, anh ta tự giới thiệu với chúng tôi bằng một cái tên tiếng Hebrew. Nhưng anh trai tôi đã biết anh ta thực ra là một người Ả Rập và nằng nặc muốn gặp, tôn trọng anh ta vì chính con người thực sự của anh ta, chứ không phải một người Do Thái giả mạo. Thậm chí trong lúc sức khỏe yếu đuối nhất, cha tôi vẫn nghe được tất cả điều này và la rầy anh tôi vì đã không để ý đến việc của riêng mình và đem chính trị vào trong mọi chuyện. Tôi đã nói với cha là tôi tán thành tinh thần nhân văn của anh ấy, nhưng cũng đồng ý anh tôi đã hành động tùy tiện như một đứa trẻ. Và đó là câu chuyện cuối cùng của hai cha con tôi. Cha tôi chẳng có một chút công việc liên quan hay sự kiên nhẫn nào dành cho tâm lý học, nhưng từ trong mối liên hệ gia đình bền chặt, trong sâu thẳm, chúng tôi đều bị ảnh hưởng sâu sắc từ vùng đất bản địa của chúng tôi. Khi lần đầu tiên tôi bắt tay viết cuốn sách *Tâm thức Israel*, tôi chẳng hề nghĩ rằng ông có thể không còn sống để đọc nó; sau tất cả, ông từng thoát chết sau một cơn đau tim nghiêm trọng và một dạng ung thư di căn khác. Nhưng lần này ông không thể qua được, và tôi kính dâng cuốn sách này lên hương hồn ông.

LỜI CẢM ƠN

Không thể nào cảm tạ hết được tất cả những người đã đóng góp ý kiến cho tôi về chủ đề của cuốn sách này. Những người bạn, những thành viên trong gia đình, và những đồng nghiệp đã đặc biệt hào phóng thời gian và ý tưởng của họ. Trong số những người bạn, đồng nghiệp và gia đình, một số người có kiến thức chuyên môn cực kỳ ý nghĩa trong những lĩnh vực như lịch sử, văn hóa, chính trị và tâm lý người Israel, tôi đặc biệt mắc nợ Ilana Pardes, Itamar Lurie, Joe Berger, Brenda Berger, Naomi Kehati, Ethan Bronner, Ivan Bresgi, Adam Price, Beth Dorogusker, và Peter Coleman. Các thành viên trong gia đình đã giúp tôi hình thành tư duy về tính cách dân tộc Israel gồm có vợ tôi, Michele Sacks, một nhà tâm lý học, người quan sát nhiệt tình đối với tâm thức Israel mà đã thể hiện ra ngoài hành động; những người anh trai của tôi, Eli Gadot và Ariel Gratch thường xuyên đóng góp những hiểu biết sâu sắc và những kiến thức đáng kể. Cha mẹ tôi, Haya và Avraham Gratch, là những người tiếp sức lớn nhất cho cuộc đời tôi; và những đứa con của tôi, Jordan, đã chia sẻ cùng tôi niềm yêu thích đối với chính trị và văn hóa; và Ilana, chia sẻ cùng tôi niềm đam mê với tâm lý học và việc viết lách, chúng đều là những người ủng hộ lớn đối với công việc viết lách của tôi ngay khi còn là những đứa trẻ. Sự quan tâm và động viên từ những anh chị họ của tôi, Nir Gadot, Roni Gadot, và Oren Gadot, cùng với Mika Gratch, Jonathan Gratch, và Daniel Gratch khiến tôi vô cùng cảm kích. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, tôi xin cảm ơn cha mẹ vợ tôi, Evelyn và người cha Arthur Sacks đã khuất, vì những sự ủng hộ và lòng tốt đáng yêu của họ.

Trong số nhiều học giả, chuyên gia và những người bình thường khác mà tôi từng phỏng vấn, tôi đặc biệt cảm ơn tới Tom Segev, Yaron Ezrahi, Oz Almog, Michal Ginach, Reuven Gal, Imanuel Berman, Amia Lieblich, Doron Resenblum, và Yaniv Heled. Những trợ lý nghiên cứu của tôi, Eyal Pardes-Lurie, Michal Pitowsky, và Christopher Ceccolini, đã cung cấp cho tôi rất nhiều tài liệu cực kỳ cần thiết cũng như đem đến cho tôi những lời động viên, khích lệ. Đại diện của tôi, James Levine, đã hướng dẫn tôi bằng cả kinh nghiệm biên tập lẫn chiến lược, không kể đến tấm lòng của cô, và đội ngũ biên tập ở nhà xuất bản St. Martin's Press, bao gồm George Witte, Joe Rinaldi, Steve Boldt, và Sara Thwaite đã cực kỳ giúp ích và nhiệt tình trong công việc. Điều đó cũng đúng với Sarah Rippins, Tirza Eisenberg, và Ziv Lewis ở nhà xuất bản Israel của tôi, Zmora Bitan. Cuối cùng, những bệnh nhân Israel của tôi ở New York đã tin tưởng tôi, và tôi đã sử dụng một số tư liệu khi tôi làm việc cùng họ trong các buổi điều trị. Tất cả những bệnh nhân được đề cập trong cuốn sách này đều là những ca bệnh đa dạng. Họ được trộn lẫn và thay thế, danh tính và những trải nghiệm của họ đều được thay đổi, tất cả để bảo vệ sự tự tin và riêng tư của họ. Bất cứ sự trùng hợp nào với những con người thực, dù còn sống hay đã chết, hoặc những sự kiện thực tế trong những trường hợp này chỉ đơn thuần là trùng hợp ngẫu nhiên.

Lời giới thiệu: RABBI, CON PHẢN ĐỐI

1. NGƯỜI ISRAEL LÀ AI?

2. THAY ĐỔI LỜI BÀI HÁT DỄ HƠN THAY ĐỔI MỘT THÀNH PHỐ

3. CẢ THẾ GIỚI QUAY LƯNG VỚI TA VÀ CÂM NÍN TRƯỚC NỖI ĐAU CỦA TA

4. KHÓC TRONG KHI ĐANG ĐỨNG BẮN

5. GIẢI PHẪU MỘT SÁO NGŨ: CÁC SABRA THỜI CHIẾN - GÁNH NẶNG CỦA CÁI CHẾT NHE TUA LÔNG HỒNG

6. CHẴNG NƠI NÀO GIỐNG MASADA

Kết luận: Nói không, nhận được có

Lời bạt: Bữa tối ở Jerusalem

Lời cảm ơn

Index

25 năm nghiên cứu xã hội ở Israel của Haya Gratch 27

50 ngày. *See* Xem xung đột Israel – dải Gaza

Đạn cao su 120

đảng Lao động 59, 60, 62, 63, 161, 280

Đất đai. *See* Xem thêm To the end of the land

Đất này 247

đế chế Babylon 252

Đế chế La Mã 194

“để lại một câu hỏi” 273

Đền. *See* Xem Phá hủy Đền lần thứ nhất; Phá hủy Đền lần thứ hai

Địa hình Israel 16, 20

Đi bộ về với tự nhiên. *See* Xem sabra

Điệp viên 192

Định cư ở Bờ Tây 241

Độc lập Xem Chiến tranh Ả rập – Israel 226

Đối lập. *See* Xem nói “không”

đội tàu nhỏ của Thổ Nhĩ Kỳ 140

A

Abba Eban 177, 290

Abraham Foxman 304

A. B. Yehoshua 117, 261, 265, 267, 268

A. D. Gordon 90

Adi Nes 229, 311

Adolf Eichmann 154, 162, 167

Âi Cập 19, 26, 43, 60, 68, 69, 81, 82, 100, 105, 121, 124, 125, 130, 142, 173, 175, 176, 179, 198, 282, 290, 292, 294, 298. *See* Xem thêm Chiến tranh Ả Rập - Israel

Alter Levine 189

Âm/dương 117, 261, 265, 267, 268

Âm nhạc 74

Amos Oz 105, 106

Andreas Merk 208

Anwar Sadat 81, 124, 297, 298

Arafat, Yasser 292

Arendt, Hannah 292

Ariel Sharon 61, 68, 81, 139, 176, 180, 222, 261

Assi Dayan 229

Aviv Gefen 249, 250

Avner Falk 105, 106, 117, 147, 231, 257, 268

Avraham Shapira 176

B

bài Do Thái 89, 107, 110, 132, 133, 135, 136, 138, 140, 145, 150, 164, 181, 188, 258, 278, 300, 302, 305, 311. *See* Xem thêm chủ nghĩa phân biệt chủng tộc

bài hát 78, 94, 95, 114, 141, 248, 249, 250, 266. *See* Xem âm nhạc

bản thân 15, 32, 36, 78, 83, 84, 88, 104, 105, 106, 110, 113, 117, 118, 124, 125, 137, 150, 156, 162, 166, 168, 185, 192, 199, 200, 215, 227, 238, 241, 247, 255, 264, 265, 266, 271, 272, 276, 299, 302, 304

bạo lực 40, 49, 50, 62, 64, 75, 82, 133, 137, 140, 144, 147, 161, 179, 192, 193, 195, 198, 203, 232, 252, 282, 292, 295, 296, 297, 299. *See* Xem thêm chủ nghĩa khủng bố

Bảo tàng 14, 74, 152, 172, 192

Bảo tàng Ghetto Fighters 192

Bảo tàng Holocaust Yad Vashem 152, 162, 169, 265, 266

Barack Obama 143

Baruch Goldstein 136

bắt nạt 66, 148, 228, 229

Beitar Yerushalayim 1, 194, 194–341

Benjamin Beit-Hallahmi 89, 137

Benjamin Netanyahu 311

Bernard Susser 128

Biểu tượng 128

Bill Clinton 33, 40, 63, 75

B. Michael 196

Bờ Tây 11, 15, 39, 47, 53, 62, 64, 69, 70, 82, 96, 97, 105, 108, 115, 121, 138, 180, 194, 195, 196, 197, 201, 216, 223, 252, 253, 256, 263, 265, 296, 297, 302, 304, 308, 313, 314, 315, 326

bót xén 106

Bót xén 36

Bruno Boccara 246

Bữa tối cuối cùng 230

Bức tường phía Tây 241

C

Các cảm xúc. *See* Xem thêm các cảm xúc cụ thể

các đồng minh 286

cảm thương 15, 53, 275

cánh hữu 11, 19, 33, 57, 58, 59, 60, 62, 63, 67, 76, 82, 194, 195, 198, 252, 253, 254, 256, 273, 280, 301, 308, 309

cao thượng 198

Cấp tiến 281. *See* Xem cực đoan

Cá rán 129, 268, 287, 291, 292, 296

Carmi Gillon 261

“Cả thế giới quay lưng lại với chúng ta” 241

Câu chuyện phục quốc Do Thái 248

Chaim Weizmann 57

Charles Liebman 243

Cha và con trai 105, 106, 117, 147, 231, 257, 268

Chiến binh tự do Do Thái 226

chiến dịch Sinai năm 1956 188

Chiến tranh. *See* Xem thêm chiến tranh Ả rập – Israel; xung đột Israel – dải Gaza; chiến dịch Sinai; trận Tel-Chai

Chiến tranh và hòa bình 311

chiến tranh Yom Kippur 24, 177. *See* Xem chiến tranh Ả rập – Israel

Chính sách. *See* Xem sự nhập khẩu

chính thống cực đoan 16, 17, 22, 47, 51, 76, 77, 80, 81, 254, 255, 325

Chính thống giáo. *See* những gia đình chính thống giáo hiện đại; siêu chính thống giáo

Chính trị 273

Chúa 13, 56, 79, 80, 86, 87, 117, 121, 127, 128, 131, 132, 159, 173, 199, 203, 216, 255, 256, 259, 261, 262, 263, 265, 266, 267, 274, 275, 308

Chủ nghĩa ái kỷ 248

Chủ nghĩa anh hùng 252

chủ nghĩa bài Do Thái 135, 138, 150, 258, 302, 305

Chủ nghĩa khủng bố. *See* Xem thêm Etzel; Lechi; 11/9

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc 281

Chủ quyền 192

Clyde Kluckhohn 74

cơ chế phòng thủ 296

cố né tránh 268

Cộng đồng LGBT 237, 310, 313

công lý 189

công nghệ cao 41, 52, 88, 122, 242, 246

Cơ quan An ninh Israel 111

cuộc chiến sáu ngày “toàn là chuyện tâm lý cả.” 41. *See* Xem chiến tranh Ả rập – Israel

cuộc phá hủy Đền thờ thứ nhất 121

D

dải Gaza 9, 10, 25, 45, 62, 63, 64, 69, 70, 82, 96, 97, 99, 101, 102, 105, 135, 138, 140, 180, 181, 182, 193, 195, 197, 201, 210, 229, 256, 294, 295, 296, 303, 314, 321

Dalia Rabikowitz 190

Dạng tính cách 9, 10, 25, 45, 62, 63, 64, 69, 70, 82, 96, 97, 99, 101, 102, 105, 135, 138, 140, 180, 181, 182, 193, 195, 197, 201, 210, 229, 256, 294, 295, 296, 303, 314, 321

237

Daniel Libeskind 243

Dan Senior 244

dân số 47, 50, 51, 60, 76, 96, 97, 98, 122, 132, 162, 165, 193, 196, 254, 290, 294, 299, 304, 325

Daphni Leef 236, 238

David Ben-Gurion 57, 124, 132

David Biale 56, 86

David Brooks 231

David Millard 92

Death as a way of life 171, 215, 216, 231, 269

để thâm nhập 214

Diaspora 21, 35, 36, 55, 56, 57, 87, 89, 90, 92, 104, 109, 117, 126, 128, 129, 133, 136, 140, 142, 145, 146, 149, 150, 167, 177, 202, 222, 234, 242, 245, 256, 258, 260, 262, 276, 300, 303, 326

Does Israel Have a Future? 273

Donald Trump 111

Don Handelman 209

Doron Rosenblum 194

Do Thái. *See* Xem Diaspora

Do Thái Đông Âu 35, 118, 129

Do Thái Đức 57, 163

Do Thái mới 35, 42, 109, 134, 202, 252, 270, 284, 295, 303

Do Thái phương Đông 105, 106. *See also* Xem Do Thái Ả rập

Do Thái Sephardic 51

dugri 230

D. W. Winnicott 190

E

Ehud Olmert 81

Eichmann in Jerusalem: A report on the Banality of Evil 184

El Al 102, 110, 325

Elie Wiesel 221

Eli Gadot 329

Elihu Katz 132

Emanuel Berman 42, 56

Erel Shalit 147

Eretz Israel 116, 117, 119, 121, 122

Ernest Renan 161

Ernst David Bergmann 56, 174

Esther 136

Etgar Keret 149, 152, 272

Etzel 58, 59

Eyal Ben-Ari 115

Eytan Fox 229

F

Franz Kafka 132, 149

G

gia đình chính thống hiện đại 307

“giai đoạn chờ đợi” 94, 176

giải thưởng Israel 189

Giáo dục 87, 171, 195, 211, 222

giáo phái Những người giữ thành 16

Gideon Hausner 168

giới thích nghi và nhiệt thành 68

Giới trẻ. *See* Xem thêm trẻ em

Glory and Agony: Isaac's Sacrifice and National Narrative 109, 264, 325

Golda Meir 198, 236

H

Ha'adama Hazot 263

Haim Watzman 228

hành động 9, 35, 38, 40, 41, 56, 64, 75, 90, 91, 138, 139, 140, 145, 166, 175, 179, 180, 182, 183, 184, 185, 187, 193, 194, 197, 199, 204, 205, 215, 224, 227, 228, 233, 234, 240, 241, 267, 269, 275, 278, 279, 280, 281, 285, 287, 288, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 310, 311, 325, 326, 329

“hành tinh khác” 160, 162

Hanna 162, 169, 265, 266

Hanna Yablonka 162, 169

Hanoch Levin 265

Hans Herzl 265

Haredim. *See* Xem siêu chính thống

Hayim Nahman Bialik 106, 258

Henrietta Szold 163

Henry A. Murray 74

Herod 252

Herzl 88, 89, 90, 132, 202

Hệ thống pháp luật, bất công 88. *See* Xem thêm những vụ xét xử

Hiệp định Oslo 88, 204, 209, 215, 291, 292

Hiệp định Oslo Israel – Palestine năm 1993 292

Hiệp định Xem hòa bình 204, 209, 215, 291, 292

Hiệp ước Hòa bình Ai Cập – Israel 292

Hiệp ước Hòa bình Ai Cập – Israel năm 1979 292

Hoa Kỳ (U.S). *See* Xem thêm Tiến trình hòa bình Israel – Palestine

hoang tưởng 65, 88, 124, 128, 136, 137, 139, 140, 141, 143, 145, 148, 149, 284, 303, 316

hộ chiếu 148

Hội nghị Hòa bình Madrid năm 1991 291

Holocaust 13, 35, 36, 59, 103, 109, 110, 124, 140, 141, 147, 150, 151, 152, 153, 155, 156, 158, 159, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 184, 187, 191, 202, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 213, 222, 246, 258, 272, 276, 280, 284, 288, 298, 302, 311, 323, 324

Hugo Bergman 307

Hư không. *See* Cũng xem cố tình né tránh

huyền thoại 17, 27, 86, 94, 100, 126, 210, 228, 259, 260, 261, 264, 265, 269

I

IDF. *See* Xem Lực lượng Phòng vệ Israel

Ilan Kutz 257

intifada 37, 48, 49, 62, 82, 105, 124, 147, 179, 180, 192, 198, 199, 205, 209, 210, 222, 223, 235, 247, 261, 294, 295, 296, 297, 299

Intifada (1987 – 1993)

226

Intifada (2000 – 2005)

226

Iran 17, 37, 39, 45, 136, 140, 148, 149, 178, 182, 233, 268, 273, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 305, 311, 315, 316

Irgun 18, 281

Islam

226

Israel bản địa 36

J

Jacques Derrida 86

Jeffrey Goldberg 265, 288, 306

Jerusalem 7, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 27, 28, 29, 30, 32, 51, 56, 75, 77, 82, 87, 91, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 103, 106, 108, 115, 116, 117, 119, 120, 124, 130, 131, 140, 143, 146, 151, 164, 169, 170, 173, 184, 188, 194, 195, 196, 213, 217, 218, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 237, 238, 242, 248, 256, 261, 262, 264, 289, 296, 308, 317, 320, 326

“Jerusalem hoàng kim” 94

19

Jesus 86, 132, 216

Jewish Agency 57, 130

Jimmy Carter 33

John Kerry 39, 40, 268, 316

Jordan 11, 14, 15, 20, 28, 43, 69, 94, 96, 97, 100, 125, 176, 225, 326, 329

Joseph Hodara 274

Joseph Trumpeldor 259

J Street 302, 306, 309, 313

Judd Ne’eman 202

Judenrat 185

Judenrein 132

K

Karl Marx 86, 109

Ka-Tzetnik. *See* Xem Yehiel Feiner

kẻ ác người tốt 184

kẻ giết người 63, 188, 189

kẻ ngờ nghệch 110

Kênh đào Suez 282

kẻ thù của người Hebrew 133

Kfar Kassem 188

khao khát chinh phục 126

Khoa học

310

Khoảng cách thực tế

222

Khóc trong khi đang đứng bắn

36

Khu định cư Bờ Tây và sự mở rộng

277

kibbutz 90, 100, 146, 226, 264

“Kinneret Sheli” 114

Kristallnacht 103

ký ức tập thể 78

L

Lạc bước thời gian 219, 221

Lebanon 61, 62, 69, 139, 178, 189, 192, 198, 217, 222, 223, 238, 279

Lechi (lần lượt là Tổ chức Quân sự Quốc gia và Chiến binh tự do Do Thái) 58

lệnh trừng phạt 283

Leonardo da Vinci 230, 241

Leon Wieseltier 142

Leo Tolstoy 311

Liên đoàn Phòng vệ Do Thái 191

Liên hợp quốc 36, 149, 321

Liên minh châu Âu 39, 148, 287

lời nguyện rửa 62

lời nói dối 219

lòng hận thù 127, 311, 312

LSD 158, 160

Lực lượng Phòng vệ Israel 45

lũng lự 30, 163, 182, 288, 301, 320

lưu vong 42, 69, 150, 164, 166, 218, 260

M

Mahmoud Ahmadinejad 11

Mái Vòm Sắt 101

Malcolm Hoenlein 303

Manasseh 55

Manya Wilbuszewitz 142

Maristella Botticini 87

Martin Fletcher 43, 99, 102, 103, 108

Masada 149, 188, 203, 259, 260, 303, 313

mất mát 16, 48, 59, 69, 94, 104, 110, 117, 118, 125, 155, 156, 168, 187, 219, 220, 221, 235, 239, 240, 242, 243, 244, 248, 250, 251, 266, 267

Menachem Begin 11, 60, 81, 139, 146, 177, 205

Menashe Kadishman 132, 265

Mira Sucharov 295

Moshe Dayan 126, 229, 247, 269

Moshe Yaalon 108

Mô thức bổ khuyết 88

Moyne 58

Mubarak 142

Mỹ bản địa 311

N

Nahum Goldman 301

nạn nhân sống sót 135, 152, 155, 156, 157, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 172, 173, 174, 175, 178, 181, 183, 191, 203, 204, 207, 210, 276, 302, 324

Naomi Shemer 94, 95

Nazi 140, 159, 160, 164, 166, 175, 177, 181, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 192, 195, 201, 202, 203

ném bom liều chết 37, 48, 62, 215, 222, 247, 266

ngày thứ Bảy 23

Nghệ thuật. *See herein* Xem thêm phim, nhạc, sân khấu

ngôn ngữ 35, 48, 51, 79, 105, 113, 133, 140, 141, 163, 164, 166, 172, 197, 221, 230, 258, 267, 320

người Ả Rập 19, 24, 35, 37, 38, 42, 43, 50, 51, 74, 77, 90, 91, 92, 93, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 104, 105, 106, 122, 129, 131, 132, 133, 134, 137, 143, 144, 176, 187, 189, 191, 195, 196, 197, 202, 229, 238, 252, 259, 263, 268, 277, 289, 294, 296, 301, 302, 304, 308, 313, 320, 321, 326

người Ả Rập Israel 43, 99, 252, 304, 313

người cánh tả 54, 62, 98

người Do Thái Diaspora 35, 56, 92, 146, 177, 221, 276, 300, 303

Người Do Thái ở Judea 56

người Israel bản địa 36

người Israel đã có hộ chiếu Đức 148

người Israel thuộc tộc Bedouin 196

người Nga 47, 51, 115

người nước ngoài hay là người Israel 277

người Zion 36, 42, 84, 85, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 109, 115, 118, 124, 125, 126, 131, 132, 134, 137, 141, 146, 163, 164, 180, 202, 209, 228, 237, 242, 251, 258, 259, 263, 276, 293, 304, 309, 316

nhà chứa 90

nhà hát 199

nhập cư 20, 29, 35, 45, 47, 50, 51, 52, 53, 57, 58, 91, 104, 106, 124, 131, 152, 163, 164, 167, 245, 248, 304

nhà thơ Rachel 114

nhóm nhạc pop trong quân đội Nachal 248

nhóm Price Tag 194

những con cừu đi đến lò sát sinh 166

Những người giữ thành 16

niềm tin 61, 67, 68, 82, 90, 133, 224, 259, 298

Night 221

nói “không” 38, 291

nổi loạn 16, 90, 99, 109, 113, 117, 144, 242, 257, 258, 259, 260

nổi loạn kiểu ơ đíp 242

nỗi sợ 14, 15, 60, 131, 133, 136, 146, 147, 148, 159, 176, 178, 179, 180, 182, 206, 232, 233, 236, 285, 295

nỗi thống khổ 128, 155, 297, 303

Nồng nhiệt 128, 155, 297, 303

. *See* Xem kiểu người dễ thích nghi – nồng nhiệt

“Nothing but you” 248

Núi Đền 94, 95, 120, 131, 261, 262, 313

nước Anh 58, 91, 114

Nurith Gertz 222, 330

O

Olivier Boruchowitch 273

One Palestine, Complete 91, 104

Orson Welles 241

P

Peter Beinart 304, 307, 309

phá hủy Đền thờ thứ hai vào năm 70 sau Công nguyên 116

phản ứng chống lại hay cao chạy xa bay 11

Pháp 59–110

phiên tòa 154, 161, 162, 174, 175, 181

phòng hơi ngạt 178, 195

phòng thủ 37, 41, 82, 101, 275, 296, 297

phong trào BDS (Tẩy chay – Boycott, Rút vốn đầu tư – Divestment và Trừng phạt – Sanctions) 194–341, 314

phụ nữ 28, 34, 46, 50, 90, 101, 104, 111, 117, 170, 179, 188, 189, 190, 195, 199, 223, 235, 236, 254, 255, 264, 309, 310, 322

Picasso 219

PLO 40, 62, 105, 139, 226, 291, 295. *See* Xem Tổ chức giải phóng Palestine

Q

Quốc gia khởi nghiệp 244

quốc tính Israel 271, 276, 284, 285, 301, 317

quyền công dân Israel 205

R

Rabbi Abraham Joshua Heschel 311

Rabbi Arnold Wolf 311

Rabbi Meir Kahane 190

Rami Kleinstein 248

ranh giới cá nhân 112

Raphael Patai 74

Reflecting Absence 243

Rehavam Ze'evi 132

Repeat Dive 229

Reuven Gal 222, 330

Reuven Rivlin 194

Richard Ben Cramer 47

Richard Goldstone 321

Richard Laub 273

Robert Oppenheimer 86

Robert Stoller 267

Ronald Reagan 101

Rosh Hashanah 194

rút lui 18, 64, 70, 82, 100, 156, 295

S

sabon 166

Sách Esther 81, 124, 136, 297, 298

Salamandra 153

Sefi Rachlevsky 281

Sephardim 47

Sergio DellaPergola 97

Sezon 58

Shabak, một Cơ quan An ninh Israel 111

Shabtai Shavit 260

Shabtai Teveth 247

Shai Agassi 11

Shaul Tchernichovsky 115

Shimon Dotan 229

Shira Geffen 272

Sigmund Freud 267

“Song for peace” 248, 249

sống sót 12, 86, 87, 119, 128, 135, 148, 152, 154, 155, 156, 157, 158, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 172, 173, 174, 175, 178, 181, 183, 187, 188, 191, 203, 204, 207, 210, 217, 220, 241, 245, 276, 288, 302, 324, 325

Steven Erlanger 67, 172

Súra 272

Sự chuyển biến 52

sức mạnh 56, 61, 68, 86, 91, 98, 138, 140, 141, 148, 205, 206, 228, 252, 255, 260, 269, 294, 295, 296, 297, 299, 301, 302, 304, 305, 312, 315, 326

Sue Kutz 257

sự hi sinh 227, 264, 303, 314

sự hung hăng 147, 148, 182, 192, 231, 232, 256, 281

sự hủy diệt 174, 201

sự im lặng 163, 324

sự ổn định toàn cầu 38

sự phân mảnh 47

sự tái diễn cường bức 262

sự tạo phản ứng 81. *See* xem thêm cực đoan

sự thụ động 258, 276

sự vô dụng 180, 185, 186, 187, 199, 258, 260

T

tai họa 128

tàn sát 25, 87, 103, 133, 144, 189, 241, 252, 261

Tàn sát

41

Tẩy chay 314

tham nhũng 60

36

thảm sát Hebron 133

thảm sát Sabra và Shatila 61, 69

Thành cổ Jerusalem 77, 94. *See* Xem Jerusalem

thân phận Do Thái 142, 149

“The city of slaughter” 258

The Crisis of Zionism 304, 307

36

thế giới ngoại đạo 131

The Hebrew Republic 43

Theodore Sasson 310

Theodor Herzl 88

The third man 241

thích tranh luận 33, 275. *See* Xem kiểu nói “không”

Thiên Chúa giáo 127

Thiên tài thành Vilna 16, 20

thi pháp về sự trở về 119

thơ 13, 23, 94, 95, 106, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 126, 132, 143, 161, 169, 190, 203, 219, 224, 225, 228, 239, 250, 258, 259, 268, 272, 310, 317, 323

thỏa thuận “di dời” phức tạp với Đệ tam Quốc xã, cho phép người Do Thái Đức 57

Thomas Friedman 129, 268, 287, 291, 292, 296

thực tế 16, 35, 40, 43, 56, 64, 65, 66, 76, 77, 81, 83, 85, 89, 91, 94, 95, 96, 97, 98, 100, 101, 106, 113, 114, 116, 117, 119, 123, 127, 129, 132, 133, 138, 139, 142, 148, 160, 167, 170, 178, 184, 185, 187, 188, 200, 201, 209, 210, 218, 219, 220, 221, 225, 242, 251, 252, 257, 260, 262, 263, 266, 269, 271, 272, 273, 284, 286, 291, 293, 294, 295, 296, 299, 301, 303, 307, 309, 310, 316, 330

Chúa 13, 56, 79, 80, 86, 87, 117, 121, 127, 128, 131, 132, 159, 173, 199, 203, 216, 255, 256, 259, 261, 262, 263, 265, 266, 267, 274, 275, 308

thương lượng 40

thương tổn 142, 157, 182, 183, 187, 201, 222, 227, 235, 236, 240, 244, 262, 296

thư viện 45

thuyền nhân Việt Nam 205

tiền bạc 59, 112, 305

tiến trình hòa bình Israel – Palestine 39

tị nạn 75, 95, 98, 120, 165, 189, 203, 204, 205, 245, 289

tính cách khoái lạc 111

tình dục 107, 112, 113, 186, 189, 196

tính rụt rè 36, 303

tình trạng giao tranh 232

tội ác 40, 138, 184, 186, 193, 298. *See* Xem thêm Eichmann, Adolf

Tom Segev 41, 91, 104, 119, 124, 130, 131, 132, 133, 153, 155, 159, 163, 171, 174, 176, 178, 188, 190, 193, 211, 247, 330

tôn giáo 10, 12, 16, 17, 20, 23, 24, 29, 35, 43, 47, 49, 50, 67, 70, 73, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 84, 86, 87, 88, 96, 114, 117, 120, 128, 131, 132, 133, 168, 171, 225, 232, 242, 245, 252, 254, 255, 256, 259, 261, 262, 307, 308, 309, 310, 320, 321, 322, 323, 325

To the End of the Land 216, 217, 219, 227, 235

trận chiến Tel-Chai 259

trả thù 136, 194, 195, 238

trở lại 10, 29, 32, 39, 49, 56, 57, 67, 80, 81, 83, 84, 93, 95, 113, 121, 124, 139, 140, 145,

154, 160, 163, 168, 173, 177, 180, 187, 194, 202, 208, 218, 222, 227, 231, 232, 234, 245, 260, 267, 295, 296, 306, 310, 316, 324, 326

Trung Đông 9, 28, 29, 30, 37, 38, 41, 58, 85, 90, 99, 123, 125, 139, 183, 203, 215, 244, 247, 262, 272, 276, 277, 280, 285, 290, 293, 299, 316

truyền thông xã hội 37

từ chối 18, 35, 36, 38, 39, 42, 57, 101, 108, 109, 126, 154, 157, 164, 189, 204, 223, 233, 237, 238, 242, 251, 252, 266, 280, 282, 291, 299, 301, 302, 315

tư tưởng về tai họa 128

11

Tzipi Livni 196

U

Udi Adiv 11

Uri Ilan 226

Uri Lifshitz 265

V

văn hóa 25, 27, 29, 32, 35, 44, 47, 48, 49, 51, 53, 55, 67, 74, 78, 83, 85, 86, 91, 100, 104, 106, 111, 112, 113, 115, 130, 148, 164, 167, 178, 186, 206, 208, 228, 229, 231, 235, 236, 237, 242, 245, 260, 272, 278, 312, 315, 329

văn học 30, 31, 41, 79, 88, 100, 117, 155, 229, 237, 242, 256, 264, 270

việc làm ăn xui xẻo 282. *See* Xem thêm Các cuộc ném bom

vũ khí hạt nhân 37, 39, 173, 174, 181, 182, 268, 278, 279, 280, 281, 284, 286, 287, 288

vùng đất Israel 32, 51, 128

W

Walk on Water 229

Wilhelm Reich 111

William Faulkner 115

William Flinders Petrie 91

X

xung đột Ả Rập – Israel 92, 106, 292, 298

xung đột huynh đệ tương tàn 257

xung đột Israel – Palestine 69, 75, 135, 257, 268, 289, 299

Y

Yael S. Feldman 109, 256

Yair Garbuz 222, 330

Yair Shamir 196

147

Yaron Ezrahi 64, 74, 75, 209, 233, 330

Yaron London 172, 173

Yaron Peleg 237

Yehiel Feiner 153

Yehoshafat Harkabi 251

Yehoshua Sobol 192

Yehoshua Stampfer 18

Yehuda Elkana 210, 211

Yeshayahu Leibowitz 189

yishuv 93

Yitzhak Aharonovich 11

Y. Kaniuk, Adam Ben Kelev 150, 203

Yom Hashoa Vehagvura 170

Yoram Bilu 115

Yoram Kaniuk 149, 170, 173, 203, 238, 239

Yuval Neriah 235, 240

Z

Ze'ev Jabotinsky 19

Zion 16, 18, 19, 22, 32, 36, 37, 42, 50, 55, 57, 60, 74, 84, 85, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 104, 109, 114, 115, 116, 117, 118, 124, 125, 126, 131, 132, 133, 134, 135, 137, 141, 146, 150, 163, 164, 173, 180, 194, 201, 202, 203, 209, 211, 222, 225, 226, 228, 237, 242, 251, 253, 257, 258, 259, 263, 273, 276, 293, 296, 300, 304, 309, 310, 313, 316, 317, 325

Zvi Eckstein 87

Henry David Thoreau (1817 – 1862): Triết gia, thi sĩ, nhà tiểu luận người Mỹ.

Hanukkah: Một lễ hội truyền thống kéo dài 8 ngày của người Do Thái.

Mẹ Teresa (1910 – 1997): Một nữ tu Công giáo người Albania, là nhà sáng lập Dòng Thừa sai Bác ái ở Calcutta, Ấn Độ, năm 1950. Trong hơn 40 năm, bà chăm sóc người nghèo, người bệnh tật, trẻ mồ côi, người hấp hối, trong khi hoàn tất nhiệm vụ lãnh đạo dòng tu phát triển khắp Ấn Độ và đến các quốc gia khác.

Albert Schweitzer (1875 – 1965): Tiến sĩ, bác sĩ, nhà triết học, thần học người Đức. Ông đoạt giải Nobel Hòa bình năm 1952 vì đã có công lớn trong giúp đỡ người châu Phi, bất chấp gian khổ, bệnh tật.

Auschwitz: Trại giam giữ tù nhân khét tiếng tàn bạo của Đức quốc xã.

Leonard Bernstein (1918 – 1990): Huyền thoại của nhạc cổ điển Mỹ. Ông được xem là nhạc trưởng vĩ đại, một pianist hoàn hảo, đồng thời là một trong số những nhà soạn nhạc xuất sắc nhất nước Mỹ.

Holocaust: Tên gọi nạn tàn sát khoảng 6 triệu người Do Thái và nhiều nhóm thiểu số khác ở châu Âu và Bắc Phi do phát xít Đức và các nước cùng phe gây ra trong Thế chiến thứ hai.

Duomo Pieta: Nhà thờ Duomo của Ý được xây dựng vào thế kỉ 14, bên trong có bức tượng Pieta – một tuyệt tác bằng đá cẩm thạch của kiến trúc sư vĩ đại Michelangelo (1475 – 1564).

Dylan Thomas(1914 – 1953): Nhà thơ nổi tiếng nước Anh.

Johann Sebastian Bach (1685 – 1750): Nhà soạn nhạc thiên tài người Đức.

Inuit: Một tộc người sống ở vùng Bắc Mỹ, gần Bắc Cực, trên đảo Groenland, tại eo biển Bering.

Camillo: Một tên gọi khá phổ biến của người Ý.

Model-T: Mẫu xe hơi nổi tiếng của công ty Ford, được tung ra thị trường lần đầu tiên vào năm 1908 và chấm dứt sản xuất vào năm 1927 với hơn 15 triệu chiếc đã được bán ra. Đây là dòng xe hơi đầu tiên tiếp cận với giới bình dân, được xem là sản phẩm mở ra thời đại xe hơi cho thế giới và được bình chọn là “mẫu xe của thế kỷ”.

Kipbi: Một loại bài phổ biến ở các nước nói tiếng Anh, có thể chơi được từ 2 đến 4 người.

1. Cán kịch là một thể loại kịch truyền thống của Trung Quốc.

* Mary Kay Ash (1918 – 2001): Nữ doanh nhân người Mỹ, người sáng lập nên hãng mỹ phẩm Mary Kay – ND.

* John Wesley (1703 – 1791): Nhà thần học, nhà truyền giáo và là nhà sáng lập Phong trào giám lý – ND.

* Virgil (70 TCN – 19 TCN): Tên thường gọi của Publius Vergilius Maro, nhà thơ lớn của La Mã cổ đại, người sáng tạo ra thể loại thơ sử thi – ND.

* Walter Wheeler (1841 – 1907): Cầu thủ bóng chày người Anh – ND.

* Super Bowl: Giải vô địch của Liên đoàn bóng bầu dục quốc gia, hiệp hội hàng đầu của bóng bầu dục Mỹ kể từ năm 1967. Trong hầu hết các năm qua, Super Bowl là chương trình được theo dõi nhiều nhất trong các chương trình phát sóng của truyền hình Mỹ. Ngày đấu chung kết của giải Super Bowl không chỉ là một trong những sự kiện thể thao lớn nhất mà bây giờ được coi như ngày lễ của Hoa Kỳ – ND.

* Ray Kroc (1902 – 1984): Một trong những nhân vật có ảnh hưởng nhất thế giới do tạp chí Times bình chọn. Năm 1955, được thừa kế một công ty quy mô nhỏ McDonald's, Kroc đã xây dựng, phát triển nó trở thành thương hiệu thức ăn nhanh nổi tiếng nhất thế giới. Chính sự thành công của tập đoàn này không chỉ mang lại cho ông lợi nhuận lớn với hơn 500 triệu USD mà còn giúp Ray Kroc được biết đến với danh hiệu bất hủ Vua hamburger – ND.

* Hannibal (247 TCN – 183 TCN): Một tướng lĩnh và nhà chiến thuật quân sự người Carthage. Chữ “Hannibal” nghĩa là “niềm vui của thần Baal” (vị thần chủ của người Carthage), còn dòng họ “Barca” của ông có nghĩa là “tia chớp”. Ông được công nhận là một trong những vị tướng và nhà chiến thuật tài ba nhất trong lịch sử quân sự thế giới. Ông cũng được biết đến với một câu nói nổi tiếng: “Chúng ta sẽ hoặc tìm, hoặc tạo ra một con đường” – ND.

* Hunter S. Thompson: Nhà báo Mỹ nổi tiếng với thể loại phóng sự – ND.

* Hare Krishnas: Tên đầy đủ là The International Society for Krishna Consciousness, là một tổ chức tôn giáo của đạo Hồi, được thành lập ở thành phố New York năm 1966 – ND.

* Margaret Mead (1901 – 1978): Nhà nhân loại học người Mỹ và là diễn giả thường xuyên xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng những năm 60 và 70 – ND.

* Felix Adler (1851 – 1933): Nhà nghiên cứu đạo đức, chính trị và xã hội người Do Thái và là một nhà

cải cách xã hội. Ông là người tạo nên Phong trào văn hóa đạo đức và được xem là một trong những người có ảnh hưởng nhất tới phong trào Chủ nghĩa Do Thái nhân văn – ND.

* Eldrige Cleaver (1935 – 1998): Thành viên lãnh đạo của Đảng Báo Đen và tác giả của cuốn sách Soul on Ice – ND.

* Nordstrom: Chuỗi cửa hàng bách hóa do gia đình Nordstrom thành lập năm 1901 tại Seattle, Washington, Hoa Kỳ, đặt dịch vụ khách hàng lên làm tôn chỉ cao nhất – ND.

* PBX (Private Branch Exchange): Có nghĩa là tổng đài điện thoại nội bộ, là một mạng điện thoại riêng được sử dụng trong phạm vi một công ty – ND.

* Dale Carnegie (1888 – 1955): Tên đầy đủ là Dale Breckenridge Carnegie, là nhà văn, nhà thuyết trình người Mỹ, nổi tiếng với cuốn sách How to win friends and influence people (Đắc nhân tâm) được viết năm 1936, một cuốn sách thuộc hàng bán chạy nhất và được biết đến nhiều nhất cho đến tận ngày nay – ND.

* Susan RoAne: Nhà văn, diễn giả hàng đầu thế giới người Mỹ – ND.

* Lord Chandos: Nhân vật hư cấu trong tác phẩm The Letter of Lord Chandos (Bức thư của Lord Chandos) của tác giả Hugo von Hofmannsthal – BT.

* Francois de La Rochefoucauld (1613 – 1680): Nhân vật thuộc đời thứ sáu của dòng họ La Rochefoucauld. Ông lưu danh hậu thế với tư cách nhà văn, nhà triết học với những chiêm nghiệm nhân sinh được đúc kết thành những câu danh ngôn bất hủ – BT.

* Joseph Pulitzer (1847 – 1911): Chủ bút báo New York World New York World, là người đề xuất giải Pulitzer – giải thưởng được trao cho nhiều lĩnh vực, trong đó quan trọng hơn cả là báo chí và văn học – ND.

* Thomas Jefferson (1743 – 1826): Tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ, là người dự thảo bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 và người thiết lập nên trường đại học Virginia – ND.

* Adolf Hitler (1889 – 1945): Người đứng đầu chế độ phát xít Đức, gây nên cuộc chiến tranh thế giới thứ Hai – ND.

* Ambrose Bierce (1842 – 1914): Nhà báo, nhà phê bình văn học, cây bút truyện ngắn người Mỹ. Vì quan điểm nhạo báng cũng như sự sôi nổi trong vai nhà phê bình, ông được đặt biệt hiệu “Bitter Bierce” (Bierce chua cay). Ông nổi tiếng đến mức người ta nói rằng ý kiến ông về bài báo hay bài thơ có thể bắt đầu hay kết thúc sự nghiệp của một tác giả – ND.

* IPO (Initial Public Offering): Phát hành lần đầu (cổ phiếu) ra công chúng – ND.

* Philip Gilbert Hamerton (1834 – 1894): Tác giả chuyên viết sách “học làm người”, là tác giả cuốn Human Intercourse – ND.

* MySQL: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu mã nguồn mở phổ biến nhất thế giới và được các nhà phát triển rất ưa chuộng trong quá trình phát triển ứng dụng vì MySQL là cơ sở dữ liệu tốc độ cao, ổn định, dễ sử dụng, có tính khả chuyển, hoạt động trên nhiều hệ điều hành, cung cấp một hệ thống lớn các hàm tiện ích rất mạnh – ND.

* Dorothy Sarnoff: Nữ diễn giả hàng đầu người Mỹ – ND.

* Dorothy Parker (1893 – 1967): Nhà thơ, nhà phê bình, nhà văn người Mỹ nổi tiếng với tài hóm hỉnh và châm biếm – ND.

* Jane Wagner: Nhà viết kịch, nhà văn, một trong những tác giả của loạt truyện Chicken Soup for the Soul – ND.

* Oracle: Tên của một hãng phần mềm, một hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến trên thế giới. Hãng Oracle ra đời vào những năm 70 của thế kỷ XX tại Hoa Kỳ – ND.

* Sun: Một công ty sản xuất phần mềm, bóng bán dẫn và máy tính được thành lập năm 1983, có trụ sở tại Thung lũng Silicon – ND.

* Larry Ellison (1944 –): Đồng sáng lập và CEO của hãng phần mềm doanh nghiệp lớn Oracle, là một tỷ phú vượt lên số phận – ND.

* Morgan Stanley: Ngân hàng đầu tư, một công ty chứng khoán có trụ sở chính tại Hoa Kỳ, được thành lập năm 1935. Đây là một trong những thể chế tài chính lớn nhất của thế giới, phục vụ những nhóm đối tượng là chính phủ, tổ chức tài chính khác và cá nhân – ND.

* McKinsey & Company: Công ty tư vấn nổi tiếng, được săn đón và thành công bền vững. Đội ngũ chuyên gia chiến lược ưu tú của công ty đã đào tạo được nhiều CEO hàng đầu thế giới – ND.

* Anton Chekhov (1860 – 1904): Nhà viết kịch người Nga nổi tiếng và có ảnh hưởng lớn trên thế giới

với thể loại truyện ngắn – ND.

* Evelyn Waugh (1903 – 1966): Là một nhà văn người Anh. Ông viết tiểu thuyết, tự truyện và sách du lịch. Ông là tác giả cuốn tiểu thuyết nổi tiếng *Brideshead Revisited* (Thăm lại Brideshead) đã được đạo diễn Julian Jarrold chuyển thể thành phim – ND.

* Walt Mossberg (1947 –): Cây bút công nghệ của tạp chí *The Wall Street Journal*, người có rất nhiều năm làm việc trong lĩnh vực viết về công nghệ và là người sắp đặt cho cuộc gặp mặt lịch sử giữa Steve Jobs và Bill Gate năm 2008 – ND.

* TechCrunch: Blog công nghệ nổi tiếng nhất thế giới – ND.

* Fox Interactive: Một đơn vị của tập đoàn News Corporation bao gồm giải trí, tin thời sự, thể thao trên Internet – ND.

* CallPERS: Hệ thống hưu trí công chức California. Cơ quan phụ trách hưu trí và các khoản phúc lợi y tế cho các công chức của bang California – BT.

* Steve Wozniak (1950 –): Kỹ sư máy tính người Mỹ và là người đồng sáng lập nên công ty máy tính nổi tiếng Apple – ND.

* Hewlett-Packard: Viết tắt là HP, là tập đoàn công nghệ thông tin lớn nhất thế giới tính theo doanh thu, được thành lập năm 1939 tại Palo Alto, Hoa Kỳ và hiện có trụ sở tại Cupertino, bang California, Hoa Kỳ – ND.

* Tickle.com: Trang web cho phép mọi người đánh giá cá tính và chính bản thân mình thông qua các bài test [mà phần lớn] có căn cứ khoa học nhằm tìm hiểu về hành vi con người. Tickle được Monster mua lại năm 2004 với giá khoảng 100 triệu đô la – ND.

* Paul Graham (1964 –): Lập trình viên, nhà đầu tư mạo hiểm, Paul nổi tiếng với việc sáng lập nên Viaweb (sau này Yahoo mua lại đổi thành Yahoo! Store) và sáng lập của Y-Combinator – quỹ đầu tư mạo hiểm chỉ dành cho việc đầu tư vào các ý tưởng mới. Cùng với Guy Kawasaki (tác giả cuốn sách này), Paul Graham được biết đến như là một trong hai tượng đài sống trong thế giới khởi nghiệp công nghệ. Những bài học cùng lời khuyên của ông luôn luôn là kim chỉ nam cho bất kì một công ty nào muốn khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ – ND.

* Ann Winbald: Nữ lập trình có ảnh hưởng nhất trong thế giới công nghệ – ND.

* Adobe: Một tập đoàn phần mềm máy tính của Hoa Kỳ có trụ sở chính đặt tại San Jose, California, Hoa Kỳ, được John Warnock và Charles Geschke thành lập vào tháng 12 năm 1982 – ND.

* Xerox: Một công ty dịch vụ kỹ thuật trị giá 8,54 tỉ bảng Anh và là một trong những thương hiệu được công nhận ngay lập tức trên thế giới – ND.

* Sequoia Capital: Tên một công ty quỹ đầu tư nổi tiếng ở Mỹ – ND.

* Herbert Hoover (1874 – 1964): Tổng thống thứ 31 của Hoa Kỳ, là một kỹ sư mỏ nổi tiếng và là một nhà cầm quyền theo chủ nghĩa nhân đạo. Ông là người đã xúc tiến hiện đại hóa nền kinh tế dưới thời hai tổng thống Warren Harding và Calvin Coolidge – ND.

* Ezra Pound (1885 – 1972): Nhà thơ, dịch giả, nhà phê bình người Mỹ, một đại diện xuất sắc của trào lưu văn học Anh Mỹ hiện đại nửa đầu thế kỷ XX. “Trong số những người còn sống, ông là người đã làm nhiều nhất để đánh thức những khát khao mới mẻ trong thơ ca”, theo lời nhà thơ Carl Sandburg – ND.

* Doanh nhân nội tại: những người khởi nghiệp từ công ty đang hoạt động – BT.

* George Bernard Shaw (1856 – 1950): Nhà soạn kịch người Anh gốc Ireland đoạt giải Nobel văn học năm 1925 – ND.

* Con bò hái ra tiền (cash cow): Ý chỉ sản phẩm nổi tiếng – ND.

* Hai gã ở gara: Ý chỉ Steve Jobs và Steve Wozniak, hai người đồng sáng lập Apple – ND.

* MIT: Học viện công nghệ Massachusetts, Hoa Kỳ – ND.

* John Milton (1608 – 1674): Nhà thơ, soạn giả, nhà bình luận văn học người Anh. Ông nổi tiếng với bài thơ “Thiên đường đã mất” (*Paradise Lost*), “Thiên đường trở lại” (*Paradise Regained*) và *Areopagitica* – bài luận lên án sự kiểm duyệt – ND.

* Biến công nghệ thành sản phẩm – ND.

* William Shakespeare (1564 – 1616): Nhà thơ, nhà soạn kịch thiên tài người Anh – ND.

* Wendy: Tên đầy đủ là Wendy’s Old Fashioned Hamburgers, là một hệ thống nhà hàng ăn nhanh nổi tiếng về hamburger – ND.

* César Chávez (1927 – 1993): Công nhân, nhà lãnh đạo người lao động, nhà hoạt động vì dân quyền

người Mỹ. Ông là người đồng sáng lập Hiệp hội người lao động nông trại quốc gia Hoa Kỳ – ND.

* Nelson Mandela (1918 –): Tổng thống Nam Phi từ 1994 – 1999 và là tổng thống đầu tiên được bầu cử dân chủ theo phương thức phổ thông đầu phiếu. Trước khi trở thành tổng thống, ông là nhà hoạt động chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và là người đứng đầu phái vũ trang của Đảng quốc đại (ANC). Ông cũng là người nhận được giải thưởng Nobel Hòa bình năm 1993 – ND.

* David Livingstone (1813 – 1873): Nhà truyền giáo người Scotland thuộc Hội truyền giáo London và là nhà thám hiểm khám phá khu vực Trung Phi. Ông là người châu Âu đầu tiên nhìn thấy thác Victoria. David Livingstone là nhân vật thứ 98 trong số 100 người Anh vĩ đại nhất thuộc mọi thời đại theo kết quả một cuộc bầu chọn được đài BBC tiến hành năm 2002 – ND.

* Jaguar (báo đốm): Hãng sản xuất xe ô tô hạng sang của Anh được thành lập năm 1922, có trụ sở tại Whitley, Coventry, Vương quốc Anh – ND.

* G. B. Trudeau: Đã theo dõi và tìm hiểu 40 năm của nền văn hóa Mỹ qua sáu cuộc chiến tranh và tám chính quyền tổng thống – BT.

* David Letterman: Người dẫn chương trình truyền hình và một diễn viên hài. Ông phụ trách chương trình Trò chuyện đêm khuya trên kênh truyền hình CBS. Năm 1996, ông được bình chọn là một trong 50 ngôi sao truyền hình nổi tiếng mọi thời đại – ND.

* Guy Lombardo (1902 – 1977): Nghệ sĩ violin nổi tiếng người Mỹ gốc Canada – ND.

* Lão Tử: Nhân vật chính yếu trong triết học Trung Quốc, sống vào khoảng thế kỷ thứ 6 TCN, được coi là người đã viết Đạo đức kinh (cuốn sách của Đạo giáo có ảnh hưởng lớn), và được công nhận là khai tổ của Đạo giáo – ND.

* David Ogilvy (1911 – 1999): Được mệnh danh là cha đẻ của ngành quảng cáo – ND.

* R & D: Hoạt động nghiên cứu và phát triển – BT.

* Tom Bodett (1955 –): Tác giả, diễn viên lồng tiếng, người dẫn chương trình truyền thanh nổi tiếng người Mỹ – ND.

* Mortimer Feinberg và John J. Tarrant: Đồng tác giả cuốn sách “Tại sao người thông minh lại làm điều ngu ngốc” – BT.

* Gary Hart và Donna Rice: Được coi là một trong những vụ bê bối tình ái nổi tiếng trong lịch sử Mỹ giữa ứng cử viên hàng đầu cho vị trí tổng thống của đảng Dân chủ, Gary Hart với Donna Rice – ND.

* Dennis Kozlowski: CEO của công ty Tyco International Ltd, bị kết tội vào ngày 17/6/2005 về tội gian lận công quỹ và phải nhận hình phạt 25 năm tù – ND.

* Vua David: Chàng trai chần chừ khôn ngoan, đã đánh bại gã khổng lồ Goliath để từ địa vị thấp hèn trở thành vị vua danh tiếng với những chiến công lẫy lừng.

* Bathsheba: Con gái của Eliam, vốn là vợ của Uriah xứ Hittite, sau lấy vua David.

* Watergate: Vụ bê bối chính trị đã khiến tổng thống Nixon phải tuyên bố từ chức. Nixon là tổng thống duy nhất của nước Mỹ phải rời khỏi chiếc ghế quyền lực khi chưa hết nhiệm kỳ – ND.

* Whitewater: Cuộc điều tra bất động sản liên quan đến gia đình tổng thống Bill Clinton, tuy nhiên kết luận đưa ra là Clinton không dính líu gì trong vụ tai tiếng này – ND.

* Anton Lavey (1930 – 1997): Người sáng lập của giáo hội Satan. Ông từng tuyên bố không có những cảm hứng như Hữu thần – ND.

* Enron Corporation: Được thành lập vào năm 1985, với doanh thu lên đến 101 tỷ USD trong năm 2000. Họ từng là tập đoàn năng lượng hùng mạnh nhất của Mỹ, hoạt động ở trên 40 nước và hậu thuẫn mạnh mẽ cho Tổng thống Bush. Thế nhưng, qua nhiều vụ làm ăn man trá, hối lộ, hiện nay các khoản nợ lên đến 15 tỷ USD và công ty hoàn toàn mất khả năng chi trả – ND.

* Chuck Palahniuk: Tác giả của nhiều tiểu thuyết đã được chuyển thể thành phim, trong đó có tiểu thuyết Đồi đầu hay chết mòn (được dựng thành bộ phim Fight Club) được xem là cuốn sách gối đầu giường của những nhà phê bình văn chương về vấn đề mâu thuẫn xã hội trong thế giới hậu hiện đại – ND

* Friedrich Nietzsche (1844 – 1900): Nhà triết học người Phổ, không được đánh giá cao trong thời đại của ông, nhưng đầu thế kỷ XX, ông đã được giới trí thức ở Đức, Pháp và Anh công nhận. Nietzsche là người có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp tới thuyết hiện sinh, chủ nghĩa hậu hiện đại, phân tâm học và nhiều tư tưởng theo sau đó – ND.

* Sáu sigma: Hệ thống bao gồm các công cụ và chiến lược nhằm nâng cao quá trình hoạt động do hãng Motorola phát triển đầu tiên vào năm 1985. Mục đích của sáu sigma là nâng cao chất lượng của quá

trình cho ra thành phẩm bằng cách nhận diện và loại bỏ những nguyên nhân gây lỗi và khuyết tật, giảm thiểu tối đa độ bất định trong sản xuất và hoạt động kinh doanh – BT.

- * Carl Rogers (1902 – 1987): Được biết đến là một trong những người đặt nền tảng cho việc nghiên cứu liệu pháp tâm lý và được vinh danh vì những cống hiến tiên phong của ông trong cách tiếp cận nhân văn có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong tâm lý học. Rogers được xem là một trong sáu nhà tâm lý học kiệt xuất nhất của thế kỷ XX và được xếp thứ hai sau Sigmund Freud – ND.
- * Dwight D. Eisenhower (1890 – 1969): Tướng 5 sao trong lục quân Hoa Kỳ và là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 34 từ năm 1953 đến 1961 – ND.
- * Robert W. Sarnoff (1918 – 1997): Chủ tịch của NBC và RCA – tập đoàn truyền thông và radio của Mỹ – BT.
- * Wayne Gretzky: Danh thủ khúc côn cầu – ND.
- * Waterfall Forecast: Mô hình được các chuyên gia sử dụng để phân tích các hạng mục chính để xác định lỗ, lãi và cân bằng doanh thu – ND.
- * Don Marquis (1878 – 1937): Nhà văn, nhà báo người Mỹ – BT.
- * Alexa: Công ty chi nhánh của Amazon.com, chuyên cung cấp thông tin về lưu lượng truy cập đến các website – BT.
- * Johann Wolfgang Von Goethe (1749 – 1832): Được coi là một trong những vĩ nhân của nền văn chương thế giới. Ông là một nhà thơ, nhà viết kịch, tiểu thuyết gia, nhà văn, nhà khoa học, họa sỹ của Đức. Tác phẩm kịch thơ Faust của ông là một trong những đỉnh cao của nền văn chương thế giới – ND.
- * Lydia Sigourney (1791 – 1865): Nhà thơ nữ người Mỹ nổi tiếng trong những năm đầu và giữa thế kỷ XIX. Bà thường được nhắc đến như “nữ sỹ ngọt ngào của Hartford” – ND.
- * Alain Van Der Heide (1970 –): Họa sỹ thiết kế có nhiều đóng góp cho các địa danh thương mại và công cộng khắp nơi trên thế giới – ND.
- * Bán cứng: Dựa vào nỗi lo sợ, lòng tham của người mua để họ ra quyết định mua một cách nhanh chóng. Tuy nhiên vì mục đích là tăng doanh số tỉ lệ thuận với thiệt hại cho khách hàng nên “bán cứng” bị liệt vào danh sách “chơi không đẹp” trong marketing – BT.
- * Martin Veitch: Cây bút công nghệ khởi nghiệp từ tạp chí PC Week. Các bài viết của anh thường xuyên xuất hiện trên The Wall Street Journal phiên bản châu Âu, BBC News Online, CFO và the Guardian, và nhiều tạp chí danh tiếng khác – ND.
- * Henry Ward Beecher (1813 – 1887): Nhà cải cách xã hội, diễn giả nửa cuối thế kỷ 19 – ND.
- * CAPTCHA: Chuỗi ký tự mà thành viên phải điền vào khi mở tài khoản, là một dạng sắp đặt chữ đầu của Completely Automated Public Turing test to tell Computers and Humans Apart (Phép thử Turing công cộng hoàn toàn tự động để phân biệt máy tính với người), được Đại học Carnegie Mellon cố gắng đăng ký thương hiệu nhưng đã bị bác bỏ. Đây là quá trình máy tính yêu cầu người dùng hoàn tất một kiểm tra đơn giản mà máy tính có thể dễ dàng tạo ra và đánh giá nhưng không thể tự giải nó được. Vì máy tính không thể giải được CAPTCHA, nên đối tượng nào nhập đúng chuỗi ký tự đó sẽ được coi là con người – ND.
- * Katherine Paterson (1932 –): Nhà văn Mỹ chuyên viết truyện cho thiếu nhi – ND.
- * Geodude và Lickitung: Hai nhân vật trong phim hoạt hình Pokémon – BT.
- * Abraham Lincoln (1809 – 1865): Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ. Ông là một trong những người đã thiết lập Đảng Cộng hòa năm 1854, lãnh đạo Hoa Kỳ vượt qua cuộc khủng hoảng và chấm dứt chế độ nô lệ – ND.
- * Mazel tov: Từ thường được dùng để chúc tụng trong trường hợp hoặc sự kiện vui vẻ, có nghĩa tương đương “good luck” (chúc may mắn) hay “Congratulations” (chúc mừng) – ND.
- * Stephen Jay Gould (1941 – 2002): Một trong những tác giả dòng sách khoa học phổ thông có lượng người đọc đông đảo nhất thời ông. Phần lớn thời gian, ông giảng dạy sinh học ở đại học Harvard – ND.
- * Lyman Bryson (1888 – 1959): Nhà giáo dục, cố vấn truyền thông cho đài CBS – ND.
- * Fall Out Boy: Nhóm nhạc rock của Mỹ được thành lập năm 2001 và được xếp hạng thứ 93 trong số những nghệ sỹ xuất sắc nhất từ năm 2000 đến năm 2010 do Billboard bầu chọn – ND.
- * Arctic Monkeys: Nhóm nhạc rock của Anh được thành lập năm 2002 và là một trong những ban nhạc nổi danh nhờ Internet. Arctic Monkeys được xem là ban nhạc thay đổi cách thức hình thành cũng

nghệ marketing của các nhóm nhạc thời đại mới – ND.

* My Chemical Romance: Ban nhạc rock của Mỹ từng được đề cử giải thưởng Âm nhạc Mỹ và giải Grammy, được thành lập năm 2001, gồm các thành viên Gerard Way, Mikey Way, Frank Iero, Ray Toro và Bob Bryar – ND.

* Black-Eyed Peas: Ban nhạc rap, pop, hip hop đến từ Los Angeles, Mỹ. Ban nhạc đã từng 6 lần giành giải thưởng Grammy cho ban nhạc thể hiện pop hay nhất, thể hiện rap hay nhất, video âm nhạc thời lượng ngắn hay nhất trong các năm 2005, 2006, 2007 và 2010 – ND.

* Sidney Madwed (1948 –): Tác giả, diễn giả người Mỹ chuyên viết và diễn thuyết về vấn đề sử dụng người trong các công ty, thể chế, tổ chức – ND.

* Peter Drucker (1909 – 2005): Chuyên gia hàng đầu thế giới về tư vấn quản trị. Ông được coi là cha đẻ của ngành Quản trị kinh doanh hiện đại, là tác giả nhiều cuốn sách quản lý nổi tiếng, trong đó có cuốn Những thách thức của quản lý trong thế kỷ 21. Những đóng góp của ông được đánh giá rất cao, tạp chí Financial Times (Thời báo tài chính) đã bình chọn ông là một trong bốn nhà quản lý bậc thầy của mọi thời đại (cùng với Jack Welch, Philip Kotler và Bill Gates) – ND.

* John F. Kennedy (1917 – 1963): Tổng thống thứ 35 của Hoa Kỳ. Ông là chính khách trẻ tuổi nhất từng đắc cử Tổng thống Hoa Kỳ – ND.

* Rick Cook (1944 –): Một nhà báo, một tin tặc máy tính và là cây bút nổi danh vì sự hài hước của mình – ND.

* George Carlin (1937 – 2008): Tác gia, nhà phê bình xã hội và diễn viên hài người Mỹ đã từng 5 lần giành giải thưởng Grammy danh giá cho các album hài của ông – ND.

* Cookie: Những phần dữ liệu nhỏ có cấu trúc được chia sẻ giữa trang web và trình duyệt của người dùng, được lưu trữ dưới những tệp dữ liệu nhỏ dạng văn bản (dung lượng dưới 4k). Chúng được các trang tạo ra để lưu trữ/truy tìm/nhận biết các thông tin về người dùng đã ghé thăm trang và những vùng mà họ đi qua trong trang – ND.

* Dịch nghĩa: Này Xá Lợi Tử, sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc, sắc chính là không, không chính là sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như thế – BT.

* Carnegie Hall: Nhà hát lớn ở thành phố New York, Mỹ, nơi thường tổ chức các buổi hội thảo, diễn thuyết của những diễn giả hàng đầu thế giới – ND.

* Jascha Heifetz (1901 – 1987): Được xem là nghệ sĩ violin vĩ đại nhất của mọi thời đại – ND.

* Carl Philipp Emanuel Bach (1714 – 1788): Nhà soạn nhạc nổi tiếng người Đức – ND.

* Rosalind Russell (1907 – 1976): Nữ diễn viên nổi tiếng người Mỹ – ND.

* Robert C. Murphy (1926 – 2000): Luật sư, từng giữ chức Chánh án tòa án tối cao Maryland từ năm 1972 đến năm 1996 – ND.

* Điều luật quy định người bị bắt có quyền giữ im lặng – ND.

* Franklin D. Roosevelt (1882 – 1945): Tổng thống thứ 32 của Hoa Kỳ, là gương mặt trung tâm của các sự kiện thế giới giữa thế kỷ XX khi ông lãnh đạo Hoa Kỳ suốt thời gian có cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và chiến tranh thế giới – ND.

* Technorati: Tên đầy đủ là Technorati Media, do Dave Sifry thành lập có trụ sở chính ở San Francisco, California, Hoa Kỳ. Sản phẩm của Technorati Media là technorati, một công cụ tìm kiếm internet dùng để tìm blog, cạnh tranh với Google, Yahoo! và IceRocket. Tính đến tháng 4 năm 2007, Technorati có phụ lục gồm 75 triệu trang blog – ND.

* Malcolm S. Forbes (1919 – 1990): Doanh nhân người Mỹ, người sáng lập nên tạp chí Forbes – ND.

* George Eliot (1819 – 1880): Bút danh của nữ nhà văn người Anh Mary Anne Evans. Bà là một trong những nhà văn tiên phong của thời đại Victoria. Những tiểu thuyết của bà phản ánh đời sống trung lưu tại miền nông thôn nước Anh, nổi tiếng với những mô tả hiện thực đơn giản, tình cảm, tâm lý. Bà sử dụng bút danh nam cho các tác phẩm để đảm bảo rằng tác phẩm của bà được chú trọng, để mình không bị coi là một nhà văn lãng mạn đơn thuần – ND.

* Red flag: Nghĩa đen là cờ đỏ, ám chỉ hoặc báo động môi nguy sắp tới – ND.

* Buzz Lightyear: Tên một nhân vật hoạt hình trong bộ phim Toy Story (Câu chuyện đồ chơi) – ND.

* Quyền chọn (options): Một loại chứng khoán phát sinh, thể hiện quyền được chọn bán hoặc mua một loại cổ phiếu nào đó – BT.

* Craigslist: Một cộng đồng trực tuyến có tính năng phong phú, nơi mua bán, trao đổi các sản phẩm dịch vụ, các quảng cáo tìm việc và có cả các mục cá nhân, với 4 tỉ lượt truy cập mỗi tháng – ND.

- * Ernest Henry Shackleton (1874 – 1922): Nhà thám hiểm người Ireland gốc Anh, là người dẫn đầu bốn cuộc thám hiểm đến châu Nam Cực – ND.
- * Carol Dweck: Giáo sư tâm lý thuộc Đại học Stanford, người đã tiến hành nghiên cứu trên hơn 400 học sinh tiểu học ở khắp nước Mỹ trong suốt một thập kỷ để rút ra kết luận: khen ngợi, nhấn mạnh hay chú trọng sự nỗ lực của trẻ sẽ giúp cải thiện tính kiên trì cũng như kết quả công việc trẻ làm hơn nhiều so với khen trẻ thông minh – ND.
- * Ken Iverson: Giám đốc điều hành đã biến một công ty gần phá sản vào những năm 60 của thế kỷ trước thành công ty sản xuất thép lớn nhất và thành công nhất ở Mỹ – ND.
- * P. J. O’rourke: Nhà báo, nhà châm biếm chính trị người Mỹ nổi tiếng, được so sánh ngang với Mark Twain về độ hài hước – ND.
- * Piranha: Loài cá nước ngọt ở Nam Mỹ chuyên tấn công và ăn thịt các động vật sống – ND.
- 1. Henry David Thoreau (1817 – 1862): Nhà văn, nhà thơ, sử gia và triết gia người Mỹ – ND.
- 1. Thung lũng Silicon: Nơi có hàng ngàn tập đoàn công nghệ, trong đó có cả các công ty nằm trong danh sách Forbes 500 – ND.
- 2. Frank Sinatra (1915 – 1998): Một ca sỹ, diễn viên người Mỹ từng đoạt giải Oscar cho nam diễn viên phụ xuất sắc nhất cho bộ phim From Here to Eternity – ND.
- 3. Macintosh: hay Mac, là một dòng sản phẩm máy tính cá nhân của hãng Apple – BT.
- (1) Masterwort: Một loại cây lâu năm có tên khoa học là *Peucedanum ostruthium*, rễ của nó có công dụng kháng khuẩn, lợi tiểu, giảm đau và tăng cường miễn dịch.
- (2) Gypsywort: Một loài cây lâu năm có tên khoa học là *Lycopus europaeus*, có công dụng chữa lành các vết thương và giảm sốt.
- (3) Motherwort (*Leonurus cardiaca*): Một loại thảo mộc lâu năm, được sử dụng như một vị thuốc trong y học cổ truyền, có tác dụng ngăn ngừa nhiễm trùng tử cung ở phụ nữ, giúp an thần và tăng cường sức khỏe tim mạch.
- (4) Nguyên văn “Jack-o’-lantern”, dịch sát từng chữ có nghĩa là “Jack cầm lồng đèn” – chính là chiếc lồng đèn làm bằng củ cải hay bí ngô trong dịp lễ Halloween. Theo thần thoại Ireland, có một anh chàng tên Jack rất lém lỉnh, răn mắt, chỉ thích đi lừa người khác. Gặp ai gã cũng lừa, đến quỷ cũng chẳng chừa. Một lần Jack lừa một con quỷ trèo lên cây sau khi nó định lừa Jack để lấy cướp linh hồn. Quỷ trèo lên cây rồi, Jack khắc hình thánh giá quanh thân cây. Quỷ không thể trèo xuống vì nó rất sợ hình chữ thập, thế là quỷ bắt đầu van xin. Nó thề sẽ không bao giờ cướp linh hồn Jack nữa nếu gã chịu xóa hết các hình thánh giá trên cây để nó leo xuống. Khi Jack chết, thiên đường không mở cửa cho gã bởi quá khứ toàn đi lừa người, thế là gã lủi thủi đi xuống địa ngục. Nhưng khi tới cổng địa ngục, quỷ nhận ra Jack và nhớ tới thỏa thuận khi xưa nên Jack không được vào trú ngụ. Thế là linh hồn của Jack chẳng còn nơi định cư và cứ quanh quẩn chẳng biết đi về đâu. Cứ phải quờ quạng trong đêm tối, Jack xin quỷ chút lửa để soi đường. Cuối cùng quỷ thương tình ném cho anh chàng hòn than lấy từ bếp lửa địa ngục không bao giờ tắt. Và Jack lấy một củ cải đem khoét rỗng thành hình mặt quỷ, bên trong đặt hòn than. Và cứ thế mà Jack mãi lang thang trong lần ranh thực-hư, giữa thiên đường và địa ngục, với chiếc lồng đèn trên tay... Sau này vào thế kỷ 19 khi người Ireland di cư đến Mỹ thì củ cải được thay thế bằng bí ngô và hình tượng ấy đến giờ đã trở thành biểu trưng của lễ Halloween trên khắp toàn cầu.
- 99. Túc Yeltsin.
- 100. Cháu Thành Cát Tư Hãn, từng chỉ huy quân Mông Cổ tiến đánh châu Âu, thống trị nước Nga vào thế kỷ XIII và lập ra quốc gia Kim Trướng.
- 101. Ta phải nói thêm rằng với thỏa thuận Belovezh do Yeltsin ký, lãnh thổ nước Nga bị mất đi nhiều hơn nhiều so với hòa ước Brest “sỉ nhục”. (Chú thích của tác giả).
- 102. Tên các tướng chỉ huy quân Bạch vệ chống lại nhà nước Xô viết trong những năm nội chiến (1917-1923).
- 103. Người đã sáp nhập Crimea vào lãnh thổ Nga năm 1783.
- 104. Người đã ra lệnh xây dựng pháo đài Groznaya, sau này là thành phố Grozny, thủ phủ Chechnya sau khi nhậm chức Tư lệnh quân đội Nga ở Gruzia.
- 105. G. E. Burbulis (sinh năm 1945): từng giữ các chức vụ Quốc vụ khanh Liên bang Nga, Phó Thủ tướng thứ nhất, Quốc vụ khanh thuộc Tổng thống Nga. Tốt nghiệp khoa triết học Đại học Tổng hợp Ural.
- 106. Vợ Yeltsin.

85. Tên những Dân ủy Nội vụ (ngành công an) dưới thời Stalin.
86. Thành phần Ủy ban gồm: Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra đảng thuộc Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô N. M. Shvernik (chủ tịch Ủy ban), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước CHXHCN Xô viết Gruzia G. D. Dzhevakhishvili (thay cho Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Gruzia V. P. Mzhavanadze bị “ôm đột ngột”), Bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva Đảng Cộng sản Liên Xô, P. N. Demichev, Chủ tịch Ủy ban an ninh quốc gia Liên Xô A. N. Shelepin và Chủ tịch Xô viết Moskva N. I. Dygai (Đurgai). (Chú thích của tác giả).
87. Câu nói trên được Pushkin đặt vào miệng Mozart trong tác phẩm bi kịch Mozart và Salieri của ông.
115. Khodynka: vụ giẫm đạp chen nhau nhận quà trong ngày đăng quang của Sa hoàng tại bãi Khodyn ngày 18 (30 theo lịch mới) tháng 5 năm 1896, khiến cho hơn 1300 người chết và hàng ngàn người bị thương. Sau đó Sa hoàng vẫn tiếp tục chương trình dạ hội, khiêu vũ. Tsushima (Đồi Mã): đảo của Nhật Bản giáp eo Triều Tiên và eo Tsushima, thông giữa biển Nhật Bản và biển Hoa Đông, nơi xảy ra trận hải chiến Nga-Nhật (1905) với thất bại nặng nề của quân Nga. Ngày Chủ nhật đẫm máu 9 (22)-1-1905: quân đội Sa hoàng đàn áp đoàn biểu tình ở Saint Petersburg, làm hàng trăm, thậm chí gần một ngàn người chết, vài trăm người bị thương. Vụ thảm sát Lena: vụ bắn giết công nhân bãi công ở mỏ vàng gần sông Lena (Siberia) ngày 4 (17)-4-1912 làm khoảng 270 người chết và 250-500 người bị thương.
116. Thượng phụ giáo chủ Tikhon sinh năm 1865, mất năm 1925.
117. Tên thật là Minei Gubelman (1878-1943), ủy viên UBTƯ, có thời kỳ là Bí thư ĐCS Liên Xô. Nhà tư tưởng về tôn giáo của ĐCS Liên Xô, thi hành chính sách vô thần, chống tôn giáo mạnh mẽ.
91. Đô đốc quân Bạch vệ thời nội chiến sau Cách mạng Tháng Mười ở Nga, bị xử tử năm 1920.
92. Thỏa ước xóa bỏ Liên Xô, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập do ba nhà lãnh đạo Nga (Yeltsin), Belarus (Shushkevich) và Ukraina (Kravchuk) ký ngày 8-12-1991.
93. E. D. Stasova (1873-1966): ủy viên Trung ương ĐCS Nga (1918-1920), sau làm việc ở Quốc tế Cộng sản. Tro cốt được an táng trên tường thành Kremli. L. A. Fotieva (1881-1975): thư ký riêng của Lenin (1918-1924).
94. Tên này được đặt theo kiểu Đức, phiên theo tiếng Anh là Saint-Petersburg (thành phố Thánh Pyotr/Peter). Đến năm 1914 đổi sang tên kiểu Nga là Petrograd. Thời kỳ 1924-1991 mang tên Leningrad.
95. Tạp chí Luận chứng và sự kiện.
70. Nhà văn Nga (1891-1926), chính ủy sư đoàn Chapaev, tác giả tiểu thuyết Chapaev đã dịch ra tiếng Việt (Sa-pa-ép).
71. Chúng tôi cũng muốn nhắc đề các độc giả hiện nay nắm được chức vụ của các nhà lãnh đạo đó: I. V. Stalin - Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Nga (Bolshevik), N. I. Bukharin - Tổng biên tập báo Sự thật, M. I. Kalinin - Chủ tịch BCHTƯ Liên Xô (về mặt danh nghĩa là nguyên thủ quốc gia), L. B. Kamenev và A. I. Rykov - Phó Chủ tịch Hội đồng dân ủy (Phó Thủ tướng) Liên Xô, L. D. Trotsky - Dân ủy phụ trách quân đội và hải quân kiêm Chủ tịch Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô. Bukharin và Kalinin là Ủy viên dự khuyết BCT UBTƯ ĐCS, những người còn lại là Ủy viên chính thức BCT. Vắng mặt trong cuộc họp là hai ủy viên BCT UBTƯ ĐCS: Chủ tịch Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản G. Ye. Zinoviev (ai cũng biết là ông phát biểu ủng hộ đề nghị ướp xác) và Chủ tịch Hội đồng trung ương các công đoàn toàn liên bang M. P. Tomskey. (Chú thích của tác giả).
72. Nay thuộc Ukraina.
73. Nay thuộc Estonia.
74. Pantaleon (khoảng 275-khoảng 303), sinh ở Nicomedia (nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ), làm nghề thầy thuốc, bị hoàng đế La Mã xử tử vì theo đạo. Athos là tên bán đảo ở Đông Hy Lạp, nơi có ngọn núi cùng tên và 20 tu viện.
82. Một điều thú vị là L. B. Krasin, người năm 1924 chịu trách nhiệm giám sát công tác ướp xác Lenin, năm 1887 đã tốt nghiệp trường trung học này. Liệu Krasin có đoán trước được rằng thi hài Vladimir Ilyich giờ lại nằm trong tòa nhà ngôi trường quê hương của ông ở Siberia không! (Chú thích của tác giả).
83. Trong những năm 1990 nguyên phó giáo sư I. Zbarsky, người trước đó đã nhiều lần khẳng định rằng thi hài Lenin đặt trong Lăng là ‘một báu vật của dân tộc’, rằng việc gìn giữ thi hài của Người là chiến công của nền khoa học Xô viết, nhưng nay lại đưa ra những tuyên bố theo chiều hướng khác

hắn: rằng, thi hài Lenin trên Quảng trường Đỏ là ‘biểu tượng của một thời bạo quyền’, việc gìn giữ thi hài là một hành động dã man ‘không phù hợp với truyền thống của các dân tộc văn minh’, và ông ta, tức I. Zbarsky, chưa bao giờ yêu quý Lenin (báo Sự thật thanh niên ra ngày 23 tháng 2 năm 2000) và rằng phải ‘đem chôn’ Lenin. Trong thời gian Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, vị phó giáo sư mới 30 tuổi này, trong khi các bạn đồng trang lứa đang chiến đấu ngoài mặt trận với bọn phát xít, đâu có dám kêu gọi ‘chôn cất’ Lenin, vì nếu thế thì anh ta chắc chắn phải ra mặt trận. Suốt cuộc chiến tranh anh ta trốn trong hậu phương ở một nơi xa tít, dưới sự che chở áp ú của người cha, hay nói một cách hình tượng là nấp sau thi hài Lenin. Năm 1942 thậm chí anh ta còn gia nhập Đảng Cộng sản Nga (Bolshevik). Tính cách vô đạo đức phát lộ đến mức kinh tởm của một kẻ cơ hội thấy rõ trong những lời bộc bạch của ông ta hiện nay. ‘Tôi luôn luôn phải nói trái lòng mình, – kẻ cơ hội đó thú nhận, – làm công việc tuyên truyền và thậm chí là thành viên cấp ủy đảng’ (I. Zbarsky, Mục tiêu số 1, trang 191). Lenin từng là thần tượng, nguồn nuôi sống, tạo ra đời sống sung túc, danh vọng và phần thưởng cho I. Zbarsky. Chính trong Phòng thí nghiệm của Lăng, I. Zbarsky đã trưởng thành và định hình thành nhà khoa học. Nhưng khi thời thế đổi thay, Lenin bị công kích, bôi nhọ thì I. Zbarsky, lúc này đã trở thành viện sĩ, lại chạy sang với chủ mới. Hành động đó gọi là đào ngũ trong chiến đấu. (Chú thích của tác giả).

84. Dạng phòng truyền thống để sinh viên sinh hoạt, hội họp.

58. Từ Mavzoley (Lăng trong tiếng Nga) bắt nguồn từ tên gọi vua Mausolus. Lăng mộ ông vua này được xây dựng ở Halicarnassus (Tiểu Á) bởi các kiến trúc sư Pythis và Satyrus vào giữa thế kỷ IV trước Công nguyên (Chú thích của tác giả).

59. Thời điểm viết những ký ức này là vào năm 1937 (Chú thích của tác giả).

60. Bela Kun (1886-1938): một trong những người sáng lập ĐCS Hungary và lãnh đạo nước Cộng hòa Xô viết Hungary (1919), tham gia Ban lãnh đạo Quốc tế cộng sản. Bị Stalin xử bắn ở Nga.

61. Nguyên văn: Vasily Blazhennyi (Chân phước Vasily), chuyển sang tiếng Anh là Saint Basil [the Blessed].

62. Hiện nay lá cờ được lưu giữ tại các kho tàng của chi nhánh Bảo tàng Lịch sử quốc gia là “Bảo tàng V. I. Lenin” ở Moskva. (Chú thích của tác giả).

63. Các mô hình thu nhỏ của tòa Lăng thứ hai được lưu giữ tại các kho tàng của chi nhánh Bảo tàng lịch sử quốc gia là “Bảo tàng V. I. Lenin” và của Bảo tàng nghiên cứu khoa học kiến trúc quốc gia mang tên A. V. Shchusev ở Moskva. (Chú thích của tác giả).

64. Giấy vẽ cao cấp khó tẩy xóa, đặt theo tên nhà công nghiệp sản xuất giấy người Anh J. Whatman.

65. Tên viết tắt Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) bằng tiếng Nga.

66. Bia đá trên mộ Napoléon ở Paris cũng được làm bằng đá thạch anh của vùng Karelia. (Chú thích của tác giả).

67. Tham gia ban giám khảo là các kiến trúc sư nổi tiếng nhất: L. N. Benua, I. V. Zholtovsky, I. I. Rerberg, I. A. Fomin, V. A. Shchuko, A. B. Shchusev và nhiều người khác nữa. (Chú thích của tác giả).

68. Kích thước của nó là 185 × 220 cm². (Chú thích của tác giả).

69. Bộ chữ cái Arập vào những năm đó được dùng ở nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết Azerbaijan. (Chú thích của tác giả).

107. Trụ sở Xô viết Tối cao Liên bang Nga (nghị viện cũ), nay là trụ sở Chính phủ Nga. Còn gọi là Nhà Trắng.

97. Nay là Istaravshan, thuộc Tajikistan.

98. Nay là Turkmenbasy, thuộc Turkmenistan.

1. Lời bài hành khúc cánh mạng Các đồng chí, can đảm đi đầu bước của Leonid Radin (Radin).

2. Lời ca trong vở opera Sông Đông êm đềm, nhạc I.I. Dzerzhinsky, lời thơ của L.I. Dzerzhinsky.

3. Ý nói khẩu hiệu Tự do, Bình đẳng, Bác ái. (Các chú thích đều của người dịch và Ban biên tập tiếng Việt, trừ khi có ghi chú khác).

4. 1797: năm diễn ra chính biến củng cố nền cộng hòa Pháp sau khi phá vỡ năm quyền. 1830: năm Cách mạng, liền sau đó Louis-Phillippe lên ngôi vua. 1848: năm Cách mạng và nền Cộng hòa thứ hai ra đời. 1871: Napoléon III thoái vị sau khi thua trận trong chiến tranh Pháp-Phổ, dẫn tới sự ra đời của nền Cộng hòa thứ ba.

5. Xem phần phụ lục ở cuối sách.

6. V. A. Soloukhin (1924-1997): nhà văn Nga. Từng làm lính gác Điện Kremli (1942-1945).

7. A. N. Yakovlev (1923-2005): Tiến sĩ khoa học lịch sử, viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm khoa học Nga. Từng là lính bộ binh chống phát xít Đức. Nguyên Viện trưởng Viện kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, Trưởng Ban Tuyên truyền Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Bí thư Trung ương Đảng, ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng. Ủng hộ mạnh mẽ đường lối cải tổ của Gorbachev.
8. Một hội kín coi nhau là huynh đệ, vốn bắt nguồn từ phường hội của các thợ nề Anh từ thời trung đại (vì thế có tên là freemasonry), sau trở thành một hội đoàn hướng đến lý tưởng cao cả như bác ái, bình đẳng và hoà bình. Các thành viên có đủ các tầng lớp (chính khách, nghệ sĩ, nhà khoa học,...), trong đó có nhiều nhân vật trọng yếu của cuộc cách mạng Pháp.
9. Tức Nicholas/Nikolai II, Nga hoàng cuối cùng, bị chính quyền cách mạng giết chết cùng gia đình năm 1918.
10. Hai nhà cách mạng Pháp: Jean-Paul Marat (1743-1793), bị một nữ thích khách đâm chết, và Honore-Gabriel Mirabeau (1749-1791).
11. Đảo ở Nam Đại Tây Dương, nơi Napoléon bị đày lần thứ hai cho đến khi chết.
12. Ngày chiếm ngục Bastille 14-7-1789, được lấy làm ngày Quốc khánh Pháp.
13. Lễ kỷ niệm 200 năm Cách mạng Pháp được tổ chức năm 1989.
14. Chữ “đỏ” (красный) trong tên gọi Quảng trường Đỏ vốn được dùng theo nghĩa cổ là “đẹp”. Một số thành phố cổ của Nga cũng có các quảng trường chính mang tên “đỏ/đẹp” tương tự.
15. Phong trào của những người Nga lưu vong, chủ yếu là trí thức, thay đổi thái độ từ chỗ chống đối chính quyền Xô-viết sang thừa nhận chính quyền này. Tên gọi “Đổi cột mốc” xuất phát từ tên tờ tạp chí (Smena vekh) của phong trào, xuất bản ở Pari thời kỳ 1921-1922. N. Ustryalov (1890-1937), nhà tư tưởng của phong trào “Đổi cột mốc”, đã quay về Liên Xô năm 1935 sau khi lưu vong, nhưng đến năm 1937 bị kết tội làm gián điệp và bị xử tử.
16. Đại Công tước Moskva, người đã đánh bại quân Tatar (Mông Cổ) trong trận Kulikovo (1380).
90. A. A. Vlasov (1900-1946) trung tướng Liên Xô, bị Đức bắt làm tù binh và hợp tác với Đức chống lại Liên Xô. Sau chiến tranh bị xử tử về tội phản quốc.
109. Khasan: hồ ở vùng Viễn Đông, gần biên giới với Triều Tiên. Khalkhin-Gol (Cáp Lạp Cáp Hà): sông ở vùng biên giới Mông Cổ và Trung Quốc, nơi quân đội Liên Xô cùng quân đội Mông Cổ đã đánh thắng quân Quan Đông của Nhật Bản năm 1939.
114. D. A. Volkogonov (1928-1995): Tiến sĩ sử học, viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm khoa học Nga, thượng tướng. Từng làm Viện trưởng Viện lịch sử quân sự thuộc Bộ Quốc phòng Liên Xô nhưng bị mất chức năm 1991 vì “tội bôi đen lịch sử Liên Xô”, sau làm cố vấn về quốc phòng cho Tổng thống Nga Yeltsin. Có cha bị xử bắn và mẹ bị lưu đày dưới thời Stalin. Bộ ba tác phẩm viết về Lenin, Stalin và Trotsky được giải thưởng Nhà nước Nga 1996 về văn học nghệ thuật.
111. Ty phú Nga (sinh năm 1946), tiến sĩ khoa học kỹ thuật ngành toán, viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm Nga. Từng làm Phó thư ký Hội đồng An ninh thời Yeltsin, nhưng đến thời Putin bị kết tội và phải sống lưu vong.
112. Yushenkov (1950-2003) nguyên là đại tá quân đội. Phó tiến sĩ triết học. Một trong những thủ lĩnh của Đảng Nước Nga tự do, đại biểu Duma quốc gia. Bị ám sát chết.
113. Nước Nga ban đầu được chia thành 89 chủ thể hành chính, nay giảm còn 83 chủ thể. Một chủ thể có thể là một tỉnh, một vùng, một thành phố liên bang, một khu tự trị hay một nước cộng hòa.
96. Karbovanets là đơn vị tiền tệ của Ukraina thời kỳ 1992-1996; manat là đơn vị tiền tệ của Azerbaijan và Turkmenistan.
108. Chúng tôi trích dẫn thông tin báo chí. (Chú thích của tác giả).
17. Gorki (Горки - ‘khu đồi nhỏ’): khu dinh thự ở tỉnh Moskva, cách đường vành đai thành phố Moskva khoảng 10 km về phía nam, nơi dưỡng bệnh của Lênin trước khi mất. Sau khi Lênin mất được đổi tên là Leninskiye Gorki và trở thành bảo tàng. Cần phân biệt với Gorky (Горький) là tên cũ của thành phố Nizhny Novgorod từ năm 1932 đến 1990, đặt theo tên của văn hào Maxim Gorky.
18. Thơ Mayakovsky trong trường ca Vladimir Ilyich Lenin (1924). Bản dịch của Hoàng Ngọc Hiến trong Maiacốpski, con người, cuộc đời và thơ, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1976.
19. L. B. Kamenev (1883-1936): ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản (BCT TƯ ĐCS) Bolshevik Nga và Phó Chủ tịch Hội đồng Dân ủy Nga, từng chủ trì các phiên họp của Bộ Chính trị khi Lenin ốm. Sau này bị Stalin bãi chức, khai trừ khỏi Đảng và bị xử bắn. G. Ye. Zinoviev (1883-1936):

- ủy viên BCT TƯ ĐCS Bolshevik Nga, Chủ tịch Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản (1919-1926). Sau này bị bãi chức, khai trừ khỏi Đảng và bị xử bắn cùng với Kamenev, cùng được phục hồi danh dự năm 1988. M. I. Kalinin (1875-1946): người đứng đầu nhà nước Liên Xô về danh nghĩa trong nhiều năm, với cương vị Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương (BCHTƯ) toàn Nga và Liên Xô (cơ quan quyền lực lập pháp tối cao), sau là Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô.
20. V. D. Bonch-Bruевич (1875-1955): nhà cách mạng, tiến sĩ khoa học lịch sử, từng làm Chánh văn phòng Hội đồng Dân ủy Nga.
21. Túc Krupskaya, vợ Lenin.
22. A. S. Yenukidze (1877-1937): bạn thời trẻ của Stalin, thư ký Đoàn Chủ tịch BCHTƯ Liên Xô (1922-1935). Sau bị khai trừ Đảng và bị xử bắn. Được phục hồi danh dự năm 1960.
23. F. E. Dzerzhinsky (1877-1926): thủ trưởng đầu tiên của cơ quan an ninh Liên Xô với chức danh Chủ tịch Ủy ban đặc biệt toàn Nga. V. V. Kuybyshev (1888- 1935): ủy viên BCT và Bí thư Trung ương ĐCS Bolshevik Nga, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Dân ủy kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. T. V. Sapronov (1877-1937): từng làm thư ký Đoàn Chủ tịch BCHTƯ toàn Nga và ủy viên Đoàn Chủ tịch kiêm thư ký Hội đồng Trung ương các Công đoàn Liên Xô (đến năm 1924). Sau bị khai trừ Đảng và bị đàn áp, được phục hồi danh dự sau khi chết. Ye. M. Yaroslavsky (1878-1943): ủy viên Trung ương Đảng, ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, viện sĩ, ủy viên ban Biên tập báo Sự thật.
24. Lời bài Hành khúc đưa tang, lời thơ của A. Arkhangelsky, thường sử dụng trong lễ tang cách mạng.
25. G. G. Yagoda (1891-1938): Dân ủy (tức Bộ trưởng) Nội vụ (1934-1936), sau bị Stalin xử tử.
26. B. V. Petrovsky (1908-2004): nhà ngoại khoa, Bộ trưởng Y tế Liên Xô (1965- 1980), viện sĩ Viện Hàn lâm Liên Xô/Nga và Viện Hàn lâm Y học Liên Xô/Nga.
27. Chi tiết hơn về nguyên nhân cái chết của V. I. Lenin được nói trong bài báo của viện sĩ B. Petrovsky “Vết thương và bệnh tình của V. I. Lenin” (báo Sự thật, 25, 26 tháng 11 năm 1990) và trong trả lời phỏng vấn của viện sĩ Viện Hàn lâm Y học Yu. Lopukhin “Bệnh tình và cái chết của V. I. Lenin: bịa đặt và sự thực” (tuần báo Công khai, 18 tháng 10 năm 1990) (Chú thích của tác giả).
28. Trích trong trường ca Vladimir Ilyich Lenin của Mayakovsky.
29. Hiện nay viên đạn được lưu giữ tại chi nhánh “Bảo tàng V. I. Lenin” của Bảo tàng lịch sử quốc gia ở Moskva (Chú thích của tác giả).
30. Thị trấn bên bờ vịnh Phần Lan, nơi Lenin ẩn náu tránh sự truy lùng gắt gao của Chính phủ lâm thời.
31. Xin lưu ý rằng những lời nói thể hiện tinh thần lạc quan cách mạng của G. M. Krzhizhanovsky đã trở thành những lời tiên tri: đất nước của Lenin đã trở thành quốc gia mà gần như ai cũng biết đọc biết viết, chấm dứt nạn thất nghiệp, đạt được những đỉnh cao khoa học và kỹ thuật, văn học và nghệ thuật, đã cứu các dân tộc châu Âu khỏi ách phát xít, đã đưa người lên vũ trụ (Chú thích của tác giả).
32. Xin lưu ý đây không phải cơ quan của Đảng Cộng sản Nga (Ủy ban Trung ương) mà là cơ quan quyền lực tối cao về mặt lập pháp của Liên Xô, do Đại hội các Xô viết bầu ra. Từ năm 1938 nó được thay thế bằng Xô viết Tối cao Liên Xô.
33. Thủ đô Gruzia.
34. Tên thật là İsmet İnönü (1884-1973), Pasha là tước hiệu cao quý. Sau này ông là Tổng thống thứ hai của Thổ Nhĩ Kỳ.
35. Nay là ngoại ô phía bắc Paris.
36. Túc La Habana, thủ đô Cuba.”
37. Tên gọi cũ của Ulan Bator, thủ đô Mông Cổ.
38. Tên gọi cũ của Oslo, thủ đô Na Uy.
39. Trích trong trường ca Vladimir Ilyich Lenin của Mayakovsky, bản dịch của Hoàng Ngọc Hiến (sdd).
40. Trích trường ca của Mayakovsky.
41. Trích trường ca của Mayakovsky.
42. Nay là ga Leninskaya (Chú thích của tác giả).
43. Túc các bộ trưởng.
44. Otkovisty: phái cựu Bolshevik hình thành năm 1908, đòi triệu hồi các đảng viên xã hội dân chủ ra khỏi Duma quốc gia, chấm dứt hoạt động hợp pháp, làm Đảng Xã hội dân chủ bị tách rời khỏi quần

chúng. Năm 1909 nhập vào nhóm “Tiến lên”.

45. Mezhrayontsy: phái đảng viên xã hội dân chủ tồn tại ở Petrograd thời kỳ 1913-1917, gồm nhóm Trôtkit, Menshevik, cựu Bolshevik thỏa hiệp, đa số thành viên nhóm “Tiến lên”. Chủ trương dung hòa hai phái Bolshevik (“Đa số”) và Menshevik (“Thiểu số”) trong một Đảng Xã hội dân chủ “thống nhất”. Đến năm 1917 đa số họ đoạn tuyệt với nhóm Menshevik phòng thủ, trở thành những người Bolshevik.

46. Nhóm trong Đảng Cộng sản Liên Xô năm 1918, gồm N. I. Bukharin, K. B. Radek, G. L. Pyatakov,... chống việc ký hòa ước Brest với Đức, hô hào tiếp tục chiến tranh cách mạng.

47. Detsisty: phái “cơ hội” trong Đảng Cộng sản Liên Xô thời kỳ 1920-1921, giải thích nguyên tắc tập trung dân chủ theo cách đòi có tự do phe phái trong Đảng.

48. Khuynh hướng trong Đảng Cộng sản Liên Xô thời kỳ 1920-1922, gồm A. G. Shlyapnikov, A. M. Kollontay,... coi công đoàn chứ không phải Đảng Cộng sản là hình thức tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân.

49. Trích trường ca Vladimir Ilyich Lenin của Mayakovsky.

50. Ban đầu Lăng được gọi là hầm mộ (sklep) (Chú thích của tác giả).

51. Chi tiết hơn về việc này xem mục “Kỹ thuật ướp xác hoàn hảo” (Chú thích của tác giả).

52. Dmitriy Ilyich Ulyanov (1874-1943): em trai Lenin; Maria Ilyinichna Ulyanova (1878-1937): em gái Lenin; Anna Ilyinichna Yelizarova-Ulyanova (1864-1935): chị gái Lenin.

53. Lời của bài hát được dùng làm “hành khúc đưa tang” ở Liên Xô trước đây. Phổ thơ của A. Arkhangelsky.

54. Thủ đô Belarus.

55. Tiền thân của Đảng Cộng sản Nga (Bolshevik), sau này là Đảng Cộng sản Liên Xô.

56. Thủ đô Uzbekistan.

57. Thủ đô Azerbaijan.

88. Nhân vật thiếu nhi trong tiểu thuyết Những người khốn khổ của nhà văn Pháp Victor Hugo.

89. xagien = 2,134 m.

110. Nay là Kaliningrad.

75. Những học viên sĩ quan của trường quân sự mang tên BCHТУ Liên bang Xô viết cũng chịu trách nhiệm tuần tra canh gác Điện Kremli. (Chú thích của tác giả).

76. Nông dân nghèo khổ.

77. Phong trào Hồi giáo ở Trung Á nổi dậy chống chính quyền Xô-viết ngay từ năm 1917 cho đến thập kỷ 1930.

78. Chi tiết hơn về Đội vệ binh danh dự thuộc Lăng Lenin được kể lại trong cuốn sách Những người lính gác ở vị trí gác số 1 của A. Abramov. (Chú thích của tác giả).

79. Sau này trường đổi tên thành Trường Đại học Sĩ quan chỉ huy (tức Trường Quân sự) mang tên Xô viết Tối cao CHXHCNXXVLB Nga (1958-1993), nay là trường Chỉ huy Quân sự Moskva.

80. Nhắc đến cuộc tranh giành quyền lực giữa tổng thống Yeltsin và Xô-viết Tối cao dẫn đến xung đột vũ trang với phần thắng thuộc về Yeltsin.

81. Bộ trưởng Bộ tuyên truyền thông tin của chế độ Đức quốc xã, nổi tiếng về phương châm cứ lập đi lập lại lời nói dối thì người ta sẽ tin.

(1) Biểu muội: em họ.

(2) Biểu ca: anh họ.

(3) “Thái muội”: có thể hiểu một cách đơn giản là “nữ lưu manh”.

(4) Thanh: xanh; xích: đỏ; tạo: đen; bạch: trắng.

(1) Zombie: Thây ma sống lại nhờ phù phép. Thú nuôi Zombie là nhân vật trong game “My Pet Zombie”.

(1) Cùng nhau sát cánh bay cao, ý nói tình cảm nam nữ ân ái, tâm đầu ý hợp, mãi không chia lìa.

(2) Đây đủ là “vĩnh kết đồng tâm”, chỉ vợ chồng ân ái, hòa hợp, bên nhau đến già.

(3) Trái ngược với chính khí, gần giống như tà khí.

(4) Bài hát “Từ bỏ” - Nhóm nhạc Yêu.

(1) Đốc chiến: quan sát và đốc thúc trận đánh.

(1) Quạt hòm của Trung Quốc, thường làm bằng gỗ, có thể mở ra, dùng để quạt bếp lò.

(2) “Ngự tử” là từ dùng để chỉ một cô gái hội tụ nhiều yếu tố: chín chắn, nho nhã, kiên cường, tự tin,

điềm đạm, có trí tuệ, bao dung, có khí chất...

(1) Tào khang (tao khang): người vợ lấy từ lúc còn nghèo khó, ngoài ra , ngoài ra còn chỉ những thứ vô dụng, bị bỏ đi.

(2) Mỗi quan hệ thân thiết, chân thành, không có bất cứ điều gì giấu giếm đối phương. Nhưng ở đây, ý Nhược Nhất muốn nói là hai người đã từng có những lúc không mảnh vải che thân khi ở trước mặt đối phương.

(1) Nương tình khi ra tay.

(1) Khí ma sát: Một loại thể khí như sương mù sinh ra khi con người nhập ma, có thể gây ra rối loạn tinh thần, có thể làm giảm tu vi.

(1) Người có phong thái tài hoa không ai sánh kịp.

(1) Không nói trong khi ăn và ngủ.

(1) Vốn là một câu thơ trong bài “Hiệp khách hành” của Lý Bạch, ở trong bài “Hiệp khách hành” của Lý Bạch, nguyên văn: “Thập bộ sát nhất nhân, thiên lý bất lưu hành”.

(1) Tên một huyệt đạo trên mu bàn tay.

(1) Vì Mạc Mạc có cách phát âm là “mò mò”, gần âm với từ sờ, đọc là “mō” nên dễ khiến người ta nghe nhầm.

(2) Tình yêu giữa nữ và nữ.

(1) Mã Cảnh Đào là nam diễn viên Đài Loan, sinh ngày 10/2/1962, anh Đào là nam diễn viên Đài Loan, sinh ngày 16/02/1962, sau khi tốt nghiệp ngành điện ảnh, anh được mời tham gia nhiều bộ phim truyền hình chuyển thể từ tiểu thuyết Quỳnh Dao như: Tuyệt Kha, Cỏ non bên bờ nước sông trong xanh, Mai Hoa tam lộng...

(1) Chu Bá Thông (周伯通) là một nhân vật có thật trong lịch sử Trung Quốc, ông sống vào cuối thời Bắc Tống, có ảnh hưởng lớn trong việc sáng lập Toàn Chân giáo. Từ sau năm 157, nhiều người biết đến ông như một nhân vật trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung.

(2) Hấp tinh đại pháp là một môn võ công trong tiểu thuyết Kim Dung, người sử dụng môn võ công này có thể hấp thụ nội công của đối thủ, biến nội công của đối thủ thành của mình.

(1) Đoạn trích trong bài “Giang thành tử” của Tô Thức, nhà thơ đời Tống.

(1) Dùng một vật thể để tấn công một thứ gì đó.

(1) Ý là đi thuyền ở nơi không có sóng gió mà cũng lật, quá là xui xẻo.

(2) Quốc họa hay còn gọi là tranh Trung Quốc, là những bức tranh được vẽ trên lụa, giấy Tuyên Thành, có trục cuốn. Quốc họa là hình thức hội họa truyền thống của dân tộc Hán. Đề tài của các bức quốc họa là con người, sông núi, hoa cỏ, chim chóc... thể hiện sự nhận thức của cổ nhân về tự nhiên, xã hội và các lĩnh vực liên quan như chính trị, triết học, đạo đức...

(3) Một loại bút pháp đặc biệt trong thư pháp, giữa nét vẽ có những vết trắng. Phi bạch cũng là một biểu hiện điển hình của sự kết hợp hài hòa giữa hư và thực trong nghệ thuật quan truyền thống của Trung Quốc.

(1) Ví với người không khéo ăn nói hoặc người có tính cách lạnh lùng, ít nói.

(1) Trình Giáo Kim (? 2025), tên tự Tri Tiết, là công thần Trình Giáo Kim (? 2025), tên tự Tri Tiết, là công thần khai quốc nhà Đường, 1 trong 24 công thần Lăng Yên các. Câu này chỉ sự việc bắt nạt xảy ra, nằm ngoài dự liệu.

(1) Nguyên văn: kỳ ba, vốn là một loài hoa đẹp quý hiếm, nay thường được dùng để châm chọc những người có hành vi quái đản, khác với người thường.

(1) Từ gốc Hán của “rùa đen” là “ô quy”. “Vụ quy” (ù gu) có âm đọc ô quy”. “Vụ quy” (wù guī) có âm đọc gần giống với “ô quy” (wū guī) nên Nhược Nhất nghe nhầm.

(1) Xem tinh tượng: xem sự sáng tối và vị trí của các ngôi sao để đoán ượng: xem sự sáng tối và vị trí của các ngôi sao để đoán điềm cát hung họa phúc của người và việc.

(2) “Trùng” nghĩa là “mộ”.

(1) Trong tiếng Trung, từ “不要脸” (bùyào liǎn) nghĩa là không biết xấu hổ, nghĩa mặt chữ là “không cần mặt”.

(1) Ý nói gục đầu xuống ngủ.

(1) Diệt nhi: Cháu.

(188) Chỗ này có lẽ tác giả nhầm lẫn 30 thay vì 50, đoạn dưới nhân vật này kể học lớp 7 vào năm 1972 thì hiện nay phải trên 50 tuổi rồi.

- (189) Chuyển di (transference) là hiện tượng trong trị liệu tâm lý khi bệnh nhân coi người tư vấn tâm lý như một người quen thân của mình, thường là nhân vật chính trong câu chuyện của mình hơn là chỉ là người lắng nghe và trợ giúp để tháo gỡ vấn đề, người bệnh có thể nảy sinh những cảm xúc như đối với nhân vật đồng nhất mà có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của việc điều trị.
- (190) D. Grossman, *Death as a way of life: From Oslo to the Geneva agreement* (Tạm dịch: Chết như là một cách sống: từ hiệp định Oslo đến hiệp định Geneva). New York: Picador, 2004, trang 8.
- (191) Như chú thích 204, trang 7.
- (192) Như chú thích 204, trang 30.
- (193) Như chú thích 204, trang 43.
- (194) Như chú thích 204, trang 44.
- (195) Lễ hội ngày 25 tháng 3 tưởng nhớ việc Maria được thông báo bà sẽ là mẹ của Chúa Jesus.
- (196) D. Grossman, *To the end of the land*, trang 633.
- (197) R. Cooke, “David Grossman: “I cannot afford the luxury of despair”” (Tạm dịch: David Grossman: Tôi không đủ sức trang trải cho nỗi tuyệt vọng), *Observer*, 29 tháng tám, 2010.
- (198) Avraham Balaban, “The unquenchable bereavement of losing a child” (Tạm dịch: Nỗi đau không thể nào nguôi của việc mất một đứa con), *Haaretz*, 9 tháng 10, 2011.
- (199) David Grossman, *Falling out of time* (Tạm dịch: Lạc bước thời gian). Tel Aviv: New Library, 2011, trang 120, 138 – 39. Tiếng Hebrew.
- (200) Một dạng tù và, được sử dụng với mục đích tôn giáo, trong đó có lễ Yom Kippur của người Do Thái, xuất hiện nhiều trong Kinh Thánh.
- (201) Moshe Amirav, *Jerusalem syndrom: The Palestinian – Israeli battle for the Holy City* (Tạm dịch: Hội chứng Jerusalem: cuộc chiến Palestine – Israel giành giật Thành phố Thánh). Eastbourne: Sussex Academic press, 2009.
- (202) Oz Almog, *The Sabra*.
- (203) Từ gốc: permanent collection, chỉ bộ sưu tập thuộc sở hữu của bảo tàng, thường được trưng bày vĩnh viễn.
- (204) Nhiếp ảnh gia người Israel, sinh năm 1966.
- (205) Nghĩa là chỉ trích kịch liệt.
- (206) Oz Almog, *Farewell to “Srulik”: Changing values among the Israel elite* (Tạm dịch: Vĩnh biệt “srulik”: những giá trị thay đổi trong giới tinh hoa Israel). Tel Aviv: Zmora-Bitan, 2004.
- (207) David Brooks, “A loud and promised land” (Tạm dịch: vùng đất hứa ồn ào), *New York Times*, 16 tháng tư, 2009.
- (208) A. Falk, *Fratricide in the Holy Land*.
- (209) D. Grossman, *Death as a way of life*.
- (210) Như chú thích 222, E. Shalit, “The relationship between aggression and fear of annihilation in Israel” (Tạm dịch: Mối quan hệ giữa sự hung hăng và nỗi sợ bị hủy diệt của Israel), *Political Psychology* số 15 (1994), trang 415 – 34. O. Grosbard, *Israel on the couch*.
- (211) Y. Ezrahi, *Rubber bullets.*, trang 251.
- (212) D. Grossman, *To the end of the land*, trang 592.
- (213) D. Grossman, *Falling out of time*, trang 99.
- (214) Dalia Karpel, “He will return (or not)” (Tạm dịch: Anh ấy sẽ trở về (hoặc không)), *Haaretz*, 22 tháng 10, 2002. Tiếng Hebrew.
- (215) Almog, *The sabra*.
- (216) Yaron Peleg, “Heroic conduct: Homoeroticism and the creation of modern, Jewish masculinities” (Tạm dịch: Phẩm chất anh hùng: đồng tính luyến ái và sự tạo thành phẩm chất nam tính của người Do Thái hiện đại), *Jewish social studies* 13, số 1 (thu 2006), trang 31 – 58.
- (217) Yoram Kaniuk, 1948, trang 113 – 21.
- (218) Viết tắt của chứng rối loạn stress sau sang chấn.
- (219) John Wayne (1907 – 1979): Diễn viên, đạo diễn người Mỹ nổi tiếng với thể loại phim cao bồi.
- (220) Karpel, sđd.
- (221) Đài tưởng niệm thực chất là hai hồ nước được xây dựng trên chính vị trí của hai tòa nhà bị đánh sập, nay đã không còn. Kiến trúc sư đặt tên cho hai hồ này như vậy ý nói chúng phản chiếu (reflecting) khoảng trống nơi hai tòa tháp từng hiện diện (absence), nhưng cũng là nơi du khách đến đây để chiêm

- nghiệm (một nghĩa khác của reflecting, ở đây có phép đa nghĩa) về sự vắng mặt này, cũng là về cái vô thường, cõi chết, biến mất.
- (222) Dan Senor và Saul Singer, Quốc gia khởi nghiệp: Câu chuyện thần kỳ về nền kinh tế Israel. New York: Twelve, 2009.
- (223) Almog, The sabra, trang 234.
- (224) Bruno Boccara, “Policy making and its psychoanalytic underpinnings” (Tạm dịch: Làm chính sách và nền tảng phân tâm học của nó). www.socioanalyticdialogue.org.
- (1) Tiếng Hebrew là bar mitzvah. Nghi lễ được tổ chức đánh dấu thời điểm trưởng thành cho trẻ em đến tuổi 13. Lễ dành cho bé trai là bar mitzvah (bar nghĩa là con trai), cho bé gái là bat mitzvah. Mitzvah có nghĩa là điều răn.
- (2) Holocaust: là cuộc diệt chủng do Đức Quốc xã tiến hành và dẫn tới cái chết của khoảng 6 triệu người Do Thái. Một số nhà sử học sử dụng định nghĩa này bao gồm cả 5 triệu nạn nhân không phải Do Thái thiệt mạng vì các cuộc thảm sát của Đức Quốc xã, đưa tổng số nạn nhân lên con số 11 triệu người.
- (3) Khoảng 45 mét.
- (4) Thị trấn Do Thái nhỏ.
- (5) Chỉ vị cứu tinh đến giải phóng dân tộc Do Thái.
- (6) Lễ Vượt Qua (hay còn gọi là lễ Quá Hải) là lễ quan trọng nhất của người Do Thái, kéo dài một tuần trong khoảng tháng 3 hoặc 4 dương lịch. Lễ được cử hành như một cuộc tưởng niệm nhằm giúp mỗi người sống lại kinh nghiệm của cha ông đã giải phóng mình khỏi ách nô lệ của Ai Cập xưa kia.
- (7) Năm 1917, ngoại trưởng Anh Arthur Balfour tuyên bố công nhận vùng đất Palestine là đất của người Do Thái.
- (8) Chỉ những cuộc thảm sát người Do Thái của Nga hoàng.
- (9) Diaspora: chỉ người Do Thái phải bỏ xứ Israel lang thang phiêu bạt kể từ thế kỷ VI trước Công Nguyên. Ở đây ý nói họ đã quay về Israel.
- (10) Ngày nghỉ hàng tuần bắt đầu trước lúc mặt trời lặn vào thứ Sáu cho đến trước khi mặt trời lặn vào thứ Bảy.
- (11) Lễ Đền tội, diễn ra vào tháng thứ 7, ngày thứ 10.
- (12) Khu chợ người Hồi giáo.
- (13) Những món ăn của người Hồi giáo.
- (14) Vì diễn ra ngay vào ngày lễ này nên nó được đặt tên như vậy.
- (15) Ở đây tác giả chơi chữ, từ gốc college còn có nghĩa lóng là nhà tù, sẽ liên quan đến phần tác giả được “thả” ra ở cuối đoạn này.
- (16) Người Do Thái được sinh ra ở Israel.
- (17) Chủ nghĩa Zion là một hình thức của chủ nghĩa dân tộc của người Do Thái và văn hóa Do Thái, ủng hộ một nhà nước quốc gia Do Thái trong lãnh thổ được xác định là vùng đất Israel. Chủ nghĩa Zion ủng hộ người Do Thái phát huy bản sắc Do Thái của họ và chống lại sự đồng hóa người Do Thái vào các xã hội khác cũng như ủng hộ việc trở lại của người Do Thái Israel, như cho người Do Thái được giải thoát khỏi sự phân biệt đối xử chống người Do Thái, trục xuất và bức hại đã xảy ra trong các xã hội khác.
- (18) Ý chỉ cánh hữu và cánh tả. Sau này tác giả nói rất nhiều về sự tồn tại song song của hai phe này trong bản đồ chính trị Israel.
- (19) Là phương pháp rút gọn dữ liệu, tìm mối liên quan giữa các biến liên tục, nhóm các biến có liên quan...
- (20) Hermann Rorschach (1884 - 1922), nhà tâm thần học, nhà phân tâm học nổi tiếng theo trường phái Freud Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng với thí nghiệm để đối tượng thí nghiệm quan sát một bức tranh có những vết dầu mực loang đối xứng. Thông qua miêu tả của đối tượng thí nghiệm về bức tranh họ liên tưởng thấy được, người ta rút ra kết luận về tính cách và những ham muốn trong vô thức của họ.
- (21) Trong trường hợp này nó có nghĩa là “ngay / chính xác là bây giờ”.
- (22) Do Thái Đông Âu.
- (23) Viết tắt của Weapon of mass destruction: Vũ khí hủy diệt hàng loạt.
- (24) Tên gọi chung cho cuộc nổi dậy của người Palestine chống người Israel.
- (25) Phỏng vấn trực tiếp Tom Segev, tháng 8 – 2005. (TG)

- (26) Phỏng vấn trực tiếp Emanuel Berman, năm 2005. (TG)
- (27) Martin Fletcher, *Walking Israel: A Personal Search for the Soul of a Nation* (Tạm dịch: Rong ruổi miền Israel: Cuộc tìm kiếm tâm hồn đất nước của một cá nhân). New York: St. Martin's Press, 2010.
- (28) Ethan Bronner, "An Israeli Novelist Writes of Pain, Private and Public," (Tạm dịch: Tiểu thuyết gia Israel viết về nỗi đau, cá nhân và công chúng), *New York Times*, 16 tháng 11, 2010.
- (29) Một loại rượu nho đỏ.
- (30) Một dòng người Do Thái hiện chiếm số đông những người Do Thái.
- (31) R. Cramer, *How Israel lost: The four questions* (Tạm dịch: Israel đã mất mát như thế nào: bốn câu hỏi). New York: Simon & Schuster, 2004.
- (32) Viết tắt của Special Weapon And Tactics: Đội chiến thuật và vũ khí đặc biệt, là một đơn vị chiến thuật ưu tú trong các cơ quan thi hành pháp luật, được đào tạo để thực hiện những nhiệm vụ nguy hiểm nằm ngoài khả năng của cảnh sát thông thường.
- (33) Ý chỉ những người cánh tả tự do, đặc biệt cảm thông và đấu tranh cho những tầng lớp thiệt thòi.
- (34) David Biale, *Power and powerlessness in Jewish history* (Tạm dịch: Quyền lực và bất lực trong lịch sử Do Thái). New York: Schocken Books, 1986, tr. 39.
- (35) Là tổ chức đầu tiên có trách nhiệm về vấn đề nhập cư và tiếp nhận người Do Thái, từ Diaspora đến Palestine.
- (36) Khoảng 27 mét.
- (37) Một tổ chức phi chính phủ tại Israel, mục tiêu phản đối và giám sát hoạt động xây dựng các khu định cư của chính quyền Israel.
- (38) Kiểu hành hình của bọn phân biệt chủng tộc Mỹ với những người da đen.
- (39) Mũ đàn ông Do Thái đội khi cầu nguyện.
- (40) Thủ tướng Rabin có một sự nghiệp quân sự lẫy lừng trước khi làm thủ tướng, ông cũng là người đồng nhận giải Nobel hòa bình cùng Shimon Peres và Yasser Arafat.
- (41) Từ gốc: sociopath, chỉ những người rối loạn nhân cách, chống đối xã hội, có những hành vi bất chấp luật pháp, tập tục, quyền lợi... của xã hội.
- (42) Thuật ngữ có ý nghĩa khác nhau trong Kinh Thánh và trong đời sống chính trị. Trong Kinh Thánh, từ này biến đổi theo thời gian, chủ yếu về vấn đề biên giới và phạm vi lãnh thổ.
- (43) Được luật pháp Israel công nhận là ban rabbi tối cao về đời sống tâm linh tôn giáo Do Thái ở Israel.
- (44) Tiếng Yiddish: Cái mộng.
- (45) C. Kluckhohn và H. A. Murray, *Personality in nature, society and culture* (Tạm dịch: Tính cách trong tự nhiên, xã hội và văn hóa), New York: Alfred Knopf, 1948.
- (46) Raphael Patai, *The Arab Mind* (Tạm dịch: Tâm thức người Ả Rập), Long Island City, N.Y: Hatherleigh Press, 2002.
- (47) Phỏng vấn trực tiếp Yaron Ezrahi, 12 tháng 8, 2005.
- (48) Theo www.jewpi.com
- (49) Từ gốc: computer worm, giống như virus nhưng sức phá hoại lớn hơn, có thể tự tái tạo.
- (50) Một hình ảnh đối lập lại với bồ câu hòa bình.
- (51) Ở đây, tác giả áp dụng thuyết về sáu cấp độ khoảng cách trong các mối quan hệ xã hội. Đây là một học thuyết chưa được chứng minh nói rằng thế giới rất nhỏ bé, bất cứ ai trên hành tinh này cũng kết nối với người khác trong một chuỗi liên kết với nhau, xa nhất là cần tới sáu mối trung gian để liên hệ được với nhau. Có thể thấy rõ hơn về thuyết này trong các mạng xã hội như Facebook, Linkdle...
- (52) David Biale, sđd, 28.
- (53) Qua nhiều vụ tàn sát, hủy diệt, nhiều người Do Thái đã cải sang đạo khác, một số người thì không.
- (54) M. Botticini và Z. Eckstein, *The chosen few: How education shaped Jewish history, 70 - 1492* (Số ít được lựa chọn: Giáo dục hình thành nên lịch sử Do Thái như thế nào, 70 – 1492). Princeton, N.J.: Princeton University, 2012.
- (55) B. Beit-Hallahmi, *Original sins: Reflections on the history of Zionism and Israel* (Tạm dịch: Tội tổ tông: Vài suy nghĩ về lịch sử chủ nghĩa Zion và Israel). Northampton, Mass: Interlink Publishing Group, 1998.
- (56) Như chú thích 53.

- (57) Tom Segev, *One Palestine, Complete: Jew and Arabs under the British mandate* (Tạm dịch: Một Palestine, trọn vẹn: người Do Thái và người Ả Rập dưới chế độ ủy trị của Anh). New York: Picador, 2001, trang 1.
- (58) Từ gốc: Mayflower, tên của một chiếc thuyền buồm chở những người theo đạo Ki tô độc lập với Anh giáo từ vùng Trung nước Anh di cư đến Hoa Kỳ để bắt đầu một cuộc sống mới vào năm 1620. Từ đó, cái tên Mayflower được coi là biểu tượng chỉ sự di dân từ châu Âu sang Hoa Kỳ. Nhiều gia đình quyền quý ở Mỹ hiện nay đều mong muốn xem xét tổ tiên mình nằm trong số những người trên con tàu đó.
- (59) Beit-Hallahmi, sđd, trang 77.
- (60) Như chú thích 57.
- (61) George Orwell, nhà văn Anh với những tác phẩm nổi tiếng như *Chuyện ở nông trại* (Animal Farm) 1984...
- (62) Theo www.jerusalemofgold.co.il.
- (63) Moshe Amirav, *Jerusalem syndrome: the Palestinian – Israeli battle for the Holy city* (Tạm dịch: Hội chứng Jerusalem: cuộc chiến Palestine – Israel giành lại thành phố Thiêng). Eastbourne: Sussex Academic Press, 2009.
- (64) Tiếng Anh: the facts on the ground.
- (65) Sergio DellaPergola, “Sergio DellaPergola vs. the author of “Voodoo Demographics”” (Tạm dịch: Sergio DellaPergola vs. tác giả cuốn “Nhân khẩu học voodoo”), Azure Online 27 (Đông năm 2007).
- (66) Cảng Jaffa.
- (67) Martin Fletcher, sđd, trang 753.
- (68) Nurit Gerzt, *Captive of a dream: National myth in Israeli culture* (Tạm dịch: Truy tìm một giấc mộng: huyền thoại dân tộc trong văn hóa Israel). Tel Aviv: Amoved publishers Ltd., 1995, bản tiếng Hebrew.
- (69) Ý nói về Sáng kiến phòng thủ chiến lược được Reagan giới thiệu vào năm 1983, bị đặt tên nhại là Chiến tranh giữa các vì sao, tên một bộ phim nổi tiếng của Mỹ, vì Reagan xuất thân là một diễn viên Hollywood. Đây là một dự án quốc phòng sẽ sử dụng các hệ thống có căn cứ trên không gian và mặt đất để bảo vệ Hoa Kỳ khỏi các cuộc tấn công bằng tên lửa hạt nhân liên lục địa chiến lược và không loại trừ sẽ được phát triển thêm phòng thủ trước khả năng tấn công từ ngoài vũ trụ.
- (70) Một thành phố cảng ở đồng bằng duyên hải miền nam Israel.
- (71) Một nhánh Do Thái giáo chính thống, còn có tên tiếng Việt là Hà Tây Đức.
- (72) Martin Fletcher, sđd, trang 753.
- (73) Một cuộc thăm hỏi gia đình họ hàng thân thiết vừa có người qua đời.
- (74) Tiếng Đức, nghĩa là “Đêm của những mảnh vỡ”, là cuộc tàn sát người Do Thái diễn ra trên hầu khắp lãnh thổ nước Đức và một phần nước Áo, xảy ra vào đêm mùng 9 rạng mùng 10 tháng 11 năm 1938 (đêm đó, những người công dân Đức được toàn quyền tra tấn, cưỡng hiếp hoặc giết người Do Thái) và diễn ra đến sáng ngày hôm sau, những mảnh vỡ kính rải rác đầy đường phố nơi có những cửa hiệu và chỗ ở của người Do Thái. Đây là khởi đầu của cuộc tàn sát chủng tộc Holocaust.
- (75) Cộng đồng người Do Thái ở Palestine tiền nhà nước Do Thái.
- (76) Tom Segev, sđd.
- (77) Chỉ những nhóm tộc người nói chung ngôn ngữ Semitic, trong đó tiếng Hebrew, tiếng Ả Rập.
- (78) Avner Falk, *Fratricide in the Holy Land: A psychoanalytic view of the Arab – Israeli conflict* (Tạm dịch: Huynh đệ tương tàn trên Đất Thánh: xung đột Ả Rập – Israel nhìn từ phân tâm học). Madison WI: University of Wisconsin Press, 2010.
- (79) Martin Fletcher, sđd, trang 635.
- (80) Yael S. Feldman, *Glory and Agony: Isaac’s Sacrifice and National Narrative* (Tạm dịch: Vinh quang và đau đớn: Sự hi sinh của Isaac và câu chuyện dân tộc). Stanford, Calif.: Stanford University Press, 2010.
- (81) Hãng hàng không lớn nhất của Israel.
- (82) Nhà tư bản, nhà đầu tư, nhà bất động sản, ngôi sao truyền hình và là người viết sách nổi tiếng ở Mỹ, hiện đang chạy đua vào chức Tổng thống Mỹ. Trong tay ông hiện có nhiều tòa cao ốc nổi tiếng ở Mỹ.

- (83) Tạm dịch: Kinneret của tôi. Kinneret là tên biển hồ Galilee.
- (84) Nằm phía tây nam nước Đức, được bao bọc phía tây và nam bởi thung lũng sông Rhine.
- (85) Thành phố của Áo, nổi tiếng với những khu phố cổ và những núi được xếp hạng di sản thiên nhiên thế giới.
- (86) E. Ben-Ari và Y. Bilu, Grasping land: Space and place in contemporary Israeli discourse and experience (Tạm dịch: Vùng đất ham hố: Không gian và nơi chốn trong diễn ngôn và trải nghiệm của người Israel). Albany, N.Y.: State University of New York Press, 1997.
- (87) Israel Vĩ đại hơn.
- (88) Sidra DeKoven Erzahi, “To what shall I compare you?: Jerusalem as ground zero of the Hebrew imagination” (Tạm dịch: Ta sẽ so sánh người là gì: Jerusalem như là mảnh đất hoang vu trong trí tưởng tượng Hebrew.). PLMA 122, số 1, (Tháng 1 năm 2007).
- (89) Avner Falk, sdd.
- (90) H. Kohut, The analysis of the self (Tạm dịch: Phân tích bản thân). New York: International Universities Press, 1971.
- (91) Sidra DeKoven Erzahi, sdd.
- (92) Hay còn được viết là Judah Halevi (1075 - 1141): nhà thơ, nhà vật lý học Do Thái người Tây Ban Nha.
- (93) Hayyim Nahman Bialik (1873 - 1934): nhà thơ Do Thái, được coi là nhà thơ của dân tộc Israel.
- (94) Gershon Rivlin, The Temple Mount is in our hand: Report from general Motta Gur (Tạm dịch: Núi Đền trong tay chúng ta: Báo cáo của tướng Motta Gur). Tel Aviv: Maarachot, 1973, trang 317, tiếng Hebrew.
- (95) Y. Erzahi, Rubber bullets: Power and conscience in modern Israel (Tạm dịch: Đạn cao su: Sức mạnh và ý thức trong Israel hiện đại). Berkeley: University of California press, 1998.
- (96) L. Eisenberg, Traditions and transition in Israel studies (Tạm dịch: Truyền thống và sự dịch chuyển trong nghiên cứu Israel). Albany: State University of New York press, 2003.
- (97) Theo www.jewpi.com.
- (98) Tên tiếng Anh: bipolar disorder hay manic-depressive disorder: Người bị chứng này có lúc “high” (manic) nghĩa là vui vẻ quá mức; và có lúc “low” (depression) nghĩa là buồn rầu đến mức tê liệt cơ thể. Ý nghĩ, cách làm việc, xử sự bất thường... nằm ngoài sự kiểm soát của người bệnh và thường gây ra những khó khăn trong công việc cũng như giao tiếp bình thường. Trạng thái “vui” nếu không được chữa trị sẽ trở thành tình trạng hoang tưởng (psychotic).
- (99) Tom Segev, The seventh million: the Israelis and Holocaust (Tạm dịch: 7 triệu: người Israel và Holocaust). New York: Picador, 2000.
- (100) Anwar Sadat (1918 – 1981): Tổng thống thứ ba của Ai Cập (1970 – 1981).
- (101) Nhà tâm lý học nổi tiếng sinh ở Áo năm 1913, mất năm 1981.
- (102) B. Susser và C. Liebman, Choosing Survival: strategies for a Jewish future (Tạm dịch: Lựa chọn sống sót: những chiến lược cho một tương lai Do Thái). Oxford: Oxford University press, 1997.
- (103) David Grossman, To the end of the land (Tạm dịch: Nơi tận cùng của đất). New York: Knopf, 2010, trang 376.
- (104) Israel Defense Forces: Lực lượng quốc phòng Israel.
- (105) Liên thể ái kỷ (narcissism continuum) đi từ khỏe mạnh đến ổn định, rồi hủy diệt và cuối cùng là bệnh lý.
- (106) T. Friedman, From Beirut to Jerusalem (Từ Beirut đến Jerusalem). New York: Anchor Books, 1990, trang 126.
- (107) Tom Segev, One Palestine, complete.
- (108) Trên đường chạy trốn khỏi Ai Cập, người Do Thái bị những chiến binh Amalek chặn đánh.
- (109) Tom Segev, One Palestine, complete, trang 292.
- (110) Tom Segev, One Palestine, complete, trang 291.
- (111) N. Gertz, Myth in Israel: Captive of a dream (Tạm dịch: Huyền thoại ở Israel: truy lĩnh một giấc mơ). Portland, Ore: Vallentine Mitchell, 2000.
- (112) Một cuộc thăm sát người Do Thái dưới thời Nga hoàng.
- (113) Tom Segev, One Palestine, compete, trang 325.
- (114) Oz Almog, The sabra: the creation of New Jew (Tạm dịch: Sabra: Người Do Thái mới).

Berkeley: University of California press, 2000.

(115) O. Grossbard, Israel on the couch: the psychology of the peace progress (Tạm dịch: Israel trong phòng mạch: tâm lý trong tiến trình hòa bình). New York: State University of New York press, 2000.

(116) Nguyên văn: shoot the messenger (giết người đưa tin), một thành ngữ chỉ việc đổ lỗi cho người đưa tin xấu chứ không phải là người gây ra lỗi.

(117) Esther là hoàng hậu người Do Thái của vua Ba Tư Ahasuerus. Câu chuyện về việc bà đã cứu dân tộc Do Thái là nền tảng cho một lễ hội truyền thống của người Do Thái, lễ Purim. Ngày mà kẻ thù dự định tuyệt diệt dân Do Thái được lấy làm ngày lễ Purim nhằm tưởng nhớ bà.

(118) Y. Erzahi, Rubber Bullets.

(119) B. Beit-Hallahmi, sđd.

(120) Báo Jerusalem Post, 31 tháng năm, 2010.

(121) Yael Shilo, phỏng vấn trực tiếp.

(122) Pogrom là một cuộc nổi loạn bạo lực nhằm để khủng bố hay tàn sát một nhóm dân tộc hay nhóm người theo đạo thiểu số, đặc biệt là nhằm vào người Do Thái.

(123) Amos Oz, A tale of love and darkness (Tạm dịch: Chuyện tình và bóng tối). New York: Harcourt, 2003, trang 14..

(124) Kibbutz theo tiếng Do Thái có nghĩa là “tổ hợp” - một hình thức tổ chức kinh tế nông - công nghiệp nông thôn độc nhất vô nhị trên thế giới đang tồn tại ở Israel.

(125) Một người học, người tập sự trong ngôi trường Do Thái chính thống giáo.

(126) Amos Oz, sđd, trang 485.

(127) A. Falk, sđd, trang 247.

(128) Gideon Levy, “A (second) passport for every worker” (Tạm dịch: Hộ chiếu (thứ hai) cho mọi công nhân), Haaretz, 2 tháng Sáu, 2011. Tiếng Hebrew.

(129) Nguyên là một pháo đài cổ xưa của người Do Thái nằm ở phía tây nam Biển Chết, nay thuộc lãnh thổ Israel. Pháo đài nằm trên vùng đất cao, vách đá thẳng đứng.

(130) Y. Kaniuk, Adam Ben Kelev. Tel Aviv: Sifriat Poalim, 1969. Tiếng Hebrew.

(131) Richard Strauss (1864 - 1949): Nhà soạn nhạc giao hưởng nổi tiếng người Đức.

(132) Ở đây chúng tôi dùng cách cấu tạo từ như Hán gian, Việt gian.

(133) Tom Segev. The seventh million, trang 4.

(134) Một loại thuốc gây ảo giác.

(135) Ka-Tzetnik, Tzofan-Edma. Bnei Brak, Israel: Hakibbutz Hameuchad, 1987, trang 25-26. Tiếng Hebrew.

(136) Tom Segev, The seventh million, trang 196.

(137) H. Yablonka, The state of Israel vs. Adolf Eichmann (Tạm dịch: Nhà nước Israel và Adolf Eichmann). Tel Aviv: Yediot Ahronot, 2001, trang 49-59. Tiếng Hebrew.

(138) Tom Segev, The seventh million, trang 117.

(139) Như chú thích 146, trang 97-98.

(140) Ý chỉ Đêm kính vỡ.

(141) Khái niệm trong triết học và nghệ thuật, là tác động mang tính cảm xúc của bi kịch đối với người xem, thông qua nỗi lo sợ và thương cảm mà bi kịch này sinh ra những tác động thanh lọc tâm hồn, tinh thần con người.

(142) G. Hausner, The Jerusalem Trial (Tạm dịch: Vụ xét xử tại Jerusalem). Tel Aviv: Beit Lohamei Hagevaot và Hakinnutz Hameuchad, 1980, trang 245, 327.

(143) H. Guri, Facing the glass booth: the Jerusalem trial (Tạm dịch: Đối mặt trong buồng kính: Vụ xét xử tại Jerusalem). Tel Aviv: Hakibbutz Hameuchad, 1962, trang 73.

(144) H. Yablonka và O. Cummings, Survivors of the Holocaust: Israel after the war (Tạm dịch: Những nạn nhân sống sót của vụ Holocaust: Israel sau chiến tranh). New York: New York University press, 1999.

(145) Một hoạt động ở trường cho trẻ. Trẻ mang đến lớp một đồ vật và kể chuyện về nó.

(146) Nghi lễ đánh dấu sự thay đổi địa vị xã hội có trong nhiều tôn giáo, ở đạo Do Thái có thể là lễ Bar Mitzvah.

(147) D. Grossman, “The carrier pigeon of the Holocaust” trong Death as a way of life (Tạm dịch: Bò câu đưa thư trong Holocaust; Chết như là một cách sống). Tel Aviv: Hakibbutz Hameuchad, 2003,

trang 23. Tiếng Hebrew.

(148) Steven Erlanger, “New museum, putting a human face on the Holocaust, opens in Israel” (Tạm dịch: Bảo tàng mới trưng bày những khuôn mặt người trong Holocaust, mở cửa ở Israel). New York Times, 16 tháng ba, 2005, A1.

(149) Yaron London, phỏng vấn trực tiếp, 2014.

(150) Yoram Kaniuk, 1948. Tel Aviv: Miskal – Yedioth Ahronoth Books và Chemed Books, 2010, trang 25. Tiếng Hebrew.

(151) Hannah Arendt, Eichmann in Jerusalem (Tạm dịch: Eichmann ở Jerusalem). New York: Penguin Books, 1994, trang 118.

(152) Tom Segev, The seventh million, trang 196.

(153) D. Ben-Gurion, The reviewed state of Israel (Tạm dịch: Nhà nước Israel mới). Tel Aviv: Am Oved, 1969, trang 546.

(154) Avraham Shapira, The seventh day (Tạm dịch: Ngày thứ bảy). London: Andre Deutsch, 1970, trang 160.

(155) Tom Segev, The seventh million, trang 392.

(156) D. Bar-On và O. Selah, “The vicious circle between relating to reality and relating to the Holocaust among young Israelis” (Tạm dịch: Vòng luẩn quẩn giữa liên hệ với thực tế và với Holocaust trong giới trẻ Israel), báo cáo nghiên cứu. Beer Sheva, Israel: Ben-Gurion University, Khoa Nghiên cứu hành vi, 1990, trang 39.

(157) Y. Oron, Jewish – Israeli identity (Tạm dịch: Danh tính Do Thái – Israel). Tel Aviv: Kibbutz College School of Education, 1992, trang 58.

(158) Gideon Alon, “Begin: If Iraq tries again to build a nuclear reactor, we will act against it” (Tạm dịch: Begin: Nếu Iraq cố xây dựng nhà máy phản ứng hạt nhân một lần nữa, chúng ta sẽ ra tay ngăn chặn), Haaretz, 10 tháng 6 năm 1981, trang nhất.

(159) Trại hủy diệt của Đức Quốc xã ở Ba Lan.

(160) Trích dẫn trong The seventh million của Tom Segev.

(161) D. Grossman, “The carrier pigeon of the Holocaust”, trang 22.

(162) O. Grosbard, Israel on the couch, trang 35.

(163) Arendt, Eichmann in Jerusalem.

(164) Ghetto: Là từ để mô tả khu vực mà người Do Thái buộc phải sống.

(165) Bar-Yosef Yehoshua, “On the Kfar Kassem Incident” (Tạm dịch: Tại sự kiện Kfar Kassem), Davar, 18 tháng 12, 1956, trang 2. Trích dẫn trong The seventh million của Tom Segev.

(166) Sự kiện diễn ra vào ngày 16/9/1982.

(167) D. Rabikowitz, “You dont kill a baby twice” (Tạm dịch: Bạn không giết hai lần một đứa trẻ), True love. Tel Aviv: Hakibbutz Hameuchad, 1987, trang 64.

(168) Amos Oz, “Mr. Prime Minister, Hitler is already dead” (Tạm dịch: Thưa ngài thủ tướng, Hitler đã chết rồi), Yediot Ahronot, 21 tháng Sáu, 1982, trang 6. Tiếng Hebrew.

(169) Tom Segev, The seventh million, trang 401.

(170) Luật chống người Do Thái, được toàn Đại hội biểu quyết, ra đời trong Đại hội Đảng thường niên của Đảng Đức Quốc xã năm 1935 tại thành phố Nuremberg, tuyệt đối cấm người gốc Do Thái không được mang quốc tịch Đức, tuyệt đối cấm những liên hệ hôn phối hay tình cảm giữa người gốc Do Thái và người chủng tộc “Aryens” (người Đức thuần giống).

(171) Bar-On và Selah, sđd.

(172) Tom Segev, The seventh million, trang 4.

(173) Hành hình kiểu Lincol: Kiểu hành hình man dợ, tàn ác đối với những người da đen châu Mỹ, từng kéo dài khắp các bang của nước Mỹ.

(174) Theo www.haaretz.co.il.

(175) Từ cảm thán, nguồn gốc tiếng Yiddish, tương đương với Chúa ơi, Trời ơi.

(176) Từ cảm thán, tiếng Yiddish, tương đương với Mẹ kiếp, Chó chết.

(177) D. Rosenblum, Israeli Blues (Tạm dịch: Những nỗi buồn Israel). Tel Aviv: Am Oved, 1998, trang 95. Tiếng Hebrew.

(178) Dina Porat, An Entangled leadership: the Yishuv and the Holocaust 1942 – 1945 (Tạm dịch: Lãnh đạo lúng túng: Yishuv và Holocaust 1942 - 1945). Tel Aviv: Am Oved Publishers, 1987, trang

65 – 66. Tiếng Hebrew.

(179) Judd Ne'eman, "The tragic sense of Zionism: Shadow cinema and the Holocaust" (Tạm dịch: Cảm thức bi kịch về chủ nghĩa Phục quốc Do Thái: Shadow Cinema và Holocaust), Shofar: An Interdisciplinary journal of Jewish studies 24, số 1, (Thu năm 2005) trang 22 – 36.

(180) Daniel Boyarin, Unheroic conduct: the rise of heterosexuality and the invention of the Jewish man (Tạm dịch: Thử tìm hiểu sự nổi dậy của chứng dị tính luyến ái và phát minh của người Do Thái). Berkeley: University of California press, 1997. Raz Yosef, Beyond flesh: Queer masculinities and nationalism in Israeli cinema (Tạm dịch: Vượt ngoài xác phàm: Tính nam kỳ quặc và chủ nghĩa dân tộc trong điện ảnh Israel). New Brunswick, N.J., và London: Rutgers University press, 2004

(181) Y. Kaniuk, Adam Ben Kelev, trang 177.

(182) Adi Hagin, "Israelis in Germany: Choosing to live in a country with an awful history, but where you can survive" (Tạm dịch: Những người Israel ở Đức: Chọn sống ở một đất nước với lịch sử khủng khiếp nhưng lại là nơi có thể tồn tại), Markerweek, 9 tháng Tám, 2011. Tiếng Hebrew.

(183) Don Handelman, Models and mirrors: towards an anthropology of public events (Tạm dịch: Mẫu và gương: theo một thuyết nhân chủng học về những sự kiện đại chúng). Cambridge, Anh: Cambridge University press, 1990.

(184) Từ tiếng Anh: the unthought known, là thuật ngữ tâm lý học được nhà tâm lý Christopher Ballos sử dụng lần đầu tiên năm 1987.

(185) Y. Ezrahi, Rubber bullets.

(186) Yehuda Elkana, "For forgetting" (Tạm dịch: Để mà quên), Haaretz, 2 tháng Ba, 1998. Tiếng Hebrew.

(187) Tom Segev, The seventh million, trang 504.

(225) Tom Segev, 1967, Israel, the war and the year that transformed the Middle East (Tạm dịch: 1967, Israel, chiến tranh và một năm rung chuyển Trung Đông). New York: Metropolitan Books, Henry Holt, 2005, trang 494.

(226) Như chú thích 240, trang 501.

(227) Ethan Bronner và Isabel Kershner, "Israel facing a seismic rift over role of women" (Tạm dịch: Người Israel đang phải đối mặt với một cơn chấn động chôn vùi vai trò của phụ nữ), New York Times, 14 tháng Một, 2012.

(228) Luật tôn giáo của người Do Thái.

(229) Yael S. Feldman, Glory and Agony.

(230) Tiếng Aram: Việc trời.

(231) A. B. Yehoshua, "From myth to history" (Tạm dịch: Từ huyền thoại đến lịch sử), AJS review, 28 tháng Một, 2004, trang 210.

(232) Là người Israel thời xưa, phân biệt với Israel hiện đại.

(233) Feldman, Glory and Agony, trang 141.

(234) Haim Be'er, "Haesh Vahaetzim", Al Tishlah Yadkha el Hana'ar. Jerusalem: Keter, 2002, trang 11. Tiếng Hebrew.

(235) Jeffrey Goldberg, "Among the Settlers: Will they destroy Israel?" (Tạm dịch: Người định cư: Họ sẽ tiêu diệt Israel?), New Yorker, 31 tháng Năm, 2004.

(236) Evyatar Banai, "Avot Ubanim", NMC Music Ltd., 1997. Tiếng Hebrew.

(237) Sigmund Freud, "Remembering, repeating and working-through" (Tạm dịch: Nhớ, lặp lại và giải quyết), Standard edition of the complete psychological works of Sigmund Freud. London: Hogarth press, 1953 – 74, 12, trang 147 – 56.

(238) Falk, Fratricide in the Holy Land, trang 19.

(239) T. Friedman, www.nytimes.com.

(240) D. Grossman, Death as a way of life, trang 41.

(241) Avener Falk, Moshe Dayan, the man and the legend: a psychoanalytical biography (Tạm dịch: Moshe Dayan, con người và huyền thoại: tiểu sử phân tâm học). Tel Aviv: Sifriyat Maariv, 1985. Tiếng Hebrew.

(242) Feldman, Glory and Agony, 145.

(243) Tri thức hóa là một trong những cơ chế phòng vệ tâm lý theo quan điểm của Freud, là quá trình chủ thể tách cảm xúc của bản thân ra khỏi một vấn đề nào đó và tập trung vào trên phương diện tri

- thức, hiểu biết về vấn đề đó thay vì là tập trung vào thực tế. Trí thức hóa bảo vệ bản thân chống lại sự lo âu bằng cách ngăn chặn những cảm xúc có liên quan đến vấn đề mà chúng ta đang đối mặt.
- (244) Meduzot, kịch bản và đạo diễn: Etgar Keret. Tel Aviv: Lama Films, 2007.
- (245) Trong Do Thái giáo, từ này chỉ Chúa, dịch nguyên nghĩa là Danh Chúa.
- (246) Joseph Hodara, “Does Israel have a future? In-depth and clear” (Tạm dịch: Phân tích sâu sắc và sáng tỏ: Israel có một tương lai?), Haaretz, 20 tháng hai, 2012. Tiếng Hebrew.
- (247) R. Patai, The Arab Mind (Tạm dịch: Tâm thức Ả Rập). Long Island City, N. Y.: Hatherleigh press, 2002.
- (248) A. Falk, Fratricide in the Holy Land. O. Grosbard, Israel on the couch. Mira M. Sucharov, The international self: psychoanalysis and the search for Israeli – Palestinian peace (Tạm dịch: Bản ngã phổ quát: phân tâm học và cuộc kiếm tìm hòa bình Israel – Palestine). Albany: State University of New York press, 2006.
- (249) Kẻ địch thời xưa của người Do Thái ở nam Israel.
- (250) Sei Rachlevsky, “Netanyahu Must Not Demolish the Strategic Alliance with U.S.” (Tạm dịch: Netanyahu không được xóa sổ liên minh chiến lược với Mỹ), Haaretz, 21 tháng Hai, 2012.
- (251) Ethan Bronner, “Israel Senses Bluffing in Iran’s Threats of Retaliation” (Tạm dịch: Israel cảm thấy chuyện lừa gạt trong những cơ trả đũa của Iran), New York Times, 26 tháng Một, 2012.
- (252) Thomas Friedman, “Bibi and Barack, the Sequel” (Tạm dịch: Bibi và Barack, tiếp theo), New York Times, 3 tháng 12, 2013, www.nytimes.com.
- (253) Jeffrey Goldberg, “The crisis in US – Israel relations Is officially here,” (Tạm dịch: Khủng hoảng Mỹ - Israel chính thức là ở đây), Atlantic, 28 tháng 10, 2014, www.theatlantic.com.
- (254) Meron Benvenisti, Intimate Enemies: Jews and Arabs in a Shared Land (Tạm dịch: Những kẻ thù thân thiết: Người Do Thái và người Ả Rập ở đất Shared). Berkeley: University of California press, 1995. Shmuel Rosner, “The one-state problem” (Tạm dịch: Vấn đề một nhà nước), New York Times, 6 tháng ba, 2012, latitude.blogs.nytimes.com.
- (255) Abba Eban (1915 – 2012): nhà ngoại giao, chính trị gia của Israel.
- (256) Tên gọi khác của hiệp định Oslo.
- (257) Sucharov, International Self.
- (258) Thomas L. Friedman, “Lessons from Tahrir Square” (Tạm dịch: Bài học từ quảng trường Tahrir), New York Times, 24 tháng Năm, 2011.
- (259) Jeffrey Goldberg, “Goldblog is a pro - J Street Blog” (Tạm dịch: Goldblog thân với J Street blog), Atlantic, 28 tháng Ba, 2011.
- (260) Peter Beinart, The Crisis of Zionism (Tạm dịch: Khủng hoảng chủ nghĩa Phục quốc Do Thái). New York: Times Books, Henry Holt, 2012.
- (261) Theodore Sasson, The New American Zionism (Tạm dịch: Tân chủ nghĩa Do Thái Mỹ). New York và London: New York University Press, 2014.
- (262) Là cơ chế tâm lý con người có xu hướng làm ngược lại những điều được yêu cầu.
- (263) Roger Cohen, “The Goldstone Chronicles” (Tạm dịch: Biên niên sử Goldstone), New York Times, 7 tháng Tư, 2011.
- 1\ Các chữ hàu triều Chu chia ra các tước vị Công, Hầu, Bá, Tử, Nam. Công tước là chữ hàu thứ nhất
- 1\ Những Di: Bài xích, đánh các dân tộc Di; Những là đánh.
- 1\ Sào: ổ, nhà ở của người nguyên thủy.
- 2\ Toại là dụng cụ lấy lửa. (Chú ý: tất cả các chú thích trong sách này đều là của người biên soạn).
- 1\ Đông đạo, đông đạo chủ: Người chủ bữa tiệc, người thết khách.
- 1\ “Trong ba người cùng đi đường, tất sẽ có người làm thầy của ta đó”, “Ôn cái cũ biết được cái mới”. “Biết thì nói biết, không biết thì nói là không biết, thế mới là biết!”
- 2\ “Có và không đối lập nhau mà sinh ra, khó và dễ đối lập với nhau mà hình thành, dài và ngắn đối lập nhau mà thể hiện ra, cao và thấp đối lập với nhau mà tồn tại”. “Tai họa ư? Hạnh phúc kẻ sát bên cạnh nó. Hạnh phúc ư? Tai họa tàng ẩn ở bên trong nó”.
- 3\ Cai trị (dân chúng) phải thuận theo tự nhiên.
- 4\ Không biết gì và chẳng muốn nói gì.
- 1\ Chế độ tinh điền: trong xã hội nô lệ Trung Quốc, chủ nô phân chia ruộng đất thành những ô vuông hình chữ tinh (là cái giếng) để dễ bề trông coi nô lệ lao động.

1\ Khách Khanh: chức quan người nước ngoài.

1\ Ảnh Đô: Nay thuộc phía Bắc huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc, là thủ đô của nước Sở.

1\ Trong Tam Tự Kinh Vương Ứng Lâm đời Tống có câu: “Đầu huyền lương, Chùy thích cổ bì bất giáo, tự cần khô” nghĩa là Tôn Kinh treo đầu lên xà nhà (để học) Tô Tần lấy dùi đâm vào dùi (để học), người ta không được đi học mà vẫn chăm chỉ chuyên cần (tự học). Cổ đây có nghĩa là dùi.

1\ Đàn sắt: loại đàn cổ có 16 dây và 25 dây.

1\ Bảo Bình Khẩu: Nghĩa là Miệng bình quý

1\ Doanh Chính: Doanh là thắng lợi, là giành được, Doanh chính là giành được chính quyền.

1\ Trúc: loại đàn cổ có 13 dây, giống đàn tranh, dùng thước tre đánh vào dây phát ra âm thanh.

1\ Chữ tinh có nghĩa là cái giếng, ô đất ở giữa là của chủ nô phong kiến, 8 ô đất xung quanh là của nông nô, tá điền.

1\ Hoàng Lão chi học: Chi học thuyết của Lão Tử (Trang Tử).

2\ Vô vi nhi trị: cai trị dân chúng thuận theo lẽ tự nhiên.

1\ Cưỡi ngựa, bắn tên, ăn mặc như người Hồ, biến việc đánh nhau bằng xe là chính, đổi thành cưỡi ngựa tác chiến là chính. Xem Triệu Ung - hồ phục kỳ xạ, tr 175 đến tr.185, Mưu Lược Gia, tập 5 (Quân sự mưu lược gia). Nxb Công An nhân dân, Hà Nội, 1999. Dương Thu ái biên dịch.

(*) Danh thơm thường được dùng để chỉ tên của các cô gái trẻ, Tam Sinh bắt chước các chàng công tử trong sách nên mới hỏi như vậy.

(**) Hắc Bạch Vô Thường: Theo truyền thuyết dân gian Trung Quốc, Vô Thường là quỷ, vì vậy còn gọi là Quỷ Vô Thường, Quỷ Vô Thường lại có hai loại: Hắc Vô Thường và Bạch Vô Thường. Nhiệm vụ của Hắc Bạch Vô Thường là bắt giữ các linh hồn, tước đi sinh mệnh con người, đem linh hồn của con người xuống âm phủ, chờ Diêm Vương xử lý.

(*) Môi tình đồng tính.

(*) Câu này nguyên văn là phân vượn thôi, trong tiếng Trung phân vượn đồng âm với từ duyên phận nên nó cũng được sử dụng với nghĩa duyên phận, nhưng với sắc thái giễu cợt, đùa cợt. (N. d)

(*) Trong tiếng Trung, “bach tửu” (rượu trắng) và “Bạch Cử” đồng âm. (N. d)

(*) Thất khiếu: gồm hai tai, hai mắt, hai lỗ mũi và miệng. (N. d)

(*) Bồ tát Địa Tạng: Một vị Bồ tát chuyên cứu độ sinh linh trong địa ngục và trẻ con chết yểu. Có khi Bồ tát Địa Tạng cũng được xem là Bồ tát chuyên cứu giúp người lữ hành phương xa.

(*) Thư viện là một hình thức tổ chức giáo dục ở địa phương, xuất hiện vào thời Đường, phát triển ở thời Tống, lúc đầu chỉ do người dân tự thành lập, sau có sự tham gia của triều đình.

(*) Trong thời cổ, đàn ông tròn hai mươi tuổi mới được coi là đã trưởng thành.

(*) Đốt đàn nấu hạc: Lấy đàn làm củi, nấu chim hạc làm đồ ăn, ý nói phá hoại cái đẹp.

(*) Vợ ta.

(*) Giám sát việc hành hình.

Lá oregano: là một loại lá gia vị mà người Ý hay dùng trong chế biến bánh pizza, spaghetti hoặc làm nước xốt cà chua. (ND)

Air Force One là chuyên cơ dành riêng cho các chuyến công du của tổng thống Mỹ. (ND)

Yo hablo español: Bạn phải học tiếng Tây Ban Nha.

SUV: Kiểu xe thể thao đa chức năng, có thể vượt những địa hình xấu.

Trò chơi mà mọi người bày ghế thành vòng tròn, sau đó vừa di chuyển xung quanh vừa nhảy theo nhạc, đến khi nhạc dừng thì mọi người phải ngồi vào ghế, ai không kịp ngồi mà bị người khác tranh mất hết ghế thì bị loại.

Những đoạn phim thô, chưa qua chỉnh sửa; hoặc ở đây có thể hiểu là những buổi xem và nhận xét về những đoạn phim đó. Chúng được gọi như vậy là do trong quá trình làm phim, vào cuối ngày, những cảnh quay trong ngày sẽ được tập hợp, chèn thêm âm thanh, rồi in lên phim để hôm sau cho đạo diễn và các thành viên trong đoàn làm phim xem.

Loại khóa gồm hai dải băng, một dải chứa hàng nghìn cái móc li ti, một dải chứa hàng nghìn vòng tròn cũng nhỏ không kém. Khi ghép hai dải băng này lại, móc sẽ gắn vào vòng tạo nên một cơ chế giữ hết sức chắc chắn nhưng vẫn rất dễ gỡ ra. Nó xuất hiện trên rất nhiều loại đồ dùng như quai giày, cặp xách, v.v...

Nhân vật người mẹ trong phim hoạt hình Gia đình siêu nhân.

Nhân vật người con trai út trong phim hoạt hình Gia đình siêu nhân.

Disney's Nine Old Men: những nhà làm phim hoạt hình chủ chốt của Walt Disney, đã tạo ra nhiều bộ phim hoạt hình kinh điển của Disney như Nàng Bạch Tuyết và bảy chú Lùn, Người đẹp ngủ trong rừng, Pinocchio v.v... Cái tên này do chính Walt Disney đặt cho họ.

Viết tắt của kindergarten, tức là mầm non, dành cho trẻ từ 4-6 tuổi

Multi-plane camera: một loại máy quay đặc biệt có khả năng tạo ra hiệu ứng không gian ba chiều trong phim hoạt hình, trái ngược với những bức vẽ hai chiều được dùng để sản xuất phim hoạt hình truyền thống.

Ingmar Bergman (1918-2007) là đạo diễn nổi tiếng của Đức, được gọi là “người đưa các cơn chấn thương của chúng ta lên màn ảnh”. Các bộ phim của ông có vai trò và ảnh hưởng vô cùng lớn đối với đời sống văn hóa phương Tây thời điểm đó.

1. H. Kaback, “Felix Rohatyn: Thước đo các ban lãnh đạo thời nay,” Giám đốc và ban điều hành, Xuân 2003, trang 20.

2. F. Kocourek, C. Burger và B. Richard, “Quản trị tập đoàn: sự thật cay đắng về hành vi ôn hòa,” Chiến lược và kinh doanh, năm 2003, 30, 60. (Chiến lược và kinh doanh do Booz Allen Hamilton xuất bản.)

3. J. Hill và T. Dalziel, “Ban giám đốc và hiệu suất công ty,” Báo cáo Học viện Quản trị, tháng 07/2003, trang 385.

4. Lucier, R. Schuyt và J. Handa, “Hiểm họa đằng sau sự quản lý tốt,” Chiến lược và Kinh doanh, năm 2004, 35, 3.

5. Khảo sát Ban điều hành USC/Mercer Delta năm 2003, 2004 (New York: Mercer Delta Consulting, năm 2004, 2005).

6. J. W. Lorsch và D. Nadler, Báo cáo của Ủy ban Ruy-băng Xanh NACD về Bộ máy Lãnh đạo (Washington, D.C.: Hiệp hội Các Ban điều hành Tập đoàn Quốc gia, năm 2004).

7. D. A. Nadler, “Từ lễ nghi đến công việc thật sự: Ban điều hành – một đội ngũ,” Giám đốc và ban điều hành, Hè 1998, trang 28-31.

8. J. A. Sonnenfield, “Điều làm nên các ban lãnh đạo tuyệt vời,” Harvard Business Review, tháng 09/2002, trang 106.

9. D. A. Bailey và W. E. Knepper, Trách nhiệm của giám đốc và cán bộ doanh nghiệp (Dayton, Ohio: Matthew Bender & Co., năm 2002).

1. Chỉ số Ban lãnh đạo Spencer Stuart: Xu thế và hoạt động của ban điều hành tại các tập đoàn Hoa Kỳ khổng lồ (Chicago: Spencer Stuart, năm 2004), trang 7.

2. A. Raghavan, “CEO nói ‘Không’ với ban lãnh đạo,” Wall Street Journal, tháng 01/2005, trang B1.

3. M. Schroeder, “Cải cách doanh nghiệp: Năm đầu tiên: Hãy sống sạch, làm giàu không dễ – giới chỉ trích cho rằng Luật Sarbanes-Oxley đã gây khó dễ cho thị trường chứng khoán, đóng băng sự mạo hiểm, nhưng hiệu quả lại không xứng đáng,” Wall Street Journal, ngày 22/07/2003, trang C1.

4. E. Dash, “Kỳ vọng lớn dành cho các giám đốc (và cái giá phải trả),” New York Times, ngày 04/04/2004, trang C10.

5. Chỉ số Ban lãnh đạo Spencer Stuart, năm 2004, trang 7.

1. Chỉ số Ban lãnh đạo Spencer Stuart: Xu thế và hoạt động của ban điều hành tại các tập đoàn Hoa Kỳ khổng lồ (Chicago: Spencer Stuart, năm 2000), trang 14.

2. J. R. Engen, “Thời hoàng kim của giám đốc danh dự,” Thành viên Lãnh đạo Doanh nghiệp, tháng 01-02/2005, 8(1), 30-32.

3. Hội nghị ủy ban lãnh đạo về lòng tin công chúng và doanh nghiệp tư nhân (New York: Hội nghị Ban điều hành, năm 2003), trang 21.

1. Phân tách vai trò CEO/chủ tịch (Portland, Me.: Thư viện Doanh nghiệp, tháng 03/2004.)

<http://www.thecorporate-library.com/Governance-Research/spotlight-topics/spotlight/boardsanddirectors/SplitChairs2004.html>. Cập nhật tháng 03/2005.

2. C. Lucier, R. Schuyt và J. Handa, “Hiểm họa đằng sau sự quản lý tốt,” Chiến lược và Kinh doanh, năm 2004, 35, 3. (Chiến lược và kinh doanh do Booz Allen Hamilton xuất bản.)

1. M. Millstein, “Quy trình quản trị tự điều chỉnh,” Giám đốc và ban điều hành, Xuân 2003, trang 26-31.

2. Chỉ số Ban lãnh đạo Spencer Stuart: Xu thế và hoạt động của ban điều hành tại các tập đoàn Hoa Kỳ khổng lồ (Chicago: Spencer Stuart, năm 2000), trang 30.

1. D. A. Nadler, “Từ lễ nghi đến công việc thật sự: Ban điều hành – một đội ngũ,” Giám đốc và ban điều hành, Hè 1998, trang 28-31.
2. D. A. Nadler, “Xây dựng bộ máy điều hành vững mạnh,” Harvard Business Review, trang 102-111.
3. J. A. Sonnenfield, “Điều làm nên các ban lãnh đạo tuyệt vời,” Harvard Business Review, tháng 09/2002, trang 106.
4. M. Langely, “Những ngày huyền não cuối cùng của chủ tịch AIG sau 37 năm cai trị,” Wall Street Journal, ngày 01/04/2005, trang 1.
5. K. M. Eisenhart, “Chiến thuật ra quyết định chiến lược,” Sloan Management Review, Xuân 1999, trang 65-72.
1. J. Slywotzky và D. J. Morrison, Các hình mẫu lợi nhuận (New York: Times Business, 1999).
2. Hội nghị ủy ban lãnh đạo về lòng tin công chúng và doanh nghiệp tư nhân (New York: Hội nghị Ban điều hành, năm 2003), trang 9.
3. D. A. Nadler, Quán quân thay đổi (San Francisco: Jossey-Bass, năm 1998).
4. P. Plitch, “Đã sẵn sàng chưa?” Wall Street Journal, ngày 24/02/2003, trang R3; J. S. Lublin, “Lợi ích nhiều, trách nhiệm lớn,” Wall Street Journal, ngày 24/02/2003, trang R4.
1. S. Craig and K. Brown, “Schwab Ousts Pottruck nhậm chức CEO,” Tạp chí Phố Wall, ngày 21/07/2004, trang A1.
2. J. A. Conger, E. E. Lawler III, và D. L. Finegold, “Giữ vững trách nhiệm lãnh đạo,” Động lực tổ chức, Hè 1998, trang 7-20.
3. R. E. Berenbeim, Ban điều hành doanh nghiệp: Tuyển chọn, đánh giá và kế nhiệm CEO (Báo cáo số: 1103-95-RR) (New York: Hội nghị Ban điều hành, năm 1995), trang 36.
4. C. K. Brancato và D. Hervig, Hội đồng phụ trách lương thưởng: Những phương pháp xây dựng mức lương giám đốc hiệu quả nhất (Báo cáo số: R-1306-01-RR) (New York: Hội nghị Ban điều hành, năm 2001), trang 33.
5. Berenbeim, Các ban điều hành doanh nghiệp, trang 28.
6. Đánh giá Tổng giám đốc (Los Angeles: Korn/Ferry International/Khoa Kinh doanh – Đại học Nam California), năm 1998, trang 10-11.
7. J. A. Conger, E. E. Lawler III, và D. L. Finegold, Ban điều hành doanh nghiệp: Những chiến lược đóng góp giá trị trong hàng ngũ lãnh đạo (San Francisco: Jossey-Bass, năm 2001).
1. W. A. Pasmore và R. Torres, “Lựa chọn CEO kế tiếp: Kế nhiệm là quá trình, không phải một cuộc đua,” Tạp chí Mercer Management, năm 2003, 16, 67-75.
2. Khảo sát Ban điều hành tập đoàn USC/Mercer Delta năm 2004 (New York: Mercer Delta Consulting, năm 2005).
3. “100 ngày đầu tiên: Thách thức mới của CEO,” Mercer Delta Insight, năm 2001.
4. R. Charan, S. Drotter, và J. Noel, Nguồn cung lãnh đạo: Xây dựng một công ty lãnh đạo hiệu quả như thế nào (San Francisco: Jossey-Bass, năm 2001).
1. M. Langley và I. McDonald, “Vụ phạm pháp của Marsh Averts với CEO mới,” Wall Street Journal, ngày 26/10/2002, trang A1.
2. C. Roux-Dufort, “Vì sao các tổ chức không học hỏi từ khủng hoảng,” Đại học học St. John, Cao đẳng Quản trị Kinh doanh, Báo cáo đánh giá doanh nghiệp, năm 2000, 21(3), 25-30.
1. B. Behan and J. Brant, “Đánh giá việc xây dựng ban điều hành hiệu quả,” NACD Directors Monthly, tháng 06/2004, trang 9-11. Directors Monthly do Hiệp hội các Ban điều hành Tập đoàn Quốc gia, Washington, D.C. phát hành; xem <http://www.nacdonline.org>.
1. M. Quigley và G. Scott, Quản trị bệnh viện và trách nhiệm tại Ontario (Ontario, Canada: Hiệp hội Bệnh viện Ontario, tháng 02/2005), chương 7.
2. Báo cáo tình hình tại văn phòng Tổng Kiểm toán Hạ viện (Canada: Bộ trưởng Công trình công cộng và Công tác Chính phủ, tháng 02/2005), chương 7.
3. G. Bragues, “Nhiệm vụ phân đôi: Dân chủ cổ đông không có chỗ trong thị trường vốn sở hữu: Nhà đầu tư có quyền lựa chọn ví tiền của họ nếu có cơ hội,” National Post, ngày 19/05/2004, trang FP19.
4. J. Kay, “Không bê bối: Trong thế giới Hậu Enron-Worldcom-Hollinger, ban điều hành và các giám đốc sẽ phải chịu sức ép cải cách bản thân,” National Post, ngày 01/04/2004, trang FP11.
5. P. Desmarais, “Kiểm soát là kiểm soát: Áp dụng các đề xuất của giám đốc độc lập vào các công ty sắp cổ phần hóa hiện nay sẽ khiến quyền lợi tài sản bị tấn công và tước đoạt,” National Post, ngày

31/01/2004, trang FP11.

6. G. Fabrikant, “Các gia tộc và doanh nghiệp lớn đã hòa hợp với nhau?” New York Times, ngày 24/04/2005, trang C1.

7. S. Prashad, “Doanh nghiệp gia đình không đảm bảo thành công: Nghiên cứu cho thấy các công ty này thường thất bại ở thế hệ thứ hai hoặc thứ ba,” Toronto Star, ngày 02/09/2004, trang ONT D22.

1. Xếp hạng năng lực quản trị toàn cầu năm 2004 (New York: Governance Metrics International, tháng 05/2005). <http://www.gmiratings.com>. Truy cập tháng 05/2005.

2. D. Higgs, Đánh giá vai trò và tính hiệu quả của giám đốc cổ vấn (Báo cáo Higgs) (London: The Stationery Office, tháng 06/2002), trang 3–23.

3. Hội đồng Báo cáo Tài chính, “Bộ luật Hỗn hợp – Sau một năm,” ngày 13/01/2005. <http://www.frc.org.uk/press-/pub0738.html>. Cập nhật tháng 03/2005.

4. L. Urquhart, “Inchcape bổ nhiệm Tổng giám đốc trái với khuyến nghị của Higgs,” Financial Times (London), ngày 01/03/2005, trang 25.

5. Báo cáo hoạt động quản trị doanh nghiệp thường niên (London: Ủy ban Cổ vấn Nghiên cứu Đầu tư Trợ cấp, năm 2004).

6. L. Tyson, Báo cáo bổ nhiệm và phát triển các giám đốc cổ vấn (London: Trường Kinh doanh London, tháng 06/2003).

7. Báo cáo về nữ giới trong FTSE năm 2004 (Cranfield, Bedford, Vương quốc Anh: Khoa Quản trị – Đại học Cranfield, năm 2004).

8. Báo cáo về hiệu quả ban điều hành: Báo cáo khảo sát thường niên nhóm FTSE 100, năm 2004, (London: Independent Audit Limited, năm 2004).

9. B. Hudson, “Đánh giá ban điều hành: Vai trò của chủ tịch,” Chuyên đề phát triển ban điều hành của Mercer Delta, năm 2004, trang 3.

10. Khảo sát chủ tịch độc lập và giám đốc cổ vấn (London: Independent Remuneration Solutions, tháng 01/2005).

11. Khảo sát lương thưởng dành cho giám đốc (London: Watson Wyatt, tháng 10/2004).

12. Thù lao cho giám đốc cổ vấn theo Thông cáo Higgs (London: PricewaterhouseCoopers, năm 2004), trang 3, <http://www.pricewaterhousecoopers.co.uk>. Cập nhật tháng 03/2005.

13. Nghiên cứu ban giám đốc thường niên năm 2004 (Los Angeles: Korn/Ferry International, năm 2004).

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com